ẤN QUANG PHÁP SƯ
VĂN SAO TAM BIÊN

QUYỂN II

Hán văn: Đại sư Ấn Quang
Chuyển ngữ: Bửu Quang tự đệ tử Như Hòa
Giảo chánh: Minh Tiến & Huệ Trang

MỤC LỤC QUYỂN II

167. Thư trả lời cư sĩ Lý Úy Nông (thư thứ nhất) 7
168. Thư trả lời cư sĩ Lý Úy Nông (thư thứ hai) 10
169. Thư trả lời cư sĩ Lý Úy Nông (thư thứ ba) 11
170. Thư trả lời cư sĩ Lý Úy Nông (thư thứ tư) 11
171. Thư trả lời cư sĩ Lý Úy Nông (thư thứ năm) 12
172. Thư trả lời cư sĩ Lý Úy Nông (thư thứ sáu) 13
173. Thư trả lời cư sĩ Lý Úy Nông (thư thứ bảy) 14
174. Thư trả lời cư sĩ Mạo Thiện Phủ 15
175. Thư trả lời cư sĩ Đông Hải 16
176. Thư trả lời cư sĩ Trần Phi Thanh (thư thứ nhất) 17
177. Thư trả lời cư sĩ Trần Phi Thanh (thư thứ hai) 19
178. Thư trả lời cư sĩ Trần Phi Thanh (thư thứ ba) 19
179. Thư trả lời cư sĩ Trần Phi Thanh (thư thứ tư) 21
180. Thư trả lời cư sĩ Tế Thanh 23
181. Thư trả lời cư sĩ Ngọc Trưởng 25
182. Thư trả lời cư sĩ Phó Huệ Giang 25
183. Thư trả lời cư sĩ Dương Thận Dư 25
184. Thư trả lời hai vị cư sĩ Liễu Phàm và Dã Công 28
185. Thư trả lời cư sĩ Hùng Hách 28
186. Thư trả lời cư sĩ Tông Nguyện 29
187. Thư trả lời cư sĩ La Khanh Đoan (thư thứ nhất) 30
188. Thư trả lời cư sĩ La Khanh Đoan (thư thứ hai) 32
189. Thư trả lời cư sĩ Huệ Thanh 33
190. Thư trả lời cư sĩ Hồ Trạch Phạm (thư thứ nhất) 35
191. Thư trả lời cư sĩ Hồ Trạch Phạm (thư thứ hai) 37
192. Thư trả lời cư sĩ Hồ Trạch Phạm (thư thứ ba) 38
193. Thư trả lời cư sĩ Nhạc Minh Thọ 39
194. Thư trả lời cư sĩ Chu Tử Tú 41
195. Thư trả lời cư sĩ Chu Chí Thành (thư thứ nhất) 42
196. Thư trả lời cư sĩ Chu Chí Thành (thư thứ hai) 44
197. Thư trả lời cư sĩ Tưởng Đức Trạch 44
198. Thư trả lời cư sĩ Trang Bính Hỏa 46
199. Thư trả lời cư sĩ Chu Bá Tù (thư thứ nhất) 47
200. Thư trả lời cư sĩ Chu Bá Tù (thư thứ hai) 47
201. Thư trả lời cư sĩ Chu Bá Tù (thư thứ ba) 51
202. Thư trả lời cư sĩ Chu Bá Tù (thư thứ tư) 52
203. Thư trả lời cư sĩ Chu Bá Tù (thư thứ năm) 53
204. Thư trả lời cư sĩ Chu Bá Tù (thư thứ sáu) 54
205. Thư trả lời cư sĩ Chu Bá Tù (thư thứ bảy) 55
206. Thư trả lời cư sĩ Chu Bá Tù (thư thứ tám) 56
207. Thư trả lời cư sĩ Chu Bá Tù (thư thứ chín) 56
208. Thư trả lời cư sĩ Chu Bá Tù (thư thứ mười) 57
209. Thư trả lời cư sĩ Chu Bá Tù (thư thứ mười một) 57
210. Thư trả lời cư sĩ Chu Bá Tù (thư thứ mười hai) 58
211. Thư trả lời cư sĩ Chu Bá Tù (thư thứ mười ba) 59

212. Thư trả lời cư sĩ Chu Bá Tù (thư thứ mười bốn) 59
213. Thư trả lời cư sĩ Chu Bá Tù (thư thứ mười lăm) 59
214. Thư trả lời cư sĩ Chu Bá Tù (thư thứ mười sáu) 60
215. Thư trả lời cư sĩ Chu Bá Tù (thư thứ mười bảy) 60
216. Thư trả lời cư sĩ Chu Bá Tù (thư thứ mười tám) 61
217. Thư trả lời cư sĩ Chu Bá Tù (thư thứ mười chín) 61
218. Thư trả lời cư sĩ Chu Bá Tù (thư thứ hai mươi) 62
219. Thư trả lời cư sĩ Chu Bá Tù (thư thứ hai mươi mốt) 62
220. Thư trả lời cư sĩ Chu Bá Tù (thư thứ hai mươi hai) 63
221. Thư trả lời cư sĩ Chu Bá Tù (thư thứ hai mươi ba) 63
222. Thư trả lời cư sĩ Tạ Tử Hậu 64
223. Thư trả lời cư sĩ Tạ Huệ Lâm (thư thứ nhất) 64
224. Thư trả lời cư sĩ Tạ Huệ Lâm (thư thứ hai) 66
225. Thư trả lời cư sĩ Tạ Huệ Lâm (thư thứ ba) 68
226. Thư trả lời cư sĩ Tạ Huệ Lâm (thư thứ tư) 68
227. Thư trả lời cư sĩ Tạ Huệ Lâm (thư thứ năm) 69
228. Thư trả lời cư sĩ Tạ Huệ Lâm (thư thứ sáu) 69
229. Thư trả lời cư sĩ Tạ Huệ Lâm (thư thứ bảy) 70
230. Thư trả lời cư sĩ Tạ Huệ Lâm (thư thứ tám) 72
231. Thư trả lời cư sĩ Tạ Huệ Lâm (thư thứ chín) 74
232. Thư trả lời cư sĩ Tạ Huệ Lâm (thư thứ mười) 74
233. Thư trả lời cư sĩ Tạ Huệ Lâm (thư thứ mười một) 75
234. Thư trả lời cư sĩ Tạ Huệ Lâm (thư thứ mười hai) 76
235. Thư trả lời cư sĩ Tạ Huệ Lâm (thư thứ mười ba) 78
236. Thư trả lời cư sĩ Tạ Huệ Lâm (thư thứ mười bốn) 82
237. Thư trả lời cư sĩ Tạ Huệ Lâm (thư thứ mười lăm) 83
238. Thư trả lời cư sĩ Tạ Huệ Lâm (thư thứ mười sáu) 84
239. Thư trả lời cư sĩ Tạ Huệ Lâm (thư thứ mười bảy) 86
240. Thư trả lời cư sĩ Tạ Huệ Lâm (thư thứ mười tám) 86
241. Thư trả lời cư sĩ Tạ Huệ Lâm (thư thứ mười chín) 87
242. Thư trả lời cư sĩ Tạ Huệ Lâm (thư thứ hai mươi) 87
243. Thư trả lời cư sĩ Tạ Huệ Lâm (thư thứ hai mươi mốt) 89
244. Thư trả lời cư sĩ Tạ Huệ Lâm (thư thứ hai mươi hai) 90
245. Thư trả lời cư sĩ Tạ Huệ Lâm (thư thứ hai mươi ba) 91
246. Thư trả lời cư sĩ Tạ Huệ Lâm (thư thứ hai mươi bốn) 92
247. Thư trả lời cư sĩ Tạ Huệ Lâm (thư thứ hai mươi lăm) 93
248. Thư trả lời cư sĩ Tạ Huệ Lâm (thư thứ hai mươi sáu) 94
249. Thư trả lời cư sĩ Tạ Huệ Lâm (thư thứ hai mươi bảy) 94
250. Thư trả lời cư sĩ Tạ Huệ Lâm (thư thứ hai mươi tám) 95
251. Thư trả lời cư sĩ Tạ Huệ Lâm (thư thứ hai mươi chín) 96
252. Thư trả lời cư sĩ Tạ Huệ Lâm (thư thứ ba mươi) 97
253. Thư trả lời cư sĩ Quách Hán Nho (thư thứ nhất) 97
254. Thư trả lời cư sĩ Quách Hán Nho (thư thứ hai) 98
255. Thư trả lời cư sĩ Thời Nhược 100
256. Thư trả lời cư sĩ Lương Huệ Đống 101
257. Thư trả lời cư sĩ Trương Thự Tiêu (thư thứ nhất) 101

258. Thư trả lời cư sĩ Trương Thự Tiêu (thư thứ hai) 101
259. Thư trả lời cư sĩ Trương Thự Tiêu (thư thứ ba) 102
260. Thư trả lời cư sĩ Trương Thự Tiêu (thư thứ tư) 103
261. Thư trả lời cư sĩ Trương Thự Tiêu (thư thứ năm) 104
262. Thư trả lời cư sĩ Trương Thự Tiêu (thư thứ sáu) 104
263. Thư trả lời cư sĩ Trương Thự Tiêu (thư thứ bảy) 105
264. Thư trả lời cư sĩ Trương Thự Tiêu (thư thứ tám) 107
265. Thư trả lời cư sĩ Biên Vô (thư thứ nhất) 108
266. Thư trả lời cư sĩ Biên Vô (thư thứ hai) 109
267. Thư trả lời cư sĩ Biên Vô (thư thứ ba) 110
268. Thư trả lời cư sĩ Phương Diệu Đình (thư thứ nhất) 111
269. Thư trả lời cư sĩ Phương Diệu Đình (thư thứ hai) 113
270. Thư trả lời cư sĩ Phương Diệu Đình (thư thứ ba) 115
271. Thư trả lời cư sĩ Phương Diệu Đình (thư thứ tư) 115
272. Thư trả lời cư sĩ Phương Diệu Đình (thư thứ năm) 115
273. Thư trả lời cư sĩ Nhậm Huệ Nghiêm 116
274. Thư trả lời cư sĩ Thường Phùng Xuân (thư thứ nhất) 117
275. Thư trả lời cư sĩ Thường Phùng Xuân (thư thứ hai) 120
276. Thư trả lời cư sĩ Thường Phùng Xuân (thư thứ ba) 122
277. Thư trả lời cư sĩ Thường Phùng Xuân (thư thứ tư) 123
278. Thư trả lời cư sĩ Thường Phùng Xuân (thư thứ năm) 124
279. Thư trả lời cư sĩ Thường Phùng Xuân (thư thứ sáu) 124
280. Thư trả lời cư sĩ Thường Phùng Xuân (thư thứ bảy) 125
281. Thư trả lời cư sĩ Thường Phùng Xuân (thư thứ tám) 126
282. Thư trả lời cư sĩ Thường Phùng Xuân (thư thứ chín) 126
283. Thư trả lời cư sĩ Thường Phùng Xuân (thư thứ mười) 128
284. Thư trả lời cư sĩ Thường Phùng Xuân (thư thứ mười một) 128
285. Thư trả lời cư sĩ Thường Phùng Xuân (thư thứ mười hai) 129
286. Thư trả lời cư sĩ Thường Phùng Xuân (thư thứ mười ba) 130
287. Thư trả lời cư sĩ Thường Phùng Xuân (thư thứ mười bốn) 131
288. Thư trả lời cư sĩ Chân Tịnh 131
289. Thư trả lời cư sĩ Tiền Hiểu Trẫm (đính kèm thư gởi đến) 134
290. Thư trả lời cư sĩ Chương Duyên Tịnh (thư thứ nhất) 137
291. Thư trả lời cư sĩ Chương Duyên Tịnh (thư thứ hai) 138
292. Thư trả lời cư sĩ Chương Duyên Tịnh (thư thứ ba) 138
293. Thư trả lời cư sĩ Đức Bồi (thư thứ nhất) 141
294. Thư trả lời cư sĩ Đức Bồi (thư thứ hai) 142
295. Thư trả lời cư sĩ Đức Bồi (thư thứ ba) 143
296. Thư trả lời cư sĩ Đức Bồi (thư thứ tư) 144
297. Thư trả lời cư sĩ Doãn Toàn Hiếu (thư thứ nhất) 145
298. Thư trả lời cư sĩ Doãn Toàn Hiếu (thư thứ hai) 147
299. Thư trả lời cư sĩ Lộ Viên 149
300. Thư trả lời cư sĩ Thừa Ân 149
301. Thư trả lời cư sĩ Giác Tăng 150
302. Thư trả lời cư sĩ Đức Minh 151
303. Thư trả lời cư sĩ Phùng Thần 152

304. Thư trả lời cư sĩ Bái Trúc (thư thứ nhất) 152
305. Thư trả lời cư sĩ Bái Trúc (thư thứ hai) 153
306. Thư trả lời cư sĩ Bái Trúc (thư thứ ba) 153
307. Thư trả lời cư sĩ Bái Trúc (thư thứ tư) 154
308. Thư trả lời cư sĩ Bái Trúc (thư thứ năm) 155
309. Thư trả lời Tịnh Độ Tông Nguyệt San Xã 155
310. Thư trả lời cư sĩ Dương Chân 156
311. Thư trả lời cư sĩ Huệ Thái 157
312. Thư trả lời cư sĩ Huệ Chiêu 158
313. Thư trả lời cư sĩ Trí Viên 160
314. Thư trả lời cư sĩ Hạng Trí Nguyên 161
315. Thư trả lời cư sĩ Lưu Huệ Xước 163
316. Thư trả lời cư sĩ Lý Huệ Tài 163
317. Thư trả lời cư sĩ Trịnh Cầm Tiều 164
318. Thư trả lời cư sĩ Nghê Văn Khanh 165
319. Thư trả lời cư sĩ Long Trí 166
320. Thư gởi cư sĩ Trầm Bân Hàn 167
321. Thư trả lời cư sĩ Huệ Hoa (thư thứ nhất) 168
322. Thư trả lời cư sĩ Huệ Hoa (thư thứ hai) 168
323. Thư trả lời cư sĩ Hàn Giác An (thư thứ nhất) 169
324. Thư trả lời cư sĩ Hàn Giác An (thư thứ hai) 170
325. Thư trả lời cư sĩ Đinh Phổ Tịnh 170
326. Thư trả lời hai vị cư sĩ Du Huệ Úc và Trần Huệ Sưởng (đính kèm thư gởi đến) 173
327. Thư trả lời cư sĩ La Hồng Đào (thư thứ nhất) 176
328. Thư trả lời cư sĩ La Hồng Đào (thư thứ hai) 176
329. Thư trả lời cư sĩ Trần Sĩ Mục (thư thứ nhất) 177
330. Thư trả lời cư sĩ Trần Sĩ Mục (thư thứ hai) 180
331. Thư trả lời cư sĩ Trần Sĩ Mục (thư thứ ba) 181
332. Thư trả lời cư sĩ Trần Sĩ Mục (thư thứ tư) 182
333. Thư trả lời cư sĩ Trần Sĩ Mục (thư thứ năm) 184
334. Thư trả lời cư sĩ Trần Sĩ Mục (thư thứ sáu) 185
335. Thư trả lời cư sĩ Trần Sĩ Mục (thư thứ bảy) 187
336. Thư trả lời cư sĩ Trần Sĩ Mục (thư thứ tám) 188
337. Thư trả lời cư sĩ Trần Sĩ Mục (thư thứ chín) 190
338. Thư trả lời cư sĩ Trần Sĩ Mục (thư thứ mười) 191
339. Thư trả lời cư sĩ Trần Sĩ Mục (thư thứ mười một) 191
340. Thư trả lời cư sĩ Huệ Minh 192
341. Thư trả lời cư sĩ Lý Thính Đào (thư thứ nhất) 194
342. Thư trả lời cư sĩ Lý Thính Đào (thư thứ hai) 194
343. Thư trả lời cư sĩ Trương Đức Điền (thư thứ nhất) 195
344. Thư trả lời cư sĩ Trương Đức Điền (thư thứ hai) 197
345. Thư trả lời cư sĩ Trương Đức Điền (thư thứ ba) 198
346. Thư trả lời cư sĩ Thí Nguyên Lượng (thư thứ nhất) 198
347. Thư trả lời cư sĩ Thí Nguyên Lượng (thư thứ hai) 199
348. Thư trả lời cư sĩ Thí Nguyên Lượng (thư thứ ba) 199
349. Thư trả lời cư sĩ Thí Nguyên Lượng (thư thứ tư) 199

350. Thư trả lời cư sĩ Phương Tử Phiên 201
351. Thư trả lời cư sĩ Hoa Thúc Cầm 202
352. Thư trả lời cư sĩ Dương Tông Thận 203
353. Thư trả lời cư sĩ Nghiêm Bá Phóng (thư thứ nhất) 206
354. Thư trả lời cư sĩ Nghiêm Bá Phóng (thư thứ hai) 207
355. Thư trả lời cư sĩ Huệ Phố 208
356. Thư gởi cư sĩ Tông Tịnh 208
357. Thư trả lời cư sĩ Đức Thành 209
358. Thư trả lời cư sĩ Lâm Phố 210
359. Thư trả lời cư sĩ Thái Chương Thận 213
360. Thư trả lời cư sĩ niệm Phật 214
361. Thư trả lời cư sĩ Từ Giám Chương 216
362. Thư trả lời anh em Úc Liên Xương 217
363. Thư trả lời cư sĩ Nghê Huệ Biểu 219
364. Thư trả lời cư sĩ Triệu Liên Châu 220
365. Thư trả lời cư sĩ Giang Hữu Bằng 220
366. Thư trả lời Đào Đức Càn 221
367. Thư trả lời cư sĩ Dịch Tư Hậu 221
368. Thư trả lời cư sĩ Trí Chương 224
369. Thư trả lời cư sĩ Lý Huệ Thật (thư thứ nhất) 225
370. Thư trả lời cư sĩ Lý Huệ Thật (thư thứ hai) 226
371. Thư trả lời cư sĩ Lý Huệ Thật (thư thứ ba) 227
372. Thư trả lời cư sĩ Vương Thành Trung 227
373. Thư trả lời cư sĩ Trác Trí Lập (thư thứ nhất) 229
374. Thư trả lời cư sĩ Trác Trí Lập (thư thứ hai) 232
375. Thư trả lời cư sĩ Trác Trí Lập (thư thứ ba) 233
376. Thư trả lời cư sĩ Trác Trí Lập (thư thứ tư) 240
377. Thư trả lời cư sĩ Ngu Tăng 242

QUYỂN II

167. Thư trả lời cư sĩ Lý Úy Nông (thư thứ nhất)

Nhận được thư, khôn ngăn thở dài sườn sượt, học thuyết lầm người dữ dội hơn nước lũ, mãnh thú! Các tiên sinh bên Lý học đọc kinh Phật qua loa, lấy những nghĩa quan trọng trong kinh Phật để hoằng dương đạo Nho. Họ biết Phật pháp cao sâu, sợ tất cả những kẻ thông minh đời sau đều theo Phật pháp hết nên đặc biệt bịa chuyện vô căn cứ để ngăn trở, bảo: "Phật nói nhân quả, báo ứng, sanh tử, luân hồi chính là căn cứ để mê hoặc kẻ ngu. Nhà Nho chúng ta chỉ cần trọn nghĩa, trọn phận, thành ý, chánh tâm là được rồi. Nếu có làm gì để làm lành thì chính là tư dục, chính là cầu lợi, chính là ác, chẳng khác gì cái tâm lén lút trộm cắp của phường tiểu nhân." Những lời lẽ ấy tợ hồ đúng nhưng thật ra là sai! Khổng Tử 70 tuổi vẫn muốn trời cho sống thêm mấy năm nữa, muốn học Dịch để mong tránh khỏi lỗi lớn; bởi lẽ kinh Dịch dạy rõ đạo "tăng trưởng tốt lành, tiêu tan xui xẻo", khiến cho con người hướng lành tránh dữ, hòng biết đường cư xử trong chỗ "không có điều tốt lành nào để hướng đến, không có điều xui xẻo nào trốn tránh được". Ấy gọi là "làm sáng tỏ minh đức để đạt tới chỗ tận thiện". Đấy là chuyện thuộc về thân phận thánh nhân, dẫu là bậc đại hiền vẫn còn chưa làm được. Do vậy, Tăng tử sắp mất mới nói: "Dè dặt kinh sợ như vào vực sâu, bước trên băng mỏng, từ nay trở đi, ta biết tránh khỏi!" Chưa đến khi sắp mất, vẫn phải từ sáng đến tối gắng sức, chỉ sợ có điều chi thiếu sót.

Những gì bọn Lý học đã nói chính là đem bản lãnh sâu thẳm của thánh nhân buộc hết thảy mọi người đều cùng thực hiện như thế, nhưng họ lại hoàn toàn vứt bỏ, chê bai không dùng đến pháp khiến cho người ta gắng sức mong mỏi đạt được những điều ấy (pháp vừa nói ấy chính là sự lý nhân quả, báo ứng, sanh tử, luân hồi). Vậy thì những lời lẽ ấy chỉ tạo lợi ích cho một hai người, nhưng gây họa hại "dẫu hết sạch trúc cũng không ghi chép được!" Do vậy, những người đọc sách đời sau trọn chẳng chú trọng học đạo của thánh hiền, chỉ học văn tự để giúp tăng thêm mưu mẹo, mánh lới. Từ đấy, những chuyện nghịch trời, hại lý, tổn người, lợi mình, giết dân, hại vật, trộm ngọc, cắp hương đều cốt sao đắc ý, cứ buông lung, chẳng kiêng nể chi. Xưa kia còn chưa đến mức quá đáng, gần đây do gió Âu dần dần thổi sang phương Đông, những chuyện phế kinh điển, phế luân thường, bỏ mặc lòng hiếu, không hổ thẹn, phạm thượng, làm loạn, họa nước, ương dân đều được những kẻ có thế lực lớn cực lực đề xướng. Xét đến gốc họa, quả thật do Lý học đả phá bài xích nhân quả, báo ứng, sanh tử, luân hồi v.v. ngấm

ngầm gây nên. Do một ngàn trăm năm qua con người chẳng chú trọng chuyện này (tức nhân quả v.v.), dẫu có một số ít biết cũng chỉ khăng khắng vâng giữ trong tâm, trọn chẳng dám công khai đề xướng chuyện này. Vì thế, đến khi gió Âu vừa thổi qua, liền như gió đùa cỏ rạp. Nếu như mọi người đều cùng hết sức sốt sắng nơi những chuyện nhân quả, báo ứng, sanh tử, luân hồi v.v., tuy gió Âu dữ dội vẫn giống như thổi vào người sắt, trọn chẳng thể lọt vào được.

Tiết Tĩnh Lan cũng là người thông minh, có túc căn, đã vướng vào nghiệp duyên trộm ngọc v.v. mà còn đắc ý, cho là thú phong lưu tao nhã; vừa nghe những lời nhân quả, báo ứng v.v. liền ôm lòng hối hận, tiếc nuối khôn cùng. Do vậy, biết rằng những tội lỗi ấy phân nửa do chính mình, phân nửa là do bọn Lý học đả phá pháp "dè dặt, kinh sợ, tự phản tỉnh, suy xét" gây ra. May là ông ta vẫn còn biết tốt xấu, sanh lòng hổ thẹn lớn lao, kiền thành trì niệm Phật hiệu, hồi hướng cho những người đã từng bị ông ta làm ô nhục, hòng tiêu trừ ác nghiệp, tăng trưởng thiện căn: Người còn sống sẽ nghiêm ngặt giữ đức hạnh làm vợ, người đã mất sẽ siêu sanh Tịnh độ thì dâm nghiệp của mình lẫn người đều tiêu diệt, vun trồng tịnh nghiệp sâu xa cho mình lẫn người.

Sáng sớm hôm nay, khi ông Tiết lên công khóa, ngồi niệm Phật, phảng phất thấy một người con gái lõa thể đứng trước mặt, tuổi chỉ mười ba, mười bốn, một lúc lâu sau mới biến mất, tâm trộm ngờ vực. Tảng sáng, cơm sáng được đưa đến cửa quan phòng của Quang có phong thư kèm theo, liền xé ra đọc, mới rõ nguyên do. Tôi nghĩ chắc là cô gái ấy vì chuyện đó mà chết, đặc biệt đến cầu ông Tiết siêu độ. Do vậy chẳng ngại dài dòng nói tới tận gốc. Ông ta đã phát tâm quy y, nay đặt pháp danh cho ông ta là Đức Hinh, đức (德) là minh đức, tức cội nguồn tâm địa; hinh (馨) chính là nén giận, ngăn dục, đánh đổ ham muốn xằng bậy để khôi phục lễ nghĩa, ngõ hầu chân tâm sẵn có chẳng bị nhơ bẩn bởi những vọng niệm tham sân si v.v. xấu ác, thường được công đức giới định tuệ trừ khử cho sạch hết những vọng niệm. Công phu "làm sáng tỏ" đã đạt thì minh đức bèn phô bày trọn vẹn lớn lao, rạng ngời. Vẫn cần phải nỗ lực tu trì, đừng nên thoạt đầu siêng năng, cuối cùng lại lười nhác, thì sẽ do nhân duyên ác này mà phẫn phát đại chí, tự lợi lợi người, sẽ thấy sống thì dự vào bậc hiền thánh, mất lên cõi nước Như Lai. Thành Phật hay đọa địa ngục đều do một niệm này!

Chuyện đạo viện sợ các ông chưa biết rõ nguyên do, bọn họ dạy người khác làm chuyện tốt và tụng kinh, niệm Phật thì cũng được. Còn như bảo tam giáo một nhà (tam giáo một nhà, há lẽ nào không có tôn ty, già trẻ) và đạo được bọn họ rốt ráo coi trọng đều là luyện đan, vận khí. Thật ra, họ mượn những chuyện tụng kinh niệm Phật để chiêu dụ lòng người, pháp được họ chú trọng chính là đạo luyện đan

vận khí. Đạo ấy lại hết sức bí mật, dẫu cha con, vợ chồng đều chẳng được nói ra. Lại còn nói: "Lục tổ truyền pháp lộn xộn, đem pháp truyền cho người tại gia. Vì thế, hòa thượng đều không có chân pháp, chân pháp đã về tay bọn ta."

Danh mục ngoại đạo trong thế gian tuy có trăm ngàn vạn thứ, nhưng xét đến "chân đạo" được bọn họ coi trọng đều là đạo luyện đan vận khí. Luyện đan, vận khí cũng có chỗ tốt, nhưng cũng có chỗ xấu. Vận khí đúng cách thì thân thể nhẹ nhàng, mạnh mẽ, tăng thêm tuổi thọ; nói đến chuyện thành tiên thì may ra còn có thể, chứ nói liễu sanh tử thành Phật thì đúng là nói càn. Vận khí không đúng cách sẽ sanh ra ghẻ chốc, mụn nhọt, mù mắt, điếc tai, cũng thường thấy xảy ra. Hơn nữa, đạo luyện đan vận khí bất quá là nâng cao thận thủy, giáng tâm hỏa, nhưng bọn họ đặc biệt dùng những lời lẽ thần bí như là "khảm - ly giao cấu, anh nhi - xá nữ giao cấu"[1]. Do có những danh từ ấy, người chánh đáng cũng mượn những thứ đó để biểu thị pháp ấy, kẻ cuồng vọng khó khỏi vẽ rắn thêm chân. Khi truyền đạo bèn đóng chặt mật thất, phía ngoài cắt người tuần tra, một thầy một trò ngầm bảo ban nhau. Nếu như tâm thầy ôm tà niệm thì khi truyền đạo cho nữ nhân, bèn giảng "khảm - ly giao cấu, anh nhi - xá nữ giao cấu" chính là thực hành giao cấu. Thoạt đầu, nữ nhân học đạo chưa chắc đã là dâm nữ, nhưng do bọn chúng bày vẽ đủ cách để gợi dục, lại thêm tưởng lầm hành dâm với thầy là được truyền đạo. Đáng thương biết bao nữ nhân vô tri mắc phải nỗi ô nhục ấy, mà vẫn tưởng là được truyền đạo. Đúng là tội ác lớn đến cùng cực!

Năm Dân Quốc 11 (1922), kế mẫu của Hộ quân sứ[2] Hà Phong Lâm ở Thượng Hải tới núi xin quy y, Quang dạy quy y với bậc cao nhân, bà ta không chịu. Quang nói bà ta lập một nữ đạo viện, bên ngoài tuy mang danh là tam giáo một nhà, nhưng thật ra là chú trọng thiêu luyện[3]. Đã thế còn cầu cơ, những điều ấy đều chẳng hợp với tông chỉ Phật pháp. Bà ta nói: "Chẳng dùng đến công phu ấy mà cũng chẳng cầu cơ. Trước khi ra đi, con đã nói với người ta là lên núi xin quy y. Nếu quy y chẳng được, sẽ bị người ta chê cười. Phàm những gì thầy nói, con đều

[1] Đối với bọn đạo sĩ theo phái Nội Đan, xá nữ là thuật ngữ chỉ tâm hỏa, anh nhi là thận thủy; còn đối với bọn theo trường phái Ngoại Đan (luyện kim đan để uống cho mau thành tiên) thì xá nữ là châu sa, còn anh nhi là thủy ngân. Họ nói một cách huyền bí "anh nhi xá nữ giao cấu" chứ thật ra chỉ là phản ứng hóa học giữa châu sa và thủy ngân (theo Ngoại Đan); hoặc vận khí để tâm hỏa được điều tiết bởi thận thủy, không để hỏa vượng bốc lên khi họ luyện khí công. Quẻ Khảm thuộc thủy, quẻ Ly thuộc hỏa (theo Dịch Học) nên bọn chúng cũng vận dụng những danh từ này để nói cho có vẻ thật huyền bí, cao siêu.

[2] Hộ quân sứ là chức vụ chỉ huy quân sự cao cấp nhất của một khu vực do chánh quyền quân phiệt Bắc Dương đặt ra dưới thời Đoàn Kỳ Thụy chiếm lãnh Bắc Kinh, cai quản miền Bắc Trung Hoa. Hà Phong Lâm là Hộ quân sứ Thượng Hải thời ấy.

[3] Tức là luyện ngoại đan lẫn nội đan. Ngoại đan là nấu những dược liệu với kim loại quý để làm kim đan ngõ hầu uống vào mau được thành tiên. Do phải đun nấu nên gọi là "thiêu", còn vận khí, tĩnh tọa để vận hành những vòng khí *châu thiên* trong cơ thể cũng gọi là "luyện đan", nhưng là "luyện nội đan".

xin hành theo!" Tôi bèn đặt pháp danh cho bà ta. Trong thế gian, chỗ nào mà chẳng có người tốt, chỗ nào mà chẳng có kẻ xấu. Bất quá, những kẻ lập pháp thuở đầu ấy đã sớm lập được một pháp có thể làm chuyện tồi tệ dễ dàng, đến nỗi những kẻ xấu dựa vào đấy để tạo nghiệp, đáng đau, đáng thương quá!

Chuyện cầu cơ đều do linh quỷ nương theo tri thức của người phò cơ để nói, mà phần nhiều cũng do chính người hầu cơ tự đẩy cơ để viết ra những bài cơ bút. Không phải là hoàn toàn không có chân tiên, nhưng trong trăm ngàn lần mới ngẫu nhiên có một lần chân tiên giáng đàn; còn như nói là Phật, Bồ-tát giáng đàn thì toàn là giả mạo. Nhưng kẻ cầu cơ phần nhiều khuyên người làm lành, dẫu chẳng chân thật, nhưng do họ đã khoác cái danh làm lành nên so với những kẻ công khai làm ác còn tốt hơn một chút. Lại còn có thể chứng minh có những chuyện quỷ thần, họa phước v.v., khiến cho người ta kiêng sợ. Vì vậy, chúng ta cũng chẳng tiện cố ý công kích, hiềm rằng họ nói ra những điều chẳng cần biết là có hợp với Phật pháp hay không (Người hơi biết Phật pháp cầu cơ thì cơ bút liền nói những điều thiển cận gần giống với Phật pháp, kẻ chẳng biết Phật pháp cầu cơ thì cơ bút toàn là nói nhăng nói càn). Rốt cuộc phần nhiều "tưởng mắt cá là minh châu", hoại loạn Phật pháp, gây hại thật lớn (Người thật sự biết Phật pháp quyết chẳng phụ họa chuyện cầu cơ. Phật chế ra tam quy tức là đã răn nhắc phân minh tường tận, huống hồ những nghĩa lý sâu xa hơn ư?)

Vì thế, phàm là đệ tử Phật chân thật chớ nên tùy tiện tán đồng. Những điều vừa nói trên đây là để nói với hai người bọn ông, chớ nói ra công khai, sợ kẻ vô tri cho là tôi bịa chuyện để hủy báng người khác thì chẳng những vô ích mà còn có hại. Phật pháp không bí truyền, Phật dạy con người vạn hạnh đều tu, chẳng bỏ sót một mảy thiện nào, nhưng lại răn cấm luyện đan vận khí vì tông chỉ của nó trái nghịch Phật pháp. Phật dạy người ta trước hết phải thấy thấu suốt cái thân này, bọn họ lại dạy con người giữ gìn thân này, coi thân là thật có. Bọn họ vẫn cứ rêu rao đã thật sự lãnh hội được chánh pháp nhà Phật, do vậy biết bọn họ đều là lầm lạc, cuồng vọng.

168. Thư trả lời cư sĩ Lý Úy Nông (thư thứ hai)

Thư của Trí Thượng chắc đã giao tới nơi rồi. Lệnh tổ mẫu[4] túc nhân sâu dày, nên vừa được khuyên liền hành ngay. Xét đến cảnh tượng lúc cụ lâm chung, thật đáng an ủi cho bọn ông. Nếu lời lẽ "đảnh đầu lạnh đi sau cùng" chẳng phải là bịa đặt, chắc chắn cụ được vãng sanh. Nhưng phận làm con cháu, hãy nên thường mang lòng dẫn dắt cho thần thức người đã khuất được an vui. Đừng nói "cha mẹ

[4] Tiếng gọi tỏ vẻ tôn trọng bà nội của người khác.

đã vãng sanh, bọn ta cần gì phải cầu siêu nữa!" Nên biết rằng hễ cha mẹ đã khuất rồi, các quyến thuộc đều phải nên chí thành niệm Phật để cầu cha mẹ chưa vãng sanh liền được vãng sanh, đã vãng sanh sẽ tăng cao phẩm vị. Điều này chẳng những hữu ích cho cha mẹ, mà quả thật còn hữu ích cho chính mình. Do chuyện báo hiếu cho cha mẹ ấy mà làm cho các quyến thuộc gieo đại thiện căn xuất thế, so với những kẻ chỉ biết tu trì cho chính mình thì công đức càng thù thắng hơn, bởi lẽ tâm hiếu thuận cha mẹ phù hợp với chánh nhân tịnh nghiệp do đức Phật đã lập. Mong ông hãy nói rõ với mẹ, cô, vợ, con, anh em trai, chị em gái của ông ý nghĩa này thì cái chết của bà nội ông chính là hiện thân tiếp dẫn các quyến thuộc của ông vậy.

Người đời nay phần nhiều chuộng hư danh, chẳng trọng thật hành, thường cáo phó, bày vẽ cho hết sức đẹp đẽ, mong được người khác nhìn vào xuýt xoa khen ngợi coi đó là vinh dự, chứ chẳng chịu sốt sắng niệm Phật để cho cha mẹ thật sự được hưởng lợi ích "liễu sanh thoát tử, siêu phàm nhập thánh" chân thật, và quyến thuộc trong hiện tại ai nấy cũng đều gieo nhân vãng sanh khi lâm chung. Há chẳng phải là ham danh ghét thật đó ư? Xin ông hãy sửa đổi uốn nắn thói tệ trong đời gần đây thì may mắn lắm thay!

169. Thư trả lời cư sĩ Lý Úy Nông (thư thứ ba)

Mạo Thiện Phủ đã có nhân duyên ấy, hãy nên khuyên ông ta sốt sắng niệm Phật cầu sanh Tây Phương, để mong được vĩnh viễn lìa khỏi các nỗi khổ, chỉ hưởng các sự vui. Nếu vẫn chẳng chịu phát tâm niệm Phật cầu sanh Tây Phương thì sẽ hèn kém hơn mọi người, Phật cũng chẳng thể cứu được. Dẫu đời này chẳng bị đọa vào địa ngục ngay, nhưng một hai ba bốn đời sau bị đọa địa ngục vẫn là chuyện quyết định chẳng thể trốn tránh được. Con người chỉ vì chưa thấy nỗi khổ này, lại chẳng tin lời Phật và những điều sách vở đã ghi chép xưa nay nên không thuận theo lời chỉ dẫn. Ông ta may mắn đích thân được thấy, thật sự biết "quả thật có chuyện ấy". Nếu không có pháp để thoát khổ thì chẳng biết làm sao, nhưng nay đã có pháp Tịnh độ mà vẫn chẳng chịu tu thì là cô phụ ân đức Phật - trời quá lắm!

170. Thư trả lời cư sĩ Lý Úy Nông (thư thứ tư)

Mạo Thiện Phủ 71 tuổi phát tâm quy y, cũng có thể nói là đã có thiện căn từ đời trước. Nếu đời trước ít vun bồi, thọ chưa đầy 71 tuổi đã qua đời, há chẳng trở thành sống uổng chết phí ư? Cả một đời sống uổng chết phí mà vẫn không có cơ duyên gặp gỡ pháp môn Tịnh độ thì sẽ đời đời sống uổng chết phí. Nghĩ tới điều này, khôn ngăn mừng cho Thiện Phủ và sợ cho hết thảy mọi người! Mong hãy

chuyển giao tất cả khai thị cho ông ta. Lại hãy nên tận lực khuyên ông ta sốt sắng niệm Phật để có thể vượt ngang ra khỏi thế giới Sa-bà, siêu sang thế giới Cực Lạc.

171. Thư trả lời cư sĩ Lý Úy Nông (thư thứ năm)

Gần đây do giảo chánh, đối chiếu sách Lịch Sử Cảm Ứng Thống Kỷ hoàn toàn chẳng được rảnh rỗi, vì thế dứt tuyệt hết thảy những chuyện giao tiếp với người khác. Hiện thời, bản in sách Thống Kỷ chữ to theo khổ chữ Tam Hiệu Tự đã được sắp chữ xong. Loại này sẽ được in trước hai vạn bộ, mỗi bộ gồm bốn cuốn, ba trăm năm mươi mấy trang. Lại cần phải sắp chữ cho ấn bản theo khổ chữ Tứ Hiệu Tự in bằng giấy báo để thanh niên học sinh cùng mua đọc được. Sách này trừ phi không đọc, chứ hễ ai đọc đến đều được lợi ích. Minh Châm có thể ăn chay niệm Phật, hãy nên dạy cô ta trọn hết chức phận người mẹ; chức phận người mẹ là như thế nào? Chính là khéo dạy dỗ con cái, đừng để cho con quen thói kiêu căng. Những đứa con cái không ra gì trong cõi đời đều là do mẹ chúng chẳng trọn hết chức phận làm mẹ mà ra. Nếu mẹ hiền thì:

1. Một là con được thừa hưởng tánh khí ấy.
2. Hai là con sẽ nhìn theo cách cư xử của mẹ.

Đấy chính là dùng thân để lập giáo vậy. Kế đó, dạy cho con biết đạo làm người như hiếu đễ trung tín lễ nghĩa liêm sỉ. Lại cần phải thiết thực dạy con nhân quả, báo ứng. Con đến tuổi đi học, trước hết đem Cảm Ứng Thiên, Âm Chất Văn dạy con đọc thuộc, suốt cả đời mỗi ngày phải đọc dăm ba lượt. Lại giảng cho nó những nghĩa chánh yếu thì sẽ như vàng lỏng đổ vào cái khuôn đẹp đẽ, quyết không thể chẳng trở thành món đồ đẹp đẽ. Sự dạy dỗ của mẹ chính là căn bản để bình trị, nhưng người đời đều chẳng chú ý, cho nên mới có hiện tượng chiến tranh ngày nay, đến nỗi vận nước nguy ngập, dân không lẽ sống. Quang chẳng cần phải thuyết pháp cho đứa bé, chỉ cần nói với vợ chồng ông cách dạy dỗ trẻ nhỏ thì trẻ nhỏ sẽ tự có thể bắt chước theo khuôn phép, ắt sẽ trở thành chánh khí.

Minh Châm pháp danh là Trí Phạm, nghĩa là dùng thân nêu gương mẫu cho con cái và làm khuôn mẫu cho nữ giới. Nếu khuôn chẳng ra khuôn, mẫu chẳng ra mẫu sẽ có hại chẳng thể nào kể xiết! Nếu có thể đoái tưởng ý nghĩa của cái tên Minh Châm và Trí Phạm thì may mắn chi hơn? Thọ Đức pháp danh là Tông Đức, Thọ Nghĩa pháp danh là Tông Nghĩa, tông là chủ. Đã gieo trồng (thọ) lại còn chú trọng, giống như trồng cây đã vun quén rồi lại còn phải vun đắp sâu chắc, chẳng bị lay động thì căn cơ vững vàng, sẽ tự được thân cội ngay ngắn, cành lá sum suê, quả hạt sai trĩu. Đợi đến khi sách Thống Kỷ được in ra sẽ gởi cho ông mấy gói, hoặc gởi sang chỗ ông Thôi Tông Tịnh, xin hãy chia ra đọc. Lại đem những gì tôi

đã nói với Minh Châm để bảo cùng hết thảy nữ giới thì cũng là một đại sự nhân duyên để cứu nước cứu dân mà chẳng tỏ lộ dấu vết vậy.

172. Thư trả lời cư sĩ Lý Úy Nông (thư thứ sáu)

Chuyện trong gia đình chỉ có thể dùng tình cha mẹ, anh em mà phân giải, chớ nên lý luận "ta đúng, người khác sai". Anh em bất hòa quá nửa là do cha mẹ yêu thương thiên vị gây nên, do được yêu thương thiên vị nên chuyện gì cũng đều chiếm tiện nghi. Nếu người anh em bị thiệt thòi chịu nghĩ lùi một bước: "Ví như ta trót sanh trong nhà nghèo, cơm áo, chỗ ở đều không có, còn tranh giành với ai nữa ư? Hơn nữa, tiền bạc do cha mẹ lưu lại, để cho con cái của cha mẹ được hưởng, so với chuyện bị quân binh, thổ phỉ cướp mất sẽ tốt hơn nhiều lắm. Nếu quân binh, thổ phỉ đến cướp, có cách nào để ngăn chặn được hay chăng?"

Lệnh tổ phụ[5] tuy đã đi học, nhưng vẫn hoàn toàn chưa được nghe đến chuyện "tận tụy thực hiện đạo của thánh hiền", cụ vẫn coi chuyện thua sút anh em là điều nhục nhã, muốn báo thù nhưng chưa được, trông mong ông sẽ báo thù thay cho cụ. Nếu chỉ hơi nghĩ lại chuyện hiếu hữu với anh em thì sẽ thấy mười mấy năm kiện tụng đáng nhục, chứ chẳng thấy em mình được hưởng nhiều của cải hơn là điều đáng hổ thẹn. Đối với lý này, ông cũng chưa hiểu rõ. Nếu vẫn tiếc nuối vì chí hướng báo thù của chính mình còn bạc nhược thì cũng đáng than thở lắm đấy! Cần phải biết rằng, cha con anh em ông bất hòa quả thật là vì ông nội ông chẳng biết hòa thuận với anh em mà cảm thành quả báo ấy. Ông đã sùng phụng Phật pháp, hãy nên nhìn từ luân lý căn bản, hãy niệm Phật cho ba vị anh em của ông nội ông để tiêu trừ cái nghiệp anh em kình chống nhau của họ, để họ cùng được dự vào Liên Trì Hải Hội, cùng chứng Vô sanh pháp nhẫn, đấy thật sự là ông đã báo đáp tổ phụ lớn nhất. Còn đối với cha ông, chỉ nên sám hối cho cụ, mong cụ tiêu trừ nghiệp chướng, tăng trưởng thiện căn, sẽ có sự xoay chuyển ngấm ngầm. Dẫu không xoay chuyển được thì cũng đã tận hết lòng ta rồi!

Đạo yêu thương con chẳng phải là ở chỗ nuông chiều con cháu, nuông chiều đâu phải là yêu thương con cháu, mà là làm hại chúng đấy! Tuy do mẹ ông nuông chiều Như Phương, nhưng cũng là vì ông trọn chẳng giảng giải cho Như Phương hiểu điều gì nên làm, điều gì không nên làm. Vì thế, cô ta một mực cậy thế ương ngạnh, hung tợn, chẳng chịu bị bó buộc. Mai sau đi lấy chồng, làm sao trọn hết đạo làm vợ cho được? Ông đã muốn cho cô ta gieo thiện căn hòng tiêu thói ác, nay tôi đặt pháp danh cho cô ta là Huệ Hiền. Huệ Hiền tức là như trong cõi tục khen ngợi "nữ nhân hiền hậu, có trí tuệ" vậy, hiền thì hiếu hữu, cung kính, tận

[5] Tiếng gọi tỏ vẻ tôn trọng ông nội của người khác.

tụy; huệ thì siêng năng, tiết kiệm[6], mềm mỏng, hòa thuận. Có đủ những đức ấy, người sẽ kính, thần sẽ che chở. Lúc sống có thanh danh, khi mất sẽ sanh trong đường lành, cũng rất phù hợp với ý nghĩa cái tên Như Phương của cô ta. Lại còn làm cho con trai, con gái, con dâu v.v. sau này nối tiếp khuôn mẫu tốt đẹp, trở thành bậc mẫu nghi chốn khuê các, khiến cho dấu thơm ấy được truyền mãi tới đời hậu duệ.

Cô ta tuy ương ngạnh, hung tợn, nhưng nói chung vẫn muốn được người ta khen ngợi. Đã có cái tâm muốn được người khác khen ngợi thì chẳng ngại gì nhằm lúc cô ta cư xử không đúng pháp sẽ chỉ điểm vạch trần đôi chút. Nếu cô ta có túc căn, chắc sẽ có dịp chuyển biến. Lại còn phải cầu khẩn Quán Thế Âm Bồ-tát, như phẩm Phổ Môn đã dạy: "Nếu có chúng sanh nhiều tham sân si, thường niệm cung kính Quán Thế Âm Bồ-tát liền lìa được tham sân si." Lại nữa, hễ có ai mắc bệnh nặng đều nên khuyên họ niệm Phật, kiêng giết, ăn chay. Điều này có quan hệ rất lớn với y đạo, nếu chịu làm lợi cho người khác thì so ra chính mình càng dễ được lợi ích hơn người khác.

173. Thư trả lời cư sĩ Lý Úy Nông (thư thứ bảy)

Đọc thư biết Trí Phạm sanh con trong tháng 5, bị bệnh nặng; về sau do niệm thánh hiệu Quán Âm mà được lành. Lại còn sanh nở dễ dàng, đứa con tướng mạo đoan chánh. Thật có thể nói Bồ-tát là "bậc cha mẹ đại từ bi". Một người Hồi Hồi ở Hồ Nam (người theo đạo Hồi Hồi quy y chỉ có một gia đình này mà thôi) tên là Mã Thuấn Khanh và vợ cùng con cái năm sáu người đã quy y trước đây. Giữa thu năm ngoái gởi thư đến, nói bà vợ sanh hai đứa con đầu còn khỏe, chứ về sau mỗi lần sanh con đều bị băng huyết đáng sợ lắm. Nay không lâu nữa sẽ sanh, hỏi có biện pháp nào không? Quang dạy vợ chồng họ cùng niệm thánh hiệu Quán Âm. Thư gởi đến, ngày hôm sau bà ta liền sanh, trọn chẳng bị những chuyện khó sanh, băng huyết. Về sau ông ta gởi thư đến cảm tạ, nói rõ nguyên do.

Cần biết rằng, muốn cho con cái hiền thiện, nếu không tích lũy công đức, lợi người lợi vật, sẽ chẳng thể được. Đừng nói "tôi không có tiền của, chẳng thể tích đức lợi người!" Cần biết rằng, giữ tấm lòng tốt, nói lời lành, làm chuyện tốt, gặp cha nói từ, gặp con nói hiếu, gặp anh nói nhường, gặp em nói kính, phàm gặp hết thảy mọi người đều khuyên họ trọn hết bổn phận của chính mình; lại còn nói với họ thiện ác, nhân quả, sanh tử, luân hồi, khiến cho lòng họ kiêng sợ, nhất định sửa lỗi hướng lành hòng trở thành người lương thiện. Lại còn nói với họ về lợi

[6] Nguyên văn ghi là "khuyến kiệm" (勸儉) nhưng theo mạch văn, tổ đang nói về những đức tánh thường có của một nữ nhân hiền thục, chắc chắn chữ khuyến (勸: khuyên nhủ) ở đây là chữ cần (勤: siêng năng) bị in sai.

ích của Phật pháp, khiến cho họ tín phụng tu trì. Phàm gặp ai bệnh nặng đều bảo họ niệm Phật và niệm Quán Âm. Phàm gặp phụ nữ, đều dạy họ niệm sẵn, để chẳng đến nỗi vì sanh nở mà phải chịu khổ hay mất mạng. Dạy hết thảy những người ấy đừng tạo sát nghiệp, giữ lòng từ thiện, lợi người lợi vật chính là lợi mình, hại người hại vật còn quá hơn hại mình. Những điều như thế há cần phải có tiền tài mới làm được ư? Nếu gia đình dư dả thì cũng nên đem tiền tài làm công đức.

Thêm nữa, ông nên bảo Trí Phạm: Con cái hiền thiện quá nửa là do mẹ un đúc, nuôi nấng, dạy dỗ. Người mẹ vừa nói ấy chính là khuôn mẫu cho con cái. Nếu chỉ biết nuông chiều con cháu, mặc kệ cho nó quen thói, dẫu đứa có thiên tư tốt đẹp cũng đều học theo thói xấu, huống là những đứa vốn chẳng tốt ư? Đấy là trách nhiệm của nữ nhân, so với nam giới càng đặc biệt sâu nặng hơn. Ông may mắn có ba trai một gái, sẽ vì tổ tông rạng danh gia đình do khéo dạy dỗ con cái, vì con cái tích lũy công đức để cầu Phật - trời che chở, nghĩ nhớ. Nay đặt pháp danh cho đứa con thứ ba của ông là Tông Đạo, đạo (道) là cội nguồn của lẽ trời, tình người, là chuẩn mực của hết thảy mọi pháp. Nếu có thể lấy việc đề cao đạo làm điều chánh yếu thì nhỏ là nhất cử nhất động, lớn là "sáng tỏ minh đức, đạt đến chí thiện" đều có thể do đây mà đạt được.

Con tuy còn bé nhưng đặt tên như vậy để mong cho nó lớn lên sẽ nhìn vào cái tên, nghĩ đến ý nghĩa, ắt sẽ mong danh phù hợp với thật mới thôi. Đời đã loạn đến cùng cực rồi, chẳng dốc sức nơi giáo dục trong gia đình sẽ khác nào dựng lầu gác trên hư không, nhất định chẳng thể đạt được hiệu quả. Muốn cho con cái của chính mình tốt đẹp thì phải sốt sắng dạy dỗ con trai, con gái đang độ tuổi thơ ngây, dạy cho chúng nó biết có "đạo làm người" của thánh nhân và "thiện ác, nhân quả quyết định chẳng sai", mở tung những ngăn chặn khiến cho đường đời của chúng trở thành con đường bằng phẳng. Mong ông hãy đem những ý này nói với Trí Phạm, lại cũng nên nói với hết thảy mọi người. Đấy gọi là *"nhất ngôn hưng bang"* (một lời khiến cho đất nước hưng thịnh) vậy!

174. Thư trả lời cư sĩ Mạo Thiện Phủ

Cổ nhân nói: *"Bất vi lương tướng, tất vi lương y"* (Chẳng làm lương tướng, ắt làm lương y), vì thầy thuốc cứu được người. Cần biết rằng, Phật là Đại Y Vương, trị được các bệnh nơi thân tâm con người và bệnh sanh tử. Ông đã 71 tuổi, tiếc rằng thuở trước chẳng biết đến duyên do của Phật pháp, nay may mắn biết được, cũng chớ nên xót xa vì được nghe trễ tràng. Chỉ nên tích cực sanh lòng tin phát nguyện niệm Phật cầu sanh Tây Phương, chớ nên cầu phước báo trời người. Cần biết rằng, đức Phật mở ra pháp môn niệm Phật chỉ mong cho hết thảy chúng sanh có thể sanh về Tịnh độ ngay trong đời này. Nếu con người thuận theo lời

Phật để tu ắt sẽ có thể cậy vào Phật từ lực, vãng sanh Tây Phương, so ra còn dễ dàng hơn sanh vào những chỗ đại phú, đại quý. Vì sao vậy? Do tuân theo lời Phật dạy, Phật ắt rủ lòng từ gia bị.

Nay đặt pháp danh cho ông là Chí Tích, nghĩa là tự mình đừng làm các điều ác, vâng giữ những điều lành, nhất tâm niệm Phật, cầu sanh Tây Phương. Lại còn dùng những điều này để dạy quyến thuộc trong nhà và làng nước, bầu bạn cùng hết thảy những ai quen biết, để họ đều biết đến pháp môn niệm Phật do đức Phật đã nói khiến cho họ liền có thể hoàn toàn thoát khỏi trọn vẹn căn bệnh sanh tử lớn lao ngay trong đời này, như kinh Thi có câu: *"Hiếu tử bất quỹ, vĩnh tích nhĩ loại"* (Hiếu tử chẳng nghèo khó, vĩnh viễn ban cho ngươi). Ông có thể dùng pháp này để tự hành, dạy người, chính là hiếu tử của Di-đà Như Lai; do chính mình đã tu trì, người khác đều tin nhận, tức là đã ban phát tạo lợi ích rộng khắp cho muôn loài. Mong hãy nhìn vào cái tên, nghĩ đến ý nghĩa, sẽ đích thân đạt được lợi ích thật sự. Những điều khác hãy đọc kỹ Gia Ngôn Lục, Văn Sao sẽ tự biết, cho nên không cần phải nói nhiều. Nếu không có những sách ấy, xin hãy dựa theo giá để thỉnh từ Hoằng Hóa Xã chùa Báo Quốc.

175. Thư trả lời cư sĩ Đông Hải

Pháp môn Tịnh độ dùng tín nguyện sâu, niệm Phật cầu sanh Tây Phương, chớ nên phát nguyện cho đời sau và đời đời kiếp kiếp, có nguyện ấy sẽ chẳng thể quyết định vãng sanh được! Trong hết thảy pháp môn cũng có người liễu sanh tử ngay trong đời này, nhưng chẳng qua là một hai người trong ngàn vạn người. Do vậy, cần phải phát nguyện đời đời kiếp kiếp. Ông nói "tới tận đời vị lai mang nghiệp vãng sanh", lời lẽ ấy rất sai tông chỉ Tịnh độ. Ngay trong đời này liền cầu Phật rủ lòng từ tiếp dẫn mang nghiệp vãng sanh, sao lại nói "tới tận đời vị lai?" Hành đạo Bồ-tát thì nên lấy "tới tận đời vị lai" làm hạn, chứ nay tu Tịnh độ sao lại lấy tận đời vị lai để vãng sanh?

Ông tuy đọc Văn Sao, vẫn chưa biết nguyên do của pháp môn Tịnh độ, nay tôi gởi cho một cuốn Tịnh Độ Ngũ Kinh, một bộ Văn Sao, một bộ Tịnh Độ Thập Yếu, một bộ Tịnh Độ Thánh Hiền Lục, một cuốn Sức Chung Tân Lương. Đọc những sách này, những điều ẩn tàng trong pháp môn Tịnh độ sẽ đều được nêu rõ hết ra. Nay đặt pháp danh cho ông là Khế Hải, nghĩa là dùng nhân tâm (cái tâm trong lúc tu nhân) niệm Phật của chính mình để trên là khế hợp với biển giác do Như Lai đã chứng. Lại còn phải giữ vẹn luân thường, trọn hết bổn phận, dứt lòng tà, giữ lòng thành, đừng làm các điều ác, vâng giữ các điều lành. Hãy nên khuyên cha mẹ, anh em trai, chị em gái, vợ con và xóm giềng, làng nước, thân thích, bằng hữu cùng tu pháp này, cùng cầu vãng sanh.

Đối với tam quy ngũ giới, hãy đọc những điều đã nói trong Văn Sao để tự thệ thọ giới trước Phật, nhưng mỗi mỗi đều cần phải chân thật thì mới được. Đời có những kẻ hiếu danh, chuyện gì cũng muốn giả mạo cái danh, chuyện gì cũng chẳng tu thật hạnh, chẳng biết danh là khách của thật, thật đã đầy đủ thì tự nhiên có danh, cần gì phải cố ý chèo kéo, mong cầu? Chèo kéo, mong cầu cái danh một thời chắc sẽ sướng tai khoái mắt người ta, nhưng về sau ắt sẽ bị người người thóa mạ. Chuyện gì cũng lấy lòng thành để làm, chắc chắn sẽ có kết quả tốt. Kẻ dùng thói hư giả để làm, chỉ là tự mình dối mình đó thôi; người thế gian còn chẳng nên lừa dối, huống là lừa dối Phật, Bồ-tát ư?

Pháp môn Tịnh độ chẳng thể dùng đạo lý của kinh Kim Cang và đạo lý của Thiền tông để bàn luận; nếu luận định mỗi pháp riêng biệt thì hữu ích, chứ nếu luận định lẫn lộn sẽ bị tổn hại. Chắc là vì ông đã từng xem bản chú giải kinh Kim Cang của 53 vị thiện tri thức[7] nên mới có kiến giải ấy, cho nên tôi phải nói toạc ra. Pháp môn Tịnh độ không gì lớn lao ở ngoài được! Đẳng giác Bồ-tát muốn thành Phật quả vẫn phải dùng mười đại nguyện vương để hồi hướng vãng sanh Tây Phương, huống là hết thảy Bồ-tát và những người học đạo kém cỏi hơn ư? Quang già rồi, mùa đông năm ngoái ban đêm giảo chánh sách dưới ánh đèn điện, mắt bị tổn thương, liền cự tuyệt hết thảy. Phàm ai gởi thư đến đều nói "từ nay đừng gởi thư đến nữa, gởi đến quyết không trả lời vì mục lực chẳng thể thù tiếp được". Những điều cốt yếu của Tịnh độ thì do Ngũ Kinh, Thập Yếu, Thánh Hiền Lục mà sẽ có thể biết đầy đủ. Chớ nên thuận theo những kẻ ham cao chuộng xa hiện thời cầu minh tâm kiến tánh và thành Phật ngay trong thân này, ắt sẽ có thể đích thân chứng đắc như lời đức Phật đã dạy. Đối với Gia Ngôn Lục, Một Lá Thư Trả Lời Khắp hãy nên hết sức chú ý vì trong hết thảy thời, hết thảy chỗ đều có thể dùng pháp ấy để tạo lợi ích cho hết thảy mọi người, những điều khác chẳng phải nói nhiều nữa.

176. Thư trả lời cư sĩ Trần Phi Thanh (thư thứ nhất)

Trước đây do cư sĩ Trương Bá Ngạn nhắc đến các hạ sẵn chí thiết tha lợi người, muốn mở đạo tràng ở Tân Giang, cậy Quang soạn lời sớ và thương lượng, châm chước biện pháp và chọn lựa trụ trì v.v.. Biết các hạ vốn thừa nguyện tái lai, làm đại đạo sư cho khắp mọi nhân sĩ vùng Tân Giang để họ biết đạo xuất thế, sống làm người ba nghiệp thanh tịnh, mất dự vào hội hiền thánh cõi Cực Lạc. Nhưng do Quang hèn kém, chẳng dám đem một chữ nào quấy nhiễu ông. Ngày hôm qua,

[7] Đây là bộ Kim Cang Kinh Chú Giải (thường được gọi là Kim Cang Kinh Ngũ Thập Tam Gia Chú), bốn quyển do ngài Hồng Liên soạn theo lệnh của Minh Thái Tổ. Bộ sách này thâu thập tất cả những chú giải trọng yếu trích từ trước tác của 53 vị thiện tri thức trong các đời.

thầy Hóa Vũ đến nói đạo tràng Cực Lạc[8] xây dựng đã hoàn tất, khôn ngăn hoan hỷ tột cùng. Các hạ lại gởi thư chỉ dạy, Quang khôn ngăn cảm kích, hổ thẹn. Các hạ muốn bái cao tăng làm thầy, hãy nên chọn một vị đạo đức cao siêu, sao lại lầm lẫn chọn Quang là một ông tăng hèn kém chỉ biết cơm cháo, ngỡ là cao tăng, muốn thờ làm thầy vậy?

Ông lại nói đã đọc Văn Sao Sơ Biên, năm ngoái Tân Giang Lưu Thông Xứ (Phòng phát hành kinh sách ở Tân Giang) đã thỉnh hơn một trăm bộ Văn Sao mới in, nào biết các hạ chưa thấy, nay gởi cho ông một gói, xin hãy tra xét thu nhận. Thêm nữa, hai cuốn Tam Đại Sĩ Thực Lục, trong ấy phần nhiều là những lời thuộc về thiền cơ, chớ nên hiểu lầm. Tịch Tà Tập[9], Kiến Văn Lục[10] được in chung thành một tập, gởi cho ông hai cuốn. Chớ nên để người thiếu hàm dưỡng đọc Tịch Tà Tập, do hiện tại người nước ngoài thế lực lừng lẫy, sợ người đọc y theo sách đó tranh luận với bọn giáo sĩ hay tín đồ Tây Dương chắc sẽ đến nỗi mang họa. Kiến Văn Lục thì nên tìm cách lưu thông để người ta biết nhân quả, chẳng dám làm chuyện phải thẹn với lòng. Giản Ma Biện Dị Lục và Tam Thập Nhị Tổ Truyện, mỗi thứ hai bộ. Những sách ấy do Thanh Thế Tông (Ung Chánh) biên soạn, từ lẫn lý đều viên diệu, như tẩu bàn châu[11], như báu ma-ni, khiến cho người ta khôn ngăn khâm phục, ngưỡng mộ. Quang đặc biệt giảo chánh, cho khắc in, lưu hành. Nhân duyên đã trình bày cặn kẽ trong lời tựa, nhưng người đời nay cố nhiên nên chuyên tu tịnh nghiệp thì mới được lợi ích liễu sanh thoát tử thật sự. Nếu chẳng

[8] Đây là chùa Cực Lạc ở Harbin do pháp sư Đàm Hư và các cư sĩ vùng Liêu Đông xây dựng.

[9] Tịch Tà Tập là một tác phẩm của tổ Ngẫu Ích viết khi còn là tại gia cư sĩ, với bút hiệu là Chung Chấn Chi, nhằm phản bác những luận điểm công kích Phật giáo của các giáo sĩ Lợi-mã-đậu (Matteo Ricci), Ngải-nho-lược (Giulio Aleni) v.v.. Các giáo sĩ này khi truyền đạo Thiên Chúa vào Trung Hoa, đã viết rất nhiều bài đả kích tam giáo của Trung Hoa, đặc biệt nhắm vào Phật giáo. Những phê phán của các giáo sĩ ấy thể hiện cái nhìn đầy thiên kiến, kiêu ngạo của người da trắng đối với những sắc dân da màu vốn bị họ coi là man rợ, chưa khai hóa. Họ chỉ dựa theo hình thức, thành kiến, bề ngoài để phê phán chứ không chịu tìm đọc kinh sách của các tôn giáo bị họ đả kích. Để phản bác, tổ Ngẫu Ích đã vận dụng rất nhiều tư tưởng triết học của tam giáo để giải thích khái niệm trời theo cách hiểu của người Á Đông và chỉ ra những chỗ lập luận khiên cưỡng của giáo sĩ Tây Phương về những luận điểm độc thần, Thiên Chúa sáng tạo muôn vật v.v.. Hiện thời tác phẩm này được đưa vào Ngẫu Ích Đại Sư Toàn Tập.

[10] Kiến Văn Lục là một tác phẩm ngắn cũng của tổ Ngẫu Ích ghi chép những chuyện thiện ác nhân quả báo ứng do chính tổ từng thấy. Chẳng hạn chuyện một sinh viên làm phán quan cõi âm, vào âm phủ xét án, thấy hồ sơ tội trạng ghi vợ giết gà của hàng xóm, nặng mấy cân. Lúc tỉnh dậy, tra vặn vợ, quả nhiên vợ lỡ tay ném chết gà hàng xóm, sợ bị chồng mắng, hàng xóm chửi, nên chôn giấu sau vườn. Đào gà lên đem cân, quả nhiên bằng đúng cân lượng đã ghi trong hồ sơ tội trạng cõi âm. Tác phẩm này cũng được đưa vào Ngẫu Ích Đại Sư Toàn Tập.

[11] "Tẩu bàn châu" còn gọi là "hải thủy trân châu" là một loại ngọc trai. Trong các loại trân châu được lưu hành tại Trung Quốc, ngọc trai từ Hợp Phố (thuộc đất Giao Chỉ xưa) quý nhất vì hình dáng tròn trặn, màu sắc tươi đẹp, óng ánh nhất, hầu như không viên nào có khuyết điểm. Do viên ngọc trai Hợp Phố rất tròn, bỏ vào khay hay đĩa, dùng ngón tay đẩy nhẹ nó sẽ lăn tròn trong đĩa nên thường được gọi là "tẩu bàn châu" (châu chạy trong khay).

tự lượng, lầm lạc muốn học đòi bậc đại nhân thời cổ tự lực liễu thoát, sợ rằng hễ một phen sai lầm sẽ thành vĩnh viễn sai lầm.

Bộ Văn Sao của Quang tuy thô kém, vụng về, nhưng ý đều tuân theo những lời khuôn phép của Phật, của tổ, trọn chẳng phải là những ý kiến bịa đặt. Nếu chẳng chê bỏ là hèn vụng, cố nhiên không gì là chẳng có ích. Tam Đại Sĩ Thực Lục, Tịch Tà Tập, Biện Dị Lục, Tam Thập Nhị Tổ Truyện xin hãy tự giữ một phần, một phần đưa cho pháp sư Đàm Hư. Đối với chuyện quy y, xin hãy châm chước lại. Nếu không, chắc sẽ đến nỗi sau khi quy y, nhận ra tôi chỉ biết ăn cơm húp cháo, ắt hối không kịp. Vì thế, Quang vẫn dùng đạo bạn bè để đối xử với các hạ, chẳng dám bàn đến chuyện làm thầy trò.

177. Thư trả lời cư sĩ Trần Phi Thanh (thư thứ hai)

Thư nhận được đầy đủ, chỉ nên thường niệm Phật, không gặp Quang có thiếu sót gì đâu! Xin hãy quyết định cùng với quyến thuộc trong nhà đều cùng tu tịnh nghiệp, cùng sanh Tây Phương. Đấy chính là nhân duyên khó được trong ngàn đời vạn kiếp. Hơn hai trăm đồng ông muốn biếu Quang đã bảo đem làm công đức tại Tuyên Giảng Đường và tại địa phương ấy. Mùa thu năm sau, Quang chắc chắn quy ẩn, không có chỗ nhất định, sẽ tùy ý ở Nam - Bắc - Tây - Đông, trọn không ở nơi nào nhất định để khỏi bị thư từ làm phiền.

178. Thư trả lời cư sĩ Trần Phi Thanh (thư thứ ba)

Thư nhận được đầy đủ. Đã muốn thờ ông tăng chỉ biết cơm cháo làm thầy, tuy có bậc cao minh vẫn chẳng chịu chuyển sang cầu quy y với vị ấy, đấy chính là do đời trước có nhân duyên với nhau mà ra. Cố nhiên đối với Quang, chẳng có chuyện có thể hay không thể. Thoạt đầu Quang không đồng ý là vì sợ sau này cư sĩ mang lòng hối hận. Nay đặt pháp danh cho ông là Huệ Hải. Ông tên là Hãn (瀚), Hãn chính là tên khác của biển. Một niệm của chúng sanh và một niệm của Phật không hai, do mê chưa ngộ nên toàn bộ trí tuệ đức tướng biến thành phiền não nghiệp khổ. Tâm vốn là một, do mê ngộ sai khác nên khổ vui khác biệt, do vậy biết một niệm tâm tánh vốn là biển trí tuệ công đức. Do phiền não chướng lấp, không có trí tuệ chiếu tỏ thì toàn thể biến thành biển phiền não nghiệp khổ. Nay dùng trí tuệ giác chiếu thì biển phiền não nghiệp khổ liền biến thành biển trí tuệ công đức. Vì thế kinh Hoa Nghiêm nói: “Hết thảy chúng sanh đều đầy đủ trí tuệ đức tướng của Như Lai, nhưng vì vọng tưởng, chấp trước nên chẳng thể chứng đắc. Nếu lìa vọng tưởng thì nhất thiết trí, vô ngại trí đều được hiện tiền.” Do vậy biết trước tiên hết, chỉ có trí tuệ là trọng yếu. Có trí tuệ thì toàn vọng tức là chân,

không trí tuệ thì toàn chân thành vọng. Ý nghĩa của Huệ Hải là như vậy đó, như thế đó.

Hơn nữa, nơi địa vị phàm phu mà muốn đạt "chân cùng, hoặc tận" (thấu đạt tận cùng chân tánh, trừ sạch phiền não) cũng chẳng dễ dàng đâu! Nhưng đức Như Lai muốn cho hết thảy chúng sanh cùng được liễu sanh thoát tử, siêu phàm nhập thánh ngay trong đời này nên đặc biệt mở ra pháp môn tín nguyện niệm Phật cầu sanh Tịnh độ, thực hiện dễ, thành công cao, dùng sức ít, đạt hiệu quả nhanh chóng, lấy vạn đức hồng danh của Như Lai để huân tập vô minh nghiệp thức của chính mình. Lâu ngày chầy tháng tập quen thành tánh, sẽ ngầm thông Phật trí, thầm hợp đạo mầu. Đấy gọi là "dùng quả địa giác làm nhân địa tâm, vì thế được nhân trùm biển quả, quả thấu nguồn nhân". Pháp môn mầu nhiệm không chi hơn được điều này (lúc niệm Phật, nhiếp tai lắng nghe thì chẳng đến nỗi hết sức tán loạn. Nhất tâm khẩn thiết thì sẽ ít bị hôn trầm).

Nói đến việc trì giới, trước hết phải giữ được hai câu giới luật khái lược của Phật. Giới ấy như thế nào? Chính là "đừng làm các điều ác, vâng giữ những điều lành", hai câu này bao trùm hết thảy giới pháp, trọn chẳng sót chút nào. Đấy chính là câu trích từ Giới kinh của Như Lai; trong Âm Chất Văn, Văn Xương Đế Quân dẫn câu này, đừng bảo "câu này vốn phát xuất từ Âm Chất Văn"! Hai câu này nếu nhìn hời hợt dường như chẳng đặc biệt, lạ lùng gì, nhưng nếu kiểm điểm nơi khởi tâm động niệm, giữ được hoàn toàn không phạm thì người ấy đã thâm nhập cảnh giới thánh hiền rồi.

Công khóa hằng ngày nên chiếu theo công phu của chính mình mà định. Trong Văn Sao, qua lá thư gởi cho ông Trần Tích Châu, tôi đã kể ra ba thứ, chia thành "hết sức bận rộn, bận rộn một nửa (tức nửa bận nửa rảnh), không bận rộn" để tự quyết định. Đối với việc trì chú, tụng kinh, hãy nên chuyên chú trọng thành kính. Hãy chiếu theo pháp tắc như Quang đã nói để xem kinh (trong Văn Sao có đoạn văn ấy) thì sẽ tiêu trừ nghiệp chướng, tăng trưởng phước tuệ. Nếu vừa xem vừa phân biệt, sẽ không có công đức lớn lao gì. Đã quy y Phật pháp, hãy nên kiêng giết, bảo vệ sanh mạng, ăn chay; ngay cả đối với gia quyến cũng nên bảo họ ăn chay, vì ăn thịt sẽ kết sát nghiệp, tương lai phải đem thân đền mạng, nỡ để cho quyến thuộc yêu mến mắc phải khổ quả ấy hay sao? (Ngay như luận trên phương diện dinh dưỡng, ăn chay có ích, ăn thịt có điều tổn hại.) Đối với người bên cạnh, người trong cõi đời, còn nên kính khuyên như thế, huống là vợ con của chính mình ư? Lại cần phải dạy họ cùng nhau bỏ công sức niệm Phật một tiếng đồng hồ vào buổi tối để mong tiêu nghiệp chướng, tăng phước thọ.

Thế đạo hiện thời chính là thế đạo hoạn nạn, ở trong hoạn nạn chỉ vì nghiệp trói buộc, nếu có thể niệm Phật sẽ ngấm ngầm chuyển họa thành phước, gặp dữ hóa lành. Đấy là kế sách thật sự thương yêu quyến thuộc hay nhất (Khi tịnh tọa chỉ nên niệm thầm Phật hiệu, chớ nên dùng những công phu luyện đan vận khí. Đấy chẳng phải là Phật pháp, mà là cách bảo dưỡng thân thể). Thiên hạ chẳng yên, thất phu có trách nhiệm! Xét đến cội nguồn của tình thế loạn lạc, chỉ là vì trong gia đình không khéo dạy dỗ đã ươm thành. Phàm con em nhà phú quý phần nhiều không ra gì, nói chung vì quen thói kiêu căng, không được dạy dỗ mà ra. Tôi thường nói: "Dạy con là cái gốc để bình trị, nhưng dạy con gái càng khẩn yếu hơn, vì con gái thuở bé thường ở bên mẹ. Thuở bé được khéo dạy, đến khi xuất giá nhất định sẽ là vợ hiền. Vợ hiền sẽ có thể giúp chồng thành tựu đức hạnh, về sau sẽ thành hiền mẫu. Con người từ thuở bé được hiền mẫu un đúc, nhất định sẽ 'nghèo cùng thì riêng thân mình thiện, hiển đạt sẽ làm cho thiên hạ cùng thiện'. Công đức lớn nhất trong thế gian không gì bằng khéo dạy dỗ con cái; tội nghiệp lớn nhất trong thế gian không chi bằng chẳng dạy dỗ con cái. Bởi lẽ, con cái hiền lương sẽ có ích cho nước nhà, xã hội; chẳng hiền lương sẽ có hại cho nước nhà, xã hội!"

Ngày nay, thế đạo nhân tâm đã suy hãm đến cùng cực, gần như hết thuốc chữa! May là có lý sự nhân quả báo ứng ba đời do đức Như Lai đã nói vẫn có thể dùng làm căn cứ để vãn hồi. Tôi thường nói: "Nhân quả là phương tiện lớn lao để thánh nhân thế gian lẫn xuất thế gian bình trị thiên hạ, độ thoát chúng sanh." Hãy nên trong là với quyến thuộc, ngoài là với những người quen biết và hết thảy mọi người đều ra rả dùng nhân quả báo ứng để khuyên lơn. Nếu người trong thế gian luôn dè dặt kinh sợ nơi khởi tâm động niệm thì lợi ích lớn lắm, chuyển công đức ấy để cầu vãng sanh thì phẩm vị ắt cao. Chùa Cực Lạc giảng kinh cũng cần nên xen vào một phần sự lý nhân quả để người vùng Đông Bắc cùng được hưởng lợi ích thật sự.

179. Thư trả lời cư sĩ Trần Phi Thanh (thư thứ tư)

Nhận được thư, biết ông tâm nguyện rộng lớn, công phu thuần mật, khôn ngăn vui mừng, an ủi. Chỉ xin ông nhất tâm niệm Phật, chẳng cần phải mong cầu gặp Quang. Gặp hay không gặp, mặc cho nhân duyên! Nếu đọc kỹ Văn Sao, hành theo đó, chính là thấu hiểu lòng Quang, há chẳng thân thiết như gặp mặt Quang hay sao? Con người hằng ngày khổ sở trong phiền não, vẫn chẳng biết là phiền não. Nếu biết là phiền não thì phiền não sẽ tiêu diệt. Ví như tưởng lầm gã trộm cắp là người nhà thì tất cả của cải trong nhà đều bị hắn trộm mất. Nếu biết là giặc, hắn liền trốn đi. Vàng chẳng luyện chẳng ròng, đao chẳng mài chẳng bén; chẳng

từng trải phiền não thì gặp cảnh phiền não tâm thần sẽ tán loạn. Biết nó chẳng có thế lực gì, chuyện nhọc tâm mệt trí nẩy sanh đều do ta tự chuốc lấy.

Kinh dạy: "Nếu biết ngã không, ai bị hủy báng?" Nay phỏng theo đó nói: "Nếu biết là vô ngã, phiền não nào sanh?" Thí dụ của ông rất có đạo lý. Cổ nhân nói: *"Vạn cảnh bổn nhàn, duy tâm tự náo. Tâm nhược bất sanh, cảnh tự như như"* (Muôn cảnh vốn nhàn, chỉ có tâm tự rộn. Nếu tâm không sanh, cảnh tự như như). Công khóa vốn đã quen thực hiện, cũng không cần phải sửa đổi, chỉ cần luôn lấy hồi hướng vãng sanh làm chủ.

Niệm Phật nên niệm sáu chữ, hoặc trước hết phải niệm sáu chữ, đến lúc sắp xong niệm bốn chữ. Từ đầu đến cuối niệm bốn chữ, hơi không hợp lẽ, bởi hai chữ nam-mô có nghĩa là quy y, cung kính, đảnh lễ, cứu độ con v.v.. Người ta thường mong lẹ, mong nhiều, nên phần nhiều có kẻ niệm bốn chữ. Thường nghe nói có người chủ trương lợi ích do "chuyên tu", chỉ dạy người khác niệm bốn chữ, phát nguyện, lễ Phật đều bảo là không cần, tức hoàn toàn là một gã ở ngoài cửa: Chỉ biết chính mình thực hiện công phu, chẳng biết cầu sức từ bi của Phật!

Pháp môn Tịnh độ lấy ba pháp tín - nguyện - hạnh làm tông, họ chỉ xét trên mặt hạnh, nhưng trên mặt hạnh lại gạt bỏ lễ bái, hạnh ấy khó thể mười phần khẩn thiết; lâu ngày sẽ thành hờ hững, hời hợt. Xin hãy y theo Văn Sao, đừng y theo lời họ nói. Bọn họ chỉ dựa vào ý kiến của chính mình, chứ không y theo tông chỉ Tịnh độ. Tâm chúng sanh cần phải dùng đủ mọi pháp lành để điều trị, ví như ăn cơm cần phải kèm theo thức ăn. Chỉ định kỳ đả thất để có thể chuyên trì một câu Phật hiệu. Hết thảy kinh chú đều chẳng cần phải trì tụng, nhưng cũng chớ nên hoàn toàn phế trừ lễ bái và phát nguyện. Trừ khi đả thất ra, vẫn cứ chiếu theo thường lệ trì tụng, đều chẳng trở ngại gì. Người tu hành sợ nhất là thuận theo cái tâm ức đoán của chính mình tự lập ra một đường lối riêng. Thường nghe nói có những kẻ thiên tư, bẩm tánh vốn tốt đẹp, nhưng kiến thức lệch lạc. Chuyên niệm một đức Phật còn được, nhưng phế bỏ lễ bái, phát nguyện v.v. là lầm lẫn lớn lắm!

Ông không cần bế quan, chỉ tự tu ở nhà là được rồi. Hiện thời, quân lính, giặc cướp nhâu nhâu, ông thường ở trong nhà, những kẻ nhỏ mọn, không ra gì chẳng đến nỗi sanh lòng khác lạ. Nếu ông thường không ở nhà, bọn chúng sẽ thừa dịp sơ hở trộm cắp và cướp đoạt, đáng lo vô cùng! Sư Đàm Hư đặc biệt giữ ông lại, chẳng tính đến điều này, cũng là không hiểu sự việc cho lắm. Ngàn vạn phần chớ nên lìa rời khỏi nhà, ở tại nhà suất lãnh thê thiếp, con cái, dâu, cháu v.v. cùng tu, công đức ấy lại càng thù thắng nhiều hơn.

Quang trải đời 68 năm, tuy sở học Phật pháp chưa thể trội hơn người khác, nhưng lo liệu sự việc so ra có phần suy xét kỹ càng hơn người khác đôi chút. Ông

đã tin Quang, chớ nên thuận theo cái tâm tưởng là đúng![12] Chỉ nên tu tại gia, ngàn vạn phần chớ nên bế quan trong chùa Cực Lạc. Ngay cả đả thất cũng chớ nên đả thất trong chùa Cực Lạc, do lúc này chẳng thể luận theo lúc thời thế thanh bình được. Nếu nhằm thời thế thanh bình, tuy không lo xảy ra chuyện ngoài ý muốn, cũng khó dẫn dắt quyến thuộc cùng gieo thiện căn. Đợi tới tháng nhuận, Quang sang Thượng Hải sẽ gởi cho ông mấy gói Di-đà Kinh Bạch Thoại Giải do ông Hoàng Trí Hải biên soạn. Hằng ngày, khi rảnh rỗi hãy nên bảo ban quyến thuộc thì mọi người đều cùng sanh lòng tin tu tịnh nghiệp để mong cùng sanh về Tây Phương. Tướng lành khi lâm chung không cần phải mong mỏi sẵn, chỉ cần lúc thường ngày niệm sao cho tương ứng với Phật thì lâm chung tự nhiên được theo Phật vãng sanh mà thôi!

180. Thư trả lời cư sĩ Tế Thanh

Hôm nay cư sĩ Trần Hạc Niên tới đây, cầm theo thư ông và cuốn "Phê bình về bát thức trong Phật học", khôn ngăn khiến người ta phải thở dài. Ông học Phật nhiều năm, do lời Cẩm Hán mà ngờ vực kinh Phật và cổ đức nhiều đời "có lẽ có những chỗ không được thỏa đáng". Tức là trở thành "tin đạo nhưng không chuyên dốc"! Ông ta cực lực đả phá ba tên gọi của tám thức[13], cho là sai lầm, chỉ nghĩ các thức ấy do động lực mà biến đổi, tự cho rằng mình có thể sửa đúng những chỗ sai ngoa trong kinh Phật từ trước đến nay. Cái tâm hiếu danh có thể nói là đến mức cùng cực! Lại còn chẳng biết xấu hổ, không thẹn thùng, cũng có thể nói đến mức cùng cực không chi hơn được nữa. Ông ta gọi tuốt chân như Phật tánh là "hậu thiên vật", chẳng hiểu tâm tánh, chỉ biết vật chất, đáng thương thay! Ông

---

[12] Ý nói: đừng thuận theo những suy nghĩ phán đoán do thiên kiến của chính mình, không thèm nghe theo những lời dạy trong kinh hoặc những lời giáo huấn của chư cổ đức.

[13] Bát thức (astau vijñānāni) là tám thức gồm nhãn thức, nhĩ thức, tỷ thức, thiệt thức, thân thức, ý thức, mạt-na thức và a-lại-da thức. Tùy theo cách nhận định về vai trò của tám thức mà có ba cách gọi như sau:

1. Do bảy thức từ nhãn thức đến mạt-na thức do a-lại-da thức sanh ra, biến chuyển thành, nên bảy thức đầu được gọi là chuyển thức hoặc thất chuyển thức, còn a-lại-da thức gọi là căn bản thức hoặc chủng tử thức.

2. Theo thứ tự chuyển biến, a-lại-da thức gọi là năng biến, mạt-na thức gọi là đệ nhị năng biến, sáu thức còn lại gọi chung là đệ tam năng biến.

3. Địa Luận gọi A-lại-da thức là chân thức, mạt-na thức là vọng thức (không thấy định danh cho sáu thức còn lại).

Riêng về thức thứ tám, lại còn có ba tên gọi (theo Bát Thức Quy Củ Tụng) là a-lại-da thức, dị thục thức và nhất thiết chủng thức.

Cẩm Hán dựa theo khuynh hướng duy vật và phân tâm học Tây Phương để giải thích các thức, nên cho rằng các thức đều chỉ là những trạng thái tâm lý, coi chân như Phật tánh như là "hậu thiên vật" tức là một dạng vật chất được hình thành sau khi một cá nhân được sanh ra và do tri giác của người đó phản ứng trước những tác động của hoàn cảnh bên ngoài mà có tám thức, nên mới nói là "do động lực mà thay đổi".

tuổi gần bảy mươi, chuyên tinh niệm Phật sợ còn không kịp, rảnh rang đâu để hỏi đến chuyện này. Há lẽ nào lời nói của phàm phu đời sau lại đâm ra hay hơn lời Như Lai nói mà phải đợi hắn ta đính chánh lời Phật đó ư?

Nói đến chuyện thọ tam quy ngũ giới, hãy nên theo cách đối trước đức Phật tự thọ như đã được nói trong lá thư gởi cho bà Từ trong bộ Văn Sao Tăng Quảng Chánh Biên. Nay đặt pháp danh cho ông là Huệ Thanh, nghĩa là dùng trí tuệ để thanh tịnh cái nghiệp của mình lẫn người khiến cho lúc sống thì làm bậc thánh hiền, mất lên cõi Cực Lạc. Đối với việc giáo hóa người khác, hãy tùy phận tùy sức mà khơi gợi, dẫn dắt. Hãy nên kể với họ chuyện người thuở xưa đời nay niệm Phật có công hiệu, ngõ hầu họ sẽ dễ nhận lãnh. Nếu chẳng chú ý điều này thì đúng là trò cười cho bọn họ.

Hơn nữa, tuổi ông đã già lụn rồi, tháng ngày chẳng còn mấy, hãy nên nói với gia quyến về lợi ích niệm Phật và lợi ích do trợ niệm khi lâm chung, nỗi tổn hại do bị phá hoại chánh niệm. Hãy chiếu theo những điều đã được nói trong Văn Sao, Gia Ngôn Lục để bảo với bọn họ sao cho họ biết sẵn, ngõ hầu chẳng đến nỗi khi ông lâm chung họ sẽ thể hiện lòng hiếu kiểu "đã té xuống giếng còn bị quăng đá". Lại nên viết ra một chương trình, thỉnh hai ba người cùng chí hướng chứng minh, để khi ông sắp chết đừng bị quyến thuộc phá hoại chánh niệm, hòng thành tựu chánh niệm. Mất rồi, đừng sát sanh để khỏi tạo thêm nghiệp lụy cho ta. Nếu chẳng làm như thế, thiên địa quỷ thần ắt sẽ giám sát. Dùng những điều ấy để uốn nắn tri kiến thế tục, ngõ hầu chánh niệm rỡ ràng, theo Phật vãng sanh.

Những lời phê bình bậy bạ về bát thức do ông gởi tới, tôi đã thay ông đốt đi rồi, vì thế không cần gởi tới nữa. Bởi lẽ, dẫu ta chẳng bị loại sách ấy xoay chuyển thì tâm cũng phân vân, chắc đến nỗi nẩy sanh phiền não. Viết ra điều này, mong ông hãy sáng suốt soi xét. Người bạn ông đọc Gia Ngôn Lục bèn nghi Tịnh độ, đấy là do ác nghiệp đời trước mà ra, nay tôi dùng một ví dụ: Như con giòi trong nhà xí, cảm thấy vui sướng không chi bằng. Nếu nói với nó ngoài hầm xí còn có lầu đài nhà cửa hết sức thanh tịnh, rộng rãi, nó có tin được hay không? Dẫu có kẻ nhiều chuyện, chẳng ngại thò tay bắt nó ra khỏi nhà xí, dùng nước trong, nước thơm lần lượt gột rửa nó, cũng chỉ thành ra khiến cho nó mau chết mà thôi! Đối với ông ta, hoàn toàn chẳng được lợi ích gì nơi Gia Ngôn Lục cũng giống như vậy đấy. Các ông là một bọn phàm phu, ngay đối với chính mình mà còn hoàn toàn không biết (chỉ bậc đại triệt đại ngộ mới có thể nói là "biết được chính mình" mà thôi) mà vẫn nói lời chư Phật, lời chư tổ hoằng truyền, lời đề xướng, dẫn dắt của các vị đại thiện tri thức đều chẳng chân thật, là ngụ ngôn để gạt người. Thật đáng gọi là "tâm thô, mật lớn", chẳng sợ sau này bị đọa vào địa ngục Kéo Lưỡi

hay sao? “Toàn chân thành vọng” là ước theo tâm chúng sanh mà nói, ví như nước do gió động mà thành sóng, toàn thể nước biến thành sóng, gió lặng thì toàn thể sóng biến thành nước. “Toàn chân thành vọng”, hễ trái ngược với vọng thì “toàn vọng tức là chân”. Ông thông minh, nhưng thật ra là ngu si!

181. Thư trả lời cư sĩ Ngọc Trưởng

Niệm Phật nên niệm nhỏ tiếng hoặc niệm thầm, chớ nên một mực dốc sức lớn tiếng niệm. Nếu không, ắt sẽ bị bệnh. Hãy nên lắng lòng tịnh niệm, đừng ham niệm gấp. Muốn hỏa tắt, mắt sáng thì đấy chính là pháp mầu nhiệm để hỏa tắt, mắt sáng. Ông quy y tam bảo Phật pháp tăng, muốn cầu thọ cho cha mẹ, hãy nên chí thành niệm Phật, hoặc niệm kinh Phật, há nên cầu Táo Vương (ông Táo), tụng Táo Vương Kinh? Vua bếp là thần, còn kém Ngọc Hoàng rất xa, Ngọc Hoàng còn kém La-hán rất xa, La-hán kém Phật rất xa. Ông đúng là một gã hồ đồ, chẳng niệm Phật hiệu để cầu thọ cho cha mẹ, lại niệm Táo Vương Kinh, thí tặng Táo Vương Kinh. Táo Vương Kinh là kinh do kẻ phàm tục ngụy tạo, đệ tử Phật niệm thứ kinh ngụy tạo ấy chính là tà kiến, nhưng do ông thành tâm nên cũng chẳng thể nói là không có công đức, nhưng vẫn chỉ giống như một giọt sương. Công đức niệm Phật giống như sông to, biển cả. Ông không biết niệm Phật cũng đáng thương xót thay! Quang già rồi, mục lực lẫn tinh thần đều chẳng đủ, từ nay vĩnh viễn không muốn ông gởi thư đến nữa. Gởi đến quyết chẳng trả lời, mong hãy sáng suốt suy xét. Một Bức Thư Trả Lời Khắp hãy xem xét kỹ, hành theo đó thì công đức lớn lắm.

182. Thư trả lời cư sĩ Phó Huệ Giang

Nhận được thư, thấy hình chụp của sư Ngọc (sư Ngọc Trụ), khôn ngăn nghĩ tới thuở xưa và hiện thời mà thương cảm! Quang già rồi, mục lực chẳng đủ, bài tụng tôi đã soạn ý nghĩa không chu đáo, nét chữ không ra lề lối gì, chỉ biểu lộ lòng thành của tôi mà thôi. Từ nay, hễ không có chuyện gì quan trọng, đừng gởi thư tới! Người học Phật làm thầy thuốc, hễ gặp người bệnh nặng đều nên lấy chuyện tiêu trừ túc nghiệp làm chánh, dạy người bệnh ăn chay, niệm Phật và niệm Quán Âm. Nếu do nghiệp nhân đáng được lành bệnh, chắc chắn sẽ chóng khỏi bệnh. Nếu tuổi thọ hết, chắc chắn được chết tốt lành, chẳng đến nỗi mong sống không được, cầu chết không xong. Những điều khác đã nói tường tận trong Một Bức Thư Trả Lời Khắp.

183. Thư trả lời cư sĩ Dương Thận Dư

Thư nhận được đầy đủ, cảnh tượng khi cha ông lâm chung vẫn còn tốt đẹp, hãy nên thường niệm Phật cho cụ, cầu cho cụ chưa được vãng sanh liền được vãng sanh, đã vãng sanh liền cao thăng phẩm sen. Còn như ông nhiều năm cho đó là chuyện hoang đường, chẳng sanh lòng tín niệm là do túc nghiệp của ông gây ra; mà cũng là do lúc ông còn bé, cha mẹ chẳng thật sự bỏ công giáo huấn ông về luân lý, nhân quả, cho nên ông "thường thường bậc trung" cũng không ra "thường thường bậc trung", mà giỏi giang cũng chẳng thành giỏi giang. Vì vậy người ta thường vui mừng vì có cha anh hiền đức. Nay ông may mắn biết sai, sửa lỗi, cũng là do thiện căn từ đời trước, hãy nên chú trọng trọn hết bổn phận làm cha mẹ đối với con cái thì con cháu nối tiếp nhau đều là người hiền, không bị chìm đắm trong đường hiểm như thế nữa.

Ông nói đến chuyện "hễ lễ bái bèn có các thứ rung động và trong chốn tối tăm có đốm sáng xẹt ra", đấy đều là vì ông căng thẳng tinh thần quá mức mà nên nỗi. Từ nay hễ lễ tụng chỉ chí thành khẩn thiết là được rồi, bất tất phải căng thẳng tinh thần. Tâm hãy nên tưởng hướng xuống phía dưới, hoặc tưởng ngồi trên tòa sen, chỉ tưởng nơi hoa sen đang ngồi, trọn chẳng cần so đo thân mình có ở trên hoa sen hay không, lâu ngày những tập khí hư phù ấy sẽ tiêu diệt không còn nữa. Có hiện tượng ấy phần nhiều là vì cái tâm bộp chộp, lao chao mà ra, còn chưa dụng công mà đã muốn mau được thành tựu. Kẻ chẳng biết tốt xấu tưởng [những hiện tượng rung động, đốm sáng xẹt ra] là công phu đắc lực, sẽ bị ma dựa phát cuồng. Nhưng đối với cảnh giới tốt cũng chẳng sanh lòng vui mừng, đối với cảnh giới xấu cũng không sanh lòng kinh sợ. Hễ kinh sợ thì tà ma bèn thừa dịp, hễ vui mừng ắt trước hết sẽ bị mất chánh niệm. Ông vẫn là loại tiểu tử khinh cuồng, cho nên ngày nay có tướng ấy. Nhắm mắt cũng là cái gốc gây ra bệnh, từ nay chẳng những không nhìn chi khác mà cũng đừng nhắm mắt. Bình thường niệm Phật quyết chớ nên niệm quá gấp gáp, hễ gấp sẽ bị tổn khí, hễ tổn khí chắc sẽ có chấn động. Cũng đừng niệm quá rề rà, quá rề rà chẳng tiếp hơi được, cũng dẫn đến tổn khí.

Phẩm Phổ Hiền Hạnh Nguyện, phẩm Phổ Môn, kinh Kim Cang đều nên thọ trì, hoặc mỗi ngày trì mỗi thứ một biến, hoặc hằng ngày chỉ trì một loại, luân phiên trì tụng; học chú Lăng-nghiêm hay không đều tùy ý. Cần nên biết, bất luận tụng kinh hay trì chú đều phải lấy cung kính chí thành làm gốc, đều phải hồi hướng Tây Phương cho khắp bốn ân ba cõi pháp giới chúng sanh thì lợi ích lớn lắm. Như kẻ vô tri trong thế gian chuyện gì cũng vì mình thì lợi ích sẽ thuận theo tâm lực mà hèn kém. Ví như một ngọn đèn đem thắp cho trăm ngàn ngọn đèn khác, ánh sáng của ngọn đèn ấy trọn chẳng bị tổn giảm. Nếu chẳng thắp cho ngọn đèn khác, ánh sáng của nó cũng chẳng tăng mạnh hơn và sáng lâu hơn được. Khi hồi hướng hãy nên biết đến ý này. Chẳng những vì cha mẹ, ân nhân của chính

mình mà hồi hướng như thế, ngay cả đối với oán gia cũng hồi hướng như thế thì mới có thể trên khế hợp với tâm Phật, dưới kết các duyên, giải các oán thù.

Mẹ ông có ăn chay được hay không? Đừng nghĩ đem huyết nhục phụng dưỡng mẹ là tận hiếu, cắt đùi kẻ khác để thể hiện lòng hiếu, đấy là đại nghịch, huống là giết hại ư? Chính mình cũng nên kiêng giết, ăn chay. Nếu nói "ở trong giới buôn bán, mọi chuyện chẳng tiện" thì đấy là vì miệng bụng chưa quên được cảm giác thỏa thích khi ăn thịt. Nếu chẳng mong mỏi vị ngon thì rau xanh, dưa muối một hai thứ, chẳng lẽ người ta không bằng lòng xếp dọn cho ông ư?

Nói đến chuyện vọng ngữ thì chẳng được coi hệt như nhau, nếu là chuyện không quan trọng khẩn yếu thì vẫn chưa phạm lỗi lớn; chứ nếu là chuyện quan trọng khiến cho người khác bị hỏng việc thì quyết chẳng thể nói dối. Chuyện nặng đã không nên làm, cớ sao đối với chuyện nhẹ lại đặc biệt làm? Do vậy biết rằng, gọi là "vọng" vì hoàn toàn xuất phát từ vọng tâm.

Ông muốn quy y, nay đặt pháp danh cho ông là Tông Thận, thận (愼) tức là giữ gìn, nuôi dưỡng tấm lòng phản tỉnh, quán sát, khắc chế ý niệm. Xưa kia do mất niệm nên thành cuồng, nay há chẳng thể khắc chế ý niệm để thành thánh ư? Tâm thể của thánh hay cuồng vốn tương đồng, nhưng tâm tướng, tâm dụng của thánh và cuồng khác biệt vời vợi như trời với đất. Cho nên nói: "Thánh mất niệm thành cuồng, cuồng khắc chế được ý niệm bèn thành thánh." Mạnh tử nói: *"Nhân giai khả dĩ vi Nghiêu Thuấn; dĩ Nghiêu Thuấn chi sở dĩ vi Nghiêu Thuấn, hiếu đễ nhi dĩ"* (Ai cũng có thể là Nghiêu Thuấn. Sở dĩ Nghiêu Thuấn có thể trở thành Nghiêu Thuấn chỉ vì hiếu đễ mà thôi!) Phật dạy: *"Nhất thiết chúng sanh giai đương tác Phật"* (Hết thảy chúng sanh đều sẽ thành Phật). Ví như một trang giấy trắng, vẽ hình Như Lai thì chính là Như Lai, vẽ hình kẻ ăn mày thì là ăn mày. Hãy nên thận trọng từ lúc ban đầu sẽ chẳng đến nỗi trên là cô phụ sự giáo hóa của Phật, dưới chẳng phụ bạc tánh linh của chính mình.

Cõi đời gần đây nguy hiểm muôn phần, hãy nên khuyên người nhà niệm Phật và niệm Quán Âm để làm kế dự phòng. Đối với mẹ ông, hãy nên cực lực khuyên cụ chuyên tu tịnh nghiệp, cầu sanh Tây Phương. Quang già rồi, tinh thần chẳng đủ, chớ nên thường gởi thư đến. Thường đọc Văn Sao, Gia Ngôn Lục thì chẳng cần phải viết thư xin tôi khai thị. Nhưng đấy là ước theo chuyện tu Tịnh độ mà nói; nếu không giết chết cái tâm vọng tưởng, cứ muốn làm một vị đại thông gia, mong ở trước mặt người khác tuyên nói, phô diễn trí thức của chính mình thì chuyên theo học hỏi với một vị pháp sư chắc vẫn chưa thể mãn ý, huống là chỉ đọc mấy cuốn sách ấy ư? Trộm sợ rằng ông không thể làm một vị đại thông gia

được, mà sự tu trì của ngu phu ngu phụ cũng bỏ luôn thì kết quả chẳng thể nào tưởng tượng nổi đâu. Xin hãy rất cẩn thận!

184. Thư trả lời hai vị cư sĩ Liễu Phàm và Dã Công

Thư và truyện sư Ngọc Trụ đều nhận được cả. Truyện ấy văn từ tường thuật sự việc quá rườm rà, nhưng cũng không trở ngại gì, chỉ có điều Thiên Lãng và ma vương ngoại đạo sáng lập ra thuyết Lục Bộ Thiền[14], hai ông đưa kẻ ấy vào trong truyện thì chắc rằng kẻ hiểu biết sẽ tưởng thuyết "Lục Bộ Thiền" là cao diệu. Gã ấy còn chưa biết đến hơi hướng nhà Thiền! Nếu biết, sao đã tham thấu triệt bộ sách thứ nhất rồi lại cần phải tham thấu bộ sách thứ hai, thứ ba, thứ tư, thứ năm cho tới bộ thứ sáu[15] ư?

Đoạn văn ngầm so sánh sư Ngọc Trụ với ngài Trí Giả và đoạn văn so sánh rõ ràng ngài Ngọc Trụ chẳng kém ngài Vĩnh Minh chính là đem phàm lạm thánh, tội ấy chẳng nhỏ. Quang sợ kẻ vô tri ai nấy đều bắt chước theo thì Phật pháp sẽ do đấy mà bị diệt, chẳng thể không nói rõ với các ông. Quang suốt một đời chẳng khen xằng người khác, mà cũng hết sức ghét kẻ khác khen ngợi tôi bừa bãi. Các ông do khen ngợi thầy Ngọc Trụ mà nói như vậy thì chính là bày trò cho kẻ học Phật làm chuyện dối trá, chẳng thể không cẩn thận ư? Báo ân thầy Ngọc Trụ kiểu ấy, nếu thầy Ngọc Trụ biết được, chắc sẽ đau đớn khóc lóc!

Quang đã 79 tuổi rồi, hai mươi bữa nữa sẽ tròn tám mươi, hoặc là chết trong năm nay, hoặc phải chịu tội mấy năm nữa. Quang chết rồi chỉ mong các ông sốt sắng dùng pháp môn Tịnh độ để tự lợi lợi tha. Nếu lo viết tiểu sử tán dương, soạn văn phúng điếu cho Quang để đưa tặng khắp xa gần thì chính là oán gia của Quang. Quang một đời chẳng nhận tiếng khen rỗng tuếch của người khác, bởi chết rồi sẽ chẳng biết đến tiếng khen suông nữa, làm như thế chính là mang lòng lừa dối. Quang chỉ mong từ phụ A-di-đà chịu rủ lòng thương xót, ngoài ra chẳng muốn nghe chuyện gì khác!

185. Thư trả lời cư sĩ Hùng Hách

[14] Lục Bộ Thiền là một thuyết cho rằng để lãnh hội được tinh tủy của Thiền tông phải lần lượt đọc và thấu hiểu được sáu bộ sách được coi là quan trọng nhất trong nhà Thiền (Hoàng Bá Truyền Tâm Pháp Yếu, Tông Kính Lục, Đại Huệ Ngữ Lục, Cảnh Đức Truyền Đăng Lục, Thiên Thánh Quảng Đăng Lục, Thiên Thánh Tục Đăng Lục).

[15] Theo các bộ truyện tường thuật hành trạng của các thiền sư, các vị ấy đại triệt đại ngộ chỉ cần nhờ tham thấu một công án. Khi đã thấu triệt một công án thì hết thảy công án đều thông. Do đó nếu bảo là "tham thấu xong một bộ sách lại phải tiếp tục tham thấu cho đến trọn sáu bộ ngữ lục" thì sự tham thấu ấy chỉ là thấu hiểu, suy lường nghĩa lý theo mặt văn tự, chứ không thể là đại triệt đại ngộ được.

Hằng ngày niệm Phật, cầu Phật tiếp dẫn người đời trước đã khuất được vãng sanh là đủ rồi, cần gì phải đặt pháp danh? Về chuyện thọ ngũ giới, hãy nên dựa theo cách đã nói trong bức thư gởi cho bà Từ Phước Hiền nơi cuốn một bộ Văn Sao: Ở trước đức Phật lễ bái, tự thệ thọ giới. Theo Luật, cư sĩ chỉ được phép đắp loại y năm miếng thẳng, gọi là mạn y[16], không có những sọc ngang một dài một ngắn. Người đời nay phần nhiều chẳng đúng pháp, hoặc đắp y năm điều một dài một ngắn, hoặc đắp y bảy điều hai dài một ngắn, đều là trái luật. Ngay cả với mạn y đúng pháp, người tại gia cũng chỉ nên đắp khi lễ bái, trì tụng, kính lễ tam bảo, chớ nên thường đắp. Y năm điều của người xuất gia trước kia khá ngắn hẹp, giống như một cái khăn bông lớn thường chẳng rời thân, vì thế gọi là vụ y (y mặc để làm lụng). Nay thì y năm điều và y bảy điều to rộng như nhau, khi làm việc cũng chẳng thể đắp. Đấy chính là sự khác biệt giữa chế định xưa và nay vậy.

Hiện thời, bất luận là ai đều nên chuyên tu tịnh nghiệp, nhất tâm niệm Phật cầu sanh Tây Phương. Gần đây do chiến sự dữ dội, càng nên niệm Quán Thế Âm Bồ-tát cho nhiều. Nay tôi gởi kèm thêm một tờ Khuyến Niệm Quán Âm Văn, mong hãy nói với hết thảy mọi người. Quang già rồi, mục lực lẫn tinh thần đều không đủ, lại còn hằng ngày niệm Phật, niệm Quán Âm và chú Đại Bi để cầu chúc cho quốc dân, cầu siêu cho những người đã khuất nên không rảnh rỗi để nói nhiều.

186. Thư trả lời cư sĩ Tông Nguyện

Qua các thứ cảnh tượng lúc lâm chung của lệnh thê[17] đã được ghi chép đủ thấy pháp trợ niệm lợi ích lớn lao. Đã biết lợi ích của pháp trợ niệm, sao trong lúc thường ngày chẳng khuyên khắp hết thảy mọi người niệm Phật cầu sanh Tây Phương? Nếu lời ông nói chẳng phải là thêu dệt thì bà nhà quyết định vãng sanh.

---

[16] Do khi xưa khổ vải quá hẹp nên để may mạn y (y trơn) phải ghép năm miếng lại. Nhưng năm miếng ấy phải dài bằng nhau, không được cắt thành dài ngắn khác biệt. Hiện thời hầu như không thấy mạn y gồm năm miếng nữa mà mạn y luôn được may bằng cả khổ vải. Mạn y thường được đắp bởi sa-di và người tại gia thọ giới Bồ-tát (cũng có trường hợp người thọ ngũ giới đắp y nhưng khá hiếm). Tại Trung Hoa, mạn y của sa-di và cư sĩ giống hệt nhau; riêng tại Việt Nam, mạn y của sa-di và sa-di-ni được may có một sọc nổi lên chính giữa tấm y. Y năm điều (an-đà-hội: antarvāsa) của tăng sĩ cũng gồm năm miếng ghép lại, nhưng mỗi miếng ấy lại được cắt thành hai miếng nhỏ, một dài một ngắn (tức là gồm mười miếng tất cả. Gọi là "y năm điều" là do đếm theo chiều dọc của y). Miếng đầu tiên và miếng cuối cùng của y năm điều phải có hai miếng ngắn ở trên. Do cách may như vậy nên tổ Ấn Quang mới viết "y năm điều một dài một ngắn". Y bảy điều (uất-đa-la-tăng: uttarāsamga) do gồm bảy miếng lớn ghép theo chiều dọc nên gọi tên như vậy. Mỗi miếng lại cắt thành hai miếng dài hai miếng ngắn ghép lại. Y này dùng để thọ trai, lễ bái, giảng kinh, tụng kinh nên thường gọi là nhập chúng y. Các miếng này được may đâu lại, dằn chỉ cho nổi lên thành vằn nên tổ gọi là "hoành văn" (sọc ngang). Y của chư tăng Trung Hoa cắt thành từng miếng, nhưng may khít nhau, mỗi miếng không may chừa mép như y của chư tăng Việt Nam.

[17] Tiếng gọi tỏ vẻ kính trọng vợ người khác.

Đối với phẩm vị, do bà ta trọn không có chánh tín, lâm chung chưa từng phát tâm đại Bồ-đề nên sẽ sanh vào hạ phẩm. Chớ nói "theo như kinh Quán Vô Lượng Thọ Phật đã dạy thì người thuộc hạ phẩm đều là chúng sanh tạo nghiệp!" Bọn họ vốn là người ác niệm Phật, tức là báng Phật, báng pháp, báng tăng, được khuyên nhủ nhiều lần vẫn chẳng tin, thân miệng ý đều báng tam bảo, đến khi lâm chung sợ chết, nghe nói đến lợi ích của sự vãng sanh Tây Phương mới sanh lòng tin, quyết định sanh trong hạ phẩm. Nhưng sanh trong hạ phẩm so với sanh lên trời làm thiên đế, thiên vương vẫn còn cao siêu hơn vô lượng vô biên lần. Nghiệp đã siêu phàm nhập thánh thì đâu còn thiếu sót chi?

Người đời nay ưa phô trương hư vọng, chuyện này (tức chuyện tướng trạng vãng sanh tốt lành) chớ nên làm giả. Hễ bày trò giả dối thì người mất bị tổn hại, mà chính mình cũng mắc tội đem phàm lạm thánh. Hãy bảo lại lời này với các xã hữu, khuyên họ chú trọng tu hành thật sự để là chân Phật tử. Nếu không, sẽ trở thành quyến thuộc ma. Bệnh lao phần nhiều là do thường ăn nằm quá độ mà ra, đến nỗi phải chết sớm. Nhưng lúc chết lại nẩy sanh lòng tin và nhờ sức trợ niệm, ấy chính là biến nghiệp nhân duyên thành thiện nhân duyên. Nay gởi Thọ Khang Bảo Giám, Sức Chung Tân Lương, Liễu Phàm Tứ Huấn, Tịnh Độ Thánh Hiền Lục mỗi thứ một bộ và sớ cầu con, ba điều trọng yếu để cầu con, xin hãy đọc kỹ ngõ hầu con cái sau này chẳng đến nỗi bị chết thảm như thế.

187. Thư trả lời cư sĩ La Khanh Đoan (thư thứ nhất)

Bản chú giải kinh Kim Cang của ngài Tông Lặc[18] khá ổn thỏa, Thạch Thiên Cơ[19] tự phụ bản chú giải của ông ta rất hay, nhưng thật ra những chỗ trái nghịch kinh nghĩa trong bản chú giải ấy chẳng thể nêu trọn từng điều được. Ở Nam Kinh, có bản Tâm Kinh được chú giải bởi năm vị thiện tri thức, hãy nên khuyên hết thảy mọi người xem bản ấy. Người ta thỉnh bản chú giải kinh Kim Cang về đọc là vì muốn hiểu nghĩa, đối với nghĩa lý kinh Kim Cang, nếu chẳng chí thành thọ trì,

[18] Tông Lặc (1318-1391) là một vị tăng thuộc tông Lâm Tế sống vào đầu đời Minh. Sư là người Đài Châu (nay là huyện Lâm Hải, tỉnh Chiết Giang), tự Quý Đàm, hiệu Toàn Thất. Năm lên 8 tuổi, sư tới chùa Tịnh Từ ở Hàng Châu để học pháp với ngài Tiếu Ẩn Đại Hân, 14 tuổi xuống tóc, 20 tuổi thọ cụ túc. Sư cũng tham học với ngài Kính Sơn Nguyên Tẩu. Đầu đời Minh, vua xuống chiếu cử sư làm trụ trì chùa Thiên Giới, sai sư cùng với sư Như Kỷ soạn các bộ Lăng-già Kinh Chú Giải, Bát-nhã Tâm Kinh Chú Giải và Kim Cang Bát-nhã Kinh Chú Giải; đồng thời kiểm điểm Đại tạng kinh, soạn ra nhạc phổ tán Phật. Năm Hồng Vũ thứ 10 (1377), sư sang Tây Vực, thỉnh được kinh Trang Nghiêm Bảo Vương và Văn-thù Kinh v.v.. Năm Hồng Vũ 15 (1382), sư trở về Trung Hoa, được phong chức Hữu Thiện Thế cai quản Tăng Lục Ty. Về sau, do triều thần tìm đủ mọi cách gièm báng, sư bèn thoái ẩn về am Viên Thông. Về sau, sư mất tại chùa Thạch Phật thuộc Giang Phố. Ngoài những trước tác kể trên, sư còn soạn các bộ Toàn Thất Ngoại Tập, Toàn Thất Cảo v.v..

[19] Thạch Thiên Cơ (1659-1736), tên thật là Thạch Thành Kim, tự Thiên Cơ, hiệu Tỉnh Trai, người Dương Châu, ham học từ nhỏ, rất thông thạo, suốt đời lấy việc dạy học trước tác làm vui. Ông trước tác rất nhiều, những trước tác được tập hợp thành bộ Truyền Gia Bảo Toàn Tập.

đọc tụng, dẫu hiểu được ý nghĩa kinh văn thì vẫn như mây mù che lấp mặt trời, chẳng thấy được chân tướng. Hiềm rằng người đời chỉ biết coi trọng chuyện hiểu nghĩa, chẳng biết lợi ích thật sự là do cung kính, chuyên tinh thọ trì.

Mười bảy người cùng nguyện quy y ấy, nay đặt pháp danh cho mỗi người, viết thẳng vào đơn ghi danh. Ông hãy nên bảo họ: Đã phát tâm quy y thì hãy nên nương theo Phật pháp để tu trì, phàm những pháp luyện đan, vận khí v.v. của ngoại đạo đều nên bỏ hết đi. Nếu vẫn tu tập theo pháp của bọn ngoại đạo ấy sẽ trở thành tội nhân trong Phật giáo, ví như người dân trong nước nương nhờ bọn giặc cướp vậy. Luyện đan, vận khí chẳng phải là không có điểm tốt, đấy là pháp để dưỡng thân. Bọn họ cho rằng đấy là Phật pháp chân truyền, ngược ngạo bảo Phật pháp chẳng bằng pháp của họ. Do vậy, kẻ vô tri tưởng luyện đan, vận khí của ngoại đạo chính là Phật pháp. Cái tội gây lầm lạc cho người khác nặng hơn ưu điểm dưỡng thân trăm ngàn vạn lần. Vì thế, chẳng thể không nói toạc ra để bọn họ khỏi vì hảo tâm mà chuốc lấy quả báo báng pháp, hoại pháp.

Nhân dân hiện thời đang ở trong cảnh nước sâu lửa bỏng, hãy nên niệm Phật, niệm Quán Âm để làm phương cách đề phòng sẵn. Lệnh nghiêm[20] là người thật hiếm thấy trong đời mạt, đủ nêu gương cho đời. Tôi sẽ sửa chữa bài ghi chép đại lược của Quách Trí Úc để cho lời văn được sáng sủa, gãy gọn hơn. Nhưng gần đây khá bận bịu, chẳng rảnh rỗi lo đến, đợi sau này có lúc rảnh rang sẽ chấp bút. Phận làm con nêu tỏ đức hạnh của cha mẹ thì cần phải chú trọng nơi tận tụy thực hành, nếu chính mình có thể lập đức, thể hiện lòng nhân thì người khác sẽ tự tôn kính cha mẹ mình là bậc đức hạnh tốt đẹp. Nếu không, người ta sẽ nói: "Người có đức hạnh tốt ắt sẽ có con cháu đáng trọng. Con đã chẳng được như vậy, chắc là cha mẹ có điều ác ẩn giấu nên mới thành ra như thế!" Do vậy nói: "Làm rạng danh cha mẹ chỉ do chính mình tận tụy thực hành, chứ không phải do văn tự, lời lẽ." Nhưng nếu không có văn tự, lời lẽ thì không thể nào làm cho người khác nức lòng, vì thế Quang cũng đồng ý viết bài kỷ niệm cho cha ông. Hãy nên đem điều này dạy khắp những kẻ làm con thì lợi ích sẽ lớn lao lắm!

Nghi thức Mông Sơn thì chiếu theo kinh văn mà đọc, cũng chẳng có gì rất bí mật cả. Đối với việc kết ấn, ngay ở tùng lâm cũng là phô diễn, chứ thật ra chưa dựa theo thật nghĩa mà kết ấn[21], vì thế chẳng cần phải kết ấn.

---

[20] Tiếng gọi cha người khác nhằm tỏ ý kính trọng.

[21] Vì nếu kết ấn đúng pháp thì phải vừa kết ấn vừa quán tưởng chủng tự của vị bổn tôn của ấn chú ấy, đồng thời tâm phải thể nhập phẩm đức của vị tôn thánh ấy, sao cho tam mật tương ứng. Chẳng hạn như khi tụng chú Cam Lộ Thủy Chân Ngôn trong nghi thức Mông Sơn, người tụng kết ấn, đồng thời phải tưởng trong tâm có một vầng trăng, chính giữa vầng trăng có Phạn tự Bham (thường phiên âm thành Vãm hoặc Noan trong chữ Hán), sáng chói ngời, từ giữa chữ ấy tuôn ra nước *bát-nhã cam lộ tánh thủy*

188. Thư trả lời cư sĩ La Khanh Đoan (thư thứ hai)

Chuyện thọ giới nên lấy chí thành sám hối làm chánh, tự thọ trước đức Phật, Quang thay mặt tam bảo chứng minh, nhưng quan trọng là ở chỗ phản tỉnh, quán sát nơi khởi tâm động niệm. Phản tỉnh, quán sát được như thế thì sẽ tự có thể "chẳng làm các điều ác, vâng giữ các điều lành". Nếu chẳng phản tỉnh, quán sát ở nơi ấy thì tuy có thọ giới vẫn là kẻ thường phạm giới. Trong khoảng tháng 8, các loại sách sẽ được dần dần gởi tới. Hiện thời thế đạo nhân tâm đã suy hãm đến cùng cực, nếu chẳng tích cực đề xướng nhân quả báo ứng và giáo dục trong gia đình, chắc chắn chẳng có lợi ích thật sự, giáo dục trong gia đình càng phải chú trọng nhân quả báo ứng. Đấy chính là phương tiện lớn lao để thánh hiền, Phật, Bồ-tát bình trị thiên hạ, độ thoát chúng sanh.

Tu trì trong hiện thời chỉ có Tịnh nghiệp thật là bậc nhất, chớ nên nghe Thiền uyên áo, mầu nhiệm, Giáo uyên thâm, Mật lạ lùng, đặc biệt, mà bị lay chuyển để rồi do vậy liền thấy khác, nghĩ lạ, bỏ mất đạo phổ độ chúng sanh của đức Như Lai đến nỗi chính mình vẫn làm kẻ luân hồi trong sanh tử nơi thế giới Sa-bà này; đáng buồn, đáng đau lắm! Ắt phải nên chuyên tu tịnh hạnh, giải quyết cho xong ngay trong đời này, ngõ hầu chẳng uổng đời này và dịp gặp gỡ này. Chuyện đả thất hãy nên dựa theo chương trình của Thiền Môn Nhật Tụng, bỏ bớt những đoạn kinh văn rườm rà, chuyên chú nơi niệm Phật thì sẽ được lợi ích lớn.

Bát quan trai giới lấy "không ăn quá ngọ" làm thể, người đời nay thể chất yếu đuối, lắm bệnh, mà còn đả thất niệm Phật, đấy chính là tinh tấn hành đạo. Lắng lòng tọa thiền chẳng thể nào sánh bằng được, có lẽ không nên chấp trước. Nếu không, sợ rằng sẽ bị bệnh. Hơn nữa, phương Nam khi đả thất ăn điểm tâm với phân lượng quá nhiều, chẳng những tâm không thể quy nhất, mà thức ăn cũng chẳng dễ tiêu, hãy nên kiêng ăn nhiều! Hai lượt cháo hoặc hai lượt cơm là được rồi. Nói đến chuyện "hôm trước ngày mở thất liền trì bát quan trai" cũng không phải là lời bàn luận đích xác. Đã trì vào ngày hôm trước bữa khai thất thì trong suốt một thất không nên trì hay sao? Cần biết rằng, một pháp niệm Phật sự lý rất sâu, chúng ta hãy lượng theo sức mà làm, chớ nên ép buộc người khác gây khó khăn khiến cho người ta chẳng khởi lên ý tưởng mạnh mẽ, như vậy là được rồi. Chuyện trong thiên hạ lý có nhất định nhưng pháp tùy cơ, chi tiết có thể sửa đổi, nhưng đường lối tổng quát chẳng đổi thì mới mong có thành tựu. Giữ khăng khăng quy củ đã thành lập hay lầm lạc lập ra chương trình mới đều khó thể thâu được hiệu quả. Mong hãy khéo cân nhắc ngõ hầu đích thân đạt được tam-muội vậy!

---

tràn ngập khắp pháp giới, nhuần thấm hết thảy chúng sanh trong nghiệp đạo, khiến họ đều lìa phiền não, được thanh tịnh.

189. Thư trả lời cư sĩ Huệ Thanh

Ông đã đến tuổi cổ hy (bảy mươi), lại còn phải dạy học kiếm ăn, nhưng cuồng tâm vẫn chẳng dứt. Muốn nghiên cứu Lăng-nghiêm, Thiền tông, muốn được vang danh "có thiền, có tịnh", thật có thể gọi ông là kẻ "chưa đến suối vàng chưa chết lòng" (Thế tục nói: "Chẳng đến Hoàng hà chẳng cam lòng", đấy chính là đã khéo léo dùng Hoàng Hà thay cho hoàng tuyền (suối vàng). Nếu đến suối vàng, dẫu chẳng chịu nguội lạnh tấm lòng thì cũng đành nguội lạnh cõi lòng mà thôi). Những kẻ biết tà thấy lầm hiện thời nhan nhản khắp thế giới, ai có tinh thần để biện luận với bọn họ? Đã biết lời phê phán bát thức là sai, sao vẫn gởi cho người khác?

Tri thức hiện thời mỗi người đề cao một pháp, ông hãy nên đọc kỹ các sách Tịnh độ, lấy cổ nhân làm thầy để khỏi đến nỗi bị mê muội. Nếu thân cận những tri thức theo kiểu trẻ trung, hiện đại[22] hiện thời, chắc sẽ có kẻ mê mà chẳng biết mình đang mê. Đối với sách Yếu Giải mà ông còn chưa mãn ý, bảo ngài Ngẫu Ích học vấn chẳng bằng ngài Liên Trì, nhưng lũ ta há dám suy đoán xằng bậy sở chứng của cổ nhân ư? Nếu bàn đến chỗ mấu chốt, trọng yếu về mặt nghĩa lý của sách Yếu Giải thì quả thật là ngàn đời chưa hề có. Tàng kinh viện có sách Tịnh Độ Thập Yếu, Bảo Vương Luận cũng nằm trong bộ sách ấy, sao lại bảo là tìm Bảo Vương Luận không ra?

Bản chú giải Khai Mông[23] có cũng được, không cũng được, cái học của ngài Thông Trí có chỗ thông mà cũng có chỗ chưa thông, những bản chú giải cổ của kinh Lăng-nghiêm nhiều vô số, cần gì phải đọc bản Khai Mông ấy? Khai Mông cũng sao lục văn của người xưa, nhưng sư Thông Trí sắp xếp không theo thứ tự. Ông thử đọc lá thư gởi cho hòa thượng Tịch Sơn chùa Vạn Thọ trong Văn Sao sẽ hiểu ý. Muốn thấy được đại ý kinh Lăng-nghiêm thì cần phải tìm tòi, phân tích từng câu kinh văn, chú thích tường tận thì mới thấy rõ ràng như nhìn vào đường chỉ tay trong lòng bàn tay.

Ông tuổi đã gần bảy mươi mà vẫn chưa hiểu rõ pháp môn Tịnh độ, cứ si tâm vọng tưởng muốn nghiên cứu Lăng-nghiêm, lại muốn biết mùi vị của Thiền tông. Đừng nói chưa biết mùi vị nhà Thiền; dẫu biết rồi cũng chẳng thể gọi là "có Thiền"! Sao ông không đọc bài Tịnh Độ Quyết Nghi Luận và Tông Giáo Bất Nghi Hỗn Lạm Luận của Quang vậy? Ông muốn được "có Thiền" thì ông phải nằm mộng! Nếu không, chẳng thể "có Thiền" được. Tâm phải đặt nơi "cầu không thể

[22] Nguyên văn "thời mao" có nghĩa là những trào lưu thời thượng, thích lập dị, chạy theo thời trang, coi đó là trẻ trung, tiến bộ, không cổ hủ, bảo thủ.
[23] Đây là bộ Lăng-nghiêm Khai Mông của sư Thông Trí Tầm Nguyên.

được", nếu đích thân thấy được điều này thì may mắn lớn. Nếu không, hãy nhất tâm niệm Phật, niệm đến mức cùng cực sẽ tự biết ngay. Dẫu chẳng biết, nhưng được vãng sanh Tây Phương thì lo gì không biết?

Ông muốn người khác chỉ cho ông chân tâm nhất định ở chỗ nào thì chính là kẻ si "dán trụ gảy đàn sắt"[24] vậy. Ông hoàn toàn chẳng có khí phận Thiền môn, lầm lạc bảo những lời cổ nhân nói như "đem cái tâm của ông lại đây, ta sẽ an cho ông"[25] là mờ mịt, chẳng sợ mắc tội báng pháp ư? Đấy chính là cổ nhân vận dụng tâm tham cứu đến cùng cực, cho nên từ một lời liền đích thân thấy được bản lai như người uống nước, lạnh nóng tự biết. Ông dùng cái tâm dò đoán suy lường để lãnh hội nơi văn tự bề ngoài, nên mới cho là mờ mịt, không thân thiết, phân minh. "Thuần tưởng tức phi"[26] nghĩa là bay lên, sao lại lầm lạc bảo là "tâm ở trên

---

[24] "Giao trụ cổ sắt" (dán trụ, gảy đàn sắt) là một thành ngữ cổ thường được dùng để chỉ những kẻ chấp chặt một cách mù quáng, không biết quyền biến. Theo Hán Ngữ Thành Ngữ Tự Điển, sắt là một loại đàn cổ, giống như đàn cầm (cả hai loại đàn này đều trông tựa tựa như đàn tranh nhưng nhỏ hơn và thanh nhã hơn), nhưng tiếng vang và cao hơn. Trụ là những con sáo (tức những miếng gỗ nhỏ hình tam giác đặt trên mặt đàn có thể di động để biến đổi độ căng của dây đàn). Theo sách ấy, có một người nước Tề sang đất Triệu học đàn sắt. Do người nước Triệu chỉnh dây đàn rất khéo, người nước Tề bèn dùng keo dán chặt con sáo xuống mặt đàn cho khỏi lạc điệu rồi trở về nước. Suốt ba năm anh ta tập đàn nhưng không đàn thành khúc nào, đâm ra oán trách người nước Triệu giấu nghề. Có người từ đất Triệu đến thăm, anh ta bèn hỏi ra mới biết mình quá xuẩn ngốc: Những con sáo không thể di chuyển thì làm sao biến đổi xoang điệu cho được!

[25] Khi Nhị tổ Thần Quang Huệ Khả của Thiền tông cầu Sơ tổ Bồ-đề-đạt-ma dạy cho cách an tâm, tổ Đạt-ma đã dạy: "Ông đem cái tâm của ông lại đây, ta sẽ an cho." Tổ Huệ Khả thưa: "Con không tìm được cái tâm", tổ Đạt-ma liền dạy: "Ta đã an tâm cho ông rồi đó."

[26] Đây là một câu kinh trích từ kinh Lăng-nghiêm thuộc phần biện định về ngũ ấm ma. Sau khi nghe đức Phật nói các danh hiệu của kinh, ngài A-nan liền hỏi về nguyên nhân có các nẻo luân hồi. Đức Phật dạy nguyên nhân "do tình hay tưởng khác nhau mà có thăng hay đọa". Chúng tôi xin trích dẫn nguyên văn đoạn kinh ấy và lời giảng của pháp sư Viên Anh trong sách Đại Phật Đảnh Thủ-lăng-nghiêm Kinh Giảng Nghĩa:

Chánh kinh: *"Thuần tưởng tức phi, tất sanh thiên thượng. Nhược phi tâm trung kiêm phước kiêm huệ, cập dữ tịnh nguyện, tự nhiên tâm khai, kiến thập phương Phật, nhất thiết Tịnh Độ, tùy nguyện vãng sanh."*

Giảng: Tưởng là lắng lòng quán tưởng, chẳng phải là loạn tưởng. Tưởng ở đây khác với tưởng của loài noãn sanh. Ước theo lúc chúng (tức loài noãn sanh) thọ sanh thì tưởng của chúng là tưởng vọng nhiễm, còn tưởng được nói đến trong đoạn kinh văn ở đây là ước theo người ấy lúc còn sống đã quen tu tập tưởng thắng diệu. Do thuần tưởng có cảnh giới thắng diệu nên có thể bay lên, chẳng đến nỗi đọa lạc, ắt sanh lên cõi trời, sống trong cõi trời… "Thuần tưởng" ở đây thuộc về tưởng của chư thiên trong tam giới, nên thấy được chư thiên, đều do thiện nghiệp từ trong cái tâm quán tưởng ấy cảm thành. Nếu trong cái tâm thuần tưởng bay lên ấy, lúc bình thời có kiêm tu phước, tu huệ, chẳng hạn như cúng Phật là phước nghiệp, nghe pháp là huệ nghiệp và những người có tịnh nguyện, vẫn thường nguyện học theo Phật, được Phật thọ ký, và những ai muốn cầu vãng sanh nguyện được thấy Phật. Phàm những người bình thường không tu tập khi thọ mạng sắp hết, thần thức hôn ám, trông khắp mười phương giống như một vùng tối, mờ mờ, mịt mịt, chẳng biết đi về đâu. Còn người do tu tập thuần tưởng, nay do tưởng thuần tịnh và sức phước tuệ cùng với sức tịnh nguyện, tự nhiên tâm địa khai thông, thấy mười phương Phật, hết thảy Tịnh độ, như cõi Cực Lạc của Phật A-di-đà, cõi Lưu Ly của Phật Dược Sư v.v., mười phương đều hiện, hơn kém rành rành. Vì thế được tùy nguyện vãng sanh."

đảnh”[27]? Đúng là tri kiến ngoại đạo nói nhăng nói càn! Kinh được dẫn trong Cảm Ứng Vựng Biên chưa từng giảo chánh, đối chiếu, nhưng ý nghĩa chánh yếu là “thiên thần giám sát chẳng hề xa lìa”, cũng chẳng cần phải chấp chết cứng từng câu từng chữ.

“Tâm như nước lặng, gương sáng” là ước theo bản thể để nói, “gương sáng chẳng phải đài” chính là thánh tình và phàm tình đều tận, năng - sở lưỡng vong (chủ thể và đối tượng được nhận biết đều mất). Ông chỉ sợ người khác chấp trước, nhưng chính ông lại lầm lạc khác nào vạn dặm. Sách Kim Cang Bàng Chú là do ngoại đạo nói ra, ông coi đó là Phật pháp, đáng than tột cùng! Cái được cầu chính là tâm, nhưng cần phải hiểu được cái tâm ấy thì mới tốt. Nếu không, chẳng những cái được cầu chính là tâm mà ngay cả cái bị buông bỏ cũng chưa hề chẳng phải là tâm. Ngay như làm chuyện giết trộm dâm, có bao giờ chẳng phải là tâm? Có thể nói ông là hạng người biết nhiều, hiểu nhiều, nhưng đối với chuyện này lại chẳng biết quy hướng về đâu để được thọ dụng. Ông hãy nên chết lòng sốt sắng niệm Phật, đừng làm ra vẻ một vị đại thông gia giỏi phân biệt pháp nghĩa kiểu đó, sẽ chẳng uổng đời này, chẳng phí dịp gặp gỡ này. Nếu không, sanh tử xảy đến, vẫn theo nghiệp thọ báo y như cũ. Mong gặp được pháp môn Tịnh độ lần nữa, e rằng chẳng được may mắn như thế đâu!

190. Thư trả lời cư sĩ Hồ Trạch Phạm (thư thứ nhất)

Xem thư gởi đến, có thể nói là “phát tâm đại Bồ-đề để mong mình lẫn người đều được lợi”, nhưng thư viết *“tâm lợi mình nhạt nhẽo, tâm lợi người thiết tha”* cũng là ngữ bệnh. Chẳng thể tự lợi thì trọn chẳng thể làm lợi lớn lao cho người khác được! Hai điều ấy hãy nên chẳng phân biệt thân sơ mới đúng, tự lợi và lợi tha chính là một nguyện mà thôi, đối với tự lợi ắt phải dốc hết tâm lực, há nên đối với phương diện tự lợi lại nói là nhạt nhẽo, lầm lạc học theo thân phận của đại Bồ-tát.

[27] Bọn đạo sĩ đã soạn ra cuốn Thái Ất Kim Hoa Tông Chỉ, mạo danh tác giả là Thuần Dương Lã Tổ (Lã Động Tân) để xuyên tạc kinh Lăng-nghiêm như sau: “Các thầy vâng giữ diệu dụng, vẫn còn có bí quyết nhanh chóng nhất trong các bí quyết, tức là lúc buông xuống muôn duyên, chỉ dùng chữ y của Phạm Thiên (tức là Nhật Nguyệt Thiên Cương, đấy chính là mắt trái, mắt phải và chính giữa hai chân mày trong thân người. Tiên thiên thần nhân đều có đủ ba mắt như Đầu Mẫu Lôi Tổ vậy. Con người biết tu luyện, mi tâm (chính giữa hai mày) liền mở ra, con mắt được mở ra ấy gọi là thiên mục)… Các thầy tuân hành pháp, chẳng có pháp nào khác để cầu tiến, chỉ thuần tưởng ở nơi đó. Kinh Lăng-nghiêm nói: ‘Thuần tưởng tức phi, tất sanh thiên thượng.’ Thiên ở đây không phải là trời xanh thẳm, mà chính là càn cung (đảnh đầu) trên thân, lâu ngày tự nhiên sẽ được thân ở ngoài cõi trời.” Do bọn đạo sĩ xuyên tạc kinh Phật để chứng minh phép luyện đan vận khí nên tổ mới chê là *“hồ thuyết ba đạo”* (nói nhăng, nói càn).

Cuốn Di-đà Kinh Bạch Thoại Giải của ông Hoàng Hàm Chi (lúc ấy ông ta đang giữ chức Đạo đài[28] vùng Ninh Thiệu, vẫn chưa quy y) trích dẫn những kinh văn từ những sách vở khác, nhưng trước đấy không dẫn nguyên văn mà dùng ngay bạch thoại để diễn giải ý nghĩa những đoạn kinh văn ấy, quả thật là một thiếu sót lớn. Khi ấy, Quang chẳng nghĩ làm như vậy là đúng lắm, nhưng chưa thể khuyên ông ta không nên làm như vậy. Năm Dân Quốc 18 (1929), ông ta lại soạn cuốn Phật Học Đại Ý (khoảng 200 trang), Triêu Mộ Khóa Tụng Bạch Thoại (hơn 200 trang) cũng giống như vậy. Quang bảo ông ta trước hết dẫn nguyên văn kinh điển, phía dưới lại dùng bạch thoại để chú thích thì phần kinh văn vừa dẫn có thể dùng làm căn cứ chứng tỏ những câu ấy xuất phát từ kinh luận của Phật, của tổ, phần bạch thoại chỉ là giải nghĩa sẽ có lợi ích. Thật ra, chỉ dùng lối văn rõ ràng để diễn tả thì mới là hợp căn cơ, nhưng chẳng nên chuyên bắt chước theo quy cách trong nhà trường vào thời gần đây[29]. Thoạt đầu ông ta rất vội vã, muốn đem in ngay. Do vậy vĩnh viễn không nhắc tới nữa. Quang cũng vĩnh viễn không hỏi tới nữa, vì sợ ông ta thấy tốn công sẽ đình chỉ.

Các hạ đã thờ pháp sư Hoằng Nhất làm thầy, tác phẩm do các hạ biên soạn lại được Hồ Ký Trần giảo duyệt, lại cậy ông Phạm Cổ Nông giảo duyệt, cần gì phải gởi cho Quang nữa? Quang đã 72 tuổi, tinh lực lẫn mục lực đều không đủ, tất cả những bưu kiện từ bên ngoài gởi đến đều để nguyên đem gởi trả lại, vì tự thấy mình chẳng rảnh rỗi, đâu thể nhọc nhằn vì người khác được? Sách ấy tôi chưa từng đọc qua, nghe nói mùa đông năm ngoái ông Cổ Nông trở về nhà; đã từ nhiệm

[28] Theo quy chế quan chức đời Thanh, cả nước được chia thành nhiều tỉnh, mỗi tỉnh lại chia thành nhiều phủ (hoặc châu, sảnh), mỗi phủ gồm nhiều huyện. Quan đầu tỉnh gọi là Tổng đốc nắm trọn quyền hành chánh, quân sự và tư pháp từ một tỉnh đến ba tỉnh; chỉ riêng Tổng đốc Tứ Xuyên là quản trị một tỉnh. Sau này, danh xưng Tổng đốc ít dùng, hầu như chỉ dùng danh xưng Tuần phủ (Tuần vũ), và quyền hành của Tuần phủ được thu gọn trong một tỉnh. Tuần phủ thường được gọi bằng danh xưng Phủ quân, Phủ đài. Dưới chức Tuần phủ lại lập ra chức Bố chánh sứ chuyên lo việc hành chánh, dân sự, ngân khố của một tỉnh, chức quan này thường được gọi là Phiên đài hoặc Phiên ty. Đôi khi, có trường hợp đặc biệt như Phiên đài Quảng Đông lại trông coi cả việc trị an. Bên cạnh Bố chánh sứ còn có quan Án sát sứ, chuyên lo việc tư pháp trong một tỉnh, giám sát và thuyên chuyển những quan chức nhỏ hơn. Chức quan này thường được gọi là Niết đài hoặc Niết ty. Chức quan phụ tá Niết đài, trông coi một đạo (gồm nhiều phủ) được gọi là Đạo viên hoặc Đạo đài. Ông Hoàng Hàm Chi giữ chức Đạo đài hai phủ Ninh Ba và Thiệu Hưng nên gọi là Ninh Thiệu Đạo đài.

[29] Thời ấy trong khuynh hướng sôi nổi phá bỏ lối học từ chương, cổ điển, sáo mòn đời Thanh, các nhà giáo dục Trung Hoa đầu thời Dân Quốc chủ trương mọi văn bản đều viết bằng văn bạch thoại, cực lực đả phá việc trích dẫn nguyên văn những thư tịch cổ trong bài viết, cũng như cấm học trò học viết văn theo lối Văn Ngôn. Tổ chủ trương vẫn dùng Văn Ngôn, nhưng viết cho rõ ràng, đơn giản, dễ hiểu, không dùng quá nhiều điển tích cầu kỳ, chấm câu rõ ràng để người đọc dù ít học vẫn có thể lãnh hội được. Quan điểm này hoàn toàn đúng đắn vì về sau này, do chỉ học theo lối văn bạch thoại, rất nhiều người đã tốt nghiệp đại học ở Hoa Lục, Đài Loan mà vẫn rất lúng túng, gặp rất nhiều khó khăn khi đọc những tác phẩm viết bằng Văn Ngôn.

chức vụ ở Phật Học Thư Cục, nhưng đối với những sách vở có quan hệ khẩn yếu vẫn lo liệu đôi chút tại nhà.

Ngàn vạn phần xin đừng gởi bản thảo tới, Quang thật chẳng có tinh thần để thù tiếp chuyện bên ngoài. Huống chi còn có chuyện chưa giải quyết xong, muốn cầu người khác lo giùm mà chẳng thể được, quả thật là lo nghĩ đến cùng cực. Hiện nay chiến sự khốc liệt như thế, nhân dân cả nước đều khó yên tâm, hằng ngày chỉ trì chú Đại Bi, niệm danh hiệu Quán Âm để cầu tam bảo gia bị khiến cho chiến tranh chấm dứt mà thôi (Ở đây là nói về cuộc chiến ở Thượng Hải vào năm Dân Quốc 21 - 1932. Người biên tập chú thích).

191. Thư trả lời cư sĩ Hồ Trạch Phạm (thư thứ hai)

Chiến sự đã dứt là do trăm ngàn vạn thiện sĩ tăng tục Trung Quốc tha thiết cầu nguyện mà cảm nên, Quang bất quá chỉ là một trong số trăm ngàn vạn người mà thôi! Nếu nói là do lòng thành của tôi cảm vời thì sẽ thành "trộm danh, đoạt sự tốt lành", không có công lao gì mà mạo nhận. Há Quang chịu nhận sự khen ngợi ấy ư? Sách Lễ Ký chép: "Làm người ắt phải theo lẽ thường", cư sĩ bảo "Quang là cổ Phật tái lai không còn ngờ gì nữa" tức là coi Phật như phàm phu, coi phàm phu là Phật, so với lỗi quy công cho Quang càng lớn hơn vô lượng lần! Ông và tôi có duyên, hãy nên đối đãi với nhau bằng tình ý chân thật. Nếu nói như vậy (tức là nói đại sư Ấn Quang là cổ Phật tái lai - ghi chú của người dịch) thì đôi bên đều phạm tội lỗi.

Kinh Di-đà là pháp môn căn bản của pháp môn Tịnh độ, phẩm Phổ Hiền Hạnh Nguyện tuy rộng lớn sâu mầu nhưng xét đến cùng chẳng phải là nguồn pháp căn bản của pháp môn Tịnh độ. Vì thế, hãy nên cùng tụng hai kinh, trọn chớ nên chỉ tụng phẩm Hạnh Nguyện, chẳng tụng kinh Di-đà. Chỉ tụng kinh Di-đà, không tụng phẩm Hạnh Nguyện thì được; chứ chỉ tụng Hạnh Nguyện, không tụng kinh Di-đà thì không được. Dùng kinh Di-đà làm khóa tụng sáng tối hoặc tụng nhiều hơn cũng được, quyết chớ nên trọn chẳng tụng kinh Di-đà để chuyên tụng phẩm Hạnh Nguyện, vì làm như vậy sẽ trở thành tu trì mà quên gốc vậy.

Hai kinh ấy cố nhiên không có cao thấp, nhưng đối với hành nhân Tịnh độ lại có thân sơ, do vậy chẳng thể luận định các kinh Đại thừa giống hệt như nhau được. Những lợi ích của mười đại nguyện vương như đã nói trong phẩm Hạnh Nguyện vốn là nêu ra những điều thù thắng, ông cho rằng những lợi ích đạt được bởi kinh Di-đà chẳng được như thế hay sao? Nếu nói như vậy, về mặt khuyên dạy cũng có thể chấp nhận được, nhưng nơi phương diện *thể, đạo, minh tông* (nêu rõ tông chỉ) sẽ chẳng tránh khỏi khuyết điểm chỉ hiểu theo mặt chữ. *"Chúng sanh sanh giả,*

giai thị A-bệ-bạt-trí” (Chúng sanh sanh về cõi đó đều là Bất thoái chuyển), bậc A-bệ-bạt-trí cố nhiên có thể tùy loại hóa thân. Cư sĩ luận định kinh A-di-đà như thế, Quang chưa hề thấy nghe bao giờ. Thứ nghị luận thừa thãi ấy sao bằng không mở miệng thốt ra sẽ hữu ích hơn hay sao?

192. Thư trả lời cư sĩ Hồ Trạch Phạm (thư thứ ba)

Nhận được thư đầy đủ. Đã muốn lợi người hãy nên y theo kinh văn. Sao lại gọi kinh Vô Lượng Thọ là kinh Đại A-di-đà? Trong Đại tạng vốn có bản kinh A-di-đà[30] được dịch vào đời Ngô, lại có bản kinh Đại A-di-đà do Vương Long Thư giảo chánh vào đời Tống. Nếu gọi kinh Vô Lượng Thọ là kinh Đại A-di-đà sẽ khiến cho người ta chẳng biết rốt cuộc là kinh nào. Muôn phần chớ nên thay đổi tên gọi, hễ thay đổi thì lâu ngày sẽ mê mất nguồn gốc.

Trong lời tựa của cư sĩ, có chỗ hơi không được viên mãn, tôi mạo muội sửa đổi. Vô Lượng Thọ Kinh Nghĩa Sớ do ngài Tịnh Ảnh Huệ Viễn[31] soạn vào đời Tùy, cư sĩ cho là do ngài Lô Sơn Huệ Viễn đời Tấn soạn. Tiểu thuyết thường có chuyện đặt tên theo từng hồi, bọn chúng ta giải thích kinh đã thành nề nếp, sao lại ngược ngạo bắt chước tiểu thuyết chia thành từng hồi? Trộm nghĩ dùng văn bạch thoại để giải thích thì trước hết phải dẫn nguyên bản kinh văn, rồi mới dùng văn bạch thoại để chú thích giản lược. Phàm những chữ thừa thãi không quan trọng đều nhất loạt chẳng dùng, nếu chỗ nào đã rõ ràng thì đừng giải thích lan

[30] Tức bản kinh Phật Thuyết A-di-đà Tam Da Tam Phật Tát Lâu Phật Đàn Quá Độ Nhân Đạo (hai quyển) do Chi Khiêm dịch vào đời Ngô.

[31] Ngài Huệ Viễn (334-416) Sơ tổ tông Tịnh độ sống vào đời Tấn, thường được gọi là Lô Sơn Huệ Viễn để phân biệt với ngài Huệ Viễn (523-592) người huyện Đôn Hoàng (tỉnh Cam Túc) sống vào đời Tùy. Ngài Huệ Viễn đời Tùy đôi khi còn được gọi là Tùy Viễn, Tiểu Viễn, Đại Viễn, Bắc Viễn. Ngài Tùy Viễn theo xuất gia với ngài Tăng Tư vào năm 13 tuổi. Năm 16 tuổi, theo ngài Trạm Luật Sư sang Nghiệp Quận (nay là huyện Lâm Chương tỉnh Hà Bắc) chuyên nghiên cứu kinh Đại thừa, Tiểu thừa. Sư thọ cụ túc năm 20 tuổi, thoạt đầu theo ngài Đại Ẩn học luật Tứ Phần, sau chuyên nghiên cứu pháp tạng. Khi Vũ Đế nhà Bắc Chu diệt Tề quốc, ra lệnh hủy hoại kinh tượng, buộc tăng chúng hoàn tục, tăng chúng trốn lánh, sư một mình ra tranh biện với hoàng đế, trách mắng nhà vua: “Bệ hạ nay cậy sức vương giả, tự tung tự tác, phá diệt tam bảo, là kẻ tà kiến. Địa ngục A-tỳ chẳng phân biệt sang hèn, đọa xuống đó không sợ hay sao?” Vua nổi giận quát: “Chỉ cần trăm họ yên vui, trẫm chẳng từ nan các sự khổ trong địa ngục”, nhưng vẫn tha tội, không trừng phạt sư. Rốt cuộc vua vẫn hạ lệnh hủy diệt Phật pháp, sư bèn ẩn cư ở Cấp Quận, ngầm tụng Pháp Hoa, Duy-ma v.v. để cầu Phật pháp phục hưng. Đến khi nhà Tùy diệt nhà Chu, sư mới xuất hiện, đại khai pháp môn ở Lạc Ấp, rất được Tùy Văn Đế kính trọng, nhiều lần triệu vào cung giảng pháp. Không lâu sau, vua hạ chiếu sai sư trụ tại chùa Hưng Thiện, rồi xây riêng ngôi chùa Tịnh Ảnh cho sư chuyên giảng dạy, nghiên cứu Phật pháp. Vì thế, người đời thường gọi sư là Tịnh Ảnh Huệ Viễn. Năm Khai Hoàng 12 (592), sư vâng chiếu tham dự dịch trường, san định từ nghĩa trong các bản kinh được dịch, nhưng rồi sư thị tịch ngay trong năm ấy. Sở học của sư chủ yếu thuộc Địa Luận Tông Nam Đạo Phái, đến tuổi già sư lại học Nhiếp Đại Thừa Luận với ngài Đàm Thiên. Sư thông thạo các kinh điển, thông hiểu văn lý, yếu nghĩa, nên được người đương thời xưng tụng là Thích Nghĩa Cao Tổ. Những trước tác nổi tiếng nhất của sư gồm Đại Thừa Nghĩa Chương, Thập Địa Kinh Luận Nghĩa Ký, Hoa Nghiêm Kinh Sớ, Đại Niết-bàn Kinh Nghĩa Ký, Pháp Hoa Kinh Sớ, Duy Ma Kinh Nghĩa Ký, Thắng Man Kinh Nghĩa Ký, Vô Lượng Thọ Kinh Nghĩa Sớ…

man nữa. Thường thấy có những người viết văn bạch thoại, chánh kinh chẳng có mấy chữ mà biến thành câu văn bạch thoại mười mấy chữ, đâm ra phí công. Nếu hoàn toàn viết hết kinh văn thành văn bạch thoại thì vàn muôn phần không nên! Vì sao vậy? Vì về lâu dài người đọc sẽ chẳng biết được những điều cốt yếu, lại còn làm mất cội nguồn.

Quang già rồi, mục lực chẳng đủ, trong mùa đông năm Dân Quốc 22 (1933) đã cho đăng tải trên các bán nguyệt san Tân Thân (xét ra, chính là các tờ Tân Văn Báo và Thân Báo) lời cự tuyệt hết thảy thư từ hoặc nhờ cậy viết lách. Chẳng thể soạn lời tựa cho cuốn sách của ông được vì không có tinh lực lẫn mục lực, chứ không phải là chẳng muốn ra sức để hoằng truyền kinh. Ngay như với thư từ nhận được hoặc gởi đi, Quang vẫn phải dùng cả kính lúp và kính lão để miễn cưỡng đọc, viết. Nếu chỉ dùng một loại sẽ chẳng thể thấy được. Hãy nên thương Quang già cả, nghiệp chướng sâu nặng, đừng trách móc thì may mắn lắm thay! Dùng văn bạch thoại để diễn giải kinh văn mà dùng chữ "dịch" thì chưa khỏi phạm lỗi tiếm dụng từ ngữ "dịch kinh", chẳng thể không cẩn thận! Phàm ăn nói phải dựa theo sự thực, ông suy tôn Quang nào khác kẻ thường dân xưng là hoàng đế, muốn chẳng gây hệ lụy khiến cho tôi mắc phải tội khiên "đem phàm lạm thánh" há có được ư? Hãy hết sức tránh!

193. Thư trả lời cư sĩ Nhạc Minh Thọ

Thư nhận được đầy đủ. Thư ông gởi vào hai năm trước đây do không khẩn yếu nên tôi chẳng trả lời. Nay bốn vị Thủy, Đặng, Bùi, Dương đều đến Lan Châu lo việc đề xướng niệm Phật, thật là may mắn cho đất Cam (Cam Túc). Phật pháp đã bặt tiếng vang ở đất Cam từ lâu, mấy năm gần đây, dần dần được phục hưng. Dương Hán Công cực lực đề xướng, tiếc rằng đại viện của Lạc Thiện Thư Cục ở Lũng Hữu bị lính đóng, ông ta phải ở trong tiểu viện thật bất tiện. Lại có ông Quách Hán Nho, Kha Huệ Mẫn đều tu trì khá chân thật. Năm trước, đúng vào hôm Cục Đạn Dược phát nổ, người làm công trong phân xưởng chế đạn của một đệ tử Quang, tức ông Lý Tiên Đào, đều qua Minh Thủy Lâu xem diễn tuồng, chỉ để lại một người là con của ông Phó Kinh Lý ở lại xưởng. Nơi phân xưởng của Mã Côn Sơn, cả xưởng ra về hết, không còn một ai. Cục Đạn Dược phát nổ, mấy dãy phố đều bị sụp đổ, tan nát sạch, nhưng căn nhà nơi người con của vị Kinh Lý ở lại hôm ấy vốn thuộc xưởng của ông Tiên Đào chẳng bị tổn hại gì. Một gian thờ Phật trong xưởng của ông Côn Sơn cũng chẳng bị tổn hại gì, kiếng đều chưa bị nứt vỡ. Tiên Đào tuy có tín tâm, nhưng chưa cực lực tu trì. Côn Sơn do được Tiên Đào khuyên lơn, mới bắt đầu quy y, chưa đầy một năm. Chuyện này quả thật đã phát khởi tín tâm cho người dân địa phương.

Hà Hồng Cát ở Cam Cốc cũng khá gắng công đề xướng, ba năm trước đây nạn dịch tả chẳng lan đến vùng ấy. Trước khi tròn 60 tuổi, Trịnh Triết Hầu là oan gia của Phật pháp; năm tròn 60 tuổi đọc Văn Sao của Quang liền sanh tín tâm, ăn chay, niệm Phật, nay cực lực đề xướng tại Bình Lương. Các ông Đặng Hiểu Thần, Lý Văn Trạm v.v. ở Tần An mỗi người đều đề xướng. Đời đã loạn đến cùng cực, dân không lẽ sống, những người có chánh tri chánh kiến từ đời trước đều biết sự lý nhân quả ba đời, luân hồi trong lục đạo do đức Phật đã dạy chân thật chẳng sai, đều muốn thoát khỏi cõi ngũ trược này, lên cõi sen chín phẩm kia. Vì thế, vừa nghe được giáo pháp của Phật bèn sôi nổi thuận theo. Nay lại được bốn vị Thủy, Đặng, Bùi, Dương đề xướng, sẽ thấy Phật pháp hưng thịnh lớn lao, lòng người hướng thiện, lễ nghĩa, nhân nhượng hưng thịnh, can qua chấm dứt, tịnh xã lập ra, vận nước tốt đẹp là điều có thể dự đoán được.

Quang già rồi, mục lực lẫn tinh thần đều chẳng đủ, chẳng thể khai thị tường tận được, nay gởi cho mỗi người các ông hai gói kinh sách. Gói thứ nhất vốn là Tịnh Độ Ngũ Kinh (một cuốn), đấy chính là căn bản của pháp môn Tịnh độ, hãy nên thường thọ trì; Tịnh Độ Thập Yếu (một bộ năm cuốn) đây chính là trước thuật thiết yếu của pháp môn Tịnh độ, Ấn Quang Văn Sao (một bộ bốn cuốn hoặc in thành hai cuốn). Đây là sách nông cạn, gần gũi nhất, khế hợp thời cơ nhất. Đọc kỹ sách này thì những ý chánh của pháp môn Tịnh độ sẽ đều hiểu rõ. Gói thứ hai gồm Gia Ngôn Lục (một cuốn), đây là những nghĩa trọng yếu được trích lục từ Văn Sao, được chia thành môn loại, khi xem đỡ tốn tâm lực nhất; Tịnh Độ Thánh Hiền Lục (ba cuốn) thuật sự tích của những người niệm Phật xưa nay. Liễu Phàm Tứ Huấn (một cuốn), sách này văn lẫn lý đều tinh vi chu đáo, hết thảy mọi người đều nên đọc thuộc. Phật Học Cứu Kiếp Biên (hai cuốn), sách này sưu tập những chuyện nhân quả thiển cận trong kinh Phật để mong lòng người hướng thiện. Lịch Sử Thống Kỷ (hai cuốn) thu thập những sự tích nhân quả báo ứng từ 24 bộ sử để người đọc lấy chuyện xưa làm gương. Bộ sách này có công dụng như hai bộ sách: Trong phần đầu có mục lục, lại có biểu đồ phân loại. Như với phần Hiếu thì những gương hiếu tử trong cả bộ sách đều được liệt kê theo số quyển, số trang. Những gương không hiếu đễ, không cung kính v.v. tổng cộng gồm 24 loại. Nếu như muốn tìm theo loại nào thì có thể tra trong bản phân loại ấy, dựa theo số quyển, số trang mà tìm thấy ngay. Gói ấy còn hơi thiếu, nên tôi bỏ thêm các loại truyền đơn vào đấy. Các vị Thủy, Đặng, Bùi, Dương và ông mỗi người hai gói, tổng cộng là mười gói. Ngoài ra còn có năm loại sách Quán Âm Linh Cảm Lục, Gia Ngôn Lục, Kỹ Lộ Chỉ Quy, Vật Do Như Thử, Giai Đại Hoan Hỷ mỗi người đều hai gói (nếu những loại này không có, sẽ bảo Hoằng Hóa Xã gởi sách Sơ Cơ Tiên Đạo) để giúp cho việc đề xướng. Tổng cộng là 20 gói, mong hãy kiểm nhận.

Đợi đến khi đã nhận được sách đầy đủ và thùng mõ cũng đã nhận được, xin hãy viết thiếp cho biết các gói sách đều nhận được đầy đủ (đây chính là cách ngăn ngừa [bưu điện làm ăn] tắc trách), không cần phải nói nhiều vì tôi mục lực chẳng đủ, đọc khá mất sức. Nếu mõ không gởi cẩn thận, không bỏ trong một cái rương gỗ sẽ không được. Nếu chẳng bị lạc mất trên đường thì nhận được cũng chỉ đem đốt vì ông nhờ tôi mua giùm bốn cái. Sau này hãy nên giảm bớt chuyện nhờ cậy mua sắm những thứ ấy. So với kinh sách, đem gởi những thứ ấy qua bưu điện lắm thủ tục hơn nhiều. Xin hãy đem thư này đưa cho bốn vị ấy xem. Người học Phật phải lấy chú trọng thực hành làm gốc, không cần phải gởi đến những lời lẽ sáo rỗng.

194. Thư trả lời cư sĩ Chu Tử Tú

Nhận được thư, tôi khôn ngăn cảm kích, hổ thẹn. Ông nói đến biện pháp của hội phóng sanh đủ thấy từ tâm, nghị lực; hãy nên dựa vào đó để khuyên khắp hết thảy mọi người kiêng giết, bảo vệ sanh mạng, ăn chay, niệm Phật thì mới là đại phóng sanh và chính mình lẫn những người cùng hàng đều được thả vào biển pháp Liên Trì, ngõ hầu vĩnh viễn thoát khỏi nỗi khổ sanh tử, thường hưởng niềm vui chân thường thì mới là phóng sanh có kết quả lớn lao. Hôm mồng 7, tôi đã gởi thư cho Chu Bá Tù và gởi bốn gói Văn Sao, chắc đã nhận được rồi.

Nói tới công phu, đạo đức của tiên sinh Tấn Tô, khôn ngăn khiến cho người khác phải mất hồn! Tuy nhiên, ông ta chú trọng pháp luyện đan, xem lời ông ta tự thuật nói "đã được bí truyền của tiên sinh X… Vị tiên sinh X… đã kế thừa pháp mạch chân chánh từ nguồn pháp do Lục tổ truyền cho người thế tục", lời lẽ ấy chính là lời nói phổ biến của hết thảy ngoại đạo. Nếu ông Tấn thật sự được lợi ích chân thật nơi Phật pháp, quyết chẳng thốt ra lời lẽ "bịt tai trộm linh" ấy! Các hạ cho rằng để dẫn dụ kẻ sơ cơ, ngoài cách "luyện đan, tánh - mạng song tu" ra, chẳng thể nào khiến cho kẻ sơ cơ nhập đạo được ư? Sự tu trì của ông ta phần nhiều lấy Phật pháp làm chủ, nhưng những điều ông ta đề xướng phần nhiều trái nghịch Phật pháp, mà còn đáng gọi là bậc quân tử đức dày "tâm và miệng như một, lời nói đi đôi với việc làm" ư?

Để trả lời câu kết luận của Ngũ Đình Phương, các hạ đã lấy công phu minh tâm làm chứng thì quả thật tuy đã mượn lời lẽ nhà Thiền để làm bùa hộ thân, nhưng vẫn chưa hiểu Thiền tông, thật sự chẳng biết "đại triệt đại ngộ là ngộ nhưng chưa chứng". Đừng nói "hễ ngộ thì hư không nát vụn, người lẫn pháp đều mất, thánh, Phật, tiên, phàm, Tấn Tô đều quy vào chốn quê hương chẳng có gì"; ngay như đã chứng được lý "hư không nát vụn, người lẫn pháp đều mất" cho đến "thánh, Phật, tiên, phàm, Tấn Tô hiện bày trọn vẹn sát sao" vẫn chớ nên lẫn lộn. Huống

chi, dẫu ngộ thì vẫn là phàm phu sanh tử, phải là chứng thì mới có thể thoát lìa luân hồi. Người đời nay có ai ngộ được, huống là chứng ư? Đấy là lý do vì sao đức Như Lai mở rộng pháp môn Tịnh độ để khiến cho khắp hết thảy chúng sanh đều cùng liễu sanh thoát tử ngay trong đời này.

Xưa kia, Quang trúng phải chất độc của bọn Hàn - Âu - Trình - Chu, hủy báng Phật pháp. Tấn Tô mượn Phật pháp để mở rộng môn đình luyện đan, lại sợ lỡ ra chẳng được lợi ích thật sự nên vẫn ngấm ngầm y theo Phật pháp tu trì để tự ngăn ngừa những mất mát lỡ có thể xảy ra. So về hình tích thì Tấn Tô hơn Quang rất nhiều, nhưng Quang đã biết Phật pháp quyết chẳng thể "ngấm ngầm vâng hành, ngoài mặt thốt lời bài xích". Tấn Tô bảo là "đã đắc pháp do Lục tổ bí mật truyền cho hàng bạch y", lời lẽ ấy đúng là quét sạch các vị đại tổ sư sau thời Lục tổ. Cái tâm ấy cố nhiên chẳng thẳng thắn, chất phác, không dối trá như Quang được. Tuy nhiên, mỗi người có điều ưa thích riêng, há Quang có thể ép người khác thuận theo mình được ư? Chỉ vì có duyên nên mới chẳng ngại gì bình luận đại lược một phen, nếu ông nghĩ là không đúng, xin ông cứ tuyên dương rộng rãi đạo của ông ta cho được truyền khắp thiên hạ thì tôi cũng rất mong mỏi ưa thích nghe vậy.

195. Thư trả lời cư sĩ Chu Chí Thành (thư thứ nhất)

Phàm là người tu hành hãy nên tu trong nhà của chính mình, chẳng cần nhất định phải đến tu trong Cư sĩ lâm. Nếu ai nấy đều đến tu trong Cư sĩ lâm thì sao có căn nhà đủ lớn để chứa? Người đông thì chi phí trong Cư sĩ lâm cũng phải nhiều, mọi người phải bươn chải nhọc nhằn, những chuyện trong nhà có khi chẳng thể lo liệu tới nơi tới chốn. Tất cả Cư sĩ lâm, Tịnh nghiệp xã chẳng qua được lập ra nhằm làm một cơ sở để đề xướng mà thôi, mỗi tháng cử hành một hoặc hai lần. Nếu đông người lễ Phật khó thể chứa hết, hãy nên chia ra ngày lễ tụng riêng biệt cho nam nữ. Lễ Phật xong, giảng diễn kinh Phật một hai tiếng đồng hồ rồi bảo họ về nhà ngõ hầu chẳng đến nỗi bị người ngoài mang lòng đố kỵ, bịa chuyện đồn đãi.

Đối với pháp môn để tu trì, cố nhiên không có cao thấp, Thiền, Luật, Mật, Tịnh đều là đại pháp để liễu sanh thoát tử, nhưng luận trên thân phận của chúng sanh đời mạt thì chẳng tu pháp môn Tịnh độ quyết khó thể liễu thoát ngay trong đời này, do các pháp môn khác đều cậy vào tự lực; pháp môn Tịnh độ cậy thêm Phật lực. Phật lực, tự lực khác biệt vời vợi một trời một vực, không biết nghĩa này mà lầm lạc bắt chước cách tu của người có khả năng to lớn, thật khó thể đạt được lợi ích thật sự. Vì thế, thiền sư Bách Trượng của Thiền tông nói: "Tu hành bằng cách niệm Phật là ổn thỏa, thích đáng." [Trong Bách Trượng Thanh Quy], cầu đảo cho vị tăng bị bệnh, đưa vị tăng đã mất đi thiêu đều chú trọng vãng sanh.

Do đây biết thế giới Tây Phương Cực Lạc là chỗ quy túc của hết thảy thượng thánh hạ phàm tu tập Phật đạo vậy.

Trong phẩm Phổ Hiền Hạnh Nguyện của kinh Hoa Nghiêm, các vị Pháp thân đại sĩ khắp tột cùng Hoa Tạng thế giới hải đem công đức của mười đại nguyện vương hồi hướng vãng sanh thế giới Tây Phương Cực Lạc để mong viên mãn Phật quả, huống chi chúng sanh đời mạt căn cơ kém hèn ư? Công phu Thiền tông dẫu đạt đến địa vị đại triệt đại ngộ nhưng hễ phiền hoặc chưa đoạn thì vẫn chẳng thể liễu thoát ngay trong đời này. Ngũ Tổ Giới lại làm thân Tô Đông Pha, Thảo Đường Thanh lại làm Lỗ Công là những tấm gương đời trước (Ngũ Tổ là tên chùa. Giới là Sư Giới, tên người. Sư Giới từng làm trụ trì chùa Ngũ Tổ, nên gọi là Ngũ Tổ Giới, thuộc pháp hệ Vân Môn của pháp tổ Đại Giác Liên quốc sư[32]. Sư kiến địa cao siêu, môn đình cao ngất, người học phần nhiều kiêng sợ chẳng dám thân cận. Chết rồi lại sanh làm Tô Đông Pha, có bằng chứng rất rõ ràng. Thảo Đường là tên chùa, Thanh là tên người. Tăng Lỗ Công tên Công Lượng, chính là hậu thân của Thảo Đường Thanh[33]; làm Thừa tướng vào lúc 57 tuổi, được phong tước Lỗ Quốc Công, cũng có bằng chứng rõ rệt). Nhìn vào đây có thể biết sự khó khăn do cậy vào tự lực liễu sanh tử.

Thiền tông thường nói "minh tâm kiến tánh, kiến tánh thành Phật", minh tâm kiến tánh là đại triệt đại ngộ, nói kiến tánh thành Phật là đích thân thấy được đức Phật thiên chân nơi tự tánh thì gọi là thành Phật. Đấy chính là "lý tức Phật" và "danh tự tức Phật", chứ không phải là cứu cánh Phật phước tuệ viên mãn! Vị ấy tuy ngộ đến chỗ cùng cực, đích thân thấy được Phật tánh, nhưng vẫn là phàm phu, chẳng phải là thánh nhân. Nếu có thể rộng tu lục độ, trong hết thảy cảnh duyên đều đối trị tập khí phiền não cho thanh tịnh không còn thừa sót sẽ có thể liễu sanh thoát tử, vượt ra ngoài tam giới, chẳng ở trong lục đạo nữa. Thời đức Phật còn tại

[32] Đại Giác Hoài Liên (1009-1090), người Chương Châu, tỉnh Phước Kiến, xuất gia từ nhỏ, dốc chí học đạo, du phỏng. Sư theo học với ngài Lặc Đàm Hoài Trừng mười mấy năm. Sau khi được ngài Hoài Trừng ấn khả, bèn sang chùa Viên Thông ở Hỗ Sơn giữ chức thư ký trong đạo tràng của ngài Cư Nạp (thiền sư Tổ Ấn). Vua Tống Nhân Tông nghe tiếng ngài Cư Nạp, xuống chiếu vời sang trụ trì chùa Tịnh Nhân để hoằng dương đạo Thiền ở kinh đô. Ngài Cư Nạp viện cớ bệnh tật để từ chối, tiến cử ngài Hoài Liên đi thay. Vào chầu vua, đối đáp đại ý thiền pháp thông suốt, vua hết sức đẹp dạ, bèn phong hiệu Đại Giác Thiền Sư. Từ đấy, sư đại khai thiền pháp tại chùa Tịnh Nhân.

[33] Thảo Đường Thiện Thanh (1057-1142), là một vị danh tăng thuộc phái Hoàng Long, Tông Lâm Tế, người huyện Bảo Xương tỉnh Quảng Đông. Từ nhỏ đã tham yết thiền sư Pháp Tư chùa Hương Vân, được xuất gia năm Nguyên Phong thứ tư (1081) đời Tống Thần Tôn, đến tham học với Đại Quy Mộ Triết, rồi xin nhập chúng của ngài Hối Đường Tổ Tâm, được nối pháp của ngài Tổ Tâm. Năm Chánh Hòa thứ năm (1115), sư sang Giang Tây hoằng dương dòng thiền Hoàng Long, từng trụ tại chùa Thảo Đường ở Giang Tô. Những lời dạy được môn nhân thu thập thành bộ Thảo Đường Thanh Hòa Thượng Ngữ Yếu.

thế, hạng người như vậy rất nhiều, trong thời Đường - Tống vẫn còn có, nay thì đại triệt đại ngộ còn chưa dễ được, huống là bậc hết sạch phiền não ư?

Thuyết "hiện thân thành Phật" hoặc còn gọi là "tức sanh thành Phật" (thành Phật ngay trong đời này) của Mật tông giống như thuyết "kiến tánh thành Phật" của Thiền tông, đều ứng theo công phu rất sâu mà nói, chớ nên tưởng lầm là thật sự có thể thành Phật ngay trong thân này. Cần biết rằng thành Phật ngay trong thân này, chỉ có mình đức Thích-ca Mâu-ni Phật mà thôi! Ngoài ra, dẫu là cổ Phật thị hiện, cũng không có chuyện "hiện thân thành Phật" (thành Phật ngay trong thân hiện tại). Kẻ vô tri thường hiểu lầm, mất mát lớn lắm! Cận sự nam nữ tại gia lấy chất phác niệm Phật làm gốc. Cư sĩ tin Phật đã lâu năm, chắc là tu trì đã nắm vững, đừng coi pháp môn Tịnh độ là thừa thãi, và xin hãy dạy cho hết thảy những nam nữ tin Phật nơi quý địa nỗ lực tu trì, nhất tâm niệm Phật, đấy là hợp thời cơ nhất.

196. Thư trả lời cư sĩ Chu Chí Thành (thư thứ hai)

Năm ngoái cư sĩ từ xa nghe hư danh, từ ngàn dặm đến đây, Quang là ông tăng vô tri vô thức chỉ biết cơm cháo, đạo đức lẫn tu trì chẳng có mảy may nào, chỉ biết niệm Phật mấy câu, sao có thể làm thầy người khác được? Do ông mang ý kiền thành, chẳng thể không nói đại lược nhằm tỏ rõ, nêu ra những điểm chánh yếu trong đại pháp rốt ráo. Hôm qua nhận được thư, biết cả nhà ông niệm Phật, cần nên biết rằng "mười phương cõi Phật phải đạt đến địa vị niệm Phật ấy mới có thể vãng sanh". Phàm phu sát đất chướng sâu huệ cạn, thiện căn kém mỏng, thọ mạng ngắn ngủi, muốn cậy vào tự lực để thoát khỏi tam giới theo chiều dọc, giống như một hạt cát bỏ vào trong nước bèn chìm. Nếu đem tảng đá to nặng mấy vạn cân bỏ lên một cái thuyền, đá tuy lớn nặng, nhưng nhờ có thuyền chở nên chẳng bị chìm. Đủ thấy sự khó dễ giữa tự lực và Phật lực. Pháp môn niệm Phật hoàn toàn cậy vào Phật lực. Muốn liễu sanh tử thì phải niệm Phật, vượt ngang khỏi tam giới tiếp dẫn vãng sanh. Chương Đại Thế Chí Bồ-tát Niệm Phật Viên Thông dạy: "Nhiếp trọn sáu căn, tịnh niệm tiếp nối, nhập tam-ma-địa, ấy là bậc nhất", cư sĩ túc căn sâu dày, chắc hiểu rõ lý này. Quang già rồi, mục lực quáng lòa, khó viết được chữ bé, từ nay về sau đừng gởi thư đến nữa, vẫn mong ông tự cầu tinh tấn!

(Mồng 6 tháng 5 năm Dân Quốc 25 - 1936)

197. Thư trả lời cư sĩ Tưởng Đức Trạch

Nay may mắn vì bị bệnh bèn lễ Phật mà được lành, từ ngoại đạo trở lại Phật đạo, nếu chẳng phải là đời trước đã có thiện căn, làm sao được như thế? Hãy nên sanh lòng cảm kích lớn lao, sanh lòng hổ thẹn lớn lao. Tâm hổ thẹn phát sanh,

tâm tà vạy sẽ diệt, hổ thẹn là bước đầu để nhập đạo. Đã muốn học Phật, hãy nên cực lực giữ vẹn luân thường, trọn hết bổn phận, dứt lòng tà, giữ lòng thành, đừng làm các điều ác, vâng giữ các điều lành để làm người hiền, người lành trong thế gian ngõ hầu lập được nền tảng. Ấy là vì Phật pháp dùng tam quy, ngũ giới, thập thiện để dạy hết thảy tứ chúng, nếu chẳng giữ vẹn luân thường v.v. thì khí phận tam quy, ngũ giới cũng chẳng có, sẽ trở thành tội nhân trong cả Nho giáo lẫn Thích giáo. Dẫu có tu trì, nhưng do tâm bất thiện, lợi ích đâm ra nhỏ tí ti.

Nay đặt pháp danh cho ông là Đức Trạch, nghĩa là dùng tâm đại Bồ-đề tự lợi, lợi người để tu trì tịnh nghiệp, tự hành, dạy người, sao cho hết thảy mọi người quen biết đều cùng được gội Phật ân, vì thế đặt tên là Đức Trạch. Mẹ ông tuổi đã cao, hãy nên khuyên cụ sanh lòng tin phát nguyện, thường niệm Phật hiệu, cầu sanh Tây Phương. Cụ không đọc được kinh sách thì hãy nên kể cho cụ nghe cảnh tượng Tịnh độ, phương pháp tu trì, ngõ hầu cụ được lìa sanh tử ngay trong đời này, đấy là "đại hiếu, tôn kính cha mẹ". Đối với thê thiếp, hãy nên kính trọng như khách, chớ nên quên thân theo đuổi dục lạc, hãy nên đem ý này nói với cô ta. Đôi bên cùng chú trọng giữ gìn thân thể để con cháu đông đầy, sẽ chẳng đến nỗi bệnh tật, chết yểu, chẳng lo không thể *"tề mi giai lão"* (hạnh phúc đến già). Con cái hãy nên khéo dạy từ bé, nếu không sau này chúng có thể đi vào ngõ rẽ, ấy chính là tự diệt dòng họ của chính mình.

Nay gởi cho ông những sách Tịnh Độ Thập Yếu, Phật Học Cứu Kiếp Biên, Sơ Cơ Tiên Đạo (trong sách ấy có bài thuốc trị bệnh cùi), Chánh Tín Lục, Văn Sao, Gia Ngôn Lục, Thọ Khang Bảo Giám v.v.. Phàm những pháp tu trì, giữ thân đều đã đầy đủ chẳng thiếu, nhưng phải nghiêm túc tu trì mới được. Đối với những pháp luyện đan vận khí của ngoại đạo đã học trước kia đều nên bỏ sạch đi, cần biết rằng đấy là những pháp để giữ thân, chứ không phải là pháp để liễu sanh tử. Dùng tấm lòng trong sạch, ít ham muốn để giữ gìn cái thân sẽ có ích không bị tổn hại. Dùng luyện đan vận khí để giữ thân nếu sử dụng thích đáng sẽ tăng thêm tuổi thọ, thân thể khỏe mạnh; nhưng nếu dùng sai cách thì mắt lòa, tai điếc, sanh mụn nhọt, ghẻ chốc. Gần đây, những người trong Đồng Thiện Xã[34] phần nhiều có

[34] Đồng Thiện Xã (còn có danh xưng là Đồng Thiện Đường, Hồng Tín Đại Đồng Xã) là một thứ tà giáo, mệnh danh Tam Giáo Đồng Nguyên, được Bành Nhữ Tôn (1873-1950) sáng lập vào năm 1912 tại trấn Long Thủy, huyện Đại Túc (nay thuộc Trùng Khánh), tỉnh Tứ Xuyên. Đồng Thiện Xã chủ trương "dùng lễ tiết Nho giáo, tu tập công phu Đạo giáo nhằm chứng quả vị thuộc Thích giáo (đạo Phật)". Họ thờ Khổng tử, Lão tử, Thích-ca Mâu-ni Phật; lại còn rêu rao "ai gia nhập đạo sẽ tránh được kiếp nạn, được thăng lên thiên đường". Họ vay mượn thuật ngữ Long Hoa Hội từ Phật giáo để tuyên truyền kiếp nạn đến gần, ai theo đạo họ sẽ được Phật, trời, tiên thiên cứu rỗi, dùng những hình thức cúng tế kỳ bí để chiêu dụ tín đồ, nhất là cầu cơ, hầu đồng để tiến nhập vẽ bùa, đốt lấy tro hòa vào nước trị bệnh. Họ khôn khéo vận động để được chánh quyền Dân Quốc phê chuẩn như một tôn giáo chánh thức vào năm 1917, thậm chí Quốc vụ tổng lý (Thủ tướng) Đoàn Kỳ Thụy và Đại tổng thống Tào Côn đều trở thành hộ pháp

những kẻ thân tê liệt, tâm si ngốc, xin đừng vì lợi ích nhỏ nhoi mà vẫn chẳng chịu bỏ pháp luyện đan vận khí đi.

Quang già rồi, mục lực, tinh thần, công phu đều không đủ, chớ nên thường gởi thư tới. Do đã có những sách Văn Sao, Thập Yếu, Cứu Kiếp v.v. cố nhiên không cần phải gởi thư hỏi han nữa. Nếu muốn làm bậc đại thông gia thì gởi thư hỏi sẽ chẳng thể đạt được. Thật hết sức khó trở thành bậc đại thông gia, dẫu có đạt được thì cũng chẳng vì thông suốt lớn lao mà có thể giải quyết xong chuyện sanh tử trong đời này đâu!

198. Thư trả lời cư sĩ Trang Bính Hỏa

Trang Bính Hỏa, pháp danh là Huệ Cự, nghĩa là dùng lửa đuốc trí tuệ của Phật pháp để phá trừ hết thảy ngu si tăm tối của ta lẫn người, để mọi người cùng được thoát khỏi hang quỷ hắc ám, cùng đạt đến chánh đại quang minh trong vô thượng Phật đạo, như dùng một cây đuốc để thắp trăm ngàn cây đuốc, đuốc này thắp cho đuốc kia, truyền mãi chẳng cùng tận. Người già 60 tuổi đề xướng tốt nhất.

Cần biết rằng pháp liễu sanh thoát tử chỉ có Phật pháp là được như vậy, nhưng hết thảy các pháp môn đều phải đoạn sạch phiền não hoặc nghiệp thì mới có thể liễu thoát. Nếu còn mảy may phiền hoặc chưa tận thì vẫn ở trong sanh tử y như cũ, do chỉ cậy vào tự lực nên đạt được lợi ích hết sức khó khăn. Chỉ có một pháp niệm Phật hoàn toàn cậy vào Phật lực, chỉ cần có lòng tin chân thật, nguyện thiết tha, không một ai chẳng vãng sanh Tây Phương. Đã vãng sanh Tây Phương sẽ tự đạt được "không còn sanh tử". Pháp môn này là pháp môn dễ tu mà dễ thành công nhất trong Phật pháp.

Ông đã 60 tuổi rồi, may mắn gặp được pháp này, hãy rất nên phát tâm đại Bồ-đề (tức là tâm tự lợi, lợi người), lấy thân mình làm gương, khiến cho hết thảy những người đồng đạo đều cùng bỏ ngoại đạo học Phật đạo thì công đức lớn lắm. Phật pháp là pháp công khai, không có chuyện bí truyền. Mặc cho người khác phát tâm, bằng lòng tu cũng được, tu giữa chừng bỏ dở cũng để mặc cho người ấy, trọn chẳng buộc người khác phải thề thốt độc địa này nọ. Muốn biết đại lược,

---

của họ. Được sự ủng hộ của chánh quyền Dân Quốc Bắc Dương, giáo phái này lớn mạnh rất nhanh, thành lập phân hội tại hầu hết các huyện, tỉnh Trung Hoa. Chủ trương tái lập đế chế phong kiến của Bành Nhữ Tôn rất hợp ý các tướng lãnh quân phiệt nên càng được họ ủng hộ mạnh mẽ. Từ năm 1927, nhằm thỏa mãn tham vọng, Đồng Thiện Xã cấu kết với quân phiệt Nhật Bản, đưa phế đế Phổ Nghi của Thanh Triều về làm hoàng đế Mãn Châu Quốc; đồng thời gây bạo loạn nhiều nơi nhằm lật đổ Quốc Dân Đảng. Do vậy, chánh quyền Quốc Dân Đảng thay đổi thái độ, đàn áp Đồng Thiện Xã. Năm 1948, Bành Nhữ Tôn triệu tập hội nghị khẩn cấp tại Thượng Hải, ra lệnh cho tín đồ cướp vũ khí của quân Quốc Dân Đảng. Sau khi Hoa Lục rơi vào tay Mao Trạch Đông, thế cùng lực kiệt, Bành Nhữ Tôn nuốt vàng tự tử tại Tứ Xuyên.

xin hãy đọc trước các sách Gia Ngôn Lục, Văn Sao của Quang v.v. sẽ tự biết, ở đây không viết cặn kẽ.

199. Thư trả lời cư sĩ Chu Bá Tù (thư thứ nhất)

Sáng nay cả hai lá thư đều cùng nhận được đầy đủ. Văn Sao đã chia ra gần hết, nay lại gởi cho ông bốn gói, sau này nếu có ai muốn đọc, hãy thỉnh từ Thương Vụ Ấn Thư Quán. Từ Bi Kính[35] đã gởi đi rồi. Do ông sai Quang viết lời tựa, Quang chẳng ngại gì nói leo. Tuy lời tựa Quang viết chẳng liên quan sát sao với đầu đề, miễn sao chẳng ra ngoài việc đề xướng kiêng giết, ăn chay mà thôi. Chu Tử Tú thiên tư khá tốt, tiếc là chưa biết Phật pháp, lầm lạc bảo "luyện đan vận khí chính là Phật pháp", thật đáng cảm khái sâu đậm. Tuy các hạ đã đem lá thư hủ bại và Văn Sao đưa cho Tử Tú xem, sợ ông ta vẫn cho Quang là gã đứng ngoài cửa, Tấn Tô mới là bậc cao nhân đã đăng đường nhập thất[36], càng sanh lòng ngưỡng mộ. Cố nhiên Quang chẳng mang ý niệm hủy báng hay khen ngợi người khác, nhưng vì quý hội[37] đã gởi thư cho Quang trước, nên chẳng thể không trọn hết tấm lòng ngu thành của tôi để đáp tạ lòng thương tưởng ban tặng sách của quý hội. Ngoài ra đều mặc cho người khác làm sao thì làm, tôi nào dám vọng động mong cầu ư?

200. Thư trả lời cư sĩ Chu Bá Tù (thư thứ hai)

Nhận được thư đầy đủ, hương châu[38] đã nhận được, cám ơn lắm. Ngày 26 tháng trước tôi đã bảo người chịu trách nhiệm phát hành kinh sách ở Thượng Hải gởi đi 20 gói Văn Sao, chắc ông đã nhận được rồi. Hãy ước lượng mà tặng những bộ Văn Sao ấy cho người khác và lưu lại vài bộ ở phòng đọc kinh sách. Trước đây Tử Tú gởi thư đến, nói tiên sinh Tấn Tô là bậc đại triệt ngộ, chỉ dùng phép luyện đan làm phương tiện để dẫn dắt kẻ sơ cơ, Quang đã phê phán đại lược, chẳng biết Tử Tú có chấp nhận là đúng hay không? Chắc ông ta cũng từng đưa thư ấy cho các hạ xem rồi phải không? Hai mươi gói Văn Sao nếu nhận được, xin hãy gởi thư cho biết để tôi khỏi đến nỗi tưởng lầm đã bị thất lạc.

Chương trình của Cực Lạc Đoàn nên chú trọng trợ niệm vào lúc người ta sắp mất và phải dạy người nhà của người sắp mất ấy nương theo pháp môn Tịnh độ,

---

[35] Từ Bi Kính là một tập sách do các cư sĩ thuộc Đại Đồng Phóng Sanh Hội ở Tuyền Châu biên soạn, tập hợp những lời lẽ khuyên răn và những chuyện kiêng giết phóng sanh của cổ nhân. Tổ Ấn Quang có viết bài tựa phát ẩn cho tập sách này, xin xem bài "Nêu bày ý nghĩa ẩn kín của bộ sách Từ Bi Kính" trong Ấn Quang Văn Sao Tăng Quảng Chánh Biên, quyển 4, phần Tạp Trước.

[36] "Đăng đường nhập thất": Thành ngữ chỉ người đã nắm vững, thông hiểu sâu xa một học thuyết hay một giáo nghĩa nào đó.

[37] Tức Đại Đồng Phóng Sanh Hội ở Tuyền Châu.

[38] Hương châu: xâu chuỗi niệm Phật làm bằng gỗ thơm hay những loại bột thơm nắn lại.

chớ nên chiếu theo thông lệ của tục nhân vào lúc người ta sắp chết liền tắm rửa, thay quần áo sẵn v.v.. Làm như vậy còn tệ hơn đã té giếng còn bị quăng đá! Cách thức ấy trong Văn Sao đã nói đầy đủ, ở đây tôi chỉ nêu điều quan trọng nhất. Nếu chết rồi thì những chuyện tống táng, ma chay v.v. đều chẳng phải là chuyện quan hệ khẩn yếu, đừng nên bày vẽ phô trương mong sao cho dễ coi, biến Phật sự thành trò đùa. Hơn nữa, [trong chương trình của Cực Lạc Đoàn quy định]: "Liên hữu góp sẵn 10 đồng. Nếu trong vòng một năm mà mất thì người nhà sẽ nhận được đúng số tiền ấy. Nếu hơn một năm mới mất thì người nhà sẽ được lãnh món tiền giúp đỡ chi phí ma chay là 30 đồng." Khoản tiền ấy lấy đâu ra? Hơn nữa, mỗi nhà giàu nghèo khác nhau, sao lại nhất loạt giúp đỡ chi phí ma chay? Nhưng chuyện ấy đã được đại chúng bàn bạc thông qua, chắc đã áp dụng rồi. Quang sợ một khi cách này được áp dụng, về sau sẽ khó thể duy trì vĩnh viễn được nên chẳng thể không nhắc nhở trước.

Lại nữa, đang trong lúc này, muốn chuyển biến lòng người mà chẳng chú trọng sự lý nhân quả, báo ứng, sanh tử, luân hồi thì không thể được. Lại còn phải khuyên các liên hữu ai nấy khéo dạy dỗ con cái, đấy chính là "gốc chánh, nguồn trong", là nhiệm vụ cấp bách để cầu nhân dân yên vui, thế đạo thái bình. Phật pháp tuy là pháp xuất thế gian, nhưng thực sự thực hiện nơi pháp thế gian. Phàm ai là liên hữu hãy đều nên khuyên họ tận lực giữ vẹn luân thường, nghiêm túc trọn hết bổn phận của chính mình, đừng làm các điều ác, vâng làm các điều lành. Nếu được như thế sẽ đáng gọi là đệ tử thật sự của đức Phật.

Hiện nay phong trào cầu cơ rất thịnh hành, phàm là đệ tử Phật chớ nên ngả theo thói ấy, bởi tất cả những kẻ tự xưng là tiên hay chân nhân giáng cơ phần nhiều đều là linh quỷ giả mạo. Nếu chuyện gì cũng tin, ắt sẽ có khi hỏng việc. Huống chi "Phật pháp" do bọn chúng giảng đa số đều là chẳng biết gì mà cứ nói bừa. [Cứ tin mê muội vào cơ bút thì] muốn chẳng hoại loạn Phật pháp, chẳng khiến cho chúng sanh bị lầm lạc, nghi ngờ, há có được chăng?

Ông đã chẳng nghĩ Quang là hạng vô tri, cứ muốn tôn làm thầy, bèn thuận theo ý hiện thời của ông. Nếu sau này muốn bái vị cao minh nào khác làm thầy, cứ thủ tiêu danh nghĩa giả tạm này chẳng sao cả. Nay đặt pháp danh cho ông là Trí Tù, do ai nấy đều có chánh trí, nhưng bị vật dục lôi kéo, chánh trí ấy liền biến thành nhân dục (lòng ham muốn của con người), như nước do gió đùa bèn mất tánh trong lặng, biến thành sóng trào. Trí ấy chẳng thể gọi là tù (遒), vì tù nghĩa là mạnh mẽ, cứng cỏi; mạnh mẽ, cứng cỏi chính là tên gọi khác của chữ cương (剛: cứng rắn). Khổng tử than thở vì chưa thấy được người nào cương nghị, có kẻ thưa Thân Tranh là người được như vậy. Khổng tử bảo: *"Tranh dã dục, yên*

đắc cương" (Tranh cũng là người tham dục, làm sao là người cương nghị cho được)[39]. Nếu niệm niệm đều nghĩ ngợi, suy lường thuận theo thiên lý và Phật tâm thì là chánh trí, phù hợp với ý nghĩa của cái tên Trí Tù. Hễ có thiên lệch, riêng tư sẽ thành "cương nghị theo kiểu Thân Tranh", chẳng thể gọi là trí, mà trở thành "nhu ác" (mềm mỏng, hòa hoãn với điều ác[40]). Ông hãy gắng lên!

Vợ ông pháp danh là Trí Giác, giác (覺) là trong hết thảy thời, hết thảy chỗ đều rành rẽ phân minh, chẳng bị chuyển theo tình, chẳng bị ái ràng buộc, nghiêm túc trọn hết bổn phận giúp chồng dạy con, chẳng nuông chiều mù quáng, khiến con cái đều thành hạng không ra gì. Dùng điều này để tự giác, lại còn dùng điều này để giác người nhà và các thân hữu. Đấy gọi là đệ tử thật sự của đức Phật, là thiện nữ nhân, sống làm gương mẫu cho hàng khuê các, khi mất dự vào Liên Trì, ngõ hầu chẳng phụ bạc Phật tánh chính mình sẵn có và lòng thành phát tâm quy y tam bảo ngày nay. Những điều khác như pháp niệm Phật v.v. trong Văn Sao đã nói đầy đủ, không viết cặn kẽ ở đây.

Ông Trương Chuyết Tiên ở Vân Nam gởi thư đến nói cháu ngoại ông ta sống được một năm lẻ tám tháng, trong tháng 4 đã niệm Phật qua đời. Lúc bình thường, hễ nó đến Phật đường lạy Phật xong liền đi nhiễu niệm Phật, chẳng đoái hoài đến chuyện gì khác. Thêm nữa, khi đứa con gái thứ của ông ta đi lấy chồng, nhà chàng rể biếu một cặp ngỗng để làm lễ Điện Nhạn[41], ông ta bèn đem chúng phóng sanh tại chùa Vân Thê trong núi Hoa Đình, đã được 3 năm rồi. Cặp ngỗng của ông ta mỗi sáng tối khi đại chúng lên chánh điện tụng kinh, chúng đều đứng ngoài chánh điện, vươn cổ ngắm Phật. Tháng 4 năm nay, con trống chết trước, người ta cũng không để ý, sau đấy con ngỗng mái bỏ ăn mấy ngày. Nó đến nhìn Phật, thầy duy-na khai thị, dạy nó cầu vãng sanh đừng luyến tiếc cõi đời. Thầy ấy bèn niệm Phật

---

[39] Đây là câu văn trích từ thiên Công Trị Trưởng (thiên thứ năm) sách Luận Ngữ. Nguyên văn như sau: *"Tử viết: 'Ngô vị kiến cương giả', hoặc đối viết: 'Thân Tranh'. Tử viết: 'Tranh dã dục, yên đắc cương?'"* Theo cách diễn giải của cụ Lý Bỉnh Nam trong Luận Ngữ Giảng Yếu, đoạn này nên hiểu như sau: "Khổng tử nói: 'Ta chưa từng thấy một người cương nghị nào!' Có người thưa: 'Thân Tranh là người được như vậy'. Khổng tử nói: 'Thân Tranh tham dục, làm sao có thể cương nghị cho được!"

[40] Cụ Lý Bỉnh Nam giảng rõ: Theo sách Khổng Chú, *cương* là kiên quyết, trí tuệ, thuận theo điều thiện, nhất quyết không để bị dục vọng sai khiến. Do ông Thân Tranh vẫn thuận theo tham dục nên chẳng thể gọi là cương được. Ở đây, tổ dựa theo ý ấy, mới gọi sự "cương nghị" của ông Thân Tranh là "nhu ác", do không kiên quyết chế ngự tập khí xấu ác trong tâm.

[41] Lễ Điện Nhạn là từ ngữ chỉ chung những lễ phải có trong một cuộc hôn nhân. Theo quy định từ thời Chu đến đời Thanh, kể từ khi nhà trai cậy người mai mối đến khi rước dâu phải có đủ sáu lễ. Ngoại trừ lễ nạp chinh (lễ dạm) ra, trong năm lễ kia nhà trai phải mang lễ vật đến biếu nhà gái, trong các món lễ vật luôn có chim bồ câu hay chim nhạn. Nhạn là thứ chim thiên di theo mùa; hễ thấy chim nhạn bay về Nam là biết trời chuyển sang đông, chim nhạn lại chung thủy (khi một con chết, con kia không kết đôi với con khác nữa). Do vậy, cổ nhân cho rằng nhạn tượng trưng cho lòng trung thực, thủ tín, trung trinh. Bởi thế, lễ vật dành cho đám cưới phải có nhạn. Về sau, do nhạn ngày càng hiếm nên người ta thay bằng các loài gia cầm khác có tập tánh sống thành đôi như bồ câu, ngỗng, vịt, gà v.v..

mấy chục tiếng, ngỗng bèn đi nhiễu ba vòng, vỗ hai cánh một cái rồi chết ngay. Do vậy, ông Chuyết Tiên bèn viết bài ký về sự vãng sanh của cặp ngỗng trắng. Ôi, lạ lùng thay! Hết thảy chúng sanh đều có Phật tánh, đều kham làm Phật. Ngỗng còn như thế, há lẽ người chẳng bằng chim ư?

201. Thư trả lời cư sĩ Chu Bá Tù (thư thứ ba)

Ngày 26 tháng 8, Quang xuống núi đến đất Thân (Thượng Hải), đã nhận được thư ông từ núi chuyển tới, nhưng do bận rộn với chuyện của người khác nên chẳng trả lời được. Nay lại nhận được thư ông, kèm theo bưu phiếu mười đồng, tôi sẽ dùng món tiền này để làm chi phí in cuốn Quán Âm Tụng. Quang xuống núi lần này chính là vì lo liệu ấn hành cuốn tụng văn ấy. Nay tôi sẽ gởi cho ông mấy tờ nói rõ biện pháp, một là để ông biết cặn kẽ nguyên do, lại còn mong ông sẽ thừa cơ khuyên người khác đứng ra in. Sách này đối với thế đạo, nhân tâm lẫn Phật pháp đều có mối quan hệ mật thiết. Hiện thời đã có người chịu đứng ra in năm vạn bộ, Quang muốn in mấy chục vạn cuốn để lưu hành khắp trong ngoài nước, sợ chẳng thể cảm ứng được như vậy! Sáu vạn bộ thì có thể in được.

Con người sống trong thế gian trước hết phải có tâm lợi người, người dì góa, người em dâu góa, đứa cháu mồ côi v.v. của ông đáng thương, đáng xót, họ chính là chỗ ông để vun bồi ruộng phước, chớ nên giữ ý niệm phiền oán thì chính là hành đạo Bồ-tát. Nếu tâm có phiền oán thì chẳng những không hợp với đạo Bồ-tát, mà còn chẳng hợp với thiên chức, tánh phận của chính mình. Đối với chuyện chị em dâu bất hòa, hãy nên đối xử bằng thái độ hết sức công bằng, hết sức độ lượng, hãy thương họ thấy biết hẹp hòi mà chỉ dạy, để họ đều cùng được thấm nhuần pháp trạch, đấy chính là thực hành Phật pháp. Nếu coi đó là oán nghiệp, sẽ phải tiếc đau, oán hận. Đối với chuyện không thể ngăn dứt được, hễ có lòng đau tiếc, oán hận thì công đức sẽ thuận theo tâm lượng mà nhỏ bé đi. Trước đây, Tử Tú cũng có gởi thư đến, tôi phúc đáp sau đó không lâu. Ông ta biết chính mình chẳng thể rốt ráo nương cậy, quy hướng tịnh nghiệp để tu trì được.

Thương Vụ Ấn Thư Quán in Văn Sao bằng loại giấy có độ bóng, bán ở ngoài phố, chẳng in phần thư căn[42]. Đợi đến khi sắp chữ xong cuốn Quán Âm Tụng, tôi sẽ bảo Trung Hoa Thư Cục sắp chữ thành bản khác, dùng loại giấy nội địa để lưu hành. Trí Khánh đã quy y Phật pháp, bọn anh ta nhờ ông nuôi nấng, ông hãy trọn chớ nên tỏ ra vẻ mình đã làm chuyện nhân đức trước mặt bọn anh ta. Hễ làm ra vẻ nhân đức thì người ta tuy chịu ân, nhưng cái tâm cảm ân mỏng nhẹ lắm! "Có mà giống như không, thực mà giống như giả, vô cớ bị xúc phạm mà chẳng báo thù"[43], đấy chính là bí quyết mầu nhiệm để cư xử trong gia đình đấy. Ta đãi người

[42] Thư căn là một bộ phận phải có của những loại sách in theo lối cổ, tức phần thường được viết vào chỗ giáp mí của hai trang sách, ghi rõ tên sách, quyển mấy, trang mấy, thiên mấy v.v. tương ứng với phần header của bản in hiện thời. Đến thời tổ Ấn Quang, thư căn đã giống như lối in sách chữ Hán hiện thời, thư căn ở phía bên phải trang sách (nếu trang số chẵn) và bên trái trang sách (nếu là trang số lẻ).

[43] Đây là câu nói của Tăng tử (Tăng Sâm) trong thiên Thái Bá sách Luận Ngữ: *"Dĩ năng vấn ư bất năng, dĩ đa vấn ư quả, hữu nhược vô, thực nhược hư, phạm nhi bất giảo."* Sách Luận Ngữ Giảng Yếu giảng câu nói ấy có nghĩa là: "Tự mình có tài năng nhưng vẫn học hỏi với kẻ không có tài năng, mình biết

bằng thái độ khiêm tốn, ắt họ sẽ đối xử hòa hoãn với ta. Phần lớn những gia đình bất hòa đều là do so đo những chuyện nhỏ nhặt không quan trọng mà ra. Buông được cái tâm ta người xuống thì bất hòa sẽ tự hòa vậy.

202. Thư trả lời cư sĩ Chu Bá Tù (thư thứ tư)

Thư ngày 29 tháng trước chắc ông đã nhận được rồi. Nói đến nạn hút sách nghiện ngập thì không chỉ có nha phiến, thuốc lá cũng gây hại thật dữ dội! Trong lúc đại chúng tụ tập, hãy nên đề xướng, khuyên họ đừng hút hay dùng những thứ ấy. Người hút lâu ngày ắt sẽ đoản thọ, phụ nữ hút thuốc nhiều sẽ không thể sanh nở được. Điều này do một đệ tử của tôi (Triệu Nguyệt Tu vốn là một quan võ đã sớm đổi nghề, trở thành thương nhân) đích thân nghe thấy cô giáo ngoại quốc bảo với các nữ học sinh như vậy. Hiện thời, Văn Sao đã sắp chữ bản khác, thêm vào mấy chục bài nữa, khoảng xuân hè năm sau sẽ in ra sách. Bản này sẽ để cho thư cục vĩnh viễn lưu thông. Bản đầu tiên sẽ in một vạn cuốn, ngoại trừ ba bốn ngàn bộ Quang cần thiết, số còn lại đều để cho họ định giá bán ra.

Trong lá thư hồi tháng 9, ông đã nói đến chuyện con gà, hơi giống như chuyện Dương Bảo cứu chim sẻ thời Hán[44]. Chúng ta chỉ nên giữ tấm lòng phóng sanh, đừng vương vấn ý niệm mong được hưởng quả báo Tam công[45]. Dẫu có quả báo Tam công, cũng nên đem hết công đức ấy hồi hướng chín phẩm vãng sanh thì mới là chân chánh lợi mình lợi vật vậy.

Tăng Bính bị mắc bệnh là do túc nghiệp, khi lâm chung chịu niệm Phật là do túc thiện (điều thiện đã làm trong đời trước). Đã có thể tự niệm, lại được mọi người trợ niệm, chết rồi sắc mặt rạng rỡ. Có được ba điều ấy chắc được vãng sanh

---

nhiều mà vẫn học hỏi với kẻ biết ít. Có tài năng thật sự mà cảm thấy như mình không có tài năng thật sự gì. Ai vô cớ xúc phạm đến mình cũng không mưu tính báo thù."

[44] Dương Bảo là người huyện Hoa Âm, sống vào thời Hậu Hán. Lúc bé, Dương Bảo ra ngoài đồng chơi thấy một con sẻ bị cú mèo đuổi đánh bị thương rớt xuống đất. Dương Bảo liền cứu đem về, nuôi đến khi chim lành vết thương bèn thả đi. Đêm ấy, Dương Bảo nằm mộng thấy có một đứa bé trai mặc áo vàng đến biếu bốn chiếc vòng ngọc, tạ ơn, cho biết: "Con cháu ông ta sẽ được vinh hiển đến bốn đời như bốn vòng ngọc này." Về sau, con Dương Bảo là Dương Chấn, cháu là Dương Bỉnh, chắt là Dương Tứ, chút là Dương Bưu, lần lượt kế tiếp nhau làm đến chức Tam công, được cõi đời xưng tụng là *"tứ thế Tam công, đức nghiệp tương kế"* (bốn đời làm Tam công, kế thừa đức nghiệp).

Theo Tả Truyện, tướng nước Tấn là Ngụy Khỏa đang đánh nhau với tướng Tần là Đỗ Hồi, sắp bị Đỗ Hồi giết, chợt thấy tướng giặc vấp chân, nhìn ra thì thấy có một ông già đang kết cỏ thành khoanh để giật cho tướng giặc vấp ngã. Đến đêm, Ngụy Khỏa nằm mộng thấy ông già kết cỏ hồi sáng cho biết lúc cha Ngụy Khỏa là Ngụy Vũ Tử sắp chết đã bảo con chôn theo người thiếp yêu, nhưng Ngụy Khỏa cho đó là lời mê sảng của kẻ sắp chết nên không làm. Do vậy, cha người thiếp ấy đã theo cứu mạng Ngụy Khỏa. Từ hai câu chuyện này mới có thành ngữ *"kết thảo, hàm hoàn"* (kết cỏ, ngậm vành).

[45] Tam công là ba chức quan cao nhất thời xưa. Vào thời Tây Chu, Tam công là Thái sư, Thái phó, Thái bảo. Đời Bắc Ngụy thay Tam công bằng danh xưng Tam sư. Đời Tây Hán coi Thừa tướng (sau đổi thành Đại tư đồ), Thái úy (sau đổi thành Đại tư mã), Ngự sử đại phu (sau đổi thành Đại tư không) là Tam công. Đời Đông Hán, lấy Thái úy, Tư đồ, Tư không làm Tam công.

Tây Phương, sao lại nói là sẽ đọa vào chỗ nào? Đời người gặp phải các cảnh thiện ác, mỗi mỗi đều có túc nhân. Đời trước có oán thù, thấy nhau liền ôm lòng giận; đời trước có ân, thấy nhau liền sanh lòng yêu mến. Phụ nữ vô tri quen tánh buông lung đến nỗi chẳng thể chuyển oán thành thân để tiêu trừ túc nghiệp. Người hiểu rõ lý đã biết "kẻ vừa trông thấy liền nổi nóng là do đời trước có oán thù" sẽ đối trị sự sân hận này, càng ra sức đối đãi bằng lòng từ ái thì túc nghiệp sẽ được tiêu trừ bởi hiện nghiệp (nghiệp trong hiện tại) *(thiện tâm cũng gọi là nghiệp)*.

Nếu có thể chí thành khẩn thiết trì niệm Quán Thế Âm Bồ-tát thì không chỉ được lành bệnh mà thôi; nếu có thể chí thành đến cùng cực thì còn có thể liễu sanh thoát tử, cho đến thành Phật. Kinh Lăng-nghiêm dạy: "Cầu vợ được vợ (cầu vợ là mong có được vợ hiền thục, trí tuệ), cầu con được con, cầu trường thọ được trường thọ, cầu tam-muội được tam-muội, như thế cho đến cầu Đại Niết-bàn đắc Đại Niết-bàn." Đại Niết-bàn chính là cực quả rốt ráo được chứng bởi đức Phật. Nhưng người đời do lòng tin lẫn sự chí thành trì tụng đều chưa thể đạt tới mức cùng cực nên tùy theo lòng thành của kẻ ấy mà được các thứ lợi ích nhỏ nhoi, đừng nói là lợi ích chỉ có thế mà thôi. Hãy nên với trong là người thân trong nhà, ngoài là hết thảy mọi người, đều đem những chuyện chính mình chứng nghiệm và những chuyện cảm ứng được thuật trong bộ Quán Âm Tụng để khuyên bảo, ngõ hầu ai nấy đều được Bồ-tát từ bi che chở, gia bị trong lúc tình thế hoạn nạn này. Đấy chính là cách dự phòng mầu nhiệm nhất!

203. Thư trả lời cư sĩ Chu Bá Tù (thư thứ năm)

Hai lượt thư gởi đến tôi đều nhận được đầy đủ. Lệnh tổ đáng gọi là người đọc sách thật sự, chẳng phụ sở học. Người đời nay đọc sách thánh hiền nhưng làm chuyện cầm thú nhiều khôn xiết, đấy đáng gọi là thái độ của kép hát, đáng xót, đáng than! Tờ truyền đơn khuyên mến tiếc kính trọng sách vở hay giấy viết chữ nên đưa tặng những người có nhiệt tâm thông hiểu văn lý để họ sẽ thúc đẩy, khuyên chỉ người khác. Văn Sao, Thọ Khang Bảo Giám nay đã gởi đến rồi. Đêm 24 tháng Chạp năm ngoái, công ty ấn loát bị chập điện, đồ đạc, phòng ốc thuộc căn nhà chánh ở phía trước đều cháy sạch trơn, sổ sách đều chưa thể đem ra được, may là không có ai bị thương. Quang bị tổn thất đến hơn 2.000 đồng do họ ôm lòng gian dối, chỉ in 5.000 cuốn (ấn định một vạn) Văn Sao, 2.000 cuốn Bảo Giám (ấn định ba ngàn), nhưng họ nói đã in hết cho Quang rồi, đã giao được một nửa. Giá thành lớn quá, phải trả thêm tiền, đợi cho tiền vào tay họ rồi mới gởi hóa đơn tới, họ chỉ giao ra ba ngàn mấy cuốn Văn Sao, một vạn ba ngàn mấy cuốn Bảo

Giám[46]. Tiền đã xài hơn một ngàn mấy, họ nói mùa xuân năm sau sẽ in. Nào ngờ thiên địa quỷ thần chẳng dung, hôm trước họ gởi hóa đơn tới, hôm sau liền bị hỏa tai.

Chuyện này phó mặc cho lương tâm của họ. Sách của Quang có cuốn để ở chỗ đóng bìa, có cuốn được cất trong căn nhà nhỏ ở phía sau, đều không bị cháy, nhưng bọn họ ôm lòng gian trá, há không thể nào chẳng mượn cớ bị tai nạn để lươn lẹo, chỉ đành mặc cho họ làm sao thì làm. Trong tháng nhuận, tôi sẽ qua Thượng Hải tiếp tục in. Phàm những ai đã bỏ tiền in sẽ chiếu theo số tiền mà giao đủ, chẳng thiếu một đồng nào. Chuyện kết duyên chỉ đành giảm bớt khả năng mà thôi! Xin hãy khuyên mẹ và vợ ông phải sốt sắng niệm Phật cầu sanh Tây Phương ngõ hầu "thoát được thế giới khổ sở này, trở thành con người tự tại".

204. Thư trả lời cư sĩ Chu Bá Tù (thư thứ sáu)

Thư ngày 21 đã nhận được rồi. Trong tờ truyền đơn khuyên mến tiếc kính trọng sách vở, giấy viết chữ, đối với câu văn trước câu *"hiếu đễ trung tín lễ nghĩa liêm sỉ, nếu chẳng ra sức tận tụy thực hiện tức là đã quên mất tám chữ"*; há nên đem sửa chữ "tự"[47] (字: chữ) thành "tiểu tử" thì lời lẽ ấy đã trở thành giọng điệu đầu đường xó chợ chửi người khác rồi, mà tám chữ tiếp theo (tức tám chữ "hiếu đễ trung tín lễ nghĩa liêm sỉ") cũng đã chẳng phù hợp, nối tiếp ý câu trên được nữa. Phàm văn tự trong Phật pháp có liên quan đến thế đạo và đại thể, quyết chớ nên tùy ý sửa đổi, mà cũng chớ nên hoàn toàn đăng y chang theo bản thảo gởi đến. Ngay như bài tường thuật buổi khai thị của Ấn Quang ở Nam Viên, toàn là những lời lẽ không hiểu sự việc của am chủ Vô Úy, thật giống như báng tăng vậy; thế mà quý báo, nguyệt san Tịnh Nghiệp và tờ lâm san của Cư sĩ lâm Thiên Tân đều cứ đăng y nguyên như vậy, đáng than quá sức!

Tác giả bài viết ấy nói Quang lễ Phật xong bèn hướng về hai phía Đông - Tây hòa-nam. "Hòa-nam" (vandanam) chính là dập đầu đảnh lễ, há có vị pháp sư nào sắp nói khai thị mà trước hết lại hướng về kẻ nam người nữ ở phía Đông, phía Tây rập đầu lễ bái ư? Do Quang lễ Phật xong bèn hướng về phía Đông, phía Tây chắp tay tỏ vẻ chào hỏi, người ấy liền nói là Quang hòa-nam. Thêm nữa, lúc lên tòa ngồi rồi, do người nghe ở phía dưới đang lễ bái, còn chưa ngồi xếp bằng,

[46] Có lẽ ở đây người sao chép viết nhầm, vì phần trên tổ nói chỉ ước định in ba ngàn cuốn Bảo Giám. Chẳng lẽ ấn quán lại in đến một vạn ba ngàn cuốn Bảo Giám.

[47] Tờ truyền đơn này được đăng tải trong Ấn Quang Văn Sao Tục Biên, quyển 3. Đoạn văn ấy như sau: "Hơn nữa, không chỉ chẳng nên khinh nhờn, làm dơ, vứt bỏ chữ hữu hình mà đối với chữ vô hình lại càng chẳng nên khinh nhờn, làm bẩn, vứt bỏ! "Hiếu, đễ, trung, tín, lễ, nghĩa, liêm, sỉ" nếu chẳng tận lực thực hiện, tức là đã quên mất tám chữ vậy. Đã quên tám chữ ấy thì sống là loài cầm thú đội mũ mặc áo, chết đọa trong tam đồ ác đạo, chẳng đáng buồn ư?"

Quang liền khom mình chắp tay tỏ vẻ cung kính, tác giả bài viết ấy bèn nói là Quang đứng cạnh tòa rạp mình lạy trả. Nói như vậy tuy không quá đáng, nhưng cũng rất mất thể thống. Lại còn nói Quang đeo kính lão, chuyện này không ghi cũng đâu có ảnh hưởng gì? Nếu không có chuyện gì cần thiết, Quang một mực chẳng đeo kính lão. Lần này do giảng đoạn thứ nhất và đoạn thứ ba trong Mộng Đông Ngữ Lục cho đại chúng nên không thể chẳng đeo kính lão, vì mắt quáng chẳng đọc được chữ.

Vị am chủ Vô Úy này (e rằng người này là Tạ Ngâm Tuyết, vốn là nữ nhân mới xuất gia, ngày hôm ấy bà ta cũng đến dự pháp hội) quá chuộng thể diện, chỉ sợ người khác chẳng biết bà ta viết bài văn ấy, chứ chẳng biết bài văn ấy có khuyết điểm sai lầm. Giống như bài Ấn Quang Pháp Sư Truyện do Mã Khế Tây soạn, đúng là bịa chuyện mù quáng, đem phàm lạm thánh. Báo Hải Triều Âm vừa đăng tải, ông Phan Đối Phù bèn cho in một ngàn bản chữ son. Tờ báo của Phật Quang Xã ở An Huy cũng tính đăng tải, do họ đem bản cảo gởi tới cho Quang, mới chấm dứt được chuyện ấy, nhưng tờ Phật Giáo Tuần San của Thiểm Tây cũng đã đăng rồi. Những loại văn chương vừa chẳng ăn nhập gì, lại vừa phá hoại đại thể ấy, đăng tải có ích gì đâu? Hãy nên xem hai lá thư gởi cho Phan Đối Phù và Mã Khế Tây trong Văn Sao quyển một sẽ tự biết. Không phải là Quang quá phiền phức, chỉ là mong sao chẳng bị người khác chê cười mà thôi!

205. Thư trả lời cư sĩ Chu Bá Tù (thư thứ bảy)

Nhận được thư và hương châu, cảm ơn. Loại châu này để lâu sẽ nứt vỡ, năm Quang Tự 30 (1904), Quang đã từng mua rồi, chưa được hơn một tháng đã nứt. Thương nhân chỉ cầu lợi, há nên để bị họ lừa gạt! Năm ngoái ông đã gởi hương châu cho tôi rồi, và những chuỗi ông nhờ gởi cho người khác tôi cũng đã chuyển giao rồi, lại còn nói chuỗi để lâu sẽ bị nứt vỡ để người ta khỏi bực mình. Người cháu dâu là Thuần Cô đáng gọi bậc trượng phu trong nữ giới, nếu có thể tận hết lòng hiếu, uyển chuyển khuyên ông nội, bố mẹ chồng khiến cho họ tín nguyện niệm Phật cầu sanh Tây Phương, sẽ đáng gọi là đệ tử thật sự của đức Phật. Nay tôi đặt pháp danh cho cô ta là Huệ Thuần. Nếu có thể làm được như tôi đã nói (đã viết tường tận trong Văn Sao) thì sẽ là khách quý cõi Cực Lạc, là đạo sư trong cõi Sa-bà, nhưng do tôi đang ở chỗ tạm ngụ, bận bịu, chẳng thể nói tường tận được. Hãy bảo cô ta đọc kỹ Văn Sao thì sẽ chẳng khác gì tôi đã nói chi tiết với cô ta. Hãy noi theo pháp tắc của hai bà phi thuở Đường Ngu, ba bà Thái đời Chu và bà mạng phụ Thái Cô (chữ 大家 phải đọc là Thái Cô 太姑), xin hãy đưa thư này cho cô ta đọc.

206. Thư trả lời cư sĩ Chu Bá Tù (thư thứ tám)

Đã nhận được hai lá thư, nhưng do bận việc bên ngoài chẳng được rảnh rỗi, nên chưa trả lời. Sách Từ Bi Kính đã gởi đến Phổ Đà, chưa từng chuyển đi, đừng lo. Nay lại nhận được thư của hãng Càn Mậu ở Ninh Ba cho biết ông đã gởi món tiền mười sáu đồng. Từ nay về sau, hễ gởi tiền nên gởi thẳng cho hòa thượng Chân Đạt ở chùa Thái Bình, bến Trần Gia, Thượng Hải, thì không phải qua thủ tục chuyển đi nữa, sao không làm theo cách đã nói trước đây? Nay tôi gởi cho ông mười gói Văn Sao. Sách Thọ Khang Bảo Giám ở Thượng Hải không có nhiều, đợi khi nào sách ở Hàng Châu in xong sẽ lại gởi. Lệnh chánh, lệnh lang[48] đã có thiện căn từ đời trước, hãy nên làm cho họ phát tâm dài lâu, ngõ hầu đích thân được hưởng lợi ích thật sự. Thế đạo hiện thời nguy hiểm đến cùng cực, nếu chẳng niệm Phật và niệm Quán Âm sẽ không nương tựa vào đâu được!

207. Thư trả lời cư sĩ Chu Bá Tù (thư thứ chín)

Do sách Quán Âm Tụng ấn loát chậm trễ, tôi đã sang đất Thân (Thượng Hải) vào mồng 1 tháng 8 để đốc thúc ấn hành. Quang chẳng mong muốn hết thảy điều gì, chỉ mong các vị nhất tâm niệm Phật, đừng làm các điều ác, vâng làm các điều thiện mà thôi. Hôm 23 trở về núi, do nhọc nhằn bên ngoài, mắt hơi bị bốc hỏa, nhưng vì mọi việc dồn lại, mỗi ngày vẫn gắng gượng trả lời dăm ba bức thư. Muốn cho mắt mau lành bèn bôi thuốc ba bốn lượt, gần như suốt 20 ngày chẳng thể xem văn tự được. Bản sắp chữ thử của bộ Văn Sao dồn lại hơn 100 trang phải giảo duyệt, đủ mọi thứ bận bịu, hằng ngày không được rảnh rỗi, tuy đã nhận được thư ông nhưng không trả lời. Mẹ và chị dâu ông (đối với mẹ ông lại càng nên uyển chuyển khuyên cụ sanh lòng tin, phát nguyện thì cách thể hiện lòng hiếu trong thế gian chẳng thể nào sánh bằng được) đã đều phát lòng tin, hãy nên thường dựa theo những gì Văn Sao đã nói để kể với họ. Lần này tôi không rảnh rỗi để khai thị, Văn Sao chính là một bộ khai thị lớn đấy!

Quán Âm Tụng in sáu vạn bộ trong năm nay, phàm sách của những người bỏ tiền ra in và sách cần cho chính mình, đều giao sạch hết rồi. Lại có một người bảo Quang muốn kết duyên một vạn sáu bảy ngàn bộ, năm sau sẽ in ra để kết duyên từ từ. Văn Sao năm sau mới có thể in được. Lại còn in sách Bất Khả Lục cùng một lúc. Quán Âm Tụng đã cho khắc ván, ước chừng mùa thu năm sau sẽ xong. Phí tổn khoảng 500 đồng do chỉ riêng một cư sĩ phát tâm để đáp ứng nhu cầu của những ai thỉnh sách lặt vặt về đọc sau này.

[48] Lệnh chánh: tiếng gọi tỏ vẻ tôn trọng vợ cả (chánh thất) của người khác. Lệnh lang: tiếng gọi tỏ vẻ tôn trọng con trai người khác.

Thế đạo hiện thời đúng là thế đạo hoạn nạn, mọi người đều ở trong cảnh hoạn nạn, may mắn được nghe Phật pháp hãy nên sốt sắng niệm Phật, ngõ hầu cậy vào Phật từ lực để hễ sống nếu gặp nguy sẽ thành an, nếu chết sẽ vượt thẳng khỏi biển khổ, về ngay Liên Trì. Sự tích được ông kể trong lá thư trước, tôi cũng không rảnh rỗi để bàn cặn kẽ. Nay viết thẳng pháp danh đã đặt vào đơn xin quy y, đem gởi lại, hãy dạy họ ai nấy đều nỗ lực giác ngộ, phản tỉnh. Bảo Cô càng phải nên nỗ lực, vì chúng sanh đang mê thì phải thường giác chiếu, ngõ hầu chẳng đến nỗi bị trần tình (những tình niệm trong cõi trần) phá hoại tiết tháo trong sạch. Ngày nào còn chưa chết, ngày ấy chớ nên buông lung, thì mới có thể nhận lãnh trọn vẹn, trở về trọn vẹn. Vì thế khi lâm chung Tăng Tử bảo các đệ tử: "Kinh Thi viết: Dè dặt kinh sợ như vào vực sâu, đi trên băng mỏng, từ nay trở đi, ta biết thoát khỏi." Hết thảy mọi người đều nên như thế, mà quả phụ, trinh nữ càng phải nên gắng sức ngõ hầu trở thành bậc thầy gương mẫu cho nữ giới, giữ vững khuê khổn (chốn khuê các) vậy!

208. Thư trả lời cư sĩ Chu Bá Tù (thư thứ mười)

Sách Tân Sanh Cơ Hiệt Yếu (Trích yếu cơ hội sống mới) cũng có thể dùng để dứt trừ giết chóc dần dần, nhưng há nên sao lục những lời phê bình nếp sống cũ vào đấy? Tác giả chỉ thấy cái xấu của lối sống cũ, chẳng thấy nam nữ theo lối mới tự do luyến ái, đả đảo luân thường, đả đảo liêm sỉ, con giết cha vẫn được khen thưởng. Trường học Mỹ Thuật bảo mấy đứa con gái trần truồng, mấy chục thằng học trò xúm quanh, tùy theo nhìn từ góc độ nào mà vẽ vời, coi như một môn học. Những phụ nữ vô liêm sỉ ấy còn được coi như giáo viên, mỗi tháng được trả lương bao nhiêu đó. Mới mẻ kiểu đó há có ích gì cho thế đạo nhân tâm? Muốn vãn hồi thế đạo nhân tâm há nên đăng tải những thứ ngôn luận ấy, cũng chẳng đoái hoài đến tông chỉ của mình. Sau này, phàm những lời lẽ ma mị, mù quáng, nhiễu loạn chớ nên đăng tải, để khỏi bị người sáng mắt chê cười.

Tác giả bài viết Tịnh Nghiệp Xã Ký chẳng hiểu sự vụ, nói bừa đạo lý, người ta chắp tay mà bảo là hòa-nam, ngồi xuống chưa xếp bằng liền bảo đứng trước tòa. Quang chán nhất là văn tự ghi chép của người khác, bởi kẻ ghi chép quá nửa chẳng đúng pháp. Thư hôm trước chưa gởi tới, cũng chẳng cần phải gởi nữa, Quang bận rộn quá sức, không rảnh rỗi để xem. Ông yêu cầu gởi năm gói Văn Sao và ba gói Thọ Khang Bảo Giám, đóng sách cẩn thận xong liền gởi đi ngay.

209. Thư trả lời cư sĩ Chu Bá Tù (thư thứ mười một)

Mồng 5 tháng nhuận Quang xuống núi, mồng 7 tới đất Thân. Khoản tiền mua cá ở Tây Hồ như đã nói thì lúc này không cần chi ra nữa. Lúc này, khoản tiền cần

gấp nhất là tiền mua thức ăn để nuôi chó, do chánh quyền thành phố Hàng Châu sai người đi bắt chó hoang trên đường phố rồi giết bằng cách quăng xuống sông Tiền Đường, đã dìm chết một trăm mấy chục con rồi. Hội Phật giáo xin họ giao cho hội Phật giáo, nay đã gần đến hai ngàn con. Mỗi ngày tiền thức ăn cho một con chó ăn là 1 xu 5 chinh[49], hai ngàn con thì mỗi ngày cần đến 30 đồng, lại còn phải cử người trông nom, những con chết rồi còn phải tốn tiền hỏa thiêu v.v.. Quang cũng quyên tặng 100 đồng, lại kêu gọi bạn bè quyên tặng được bốn năm trăm đồng. Quý hội muốn giúp đỡ khoản này, hãy nên gởi về Công Đức Lâm ở cầu Long Tường, Chợ Mới, Hàng Châu, giao cho cư sĩ Chung Khang Hầu. Ông ta nhận được tiền sẽ gởi biên lai thông báo.

Hiện thời gió mây biến huyễn, sáng tối khác nhau, không có chuyện gì cần thiết đừng đến. Nếu có chuyện gì cần đến, xin hãy sang chùa Thái Bình ở bến Trần Gia, Thượng Hải hỏi thăm; nếu Quang chưa về núi sẽ có thể gặp mặt ở đất Thân. Năm ngoái, công ty ấn loát Chiết Giang bị cháy, nay đã giao cho Đại Trung Thư Cục ở Thượng Hải in 5.000 bộ Văn Sao (mỗi bộ 7 cắc), 6.000 bộ An Sĩ Toàn Thư (mỗi bộ 5 cắc 9 xu), xưởng in Hàng Châu bồi thường chi phí 1.600 đồng, tôi đem khoản tiền ấy in hai vạn cuốn Thọ Khang Bảo Giám. Xưởng in thuộc nhà giam Tào Hà Kính in Di-đà Kinh Bạch Thoại Giải hai vạn cuốn (mỗi cuốn 1 cắc 5 xu), hai vạn cuốn Gia Ngôn Lục (mỗi cuốn 1 cắc 7 xu 5 chinh), in một vạn cuốn Cảm Ứng Thiên Trực Giảng (mới cho sắp chữ, ước chừng năm chục trang). Nếu các sách này xong xuôi, năm sau Quang sẽ ẩn lánh ở nơi không có đường bưu điện để chuyên tu tịnh nghiệp, ngõ hầu khỏi đến nỗi lúc lâm chung chân tay cuống quýt, gây nhục cho pháp môn!

210. Thư trả lời cư sĩ Chu Bá Tù (thư thứ mười hai)

Món tiền quyên tặng 400 đồng gởi đến chùa Thái Bình hôm trước, ngày hôm sau tôi giao cho cư sĩ Ngụy Mai Tôn làm chi phí cứu trợ đất Lỗ (Sơn Đông). Ngày hôm sau nữa, ông Mai Tôn liền đưa biên nhận đến. Do ông nói là đến cuối tháng mới trở về, lúc về còn muốn ghé qua nên tôi giữ biên nhận ở đây để chờ ông. Đến nay ông chưa tới nên tôi nghĩ ông đã về rồi, vì thế đem biên nhận gởi đi để trong hội khỏi có chuyện hiềm nghi. Ước chừng đến Rằm Quang sẽ về núi, tháng 7 lại sang đất Hỗ (Thượng Hải) để lo chuyện thỉnh sách, in sách. Di-đà Kinh Bạch Thoại, Gia Ngôn Lục lần này chẳng còn được mấy, đợi đến đợt in lần sau sẽ gởi

[49] Nguyên văn "nhất phân ngũ ly". Thời ấy, một nguyên (đồng) là mười giác, mỗi giác là mười phân, mỗi phân là mười ly. Ta có những chữ tương ứng như cắc (hào) và xu để dịch giác và phân, nhưng không có chữ để dịch chữ ly. Chúng tôi tạm mượn chữ chinh là một đơn vị tiền cổ (tức đồng Bảo Đại) chỉ thông dụng trong một thời gian ngắn. Một xu trị giá chừng ba hoặc năm chinh. Do vậy, dùng chữ chinh để dịch chữ ly cũng rất gượng ép!

cho ông. Lần này nếu Văn Sao còn dư sẽ gởi cho ông mấy gói. Di-đà Kinh Bạch Thoại Chú, Gia Ngôn Lục gởi nhiều lắm là một gói.

211. Thư trả lời cư sĩ Chu Bá Tù (thư thứ mười ba)

Nhận được thư vào ngày Rằm tháng 5, biết ông do qua lại mệt nhọc, hư hỏa bốc lên, chắc là bệnh mắt đã lành từ lâu rồi. Nếu vẫn còn chưa lành, hãy nên chí tâm niệm thánh hiệu Quán Âm, ắt sẽ có công hiệu ngay. Biên nhận khoản tiền quyên tặng 400 đồng tôi đã gởi qua bưu điện hôm mồng 7 tháng 5, chắc đã nhận được rồi. Thoạt đầu vì ông nói sẽ trở lại nên tôi đợi. Đến hôm mồng 7, biết đã đến lúc Quang phải về rồi, nên đem biên nhận gởi qua bưu điện. Những người nắm quyền hiện thời giống hệt như đổ từ một khuôn, đối với việc uốn nắn nhân tâm, uốn nắn phong tục v.v. đều bỏ mặc không hỏi tới, phàm những biện pháp chuẩn bị sẵn để đuổi tăng, đoạt tài sản đều coi như nhiệm vụ quan trọng, không chi lớn bằng, phải thiết thực tiến hành. Đang trong lúc chớ nên thõng tay thờ ơ đứng nhìn này, pháp sư Viên Anh vẫn còn đang ở Tuyền Châu chắc đang tính toán cứu vãn, có lẽ chẳng đến nỗi khốc liệt quá đáng!

212. Thư trả lời cư sĩ Chu Bá Tù (thư thứ mười bốn)

Thư tôi viết hôm mồng 5 tháng 6 chắc ông đã nhận được rồi. Nay nhận được thư ông đề ngày 21 tháng 5, cho biết bệnh mắt vẫn chưa lành, nhưng khí trời nóng bức không chỗ nào tránh né được, lại còn bị dịch thời khí[50]. Đấy là do ác nghiệp đồng phận của chúng sanh chiêu cảm, xin hãy bảo khắp người làng cùng kiêng sát sanh, niệm thánh hiệu Quán Thế Âm, để mong tật dịch tiêu diệt. Nếu có thể khẩn thiết chí thành, chắc chắn có hiệu nghiệm lớn lao. Ngay như bệnh mắt của ông cũng sẽ do tuyên nói rộng rãi lời này mà được lành bệnh. Biển khổ rộng mênh mông, Quán Âm là bậc cứu độ, nếu ai nấy chí thành trì tụng mà bị chết vì tật dịch thì trời đất cũng sẽ đổi ngôi, mặt trời, mặt trăng cũng sẽ xoay ngược! Nếu hời hợt, hờ hững niệm thầm một hai câu mà muốn được hiệu quả khởi tử hồi sanh ngay, tuy Bồ-tát đại từ cũng chẳng làm sao được. Chẳng phải là ngài không chịu cứu tế, nhưng vì tâm kẻ ấy chẳng chân thật, thiết tha, quyết khó thể cảm thông được. Mong hãy nói cặn kẽ những điều này với người làng thì may mắn lắm thay!

213. Thư trả lời cư sĩ Chu Bá Tù (thư thứ mười lăm)

Qua thư ông, biết ông đã nhận được biên lai lần trước rồi, nay lại nhận được đầy đủ cả nguyệt san lẫn báo cáo phóng sanh. Thánh hiệu Quán Âm chính là chỗ nương tựa lớn lao cho hiện thời, hãy nên khuyên hết thảy mọi người cùng niệm.

[50] Dịch thời khí là những bệnh dịch thường xảy ra ồ ạt vào mùa hè như dịch tả, dịch hạch…

Nếu là người tu tịnh nghiệp, hãy nên chuyên niệm thánh hiệu Quán Thế Âm ngoài những lúc niệm Phật. Đối với kẻ chưa phát tâm hãy dạy họ chuyên niệm, vì họ dốc chí mong được Đại sĩ che chở, gia bị ngõ hầu tiêu diệt tai họa. Đợi cho đến khi họ đã sanh được lòng tin, lại dạy họ lấy niệm Phật làm chuyện chánh, niệm Quán Âm để phụ trợ; nhưng niệm Quán Âm để cầu sanh Tây Phương thì cũng được như nguyện.

214. Thư trả lời cư sĩ Chu Bá Tù (thư thứ mười sáu)

Năm ngoái đã hai lần nhận được thư của ông, nhưng vì bận bịu chưa trả lời được. Hạ tuần tháng 2 năm nay, tôi sẽ sang Thượng Hải lo toan việc in sách, tháng 6 vẫn trở về núi. Tháng 7 xuống núi sẽ chẳng quay về nữa. Tháng 8, tháng 9, in sách xong xuôi, sẽ giấu kín tung tích, ẩn lánh ở nơi không một ai biết đến để mong sống hết những năm còn sót lại này ngõ hầu chuyên tu tịnh nghiệp. Nếu không, cứ suốt ngày bận bịu vì người khác, ắt sẽ hỏng đại sự vãng sanh Tây Phương của chính mình. Gần đây, tinh thần ngày một giảm, chuyện thù tiếp ngày càng nhiều, nếu chẳng lánh đi, sau này sẽ càng khó thể chống chọi được nữa! Người trong Phật pháp đều cùng mơ màng, chẳng xét đến đại thể, chỉ mong thuận tiện cho chính mình, đến nỗi pháp đạo ngày một suy, kẻ lấn hiếp bên ngoài ngày một đông. May là có những vị cư sĩ hộ vệ, nên còn chưa bị diệt ngay. Nếu không, danh xưng Phật pháp đã sớm chẳng còn được nghe trong cõi đời hiện tại rồi. Gần đây, lòng người bại hoại, bại hoại đến tột cùng, nhưng người có tu trì được cảm ứng khá nhiều, nên vẫn còn duy trì được phần nào. Nếu không, Phật pháp sẽ bị mất tích từ nay, buồn thay!

215. Thư trả lời cư sĩ Chu Bá Tù (thư thứ mười bảy)

Thư nhận được đầy đủ. Phong trào hủy Phật chỗ nào cũng có, nếu không có người chống đỡ, Phật pháp sẽ bị đoạn diệt. Với 10 đồng ông đã gởi, tôi sẽ gởi 10 bộ Khuê Phạm, mỗi bộ cộng chung tiền giấy và tiền công in là 8 cắc 8 xu. Kèm thêm trong gói sách là 2 cuốn Âm Chất Văn Đồ Chứng và 2 gói Quán Âm Tụng để kết duyên. Trường nữ sinh Nam Hoa nếu có được sách này để làm khuôn mẫu tốt đẹp thì tất cả nữ sinh sẽ đều có thể trở thành những tấm gương đẹp đẽ trong chốn khuê các, tạo điển hình cho nữ giới. Năm ngoái đã in 3.000 bộ, năm nay vốn muốn in nhiều hơn, nhưng do thời cuộc không yên, chỉ in được 2.500 cuốn.

Trong tháng 9, Quang nhất định ẩn kín tung tích, tất cả những sách có chỉ bản đều giao cho Cư sĩ lâm trông coi. Hễ có ai phát tâm đứng ra in với số lượng lớn thì chẳng ngại gì trao đổi với họ. Khuê Phạm được in bằng lối thạch bản, chẳng tiện ấn loát. Nếu có ai in với số lượng lớn như hai ba ngàn cuốn thì phải hỏi Cư

sĩ lâm xem họ có đảm nhiệm được hay không? Thơ ông Uông và thơ của ông đều hay, nhưng Quang trọn chẳng hiểu thơ, lại còn bận bịu cùng cực, nay đem gởi trả lại kèm theo thư. Không có chuyện gì quan trọng, đừng nên gởi thư đến. Nếu đến tháng 9 thì muôn phần đừng gởi thư tới nữa để khỏi bị hỏng việc.

216. Thư trả lời cư sĩ Chu Bá Tù (thư thứ mười tám)

Ông nói lúc Quang sắp ẩn dật hãy ban cho ông một lá thư để làm khuôn phép, vậy thì một bộ Văn Sao đều là lời lẽ thừa thãi ư? Ông Trình nói: *"Tuân sở văn, hành sở tri, hà tất cập môn cầu ngô tai?"* (Tuân theo những điều đã nghe, hành theo những điều đã biết, cần gì phải đến trước cửa cầu ta nữa?) Nay tôi chỉ nói *"đôn luân tận phận, nhàn tà tồn thành, chư ác mạc tác, chúng thiện phụng hành, chân vị sanh tử, phát tâm Bồ-đề, dĩ thâm tín nguyện, trì danh hiệu Phật"* (giữ vẹn luân thường, trọn hết bổn phận; dứt lòng tà, giữ lòng thành; đừng làm các điều ác, vâng giữ các điều lành, thật vì sanh tử, phát tâm Bồ-đề, dùng tín nguyện sâu, trì danh hiệu Phật). Nếu có thể y theo tám câu ấy mà hành thì làm bậc hiền thánh, liễu sanh thoát tử đều có dư!

Điều quan trọng mầu nhiệm trong Phật pháp chỉ là ở lòng thành, ông giữ được lòng thành từ đầu đến cuối thì không có gì để nói nữa. Hãy nên vứt ra ngoài Đông Dương đại hải những thói bàn luận điều huyền lẽ diệu, khua môi múa mép, cầu thần thông, thì mới có thể đích thân đạt được lợi ích thật sự, huống hồ những kẻ vẫn coi luyện đan vận khí là đạo ư? Ba bà thủ tiết ấy đều có thể ăn chay, niệm Phật, hãy nên dạy họ quyết định cầu sanh Tây Phương, đừng nên cầu phước báo trời người, ngõ hầu chẳng phụ mấy chục năm giữ tiết tháo băng khiết. Trần Đức Phương pháp danh là Trí Đức, Trương Phổ Đường pháp danh là Trí Phổ, Châu Duyệt Thiền pháp danh là Trí Thiền. Bọn họ đã đều sống trong chùa miếu, hãy nên chí thành cung kính, lễ bái, trì tụng, đừng xen tạp luyện đan, vận khí, hoặc nhập thần phụ quỷ (lên đồng, hầu bóng) v.v. để chèo kéo kẻ vô tri cung kính, cúng dường. Nếu được như thế sẽ đúng là đệ tử Phật thật sự, quyết định sẽ có thể thoát khỏi cõi Sa-bà này, sanh sang cõi Cực Lạc kia ngay trong đời này. Tôi sợ bọn họ không thông hiểu văn lý cho lắm, xin ông hãy phương tiện diễn nói với họ, khiến cho họ hiểu Phật pháp vốn tự sẵn có đạo lý chân thật. Trí Giác hành trì đáng gọi là khó có, đấy gọi là "bầu bạn trong pháp môn, bạn bè xuất thế, tại gia học đạo", những người này có thể thay đổi phong tục, may mắn chi hơn?

217. Thư trả lời cư sĩ Chu Bá Tù (thư thứ mười chín)

Đã nhận được 16 đồng rồi, đừng lo, sẽ dùng làm chi phí gởi sách. Đã nhận được Khai Sĩ Truyện rồi. Hiện thời đang trong tình thế hoạn nạn, trừ Đại sĩ ra,

còn biết nương tựa vào đâu? Nếu có thể chí thành khẩn thiết, quyết định được ngài ngầm gia bị. Do vậy biết tâm Bồ-tát và tâm chúng sanh về bản thể giống hệt nhau không khác, chỉ vì chúng sanh mê trái nên đến nỗi cách ngăn; nếu vì gặp lúc hoạn nạn, chuyên tâm ức niệm, sẽ tự có thể lập tức thấy cảm ứng. Ví như kẻ đội chậu úp thường chẳng thấy được mặt trời, nếu bỏ cái chậu che úp ấy đi, cố nhiên mặt trời ở ngay trên đỉnh đầu. Xin hãy nói với hết thảy mọi người về sự linh cảm của Bồ-tát để ai nấy thường niệm. So với những kẻ bàn huyền luận diệu có ích hơn rất nhiều!

218. Thư trả lời cư sĩ Chu Bá Tù (thư thứ hai mươi)

Quang vốn tính đến cuối tháng 9 sẽ ẩn mình, nhưng vì nhân duyên ấn hành bộ Lịch Sử Cảm Ứng Thống Kỷ mà chần chừ. Các đệ tử ở Hương Cảng đã sớm gởi thư, đánh điện thôi thúc, tháng Giêng năm sau sẽ đi. Chuyện sang sống nhờ ở Hạ Môn thôi đừng bàn tới nữa! Mấy bữa nữa sẽ gởi cho ông mấy gói Lịch Sử Cảm Ứng Thống Kỷ, sách này có thể dùng làm căn cứ để vãn hồi thế đạo nhân tâm. Lần này tôi bảo họ làm thành hai bộ chỉ bản để mỗi bản sẽ in được hai vạn bộ.

219. Thư trả lời cư sĩ Chu Bá Tù (thư thứ hai mươi mốt)

Lệnh từ[51] và Trí Giác khốn khổ bởi tỳ ngược[52] đã lâu, may đã lành bệnh. Nay tôi gởi cho một toa thuốc thần diệu chữa bệnh sốt rét, xin hãy ấn tống để mọi người cùng hàng đều được thoát khỏi nỗi khổ này.

*** Toa thuốc thần diệu trị bệnh sốt rét**

Ô mai (hai quả), hồng táo (hai quả), hồ đậu (một tuổi là một hạt, như người một tuổi liền viết một hạt, mười tuổi liền viết mười hạt, chiếu theo đây mà suy).

Dùng một tờ giấy trắng viết ba thứ này. Số lượng ô mai và hồng táo đều cố định, chỉ có hồ đậu là dựa theo số tuổi của bệnh nhân mà viết. Viết xong, gấp lại, xếp thành lớp; trước khi lên cơn một tiếng đồng hồ, buộc chặt vào cổ tay (tức khoảng giữa phần trên bàn tay, phía dưới khủy tay), bệnh sẽ không phát ra nữa. Cũng chẳng cần phải mua ba thứ ấy, chỉ cần viết những chữ ấy là được rồi. Toa thuốc này linh nghiệm chẳng thể nghĩ bàn. Lúc buộc đừng nói cho ai biết, chỉ cần phân biệt nam buộc bên trái, nữ buộc bên phải.

---

[51] Tiếng gọi tỏ vẻ kính trọng mẹ người khác.

[52] Tỳ ngược là bệnh sốt rét cách nhật, do người bệnh cách ngày nổi cơn sốt rét, hoặc vài ngày nổi cơn sốt rét, bụng đầy, ăn uống khó khăn. Cổ nhân cho rằng nguồn gốc bệnh này là do trong tháng nóng bệnh nhân ăn quá nhiều chất lạnh khiến tỳ vị bị tổn thương, nên gọi là tỳ ngược.

Ông Tào Tung Kiều ở Tô Châu năm ngoái đã đem toa thuốc này in ra rất nhiều. Ông ta xuống làng thu tô đã bảo họ chia nhau đem tặng, dân quê dốt nát không biết chữ bèn đem tờ giấy đã in toa thuốc ấy quấn vào tay chứ chẳng viết gì khác thì bệnh cũng không phát. Ông chẳng chú ý, bài thuốc này đã chép ở cuối bộ An Sĩ Toàn Thư, hiềm rằng chữ quá nhỏ, người ta không để ý. Hãy nên in ra để biếu tặng rộng rãi thì thật là lợi ích không chi lớn bằng. Tụng kinh Pháp Hoa cũng cần phải đem công đức ấy hồi hướng vãng sanh Tây Phương thì mới chẳng khác gì công đức niệm Phật. Nếu chẳng hồi hướng Tây Phương thì chính là tự phân tâm, niệm chẳng quy nhất, lâm chung sẽ khó chắc chắn được vãng sanh. Đây quả thật là điều trọng yếu nhất!

220. Thư trả lời cư sĩ Chu Bá Tù (thư thứ hai mươi hai)

Nhận được thư, biết mấy năm gần đây cả nhà yên vui, khôn ngăn vui mừng, an ủi. Mười đồng ông đã tặng sẽ dùng làm chi phí in sách. Gần đây, Quang mục lực lẫn tinh thần đều không đủ, mười mấy ngày gần đây bận bịu giảo chánh đối chiếu cho người khác, thư từ chất lại hai mươi mấy bức đều chưa trả lời. Đã cự tuyệt thư từ vào mùa đông năm ngoái, phàm hễ ai gởi thư đến đều nói "từ nay về sau đừng gởi thư đến nữa, gởi đến quyết không trả lời", nhưng thư vẫn cứ cuồn cuộn gởi tới y như cũ do giao thông quá thuận tiện.

221. Thư trả lời cư sĩ Chu Bá Tù (thư thứ hai mươi ba)

Thư nhận được đầy đủ. Kinh tế khó khăn, hãy nên sống đơn giản, chất phác, chớ nên gắng gượng chống giữ thể diện. Xin hãy bỏ chuyện sang Nam Dương (Indonesia) đi. Từ năm Dân Quốc 17 (1928), quá nửa số thương gia ở Nam Dương bị phá sản. Có người sang Nam Dương quyên mộ, đều chẳng xin được đủ lộ phí để trở về! Nam Dương coi mủ cao-su là sản phẩm xuất cảng bậc nhất, chánh phủ Anh nghiêm cấm bán rẻ sản phẩm này. Mỗi gánh mủ cao-su giá một trăm sáu mươi mấy đồng. Năm Dân Quốc 17 (1928) bị người nước nọ lừa gạt, nói: "Nếu không bán rẻ thì chưa đầy hai năm, cây cao-su trong nước tôi đủ lớn sẽ không ai mua hàng hóa của các ông nữa đâu!" Họ bèn lén lút bán, một nhà bán rồi cả thành phố bán, chưa đầy một tháng có tới mấy chục đại thương gia vỡ nợ, hiện thời giá mủ cao-su càng rẻ không thể tưởng tượng được. Một đệ tử của Quang đã kể với Quang tình cảnh ấy.

Vì thế thầy Tu Viên, đệ tử hòa thượng Hư Vân chùa Vân Thê ở Vân Nam, thấy chùa Vân Thê thiếu hụt, muốn sang Nam Dương hóa duyên, Quang khuyên đừng đi, thầy ấy không nghe. Về sau, Vân Nam phải gởi tiền sang, thầy ấy mới về nước được, tiền hóa duyên được ở Nam Dương còn chưa đủ trả tiền tàu xe.

Quang gần đây mục lực quá yếu, không có chuyện gì mười phần quan trọng đừng gởi thư tới nữa!

222. Thư trả lời cư sĩ Tạ Tử Hậu

Ông Từ X… chịu đề xướng Tịnh độ rất tốt. Năm trước, ông ta đã gởi cho tôi một cuốn Tỉnh Mê Lục xin ấn hành, trong năm trước tôi đã cho in vào sau cuốn Tọa Hoa Chí Quả. Tháng Chạp năm ngoái, ông ta cùng với một vị tăng người Tứ Xuyên đến chùa Báo Quốc, ở lại nhiều ngày, ăn Tết. Vị tăng ấy áo tràng cũng không mang theo. Sau Tết, Quang quở trách: "Ông là tăng, đang lúc cuối năm cũ bước sang đầu năm mới, tăng sĩ đều tụng niệm cầu chúc cho đất nước, nhân dân, ông đi xa ăn Tết mà áo tràng cũng không mang theo, đủ biết ông suốt năm cũng không có chuyện lễ tụng, trì niệm. May là ông cùng đến với cư sĩ Từ. Nếu không, chùa Báo Quốc cũng chẳng cho ông trú ngụ đâu!" Ông Từ đã kết bạn với vị tăng ấy từ Chi Na Nội Học Viện, vậy thì ông Từ cũng chỉ là người nói suông, chẳng chú trọng thực hành. Nếu không, sao lại chịu kết bạn với ông tăng lười nhác lễ tụng ấy để ông ta làm nhục lây đến mình ư? Đức Như Lai gọi hạng người như vậy là "những kẻ đáng thương xót!"

223. Thư trả lời cư sĩ Tạ Huệ Lâm (thư thứ nhất)

Năm ngoái, Quang do lo liệu chuyện khắc kinh nên vào ngày 26 tháng 7 bèn xuống núi, sang Dương Châu. Nhân tiện, ghé qua Thượng Hải, Tô Châu, Kim Lăng; đến mồng 5 tháng 9 từ Dương Châu trở về Thượng Hải. Bạn bè mời sang Hàng Châu, rồi từ Hàng Châu quay lại Thượng Hải. Do ấn hành bộ An Sĩ Toàn Thư dạng rút nhỏ nên phải lần khân mấy hôm, đến ngày 24 mới về đến Pháp Vũ, thấy hai lá thư các hạ gởi hôm 26, 27 tháng 7 và hai cuốn Đàn Kinh và Thiên Nhạc Minh Không (nhạc trời rền vang hư không). Do không có mặt trên núi đã hơn cả tháng, thư từ bên ngoài gởi đến Phổ Đà rất nhiều, trong một lúc chẳng thể đọc hết được. Đến mồng 3 tháng 10 mới phúc đáp thư các hạ được. Lại gởi cho các hạ năm bộ Văn Sao do Thương Vụ Ấn Thư Quán in ra, một cuốn Duyên Khởi Khắc In Đại Tạng Kinh mới được ấn hành, bỏ chung trong một bưu kiện giao cho bưu điện, chắc là đã chuyển đến quý phủ rồi.

An Sĩ Toàn Thư là thiện thư bậc nhất xưa nay trong thiên hạ, năm Quang Tự thứ bảy (1881), cha của tiên sinh Trương Phụng Trì[53] là tiên sinh Phổ Trai tên là

[53] Cư sĩ Trương Nguyên Ngọc (1866-1920), tự Thức Như, hiệu Phụng Trì, là người huyện Thuận Đức, tỉnh Quảng Đông, đỗ cùng một khoa với Khang Hữu Vi. Do cha ông ưa thích Thiền tông nên từ nhỏ đã tìm hiểu Thiền tông, có chỗ lãnh ngộ. Ông từng làm Huyện lệnh tỉnh Hà Nam, được tiếng là cai trị nhân từ. Khi Sử Di Nhân dấy loạn, đem quân đánh vào cửa thành trong khi ông đang xét án, mọi người đều kinh hoảng, riêng ông bình tĩnh thống lãnh quân binh dùng mưu đánh bại Sử Di Nhân khiến hắn phải

Thủ Ân đã cho khắc in tại Tàng kinh viện ở Dương Châu. Bản khắc ấy nét bút quá nhỏ nên in chưa được bao nhiêu, nét chữ đã nhòe nhoẹt, lại còn bị sai ngoa quá nhiều. Mười mấy năm trước, do muốn sớm khắc bản khác, Quang đã giảo chánh tường tận. Đến năm Dân Quốc thứ bảy (1918), được một người bạn là ông Lưu Cần Phủ bỏ tiền in nên mới được thỏa chí. Năm Dân Quốc thứ tám (1919) mới khắc in thành sách. Trong một hai năm qua đã in được hai ba ngàn bộ.

Mùa thu năm ngoái, một người bạn vì thấy rằng: "Do thế đạo nhân tâm đã suy hãm cùng cực nên thiên tai nhân họa liên tiếp giáng xuống", liền khuyên Quang in An Sĩ Toàn Thư bản rút nhỏ để lưu truyền rộng khắp, ngõ hầu làm phương kế vãn hồi. Quang liền chẳng nề hà nông cạn, kém cỏi, đứng ra đề xướng, được các giới chánh khách, thương nhân tán trợ, tính đến tháng Chạp đã có người chịu bỏ tiền in hai vạn bộ. Ngày 17, nhận được chương trình của Trùng Khánh Phật Học Xã, biết lão pháp sư Phật Nguyên được quan viên, thân sĩ đề cử hoằng dương pháp hóa ở chùa Trường An. Do vậy, tôi gởi thư đến ngài Phật Nguyên, xin sư hãy bảo đạo tràng ấn tống An Sĩ Toàn Thư hơn một vạn bộ, phát cho mỗi huyện thuộc tỉnh Tứ Xuyên một trăm bộ. So với việc giảng diễn tại một nơi sẽ đạt được lợi ích rộng lớn hơn, vì sách này lý sâu lẽ cạn đều có đủ, chân lẫn tục cùng giảng. Người sâu xa sẽ thấy sách sâu xa, người nông cạn sẽ thấy sách nông cạn, trọn không một ai chẳng thể lãnh hội, chẳng được lợi ích!

Lại sợ ở đất Du[54] (Trùng Khánh) in sách chắc sẽ tốn kém lớn, khó thể lo trọn được, nên tôi lại gởi thư cho các hạ, xin các hạ nói với quan viên, thân sĩ đang sống tại Thành Đô cùng giúp sức hoàn thành công việc này thì món tiền tám chín ngàn đồng chẳng đến nỗi quá tốn công quyên góp. Mồng 7 tháng Giêng năm nay, nhận được Phiến Hương Tập do các hạ gởi tới, vì quá bận bịu nên chỉ giở xem đại lược đôi chút rồi để đó. Đến ngày 19 mới nhận được thư các hạ nói về chuyện gởi Phiến Hương Tập, mới biết các hạ đã ở Trùng Khánh Học Xã. Các hạ nói tháng 8 đã ra đi thì thư và sách Quang gởi hồi tháng 10 đã gởi đến nhà ông và thư gởi hồi tháng Chạp cũng đang chờ ông đọc. Phương pháp để thực hiện chuyện này của Quang khá nghiêm minh, trọn không có khuyết điểm hay khinh nhờn.

---

tháo chạy mấy chục dặm. Đánh giặc xong, ông quay về tiếp tục phê duyệt công văn như không có chuyện gì xảy ra. Về già, ông cáo quan, sang Quế Hồ thuộc đất Thục sống ẩn dật, thanh bạch cho đến khi mất. Ông tuy thích thiền nhưng vẫn niệm Phật không ngừng. Có một linh mục người Pháp nghe tiếng ông, tìm đến tranh biện, toan khuất phục, cuối cùng lại rất kính ngưỡng, hâm mộ ông. Ông để lại cuốn Phiến Hương Tập được lưu hành trong cõi đời.

[54] Du（渝）là tên xưa của Trùng Khánh. Trùng Khánh được đổi tên nhiều lần, thời cổ gọi là Ba, đời Tần gọi là Giang Châu, đến đời Tùy là Du Châu, đến thời Bắc Tống đổi thành Cung Châu. Trùng Khánh là tên được vua Tống Quang Tông đặt từ năm 1190. Khi còn là hoàng tử, vua được phong làm Cung Vương, thái ấp ở Cung Châu. Do đó khi lên ngôi đã đổi Cung Châu thành Trùng Khánh Phủ với ngụ ý sự vui sướng xảy ra dồn dập.

Nếu các hạ chẳng cho Quang là cuồng vọng, mạo phạm, xin hãy nói với cấp trên, xin ông ta tìm cách lưu hành rộng rãi, thì sẽ là điều phước chưa bao giờ có cho quốc dân! Nếu chẳng thể phát cho mỗi huyện một trăm bộ thì giảm bớt con số cũng không sao. Xin hãy đọc kỹ chương trình biện pháp sẽ tự biết, ở đây không ghi cặn kẽ.

Phiến Hương Tập đã nhờ người có danh vọng kiểm chứng để mong được lưu thông, chắc là không nên chỉ gởi tới một bản. Quang mục lực không đủ, chẳng thể đọc nhiều, liền gởi cho Từ Úy Như (tên là Văn Úy). Đối với cư sĩ Lý Chứng Cương (tên là Dực Chước) hãy nên gởi bản khác. Chứng Cương chưa hề gởi thư cho Quang, nhưng Quang biết chỗ ông ta ở, Lưu Viên Lâm Xuyên Lý Trạch ở ngõ Tùng Bách, phủ Nam Xương, Giang Tây chính là nhà ông ta đấy. Lưu Thù Nguyên văn lý rất sâu, xem hành trạng của ông Trương khôn ngăn cảm kích, bội phục. Vùng Xuyên Trung đã có cao nhân lại được đề xướng, quả thật là dân tỉnh Tứ Xuyên may mắn mà pháp đạo cũng may mắn lắm!

Đối với chuyện hoằng pháp, hãy nên xét thời cơ, đang trong lúc nước nhà thái bình, nhân tâm thuần thiện thì phần nhiều hãy nên dựa theo thật tế để uốn nắn, hoằng dương. Đang trong thời đại thê thảm từ trước đến nay chưa từng có này, trước hết hãy nên đem nhân quả, báo ứng, sanh tử, luân hồi v.v. để giáo hóa những kẻ ương ngạnh, khích lệ và công kích gián tiếp, hầu đánh động lương tâm của họ. Sau khi họ đã biết pháp tắc, những điều răn nhắc, mới lại uốn nắn, hoằng dương, đấy mới là đạo duy nhất không hai vậy!

(Ngày 21 tháng Giêng)

224. Thư trả lời cư sĩ Tạ Huệ Lâm (thư thứ hai)

Nhận được thư, khôn ngăn cảm kích, hổ thẹn. Trùng Khánh Phật Học Xã đã do Thư Thứ Phạm chịu trách nhiệm chánh thì sẽ chẳng đến nỗi bị sai lầm. Khắc in hai bộ Văn Sao thật chẳng dễ dàng vì hiện thời tiền công khắc chữ rất đắt; nếu khắc trọn bộ Văn Sao sẽ phải khắc hơn 900 trang, mỗi trang nếu không tốn tới một đồng sẽ không thể nào khắc được. Trước kia, Quang đã khắc một bộ ở Tàng kinh viện Dương Châu, hơn 400 trang, chia thành bốn cuốn, đây chính là bản được Thương Vụ Ấn Thư Quán in thành hai cuốn vào năm Dân Quốc thứ 10 (1921). Bộ Tăng Quảng Văn Sao lần này được chế thành bốn bức chỉ bản, hai bức giao cho Trung Hoa Thư Cục, hai bức trả về cho Quang. Năm ngoái, xưởng in kinh Hàng Châu làm cháy mất một bức, chỉ còn lại một bức. Nếu muốn lưu thông rộng rãi, có lẽ nên chiếu theo cách thức trình bày đó để tạo ra một bức nữa, rồi cho tạo ra nhiều chỉ bản chắc sẽ thuận tiện hơn. Tiền công sắp chữ của xưởng

in thuộc nhà giam Tào Hà Kính ở Thượng Hải rẻ hơn Thư Cục một nửa. Bốn trăm mười lăm mười sáu trang chưa đến 200 đồng (mỗi trang chưa đến năm cắc, Trung Hoa Thư Cục tính hơn một đồng). Tạo ra chỉ bản cũng thuận tiện hơn.

Chuyện uốn nắn cho lòng người chân thành, thiện lương thì ngay cả thánh hiền cũng chẳng thể làm được chuyện ấy! Trong gia đình, làng xóm, đề xướng nhân quả, báo ứng và giáo dục trong gia đình, rất cần phải chú trọng dạy dỗ con gái sao cho nhà nhà đều răn dạy, thông hiểu và cũng nhờ vào đó để uốn nắn cái tâm của thiên hạ mà thôi. Đối với Tứ Thư, Ngũ Kinh, kẻ học Nho do thiếu con mắt thông suốt nên thường trái nghịch lời thánh hiền dạy. Chỉ có kẻ hiểu biết bản tâm của chính mình mới có thể nêu tỏ tông chỉ của thánh hiền, chẳng đến nỗi làm cho người khác bị lầm lạc. Nhà Nho coi lý nhân quả là dị đoan! Trái nghịch thánh đạo, khơi ra chiến tranh cho đời sau đều do bọn Lý học gây ra.

Ông đã muốn quy y, đành dùng cách "đem lầm đáp lạc", nay đặt pháp danh cho ông là Huệ Lâm. Ấy là vì nhà lửa nóng hừng hực, chẳng có mưa dầm trí tuệ[55] sẽ chẳng thể dập tắt được. Tự hành, dạy người đều nên như thế. Đừng nói "tôi đâu có sức lớn lao ấy!" Một mai đánh đổ ham muốn xằng bậy khôi phục lễ nghĩa, khiến cho thiên hạ hướng về lòng nhân; gốc của thiên hạ là đất nước, gốc của đất nước nằm trong gia đình, cái gốc của gia đình ở nơi thân. Thiên hạ chẳng yên, thất phu có trách nhiệm. Nếu có thể hành theo thánh giáo Nho - Thích thì chưa hề có chuyện mọi người chẳng đua nhau khởi lên đáp ứng.

Lệnh lang hiếu thuận, nên đặt pháp danh là Tông Từ. Kinh Phạm Võng dạy hành hạnh nghiệp phóng sanh như sau: "Hết thảy người nam là cha ta, hết thảy người nữ là mẹ ta. Hết thảy những vật có mạng sống đều coi như cha mẹ, quyến thuộc trong đời trước, sanh tâm từ bi hiếu thuận." Chẳng những không giết bừa mà cũng chớ nên ăn thịt chúng, vì thịt đều do giết hại mà có. Nếu dùng tiền mua con vật đem phóng sanh thì phóng sanh hữu hạn, nếu không ăn thịt và ôm giữ chí nguyện khuyên dạy hết thảy, khiến cho ai nấy đều yêu thương, quý tiếc sanh mạng loài vật, công đức sẽ lớn lắm. Đề cao, chú trọng lòng từ ngõ hầu đạo thương dân yêu vật được biến thành sự thật. Nếu cứ giết để ăn mà vẫn nói là "yêu thương loài vật" thì đấy chính là kế hoạch "bịt tai trộm linh". Nếu con vật biết được, ắt sẽ chẳng sanh ý tưởng cảm ơn!

Hãy nên bảo cháu nó đọc thuộc Cảm Ứng Thiên Vựng Biên, đấy chính là nhiệm vụ "gốc chánh, nguồn trong" cấp bách. Do những điều Tứ Thư Ngũ Kinh đã nói thì hoặc là rải rác khắp nơi, hoặc do nghĩa lý ẩn kín khó thể lãnh hội. Đã

[55] Chữ lâm (霖) có nghĩa là mưa dầm.

đọc thuộc sách Cảm Ứng Thiên Vựng Biên này xong, khi đọc Ngũ Kinh, Tứ Thư, trông thấy những câu nói ấy, tâm trí sẽ lãnh hội được ý nghĩa. Những gã Lý học coi trọng tận tụy thực hành nhưng chẳng biết đến nghĩa này, ngược ngạo chỉ trích nhân quả, báo ứng, sanh tử, luân hồi của đạo Phật là dị đoan, đều là hạng chưa thấy lý, không có cách gì để cứu đời vậy!

Huệ Dung có gởi thư đến, tôi đã nhận được rồi, chắc Thứ Phạm đã chia tặng sách Quán Âm Tụng rồi. Hiện thời Quang đã về núi, trong mùa thu sẽ sang đất Hỗ để lo in các sách cho xong; tính năm sau sẽ lánh mình ở ẩn nơi không có đường bưu điện để chuyên tu tịnh nghiệp, ngõ hầu khỏi uổng công bận bịu vì người khác mà đại sự của chính mình trở thành chuyện nói suông!

(Ngày 20 tháng 5)

225. Thư trả lời cư sĩ Tạ Huệ Lâm (thư thứ ba)

Nhận được thư, khôn ngăn vui mừng, an ủi. Làm quan để hành đạo "cứu đời, dạy dân", quan hệ ấy rất lớn. Người đời nay phần nhiều ỷ thế lực nhà quan để thâu tóm của cải, tạo tội, thật đáng than, đáng hận! Các hạ vì lòng đại Bồ-đề khéo làm quan phụ mẫu cai trị một ấp thì một ấp sanh Phật, lại nên luôn đem nhân quả báo ứng để bảo ban, khuyên nhắc họ, lợi ích sẽ rộng lớn lắm. Bản Văn Sao của Tàng kinh viện Dương Châu là mộc bản (bản khắc ván), so với ấn bản lần này ít hơn một trăm bài, giá sách cũng đắt hơn nhiều. Lần này in hai vạn bộ, Thương Vụ Ấn Thư Quán nại có giấy chẳng dễ kiếm, chưa hề in riêng. Ý họ muốn dùng loại giấy có độ bóng để in, vì thế những sách chưa được phát hành hiện thời cũng chưa định giá được. Ngay hôm ấy, tôi đã bảo người bạn gởi cho ông mười gói, khi nhận được xin hãy thay tôi kết duyên. Đợi sau này khi định được giá cả rồi sẽ báo cho ông biết.

(Ngày 23 tháng Giêng)

226. Thư trả lời cư sĩ Tạ Huệ Lâm (thư thứ tư)

Nhận được thư như gặp mặt, lời huấn từ hay tuyệt; chỉ sợ học sinh chẳng thể lãnh hội được, sẽ cô phụ lòng ông thiết tha lo lắng nhiều lắm! Chương trình đơn giản của hội niệm Phật thích hợp căn cơ và tình hình là được rồi. Hiện thời, bất luận trong nhà trường hay Phật hội đều phải sốt sắng đề xướng nhân quả, báo ứng và giáo dục gia đình, nhưng đối với giáo dục gia đình càng phải chú trọng nhân quả báo ứng mới mong mai sau được thái bình. Nếu không, sẽ chẳng còn hy vọng gì nữa đâu!

(Ngày 17 tháng 12)

227. Thư trả lời cư sĩ Tạ Huệ Lâm (thư thứ năm)

Ngũ Kinh, Tứ Thư vốn là sách dạy người làm lành. Người đời phần nhiều coi như sách văn chương nên "ở ngay trước mặt mà bỏ lỡ". Còn Cảm Ứng Thiên, Âm Chất Văn v.v. trình bày trực tiếp chuyện nhân quả, báo ứng, khiến cho con người vừa đọc đến liền hiểu ngay, thật là hữu ích! Những kẻ lớn tiếng luận về lý tánh, chẳng đề xướng nhân quả, báo ứng, muốn được tiếng cao trỗi hơn người, nhưng chẳng biết thực chất của sự cao trỗi, lại chẳng dẫn dắt khắp hết thảy mọi người đều tuân theo đạo pháp của Ngũ Kinh, Tứ Thư. Cố nhiên Quang chẳng muốn mọi người học theo loại người như thế ấy, vì họ chỉ có thể làm kẻ tự giải thoát cho chính mình, chứ chẳng thể lợi khắp hết thảy.

(Ngày 24 tháng 3)

228. Thư trả lời cư sĩ Tạ Huệ Lâm (thư thứ sáu)

Con người hiện thời hễ hơi thông minh liền tự đại, tự thị, phàm phu đời mạt muốn chứng thánh quả mà chẳng nương theo Tịnh độ đều là cuồng vọng. Tham thiền dẫu đạt đến địa vị "minh tâm kiến tánh, kiến tánh thành Phật" thì vẫn là phàm phu, chưa phải là thánh nhân. Quang cực tầm thường, kém cỏi, thiếu học vấn, nhưng thật sự giữ được thái độ "chẳng bị xoay chuyển bởi ngôn ngữ, văn tự của kinh giáo, tri thức". Nếu ông chịu tin tưởng, hãy dốc sức nơi pháp dễ thực hiện, dễ thành tựu. Nếu chẳng nghĩ là đúng thì cứ phó mặc cho ông chứng thẳng vào Thập địa, làm bậc chân danh Nho. Ai có tâm nấy, làm sao ép buộc được? Hình chụp của Quang có gì đáng xem đâu? Sao không thường nhìn hình Phật có phải là tốt hơn hay không?

(Ngày 26 tháng 8)

Chuyện niệm Phật đi - đứng - nằm - ngồi đều niệm được. Nếu gặp chuyện phải dùng tâm để làm thì chẳng tiện niệm, còn việc không dùng đến trí óc thì một mặt làm việc, một mực niệm Phật, hai đằng chẳng trở ngại nhau. Lẽ đâu chăm sóc con cái chẳng thể niệm Phật được ư? Chỉ có niệm Phật một lúc lâu trước bàn thờ Phật là bất tiện mà thôi! Chỉ cần giữ sao cho trong tâm niệm Phật lâu dài, chẳng cần phải nhất định niệm trước bàn thờ Phật. Sáng tối hãy nên lễ Phật, niệm theo cách thập niệm; ngoài ra, tùy phần tùy sức đều có thể niệm được. Cũng nên dạy trẻ nhỏ thường niệm, bởi lẽ trẻ nhỏ không có chuyện gì, chơi giỡn suốt ngày. Nếu dạy nó niệm Phật, sẽ tiêu trừ được ác nghiệp, tăng trưởng thiện căn mà không hay không biết. Đấy là chuyện hữu ích nhất cho thân tâm, tánh mạng. Những phái tân học hiện thời phần nhiều chẳng nhìn nhận cha mẹ, hoặc còn giết hại. Lúc con vừa mới hiểu biết, liền dạy cho nó đạo lý làm người, sự lý nhân quả báo ứng, khi

lớn lên nó sẽ chẳng đến nỗi bị tà thuyết lay chuyển. Nếu không, sẽ khó khăn lắm đấy! Nay gởi cho ông một gói Con Đường Quang Minh, cuối sách có bài viết nói về thói ăn thịt người ở châu Phi, đủ biết tập quán đáng sợ thật!

Đây vốn là sách gởi kèm thêm cho một vị cư sĩ ở Hồ Nam, do gởi lầm địa chỉ nên bị trả lại, trở thành dư thừa. Do vậy, tôi cho gởi kèm theo những sách tính gởi cho ông để giúp cho việc khuyên nhủ gia quyến, dạy dỗ con trẻ.

229. Thư trả lời cư sĩ Tạ Huệ Lâm (thư thứ bảy)

Đã nhận được thư khi trước, hôm qua lại nhận được đầy đủ các văn kiện đã in. Tu hành chỉ nên tùy theo khả năng của mình mà lập công khóa, chứ đừng luận theo lối chấp nhất. Chỉ có một điều chắc chắn là không thể chẳng nương vào pháp "tín nguyện niệm Phật, hồi hướng vãng sanh Tây Phương" mà thôi! Một môn thâm nhập, muôn điều thiện đều tu trọn thì được. Nếu vứt bỏ Tịnh độ, thâm nhập một môn trong các pháp môn khác và muôn điều thiện đều tu trọn thì không được. Bởi lẽ, cậy vào tự lực chắc chắn khó thể liễu thoát ngay trong đời này! Kẻ thông minh trong cõi đời thường coi rẻ Tịnh độ.

Gã X… giữ phép quán bí truyền, hở ra là khoe có chứng ngộ, tiên tri v.v.. Đấy là đã dính vào khí phận của ma vương, ngoại đạo rồi. Hắn đã chẳng nghe lời can gián thì đường ai nấy đi, chẳng cần phải qua lại với bọn họ, cũng chẳng cần phải nói mãi chuyện của hắn để khỏi mắc họa ngấm ngầm. Các văn kiện trình lên chánh phủ đã được in đều hay cả, hiềm rằng chánh phủ lăm lăm chiếm đoạt tài sản, chứ chẳng muốn hiểu rõ lý, sợ rằng [những lời tâu trình, kiến nghị ấy] khó đạt hiệu quả. Nhưng do vậy cũng có thể làm tiêu bớt sự hung hăng của bọn họ, hình thành đôi chút hòa dịu. Ông Ất nọ là đệ tử của ông Bính kia[56], tôi chưa gặp

[56] Ông Ất ở đây chính là Lương Khải Siêu, ông Bính chính là Khang Hữu Vi. Do tránh đụng chạm, nên người sao lục mới gọi họ bằng những từ này. Thoạt đầu Lương Khải Siêu tuân phụng ý kiến của Khang Hữu Vi cho rằng chỉ có đề cao Khổng giáo mới cứu vãn được Trung Hoa, thậm chí còn đi đến mức cực đoan đòi tôn Khổng giáo làm quốc giáo, gọi Khổng tử là giáo chủ, mô phỏng theo hình thức tôn giáo ở Tây Phương, mỗi địa phương phải lập Khổng miếu, tế lễ, định ra nghi thức lễ bái cầu nguyện như trong Thiên Chúa giáo, đồng thời tuyên truyền Khổng giáo theo kiểu Tây Phương, dùng những học thuyết chính yếu của Khổng giáo để lập đề cương cho cuộc vận động duy tân. Chủ trương này thường được gọi bằng từ ngữ "bảo giáo". Sau khi cuộc "biến pháp" (âm mưu đảo chánh nhằm thay đổi đường lối cai trị của nhà Mãn Thanh, lật đổ thái hậu Từ Hy và những quyền thần, trao quyền cho vua Quang Tự cai trị Trung Hoa theo đường lối quân chủ lập hiến) bị thất bại, Lương Khải Siêu phải trốn sang Nhật Bản. Do tiếp xúc với tư tưởng Tây Phương và những học thuyết duy tân của Nhật Bản, họ Lương đổi hẳn thái độ, viết bài luận Bảo Giáo Phi Sở Dĩ Tôn Khổng Luận, cực lực đả kích những người theo tư tưởng "bảo giáo", cho họ đã lầm lẫn giữa triết học và tôn giáo, phán quyết rằng từ sau thời Hán Vũ Đế, Nho giáo đã mất hẳn tánh chất tự do, sống động, chỉ còn là những khuôn mẫu ràng buộc cứng ngắc, kìm hãm con người tiến bộ. Đối với Phật giáo, ông Lương cũng có nhiều nhận định hết sức cực đoan, cho rằng Phật giáo Trung Hoa đã lệch lạc, phải thực hành và tu tập giống hệt như Phật giáo Nhật Bản mới là đúng chánh pháp; đồng thời lớn tiếng kêu gào phải chấn hưng Phật giáo Trung Quốc theo quan điểm của ông ta.

ông ta, nay thấy bài luận "đả phá thói tôn sùng Khổng tử", mới rõ ông ta hoàn toàn là một gã tiểu nhân xấu hèn, vô tri, vô thức, làm sao có thể chấn hưng Phật pháp, hoằng truyền, xiển dương Mật tông, làm bậc Tam tạng pháp sư giải thích kinh điển trong đời hiện tại ở Trung Hoa cho được? Đả đảo, phế diệt, đoạn trừ Khổng giáo thì tâm pháp của nhị đế, tam vương[57], luân lý "tam cương, ngũ luân, ngũ thường" cũng bị đả đảo, đoạn trừ sạch! Chẳng ngờ người muốn hưng khởi Phật pháp lại thốt ra những lời cực ác, hèn hạ, thô lậu này. Vậy thì chuyện ông ta muốn hưng khởi Phật pháp trong tương lai chưa chắc đã chẳng phải là nền tảng để hoại diệt Phật pháp, đáng sợ hết sức!

Thư gởi cho ông Ất nọ phân tích xác đáng, rõ ràng, nhưng sợ ông ta khí phận ma sâu dày, chẳng chịu nghe đâu. Nếu ông ta chịu nghe thì lợi ích lớn lắm! Ông Ất nọ là đệ tử của ông Bính, thầy lẫn trò đều mắc bệnh thích lập ra những nghĩa lý kỳ dị, họ chỉ muốn tỏ lộ tài đức của chính mình, chẳng biết những dị thuyết ấy đã khiến cho những ai có đủ con mắt chẳng chịu nhắc tới. Ở Thượng Hải vẫn chưa thấy những sách ấy, vì thế tôi cũng chưa muốn gởi biếu sách của ông sang đó, chỉ mong những tà thuyết ấy bị biến mất, không để lại tung tích gì, chẳng gây lụy cho Phật pháp. Nếu những sách tà vạy ấy đã lưu hành, cố nhiên hãy nên phân phát rộng rãi cuốn sách do ông soạn để phê phán, đả phá những tà thuyết ấy. Tại Thượng Hải hiện đang có gã Đinh nọ cũng là đệ tử của ông Bính, dạy người khác trì chú (thường hay phô phang chính mình có thần thông), nói là trong một trăm ngày liền có thể thành Phật. Người có lòng tin nhưng không đủ con mắt bèn như kiến bu, chim đậu, đã lên đến cả một ngàn mấy trăm người. Phật pháp vào thời mạt hiện ra những cảnh tượng kỳ quái ấy, đáng lo tột cùng!

Quang tính trong vòng tháng 8, tháng 9, lo xong chuyện in sách sẽ giấu tung tích, ẩn dật lâu dài. Sau này bất luận là ai cũng đều chẳng qua lại nữa để khỏi phải quanh năm suốt tháng bận bịu vì người khác, đã tổn hại cho chính mình mà cũng chẳng ích gì cho người khác. Đến lúc lâm chung chắc sẽ khó vãng sanh, chẳng thể không lo tính sẵn. Cuối tháng 5 sẽ trở về Phổ Đà; qua tháng 6, tháng 7 sẽ xuống núi không trở về nữa. Nếu gởi thư trước tháng 8, hãy gởi sang chùa Thái Bình ở Thượng Hải. Sau tháng 8, ngàn phần xin đừng gởi thư đến nữa bởi đã ẩn diệt tung tích rồi, không có chỗ nào để giao thư, mà cũng chẳng phúc đáp nữa đâu. Nhiệm vụ cấp bách nhất hiện thời là chú trọng nhân quả, báo ứng, và tận tụy thực hành. Những kẻ đàm luận huyền diệu nếu chẳng chú trọng nhân quả báo ứng

[57] Nhị đế tam vương: Nhị đế là đế Nghiêu, đế Thuấn, tam vương là ba vị vua khai sáng nhà Hạ, Thương và Chu, tức Đại Vũ, Thành Thang và Chu Vũ Vương.

và tận tụy thực hành sẽ càng tăng thêm tà kiến. Pháp không có tướng nhất định, phải khế hợp thời cơ!

(Ngày 17 tháng 3)

230. Thư trả lời cư sĩ Tạ Huệ Lâm (thư thứ tám)

Thời cuộc hiện thời nguy hiểm vạn phần, xứ Thượng Hải ngoại trừ vùng tô giới[58] ra, phàm là địa giới Trung Quốc phần lớn dân cư đều dọn đi. Một giờ mấy trưa hôm nay, cư sĩ Giang Phạm Chúng cầm thư đến, hỏi vì sao đến? Ông ta cho biết muốn tới thăm chỗ danh thắng và tham bái bậc cao nhân. Quang bảo ông ta mau trở về Tứ Xuyên. Ông ta hỏi có thể chậm lại một tuần được hay không? Quang nói: "Ông không có chuyện gì cần thiết, há nên cố ý trì hoãn? Nếu như chiến sự nổ ra thì tiến thoái đều kẹt cứng. Ngày mai về ngay để cao đường[59] khỏi phải tựa cửa mong ngóng!" Ông ta nói: "Ngày mai con nhất định về", liền cáo từ.

Người xứ… hung ác đến cùng cực, người Trung Quốc chỉ còn cách đối kháng họ. Phàm các nước… đều buộc Hoa Kiều hồi hương. Người xứ… ở Trung Quốc cũng đều về nước hết. Trong lúc chiến sự ngày 28 tháng Giêng[60] xảy ra, họ còn

---

[58] Theo nguyên nghĩa, tô giới là vùng đất được một quốc gia cho một nước khác thuê lại trong một thời hạn nhất định theo một hiệp ước song phương. Chánh quyền nước chủ nhà không thể can thiệp vào cơ cấu hành chánh, luật lệ, kinh tế của tô giới. Thông thường, luật lệ, cơ cấu tổ chức của tô giới được áp dụng đúng theo khuôn mẫu hiến pháp, luật lệ của nước đứng ra thuê tô giới ấy. Tại Trung Hoa, khái niệm tô giới chỉ xuất hiện từ năm 1860 trở đi, khi các đế quốc Âu Tây xâm chiếm, đánh bại triều đình nhà Thanh, buộc họ phải cắt đất cho người ngoại quốc để lập những khu "đặc quyền kinh tế". Tiền thuê tô giới được trừ vào những bồi thường chiến phí nhà Thanh đã nợ các nước Tây Phương xâm lăng Trung Hoa theo những hiệp ước bất bình đẳng. Người dân Trung Hoa kể cả các viên chức của nhà Thanh nếu muốn vào tô giới phải xin giấy thông hành như đi vào lãnh thổ ngoại quốc. Nếu người ngoại quốc khi ra khỏi tô giới, phạm luật, chánh quyền nhà Thanh không thể xử phạt mà chỉ được phép bắt giữ, dẫn độ về tô giới để chánh quyền tô giới xử trí. Cho đến khi Cộng Hòa Nhân Dân Trung Quốc thành lập, nước Anh có bảy tô giới, Pháp có bốn tô giới, Nhật Bản có chín tô giới, Đức có hai tô giới, Ý có một tô giới, Nga có hai tô giới, đế quốc Áo - Hung có một tô giới, Bỉ có một tô giới. Ngoài ra còn có bốn tô giới công cộng (thuộc quyền tài phán của nhiều nước). Tô giới Thượng Hải (Shanghai International Settlement) là một trong bốn tô giới công cộng ấy.

[59] Tiếng gọi tỏ vẻ tôn trọng mẹ của người khác. "Tựa cửa chờ mong" (ỷ môn chi vọng) là một điển tích trích từ thiên Tề Sách trong bộ Chiến Quốc Sách: Vương Tôn theo hầu Tề Văn Vương, khi đất nước bị nội loạn, Văn Vương phải lưu vong, Vương Tôn bèn rút về nhà, thờ ơ như không. Bà mẹ trách: "Ngươi sáng ra khỏi cửa, ta tựa cửa chờ mong. Đến chiều ngươi về, ta ra tận ngoài cổng mong ngóng…"

[60] Nguyên văn "Nhất nhị bát chi chiến sự", sử còn gọi *Nhất nhị bát sự biến*, hoặc *Thượng Hải sự biến* hoặc *Đệ nhất thứ Thượng Hải sự biến*, xảy ra vào ngày 28 tháng Giêng năm 1932, là một cuộc chiến tranh ác liệt giữa quân đội Dân Quốc và Nhật Bản. Sau đợt tấn công thắng lợi ngày 18 tháng 9 năm 1931, Nhật chiếm lĩnh ba tỉnh Đông Bắc Trung Hoa, lập ra Mãn Châu quốc, đưa vua Phổ Nghi của nhà Thanh bị cách mạng Tân Hợi truất phế trước đó lên làm vua bù nhìn. Nhật dùng Mãn Châu Quốc làm bàn đạp để thôn tính Trung Hoa, nhòm ngó Thượng Hải vốn là một hải cảng béo bở. Gã gián điệp Xuyên Đảo Phương Tử (vốn là người Hán, thuộc dòng hoàng tộc nhà Thanh, có tên là Ái Tân Giác La Hiển Vu) sai năm tăng sĩ người Nhật kiếm cớ gây sự vào ngày 18 tháng Giêng ở Tam Hữu Thực Nghiệp Xã ngoài tô giới Thượng Hải để người Hoa nóng mặt đánh đập họ. Một tăng nhân bị giết, một bị trọng thương. Mượn cớ đó, 50 người Nhật thuộc Nhật Kiều Thanh Niên Đồng Chí Hội đã đốt rụi Tam Hữu

chưa ban ra mệnh lệnh ấy. Nếu lần này nước ta không mất thì nhân dân mười phần cũng chết đến tám chín. Chỉ có khuyên mọi người niệm thánh hiệu Quán Âm để làm kế sách tốt đẹp đối phó với lẽ sống chết. Chết sẽ vãng sanh, sống thì may ra sẽ biến cảnh nguy hiểm thành tốt lành. Hôm qua, tôi đã gởi thư cho báo Tân Thân, cậy họ đăng lời khuyên mọi người niệm thánh hiệu Quán Âm nhưng chưa định ngày. Lại bảo Du Dân Tập Cần Sở (sở huấn luyện việc làm cho những người lang thang) ở Tào Hà Kính in bốn năm chục vạn tờ truyền đơn, gởi đi các nơi để tận hết tấm lòng tôi.

Ông thấy tập sách Hộ Quốc Tức Tai Hội Pháp Ngữ liền gởi thư sang Thượng Hải bảo họ in thêm để gởi sang Tứ Xuyên. Cuốn sách này do Phật Giáo Nhật Báo Xã ấn hành, chứ không phải do Quang in. Bản của Quang in so với bản in của Nhật Báo Xã còn có thêm phần khai thị ở Linh Nham, kèm thêm mấy bài thuốc linh nghiệm và lời thông cáo rộng rãi về chuyện người mẹ nổi nóng sẽ khiến cho sữa có chất độc khiến trẻ bú vào bị chết. Chuyện này từ trước đến nay chưa từng được nói rõ, năm ngoái tôi mới bắt đầu chỉ ra. Vốn tính in sáu vạn cuốn, cho in trước ba vạn, rồi sẽ in tiếp ba vạn nữa. Những sách được in tiếp đã được đóng bìa xong. Nếu không có chiến sự, lại còn phải in thêm bốn vạn cuốn nữa, nhờ vào công cuộc hoằng pháp này mà lưu truyền rộng rãi hòng chấm dứt cái họa sữa độc. Ông tính khắc ván, nếu chuyện này đã tiến hành thì chẳng cần phải ngưng giữa chừng (nếu mới khắc một hai trang thì ngưng cũng được). Nếu không, cho thợ khắc một bản, in cho thật rõ nét thì chỉ in được sáu bảy ngàn cuốn. Nếu chiếu theo cách in của Thư Điếm, những nét chữ đều chẳng mười phần rõ rệt, sẽ in được hơn một vạn bản.

Nếu dùng lối sắp chữ bằng cách đúc bản kẽm thì phải tạo ra mấy bức chỉ bản. Từ một bức chỉ bản có thể đúc được năm sáu bảy lần bản kẽm. Mỗi lần in bằng bản kẽm, những công ty ấn loát lớn có máy in chạy bằng động cơ có thể in một vạn hay mười vạn, trăm vạn cuốn cũng không sao; những công ty ấn loát nhỏ chẳng mua nổi máy in chạy bằng động cơ vẫn in được hai ba vạn cuốn. Nếu chiến

---

Thực Nghiệp Xã. Chánh phủ Nhật ngay lập tức tuyên chiến với Trung Hoa, dẫn đến cuộc chiến quy mô ngày 21 tháng 8: Khởi đầu, hải quân Nhật đem 2.300 quân cùng xe tăng tiến vào Thượng Hải, phong tỏa hải cảng, bến xe. Đến ngày 31 tháng Giêng, số quân Nhật đã tăng đến hơn 7.000. Ngày 1 tháng 2, Nhật Bản chính thức dùng máy bay ném bom Nam Kinh và một loạt các tỉnh thành quan trọng dọc Trường Giang. Chánh quyền Trung Hoa Dân Quốc phải di tản sang Lạc Dương. Đến đầu tháng 2, có đến một vạn quân Nhật tham chiến. Đồng thời, quân Nhật bỏ tiền thuê bọn du đãng đi đốt phá, cướp bóc các khu phố của người Hoa. Quân Dân Quốc kiên cường đánh trả, khiến 1.600 quân Nhật mất mạng. Tưởng Giới Thạch huy động nhiều quân đoàn, sai Trương Trị Trung chỉ huy tiến vào Thượng Hải đánh trả quyết liệt, kể cả sai *Đệ thập bát lộ quân* tiến vào Chiết Giang phòng ngự. Do đôi bên bị tổn thất nặng nề (quân Nhật chết tới bảy vạn người, Trung Hoa chết năm vạn, hai lộ quân 19 và 5 bị xóa sổ hoàn toàn, nhà cửa tài sản bị tiêu hủy không thể tính trọn), qua trung gian của Anh, Pháp, Mỹ, Ý, đôi bên ký hòa ước đình chiến vào ngày 5 tháng 5.

sự chẳng nổ ra, đối với những sách do Quang in, ông nguyện bỏ ra bao nhiêu tiền tùy ông phát tâm. Dẫu không bỏ tiền in, tôi cũng sẽ gởi cho Tứ Xuyên bao nhiêu đó gói sách. Biện pháp như vậy vừa đỡ tốn tiền, vừa đỡ mất công, lại chẳng cần phải giảo chánh, đối chiếu nhiều lần.

Năm Dân Quốc 12, 13 (1923-1924), đối với những sách sắp được ấn hành, Quang đều bảo họ chế thành bốn bức chỉ bản cho mỗi sách, giữ lại một bức để tự dùng, một bức gởi sang Tứ Xuyên, một bức gởi sang Cáp Nhĩ Tân, một bức gởi sang Tân Gia Ba để các nơi đều tự in được. Do vậy bèn viết thư cho ba nơi hỏi họ có làm được hay không? Mỗi nơi đều gởi thư trả lời cho biết tiền giấy ở chỗ họ còn mắc hơn giá sách đã được in hoàn tất ở Thượng Hải cộng với cước phí gởi đi. Đã thế, kỹ thuật ấn loát còn kém xa Thượng Hải. Do vậy tôi đành xếp xó ý muốn gởi chỉ bản đi. Chuyện này tôi đã lo liệu vào năm Dân Quốc mười bảy, mười tám (1928-1929), ông đâu biết tường tận, vì thế mới phải dài dòng một phen.

(3 giờ 3 khắc ngày mồng 1 tháng 7)

231. Thư trả lời cư sĩ Tạ Huệ Lâm (thư thứ chín)

Thư trả lời lần trước chắc ông đã đọc rồi, do chiến sự nên Thượng Hải giao thông cách trở, chẳng thể gởi bằng đường máy bay. Bài khai thị ở Linh Nham nói vào ngày 17 tháng 10 mùa đông năm ngoái, khi ấy Quang từ đất Hỗ đến thẳng Linh Nham, nói ra vào ban đêm. Ngày hôm sau tôi liền về ngay Báo Quốc bế quan, chứ không làm trụ trì Linh Nham. Chiến sự ở Thượng Hải đã nổ ra, Tập Cần Sở nay đã ngưng hoạt động. Nếu chiến sự sớm kết thúc, sẽ tiếp tục in bốn vạn cuốn nữa (thoạt đầu là ba vạn, lần sau ba vạn nữa), có được mười vạn cuốn để truyền bá thì đời sau chẳng đến nỗi thường mắc phải cái họa do sữa độc mà trẻ con bị chết nữa. Món tiền 10 đồng sẽ dùng làm chi phí ấn tống.

Quang khá sợ bôn ba, chẳng những không muốn đến những xứ Tứ Xuyên, Tương (Hồ Nam), Cam (Cam Túc), mà ngay cả Linh Nham cũng không muốn qua. Chết sống có mạng, há nên nhọc nhằn? Huống chi tuổi già khí lực suy nhược, bôn ba nhọc nhằn, chẳng bằng trúng bom chết sung sướng hơn, huống chi chưa chắc đã bị trúng bom? Do vậy, trọn chẳng có một ý niệm dời sang nơi khác!

(Ngày 25 tháng 7)

232. Thư trả lời cư sĩ Tạ Huệ Lâm (thư thứ mười)

Từ chức, rảnh rang chuyên tu tịnh nghiệp, thật may mắn! Những kẻ hoằng pháp hiện thời phần nhiều thích tự lập chương trình, chẳng chịu làm theo cách thức đỡ tốn tâm lực, đỡ tốn công sức của tiền nhân. Tuy tâm ấy rộng lớn, nhưng

luận đến lợi ích thật sự thì sẽ kém hơn pháp môn Tịnh độ do cổ nhân đã lập rất nhiều. Nhằm phô mình là bậc thông gia, nên chẳng y theo pháp tắc của người trước đã lập. Nếu là bậc thượng thượng căn thì được; nếu không, cố nhiên hãy nên dụng công nơi đỡ tốn tâm lực thì mới dễ được lợi ích.

(Ngày 23 tháng 7)

233. Thư trả lời cư sĩ Tạ Huệ Lâm (thư thứ mười một)

Sách Hiếu Kinh Lược Nghĩa đã xem qua một lần, lời bàn luận hết sức tinh thuần, đúng đắn, chỉ có điều trong chương Quảng Dương Danh[61], bài bác cái học của thế tục, giải thích lầm ý nghĩa chữ danh là "danh dự", như vậy thì cái danh ấy cũng gần giống như cái được gọi là "lợi ích", chẳng khác chi mấy. Phàm cái danh của bậc quân tử làm sao đứng riêng ngoài danh dự cho được?[62] Chỉ cần danh xứng với thực thì được gọi là quân tử. Nếu không, hoặc là cầu danh suông, hoặc ắt đến nỗi dùng đủ mọi thứ mong mỏi theo đuổi, mua chuộc, chèo kéo thì cái danh đạt được bằng kiểu tà vạy ấy sẽ bị trời tru diệt, quỷ quở trách là điều chắc chắn không sai chạy. Nói đến lợi ích thì trọn hết bổn phận của con, bầy tôi, em, bạn, há lẽ nào chẳng có lợi ích? Lấy thân làm gương, người ta nhìn vào bắt chước theo, lẽ nào chẳng phải là lợi ích? Lời lẽ ấy hết sức sai trái, tuy hoàn toàn chưa báng Phật, nhưng trong câu nói ấy đã chứa sẵn thói tệ bài bác những điều lợi người lợi vật. Đang trong lúc cậy mạnh nuốt yếu, tự tư tự lợi đến cùng cực này, sao lại dùng

---

[61] Quảng Dương Danh (rộng nêu danh) là chương thứ 14 trong Hiếu Kinh (được coi là do Tăng tử trước tác). Tuy gọi là chương, nhưng thật ra chỉ là một đoạn rất ngắn như sau: *"Tử viết: Quân tử chi sự thân hiếu, cố trung khả di ư quân. Sự huynh để, cố thuận khả di ư trưởng. Cư gia lý, cố trị khả di ư quan. Thị dĩ hành thành ư nội, nhi danh lập ư hậu thế hỹ."* Trong bài Áp Dụng Tư Tưởng của Hiếu Kinh Vào Cách Quản Trị Xí Nghiệp, ông Hác Chí Cường đã giảng câu nói này như sau: Khổng tử nói: "Quân tử thờ cha mẹ có hiếu, ắt sẽ mở rộng ra thành thờ vua trung thành. Đối xử hòa thuận với anh, ắt sẽ mở rộng thành hòa thuận với người trên. Xử sự công bằng phân minh trong gia đình sẽ cai trị đúng đắn. Do vậy, hành hạnh hiếu khiến nó trở thành nề nếp từ bên trong thì sẽ lưu danh cho hậu thế."

[62] Đoạn này hơi khó hiểu nên chúng tôi xin mạn phép giải thích thô thiển như sau: Để được gọi là quân tử thì phải có đủ phẩm đức của bậc quân tử. Chữ danh được nói trong chương Quảng Dương Danh của Hiếu Kinh là thanh danh được ngàn đời ca tụng, chứ không phải là danh dự (tiếng tăm). Nếu hiểu chữ danh là danh dự như trong sách Hiếu Kinh Lược Nghĩa đã giảng thì rất hẹp, hóa ra con người thực hiện lòng hiếu, hòa thuận với anh em, xử sự công bằng phân minh, nói rộng là trung với vua, tôn kính người trên, cai trị sáng suốt đều chỉ nhằm cầu lợi là được tiếng khen nhất thời (tức là làm lành vì cái tâm cầu danh), chứ không phải thật tâm muốn tu dưỡng phẩm đức của bậc quân tử để đạt được mục đích chân chánh là khiến cho người ta nhìn vào bắt chước cùng tu dưỡng những phẩm đức ấy ngõ hầu cõi đời lẫn con người đều tốt đẹp hơn, nên tổ mới nói: "Như vậy thì cái danh ấy cũng gần giống như cái được gọi là 'lợi ích', chẳng khác chi mấy!" Tổ nhấn mạnh, cái danh của bậc quân tử là do trọn đủ phẩm đức của bậc quân tử nên mới được tiếng tăm là bậc quân tử ("Phàm cái danh của bậc quân tử làm sao đứng riêng ngoài danh dự cho được. Chỉ cần Danh xứng với Thực thì được gọi là quân tử"). Hễ trọn vẹn phẩm đức thì tự nhiên có tiếng tốt, đồng thời nêu gương cho muôn đời; chứ không phải chỉ dùng những cách mua danh, tô vẽ mà được tiếng là quân tử, để tiếng thơm cho đời sau ("Nếu không, hoặc là cầu danh suông, hoặc ắt đến nỗi dùng đủ mọi thứ mong mỏi theo đuổi, mua chuộc, chèo kéo, thì do đạt được cái danh ấy [bằng kiểu tà vạy như thế] sẽ bị trời tru diệt, quỷ quở trách là điều chắc chắn không sai chạy).

những thứ lời lẽ ấy khiến cho con người dấy tâm coi rẻ những chuyện tạo lợi ích vậy?

Ôi, muốn dựng cờ thuần Nho để mong thiên hạ đời sau sẽ chỉ vào ta ca ngợi: "Đang trong thời ấy có vị tiên sinh ấy có thể tận tụy thực hiện đạo làm con, bầy tôi, em, bạn để kế thừa người trước, mở mang lối học cho đời sau, khiến cho đạo tâm truyền của thánh nhân được còn mãi chẳng dứt!" Nếu làm như vậy, dẫu cho người đời thuở ấy sẽ thuận theo hoặc chống trái cũng đều không quan tâm thì còn được. Chứ nếu vẫn muốn cho những kẻ chẳng hiểu văn nghĩa và chỉ coi nói suông là thực hành sẽ đều thực hiện trọn vẹn đạo "con, bầy tôi, em, bạn" mà chẳng nhờ vào nhân quả, báo ứng, lợi ích, họa hại thì những điều mong mỏi ấy cũng chỉ là danh suông mà lợi ích cũng chẳng thể đạt được.

(Ngày mồng 2 tháng 7)

234. Thư trả lời cư sĩ Tạ Huệ Lâm (thư thứ mười hai)

Thư trả lời cuốn Hiếu Kinh Lược Nghĩa chắc ông đã nhận được rồi. Đọc bài văn kỷ niệm Khổng tử, biết ông quả thật đã thấy được chỗ cương yếu, nhưng giảng đạo lý thì được, chứ còn muốn nhờ vào đó để vãn hồi thế đạo nhân tâm thì vẫn là một bánh xe, một cái cánh, hơi khó thâu được hiệu quả thật sự! Tiên vương làm cho đời yên, dân lành thì phải vừa có giáo hóa vừa có luật lệ. Đang trong thời lòng người thuần thiện, chỉ nói đến lý người ta sẽ tự phục tùng. Hiện nay đang là thời thế nào, ông chỉ biết giữ nề nếp cũ, chẳng biết biến thông. Nếu chỉ giữ cái danh "thuần Nho" thì được, chứ dùng nề nếp ấy để xoay chuyển cái tâm của khắp mọi kẻ trung hạ sẽ khó lắm! Vì thế, hãy nên dùng lý nhân quả báo ứng để phụ giúp, đấy gọi là "giáo hóa và luật lệ cùng thi hành" vậy. (Nhân quả cũng giống như luật lệ, xử phạt, đều mang tác dụng có thể chiết phục những kẻ ương ngạnh lẫn kẻ hiền lương).

Ông giữ phận nhà Nho cũng chẳng phải là không thể nêu tỏ nhân quả, phước thiện, họa dâm, thuận theo lẽ phải thì tốt lành, trái nghịch thì xấu xa. Há nhà Nho cũng chẳng nên nhắc đến những giáo huấn như "sửa đổi đức mình sẽ vĩnh viễn hưởng nhiều phước"[63]… của cổ thánh tiên hiền ư? Ngũ phước lục cực trong sách Hồng Phạm đã thật sự dạy con người về lý nhân quả ba đời. Trong sách Nho, điều này sâu xa nhất, quan trọng nhất. Tiên Nho chẳng tin có đời trước, đời sau, vì thế

[63] Đây là những câu thơ trong phần Đại Nhã ca tụng Văn Vương: *"Vô niệm nhĩ tổ, duật tu quyết đức, vĩnh ngôn phối mạng, tự cầu đa phước"* (Sao không nghĩ đến ông nội của ngươi? Sửa đổi đức mình, hằng được gọi là xứng với mạng trời, tự cầu nhiều phước).

quy hết về hoàng cực[64], trọn chẳng chịu tỏ rõ những chỗ sâu xa, chứa đựng kín đáo trong những lời dạy trong kinh điển đạo Nho, đến nỗi do không biết nhân quả mà hiện ra những dạng hành vi cầm thú như phế kinh điển, phế luân thường v.v.. Nay đang trong lúc những tướng trạng ấy hiển hiện lớn lao mà vẫn cứ một mực noi theo đường lối nói lý, ắt sẽ tốn nhiều công sức mà chỉ đạt được hiệu quả ít ỏi.

Trong sách Hồng Phạm, ngũ phước là *"thọ, phú, khang ninh, du hiếu đức, khảo chung mạng"* (sống lâu, giàu có, bình yên khỏe mạnh, ham chuộng đức hạnh, chết tốt lành), năm điều này há có phải do kẻ làm vua quyết định ư? Lục cực là *"hung, đoản chiết, tật, ưu, bần, ác nhược"* (xui xẻo, chết yểu, bệnh tật, lo lắng, nghèo cùng, xấu xí yếu đuối) cũng chẳng phải do nhà vua quyết định. Thật ra sách Hồng Phạm nói tới những điều này chính là nêu đại lược về nhân trước, quả sau, ước theo đời trước, đời này mà luận đạo trời "phước thiện, họa dâm" vậy. Thật ra, trời cũng không có quyền, chẳng qua thuận theo điều thiện, điều ác do kẻ đó đã tạo mà ban phước, giáng họa. Nho gia gọi đó là mạng, mạng ấy cũng là tự làm tự chịu, trời đâu có hậu đãi kẻ này, tệ bạc với kẻ kia?

Chỉ có mình đức Phật nêu tỏ lớn lao lý ba đời, thánh hiền Nho giáo cũng nêu đại lược đầu mối, chứ không như bọn Lý học do muốn khác biệt với Phật, rốt cuộc vứt bỏ cái gốc lớn lao để thánh nhân bình trị thiên hạ không bàn tới, chỉ muốn dùng thuyết "tận nghĩa, tận phận" để hoằng dương Nho giáo hòng khơi gợi, giáo hóa con người. Đủ thấy tri kiến của bọn họ lệch lạc, trái nghịch cả thánh lẫn trời. Nếu chẳng ước theo cái nhân đời trước để luận ngũ phước lục cực thì sự thuận theo hay trái nghịch thiên lý lấy đâu để thi thố? Đáng thương thay cho những nhà Nho đời sau! Đáng thương thay, mọi kẻ dân đen trong thiên hạ bị lũ người "cao minh" ấy móc bỏ con mắt "mong thành thánh, thành hiền, vui theo mạng trời!" Chẳng biết lời Quang nói ở đây là móc bỏ con mắt của người ta hay ban cho người ta ánh sáng? Xin ông hãy cân nhắc! *(Người biên tập nhận xét: Chu Tử tuổi già mù mắt, há chẳng phải là quả báo đó ư?)*

Chỉnh lý Phật giáo quả thật là nhiệm vụ trọng yếu để hộ pháp, nhưng phải xét kỹ điều lợi, lẽ tệ, ngõ hầu được lợi ích thật sự. Đối với việc đưa tăng sĩ sang Tây Tạng du học, toan tính trao đổi Phật pháp giữa Tứ Xuyên và Tây Tạng, quả thật là kế hoạch của kẻ chỉ hiểu Phật pháp bề ngoài. Phật pháp nước ta, pháp nào cũng hoàn bị, chỉ có pháp bị kém thiếu là Mật tông[65]. Nói đến chuyện trao đổi thì phải

[64] Hoàng cực: Ngôi vua địa vị cao quý nhất trong thiên hạ nên gọi là hoàng cực. Tống Nho khi giải thích nguyên nhân tạo thành ngũ phước lục cực đều quy hết vào sự cai trị của nhà vua.

[65] Thật ra đây chỉ là cách nói thuận theo thế tục, chứ thật ra kinh điển Mật tông trong Hán Tạng rất nhiều và rất hoàn bị, nhưng so với các tông khác thì kinh điển Mật tông ít được chú giải cũng như không được

hiểu rõ pháp sẵn có, rồi nếu có thừa sức thì mới học Mật tông của họ để phụ trợ cho các tông đã sẵn có. Nay do các vị tăng chưa từng dốc sức nơi các tông, lại bảo họ theo học với gã ma vương X… đang lưu ngụ tại vùng Tây Khang. Sau khi học xong, ắt sẽ hoại loạn Phật pháp, gây nghi ngờ, khiến chúng sanh bị lầm lạc, nghi ngờ, như những gã Y… kia muốn đả đảo, đoạn trừ đạo của nhị đế, tam vương. Điều này có ảnh hưởng lớn đối với Nho giáo lẫn Phật giáo. Ông là người hiểu lý, một phen hảo tâm của ông Lưu cố nhiên chẳng thể không tuân theo, nhưng xưa nay lập pháp đều phải dò hỏi những bậc thông sáng rồi mới có thể thi hành. Há lẽ nào chẳng tính lợi hại, chỉ nhận được phương cách bèn thực hiện ngay mà là đúng hay sao? Nếu chẳng thấy ma tri ma kiến của lũ X… thì còn được; chứ đã biết chúng là ma rồi mà vẫn cứ khiến cho kẻ chưa trở thành ma học theo lũ ma thì người ta chẳng trở thành ma dân, ma nữ cũng là chuyện hiếm hoi lắm. Chuyện này quan hệ rất lớn, Quang chẳng thể không nói!

Nhưng những điều Quang nói với ông chớ nên nói thẳng thừng với những kẻ chẳng hiểu biết, mà phải uyển chuyển, nói vòng vo, dẫn những điều họa thuở trước để làm gương tày liếp cho xe sau khỏi đi vào vết đổ của xe trước thì mới nên (Trước hết, hãy học những Phật pháp sẵn có. Chẳng học những pháp ấy chính là bỏ của quý trong nhà để đi ăn xin vậy). Chẳng học Phật sẽ chẳng thể biết Nho, không hoằng Nho sẽ không cách gì hoằng dương Phật pháp được! Ngũ luân, tam cương đều là chuyện thuộc lục độ vạn hạnh của Bồ-tát. Chương trình của Phật Giáo Tân Thanh Niên Hội nọ nhằm dạy người hành lục độ vạn hạnh, nhưng trong tám đại sứ mạng của họ, không có một chữ nào nhắc đến nhân quả báo ứng, cương thường, luân lý và Tịnh độ, tôi chẳng biết họ hành lục độ vạn hạnh bằng cách nào! Chuyện này cũng do người bạn tên X… của ông đệ tử Y… đề xướng. Xin ông đọc xong thư này, hãy giao cho ngọn lửa, đừng đưa cho người khác xem để khỏi bị bè đảng bọn chúng đố kỵ.

(Ngày 18 tháng 7)

235. Thư trả lời cư sĩ Tạ Huệ Lâm (thư thứ mười ba)

Hôm trước hòa thượng Chân Đạt từ Thượng Hải đến đây, cầm theo thư của cư sĩ và bản thảo diễn giảng, đọc xong khôn ngăn hoan hỷ. Mấy năm trước Dương Lệ Đường đã từng đề xướng khá nhiều, nên cư sĩ đem bức thư ấy in ra hai bản. Về sau, ông Dương muốn soạn sách Nho Thích Nhất Quán, toan nhờ Quang viết lời tựa, cậy Tạng Quán Thiền ở Sơn Đông chuyển lời tới Quang. Quán Thiền

hoằng dương rộng rãi. Hơn nữa, Mật tông Tây Tạng quá nhấn mạnh đến khái niệm tính lực (shakti) nên không phù hợp với truyền thống lễ giáo của người Trung Hoa cho lắm.

cũng chẳng nói ông Dương ở đâu, Quang cũng chẳng hỏi, cứ giao bài tựa cho Quán Thiền. Năm sau, ông Dương gởi thư cảm tạ, cũng do Cư sĩ lâm Thượng Hải chuyển đến. Từ đấy trọn không có tin tức gì nữa, đã 4-5 năm rồi! Quang hỏi Cư sĩ lâm: "Lệ Đường có từng gởi thư đến hay không?" Họ thưa: "Không!" Chắc là ông ta đã buông thân tâm xuống, thiết thực dụng công, muốn làm cho đạo Phật, đạo Nho được rực sáng trong cõi đời cũng không chừng.

Lời giảng của ông rất hay, quả thật đã nêu ra được những nghĩa trọng yếu căn bản, chỉ có đoạn luận về khái niệm Thiên Mạng của Khổng tử trong chương thứ nhất là hoàn toàn noi theo cách diễn giải của Tống Nho, hoàn toàn trái nghịch với lý, danh, nghĩa trong kinh Thi, kinh Thư, kinh Dịch, kinh Xuân Thu của Khổng tử. Các sách Nho nói đến trời có phần nào giống như ý nghĩa *đệ nhất nghĩa thiên*[66] nơi lý tánh trong Phật giáo. Tống Nho thấy nghĩa này cao sâu, liền ăn trộm danh nghĩa để tự đề cao; do muốn tranh chấp xung đột với Phật giáo, nên rốt cuộc đem sự thực diễn giải thành lý suông. Ông học Phật nhiều năm, sao vẫn chưa biết lỗi của Tống Nho, vẫn muốn phỏng theo Tống Nho để mở mang chánh tri cho người khác vậy? Sự lý, tánh tướng, tu chứng, nhân quả v.v. trong Phật giáo chớ nên lẫn lộn, Tống Nho chuyên công nhận lý đế sâu nhất, còn những sự tướng khác đều nhất loạt mạt sát. Vì thế họ bài xích nhân quả báo ứng, sanh tử luân hồi, bảo thiên chính là lý, quỷ thần là lương năng của hai khí (âm - dương). Do vậy, những kẻ có mắt không tròng tuân phụng học thuyết ấy, mọi người đều nghĩ nhân quả báo ứng sanh tử luân hồi là pháp để Phật lừa người. Dẫu có kẻ thấy được thuyết ấy là sai, nhưng do cái tâm mong mỏi môn đình được vẻ vang sáo rỗng quá mạnh, muốn cho trăm năm sau sẽ được hậu thế coi là những vị tiên hiền Nho giáo chánh yếu cần được đưa vào thờ trong Văn Miếu, cũng chẳng thể không "ai nói sao, ta cũng hùa theo vậy".

Đạo Học được nêu tỏ là do Tống Nho, mà Đạo Học cũng bị diệt bởi Tống Nho! Từ đấy về sau, quá nửa con người đều coi nhân quả, sanh tử, luân hồi là chuyện mờ mịt, đến nỗi thiện không có gì để khuyên, ác không có gì để phạt. Do chưa có phong hóa Âu Tây tràn sang nên vẫn còn duy trì được đạo làm người. Gần đây, phong hóa Âu Tây dần dần lan sang phương Đông, khiến cho học thuyết

[66] Đệ Nhất Nghĩa Thiên (hay còn gọi là Nghĩa Thiên) là từ ngữ để gọi chư Phật, Bồ-tát, hoặc hàng Thập trụ Bồ-tát. Do các vị ấy đã khéo hiểu diệu lý Đệ Nhất Nghĩa Đế nên được sánh ví là Trời, vì thế mới gọi là Nghĩa Thiên. Đệ Nhất Nghĩa Đế (Paramārtha-satya) còn có những tên gọi khác như Chân Đế, Nghĩa Đế, Thánh Đế, Niết-bàn, Chân Như, Thật Tướng, Trung Đạo, Pháp Giới, chính là chân lý sâu mầu vô thượng, bậc nhất trong các pháp nên gọi là Đệ Nhất Nghĩa Đế. Theo quan điểm Đại Thừa, Đệ Nhất Nghĩa Đế là chân thật thấy biết Chân Đế và Tục Đế, hiểu rõ mối quan hệ không thể tách rời của chúng. Chân Đế và Tục Đế giống như nước và sóng, không còn thấy sự khác biệt giữa Chân Đế và Tục Đế nữa thì gọi là Đệ Nhất Nghĩa Đế.

“phế kinh điển, phế luân thường, bỏ hiếu, vứt thẹn, giết cha, giết mẹ” và những hành động thực hiện học thuyết ấy đều được công khai diễn ra. Gốc họa ấy hoàn toàn do Tống Nho mà ra, Quang mỗi lần nghĩ đến, khôn ngăn đau xót cho Nho giáo. Ngẫu nhiên nói với một hai người tri kỷ về nghĩa lý này, trọn chẳng một ai bảo là không đúng. Trong thuở bọn họ đề xướng học thuyết ấy, ý họ chỉ sợ người ta chê “nghĩa lý trong Nho giáo nông cạn hơn Phật giáo”, bèn dùng những nghĩa này để duy trì, mong sao chẳng đến nỗi người đời sau trong thiên hạ hoàn toàn sùng phụng Phật giáo, coi thường Nho giáo, chẳng biết rốt cuộc mấy trăm năm sau thành ra kết quả này. Đúng là “muốn làm rạng rỡ Nho giáo, lại thành ra diệt trừ Nho giáo” vậy, buồn thay!

Chúng ta chẳng biết được bổn địa của các vị thánh nhân Nho giáo; nhưng hễ luận về Nho thì phải chiếu theo thân phận, địa vị do Nho giáo đã lập ra mà bàn luận thì mới chẳng mắc khuyết điểm. Những điều ông nói sau phần ấy đều tốt đẹp, nhưng chỉ do mỗi một đoạn này, Quang đã biết lòng ông bội phục Tống Nho, cố chấp quá cứng chắc. Đang trong thuở đủ mọi thứ diệt trừ Nho giáo này, mà vẫn chẳng biết vì đâu có chuyện ấy, vẫn phỏng theo khuôn sáo cũ kỹ ấy, muốn cho hiện tại mai sau đều cùng noi theo lời lẽ chấp lý phế sự của Tống Nho. Ông lại muốn dâng những lời diễn giảng ấy lên Lệ Đường; nếu Lệ Đường là bậc thông suốt thật sự, quyết chẳng tán thành, chấp nhận thuyết này của ông. Nếu vẫn đem những lập luận ấy ghép vào ngôn luận của người ta, tức là biến Lệ Đường thành hạng chấp lý phế sự, họa ấy há thể cùng cực được chăng? Do vậy, Quang chẳng gởi sách diễn giảng của ông cho Lệ Đường, mà nói đại lược tâm bệnh của Tống Nho, và do tâm bệnh ấy mà trở thành tình thế cực ác “biến người trong khắp thiên hạ đều giống như loài thú” trong thời buổi này.

Nếu ông nghĩ Quang nói chẳng đúng, xin hãy đọc những chỗ nói về trời trong kinh Thi, kinh Thư, kinh Dịch, kinh Xuân Thu, xem xong sẽ biết Tống Nho sai lầm hay Quang nói bậy. Đối với những chỗ Mạnh tử, Tuân tử, Cáo tử[67] và tất cả

[67] Tuân tử (313-238 trước công nguyên) tên là Huống, tự là Khanh. Ông là một trong những nhà tư tưởng của nước Triệu sống vào thời Chiến Quốc, chủ trương *tánh ác luận* (tức con người sanh ra bản tánh sẵn ác), thường bị Mạnh tử và những nhà Nho thuộc trường phái *tánh thiện* phê phán. Tư tưởng của ông chú trọng đến lễ, chú trọng đến khuôn phép, luật lệ trong xã hội. Ông tôn sùng Khổng tử nhưng đả kích Mạnh tử và Tử Tư, cho rằng chính mình và Tử Cung mới là những người thật sự kế thừa học thuyết của Khổng tử. Tuân tử cho rằng con người bị chi phối bởi dục vọng, nếu dục vọng không được thỏa mãn sẽ nẩy sanh tranh chấp. Do vậy tánh con người là ác, cần phải dùng lễ pháp để uốn nắn. Ông chủ trương con người và trời có chức phận khác biệt, con người có thể khống chế thiên mạng để sử dụng theo mục đích.

Cáo tử (không rõ năm sanh và mất) tên Bất Tường (có thuyết nói Bất Hại), là học trò của Mặc tử, giỏi biện luận, giảng nhân nghĩa, chủ trương tánh con người giống như nước, nước không phân biệt, không phân chia thiện hay ác. Tư tưởng này được ghi chép lại trong thiên Cáo Tử của sách Mạnh Tử, chứ Cáo tử không để lại trước tác nào.

các sách Nho nói đến tánh, nếu chiếu theo những điều được Nho gia đề cao để bàn luận thì Quang chẳng dám chõ miệng vào, chứ luận theo nhà Phật thì những điều họ luận về tánh đều thuộc về tình[68]. Tuy họ gọi nó là tánh, chẳng thể gọi là tánh chân như bất biến. Nếu lơ mơ chỗ này, dẫu có thể lợi người thì vẫn ngầm ẩn nguy cơ khiến cho người ta bị lầm lẫn. Nếu biết là tình thì nói là thiện, là ác hay thiện ác lẫn lộn đều được. Nếu tưởng đấy là Phật tánh chân như bất biến thì tuy có nói là thiện cũng vẫn là lời thừa thãi vô ích, huống là nói thiện và ác lẫn lộn ư? Những người đại thông minh xưa nay thường thích tự lập môn đình, chẳng chịu "người khác nói sao ta cũng bảo vậy", cho nên đến nỗi có những thứ nghị luận như thế. Đúng là "thế giới vốn thanh bình, chỉ có con người tự nhiễu loạn"!

Hơn nữa, ông hâm mộ tiếng tăm của Lệ Đường đã lâu, muốn được ông ấy dùi mài, sao không nhờ người khác chép lại bản thảo này cho rõ ràng, mà cứ để nguệch ngoạc như vậy? Thật đã đánh mất cái tình giao hữu đấy! Quang lòng dạ thẳng tuột, ăn nói thẳng băng, chẳng bận tâm người ta có chấp nhận là đúng hay không, mong hãy sáng suốt thông cảm! (Học thuyết của Dương Châu trọn chẳng có ích mảy may gì cho cõi đời, há nên đem so với Mặc tử để bàn tới bàn lui?)

Hơn nữa, ông Hứa Chỉ Tịnh đã từng tu bổ đại lược sách Lịch Sử Thống Kỷ, ông Lý Kỳ Khanh tính đem khắc ván để mong sách được lưu truyền vĩnh viễn (Ông ta thỉnh một người viết chữ theo kiểu thời Tống thật đẹp, viết xong đem khắc cũng thật tốt đẹp, chẳng tiếc tiền công). Bản này cần phải sau hai năm nữa mới in ra sách được. Nay lại bảo nhà in chiếu theo cách trình bày trước đây để sắp chữ, cũng cho sắp chữ hai loại, để họ làm thong thả, không gấp gáp. Ước chừng trong năm nay chắc có thể in ra sách. Bản này sắp chữ xong, sẽ cho làm chỉ bản kỹ càng, bởi lẽ tám bức chỉ bản được làm vào năm ngoái đều bị cháy rụi, nay cho làm lại chỉ bản để sau này ai nấy đều cùng được đọc bản hoàn chỉnh này. Không có chuyện gì đừng gởi thư đến để khỏi nhọc trí đôi bên. Đối với hai cuốn sách của ông X… được gởi kèm theo thư này, người thật sự có chánh tri kiến há chịu ăn nói như thế ư? Cú kêu ụt rúc[69], ai nghe những tiếng ấy? Cần gì phải nhắc tới nữa!

(Ngày 13 tháng 5)

---

[68] Theo Thích Thị Yếu Lãm, tình chính là tác dụng thấy biết của thức đã bị những vọng tưởng, phân biệt, chấp trước làm cho ô nhiễm, lệch lạc, chấp nhặt. Sách nói thêm: "Tình chính là gốc của thị phi, lợi hại v.v.."

[69] Nguyên văn *"kiêu minh, kính hào"* (cú kêu, kính rúc). Kính（獍）là một con vật theo truyền thuyết khi được sanh ra sẽ ăn thịt mẹ trước nên được coi là con vật bất tường. Thành ngữ "kiêu minh kính hào" chỉ những con vật có tiếng kêu mang lại điềm xui xẻo. Do chim ụt ở Việt Nam là loài ăn đêm có tiếng kêu chói tai, gây cảm giác kinh hãi, sợ sệt, nên tiếng kêu của nó cũng thường được coi là mang đến điềm xui xẻo, chúng tôi dùng chữ ụt để tạm diễn tả ý nghĩa của thành ngữ này.

236. Thư trả lời cư sĩ Tạ Huệ Lâm (thư thứ mười bốn)

Thế đạo ngày nay chính là thế đạo hoạn nạn, muốn ở trong cảnh hoạn nạn mà chẳng gặp hoạn nạn, nếu chẳng chí thành khẩn thiết trì niệm thánh hiệu Quán Âm sẽ chẳng thể được. Huống chi ông làm trưởng ấp, đang trong lúc thổ phỉ, binh lính hoành hành, nếu chẳng cậy vào từ oai của đức Phật, cứ muốn dùng tài trí của chính mình để lo liệu sẽ khó như lên trời, nguy hiểm như bước trên băng. Nếu ôm tấm lòng đại từ bi trừ bạo an lương, lỡ gặp phải những hạng hung ác như vậy thì thế tất nhiên là phải xử trị, nhưng phải giữ tấm lòng xót thương thì sẽ chẳng tự đến nỗi kết oán và gặp họa.

Năm ngoái, một đệ tử là Tào Vận Bằng làm huyện trưởng huyện Quảng Đức, tỉnh An Huy, do chủ trì án tử hình một người, bè đảng của hắn mưu tính báo cừu. Trong tháng 11, ông ta trở về Thượng Hải, đến ngày 13 tháng Chạp, mười gã đến nhà hỏi ông ta có nhà hay không. Vợ ông ta bảo: "Đã đi ra ngoài rồi." Bà vợ và đứa con gái 19 tuổi cũng quy y với Quang, thấy tình thế ấy, chí tâm niệm Quán Âm. Bọn giặc lục soát rương tráp, tìm được một xấp tiền 2.000 đồng và hơn 100 đồng tiền hiện thời, bèn ngồi trong nhà chờ ông ta trở về. Ông ta về đến nhà, thấy mười gã đều cầm súng, hỏi nguyên do, chúng nói để báo cừu. Hỏi: "Do chuyện gì?" Họ nói báo cừu cho kẻ bị ông ta xử tử hình. Bọn chúng hỏi ông Tào vì sao phải tử hình, ông bèn cho biết do cấp trên hạ lệnh tử hình. Ông ta nói: "Đấy là do mệnh lệnh của cấp trên chứ không phải Tào mỗ[70] tự giết." Bọn giặc không chịu là đúng. Ông ta hỏi: "Các ông có nhận được mặt Tào mỗ không?" Chúng bảo: "Nhận được." Nói chuyện hồi lâu, bọn giặc nóng ruột, bảo mọi người: "Chúng ta hãy đi thôi, ngày mai lại tới", rồi bỏ đi. Tào Vận Bằng cùng bọn giặc trò chuyện hồi lâu, hỏi chúng có nhận được mặt hay không mà chúng trọn chẳng nhận ra ông, mà cũng chẳng hỏi ông là ai, thế rồi bỏ đi, hẹn ngày mai lại đến. Bọn giặc bỏ đi rồi, Vận Bằng gọi điện thoại cho ngân hàng bảo đừng trao tiền, sợ bọn giặc lại đến, đưa cả nhà sang Thanh Đảo. Thứ cảm ứng này nhiều đến nỗi không rảnh rang để viết ra. Có thể dốc hết thực lực trì niệm thì quyết định gặp dữ hóa lành.

Trong bưu kiện của bản thảo Diễn Giảng có kèm theo một bộ Khuê Phạm, đôi ba cuốn Thọ Khang Bảo Giám, hãy bảo con em đọc kỹ, ngõ hầu chẳng đến nỗi hao tổn nguyên tinh, trở thành yếu đuối và chết yểu. Sư Minh Đạo lo liệu việc phát hành kinh sách cho Phật giáo Tịnh nghiệp xã ở đường Hách Đức, Thượng

[70] Mỗ（某）là tiếng tự xưng, nhưng cũng được dùng như từ phiếm chỉ một người nào đó. Như vậy Tào mỗ dùng trong câu nói này có thể hiểu là "Đấy là do mệnh lệnh của cấp trên chứ không phải do chính Tào Vận Bằng tự giết", mà cũng có thể hiểu là "đấy là do mệnh lệnh của cấp trên chứ không phải do gã họ Tào tự giết".

Hải, nếu muốn thỉnh tất cả các sách để tặng cho người khác, hãy chiếu theo quy định gởi thư thẳng cho thầy ấy.

237. Thư trả lời cư sĩ Tạ Huệ Lâm (thư thứ mười lăm)

Nhận được thư, biết tấm lòng vì pháp vì dân vẫn như xưa, đủ chứng tỏ chí lực bền chắc, cứng cỏi, chẳng hời hợt, nông nổi như thói đời hiện thời. Phù Lăng là nơi Phật pháp chưa được truyền đến, lúc ban đầu mở mang truyền bá đạo pháp nơi ấy chớ nên dốc sức ngay vào chỗ cao sâu, mà trước hết hãy nên chỉ rõ: "Chỗ cao sâu trong đạo pháp, người thời nay nếu trọn chưa hề tu tập sẽ không thể thấu đạt được ngay; nhưng Phật pháp vốn có pháp môn đại phương tiện khiến cho kẻ không có sức liền đạt được ngay chỗ cao sâu: Tu trì pháp môn Tịnh độ và cần phải dốc hết sức giữ vẹn luân thường, trọn hết bổn phận, dứt lòng tà, giữ lòng thành, đừng làm các điều ác, vâng giữ các điều lành, rồi lại dùng tín nguyện niệm Phật cầu sanh Tây Phương. Nếu có thể dùng những điều như vậy để tu thì sẽ có thể cậy vào từ lực của đức Phật mang nghiệp vãng sanh. Nếu được vãng sanh thì lợi ích đạt được đem so với lợi ích của những người tu các pháp tột cao tột sâu cũng trọn chẳng thua kém gì, mà còn vượt trỗi trăm ngàn vạn ức lần! Bởi lẽ, một đằng cậy vào tự lực, một đằng kiêm nương vào Phật lực mà ra." Nói như vậy, chắc chắn họ chẳng dám coi rẻ pháp môn Tịnh độ để tu những pháp cao sâu. Nếu chẳng nói như thế, ắt họ sẽ tự mong mỏi pháp cao sâu, coi pháp môn Tịnh độ là pháp dành cho bọn ngu phu ngu phụ!

Xét đến mặt lợi ích thật sự, những kẻ biết đôi chút danh tướng rồi bèn tự cao tự đại, rốt cuộc khó thể đạt được lợi ích đoạn hoặc chứng chân thật sự. Xét đến kết quả, mong muốn được kề vai với những kẻ ngu phu ngu phụ nương vào Phật lực mang nghiệp vãng sanh cũng chẳng thể được. Đấy là căn bệnh chung của những kẻ thích ăn nói lớn lối, thích tự phụ là bậc thông gia xưa nay. Chúng ta đã muốn lợi người mà vẫn cứ noi theo dấu tích ấy sẽ giống như bọn Tống Nho vì muốn bảo vệ Nho giáo mà thốt ra những câu đả phá lời Phật dạy, rốt cuộc đạt được mối họa thật sự là phế kinh điển, phế luân thường, vứt bỏ lòng hiếu, bỏ mặc lòng thẹn, giết cha, giết mẹ. Nếu bọn họ cũng đề xướng nhân quả báo ứng, sanh tử luân hồi, con người sẽ có điều kiêng sợ, có điều mong mỏi, hâm mộ, đời đời kế thừa nhau, chẳng dám coi những chuyện ấy (tức nhân quả báo ứng, sanh tử luân hồi) là lời Phật bịa chuyện gạt gẫm người ta; dù gió Âu có dữ dội đến mấy, làm sao có một số ít người tin theo cho được, huống chi là có những bậc vĩ nhân, những tay anh kiệt trong khắp thiên hạ đều tin theo ư? Than ôi, buồn thay! Kẻ diệt Nho giáo đâu phải là người Âu Tây mà chính là Tống Nho đấy chứ!

Hoằng dương Phật pháp mà chẳng chú ý mặt hành trì, chỉ chú trọng huyền diệu thì cũng tệ hại như Tống Nho vậy. Vì thế chẳng dám không nói rõ ràng với ông. Gần đây Mật tông rất thịnh hành, nhưng dấu vết kém hèn của gã X… đã bộc lộ rành rành rồi. Nghe nói Phật học xã Trùng Khánh đã hoàn toàn biến thành đạo tràng Mật tông. Theo gã X…, trong Mật tông thành Phật dễ dàng, vãng sanh dễ dàng hệt như trở bàn tay. Tôi sợ cư sĩ cũng bị họ lung lạc, nhưng rồi nghĩ tới gã X… chuyên học Mật tông nhiều năm mà kiến thức như thế thì chắc chắn chẳng phải là khí phận đã thành Phật và nghiệp tận tình không. Như vậy thì sở học của hắn ta chẳng phải là Mật tông đúng như đức Như Lai đã truyền. Nếu chân chánh đạt được Mật tông của đức Như Lai thì đâu đến nỗi thơm thối cũng không biết, để rồi mặc sức khinh miệt thánh hiền ư!

(Ngày mồng 9 tháng 6)

238. Thư trả lời cư sĩ Tạ Huệ Lâm (thư thứ mười sáu)

Học thuyết gây lầm lạc cho người thì thoạt đầu chỉ ít ỏi, nhưng kết quả về sau không cách gì thâu thập được nữa. Tống Nho ăn trộm đạo lý lý tánh trong Phật giáo, nhưng chẳng biết lý tánh lấy sự tu làm căn cứ để thành tựu từ lúc ban đầu cho đến lúc cuối cùng. Vì thế, họ bài bác "không nhân quả, báo ứng và sanh tử, luân hồi", đến nỗi trở thành tình thế diệt tuyệt luân lý ngày nay. Ông hiểu biết Phật học kha khá, nhưng đối với sơ cơ mà trước hết chẳng coi trọng sự tu, lại dùng *đệ nhất nghĩa đế* để giáo huấn thì cũng là sai lầm không chi sánh ví được. Chủ nhân trong quá khứ của núi Bách Trượng trả lời sai một câu "chẳng rớt vào nhân quả", nếu xét theo thật lý thì cũng chẳng phải là sai lầm, nhưng do dạy người khác không phù hợp căn cơ khiến cho người ấy hiểu lầm, bèn đọa làm thân chồn hoang năm trăm đời. Vì thế cổ nhân nói: *"Ninh khả trước hữu như Tu-di, bất khả trước không như giới tử"* (Thà chấp có như núi Tu-di, chẳng thể chấp không chừng bằng hạt cải). "Thượng đế thường hiện diện quanh ngươi, không đối xử sai khác với ai, kẻ bầy tôi thân cận của vua là người hiểu rõ lòng vua" v.v..

Hãy nên cực lực nói với họ về lý sự tướng tột cùng, khiến cho bọn họ đều cung kính nghiêm túc, kính sợ, thường khăng khăng giữ lòng thành chẳng dám trái vượt. Nếu ông chẳng nêu tỏ ngay lý sâu đệ nhất nghĩa đế, nhất quyết họ cũng sẽ chẳng đến nỗi trái nghịch, lầm lạc. Nếu hoàn toàn chẳng dựa theo mặt sự để nói, chuyên nói theo đệ nhất nghĩa đế sẽ khiến cho kẻ thượng căn tuy ngộ lý sâu nhưng chẳng chú trọng thật tu, kẻ hạ căn trở thành lũ ngông cuồng, buông lung, không kiêng dè, chẳng đáng buồn ư? Ông muốn lợi người, chẳng những chớ nên học theo cung cách của Tống Nho, ngay cả kiểu cách của tiên sinh Phụng Trì

cũng chớ nên học theo, vì ông ta chú trọng lý tánh, chẳng chú trọng sự tu. Hãy nên theo gót tiên sinh Chu An Sĩ thì lợi ích cũng lớn lắm.

Người đời nay thường bị bệnh chấp lý phế sự làm hại, ông lại noi theo đó để hướng dẫn thì họa hại há có cùng cực; nếu chẳng cho lời Quang nói là sai thì đấy chính là chỗ hết sức hơn người của ông vậy! Rất nhiều kẻ biết rõ mình sai lầm vẫn cực lực biện hộ, nào phải chỉ một hai ba bốn năm sáu bảy tám kẻ mà thôi. Cái học của Dương Tử[71] đúng là cái học chẳng đáng để nhắc tới. Trong thuở ấy, Mạnh tử vẫn bàn đến, tuy là chê trách ông ta, nhưng cũng vì đó mà tiếng tăm, giá trị của ông ta được nâng cao. Nếu Mạnh tử chẳng thèm nhắc tới, người đời sau ai biết có gã Dương tử ấy? Dạy người, trước hết phải biết căn cơ của người đến học. Nếu không, phải chú trọng nơi sự tu, ắt sẽ là pháp tắc ổn thỏa nhất. Học thuyết của Dương tử cũng chẳng thể coi là triết học; khéo dùng triết học thì còn có ích cho đời, chứ cái học của Dương tử tợ hồ phó mặc cho bẩm tánh tự nhiên, quả thật là kẻ giặc gây hại cho đạo làm người. Bởi lẽ ai nấy đều chẳng làm gì cả thì nước còn không có cách nào để uống, huống là mặc áo, ăn cơm ư?

Người trong cõi đời không gì chẳng cậy vào sức của người khác thì mới sống sót được. Trên từ hoàng đế, dưới đến kẻ ăn mày, không ai đều chẳng như vậy. Hắn ta dù nhổ một sợi lông để làm lợi cho thiên hạ cũng chẳng chịu làm, chẳng biết hắn mặc áo, ăn cơm hoàn toàn đều phải nhờ vào sức của người khác mà được thành tựu. Hắn ta đã không làm lợi cho người khác chừng một sợi lông, lẽ ra cũng không nên nhận mối lợi chừng bằng sợi lông của người khác ban cho mình. Thứ tà thuyết ấy còn có người xem là một trường phái học thuyết, đúng là coi con giòi trong hầm xí và thần long giống hệt như nhau.

Đừng nên gởi thư đến chỗ ông Nhiếp Vân Đài nữa, ông ta bị bệnh nặng đã hơn một năm, nay mới hơi đỡ, chưa thể dụng tâm và nói năng nhiều được. Theo các nhà tử bình[72] đã đoán tướng mạng thì ông ta khó thể sống nổi từ hai năm trước, may mắn đã vượt qua được, nhưng hoàn toàn bình phục thì chẳng biết đến khi

---

[71] Dương tử (chỉ biết tên là Dương Châu) là một người chủ trương thuyết Vị Ngã cực đoan. Trong thiên Tận Tâm của sách Mạnh Tử, Mạnh tử đã phê phán như sau: *"Dương tử thủ vị ngã, bạt nhất mao nhi lợi thiên hạ, bất vi dã. Mặc tử kiêm ái, ma đảnh phóng chủng nhi lợi thiên hạ, vi chi. Tử mạc chấp trung, chấp trung vi cận chi, chấp trung vô quyền, do chấp nhất dã"* (Dương tử chấp vào ích kỷ, dù nhổ một sợi lông để làm lợi cho thiên hạ cũng không làm. Mặc tử yêu thương trọn khắp, sói đầu mòn gót mà có lợi cho thiên hạ vẫn làm. Ông đừng chấp vào đó, vì chấp nhất vào một bên chính là nông cạn. Chấp nhất vào một bên sẽ không thể quyền biến được, vì vẫn còn chấp nhất). Tức là Mạnh tử đề xướng đường lối trung dung, không ích kỷ thái quá mà cũng không hy sinh thái quá, quên mất bản thân, gia đình, thân quyến.

[72] Tử bình là một khoa bói toán, gần giống như tử vi, nhưng đơn giản hơn. Do chú trọng vào năm, tháng, ngày, giờ để lập lá số tiên đoán nên còn gọi là *tử bình tứ trụ*. Do năm, tháng, ngày, giờ đều được tính theo thiên can và địa chi nên ngành bói toán này cũng gọi là *bát tự tử bình*.

nào. Ông Hứa Chỉ Tịnh rất bận bịu, lại thêm sức khỏe không tốt lắm, vì thế chẳng thể ứng phó ngoại duyên. Tôi đã cậy sư Minh Đạo nhờ Cư sĩ lâm thăm dò tin tức Dương Lệ Đường.

Tôi đã bảo sư Minh Đạo gởi cho ông mười gói Lịch Sử Thống Kỷ, mỗi gói là năm bộ, có lẽ cũng đủ dùng. Mở hội diễn thuyết hình thức khá hay, nhưng thật chẳng dễ gì kiếm được người lo liệu. Nay bất luận là giới nào, hở ra là lập chương trình, nhưng khó tìm được người làm đúng theo chương trình. Nếu biết là khó khăn hãy nên lo liệu công việc sao cho đỡ tốn sức nhọc lòng. Chỉ mong sao có ích, chứ chẳng cần nhất định phải là phù hợp với chương trình lớn lao. Nếu muốn hợp với chương trình lớn lao, chắc sẽ đến nỗi lợi ích nhỏ nhoi cũng không có cách nào đạt được, vì con người quá quen thói chẳng thích tuân theo cách thức, phạm vi chánh đáng vậy.

(Ngày 17 tháng 6)

239. Thư trả lời cư sĩ Tạ Huệ Lâm (thư thứ mười bảy)

Hôm qua thầy Minh Đạo có gởi thư đến, cho biết đã gởi bưu kiện của Dương Lệ Đường đi rồi. Còn bưu kiện dành cho ông Nhiếp Vân Đài thì đã giao tận tay. Hiện thời ông ta đã khá hơn trước một chút, có thể đi lại trong phòng được rồi. Sau này, gởi thư cho ông Dương hãy gởi thẳng sang hội quán Trung Hoa ở Đàn Hương Sơn (Honolulu), ông ta sẽ nhận được. Cần nhất là phải viết rõ nước nào, đảo nào (e rằng là đảo Hạ Uy Di[73]), tôi nhớ không rõ lắm. Ông nên hỏi bưu cục sẽ tự biết. Lại nên dùng chữ ngoại quốc vì sợ nhân viên bưu điện không biết tiếng Hán, chắc sẽ giao lầm. Tốt nhất là sử dụng cả văn tự Trung Hoa lẫn ngoại quốc.

240. Thư trả lời cư sĩ Tạ Huệ Lâm (thư thứ mười tám)

Gần đây ông niệm Phật được tương ứng, tôi vui mừng, an ủi lắm. Ông Trần Hải Siêu từng quy y với tôi vào năm Dân Quốc thứ chín hay thứ mười (1920-1921) *(pháp danh là Chí Tịnh)*. Ông ta thích bàn luận về lý tánh là do tập khí thông minh mà ra, từng gởi thư bàn nhiều về lý tánh, Quang rất không cho như vậy là đúng, sau này ông ta không gởi thư nữa. Đến năm Dân Quốc 19 (hoặc mùa xuân năm Dân Quốc 20 - 1931, tôi không nhớ rõ), ông ta bảo một người bạn gởi cho tôi cuốn Nhất Niệm Thành Phật Pháp Môn, Quang đọc thấy những lời lẽ suy tôn trong lời tựa, cuối sách lại in sở hữu bản quyền. Hơn nữa, mỗi cuốn bán giá 3 đồng, do vậy đem cuốn sách ấy gởi lại cho người bạn, quở trách sâu xa ông ta

[73] Thật ra Honolulu thuộc đảo Oahu trong quần đảo Hawaii (Hạ Uy Di), chứ không nằm ở đảo Hawaii (Big Island). Do thuở đầu quanh Honolulu có rất nhiều rừng cây đàn hương (sandalwood) nên những người Hoa sang làm công nhân đồn điền nơi đó gọi Honolulu là núi Đàn Hương (theo Wikipedia).

đã đem phàm lạm thánh, mượn Phật pháp để cầu tài lợi. Sau đấy ông ta gởi thư xin lỗi. Chiến tranh nổ ra ở Thượng Hải, xưởng đã cháy tiêu thì bản sách ấy cũng đã thành tro. Nghĩ ông ta mang tâm lợi người tha thiết, chắc sẽ cho in lại. Loại sách ấy chỉ bậc thông gia đọc mới không bị bệnh, chứ kẻ hơi thông minh nhưng chưa thể hiểu rõ sự lý sẽ liền tưởng "hiểu rõ nhất niệm chính là đã về đến nhà", như vậy thì chỗ gây lầm cho người ta lại nằm ngay ở chỗ muốn lợi lạc người khác.

Trong thời buổi này, con người đều học theo lối sáo rỗng, chẳng nên đề xướng lối ăn nói cao siêu ấy thì mới đúng. Chẳng bao lâu sẽ gởi đến cho ông mười gói sách Kỹ Lộ Chỉ Quy. Vào khoảng tháng 8 hay tháng 9 sẽ gởi tới mười gói sách Vật Do Như Thử. Sách này chuyên ghi chép những đức hạnh cao đẹp của loài vật, tuy chẳng nói đến kiêng giết, phóng sanh, nhưng thật sự là sách đứng đầu về kiêng giết. Do vậy, tôi in ra sáu vạn cuốn như đã nói trong phần tựa nêu duyên khởi.

(Ngày 19 tháng 6)

241. Thư trả lời cư sĩ Tạ Huệ Lâm (thư thứ mười chín)

Sư Ngọc Trụ là người hết sức thành thật, cùng ở với Quang tại núi Hồng Loa nửa năm. Những nghĩa sư nói về Thiền - Tịnh chỉ là luận về mặt dụng công, nếu bảo những nghĩa ấy là cao sâu huyền diệu, viên dung thấu triệt, sẽ mắc lỗi trái nghịch kinh điển. Pháp Tịnh độ nhằm làm cho phàm phu cậy vào từ lực của đức Phật mang nghiệp vãng sanh. Gạt bỏ nghĩa này, chỉ coi nhất niệm bất sanh và nhất tâm bất loạn là chuyện giống như nhau, đúng là chống trái kinh Phật, tự lập chương trình, khiến kẻ sơ cơ bị lầm lạc. Vì thế chẳng thể không nói toạc ra. Quang là một ông tăng chỉ biết cơm cháo, thật thà niệm Phật. Hễ có ai hỏi đến thì cũng dùng lời này để đáp, nói kèm thêm nhân quả, luân thường, há nên nói là "chẳng thể lường được". Thêm vào hai chữ "bất trắc" (chẳng thể lường được) cho ông tăng chỉ biết cơm cháo, há chẳng phải là "đem phàm lạm thánh" khiến cho Quang và ông cùng vướng mắc tội lỗi ư?

242. Thư trả lời cư sĩ Tạ Huệ Lâm (thư thứ hai mươi)

Ông nói vùng Xuyên Trung nguy hiểm, muốn đến Tô Châu, hãy nên biết là rất khó! Ông nói ông trù tính dùng sáu bảy ngàn đồng làm vốn sanh nhai cho cả nhà, nhưng chẳng thể tự mang theo. Nếu mang theo tiền bạc thì sợ gặp phải nguy hiểm ngoài ý muốn; còn chuyển tiền thì cứ một trăm đồng sẽ tốn lệ phí chuyển khoản hơn ba chục đồng, lỗ đâu thể chịu nổi! Hiện thời Tô Châu có vẻ như an tịnh, nhưng giữa Nhật Bản và ngoại quốc hễ xảy ra chiến sự thì Thượng Hải và những vùng đất ven biển đều thành chiến trường thủy bộ cho bọn họ, Tô Châu

còn nguy hiểm hơn Thành Đô nữa. Đây là ý kiến phỏng đoán của Quang, chứ xét tới cùng, chẳng biết sau này lành dữ ra sao! Chỉ có điều nước sông Hoài[74] quá to, chuyện này ai cũng biết, xin ông hãy chí thành niệm Quán Âm suốt một ngày, rút thăm xem nên đi hay ở, là tốt hay là xấu, rồi mới tính toán.

Ngũ Đài Chí đã sắp chữ hoàn tất được sáu bảy phần rồi, Nga Mi Chí còn chưa chỉnh lý xong. Ngũ Đài Chí sắp chữ xong sẽ sắp xếp ngay bộ Nga Mi Chí, có lẽ trong năm nay sẽ xong. Cửu Hoa Chí dự định sắp chữ trong vòng mùa hè, mùa thu năm sau. Tôi cũng sẽ vì họ tu chỉnh Linh Nham Chí. Xong xuôi, tôi sẽ rời Báo Quốc, ẩn xa ở nơi không ai biết đến hòng sống hết tuổi thừa. Báo Quốc chẳng phải do tôi sở hữu, tôi chẳng qua là khách tạm ngụ mà thôi!

Lòng người đều hư hết rồi, kẻ cầm quyền cậy thế ngược đãi dân chúng, bóc lột mỡ màng của nhân dân để làm giàu cho người Tây Dương. Nguyên nhân khiến họ có cái tâm chẳng biết tạo lợi ích như thế nào, không có gì khác cả, chỉ là do lòng tự tư tự lợi nặng nề đến nỗi tự hại, hại người, đều cùng bị chết sạch hết! Gốc họa là do Trình - Chu đả phá, bài xích sự lý nhân quả ba đời, lục đạo luân hồi, cho là đức Phật dùng những điều ấy để gạt gẫm ngu phu ngu phụ tin thờ giáo lý của ngài, chứ thật ra chẳng có những chuyện ấy. Bọn họ cho là con người sau khi chết đi, hình hài đã mục nát, thần hồn cũng phiêu tán, dẫu có chém chặt xay giã sẽ thi thố vào đâu? Lại còn có ai để thác sanh nữa đây? Lời lẽ ấy mở toang đầu mối phóng túng không kiêng dè. Bọn họ chỉ biết dạy người tận hết tình nghĩa, trọn hết bổn phận, chánh tâm thành ý, nhưng lại hoàn toàn hủy diệt phương tiện thôi thúc con người chẳng thể không chánh tâm thành ý, trọn hết tình nghĩa, vẹn hết bổn phận. Những kẻ học đạo Nho đời sau phỏng theo, vâng giữ sự sai lầm ấy, muốn được tiếng "thuần Nho, chánh học", đến nỗi pháp trị thân trị quốc đều trở thành cành nhánh, trọn chẳng có cội gốc. Đến khi gió Âu vừa thổi qua, bèn dốc hết sức tập tành theo, càng quá sức tệ hại!

Vì thế, hiện thời chuyện gì cũng đều là làm dối, ngay cả như bậc đạo học trong thời gần đây là ông Trương Phụng Trì, cha ông ta gian nan khốn khổ, dốc cạn sức suốt một hai năm để khắc An Sĩ Toàn Thư, mà ông ta không thèm nhắc đến một tiếng nào. Đấy là vì đã bị trúng độc "ăn nói cao xa" của lũ người Lý học đời Tống. Phụng Trì là bậc quân tử chuyên dốc, thành thật, mà còn như thế, những phường tệ bạc, gian ngụy khác há còn đáng để nhắc đến nữa ư? Lòng người đã chết sạch rồi, đất nước làm sao tồn tại được? May mắn là vẫn còn có một câu Nam-mô A-

[74] Hoài Hà là một con sông phát nguyên từ núi Đồng Bách tỉnh Hà Nam, chảy qua ba tỉnh Hà Nam, An Huy, Giang Tô, rồi đổ vào Trường Giang (sông Dương Tử) tại Tam Giang Doanh. Sông khá to, dài đến 1.000 km, thường hay gây ngập lụt cho vùng Giang - Chiết.

di-đà Phật và Nam-mô Quán Thế Âm Bồ-tát, hãy nên sống chết vâng giữ lấy để chẳng đến nỗi đời sau chẳng được nghe đến danh tự trời đất, cha mẹ. Nếu chẳng quyết định cầu sanh Tây Phương thì đời sau sẽ trở thành cầm thú mang hình dáng con người vậy, than thở khôn nguôi!

(Ngày Rằm tháng 9)

* Kính xét: Huệ Lâm vâng giữ lời khuyên nhủ này, cả nhà trai giới, kính tụng niệm thánh hiệu Quán Thế Âm suốt một ngày, rồi mới rút thăm trước đức Phật, rút liên tiếp ba lần, đều thấy nên ở lại Thành Đô, bèn bãi bỏ chuyện bàn định dời sang phương Đông.

243. Thư trả lời cư sĩ Tạ Huệ Lâm (thư thứ hai mươi mốt)

Lá thư trước gởi bằng đường máy bay, tôi vừa nhận được liền giao cho hai người bạn ngay. Hôm trước tôi gởi một lá thư, chắc ông đã nhận được rồi. Những kẻ hoằng pháp hiện thời đều là kẻ chấp chặt theo chương trình, chẳng biết lẽ biến thông. Kinh Nhân Vương[75] cố nhiên có thể hộ quốc, nhưng nếu giảng giải ý nghĩa kinh ấy sẽ thật khó thể lãnh hội, mà cũng chẳng niệm được bao nhiêu. Nếu lấy phẩm Phổ Môn làm phương tiện cứu nước để giảng diễn thì đứa trẻ lên ba cũng biết niệm Quán Thế Âm Bồ-tát, còn kinh Nhân Vương thì trong trăm ngàn người chỉ được một hai người [biết tụng niệm, lãnh hội ý nghĩa]. Hoằng pháp như thế chỉ được danh tiếng lớn lao là hoằng pháp, chứ khó được lợi ích bảo vệ đất nước thật sự, đáng than không chi bằng!

Pháp danh của Tư Nhân nên đặt là Tông Nghiêu, chữ nghiêu (垚) này là chữ nghiêu (堯) viết theo lối cổ, hoàn toàn là do ba chữ thổ (土: đất) ghép lại, mà cũng chẳng mất ý nghĩa *tông Nghiêu* (đề cao, noi theo phẩm hạnh của vua Nghiêu). Dùng sự cao dày của ba chữ thổ để tự khích lệ, trong là trọn hết hiếu đễ, ngoài là thực hành nhân từ, lại còn dùng Phật pháp để nương về, ắt sẽ có thể làm khuôn mẫu cho cõi đời, may mắn chi hơn? Hãy nên khéo dạy dỗ nó, đừng bắt chước con người hiện thời tự hãm con cái trong biển tội. Những kẻ ấy tưởng cưng chiều như

[75] Kinh Nhân Vương có tên đầy đủ là kinh Nhân Vương Hộ Quốc Bát-nhã Ba-la-mật do ngài Cưu-ma-la-thập dịch gồm 2 quyển, 8 phẩm. Trong kinh này, đức Phật dạy quốc vương của 16 nước tại Ấn Độ thời ấy cách bảo vệ, gìn giữ Phật quả, hạnh Thập địa cũng như nhân duyên bảo vệ đất nước. Đức Phật cũng dạy: Do thọ trì kinh này sẽ có thể tiêu trừ tai nạn, được phước. Kinh này cùng với kinh Pháp Hoa và kinh Kim Quang Minh, hợp thành Hộ Quốc Tam Kinh. Theo truyền thống, khi cử hành pháp hội Hộ Quốc, thường đọc tụng ba kinh ấy. Kinh này còn có bản dịch khác mang tựa đề kinh Nhân Vương Hộ Quốc Bát-nhã Ba-la-mật-đa (thường gọi là kinh Tân Dịch Nhân Vương) do ngài Bất Không dịch. Kinh này được chú giải rất nhiều, nổi tiếng nhất là các bản Nhân Vương Hộ Quốc Bát-nhã Kinh Sớ (do tổ Trí Khải giảng, Quán Đảnh ghi), Nhân Vương Bát-nhã Kinh Sớ của ngài Cát Tạng, Nhân Vương Kinh Sớ của ngài Viên Trắc…

thế mới là ta yêu thương con cái, yêu con mà còn quá giết con, đến nỗi chúng đua nhau dấy lên giết cha, giết mẹ, đó đều là vì cha mẹ chúng chẳng biết chỉ dạy mà ra.

Ông là người trông nom Thành Đô, từ nay hãy nên thật sự mong muốn lợi người, đừng chấp chết cứng những quy củ đã định. Như hai lần trước ông tổ chức pháp hội cứu quốc, Quang khôn ngăn đau lòng: Bỏ đơn giản để cầu lấy rườm rà, bỏ dễ dàng cầu lấy khó khăn, bỏ chuyện chẳng tốn kém để làm chuyện hao phí lớn lao, rốt cuộc người đến tụng niệm trong pháp hội chỉ lèo tèo, chẳng phải là tạo lợi ích nhỏ nhoi, bé tẹo hay không? Năm nay có một cô bé 9 tuổi bị bệnh do oán nghiệp hơn cả năm, thuốc Tàu, thuốc Tây đều chẳng thấy công hiệu gì; Quang dạy cô bé niệm Quán Thế Âm Bồ-tát, uống nước Đại Bi và dùng nước Đại Bi để rửa chỗ đau, hơn một tuần liền khỏi bệnh. Một bé trai 11 tuổi cũng giống như thế. Làm Phật sự trong thời tai nạn cấp bách lớn lao thì càng giản tiện càng hữu ích. Vì thế mới nói "lành bệnh chẳng cần phải dùng nhiều thuốc đến nỗi phải dùng lừa, lạc đà để chở, để cứu ngặt mà vẫn cần đến toa thuốc phải tìm các dược liệu ngoài biển cả". Ông có biết hay chăng?

(Viết dưới đèn vào ngày 11 tháng 11)

244. Thư trả lời cư sĩ Tạ Huệ Lâm (thư thứ hai mươi hai)

Hôm qua nhận được bài văn Phổ Cáo (thưa bày rộng khắp) của ông, từ lẫn lý đều chu đáo, điều đáng tiếc là chẳng biết sự vụ. Đang trong lúc đại kiếp đối đầu này, chỉ dựa vào một vị tăng người Ấn Độ, mấy trăm vị hòa thượng, tụng Lăng-nghiêm, Đại Bi mà có thể ngưng dứt được đại kiếp hay sao? Sao không phổ cáo cả thành, cả ấp, cả phủ, cả nước, trọn hết thảy mọi người hằng ngày thường chí thành niệm Quán Thế Âm Bồ-tát để tiêu diệt đại kiếp này? Dùng tấm lòng khẩn thiết chí thành để soạn một bài văn trong sáng, rõ ràng, buồn khóc ứa lệ, khẩn khoản bảo ban. Ai nấy đều có tâm, ắt mọi người sẽ cùng nhau phát khởi, xoay vần khuyên bảo lẫn nhau thì tiếng niệm Quán Âm và niệm Phật sẽ vang dội hư không. Dẫu chẳng thể diệt được đại kiếp, thì tai ương cũng sẽ chẳng đến nỗi quá đáng!

Mười mấy năm trước đây, một vị cư sĩ ở Xuyên Trung đề xướng trì chú Lăng-nghiêm để cứu quốc dứt tai họa. Ông ta vì những người chẳng thể niệm chú mà in chú Lăng-nghiêm thành một quyển sách nhỏ, bảo họ đeo trên thân, treo trên đầu cửa, thờ ở trong nhà, tốn kém cũng khá bộn; chẳng biết dạy hết thảy mọi người niệm Quán Thế Âm sẽ chẳng cần phải tốn tiền mà hết thảy già trẻ trai gái đều gieo thiện căn không chi lớn bằng! Ông ta gởi chương trình ấy và một quyển

chú nhỏ đến Phổ Đà, lúc ấy đã cận ngày rồi, dẫu viết thư gởi đi ngay vẫn chẳng kịp, Quang chỉ than thở, cảm thương mà thôi, chẳng gởi thư cho ông ta nữa.

Năm nay, Xuyên Trung lại lập ra hội ấy (hoặc là trong năm ngoái, tôi không nhớ rõ), lại noi theo thể lệ trước đây; lần này chẳng biết do ai đề xướng mà cũng chẳng phải do hội ấy gởi thư ra. Vì thế cũng chỉ đành cười khan mà thôi! Lời ông nói trong thư hôm qua cũng vẫn chưa thấy được điều này, đấy chính là bỏ chuyện giản tiện ai cũng có thể làm được để chỉ mong một vị tăng Ấn Độ và hơn 500 vị hòa thượng tiêu trừ đại kiếp này. Không phải là tôi nói vị tăng Ấn Độ và chư vị hòa thượng chẳng thể tiêu trừ đại kiếp được, mà là than thở sao ông nỡ làm cho hết thảy những người đang hứng chịu tai nạn chẳng được gieo thiện căn sâu đậm? Do vậy người làm chuyện lớn mà chẳng tính đến những điều nhỏ nhặt, rốt cuộc sẽ hết sức bày vẽ phô trương, chẳng hề chú ý đến chuyện thành thật thực hiện rộng khắp.

Quang một mực chẳng ưa lắm chuyện, trong Một Lá Thư Trả Lời Khắp đã chỉ rõ từng điều. Muốn diệt đại kiếp, sao không chọn lấy một điều đã được đề nghị trong lá thư ấy, khuyên khắp hết thảy những người cùng hàng đều niệm Quán Thế Âm vậy? Ngoại trừ những kẻ chẳng phát tâm ra, dẫu là đứa trẻ lên ba cũng niệm Quán Âm được. Niệm chú Lăng-nghiêm thì trong vạn người chỉ một hai người niệm được mà thôi![76] Niệm Quán Âm chẳng tốn công mảy may, cũng chẳng phải tốn kém gì, còn niệm Lăng-nghiêm thì chẳng tốn đến mấy ngàn đồng sẽ chẳng thể xong việc được. Người bề trên của dân làm chuyện gì cũng phải lo toan đến điều này thì tuy là cùng làm chuyện giống nhau mà lợi ích thật sự lại khác biệt vời vợi!

(Ngày 14 tháng 11)

245. Thư trả lời cư sĩ Tạ Huệ Lâm (thư thứ hai mươi ba)

Ông không dư dả lắm, sao lại gởi tiền cho Quang? Vào mùa xuân đã từ Trùng Khánh gởi món tiền 50 đồng tới Hoằng Hóa Xã, người chuyển tiền chẳng hề nói rõ, Hoằng Hóa Xã cũng chẳng đi hỏi, liền gởi thư sang Trùng Khánh, hơn một tháng cũng chưa thấy thư gởi đến. Về sau, qua thư của sư Đức Sâm, hỏi Hoằng Hóa Xã mới biết tiền đã gởi đến hơn một tháng rồi. Gởi vật gì đi đường xa, cần phải ghi chú rõ ràng.

[76] Do chú Lăng-nghiêm khá dài, âm vận trúc trắc, những chữ Hán dùng để phiên âm lại rất phức tạp, người ít học sẽ không thể nhận được mặt chữ nên tổ mới nói "trong vạn người chỉ một hai người niệm được mà thôi".

Bộ Trung Quốc Chánh Giáo Lược Nghĩa ông mới gởi gần đây rất hay, nhưng muốn làm theo pháp tắc của bậc thánh hiền thuở xưa thì trước hết phải chỉ rõ cái họa Tống Nho toan tính bảo vệ đạo mà làm hại đạo trong đời sau. Giống như chữa bệnh, chẳng trừ chất tà độc mà liền bồi bổ ngay, sẽ đâm ra trở thành họa hại. Đang trong lúc đại kiếp đối đầu này, muốn mưu tính bình trị, yên ổn cho thiên hạ đời sau mà vẫn úy kỵ, chẳng dám nói đến điều tệ của bậc tiên triết[77], thì nếu bậc tiên triết biết được sẽ đau đớn khóc ròng, tiếng rền cả đại thiên! Quang một mực chấp nhận lý, chẳng nể tình. Đang trong thời buổi này, vẫn chẳng dám chỉ ra bài xích nhân quả luân hồi là sai trái mà toan khôi phục đường lối giữ cho nước nhà bình yên tột bậc của cổ thánh thì sẽ thành "muốn sang đất Việt, lại xoay càng xe về phía Bắc"[78], Quang trọn chẳng cho là đúng!

(Ngày 23 tháng 5)

246. Thư trả lời cư sĩ Tạ Huệ Lâm (thư thứ hai mươi bốn)

Hai lần gởi thư theo đường tàu Quang đều nhận được, nhưng vì bận bịu với việc của người khác nên chẳng thể trả lời liền. Công khóa ông đã lập chẳng có điều gì không nên. Ngay hôm sau bữa nhận được thư của ông gởi đến lần thứ hai bằng đường tàu, tôi đã gởi bài huấn từ tại trường nữ sinh và thư của ông cho Nhiếp Vân Đài rồi, đừng lo.

Đạo lý của Mật tông chẳng thể nghĩ bàn, nhưng người truyền Mật tông, kẻ học Mật tông hiện thời ai nấy đều coi trọng thần thông, chẳng khỏi đánh mất ý chỉ căn bản. Người truyền còn chưa có thần thông thật sự, kẻ học có ai thật sự đắc thần thông? Nặc Na đến chùa Thái Bình ở Thượng Hải giảng Mật tông cũng chú trọng vãng sanh Tây Phương, nhưng trì A-di-đà Trường Thọ Đà-la-ni, hễ mở được đỉnh thóp[79] bèn có thể tùy ý trường thọ hoặc vãng sanh ngay. Lời lẽ ấy há nên nhất loạt áp dụng cho mọi người được. Đừng nói là ông với tôi chẳng thể, ngay cả Nặc Na cũng chẳng thể tùy ý vãng sanh! Một đệ tử đem chuyện này hỏi Quang, Quang đáp: "Sự lý này đích xác là có, nhưng chẳng thể nói là ai cũng đều có thể tùy ý vãng sanh được. Cần biết rằng tông chỉ trọng yếu của Mật tông là

[77] Chỉ những người khai sáng môn Lý học (Tống Nho) như Chu Hy, Trình Di, Trình Hạo v.v..

[78] Nguyên văn *"bắc viên thích việt"* (xoay càng xe theo hướng Bắc để đi sang đất Việt). Đất Việt (nước Việt của Câu Tiễn thời Chiến Quốc) ở phương Nam Trung Hoa, Viên（轅）chính là hai cái càng xe thường dùng để thắng ngựa. Muốn đi sang nước Việt ở phương Nam mà lại quay càng xe hướng về phía Bắc thì không thể nào tới đất Việt được.

[79] Nguyên văn *"khai song môn"* (開囪門: mở đỉnh thóp). Đỉnh thóp đôi khi còn gọi là "mỏ ác". Mật tông Tây Tạng đề xướng một phương pháp tu luyện theo đó họ sẽ mở được huyệt tại đỉnh thóp để chuyển thần thức tùy ý tự tại sanh về chỗ nào theo ý muốn (thường được biết dưới tên gọi là pháp tu Ph'owa).

tam nghiệp tương ưng." Nếu tam nghiệp tương ưng đã lâu, sẽ có thể thuận theo lòng mong muốn; kẻ chưa đạt đến mức tâm không, mà lại lầm lạc mong muốn đạt được cảnh giới ấy, chắc sẽ bị ma dựa. Trong Mật tông, điều này rất quan trọng.

(Ngày 28 tháng 9)

247. Thư trả lời cư sĩ Tạ Huệ Lâm (thư thứ hai mươi lăm)

Đang trong thuở thời cuộc nguy hiểm này, ông chỉ chuộng giữ cảnh yên lặng; nếu vạn phần chẳng thể giữ được lại trốn đi xa! Nếu coi thường rồi vọng động, hễ rời khỏi nhà thì một nửa gia nghiệp đã thuộc về người khác. Muốn quay về để chỉnh đốn hòng được như cũ, sẽ khó như lên trời! Ông nói đến chuyện vị tăng ở Xuyên Trung nghe mạch niệm Phật[80] thì trong năm Dân Quốc 17 (1928), đồ đệ ông ta đã đem văn và kệ do thầy mình viết đến chùa Thái Bình, cậy Quang sửa chữa hòng lưu thông, lại cậy Quang viết lời tựa. Quang đọc xong, bảo: "Thầy ông quả thật có sở ngộ, nhưng do không hiểu rõ tông chỉ của Thiền và Tịnh, coi Thiền là Tịnh, tưởng Tịnh là Thiền, khiến cho người niệm Phật chẳng dốc sức nơi tín nguyện mà dốc sức nơi tham cứu. Dẫu có sở ngộ, nhưng vì không có tín nguyện, sẽ chẳng thể cậy vào Phật lực vãng sanh Tây Phương. Do chưa đoạn hoặc nên chẳng thể cậy vào tự lực để liễu sanh thoát tử. Ông muốn lưu thông, tôi chẳng dám đả phá. Ông hãy tự làm đi, tôi cũng chẳng dám sửa chữa, gọt giũa, cũng chẳng viết lời tựa. Ông in ra cũng không cần gởi cho tôi. Tôi cũng chẳng chịu biếu tặng sách giùm cho ông." Người ấy liền bỏ đi, bảo Đại Trung Thư Cục in ra mấy ngàn cuốn. Chẳng nhớ tên đặt trước khi in là gì, ông chủ Đại Trung Thư Cục gởi cho Quang hai cuốn, thấy tựa đề là Thiền Tịnh Ngôn Hạnh Lục. Quá nửa cuốn sách là kệ, tợ hồ có đạo lý, nhưng đều là tông chỉ lẫn lộn, cũng có thể khiến cho người vô tri gieo thiện căn, mà cũng có thể khiến cho người thật sự tu Tịnh độ vứt bỏ tín nguyện. Loại sách ấy Quang chẳng chịu can dự vào.

Ở Xuyên Trung thường xuất hiện những kẻ kỳ lạ, có người họ Lưu nọ quy y với pháp sư Bảo Nhất, trong am của sư Bảo Nhất có hai vị nữ cư sĩ người Hồ Nam. Họ Lưu ngụy tạo cuốn Tự Tri Lục đem in thạch bản bao nhiêu đó cuốn để tặng cho người khác, chuyên môn đem cảnh giới chứng đắc chẳng thể nghĩ bàn của bậc đại Bồ-tát gán ghép thành cảnh giới từng trải của hai phụ nữ ấy. Ý người ấy muốn do đây sẽ nâng cao tiếng tăm, giá trị của thầy mình, sư Bảo Nhất cũng phê vào đầu sách chấp thuận lưu thông. Có ông Đinh X… gởi sách ấy cho Quang, cậy Quang phê bình cặn kẽ, viết lời tựa. Quang đọc xong, nói: "Muôn phần chớ

[80] Vị tăng này đề xướng cách chú ý đến mạch máu đập mà niệm Phật, tức là hễ mạch nhảy một cái liền niệm Phật một tiếng.

nên lưu thông sách này. Tuy không phải là lời lẽ ngoại đạo, nhưng chuyên nói đến cảnh giới do chính mình đạt được, trọn chẳng nói dụng công như thế nào. Kẻ sơ tâm hễ đọc tới đều mong mỏi cảnh giới ấy, ắt sẽ bị ma dựa. Các bà ấy đã đạt cảnh giới như vậy, sao chẳng biết sẽ gây lầm lạc cho người khác ư? Xin hãy đốt sạch đi, đừng tặng cho người khác!"

Thời cuộc hiện thời nguy hiểm, chẳng cần phải chú trọng chuyên tổ chức Quán Âm Thất. Cố nhiên không phải là chẳng nên đả thất, nhưng hãy làm cho già trẻ trai gái ở Thành Đô hằng ngày thường niệm thánh hiệu Quán Âm để mong được ngầm gia bị, ngõ hầu tiêu diệt được ngọn lửa thổ phỉ. Đề xướng vào lúc này, ắt người ta tin theo. Nếu mọi người đều vì sợ chết mà chịu niệm thì sẽ có hiệu quả lớn lao. Nếu chỉ chú trọng đả thất, thì chỉ có một số ít người làm được. Nếu bảo nhân dân ai nấy thường niệm thì lợi ích lớn lắm! Những kẻ chẳng biết thời thế, hở ra là noi theo lối cổ, chẳng biết theo thời thế mà chế định điều gì nên làm, tùy phần, tùy sức lập cách, cho nên tốn sức nhiều mà đạt được lợi ích ít ỏi.

(Ngày 16 tháng 9)

248. Thư trả lời cư sĩ Tạ Huệ Lâm (thư thứ hai mươi sáu)

Chỉ quy Tịnh độ chính là sách Thiền chẳng ra Thiền, Tịnh không ra Tịnh, cũng có thể khiến cho người không có tín tâm gieo thiện căn, mà cũng có thể làm cho người thật sự niệm Phật vứt bỏ tín nguyện. Thiện căn được gieo trong tương lai, nhưng tín nguyện bị vứt bỏ là trong hiện tại. Người có đầy đủ con mắt quyết chẳng lưu thông! Tác giả đã tự xưng là Thiền - Tịnh mà chẳng chịu y theo tông chỉ chân thật của Tịnh độ, đáng than tột bậc! Những kẻ đề xướng Tịnh độ hiện thời phần nhiều mang thứ tri kiến ấy, rất sợ người khác bảo mình chẳng hiểu Thiền, đến nỗi trở thành kết quả mất sạch lợi ích thật sự cả Thiền lẫn Tịnh.

(Ngày mồng 8 tháng 9)

249. Thư trả lời cư sĩ Tạ Huệ Lâm (thư thứ hai mươi bảy)

Hai bức thư tôi đều nhận được cả, đừng lo. Trước khi viết phiếu gởi Nga Mi Chí, tôi phỏng đoán mỗi gói là 5 bộ, do tính gởi 100 bộ về núi Nga Mi, nên ghi là 20 gói. Về sau do sách nặng, mỗi gói chỉ có 4 bộ, 100 bộ dành cho núi Nga Mi còn thiếu 20 bộ, vì thế lại bảo gởi 5 gói nữa cho đủ số 100. Ngoài ra đều chẳng cần gởi thêm nữa. Hơn nữa, bức hình Phật do ông Vương Kính Hồ vẽ, trước đây đã gởi cho hãng ngoại quốc Nghĩa Tỷ của ông Vương Hiểu Hy và đã gởi thư báo cho Phật Học Xã biết, yêu cầu họ hỏi ý ông ta. Ông ta lại muốn gởi sang núi Nga Mi để kết duyên, nên tôi gởi thẳng sang nhà ông ở Thành Đô, chắc đã nhận được

rồi. Hãy nên bảo người canh cửa, sai người ấy gởi thư báo tin đã nhận được để ông ta khỏi mong ngóng.

Thời Minh, núi Nga Mi chẳng thiếu cao nhân, nhưng tấm bia sắt ở điện Mộc Bì[81] đã được dựng từ thời Gia Tĩnh cho đến nay, thật khiến cho người ta đau lòng. Sư Thánh Khâm ghi chép, đúng là coi mình như lãnh tụ của tăng chúng toàn quốc, chép lại hết bài văn trên tấm bia sắt, giao cho Vương Hiểu Hy gởi đến; bên cạnh mỗi chữ triện còn ghi âm theo lối chữ khải, vẫn chẳng biết đấy là bài văn báng bổ Phật pháp. Vị tăng đúc tấm bia sắt thuở ấy còn được ghi tên trong huyện chí. Vị tăng ấy cũng chẳng biết là bài văn ấy báng bổ Phật pháp (nay nói với ông vì sợ những kẻ vô tri cho là hủy hoại di tích xưa). Nếu nay hủy được bài văn hủy báng Phật pháp suốt 400 năm ấy thì thật là chuyện vui sướng lớn lao! Vẫn mong ông nói rõ nguyên do với đại chúng núi Nga Mi, ngõ hầu những kẻ mù quáng chẳng đến nỗi chê là hủy hoại di tích cổ vậy!

(Ngày 21 tháng Giêng)

250. Thư trả lời cư sĩ Tạ Huệ Lâm (thư thứ hai mươi tám)

Nhận được thư hôm qua, khôn ngăn mừng cho nhân dân vùng Quảng An. Những huấn từ dành cho các trường học do ông đã soạn đều khế lý, khế cơ; nhưng nếu để giáo huấn rộng rãi, chớ nên không lấy nhân quả làm tiền đề. Từ khi Trình - Chu bài xích nhân quả trở đi, nhà Nho đều chẳng dám bàn đến nhân quả; một là cố giữ thói xấu hèn "kéo bè tụ đảng những người cùng ý kiến để công kích kẻ khác ý kiến", hai là cái tâm lén lút mong ngóng được tiếng "thuần Nho", được thờ trong Văn Miếu, đến nỗi trị quốc, trị dân, trị gia, trị tâm đều không có căn bản. Cái thói phế kinh điển, phế luân thường, giết cha, giết mẹ trong thời gần đây đều do học thuyết bài xích nhân quả tạo thành. Nay thì coi Nghiêu, Thuấn, Vũ, Thang, Văn, Võ, Chu, Khổng đều thua kém người Tây Phương. Há nên sợ bị kẻ cố chấp công kích mà chẳng dám nói ra những thói xấu kết chặt, khiến cho người nghe vẫn chẳng biết được bí quyết thật sự để chữa lành bệnh, há chẳng đáng thương xót lắm ư?

Mồng 8 tháng 8, pháp sư Đức Sâm rời đất Tô, sang thăm viếng mấy nơi ở Giang Tây (Cửu Giang, Lô Sơn, Cát An), tới ngày 25 mới tới đất Cám (tức huyện Cám, tỉnh lỵ Giang Tây). Mẹ thầy ấy vẫn còn khỏe mạnh. Điện Quán Âm chùa Thọ Lượng đã xây xong, có thể sắp xếp tăng chúng yên cư tu hành được rồi. Ước

[81] Mộc Bì chính là tên cũ của chùa Đại Thừa tại Nga Mi. Do chùa lấy những phiến gỗ để lợp mái nên có tên như vậy. Tấm bia sắt này được dựng gần chùa Đại Thừa, thường được gọi là Cấm Thanh Thiết Bi (bia sắt cấm nói).

chừng trước Rằm tháng 10, chắc thầy ấy sẽ trở về đất Tô. Gần đây, ông Hứa Chỉ Tịnh cũng tới Báo Quốc. Đợi thầy Đức Sâm trở về, Quang sẽ xuất quan, nhưng vẫn ở Báo Quốc. Năm tới, sau khi Cửu Hoa Chí được in ra, sẽ quyết định chuyện đi hay ở. Nay gởi cho ông hai gói Tịnh Độ Ngũ Kinh, mười gói Niệm Phật Khẩn Từ, một gói Hám Sơn Niên Phổ, một gói Viễn Công Văn Sao, mười gói Tọa Hoa Chí Quả, ba gói An Sĩ Toàn Thư, ba gói Quán Âm Tụng, năm gói Tịnh Nghiệp Chỉ Nam, năm gói Nhân Sanh Chỉ Tân, một gói Sức Chung Tân Lương, một gói Liễu Phàm Tứ Huấn, ba gói Gia Ngôn Lục, tổng cộng là 45 gói để giúp cho ý nguyện giáo hóa dân cao cả của ông.

(Ngày 21 tháng 9)

251. Thư trả lời cư sĩ Tạ Huệ Lâm (thư thứ hai mươi chín)

Nhận được hai lá thư, khôn ngăn cảm thán. Công ước Bảo Giáp[82] thật hay, tiếc rằng các Huyện trưởng trong cả nước chẳng chú ý đến chuyện này. Mồng 7 tháng này, thầy Đức Sâm đã trở về; đầu tháng 9, ông Hứa Chỉ Tịnh tới đây. Thầy Minh Đạo bị bệnh đã lâu, đã qua đời vào hai giờ rưỡi sáng ngày 19 tháng này, ngày 21 chuyển linh cữu tới Linh Nham, ngày 25 đưa đi hỏa thiêu, đưa tro vào tháp Phổ Đồng chùa Linh Nham. Đã nhận được 60 đồng rồi, sẽ dùng làm chi phí ấn tống kinh sách. Lần này nếu có đại họa, quả thật Quang chẳng có ý nghĩ dời chuyển, vì già bệnh sợ lạnh, chẳng thể dời chuyển. Đừng nói chi Quang chẳng dời chuyển, ngay cả thầy Đức Sâm, ông Hứa cũng chẳng dời chuyển. Vì nếu Quang ra đi, chùa Báo Quốc liền bị bỏ hoang, không có người duy trì. Huống chi mấy chục vạn người ở Tô Châu đều chẳng bỏ đi, sao tăng đồ chúng ta lại sợ chết bỏ đi, càng gây thêm kinh hoảng lớn lao cho người đất Tô.

Năm Dân Quốc 21 (1932), Tô Châu cũng gặp nguy, mười phần hết bảy phần bỏ đi, vẫn có người nhất quyết không bỏ đi. Phàm những người lánh nạn đều gặp nạn cướp bóc, còn người chẳng lánh nạn lại an nhiên không tai ương, hoạn nạn. Có mấy nơi gởi thư mời Quang sang chỗ họ, Quang trả lời: "Nếu gặp nguy hiểm, so ra bị trúng bom chết sẽ tốt đẹp hơn ôm lòng lo lắng sợ hãi bị cướp bóc trên đường đi trong suốt một thời gian dài nhiều lắm." Nếu lần này chiến sự nổ ra, sẽ lấy chuyện "không di chuyển đi đâu cả" để tự giữ mình. Ai nấy đều khó tránh khỏi cái chết; rong ruổi, gian nan, lênh đênh mà chết thì chẳng yên vui bằng ở yên không dời động mà chết. Hiện thời, chuyện Hoằng Hóa Xã đều giao cho Quang đảm nhiệm, tùy phần, tùy sức mà làm, trọn chẳng mong mộ duyên, khuyến

[82] Từ năm 1930, chánh quyền Dân Quốc tại Nam Kinh đã quy định tổ chức hệ thống Bảo Giáp: Cứ mười nhà là một giáp（甲）, mười giáp là một bảo（保）, mười bảo là một hương (鄉 hay trấn 鎮). Những quy định chặt chẽ về trị an, tổ chức, giám sát trong mỗi hương được gọi là *Công ước Bảo Giáp*.

hóa rộng rãi khiến người ta đâm chán, dấy lòng ngờ Quang tham tiền. Mong hãy yên lòng đừng lo. Tam giới không yên, chỉ có Tây Phương Cực Lạc là nơi nên dời về, ngoài ra thì không một nơi nào khác đáng để dời về cả. Hiện thời, Quang không xuất quan để bớt bị làm phiền bởi chuyện giảng diễn các nơi. Từ nay về sau, nếu không có chuyện gì quan trọng, đừng nên gởi thư đến nữa để đôi bên khỏi phải nhọc lòng.

252. Thư trả lời cư sĩ Tạ Huệ Lâm (thư thứ ba mươi)

Trước kia, sư Thánh Khâm đến đây cầm theo thư ông và 20 đồng, hai chữ "cúng dường" tôi nào dám nhận! Liền gởi cho ông mười mấy gói sách như Khuê Phạm v.v. để mong hữu ích cho quý xứ. Hiện tại, pháp yếu ma mạnh, kẻ thông minh phần nhiều theo về phái của gã X… Hắn ta ôm thành kiến cách mạng, nhưng do chưa nắm được đại quyền nên chưa thể mãn nguyện. Nếu nắm được đại quyền, ắt sẽ lập tức tiến hành đuổi tăng đoạt tài sản để làm tổ nghiệp vĩnh viễn cho quyến thuộc của hắn. Những ông tăng bị xua đuổi ở những nơi khác sẽ được phân phối về các chùa làm công cụ chống đỡ mặt ngoài cho hắn. Hạng người như vậy há nên cùng bàn bạc, làm việc chung ư? Quang vốn biết chuyện trong pháp môn khó thể duy trì, vì thế chẳng làm chủ chùa miếu, chẳng thu nhận đồ chúng. Nay đã già rồi, hết thảy mọi chuyện đều chẳng can dự, do ông chẳng biết nguyên do nên phải nói đại lược. Chuyện ảnh chụp là chuyện nhỏ nhặt nhất trong những chuyện vụn vặt (hòa thượng Thánh Khâm đã cầm đi rồi), há nên bảo Thánh Khâm ứng tiền ra trả trước, ông sẽ trả lại cho thầy ấy sau? Huống chi ông đã gởi tới 20 đồng, dẫu Quang hẹp lượng, lẽ đâu lại có cử chỉ chẳng đếm xỉa tình người như thế? Ông nói lời ấy, cũng là chưa suy nghĩ kỹ càng đó thôi! Khiêm tốn quá đáng thì cũng gần như hủy báng vậy, đối với hết thảy mọi người hãy đều nên hồn hậu, đừng làm như thế!

253. Thư trả lời cư sĩ Quách Hán Nho (thư thứ nhất)

Phật pháp mênh mông, phàm phu sát đất muốn liễu sanh thoát tử trong đời này, trừ tín nguyện niệm Phật cầu sanh Tây Phương ra, chẳng có pháp nào khác có thể thỏa được nguyện ấy. Cõi đời có bao nhiêu kẻ thông minh đặc biệt thông đạt chuyên lấy việc nghiên cứu kinh luận Đại thừa làm chí hướng, sự nghiệp; nhưng đối với pháp giản tiện, viên đốn nhất này lại ngược ngạo xem là pháp thiển cận, chẳng chịu tu tập. Ấy là vì họ chỉ chú ý nơi lý tánh sâu mầu, không xét kỹ Phật lực chẳng thể lường được. Vì thế, bỏ Phật lực để cậy vào tự lực, tự phụ là đại thông gia, rốt cuộc đến nỗi chỉ được cái danh, hiếm khi được cái thật. Đâm ra nhường cho kẻ ngu phu ngu phụ vô tri vô thức vượt ngang ra khỏi ba cõi, cao

đăng chín phẩm sen, còn chính mình vẫn tự trầm luân trong biển khổ sanh tử không thoát khỏi được, há chẳng đáng buồn lắm ư? Ấy là căn bệnh chung của đại đa số người học Phật trong thế gian này.

Quang túc nghiệp sâu nặng, sanh ra mới được sáu tháng liền mắc bệnh mắt, suốt cả sáu tháng không mở được mắt, trừ lúc ăn, ngủ ra, thường khóc suốt ngày đêm. Do nhân duyên ấy, mắt chẳng bằng người khác. Sau này xuất gia, được thấy pháp môn Tịnh độ, liền chuyên tâm nơi một chuyện này. Nếu có ai chẳng coi tôi là hạng tầm thường, ngu dốt thì đều đem những điều này nói với họ. Nếu ai tự phụ là đại thông gia, cũng mặc cho người ấy làm đại thông gia. Ông muốn quy y, hễ có chí mong liễu sanh tử thì được, chứ nếu muốn làm đại thông gia thì chẳng được! Nay đem lầm đáp lạc, đặt cho ông pháp danh là Huệ Dung, nghĩa là nương theo trí tuệ của Phật, do nơi pháp môn Tịnh độ này mà dung hội quán thông hết thảy các pháp, khiến cho hết thảy mọi người từ chỗ giản ước mà nhập đạo để khỏi đến nỗi than thở: "Ngày đã xế chiều mà đường vẫn còn xa!"

Nay tôi gởi cho ông mấy loại sách, hãy đọc sẽ biết rõ cội nguồn của pháp môn Tịnh độ. Tịnh Độ Ngũ Kinh, Thập Yếu phải đặc biệt chú ý! Đối với lời tựa của Quang viết cho những sách ấy, càng phải nên dốc lòng tin tưởng, chớ nên vì văn chương không tao nhã trôi chảy mà xem thường. Đối với kinh ấy, sách ấy, tin cho tột bậc sẽ đáng gọi là đệ tử thật sự của đức Phật, có thể tự lợi, lợi người. Đang trong lúc nguy hiểm khôn lường này, nhằm lúc không có pháp gì cứu được mà bỏ một pháp này thì Phật cũng chẳng thể lập được cách nào khác. Xin hãy đọc kỹ! Quang mục lực không đủ, xin đừng thường gởi thư đến để khỏi bị nhọc nhằn.

(Ngày 20 tháng 6 năm Bính Tý - 1936)

254. Thư trả lời cư sĩ Quách Hán Nho (thư thứ hai)

Đề xướng Phật học, hãy nên lấy "giữ vẹn luân thường, trọn hết bổn phận, dứt lòng tà, giữ lòng thành, đừng làm các điều ác, vâng giữ các điều lành" làm gốc. Làm được như thế thì pháp thế gian lẫn pháp xuất thế đều chẳng trái nghịch. Nếu không, đối với danh giáo còn là tội nhân, nào kham học Phật để mong liễu sanh thoát tử ư? "Đừng làm các điều ác, vâng làm các điều thiện", đấy chính là giới đại lược trong giới kinh nhà Phật. Văn Xương Âm Chất Văn trích dẫn câu này, người ta chỉ biết Âm Chất Văn có câu này, chẳng biết lai lịch của nó sâu xa như thế. Điều phải nên chú trọng của người học Phật trong đời mạt là biết nhân quả và tu Tịnh độ. Bởi lẽ, biết nhân quả sẽ chẳng dám lừa mình dối người, làm chuyện thương thiên hại lý, tổn người lợi mình.

Tu Tịnh độ thì tuy là phàm phu đầy dẫy triền phược vẫn có thể cậy vào Phật từ lực để vãng sanh Tây Phương. Các pháp môn khác đều phải đoạn hết sạch phiền não (tức kiến hoặc và tư hoặc trong tam giới) mới có thể liễu sanh thoát tử. Nếu không, dù đại triệt đại ngộ, có đại trí tuệ, đại biện tài, hiểu được quá khứ, vị lai, muốn đi liền đi, muốn tới liền tới, vẫn chẳng thể liễu được, huống là kẻ đầy dẫy phiền não ư? Giảng Tịnh độ thì phải nói cặn kẽ đạo lý: "Tịnh độ là pháp môn đặc biệt trong Phật pháp, là đạo để hạ phàm lẫn thượng thánh cùng tu. Chúng sanh đời mạt chẳng biết chẳng tu pháp này thì chỉ gieo được thiện căn trong đời vị lai, trọn khó thể thoát luân hồi trong đời này" v.v..

Kinh Địa Tạng nói nhân quả khá rõ ràng, rộng rãi, chú giải kinh ấy chỉ có sách Khoa Chú[83] là đáng xem. Tàng kinh viện Dương Châu có khắc sách Địa Tạng Khai Mông[84], chẳng đáng xem! Bởi lẽ, nguyên bản đã không hay lắm, lại bị kẻ không thông hiểu sửa chữa nên càng kém hay hơn. Mười mấy năm trước có người tặng bản chú giải kinh ấy cho Quang, Quang bảo kẻ ấy hãy cầm đi, vì Quang chẳng dám tặng lại cho người khác. Nay gởi cho ông cuốn Khoa Chú do Quang còn giữ được, bản này chú giải rất rõ ràng, tường tận. Do chưa đủ để xếp thành một bưu kiện, nên đem bản chú giải Hiếu Kinh do một đệ tử đã tặng cho Quang bỏ thêm vào. Người này học rộng nhưng ham danh, vì thế khi chú giải đã chú trọng diễn giảng cho thật rộng, nhưng dùng sách ấy để làm tài liệu tham khảo thì cũng chẳng phải là vô ích. Còn kèm thêm hai cuốn Tịnh Độ Ngũ Kinh, nếu đọc kỹ hai lời tựa và lời bạt của Quang in ở đầu sách và cuối sách thì đề xướng Phật học sẽ chẳng đến nỗi bỏ pháp môn cậy vào Phật lực, đề cao pháp môn cậy vào tự lực vậy.

Lại gởi cho ông một gói Vô Lượng Thọ Kinh Tụng, bài tụng ấy tuy chưa thể hiển lộ triệt để ý nghĩa của kinh, nhưng có thể làm trợ duyên cho kẻ sơ cơ. Thiền sư Đạo Xước[85] đời Tùy suốt đời chuyên hoằng truyền Tịnh độ, giảng ba kinh Tịnh

---

[83] Tức bản Địa Tạng Bồ-tát Bản Nguyện Kinh Khoa Chú do ngài Thanh Liên Linh Kiệt soạn vào đời Khang Hy nhà Thanh.

[84] Tác phẩm này có tên đầy đủ là Địa Tạng Bồ-tát Bổn Nguyện Kinh Khai Mông, gồm ba quyển, do sư Thích Phẩm Cam đời Thanh biên soạn. Trong bài Địa Tạng Bồ-tát Thánh Đức Đại Quan, đại sư Hoằng Nhất đã chê tác phẩm Địa Tạng Bồ-tát Bổn Nguyện Kinh Khai Mông như sau: "Rối loạn, hỗn tạp, chẳng đáng để lưu thông."

[85] Đạo Xước (562-645) là một vị cao tăng Tịnh độ, người huyện Vấn Thủy, Tinh Châu (nay thuộc Thái Nguyên, tỉnh Sơn Tây), có thuyết nói sư là người Tấn Dương, thường được gọi là thiền sư Tây Hà. Sư kế thừa tư tưởng của ngài Đàm Loan, được coi là người có công khai phá tông Tịnh độ đầu đời Tùy-Đường. Xuất gia năm 14 tuổi, học rộng các kinh luận, đặc biệt yêu thích kinh Đại Niết-bàn, được coi là một học giả hàng đầu về kinh Niết-bàn thời ấy. Sư từng giảng kinh Niết-bàn đến 24 lượt. Sau sư về trụ trì chùa Huyền Trung (do ngài Đàm Loan sáng lập). Năm Đại Nghiệp thứ năm (609) nhân đọc bài văn bia về ngài Đàm Loan ở trong chùa bèn cảm kích, phát tâm chuyên tu và hoằng dương Tịnh độ. Từ đó cho đến khi mất, mỗi ngày dư niệm Phật bảy vạn câu. Riêng kinh Quán Vô Lượng Thọ Phật, dư từng giảng hơn 200 lần, chủ trương bất luận tại gia hay xuất gia đều nên lấy niệm Phật làm pháp tu chủ yếu.

độ gần 200 lượt, đủ biết trong một năm ngài giảng bốn năm lượt; chẳng nề hà trùng lặp, chỉ mong ai nấy đều hiểu rõ. Người đời nay ắt chẳng chịu giảng trùng lặp nhiều lần như thế. Cổ nhân lấy lợi người làm gốc, người đời nay lấy cầu danh làm gốc. Nếu chuyên giảng Tịnh độ, chắc người ta sẽ coi thường. Vì thế chẳng chịu chuyên tinh dốc sức nơi một pháp!

(Ngày mồng 5 tháng 6)

255. Thư trả lời cư sĩ Thời Nhược

Trước kia, Lận Bá Thao nói ông muốn thỉnh 50 bộ Quán Âm Tụng, do vậy tôi bảo Trung Hoa Thư Cục thay mặt tôi gởi cho ông 8 gói, tức là 56 bộ. Sau đấy, do đường bưu điện không thông, hoặc sách bị trở ngại vì nhà in không giao ra, hoặc bị chậm trễ giữa đường, nay chắc ông đã nhận được rồi. Ba bốn ngày hôm trước, Lận Bá Thao tới đây, giao món tiền ba mươi mấy đồng - trong chốc lát tôi không nhớ rõ, sợ là 36 đồng - nói 20 đồng dùng để thỉnh Quán Âm Tụng. Cứ 100 bộ Quán Âm Tụng là 34 đồng. Mỗi gói sách đều được thư cục gởi bảo đảm, như vậy thì tốn thêm 2 cắc để ngừa trường hợp người giao sách làm ăn cẩu thả, không gởi bảo đảm thì không xong! Hết sạch 20 đồng rồi.

Hôm nay gởi cho ông Văn Sao, An Sĩ Toàn Thư, Thọ Khang Bảo Giám, Học Phật Thiển Thuyết, Di-đà Kinh Bạch Thoại Giải, Khuê Phạm, Cảm Ứng Thiên Trực Giảng v.v.. Tổng cộng 13 gói, cũng chẳng cần phải tính tiền là bao nhiêu. Do Quang thấy người đất Tần suốt mấy năm qua do đường bưu điện bị cách trở chẳng thể gởi sách để người quê tôi được nghe Phật pháp, thật là một điều áy náy lớn lao! Gia Ngôn Lục đã hết, vì thế chỉ gởi được một hai cuốn; đợi đến lần in thứ hai vào tháng 11 hoặc lần in thứ ba vào tháng Chạp tôi sẽ gởi thêm mấy gói nữa.

Năm ngoái, ông đã cậy Lận Bá Thao chuyển thư xin quy y, thư ấy tôi chưa nhận được, nay viết bổ sung pháp danh là Huệ Thái. Ấy là vì hễ thời gian thuận tiện, suôn sẻ thì là điềm tốt lành. "Thái" (泰) là nghiệp tiêu trí rạng, chướng tận, phước dày, phàm muốn học Phật, ắt phải học thành bậc hiền thiện trước đã. Nếu chẳng giữ vẹn luân thường, trọn hết bổn phận, dứt lòng tà, giữ lòng thành, đừng

---

Sư cũng đề ra cách dùng hạt đậu để nhớ số câu niệm Phật, khởi đầu truyền thống dùng xâu chuỗi để nhớ số câu niệm Phật. Năm Trinh Quán thứ ba (629), biết đã đến lúc vãng sanh, sư thông báo cho đồ chúng vân tập. Khi mọi người đã đến đầy đủ, chợt đại chúng thấy ngài Đàm Loan hiện thân, cho biết sư dư báo chưa hết. Đến năm 70 tuổi, sư mọc răng mới. Đường Thái Tông nghe tin, đích thân ngự giá chiêm ngưỡng, ban tặng sư nhiều thứ quý báu. Sư thị tịch vào năm sau, diện mạo tươi nhuận, thần trí sáng suốt, giảng diễn tịnh nghiệp thao thao, ý nghĩa sâu thẳm. Môn nhân nổi tiếng có những vị Thiện Đạo, Đạo Phủ, Tăng Diên, Đạo Ngân v.v.. Sư còn để lại các tác phẩm như Tịnh Độ Luận, An Lạc Tập v.v..

làm các điều ác, vâng giữ các điều lành thì vẫn là tội nhân trong thế gian. Ví như kẻ ghẻ chốc, lở lói, làm sao hầu hạ Thiên đế cho được? Vì vậy, trước hết phải lập nền tảng từ luân thường để làm cái gốc học Phật. Xin hãy đọc kỹ Văn Sao, Gia Ngôn Lục thì hết thảy những cách tự lợi, lợi người sẽ đều có thể biết rõ!

256. Thư trả lời cư sĩ Lương Huệ Đống

Quang nay đã già cả, tinh thần chẳng đủ, lại còn ba bộ Sơn Chí phải cấp bách sửa chữa không thể trì hoãn được, nên đã sớm cự tuyệt hết thảy. Do ông có lòng thành nên viết đại lược cho ông mấy câu. Đặt pháp danh cho em trai ông và Hà Ánh Tây, Lương Trụ pháp danh là Huệ Trụ, Hà Ánh Tây pháp danh là Huệ Tây, nghĩa là lập chí dốc lòng tu trì pháp môn Tịnh độ tự lợi lợi tha, giống như trụ chống trời, như vầng trăng sáng ngời trời Tây vậy. Những điều khác đã nói tường tận trong Một Lá Thư Trả Lời Khắp. Từ nay về sau đừng gởi thư tới nữa, có gởi cũng không trả lời!

(Ngày 25 tháng 7)

257. Thư trả lời cư sĩ Trương Thự Tiêu (thư thứ nhất)

Xem bài thơ bà đã làm, thanh điệu, ý tưởng quả thật chẳng kém cổ nhân, nhưng chỉ là thơ của thi nhân, nỗi niềm tình tự sầu oán, tợ hồ mang hơi hướng của kẻ trọn chưa hề nghe đạo! Nếu Quang đề tựa cho tập thơ của bà, sẽ trở thành cùng một loại nhân vật như bà. Bà đã có huệ căn ấy, nỡ nào để nó bị tiêu diệt, mòn mỏi bởi bi oán? Hết thảy chúng sanh đều có Phật tánh, ta đã có Phật tánh, lại mặc kệ cho phiền não che lấp, trải bao kiếp chẳng tỏ lộ được ư? Hãy nên chuyển nỗi niềm sầu oán ấy thành nỗi niềm tha thiết niệm Phật, thì sống sẽ dự vào bậc thánh bậc hiền, khi mất sẽ dự vào Liên Trì hải hội. Nếu thật sự có túc căn sẽ chẳng phụ lời quở trách này của lão tăng!

258. Thư trả lời cư sĩ Trương Thự Tiêu (thư thứ hai)

Nhận được thư, tôi khôn ngăn mừng vui, an ủi, chỉ vì gặp đúng dịp thiện tín xa gần lên núi Phổ Đà dâng hương, công việc bận bịu, đành chịu lỗi chẳng thể trả lời ngay. Nói chung, người thông minh đa phần đều kiêu ngạo, tự cho mình là đúng, chẳng chịu nghe người khác quở trách. Quang thẹn mình thiếu học vấn, đạo đức, chẳng thể tạo ích lợi mảy may gì cho cõi đời; do vậy chỉ mang ý nguyện "làm hòn đá nơi núi khác", tôi muốn giống như hòn đá mài thô ráp để mài giũa vàng ròng tươi đẹp khiến cho vàng ấy được trở thành vật báu trong cõi đời. Do vậy, ba lần gặp gỡ, chẳng hề dùng lời khen ngợi để khích lệ bà, chẳng dùng tình cảm thông thường của người đời để khuyên nhủ, mà chuyên dùng Phật pháp để

chỉ dạy. Lời lẽ trong thư và lời lẽ trong ba lượt gặp mặt đều quở trách khá gay gắt, ngỡ từ nay ắt bà trọn chẳng thèm hỏi tới nữa. Nhưng qua những điều giãi bày trong thư cho thấy bà sanh lòng khá cảm kích. Đủ thấy bà là người có túc căn sâu xa, thấy lý rõ ràng, chẳng tự cho mình là đúng, chịu nghe lời tốt lành!

Nếu tận tình buông xuống được tập khí của hạng người có tài năng và thói hư huyễn của Âu Tây, giữ vẹn bổn phận, coi trọng luân thường, tận tụy thực hiện chuyện giáo dục trong gia đình, để hết thảy hàng phụ nữ được ngưỡng vọng khuôn mẫu tốt đẹp. Lại còn sanh lòng tin, phát nguyện, tự tu tịnh nghiệp, tự hành, dạy người, ngõ hầu cùng được giải thoát, trở thành bậc mẫu nghi nơi khuê các, là bậc thầy gương mẫu cho nữ giới, thì nước ta được hưng thịnh sẽ là điều chắc chắn. Nhưng lời lẽ của văn nhân phần nhiều là phù phiếm hời hợt, nếu có thể chân thật làm đúng như những điều đã nói trong sách, trong thơ thì những điều Quang kỳ vọng trên đây nhất định sẽ được trở thành sự thật.

"Ham cao, chuộng xa, thấy lạ, nghĩ khác" chính là căn bệnh chung của văn nhân lẫn người học đạo hời hợt, phù phiếm. Cần biết rằng: "Đạo của Nghiêu - Thuấn chỉ là hiếu đễ mà thôi, đạo của Như Lai chỉ là giới định tuệ mà thôi!" Dẫu cho vạn thánh, muôn Phật nối tiếp nhau xuất hiện trong cõi đời cũng chẳng thể thay đổi chương trình một tí ti nào. Hiểu rõ điều này, sẽ tự biết những kẻ thấy lạ nghĩ khác đều do trong tâm không có chủ ý, chẳng phải là hạng pháp khí có thể tiếp nhận đạo mà ra. Trong Phật pháp có vô lượng pháp môn, nếu muốn cậy vào tự lực thì để đạt được chỗ chỉ quy nơi Thiền, Giáo, Luật hay Mật còn chẳng phải là dễ dàng, huống là sẽ do những pháp ấy mà chứng Vô sanh nhằm liễu sanh tử ư?

Pháp môn Tịnh độ chính là pháp môn thẳng tắt nhất, viên đốn nhất, đơn giản nhất, dễ dàng nhất, huyền diệu nhất để làm cho khắp hết thảy thánh phàm cùng được vãng sanh Tây Phương, liễu sanh thoát tử ngay trong đời này. Nếu chẳng gai mắt vì văn tự của Văn Sao, xin hãy đọc kỹ, thực hành theo. Rồi sau đấy mới đọc các trước thuật về Tịnh độ của cổ đức thì thế sẽ như chẻ tre, như nước từ nguồn thuận dòng đổ xuống. Ý nghĩa lời thơ của bà thật hay, nhưng muốn khỏi bị chê bai là nói thêu dệt thì cần phải thực hành những sự ấy. Nếu không, nào phải chỉ là nói thêu dệt, mà còn là nói dối, nói đùa bỡn, nói gạt tam bảo! Hơn 40 năm Quang chẳng làm thơ nên chẳng thể họa thơ được.

259. Thư trả lời cư sĩ Trương Thự Tiêu (thư thứ ba)

Nhận được thư, biết lá thư lần trước vẫn chưa khiến bà chán ghét Quang. Thư lần này, trừ những lời khen ngợi Bất Huệ quá lố ra, đều là những lời thật tình.

Một hơi thở ra không hít vào được sẽ liền thuộc vào đời sau. Lúc ấy dẫu "tài cao tám đấu, học giàu năm xe"[86] cũng vô ích! Nếu chẳng sớm tu trì tịnh nghiệp cho kịp, đợi tới lúc ấy mới biết sống uổng cuộc đời này, uổng đem thiện căn đã gieo trong đời trước phí sạch vào những thứ văn tự sáo rỗng, chẳng đáng buồn ư? Pháp môn Tịnh độ quý nơi thật hành. Nay đã biết như vậy, hãy nên tùy phần tùy lực mà hành thì mới có lợi ích thật sự.

Nếu chỉ nghiên cứu, chẳng chịu trì thánh hiệu Phật, để mong gần là tiêu trừ nghiệp chướng, tăng phước tuệ, xa là thoát tam giới để lên chín phẩm sen, thì vẫn là tập khí của văn nhân. Có tập khí ấy mà muốn đạt được lợi ích chân thật là "liễu sanh tử, chứng vô sanh" sẽ thật khó khăn muôn vàn! Nếu có thể phát tâm đại Bồ-đề, trong lúc rảnh rỗi việc công, chuyện tư, hãy thật hành hạnh chất phác niệm Phật của ngu phu, ngu phụ, thì những chuyện như "trong tương lai sẽ là bậc mẫu nghi chốn khuê các, là bậc thầy gương mẫu cho nữ giới và dự hội Liên Trì, đích thân được đức Phật thọ ký" đều có thể đạt được. Xin hãy dốc hết sức nơi thân để thực hiện chẳng bê trễ những hạnh ấy, chẳng dám cố ý làm trò đùa bỡn kẻo mắc tội với tam bảo. Thường nhớ chẳng quên những điều như thế thì may mắn lắm thay! Từ nay về sau đừng gởi thư đến nữa, ước chừng sau một tháng rưỡi nữa Quang sẽ sang Thượng Hải.

260. Thư trả lời cư sĩ Trương Thự Tiêu (thư thứ tư)

Lúc bà gặp Quang vào năm Dân Quốc 16 (1927), Quang mừng vì bà khá thông suốt, có trí tuệ, lại có thể tiếp nhận được lời chỉ trích của người khác, nên vẫn thường mong bà sẽ là người hướng dẫn tốt lành cho nữ giới đất Chiết Giang. Sau này trọn chẳng nghe tin tức gì, Quang cho rằng do không có người nhắc nhở, duy trì, thiện căn đã phát khởi tại Phổ Đà lại bị tiêu diệt rồi. Nhưng Quang cũng chẳng muốn đa sự, ép kẻ khác làm chuyện họ không muốn. Đến khi đọc tập thơ của bà, ý tứ hoàn toàn chẳng tương ứng với đạo ấy! Do vậy mới khơi gợi, dẫn dắt đại

---

[86] *"Tài cao tám đấu"* (tài cao bát đẩu) là một thành ngữ xuất phát từ câu nói đầy tự phụ về tài văn chương của Tạ Linh Vận đời Nam Tống: "Tài năng của thiên hạ được một thạch thì Tào Tử Kiến chiếm hết tám đấu, ta chỉ được một đấu, thiên hạ chia nhau một đấu." Tạ Linh Vận là một thi gia nổi tiếng đời Nam Tống, lời thơ rất đẹp, được người đương thời tán thưởng, đua nhau sưu tập. Ông còn rất giỏi thư pháp, nên thơ và chữ viết của ông được xưng tụng là Nhị Bảo thời ấy. Tào Tử Kiến chính là Tào Thực, con trai thứ của Tào Tháo, là một thi nhân lừng danh thời Tam Quốc, được xưng tụng là *"thất bộ thành thi"* (chỉ trong bảy bước chân đã làm xong thơ).

"Học giàu năm xe" (học phú ngũ xa) là một thành ngữ xuất phát từ một câu nói trong phần Thiên Hạ trong thiên Tạp Biên sách Trang Tử: *"Huệ Thi hữu phương, kỳ thư ngũ xa"* (Huệ Thi hiểu rộng, sách đến năm xe). Huệ Thi là một nhà triết học thời Chiến Quốc, nổi tiếng học rộng, thông thạo rất nhiều lãnh vực. Do thời cổ, chưa có giấy, sách được viết trên những thẻ tre nên phải dùng xe để chở.

Cả hai thành ngữ này thường được ghép chung để ca ngợi người vừa có tài văn chương vừa học rộng.

lược; về sau thấy thư trả lời của bà, thật an ủi, thỏa lòng. Do vậy biết rằng: Nhập đạo đều có thời tiết, nhân duyên!

Tờ Hoằng Pháp Xã San do bà đã gởi, vì bận bịu chẳng rảnh rỗi, nên chỉ xem những truyện của bà họ Tăng, bà tiết phụ họ Khổng và bà X… nọ cùng với bài Bát Thức Tứ Tân Chủ Tụng. Văn lẫn ý đều hay, nhưng câu chữ trong nhà Thiền đều "ý nằm ngoài lời". Những câu văn trong bài Tứ Tân Chủ tợ hồ có ý nghĩa, văn nhân thông minh có thể mô phỏng. Nếu là lời vô nghĩa hoặc ý nghĩa tối tăm để đáp cho phù hợp với căn cơ của người hỏi đạo, chắc chắn người đọc sách Thiền chẳng thể dựa theo ý nghĩa của lời văn để hiểu được. Nếu thật sự có sở ngộ, sẽ chẳng ngại gì đề xướng, nêu tỏ. Nếu chỉ cậy thông minh rồi mô phỏng thì chớ nên viết bừa bãi như thế. Điều này rất khác xa với Giáo, phải thận trọng tột bậc! Nếu thật sự niệm đến mức nhất tâm bất loạn thì cũng có thể nhanh chóng hiểu được ý chỉ ấy; nếu chưa thật sự biết, chớ nên hàm hồ, mạo nhận là bậc thông gia. Do con người gần đây thường ưa trộm tiếng nên Quang rất không muốn người khác do vậy mà mắc tội, cho nên mới nói với bà.

261. Thư trả lời cư sĩ Trương Thự Tiêu (thư thứ năm)

Buổi chiều tôi nhận được một gói Hải Âu Tập, nhân tiện bèn đọc đề mục, bài này cũng đã đăng trên tờ Hoằng Pháp Xã San của pháp sư Bảo Tịnh rồi. Phần luận về Tần Thủy Hoàng có phần quá kịch liệt, rất trái với trung đạo. Phần ca ngợi tài năng của Tần Thủy Hoàng có thể gọi là "tinh mắt"; nhưng hoàn toàn suy tôn Tần Thủy Hoàng, xem chuyện đốt sách chôn Nho sĩ là bản lãnh lớn thì đã nói quá lời. Hắn ta muốn ngu dân nên đốt sách, chứ đâu phải vì sợ tà thuyết lừa gạt dân mà đốt sách. Nếu phàm là những tà thuyết đều đốt đi thì sẽ có công, đằng này hắn lại đốt những sách luận về chánh trị, đạo đức. Do hắn coi kinh Dịch là sách bói toán nên không xếp vào loại sách bị đốt.

Thánh nhân nắm địa vị, người lành chấp chánh, kẻ ác sẽ bị cảm hóa theo. Hắn đem chôn những người chẳng hùa theo mình, chỗ này há nên đề cao ca ngợi, còn hận chẳng thể chôn sạch hết ư? Cư sĩ tài lực có thừa, nhưng hàm dưỡng chưa đủ, chỉ mong sướng miệng một chốc, trọn biến thành kẻ cuồng chẳng đoái hoài tới chuyện gây lầm lạc cho kẻ vô tri. Quang là kẻ sẽ chết trong sớm tối, vô ích cho đời, chỉ vì cư sĩ túc căn sâu dày nên tôi đặc biệt rèn giũa. Chẳng biết cư sĩ có nghĩ như vậy là đúng hay chăng?

262. Thư trả lời cư sĩ Trương Thự Tiêu (thư thứ sáu)

Người thông minh trong thế gian thường tự phụ thông minh, chẳng chịu trống lòng tiếp nhận người khác chỉ trích. Bà túc căn sâu dày, quả thật là nền tảng để

tăng tiến đức hạnh. Đọc thư bà khôn ngăn khâm phục. Những lời lẽ trong nhà Thiền đừng nói là chưa ngộ, dẫu ngộ mà chẳng khéo biết căn cơ đến nỗi gây lầm lạc cho người ta thì quả thật là tự mình chuốc họa. Trước kia, trong thời kỳ Phật pháp của đức Ca-diếp Phật, chủ nhân núi Bách Trượng do nói một câu chẳng khế cơ, đến nỗi đọa thân làm chồn hoang 500 kiếp. Tới đời Đường, ở trước tòa của thiền sư Bách Trượng Hoài Hải kể rõ chuyện ấy mới được thoát. Do vậy biết rằng, quả báo của kẻ dùng lời lẽ nhà Thiền để làm trò đùa trẻ con nhằm khoe tài nhạy miệng đáng sợ tới cùng cực!

Cư sĩ chỉ thực hành lễ tụng, đợi đến khi phàm tình thánh kiến đều chẳng còn nữa thì tất cả những lời đối đáp ứng theo căn cơ trong nhà Thiền sẽ đều hiểu rõ ngay. Dẫu đã hiểu rõ ràng, vẫn chẳng thể không thận trọng chuyện ấy. Như lời nói trước kia của chủ nhân núi Bách Trượng thật ra chẳng sai, nhưng vì đáp sai căn cơ của người hỏi mà bị quả báo làm chồn hoang 500 kiếp, huống gì lời đáp hoàn toàn sai lầm ư? Đối với món tiền 10 đồng, tôi vẫn dùng để gởi cho cư sĩ những sách quan trọng nhằm mong sao những bậc anh hiền chốn khuê các đất Ninh Ba sẽ cùng được gội nhuần sự giáo hóa của Phật. Đông người, ít sách, làm sao gởi trọn khắp được? Vì thế lại gởi một gói gồm 500 tờ Một Bức Thư Trả Lời Khắp để học sinh trong nhà trường mỗi trò có được một tờ. Được cư sĩ diễn thuyết, bọn họ ắt sẽ vui vẻ noi theo. Nếu thoạt đầu mở trường dạy học cho nữ sinh mà chỉ chú trọng tiền vốn và cầu lợi thì lợi ích đã nhỏ lại càng bé lắm, đấy chẳng phải là điều Quang mong mỏi nơi cư sĩ!

Cố nhiên, Ninh Ba chẳng thiếu người tin Phật, nhưng dùng miệng lưỡi tươi đẹp, bóng bẩy, ngòi bút gấm thêu để đề xướng pháp môn Tịnh độ trong Phật pháp qua những pháp như luân thường, xử sự hằng ngày, hiếu đễ trung tín lễ nghĩa liêm sỉ thì quả thật chẳng thấy được mấy ai như thế. Cư sĩ đã có tư cách như vậy, tiếc là mấy năm qua vẫn chưa chân thật phát tâm. Nay đã phát tâm rồi, nỡ nào để hết thảy phụ nữ suốt đời chẳng được gội nhuần sự giáo hóa của Phật, chẳng biết đường vượt thoát hòng liễu sanh thoát tử? Đấy chính là điều Quang thay mặt các đấng giáo chủ hai cõi khuyên nhắc bà vậy!

263. Thư trả lời cư sĩ Trương Thự Tiêu (thư thứ bảy)

Nhận được thư, dường như bà đã biết rõ sâu xa căn bệnh, nhưng vì tập khí văn tự quá sâu, dẫu tự biết nhưng chưa thể thật sự thống thiết sửa đổi được, vậy thì suốt cuộc đời vẫn chỉ là một bậc thầy về văn chương, chứ lợi ích thật sự nơi Phật pháp sẽ đều do tập khí ấy mà bị cách xa. Vì vậy, Phật pháp xếp *thế trí biện thông* vào tám nạn, đáng cảnh tỉnh sâu xa lắm! Bài thơ "Đọc bộ Tông Kính Lục của ngài Vĩnh Minh" thanh vận réo rắt, chẳng phải là người đã sẵn có huệ căn từ

kiếp trước sẽ chẳng thể làm được, nhưng đấy vẫn là chướng ngại cho người tu đạo. Bởi lẽ, những lời lẽ ấy đều do phỏng đoán, suy lường mà thành, chẳng thể sánh với những lời thuận miệng thốt ra của bậc thật sự đắc đạo. Muốn cho cư sĩ giết chết cái tâm mong ngóng làm thơ soạn văn thì đối với con người hiện thời chẳng thể không khai thị quyết liệt như vậy.

Nay dẫn một câu chuyện xưa để làm tấm gương tày liếp thì bậc thầy thi văn sẽ trở thành bậc long tượng gánh vác huệ mạng của Như Lai, vĩnh viễn làm bậc mẫu nghi chốn khuê các, làm bậc thầy gương mẫu cho nữ giới mà chẳng phải dụng công. Chuyện này được chép trong truyện đại sư Diệu Phong thuộc bộ Phổ Đà Sơn Chí, hai bộ Thanh Lương và Nga Mi Sơn Chí cũng đều có chép, vì đối với cả ba núi đại sư đều có nhân duyên, cho nên chẳng ngại ghi chép tường tận. Vị sư này là hạng người ít thấy trong đời mạt, được lợi ích nhờ bài thơ của Sơn Âm Vương viết lên đế giày gởi cho sư trong khi sư đang bế quan, nhờ đó sư được đại triệt đại ngộ, chẳng còn coi trọng thi kệ nữa!

*** Phụ lục truyện của đại sư Diệu Phong để tiện tham khảo**

Sư Diệu Phong đời Minh tên là Phước Đăng, người huyện Bình Dương, tỉnh Sơn Tây, họ Tục, là hậu duệ của Tục Cúc Cư[87] thời Xuân Thu. Sư sanh ra mang tướng lạ, môi hớt, răng hô, mũi hếch, hầu lộ, mồ côi năm 7 tuổi, phải chăn dê cho người làng. Năm 12 tuổi xin xuất gia với một vị tăng ở ngôi chùa gần đấy. Do bị tăng ngược đãi, bèn trốn đến Bồ Bản, đi xin ăn ở chợ, tối ngủ ở Văn Xương Các. Gác ấy do Sơn Âm Vương xây, thỉnh ngài Lãng Công chùa Vạn Cố trụ ở đó. Một ngày kia, Sơn Âm Vương trông thấy, bảo với Lãng Công: "Đứa trẻ này ngũ quan[88] đều lộ, thần chí ngưng tụ, xương cứng, mai sau ắt thành bậc đại khí. Hãy nhận làm đồ đệ, trông nom cho khéo!" Không lâu sau, động đất lớn, nhà cửa dân chúng đổ sạch, Phước Đăng bị nhà sập đè lên nhưng chẳng bị thương gì. Vương càng lấy làm lạ hơn, bèn sửa Thê Nham Lan Nhã ở núi Trung Điều, bảo Phước Đăng bế quan ở đó để chuyên tu thiền quán, lập hạn bế quan là 3 năm.

Bế quan chưa lâu, liền có chỗ ngộ, làm kệ trình lên Vương, Vương nói: "Đứa trẻ này kiến xứ đã như thế, nếu chẳng chiết phục, mai sau ắt phát cuồng", liền cắt lấy đế chiếc giày rách, viết bài kệ rằng: *"Giả phiến xú hài để, phong tương ký dữ nhữ, tịnh bất vi biệt sự, chuyên đả tác thi chủy"* (Đem đế giày hôi thối, gói lại gởi cho ngươi, trọn chẳng làm gì khác, chuyên ngóng mỏ làm thơ). Gói lại, đem gởi. Phước Đăng nhận được bèn lễ Phật, lấy dây buộc cổ, từ đấy không nói một chữ

[87] Theo Tả Truyện, quan đại phu nước Tấn tên Hồ Cúc Cư được phong thái ấp ở đất Tục, nên con cháu lấy họ là Tục.
[88] Ngũ quan: năm bộ vị trên khuôn mặt, tức hai gò má, cằm, trán và mũi.

nào nữa. Bế quan 3 năm hoàn mãn, đến gặp Vương đã thông hiểu bổn phận, đầy đủ tướng đại nhân.

(Trích lục truyện đại sư Diệu Phong trong Thanh Lương Sơn Chí)

264. Thư trả lời cư sĩ Trương Thự Tiêu (thư thứ tám)

Bao nhiêu kẻ thông minh trong thế gian đều bị lầm lạc bởi "chi, hồ, giả, dã"[89], suốt đời chẳng được lợi ích thật sự. Cư sĩ kiếp trước đã gieo huệ căn, thật là khó được, nhưng do lắm tri nhiều kiến, đâm ra thành chướng ngại. Đã tin pháp môn Tịnh độ, sao chẳng chết lòng tu tập pháp này mà lại tu những pháp quán "xoay trở lại nghe nơi tánh nghe, đếm hơi thở, duy thức v.v.". Các pháp ấy đều là pháp môn Đại thừa, nhưng đều thuộc về tự lực, chẳng thể sánh bàn với lợi ích của pháp môn cậy vào Phật lực được! Nay đã phát tâm niệm Phật, hãy nên lấy "tâm tương ứng với Phật, lúc sống đạt được nhất tâm bất loạn, khi báo thân đã tận liền lên thượng phẩm cõi Cực Lạc" làm chí hướng, sự nghiệp, chẳng cần phải cầu đại triệt đại ngộ, minh tâm kiến tánh.

Tông môn chú trọng khai ngộ, Tịnh tông chú trọng vãng sanh. Kẻ khai ngộ mà chẳng được vãng sanh trong trăm người có đến chín mươi kẻ, người vãng sanh mà chẳng khai ngộ thì trong vạn người chẳng có một ai. Chẳng hiểu đúng nghĩa này, chắc sẽ đến nỗi do cầu khai ngộ mà đâm ra chẳng chú trọng vãng sanh, lầm lẫn lớn lắm! Nay tu pháp môn niệm Phật, hãy nên theo như Đại Thế Chí Bồ-tát đã dạy, lòng thành như con nhớ mẹ, tu thật hạnh "nhiếp trọn sáu căn, tịnh niệm tiếp nối". Nếu chết sạch được cái lòng mong ngóng thì nhất tâm bất loạn, niệm Phật tam-muội sẽ liền có thể đạt được. Niệm Phật tam-muội là vua trong các tam-muội, đừng coi là dễ dàng! Dẫu chẳng đạt được ngay, vẫn chẳng cách xa cho lắm. Nhiếp trọn sáu căn là cách niệm Phật hay nhất. Lúc niệm, bất luận niệm ra tiếng hay niệm thầm, hãy thường nên lắng tai nghe kỹ. Điều này chính là gộp cả hai nghĩa "xoay cái niệm để niệm nơi tự tánh" và "xoay cái nghe lại để nghe nơi tự tánh" để cùng tu.

Xoay tánh nghe chỉ thuộc về tự lực, xoay cái niệm kiêm thêm Phật lực, lợi ích lớn lắm. Tâm niệm thuộc ý, miệng niệm thuộc thiệt, tai nghe thuộc nhĩ, mí mắt rủ xuống chỉ thấy chót mũi, thì hai căn nhãn và tỵ cũng được nhiếp. Ngũ căn đã cùng gom vào một câu Phật hiệu, lẽ đâu thân căn chẳng cung kính, nghiêm túc ư? Vì thế biết "nhiếp trọn sáu căn" được thực hiện nơi nghe. Nhiếp trọn được sáu

[89] "Chi, hồ, giả, dã" (之乎者也) là bốn hư tự (chữ đệm không có nghĩa lý gì) dùng trong Hán văn để âm vận câu văn được êm tai, réo rắt hơn, hoặc tăng thêm ngữ khí, hoặc dùng để nối kết các thành phần của một câu. Cho nên "chi, hồ, giả, dã" thường được dùng để chỉ những lời lẽ sáo rỗng, chẳng có nghĩa lý gì.

căn thì tâm thức ngưng lặng, chẳng chao động, tán loạn nên gọi là "tịnh niệm" bởi lẽ sáu căn đã nhiếp, những niệm tạp vọng v.v. ngầm tiêu. Lại có thể thường giữ cho tịnh niệm liên tục chẳng bị gián đoạn thì sẽ liền đắc niệm Phật tam-muội. Vì thế ngài Đại Thế Chí nói tiếp: "Đắc tam-ma-địa, ấy là bậc nhất." Đấy chính là giáo hóa của Đại Thế Chí Bồ-tát dành cho hết thảy chúng sanh trong chín pháp giới, thật sự thích hợp khắp ba căn, chỉ có lợi ích, không có tệ hại. Nếu chịu y theo đó để tu, ắt sẽ đạt được lợi ích như Quán hạnh, Tương tự[90] v.v..

265. Thư trả lời cư sĩ Biên Vô (thư thứ nhất)

Thư nhận được đầy đủ. Trong năm ngoái, Quang đã đem tình hình của thảo am (hoặc gọi là chùa) Quảng Tế thuộc núi Ngũ Đài trình lên chủ tịch tỉnh Sơn Tây hiện thời là Triệu Thứ Lũng (tên là Tải Văn): Các chùa trên núi và con cháu chùa Bích Sơn mưu mô với nhau, cũng như khu trưởng, huyện trưởng núi Ngũ Đài đều cùng cấu kết với bọn họ, muốn đuổi tăng nhân thuộc thảo am Quảng Tế xuống núi để bọn họ (tức con cháu chùa Bích Sơn) thuận tiện uống rượu, ăn thịt, chẳng bị ai thấy. Do tăng chúng thuộc thảo am Quảng Tế đều là những người tu trì lâu năm; so sánh giữa đôi bên, chính họ tự cảm thấy rất khó nể tình, mà họ (tức con cháu chùa Bích Sơn) cũng chẳng chịu sửa đổi, đến nỗi trở thành vu báng, bảo là "tăng chúng thuộc thảo am xấu xa gấp mười tăng chúng trong núi!" Do khu trưởng, huyện trưởng nhận hối lộ bao che cho họ, đến nỗi Diêm Tích Sơn, Triệu Tải Văn cũng tưởng là thật, tình thế rất nguy! Ông Hồ Tử Hốt ở trên núi cũng đành bó tay, bèn cùng với hòa thượng Quảng Huệ đến gặp Quang, đem sự thật nói rõ từng điều. Quang bảo đại chúng thuộc thảo am niệm Văn-thù Bồ-tát sẽ có cảm ứng.

Lâm Dật thuộc Sơ Đài đến chùa Báo Quốc quy y, ông ta vốn là chủ nhiệm Văn phòng xử lý thường vụ tỉnh Sơn Tây đóng tại kinh đô, Quang cậy ông ta đem chuyện này kể tường tận với Triệu Thứ Lũng. Trước đó, Thứ Lũng đã cùng Quang trao đổi thư từ, chứ chưa hề gặp mặt. Ông Lâm nói với ông Triệu, ông Triệu liền phái tăng tục mười người lên núi lo liệu, cho con cháu chùa Bích Sơn một vạn đồng - trước đây đã từng cho tiền họ mấy lần, ước chừng hai ba vạn đồng - bảo bọn họ dọn đi (dời đi hơn 20 dặm) thì núi Ngũ Đài mới hoàn toàn trở thành một đạo tràng thanh tịnh. Các cư sĩ Nhiếp Vân Đài, Vương Nhất Đình, Khuất Văn Lục v.v. ở Thượng Hải đều thay nhau lo liệu sổ kết duyên, trong cuốn sổ ấy đã từng nói rõ.

[90] Tức những thứ lợi ích theo khái niệm *lục tức* của tông Thiên Thai, Quán hạnh là do tu hành mà thấy được Phật tánh, Tương tự là đã chứng một phần pháp thân.

Phật Học Tân Văn Báo Xã tại Thượng Hải há có ai chẳng biết chuyện này? Ấy là vì kẻ tiểu nhân sanh lòng đố kỵ, phá hoại chuyện của người khác, hoặc tưởng sư Quảng Huệ đã đút lót tiền cho bọn họ. Tâm địa của kẻ viết bài báo vu khống ấy cũng có thể suy ra mà biết! Quang chẳng những phát khởi lần này mà còn phát khởi chuyện dẹp tà giúp chánh lần trước, nhằm giữ lại người phát khởi căn bản cho một đạo tràng thanh tịnh của Văn-thù Bồ-tát. Lòng người nguy hiểm, nguy hiểm còn hơn băng mùa xuân. Phật Học Tân Văn Hội thốt ra những lời lẽ ấy, hoàn toàn thiếu nhân cách, đáng than lắm thay! Sau khi thái bình, ông hãy tới Ngũ Đài triều bái Văn-thù Bồ-tát, ở lại chùa Bích Sơn, sẽ tự biết lời Quang chẳng sai. Cuộc chiến ở đất Hỗ (Thượng Hải) tuy khốc liệt, nhưng Quang trọn chẳng sợ, chẳng những không chịu sang quý địa, ngay cả núi Linh Nham cũng chẳng chịu tới.

Nay sống tại chỗ thường có phi cơ bay tới, hằng ngày tụng chú Đại Bi, niệm Phật, niệm Quán Âm, nếu chẳng dám ở lại, trốn sang phương xa, há chẳng khiến cho kẻ khác chê cười ư? Quang chỉ trơ trọi một thân, đi hay ở đều chẳng ăn nhằm gì. Huống chi còn có chuyện Hoằng Hóa Xã phải lo liệu? Quang tuy chẳng phải là trụ trì chùa, nhưng mọi chuyện đều nhờ Quang làm chủ. Chủ nhân đi vắng, nếu những người khác cũng đi luôn thì công chuyện sẽ thành bỏ phế, ảnh hưởng rất lớn đến chuyện lưu thông kinh sách có ích cho đời, cho người. Nếu đại kiếp đối đầu, mọi người đều cùng chết sạch hết, Quang cũng sẽ cùng chết với họ thì cũng là đáng phận vậy.

(Ngày mồng 4 tháng 8 năm Dân Quốc 26 - 1937)

266. Thư trả lời cư sĩ Biên Vô (thư thứ hai)

Thư nhận được đầy đủ, kinh chú Ma-lợi-chi Thiên do ông gởi trước đây, Quang chẳng truyền cho người khác, vì sao vậy? Đang trong lúc phải đương đầu với đại kiếp này, hãy nên dùng pháp dễ dàng nhất, linh cảm nhất để dạy người khác. Ma-lợi-chi Thiên tuy từ bi, vẫn chẳng thể vượt trỗi ngài Quán Thế Âm được! Thánh hiệu của Bồ-tát chỉ có bảy chữ, dẫu đứa trẻ lên ba cũng có thể niệm được; người niệm được kinh chú Ma-lợi-chi Thiên trong trăm người chẳng được mấy người. Vì thế chẳng muốn dùng cách khó niệm để dạy cho hết thảy những ai mong mỏi được cứu vớt. Bài Tán Chú Kinh ông gởi đến lần trước thứ lớp chẳng rõ ràng, khiến cho người ngoài không cách nào theo dõi được. Nếu không có người chỉ dạy, rất khó thể hiểu rõ. Phàm in kinh chú, ắt phải mắt và lông mày rõ

ràng[91], chú thích chủ - bạn rõ rệt khiến cho người phát tâm đọc tụng vừa xem liền hiểu rõ.

Nghi thức tụng niệm chớ nên quá rắc rối khiến cho người trì tụng dễ sanh chán, tiếc rằng lệnh sư Không Công và hành giả Bát-nhã chưa nói rõ ràng. Chữ niệm (念) không thể thêm chữ khẩu; thêm chữ khẩu (口) vào sẽ mất ý nghĩa[92]. Ông muốn quy y, nay đặt pháp danh cho ông là Huệ Thông, do đã không có bờ mé thì trí tuệ ấy không gì chẳng thông. Đối với pháp môn niệm Phật cầu sanh Tây Phương, dường như ông chưa hiểu rõ nguồn cội. Đối với đạo để cứu đời, cứu nước, từ bước thực hiện ban đầu cho đến thành công cuối cùng, đều phải lấy việc mọi người đề xướng nhân quả làm phương cách để trị cả gốc lẫn ngọn. Trong Văn Sao đã nói tường tận, xin hãy chú tâm đọc kỹ, chắc ông đã sớm có sách này rồi. Nếu đường bưu điện không bị trở ngại, sẽ gởi cho ông một bộ và mấy thứ nữa cho đủ một bưu kiện để làm căn cứ tự lợi lợi người. Nếu chẳng thể gởi được thì đợi sau khi yên ổn rồi và nếu Quang chưa chết thì vẫn còn có thể gởi được.

(Mồng 6 tháng 7 năm Dân Quốc 28 - 1939)

267. Thư trả lời cư sĩ Biên Vô (thư thứ ba)

Quang 79 tuổi, mục lực chẳng thể gượng được nữa, chẳng thể giám định, viết lời tựa cho ông được. Để cứu tai nạn, nên chọn cách nào khiến cho hết thảy mọi người đều có thể niệm được thì mới có ích lớn lao. Dù có in chú Ma-lợi-chi Thiên cho nhiều, cũng khó thể sử dụng trong lúc đại kiếp đối đầu này, hãy nên bỏ ý định ấy! Dạy người khác niệm thánh hiệu Quán Âm, dẫu là đứa trẻ lên ba cũng có thể niệm được. Chú ấy khá dài, hơn nữa trong bài chú có xen lẫn những chữ để chú thích cách đọc, nếu chẳng phải là bậc thông gia thì vẫn chẳng biết phải niệm như thế nào[93]. Người đời nay ham lạ. Quán Âm cứu khổ cứu nạn các kinh Đại thừa

---

[91] Ý nói phần chánh văn, phần chú thích phải in bằng những khổ chữ khác nhau, theo thứ tự lớp lang khiến người đọc biết đâu là đoạn kinh văn cần phải đọc, phần nào là lời hướng dẫn.

[92] Chữ Niệm（念）thêm bộ khẩu thành 唸 sẽ có hai cách đọc:

1. Điếm: rên rỉ.
2. Đọc với âm niệm, nghĩa là hai mươi.

Do cả hai nghĩa này đều không liên quan đến ý nghĩa chữ niệm（念）nên tổ mới bảo "thêm chữ khẩu vào sẽ mất ý nghĩa".

[93] Do tiếng Phạn đa âm cũng như có những âm không tồn tại trong tiếng Hán, nên những bài chú thường phải kèm theo những chữ nhỏ để ghi âm hoặc hướng dẫn cách đọc. Chẳng hạn chữ Sdriyah thường được phiên là Tất-đát-rị-dã, sau ba chữ Tất-đát-rị kinh thường ghi "hợp tam" ngụ ý ba âm này phải đọc dính lại. Hoặc có những chữ không thể diễn tả được cách đọc vì tiếng Hán không có âm tương ứng, các vị pháp sư dịch kinh phải thêm bộ khẩu vào đằng trước, rồi ghi chú "phản độc" (tức đọc cong lưỡi lên) như tâm chú "Arolik" của đức Quán Âm được phiên là A-lỗ-lặc-kế, sau chữ lỗ ghi hai chữ nhỏ là "phản độc" để nhấn mạnh chữ lỗ phải đọc cong lưỡi nhằm mô phỏng âm r (Vì thế các bản phiên âm bài chú này của Việt Nam thường ghi thành A-rô-lặc-kế). Hoặc đôi khi, dịch giả phải ghép hai ba chữ có sẵn để tạo thành chữ mới. Chẳng hạn như trong chú Nhất Thiết Như Lai Bí Mật Toàn Thân Xá Lợi Bảo

dù Hiển hay Mật đều tán thán đề xướng mà chẳng dùng; lại ngược ngạo cực lực đề xướng bài chú Ma-lợi-chi Thiên chỉ được một kinh nói đến.

Chớ nói niệm chú Ma-lợi-chi Thiên lợi ích lớn lao, còn niệm Quán Âm lợi ích nhỏ nhoi! Dẫu chú ấy do chính đức Quán Âm thị hiện thân Ma-lợi-chi Thiên nói ra, cũng nên chú trọng niệm thánh hiệu Quán Âm. Ông tín tâm tuy tốt, nhưng chẳng biết lý cao tột "một pháp nhiếp khắp hết thảy pháp" và chẳng biết "lúc khẩn yếu thì càng đơn giản càng hay". Nho giáo cũng nói: *"Bác học nhi tường thuyết chi, tương dĩ phản thuyết ước dã"* (Học tập rộng rãi, giải nói tường tận chỉ nhằm mục đích: Sau khi dung hội, quán thông rồi, sẽ hướng về chỗ giản ước)[94]. Nếu ông biết đến nghĩa này, sẽ thấy lời Quang là lời luận chí lý. Nếu không, phó mặc cho ông làm sao thì làm, Quang sớm chẳng giữ được tối, chẳng thể thù tiếp theo ý ông được.

(Ngày mồng 1 tháng 11 năm Dân Quốc 28 - 1939)

268. Thư trả lời cư sĩ Phương Diệu Đình (thư thứ nhất)

Thư nhận được đầy đủ, Quang là một ông tăng tầm thường chỉ biết cơm cháo, nhưng do một người truyền hư (đồn đại), người ta thường tưởng lầm là thật, hết sức hổ thẹn sâu xa! Vì thế, trước kia Tễ Quang có nhắc đến chuyện cư sĩ tỏ ý muốn thân cận Quang, tôi nghi là ngẫu nhiên nói tới, nên chẳng dám gởi thư ngay. Nay ông đã gởi thư tới, biết ông vẫn chẳng coi hư danh của Quang là sai lầm, nên chỉ đành đem lầm đáp lạc. Nay đặt pháp danh cho cư sĩ là Đức Nhân, nghĩa là lấy "giữ vẹn luân thường, trọn hết bổn phận, dứt lòng tà, giữ lòng thành, đừng làm các điều ác, vâng giữ các điều lành, tín nguyện niệm Phật, cầu sanh Tây Phương" để tự hành, lại còn đem những điều ấy giáo hóa khắp hết thảy, khiến cho hết thảy mọi người đối với pháp thế gian đều chẳng thiếu sót, đối với pháp xuất thế gian đều cùng được hưởng lợi ích thật sự ngay trong đời này thì lòng nhân từ ấy cũng lớn lắm. Đấy là Đức Nhân. Nhân đứng đầu mọi điều thiện, nhân chính là từ bi. Tên gọi tuy tương tự, nhưng đem lợi ích liễu sanh tử thật sự của Phật pháp dạy cho người khác, so với những pháp thế gian chỉ có lợi cho sắc thân, quả thật là cách biệt vời vợi một trời một vực.

Lệnh phu nhân Lưu Chí Từ, có pháp danh là Đức Từ, phụ nữ lấy "giúp chồng, dạy con" làm thiên chức. Nếu còn có thể dốc lòng tin tưởng pháp môn Tịnh độ là

Khiếp Ấn Đà La Ni, ngài Bất Không đã ghép hai chữ xỉ (齒) và lai (來) thành một chữ mới để mô phỏng âm đai (trong câu Wajadai) và ghi cách đọc là đại (軑), bình thanh. Nếu người không quen sẽ không biết cách đọc sao cho đúng hoặc rất có thể đọc luôn cả những chữ ghi âm này.

[94] Đây là một câu nói của Mạnh tử được ghi trong thiên Ly Lâu Hạ sách Mạnh Tử. Chúng tôi dịch câu này theo cách diễn giải của sách Tứ Thư Bạch Thoại Chú Giải.

pháp môn viên đốn nhất, thẳng tắt nhất trong Phật pháp, thì lòng từ ấy không giống với lòng từ được nói trong thế gian. Bởi lẽ lòng từ thế gian chỉ có lợi cho sắc thân, chẳng màng đến thần thức, chỉ tính đến hiện tại, chẳng liên quan đến đời sau, huống là bao kiếp vĩnh viễn ư? Nếu có thể giữ vẹn luân thường, trọn hết bổn phận, và tín nguyện niệm Phật v.v. dạy bảo con cái cùng với tôi tớ và những người quen biết, khiến cho họ trong đời này cùng được trở thành bậc thánh hiền, lâm chung lên thẳng cõi thánh của Phật Di-đà, đấy gọi là Đức Từ. Lợi ích của lòng từ ấy thấu tột đến tận đời vị lai trọn chẳng lúc nào hết. Nguyện hai vị ai nấy đều nỗ lực, ngõ hầu chẳng uổng kiếp sống này, chẳng uổng dịp gặp gỡ này!

Hiện nay đang lúc tình thế hoạn nạn, bất luận là ai, đều phải thường niệm thánh hiệu A-di-đà Phật và Quán Thế Âm. Dẫu gặp phải những nguy hiểm như nước, lửa, đao binh và bệnh tật do oán nghiệp v.v. mà nếu có thể chí thành niệm, chắc chắn chẳng đến nỗi nguy hiểm. Hơn nữa, nữ nhân đang khi sanh nở, hãy nên chí thành niệm thánh hiệu Quán Âm ra tiếng rõ ràng (lúc ấy chớ nên niệm thầm trong tâm) sẽ liền an nhiên sanh nở, chắc chắn chẳng bị khổ vì khó sanh. Dẫu khó sanh sắp chết, dạy người ấy niệm, sẽ tức khắc an nhiên sanh nở. Có thể đem điều này bảo khắp với hết thảy mọi người, chính là cứu sẵn sản nạn, cứu sẵn tánh mạng, mà con gái, con dâu v.v. của chính mình cũng đều cùng được Phật, Bồ-tát từ bi gia bị.

Đừng cho rằng Quang chẳng nên thốt ra lời này! Cổ nhân nói "sanh tử cũng lớn thay!" Lâm chung trợ niệm là giúp cho người chết được vãng sanh. Khi sanh nở niệm Quán Âm chính là giúp cho người sống cả mẹ lẫn con được lìa nguy hiểm. Mấy năm gần đây, tôi thường nghe kể nỗi khổ vì khó sanh, lại biết rõ chấp trước sai lầm của người đời (Có người niệm Phật, hễ trong nhà có ai sanh nở bèn trốn ra ngoài hơn cả tháng mới trở về). Vì thế tôi thường nói với hết thảy mọi người, mong hãy sáng suốt suy xét thì may mắn lắm! Những điều khác đã nói tường tận trong Văn Sao, ở đây không ghi cặn kẽ.

(Ngày 23 tháng 8 năm Dân Quốc 21 - 1932)

Cư sĩ Đức Nhân trước kia thành tích chánh trị khá nổi tiếng tại Giang Tây, nay đã ẩn cư, tịnh tu, cố nhiên nên dùng những chuyện như giữ vẹn luân thường, trọn hết bổn phận và những pháp như tín nguyện niệm Phật v.v. để tùy thuận cơ nghi bảo ban những kẻ vốn đã phục tùng, tin tưởng, ngưỡng mộ, khiến cho bọn họ cùng được lợi ích thế gian lẫn xuất thế gian. Nay gởi cho ông Văn Sao, Gia Ngôn Lục, Lịch Sử Cảm Ứng Thống Kỷ, Chánh Tín Lục, mỗi thứ một phần để làm căn cứ tự hành, dạy người. Lại còn có Thọ Khang Bảo Giám, Cảm Ứng Trực Giảng mỗi thứ một phần để làm căn cứ dạy dỗ con cái và dạy người khác giữ gìn

thân thể. Các sách này, nếu muốn lợi người mà thỉnh với số lượng ít thì hãy thỉnh ở chỗ ông Điền Thân Phủ tại số 86 ngõ Thái An, thành phố Hán Khẩu; nếu thỉnh với số lượng nhiều thì hãy thỉnh từ Hoằng Hóa Xã thuộc chùa Báo Quốc tại Tô Châu.

269. Thư trả lời cư sĩ Phương Diệu Đình (thư thứ hai)

Nhận được thư đầy đủ, gần đây người niệm Phật đông đảo, chuyện cảm ứng cũng thường luôn nghe nói. Hôm trước, am Quán Âm ở Hoài An gởi tới một viên xá-lợi to bằng hạt kê, màu như ngọc phỉ thúy, nói là viên xá-lợi ấy kết từ hoa đèn thắp trước bàn Phật của một liên hữu; gởi tới muốn cậy Quang chứng minh, bình luận để khơi gợi lòng tin cho người khác. Quang liền đựng trong một cái hộp sứ cho mọi người xem, xem xong để thờ trước tượng Phật. Ngày hôm qua, sau buổi tụng kinh khóa sáng, mở hộp ra xem thì không còn nữa, chắc là đã trở về am đó rồi! Hôm qua tôi đã gởi thư hỏi chuyện ấy.

Có rất nhiều kẻ vẫn chỉ chuộng nghiên cứu, chẳng chịu thực hành, tức là thuộc hạng "thấy chuyện nhân mà cố nhường", buồn thay! Lệnh từ tuổi gần tám mươi mà còn muốn quy y, đáng gọi là có thiện căn từ đời trước. Nhưng đang khi cụ tuổi cao như ngọn đuốc chập chờn trước gió này, cố nhiên nên tính kế lo xa. Nay gởi cho ông ba cuốn Sức Chung Tân Lương, ngoài một cuốn tự giữ ra, hãy nên tặng cho hai người Vương và Trần. Hãy nên bảo quyến thuộc trong nhà hằng ngày thay phiên bầu bạn niệm Phật với lệnh từ, một là để đẹp dạ cao đường, hai là khiến cho bọn họ ai nấy được gieo thiện căn, ba là luyện thành thói quen để lúc lệnh từ quy Tây mọi người đều trở thành người trợ niệm cho cụ. Nếu chẳng thường luyện tập, mà cũng chẳng thường nói điều lợi do trợ niệm khi lâm chung và mối hại do bày vẽ phô trương mù quáng, khóc lóc, thì tất cả quyến thuộc đều là kẻ phá hoại chánh niệm. Chuyện này hết sức khẩn yếu, nếu không có ai nói, khó tránh làm hỏng chuyện thì vô biên lợi ích sẽ do vậy bị mất đi, thật hết sức đau lòng!

Quang chẳng thể nói tường tận, Sức Chung Tân Lương là sách nói tường tận chuyện này. Phận làm con khi trợ niệm cho cha mẹ vào lúc lâm chung thì hãy nên dốc hết lòng thành theo đuổi. Vì thế, trước hết quyến thuộc trong nhà phải tập luyện sẵn. Đã thường niệm và thường nghe điều lợi của trợ niệm và lẽ hại của sự phá hoại chánh niệm, họ sẽ có thể nhất trí tiến hành, giúp người đã khuất vãng sanh. Nay đặt pháp danh cho cụ là Đức Siêu, nghĩa là dùng nhất tâm niệm Phật để mong cầu vượt thoát tam giới, lên thẳng chín phẩm sen. Thư này tuy viết cho ông, nhưng hai vị Trần - Vương cũng nên dạy quyến thuộc của họ giống như thế

để chính mình khỏi bị hỏng chuyện khi lâm chung. Hãy nên bảo họ ai nấy đều xem thư và sách, Quang không rảnh rang để viết riêng cho họ.

Trần Minh Kính pháp danh là Đức Minh, nghĩa là có thể nhất tâm niệm Phật sẽ tự sáng tỏ được minh đức. Vương Sĩ Lâm pháp danh là Đức Lâm. Lâm (林) có nghĩa là "chúng" (眾: đông đảo), là "quân" (君: chủ, vượt trỗi) *(theo sách Nhĩ Nhã),* "quân" có nghĩa là chủ. Có thể lấy tín nguyện niệm Phật làm chủ để lợi lạc đại chúng, thì công đức lớn lao, ai nấy đều ngưỡng mộ tuân theo. Nay gởi cho hai người ấy Văn Sao, Gia Ngôn Lục mỗi người một bộ, Sức Chung Tân Lương mỗi người một cuốn, xin hãy chuyển giao.

Do những sách tính gởi ấy chẳng đầy hết một gói nên đem Một Lá Thư Trả Lời Khắp thêm vào cho đủ hai phần. Lá thư này quả thật là bài văn có quan hệ lớn đối với thời thế hiện tại. Nếu có thể hành theo đó thì lợi ích sẽ tự biết, cố nhiên chẳng cần đợi phải thuật nói nữa! Vận nước nguy ngập, thiên tai, nhân họa liên tiếp giáng xuống mà chẳng cầu xuất sanh tử từ nơi bức thư ấy tức là tự phụ vậy. Bạch Cư Dị nói:

"Ta bảy mươi mốt tuổi,
Chẳng còn chuộng ngâm nga,
Xem kinh nhọc sức quá,
Làm phước sợ bôn ba,
Lấy gì độ tâm nhãn?
Một câu A-di-đà,
Đi cũng A-di-đà,
Ngồi cũng A-di-đà,
Rảnh rang, bận túi bụi,
Chẳng bỏ A-di-đà.
Chiều tà đường còn xa,
Đời ta lần khần quá,
Sáng tối thanh tịnh tâm,
Chỉ niệm A-di-đà.
Người thông đạt cười ta,
Càng niệm A-di-đà,
Đạt thì sẽ ra sao?
Không đạt lại thế nào?
Nguyện khắp pháp giới chúng,
Cùng niệm A-di-đà."

(Ngày 11 tháng 1, viết dưới đèn)

270. Thư trả lời cư sĩ Phương Diệu Đình (thư thứ ba)

Tịnh Độ Ngũ Kinh đã gởi đến, chẳng bao lâu sẽ có Kỹ Lộ Chỉ Quy gởi tới. Trong khoảng tháng 7, tháng 8, sẽ có sách Vật Do Như Thử gởi đến. Hai đầu sách này đều do Du Dân Tập Cần Sở ở Tào Hà Kính, Thượng Hải gởi tới. Một cuốn chuyên dạy người niệm Phật, một cuốn dạy người kiêng giết, bảo vệ sanh vật, nhưng chẳng có lời nào nhắc đến chuyện kiêng giết, mà chuyên tập hợp những hạnh cao đẹp hiếu, hữu, trung, nghĩa, trinh liệt, cứu nạn, giúp kẻ côi cút v.v. của loài vật, là tác phẩm đặc sắc trong những sách kiêng giết, sẽ in năm sáu vạn cuốn để phân phát cho những kẻ có học thức thì lợi ích lớn lắm. Lệnh hữu là Dịch Trọng Phù đã muốn quy y thì hãy bảo ông ta thường đọc Ngũ Kinh, nhất là chú ý đến hai lời tựa và một lời bạt của Quang, ngõ hầu chẳng đến bị các tri thức Thiền, Giáo, Mật lay động, đoạt mất chí hướng. Hai cuốn sách Kỹ Lộ Chỉ Quy, Vật Do Như Thử gởi đến, xin hãy tặng cho ông ta mỗi thứ một cuốn.

(Ngày mồng 2 tháng 5 năm Dân Quốc 24 - 1935)

271. Thư trả lời cư sĩ Phương Diệu Đình (thư thứ tư)

Thư đã đọc xong, cư sĩ Lã Đức Pháp soạn bài ký về chuyện vãng sanh cho ông Trầm Đạm Nham rất hay. Chỉ có điều bốn dòng đầu chẳng hợp với thân phận của người ấy, cho nên tôi bỏ đi. Lời bạt sau bài ký ấy, nói: "Công lao trùm lấp cõi đời, chẳng cự nổi một chữ căng (kiêu căng); tội lớn ngập trời, chẳng cự nổi một chữ hối." Đạm Nham biết người đời trước làm nghề chẳng lành, khi cha mẹ còn sống đã khuyên cha mẹ đổi nghề. Khi cha mẹ đã mất, bèn dốc cạn lòng thành sám hối, làm như vậy đã phù hợp sâu xa với nghĩa "người con có hiếu khuyên dụ cha mẹ hướng về đạo" và lời dạy "từ tâm chẳng giết, tu thập thiện nghiệp" của đức Như Lai. Có đủ công đức ấy sẽ được vãng sanh. Huống chi lại dốc lòng tin tịnh nghiệp, cạn hết lòng thành niệm tụng ư? Những lời bàn luận trong phân nửa phần đầu bài ký của ông Lã không hợp thân phận. Rốt cuộc Đạm Nham được thành tựu là vì Đạm Nham trước kia làm đồ tể, về sau mới sám hối tu trì, vì thế chẳng thể áp dụng nhận định ấy được. Mong hãy nói với ông Đức Pháp điều này.

(Ngày 19 tháng 10 năm Dân Quốc 24 - 1935)

272. Thư trả lời cư sĩ Phương Diệu Đình (thư thứ năm)

Hôm qua tôi đã bảo Hoằng Hóa Xã gởi đi hai gói Tịnh Độ Ngũ Kinh, chắc ông đã nhận được rồi. Hiện thời lòng người kém xưa, những vị đại thông gia đều chú trọng tranh chấp, quấy rối lẫn nhau. Hôm nay, đương gia chùa Linh Nham là thầy Diệu Chân tới đây cho biết thầy ấy có tổ đình Đông Nham Tự là tổ đình cổ

đã trải nhiều đời ở Vũ Xương, cách Hồng Sơn mấy dặm về phía bên trái. Sư công[95] của thầy ấy là sư Nguyệt Hà sau khi viên tịch đã được dựng tháp ở đấy, do một đồ tôn[96] là sư X… trông nom. Gần đây, vị ấy đã mất, học trò sư Nguyệt Hà là Từ Quang đến trông nom. Có kẻ xấu câu kết, muốn cùng nhau chiếm đoạt làm của riêng, do Từ Quang vừa già vừa nhu hòa nên bọn chúng bèn thừa dịp khinh lấn. Xin cư sĩ hãy giàn xếp để những kẻ muốn chiếm đoạt ấy dứt trừ cái tâm ngông cuồng đó thì danh dự của họ chẳng bị sứt mẻ, mà đại thể Phật pháp cũng chẳng bị tổn thương. Nếu bọn họ chẳng dứt được tâm ngông cuồng, đành phải nhờ pháp luật can thiệp thì những kẻ ấy và đại thể Phật pháp đều không được tốt đẹp cho lắm.

Xin ông hãy uyển chuyển giàn xếp khiến cho chuyện ấy bị tiêu trừ không dấu vết, thích nghi cho cả đôi bên thì vui sướng chi bằng! Cư sĩ phẩm đức rạng rỡ, y theo lý khuyên giải, bàn bạc, ắt họ sẽ nghe lời. Đấy cũng là đầu mối sửa sang lòng người, đôn đốc phong hóa lớn lao. Xin ông hãy nhọc lòng điều đình thì may mắn lắm thay!

(Ngày 18 tháng 5 năm Dân Quốc 25 - 1936)

273. Thư trả lời cư sĩ Nhậm Huệ Nghiêm

Ông gởi thư đến cho biết đã học Mật, rất an ủi. Cần biết rằng, học Mật thì trừ thân khẩu ý trì chú, tam mật[97] tương ưng ra, phải quán tưởng chuẩn xác thì mới

---

[95] Sư công: Vị thầy của sư phụ mình được gọi là "sư công", miền Trung, miền Nam thường gọi là sư ông, nhưng do miền Bắc thường gọi những vị tăng đã thọ giới cụ túc là sư ông (tỳ-kheo), còn các sa-di là sư bác, nên chúng tôi để nguyên không dịch chữ này để khỏi bị hiểu lầm.

[96] Đồ tôn: Đệ tử của học trò một vị sư gọi là đồ tôn.

[97] Tam mật (trīni guhyāni) gồm thân mật (kāya-guhya), khẩu mật (vāg-guhya) và ý mật (mano-guhya). Có hai cách giải thích ba khái niệm này:

1. Theo Hiển giáo (như trong các phẩm Thập Mật, Kim Cang Lực Sĩ Hội của kinh Đại Bảo Tích), do chẳng thể dùng phàm tình để suy lường tam nghiệp thân - khẩu - ý của Phật, nên gọi là tam mật. Đại Trí Độ Luận giải thích cặn kẽ hơn: Mỗi chúng sanh thấy sắc thân của Phật khác biệt, các thứ đại thần biến đều chẳng thể nghĩ bàn nên gọi là thân mật. Đức Phật thuyết pháp chỉ một câu mà tùy căn tánh người nghe sẽ vang xa một dặm, mười dặm cho đến trăm ngàn vạn dặm. Đức Phật nói một pháp mà tùy theo căn cơ của người nghe sẽ lãnh ngộ thành vô lượng vô biên nghĩa lý chẳng thể nghĩ bàn; đó là khẩu mật. Đức Phật thường nhập định, những gì Phật quán sát tư duy đều chẳng thể nghĩ bàn nên gọi là ý mật.

2. Theo quan điểm Mật giáo, nhìn về phía đức Phật thì trong ba thứ *thể, tướng, dụng*, nếu xét về dụng thì dụng của đức Phật chẳng thể nghĩ bàn, vượt khỏi mọi suy lường của phàm tình nên gọi là tam mật. Chúng sanh cũng có dụng lớn lao như vậy, chỉ vì tam nghiệp chưa khế hợp tam nghiệp của chư Phật nên không chứng được ba khía cạnh của dụng ấy, nhưng trong chân tâm vẫn ẩn tàng sẵn tam mật của chư Phật. Do vậy khi hành trì, hành giả đã dùng ấn khế, tư thế, pháp khí v.v. nhằm hợp nhất với Bổn tôn (vị tôn thánh nói ra bài chú hành giả đang thọ trì) ấy là thân mật. Không những khi đang trì chú mà trong mọi thời mọi lúc hành vi đều phải khế hợp với Bổn tôn nên gọi là thân mật. Miệng tụng niệm chân ngôn cho đến hết thảy lời lẽ đều xứng hợp Bổn tôn nên gọi là khẩu mật. Trong tâm chuyên quán tưởng chủng tự của chân ngôn và hình tượng Bổn tôn, tâm hợp nhất với Bổn tôn nên gọi là ý mật.

có tương ưng. Nhưng với địa vị "thành Phật ngay nơi thân này", sợ chẳng dễ gì đạt được đâu! Phật pháp rộng lớn, nhiều môn phương tiện, một pháp niệm Phật biết dễ hành khó. Nếu có thể nhất tâm bất loạn thì cũng là pháp môn vô thượng! Thích hợp khắp ba căn, mang nghiệp vãng sanh. Đối với Sách Tịnh Độ Thập Yếu và Một Lá Thư Trả Lời Khắp ông đã nhận được trước kia, hễ rảnh rỗi hãy nên xem đi xem lại sẽ hiểu rõ ràng sự dễ khó giữa Phật lực và tự lực. Một pháp niệm Phật càng nên chuyên tâm chẳng hai. Nếu học này học nọ, dẫu có đọc nhuyễn nhừ tam tạng mười hai bộ kinh, vẫn chẳng liên quan gì với sanh tử. Khuyên túc hạ hãy nhất tâm niệm Phật thì hay hơn. Nếu chẳng nghe lời Quang thì từ nay về sau đừng nên gởi thư tới nữa!

(Ngày mồng 3 tháng Chạp năm Dân Quốc 26 - 1937)

274. Thư trả lời cư sĩ Thường Phùng Xuân (thư thứ nhất)

Phàm những kẻ đọc sách hơi thông minh, không ai chẳng trúng phải chất độc báng Phật của Lý học. Chu Nguyên Công[98] là tông sư của Lý học, thuở trước chỉ lấy hồn nhiên, lấy quên ta người, tự tha làm chánh. Đến thời ông Trình, Lý học liền bị biến đổi dữ dội tận gốc, bài bác Phật giáo chẳng tiếc sức thừa. Ông ta bài bác, nhưng chẳng chú trọng nơi sự tinh vi của tâm tánh, chỉ ngược ngạo chú tâm nơi dấu tích thô thiển của nhân quả luân hồi. Do vậy, nhà Nho đều chẳng dám nói đến nhân quả luân hồi là cái gốc lớn lao để bình trị thiên hạ, chỉ chú trọng chánh tâm thành ý mà thôi. Bọn họ đã đả phá, bài xích nhân quả luân hồi, cho đó là căn cứ để Phật gạt gẫm kẻ ngu tuân phụng giáo pháp, vậy thì chánh tâm thành ý để được cái gì đâu? Không chánh tâm thành ý, đâu có mất mát gì? Chết rồi sẽ vĩnh viễn diệt mất, cần gì phải khăng khăng làm lành để tự bị khốn khổ oan uổng ư? Phong thái này được đề xướng, cho đến ngày nay giết cha, giết mẹ chẳng thấy là thẹn, ngược ngạo xem đó là vinh đều do những lời lẽ đả phá nhân quả luân hồi của bọn Lý học ươm thành.

Lúc bọn họ thốt ra những lời lẽ ấy, cố nhiên chẳng biết đã gây họa khốc liệt đến mức như thế. Ý họ muốn nhờ vào những lời bài xích đó, con người sẽ chẳng học theo Phật pháp hết, đạo Nho sẽ có ngày được hưng thịnh. Huống chi, những diệu nghĩa của Phật pháp đã được họ nêu đại lược đầu mối qua những lời chú giải kinh văn đạo Nho, nhưng họ đã cực lực báng Phật thì người khác làm sao biết do đâu mà họ có được những nghĩa lý ấy. Bổn tâm của họ như thế đó. Do họ đả phá, bài xích nhân quả, những kẻ tạo sự bình trị cho thiên hạ đều chẳng có căn bản.

[98] Nguyên Công là hiệu của Châu Đôn Di (1017-1073). Ông này vốn tên là Đôn Thực, tự Mậu Thúc, hiệu Liêm Khê, được coi là tổ khai sơn của Lý học. Trình Di, Trình Hạo và Chu Hy chỉ là những kẻ kế thừa, phát triển tư tưởng của Chu Đôn Di.

Dẫu có thiết lập, áp dụng, đều là chuyện bề ngoài. Ngày nay trong cả nước nhà trường chẳng đọc sách Nho nữa, như vậy là họ muốn diệt Phật lại đâm ra trở thành diệt Nho!

Những nhà Lý học sau thời Trình - Chu không một ai chẳng lén lút đọc sách kinh Phật, nhưng không một ai chẳng bài bác Phật pháp. Phần Thái Cực Đồ Thuyết trong cuốn Nhân Phổ của ông Lưu Hiến Đài[99] ăn nói hết sức bừa bãi, hoàn toàn phỏng theo những ý trong kinh Phật, nhưng lại ngược ngạo chê Phật là dị đoan, tà thuyết: *"Ông Viên Liễu Phàm thờ Phật, cầu gì cũng ứng. Lời nói ấy không có căn cứ. Bởi lẽ, Viên Liễu Phàm là người chánh trực, há bị những tà thuyết mê hoặc ư?"* Tâm ông Lưu gian ác, chẳng thể nào sánh ví được! Một đệ tử muốn ấn hành sách Nhân Phổ, đem cuốn thứ hai của bộ sách ấy gởi tới cho Quang giảo duyệt. Quang thấy những lời hay hạnh đẹp được ghi trong ấy rất hay, dẫu có một hai câu đụng chạm cũng là thái độ thường thấy của nhà Nho. Sau đó, ông ta mang cuốn thứ nhất tới, Quang đọc lời tựa nói: "Ba bốn trăm chữ trong bài tựa này báng Phật dữ dội từ xưa đến nay chưa hề có, quyết chẳng nỡ lòng tự đứng ra lưu thông sách này!"

Nhị Khúc cũng đã được hưởng pháp vị thừa mứa từ nơi kinh Phật, nhưng phàm ông ta đi đến đâu, những kẻ nghe ông ta nói đều ăn thịt, bội giáo. Ông ta và những kẻ mù mắt đời sau đều coi đấy là đức hạnh, chẳng biết đã mở đường cho chuyện giết cha, giết mẹ. Năm Dân Quốc 15 (1926), vợ chồng ông Trần Đôn Ngũ ở Tứ Xuyên đến Phổ Đà quy y, thưa với Quang: "Con thích Vương Dương Minh[100] nhất, học thuyết của Dương Minh hoàn toàn là Phật học, lẽ đâu lại có chỗ

---

[99] Lưu Hiến Đài, tên thật là Lưu Tông Châu (1578-1645), trước kia tên là Hiến Chương, tự Khởi Đông, hiệu Niệm Đài (Hiến Đài là một biệt hiệu khác), vốn là một nhà tư tưởng theo truyền thống Lý học thuộc Chiết Đông Học Phái vào đời Minh. Khi Lý Tự Thành diệt nhà Minh, vua Sùng Trinh treo cổ tự tử tại Môi Sơn, Phước Vương Châu Do Tung lên ngôi hoàng đế ở Nam Kinh, đã phong Hiến Đài làm Tả đô ngự sử. Chỉ được một thời gian ngắn, do học hặc với Mã Sĩ Anh và Nguyễn Đại Thành, ông ta đã bị triều đình đuổi về quê dạy học. Khi quân Thanh hạ được Hàng Châu, Lưu Tông Châu nghe tin khóc òa, nhịn đói 21 ngày rồi chết. Nhân Phổ là một trong những tác phẩm được tập hợp trong bộ Lưu Tử Toàn Thư (40 quyển). Thái Cực Đồ Thuyết là phần giảng giải về đồ hình Thái Cực.

[100] Vương Thủ Nhân (1472-1528), tự Bá An, hiệu Dương Minh, quê ở Dư Diêu, tỉnh Chiết Giang (nay thuộc thành phố Ninh Ba). Thường được các học giả gọi là "tiên sinh Dương Minh". Ông là một triết gia tiêu biểu cho trường phái Tâm Học Vận Động thuộc Lý học vào đời Minh, được coi là người hoàn thiện tư tưởng Tâm Học của Tống Nho. Do trước tác nhiều, có ảnh hưởng sâu rộng nên sau này có những nhà chuyên nghiên cứu tư tưởng của Vương Dương Minh, tạo thành một ngành học thuật riêng gọi là Dương Minh Học. Về mặt tư tưởng, Dương Minh kế thừa và triển khai tư tưởng của Lục Cửu Uyên, đề xướng tâm chính là lý, lấy đó để thấu hiểu sự vật (cách vật) hòng thấu hiểu bản tâm. Ông phản đối quan điểm của Chu Hy cho rằng đối với mọi sự mọi vật đều tìm đến lý nhờ "cách vật trí tri" (Theo họ Chu, câu này được hiểu là do đẩy mạnh sự suy lường học hỏi đến mức thấu hiểu tận cùng tất cả sự vật sẽ đạt đến thấu hiểu tất cả mọi yếu tố tinh thần hay vật chất trong vũ trụ, thấu hiểu được cái tâm). Vương Dương Minh cho rằng sự vật vô cùng tận không thể nào thấu hiểu hết được. Do vậy, ông đề xướng truy cầu cái lý ngay trong nội tâm, nói cách khác, toàn bộ lý nằm trong tâm. Lý hóa sanh thiên

báng Phật?" Quang đáp: "Ông có biết tâm ông ta hay không?" Thưa: "Không ạ!" Quang nói: "Ông ta đã được thờ trong Văn Miếu hay chưa?" Ông Trần liền kêu ầm lên: "Con hiểu rõ rồi, con hiểu rõ rồi! Những gã Lý học sau thời Trình - Chu đều học trộm kinh Phật, nhưng đều cực lực báng Phật, quả thật đều nhằm để được thờ trong Văn Miếu, chẳng cần biết đã làm lợi hay gây hại cho thánh đạo!"

Quang nói với ông lời này, vì sợ ông vẫn chưa hiểu rõ ràng đầu mối bình trị hay loạn lạc; muốn cho gia phong chẳng suy sụp mà chẳng đề xướng nhân quả sẽ chẳng được đâu! Muốn cho thiên hạ thái bình cũng chẳng thể không đề xướng nhân quả, đấy là phương cách cả ngàn vị thánh cũng chẳng thể thay đổi được. Dùng pháp này làm gốc để thực hành trong nhà thì nhà yên, thực hành trong cả nước, trong thiên hạ thì không nơi nào đều chẳng như vậy. Bỏ chuyện này mà bàn chuyện bình trị thì đều là những chuyện ngoài da, quyết chẳng thể nào thành tựu lớn lao tốt đẹp được.

Ông đã sanh lòng chánh tín nơi Tịnh độ, nay đặt pháp danh cho ông là Huệ Dương, nghĩa là nương theo trí tuệ của Phật để hoằng dương Tịnh độ, khiến cho hết thảy những người cùng hàng đều được liễu sanh thoát tử ngay trong đời này. Ông coi Quang giống như Chu Tử, Thiệu Tử, Phạm Văn Chánh Công, Quang nào dám mong sánh vai ba vị ấy? Nhưng ba vị ấy chưa gặp được pháp môn Tịnh độ, còn Quang may mắn được gặp. Pháp này lan truyền khắp nhân gian, nhưng nào được mấy ai suốt ngày trì tụng, mà đa số vẫn cứ coi thường chẳng quan tâm, giống như kẻ chưa từng thấy nghe vậy. Lại có người nghe nhưng chẳng tin. Người tin tưởng rồi thực hành thật hiếm hoi lắm! Ông nay đã sanh được lòng chánh tín, hãy nên chất phác niệm Phật, ngõ hầu chẳng đến nỗi bị những tri thức thuộc các tông khác lung lạc, mê hoặc.

Các vị Tôn, Trần v.v. tặng ông mấy chục loại sách, nay gởi cho ông Tịnh Độ Thập Yếu, Phật Học Cứu Kiếp Biên, Tịnh Độ Ngũ Kinh, Tịnh Độ Thánh Hiền Lục, Sức Chung Tân Lương, mỗi thứ một bộ. Sách Thập Yếu này chính là nguyên bản vào thời tổ Ngẫu Ích, chứ không phải là bản bị tiết lược do sư Thành Thời in mộc bản trước kia. Đọc sách này mà tin đến nơi thì hết thảy tri thức, hết thảy kinh giáo, các thứ pháp môn đều chẳng lay chuyển được tín tâm! Người học Phật ắt phải giữ vẹn luân thường, trọn hết bổn phận, dứt lòng tà, giữ lòng thành, đừng

---

địa vũ trụ vạn vật. Ông nhấn mạnh: "Tâm chỉ một mà thôi, do toàn thể tâm ấy phát khởi lòng trắc ẩn thì gọi là nhân, đạt được những điều thích đáng thì gọi là nghĩa, có thứ lớp trật tự thì gọi là lý. Chẳng thể cầu nhân ngoài tâm, chẳng thể cầu nghĩa ngoài tâm, làm sao có thể riêng cầu lý ở ngoài tâm cho được? Cầu lý ngoài tâm thì tri và hành sẽ trở thành tách rời. Cầu lý nơi chính tâm ta, đấy chính là giáo nghĩa 'tri hành hợp nhất' trong đạo thánh vậy." Do câu nói này, học thuyết của Vương Dương Minh thường được gọi là thuyết *tri hành hợp nhất*.

làm các điều ác, vâng giữ các điều lành, khiến cho hết thảy mọi người nhìn theo bắt chước làm lành. Bởi lẽ "dùng lời nói để dạy sẽ bị tranh cãi; dùng thân để dạy, người khác sẽ thuận theo". Cõi đời hiện nay đã loạn đến cùng cực, chẳng dùng Phật pháp để cứu vãn, uốn nắn, sẽ không lập cách gì khác được. Quang là một ông tăng chỉ biết cơm cháo, thoạt đầu ông ví Quang như Chu Nguyên Công, Thiệu Khang Tiết[101], Phạm Văn Chánh Công là đã nói trật rồi. Tiếp đó, lại lầm lạc ca ngợi Quang là hậu thân của Phật Di-đà, là người tiên phong của đức Bổn sư v.v., sao lại chẳng sợ tội lỗi đến mức như thế? Bởi lẽ, đem phàm lạm thánh, tội chẳng thể tha! Ông có biết hay chăng?

Khổng tử nói: *"Triêu văn đạo, tịch tử khả hỹ"* (Sáng nghe đạo, tối chết cũng được). Chẳng hận nghe đạo trễ, chỉ sợ chần chừ chẳng chịu thực hành! Đã biết niệm Phật có cảm ứng, hãy nên suất lãnh vợ con cùng tu trì. Người niệm Phật còn muốn phổ độ chúng sanh, huống là quyến thuộc trong nhà của chính mình sao nỡ để họ bỏ uổng cuộc sống này ư? Bỏ uổng cuộc sống này thì từ trần sa kiếp này sang trần sa kiếp khác, hễ lầm lỡ một phen sẽ lầm lỡ mãi mãi. Do vào mùa đông năm ngoái Quang giảo duyệt bản thảo Hám Sơn Niên Phổ Sớ vào ban đêm, chữ viết quá nhạt, mục lực bị tổn thương, đến nay chẳng thể khôi phục được. Hiện thời khi đọc mà nếu chẳng dùng kính lão lẫn kính lúp sẽ chẳng thể xem hay viết được. Vì thế, vào mùa đông năm ngoái đã cự tuyệt hết thảy thư từ, phàm ai gởi thư đến đều dặn họ từ rày đừng gởi thư đến nữa, cũng chẳng bằng lòng họ giới thiệu người khác quy y vì tinh thần lẫn mục lực chẳng thể chịu đựng được. Một Lá Thư Trả Lời Khắp khá có quan hệ đối với hết thảy mọi người, hãy nên tùy duyên đề xướng thì lợi ích lớn lắm!

(Ngày 14 tháng 6)

275. Thư trả lời cư sĩ Thường Phùng Xuân (thư thứ hai)

Cái chết của Huệ Tá là do cha mẹ, bà nội của anh ta gây ra. Nhà ấy sanh được đứa con thông minh, dĩnh ngộ, chẳng dạy anh ta đạo "giữ gìn thân thể, ít dục vọng". Đã sớm cưới vợ cho anh ta, lại chẳng nói tới lợi ích của việc tiết dục và cái họa của việc buông lung dục vọng. Hai kẻ thanh niên ấy chỉ biết cầu vui, chẳng biết sẽ chóng chết. Đến khi đã mắc bệnh rồi, vẫn chẳng bảo vợ trở về Ninh Ba, đến nỗi bệnh nặng hơn cả năm, rồi tới nỗi phải chết. Sắp chết, trông thấy vợ

[101] Thiệu Khang Tiết (1011-1077), tự Hiểu Phu, là một nhà bói toán nổi tiếng đời Tống, tinh thông Dịch Lý, là một trong những nhân vật kiệt xuất của phái Tượng Số trong Dịch Học. Ông đã đề ra phép bói Mai Hoa Dịch Số nổi tiếng. Văn Chánh Công chính là Phạm Trọng Yêm (ông này có thụy hiệu là Văn Chánh).

vẫn còn động tình, cho nên phải cắn ngón tay để đè nén dục tâm. Những chuyện như vậy trong thiên hạ nhiều lắm, chỉ thuật hai chuyện:

Một đệ tử nhà nghèo, cha chết sớm, học nghề buôn bán, tư chất thuần hậu. Năm mười lăm, mười sáu tuổi liền cưới vợ. Thân thể đã bị tổn thương. Trước hết, anh ta giữ sổ sách cho một tiệm bán the lụa, người bạn bảo anh ta sang chùa Pháp Vũ núi Phổ Đà dưỡng sức mấy tháng. Đã khỏe mạnh rồi, bà mẹ cằn nhằn người giới thiệu, chỉ sợ anh ta xuất gia, lôi kéo ông chủ tiệm và bố vợ đến gọi anh ta về. Quang nói với người đến tìm: "Trở về thì được, nhưng hãy để cho người vợ thường xuyên ở bên nhà mẹ đẻ, nếu anh ta chưa hoàn toàn bình phục thì chớ nên gặp gỡ." Những người ấy đều là những kẻ chẳng hiểu chuyện nhất, đều chẳng nghe lời Quang. Anh ta vẫn giữ sổ sách trong tiệm. Quang sang Thượng Hải đến tiệm ấy (chủ tiệm cũng là người tốt, có quen biết) trông thấy anh ta sắc mặt tươi nhuận, biết anh ta vẫn biết tiết dục. Sau này Quang trở về núi, tới Ninh Ba, thấy sắc mặt anh ta biến đổi quá sức, hỏi: "Con có về nhà hay không?" Thưa: "Về tới nhà chỉ ở bốn ngày" mà hình dạng so với lúc chưa về đã khác hẳn một trời một vực, rốt cuộc chết mất. Chàng trai ấy thông hiểu văn tự, biết nghe lời, nếu chẳng phải do bà mẹ ương ngạnh đứng ra quyết đoán, chắc chẳng đến nỗi phải chết yểu!

Lại có con của một đệ tử quy y, bố vợ cũng quy y. Người này khá thông minh, rất giỏi Anh văn; do chẳng biết tiết dục nên ngã bệnh, muốn sang Tây Hồ, Hàng Châu, nói: "Hễ con sang Tây Hồ, bệnh sẽ lành được một nửa!" Cha mẹ chẳng biết anh ta không dám gặp vợ, chẳng chịu cho đi. Anh ta lại muốn vào bệnh viện, do vậy bèn đưa vào bệnh viện, nhưng vẫn cho người vợ thường tới thăm, rốt cuộc anh ta chết trong bệnh viện. Ông bố vợ kể chuyện với Quang, Quang bảo: "Các ông là lũ người si dại đến nỗi anh ta chẳng muốn chết mà cứ ép anh ta phải chết!" Tiếc cho anh ta chẳng nói rõ chẳng dám thấy mặt vợ, vì hễ trông thấy mặt vợ sẽ hứng tình, di tinh.

Huệ Tá sắp chết, thấy vợ liền cắn ngón tay, ông tưởng là anh ta chán ngán, vẫn chưa đúng sự thật đâu! Ấy là vì anh ta chế ngự dục niệm. Đến khi chết, được sức trợ niệm của mọi người, chính mình vẫn có tín tâm, vì thế chết rồi tướng mạo biến đổi thành tươi đẹp; do vậy biết Phật lực, pháp lực, chúng sanh tâm lực, đều chẳng thể nghĩ bàn. Tâm lực của chúng sanh mà chẳng nương nhờ Phật lực, pháp lực sẽ chẳng thể hiển hiện được. Do nương vào Phật lực, pháp lực mà được hiển hiện, vì thế mới hiện tướng ấy. Con em đời sau càng thông minh thì dục tâm càng nặng. Khi chúng chưa dậy thì, chớ nên nói. Hễ đã dậy thì rồi, chẳng nói với chúng đạo giữ gìn thân thể, giảm bớt ham muốn, chắc sẽ đều khó tránh khỏi đến nỗi thủ dâm, tà dâm; đến khi cưới vợ sẽ quên thân chạy theo dục lạc, đều khó tránh khỏi!

Con trai thì cha và thầy bảo ban nó, con gái thì mẹ sẽ nói. Nếu vợ của Huệ Tá biết được nghĩa này, anh ta đâu đến nỗi mắc bệnh gần cả năm rồi chết!

Thời cổ, quốc gia còn hạ lệnh khuyên con người tiết dục. Nay thì bệnh đã gần chết, vẫn chẳng cho chia cách. Do vậy, những gã thanh niên tử vong oan uổng chẳng biết là bao nhiêu, cứ đổ hết cho số mạng. Há mạng có khiến cho bọn họ tham sắc dục không chán ư? Huệ Tá bị chết oan uổng, (nếu cha mẹ sớm khuyên dạy, anh ta hiểu lợi hại sâu xa, trọn chẳng đến nỗi chết, vì thế nói là oan uổng). Huệ Tá sanh về Tây Phương là chuyện may mắn. Nếu không có ai trợ niệm thì do chết vì dâm dục, dẫu chẳng đọa vào ba ác đạo, cũng khó tránh đọa làm thân nữ và thân gái làng chơi. Do mọi người trợ niệm, được nhờ vào Phật từ lực nên được kết quả ấy. Chuyện của anh chàng này chẳng cần phải lan truyền, nếu muốn lan truyền thì phải dựa theo ý Quang đã nói về chuyện giữ thân tiết dục để nói thêm vào (chẳng cần phải tuân theo nguyên văn, chỉ dựa theo ý) thì sẽ khiến cho những kẻ làm cha mẹ và các thanh niên động lòng, mà cũng tỏ rõ ba thứ Phật lực, pháp lực, chúng sanh lực đều chẳng thể nghĩ bàn.

Trợ niệm dùng "thủ thuật"[102] chẳng bằng dùng tâm quán, từ nay về sau không cần phải đề xướng cách thức này. Cách ấy trước đây Quang đã thấy một đệ tử dựa theo cách pháp sư Hưng Từ đã lập; về sau pháp sư Huệ Định ở Tứ Xuyên đem tác phẩm Ứng Dụng Duy Thức Học Quyết Định Sanh Tịnh Độ Luận do ông ta biên soạn gởi cho Quang, tôi biết pháp sư Hưng Từ dựa theo tác phẩm đó mà lập ra pháp ấy. Quang cho rằng công đức của Phật hiệu chẳng thể nghĩ bàn, bỏ sự trợ niệm của đại chúng để cậy vào chuyển động tay của một người nhằm kêu gọi Phật, đấy chính là coi rẻ Phật hiệu, coi trọng thủ thuật, chẳng đáng noi theo. Mong đừng lập dị, đến nỗi kẻ vô tri hùa nhau bỏ gốc lấy ngọn vậy!

(Ngày 24 tháng 11)

276. Thư trả lời cư sĩ Thường Phùng Xuân (thư thứ ba)

Thư nhận được đầy đủ, nếu chuyện của ông Lý Tự Huân là sự thật thì ông ta chắc chắn vãng sanh, nhưng người đời nay thường hay tô vẽ, muốn sướng tai khoái mắt người khác, đấy là lỗi lầm lớn. Đối với cha mẹ, đối với chính mình đều vô ích, bị tổn hoại. Vì sao vậy? Do lừa người dối mình, là phàm mà dối xưng là thánh vậy! Chưa vãng sanh, quyến thuộc chí thành niệm Phật thì người ấy cũng

[102] Pháp sư Hưng Từ đề xướng một phương pháp gọi là "liễu sanh thoát tử, cứu độ trung ấm thân". Theo đó, người hộ niệm tập trung tinh thần, quơ tay từ phía chân người chết lên đến ngực, vừa niệm Phật vừa tưởng như chính mình đang được Phật gia hộ, lôi kéo thần thức của người sắp chết từ chân lên đầu để cuối cùng thần thức sẽ từ đỉnh đầu thoát ra. Do vậy gọi là "thủ thuật" vì phải vận dụng tay rất nhiều để làm tư thế nắm kéo trong khi hộ niệm.

có thể vãng sanh. Nếu tô vẽ thì chẳng phải là tâm chân thật mà là tâm hư giả, nên khó được lợi ích thật sự. Mong hãy đem chuyện này thiết tha bảo với hết thảy đồng nhân.

Một bộ Văn Sao Tục Biên gồm hai cuốn, tổng cộng là 300 trang, mỗi gói là ba bộ, tính gởi bốn gói. Cho người hỏi bưu cục, họ nói không thể gởi được. Hiện thời rất nhiều nơi chỉ có thể gởi thư, dẫu là một quyển sách nhỏ cũng không gởi được. Xin ông hãy nói với những ai niệm Phật hãy sốt sắng niệm Phật, bởi sau này muốn có sách để đề xướng cũng rất khó khăn. Năm ngoái, vùng quê Quang gởi tới hơn 400 đồng, nay một bộ cũng chẳng thể gởi được, đáng than thay! Chẳng biết ngày nào thanh bình, chuyện gởi sách đã tuyệt vọng rồi! Xin hãy sáng suốt soi xét, bài sớ Lễ Quán Âm Cầu Con và ba điều trọng yếu để cầu con, gởi mỗi thứ một phần. Tiền hương kính đưa cho thường trụ, vì Quang sáng chẳng bảo đảm được tối, chẳng muốn giữ lại sau khi đã chết. Mục lực càng kém, không có chuyện gì khẩn thiết, đừng gởi thư đến để khỏi phải tốn công đọc và trả lời. Pháp danh của hai người được viết trong tờ giấy khác.

(Ngày mồng 10 tháng 10)

Kim Vinh pháp danh là Huệ Trinh, có quan hệ rất lớn, cái tên này không phải chỉ ngụ ý cô ta có thể thủ tiết! Kinh Dịch chép: *"Trinh giả, sự chi cán dã"* (trinh là trung tâm (cốt lõi) của sự việc). Nếu con người không có lòng trinh[103] thì chuyện gì cũng chẳng thành. Hãy nên dùng lòng trinh do trí tuệ để tự hành, dạy người thì lợi ích lớn lao. Một phụ nữ Hồi Hồi ở Vu Hồ tin tưởng sâu xa pháp môn Tịnh độ, gần đây khuyên được một người cực thông minh nhưng chẳng tin Phật phát tâm quy y, cũng là do dùng lòng trinh mà được. Đây quả là chuyện xưa nay ít thấy vì người Hồi Hồi khó giáo hóa nhất!

277. Thư trả lời cư sĩ Thường Phùng Xuân (thư thứ tư)

Đọc những điều đã thuật thì người đã mất ấy quyết định được vãng sanh, do đức Phật có đại nguyện, lại nhờ sức trợ niệm của đại chúng, nên có thể quyết định vãng sanh. Nhưng cũng không cần phải đăng báo, bởi ai nấy nương theo pháp này, ai nấy đều được vãng sanh, trọn chẳng phải là chuyện hiếm hoi, lạ lùng gì. Nếu ai nấy đều đăng báo sẽ phiền phức khôn xiết! Nếu [lúc lâm chung] có cảnh giới lớn lao chẳng thể nghĩ bàn, chẳng phải là chuyện thấy nghe bình thường thì chẳng ngại gì đăng báo để người thấy kẻ nghe đều sanh chánh tín. Nếu không,

[103] Trinh（貞）hiểu theo nghĩa rộng là lòng tinh thành đến cùng cực, không lay động, di chuyển bởi ngoại cảnh, bền giữ chí khí. Do vậy, phụ nữ giữ lòng chung thủy, không thay lòng đổi dạ gọi là trinh, không hiểu hạn hẹp như chữ virgin sau này.

chẳng đăng báo sẽ tốt hơn. Vì sao vậy? Hết sức bình thường, chẳng hiếm hoi, lạ lùng gì! Nay tôi đem nguyên văn gởi trả lại, xin ông hãy bảo với hiếu quyến để họ vĩnh viễn lấy đó làm khuôn phép nhất định thì lợi ích sẽ rộng lớn vậy.

(Ngày mồng 6 tháng Giêng)

278. Thư trả lời cư sĩ Thường Phùng Xuân (thư thứ năm)

Đã nhận được bưu phiếu, từ nay đừng gởi đồ vật tới nữa, hãy nhất tâm niệm Phật, chớ nên chuyên chú xem đọc kinh sách nữa. Niệm Phật là chánh hạnh, những lúc như đi đường chẳng hạn cần gì phải xem sách? Chỉ nên niệm Phật! Xem sách và niệm Phật là hai chuyện khác nhau. Niệm Phật đi, đứng, nằm, ngồi đều niệm được; xem sách nếu chẳng ngưng lặng tâm trí, dẹp yên lo nghĩ, sẽ chẳng hiểu được ý nghĩa. Điều quan trọng trong niệm Phật là nhiếp trọn sáu căn, tịnh niệm tiếp nối. Muốn nhiếp trọn sáu căn, chỉ lắng nghe tiếng niệm Phật của chính mình trong một thời gian dài thì sẽ tự đạt được. Đối với chuyện đặt ra những chữ đầu cho pháp danh[104] để đời sau nương theo đó mà đặt pháp danh, Quang trọn chẳng tán thành chuyện này vì sẽ tạo ra thói tệ, nên chẳng khơi ra đầu mối này.

279. Thư trả lời cư sĩ Thường Phùng Xuân (thư thứ sáu)

Quang già rồi, không có mục lực lẫn tinh thần để thù tiếp, trong tháng trước đã đăng lời phân trần trên hai tờ Tân Báo và Thân Báo để sau này bất luận là ai cũng đều chớ nên gởi thư đến nữa, mà cũng chẳng chấp nhận giới thiệu người khác đến quy y. Kẻ có lòng tin thì chẳng ngại gì theo lệ bái môn sinh[105] giống như nhà Nho, bái các ông làm thầy cho họ. Nhưng các ông chẳng được xưng là "thầy quy y" của những người ấy, bởi lẽ quy y tam bảo Phật pháp tăng, cư sĩ há nên tiếm xưng? Chỉ vì chỗ ông không có vị tăng thật sự biết Phật pháp, cho nên phải theo lối cầu học, để mong cho ai nấy đều được lợi lạc. Nếu nói ta là "thầy quy y của người nào đó, kẻ nào đấy là đệ tử quy y của ta", sẽ thành ra *"Bát Dật vũ đình, Ung Thi triệt tế"* (múa Bát Dật trong sân, ngâm bài Ung Thi để dọn cỗ tế xuống)[106], đúng là tội nhân trong cửa Phật, chẳng gọi là hoằng pháp lợi sanh.

---

[104] Tức là lối đặt pháp danh với những chữ đầu lấy từ một bài kệ truyền dòng. Chẳng hạn, dòng Lâm Tế Chúc Thánh có bài kệ: "Minh thiệt pháp toàn chương, ấn chân như thị đồng…" Theo đó, thầy có pháp danh bắt đầu chữ Chân thì trò sẽ có pháp danh bắt đầu bằng chữ Như.

[105] Bái môn sinh: tôn một vị mình trân trọng làm thầy, giữ lễ đệ tử.

[106] *"Bát Dật vũ đình"* (múa Bát Dật trong sân) là một thành ngữ dựa theo câu nói của Khổng tử trong Luận Ngữ: *"Tử viết: - Quý Thị Bát Dật vũ ư đình, thị khả nhẫn dã, thục bất khả nhẫn dã"* (Khổng tử nói: - Quý Thị múa Bát Dật trong sân, chuyện ấy hắn còn nhẫn tâm làm thì chuyện gì khác mà hắn chẳng nhẫn tâm làm). Theo sách Luận Ngữ Giảng Yếu của cụ Lý Bỉnh Nam, Quý Tôn Thị nước Lỗ cho múa Bát Dật để tế tổ tiên trong sân của miếu thờ gia đình; đó là chuyện tiếm dụng rất lớn. Vì Bát Dật là một điệu múa, ít nhất là tám người, tối đa là sáu mươi bốn người, chỉ dành riêng cho thiên tử nhà Chu sử dụng khi tế tổ trong Thái Miếu. Nước Lỗ vốn là đất phong cho Chu công sau khi nhà Chu dẹp Trụ.

Pháp danh của năm người xin quy y được viết trong một tờ giấy khác. Nếu muốn đọc các kinh sách, hãy tiếp xúc trực tiếp với Hoằng Hóa Xã, cũng đừng thuận tiện gởi kèm thư cho Quang, dù có kèm theo thư cũng không trả lời. Pháp môn Tịnh độ là pháp môn dễ tu, dễ thành nhất trong Phật pháp. Hãy nên theo những gì Văn Sao, Gia Ngôn Lục và các trước thuật Tịnh độ đã nói để tu tập, chắc chắn sẽ có thể cậy vào Phật từ lực để liễu sanh thoát tử. Nếu chẳng coi đấy là điều quan trọng, cứ muốn cậy vào tự lực để liễu sanh tử, chỉ sợ trải trần sa kiếp này sang trần sa kiếp khác vẫn ở trong lục đạo, luân hồi, chẳng đáng buồn sao?

(Ngày 19 tháng Chạp)

280. Thư trả lời cư sĩ Thường Phùng Xuân (thư thứ bảy)

Thư ông và thư của Lưu Văn Chương đều nhận được đầy đủ. Tôi vốn muốn viết pháp danh trên đơn xin quy y, nhưng mục lực chẳng đủ, nên chẳng thể viết chữ nhỏ được, do vậy bèn viết vào tờ giấy khác. Xin hãy chia ra đưa cho họ. Đối với việc khai thị, nói chung lấy "giữ vẹn luân thường, trọn hết bổn phận, dứt lòng tà, giữ lòng thành, đừng làm các điều ác, vâng giữ các điều lành, tín nguyện niệm Phật cầu sanh Tây Phương" làm chuẩn mực để tự hành dạy người. Cách niệm Phật thì không gì trọng yếu hơn là nghe, nghe thì tâm sẽ lặng vào một chỗ, đấy gọi là "nhiếp trọn sáu căn, tịnh niệm tiếp nối". Nay gởi cho ông 25 gói sách,

---

Do cảm niệm công ơn phù tá của Chu Công Đán khi vua còn bé, Chu Thành Vương đặc biệt cho phép vua nước Lỗ đời đời được sử dụng điệu múa Bát Dật để tế Chu công, chứ không được sử dụng trong những miếu thờ khác, ngay cả miếu thờ vua nước Lỗ. Quý Thị chính là hậu duệ của Lỗ Hoàn Công, do thấy lễ nhạc của thiên tử được sử dụng trong miếu thờ Chu công liền tự tiện sử dụng để tế tổ tiên của mình, do vậy phạm lỗi tiếm dụng rất lớn.

"Ung thi triệt tế" (ngâm bài Ung Thi để dọn cỗ tế) cũng xuất phát từ một câu nói trong Luận Ngữ: *"Tam gia giả dĩ Ung triệt, Tử viết: "Tương duy tịch công, thiên tử mục mục, hề thủ ư tam gia chi đường"* (Ba họ ngâm bài Ung Thi trong khi dọn cỗ xuống sau khi tế xong, Khổng tử nói: "Hai câu thơ: 'Vẻ mặt của chư hầu và hậu duệ nhà Hạ, nhà Ân đến trợ tế lẫn vẻ mặt của thiên tử đều nghiêm túc' sao lại dùng trong miếu thờ của ba họ?") "Tam gia" chính là Trọng Tôn, Thúc Tôn, Quý Tôn, đều là ba vị Khanh Đại Phu nước Lỗ, là hậu duệ của Khánh Phụ, Thúc Nha, Quý Hữu (ba người này là con thứ của Lỗ Hoàn Công), nên còn gọi là Tam Hoàn Gia hoặc Tam Hoàn Tử Tôn. Ung Thi là một bài thơ thuộc phần Chu Tụng của Kinh Thi. Triệt（徹）là dọn xuống. Khi thiên tử tế thái miếu, lúc lễ xong, các nhạc công cử nhạc ngâm bài thơ này để hạ cỗ bàn. "Tương duy tịch công, thiên tử mục mục" chính là hai câu thơ trong bài Ung Thi. Cụ Lý Bỉnh Nam giảng: "Tương duy"（相維）là chữ đệm không có nghĩa lý gì, "tịch công"（辟公）là các chư hầu, như hậu duệ nhà Hạ là nước Kỷ, hậu duệ nhà Ân là nước Tống. Mục mục（穆穆）là vẻ mặt ôn hòa, khoan dung, nghiêm túc của thiên tử. Hai câu này có nghĩa là khi các chư hầu và hậu duệ nhà Hạ, nhà Ân đến trợ tế, vẻ mặt của vị đứng chủ tế và các bồi tế (trợ tế) nghiêm túc, khoan hòa; ngụ ý tuy tế lễ đã xong, vị chủ tế và trợ tế vẫn nghiêm túc, trang trọng". Bài thơ này chỉ thiên tử nhà Chu mới được dùng khi tế lễ mà ba quan đại phu nước Lỗ lại tiếm dụng nên họ bị Khổng tử chê trách.

Tổ Ấn Quang dùng cả hai câu thơ này để răn nhắc hàng cư sĩ không được tự tiện truyền tam quy, ngũ giới cho người khác vì chỉ có tăng chúng mới có tư cách đại diện tam bảo truyền giới. Nếu cứ làm càn, sẽ giống như chư hầu dám dùng những nghi lễ dành riêng cho thiên tử để cúng tế tổ tiên mình.

những bộ sách lớn không có nhiều hãy nên giữ lại trong hội để mọi người được xem. Những cuốn sách lẻ khá nhiều, trừ những cuốn để lại trong hội ra, hãy chọn những ai thông văn lý, có lòng tin, biết cung kính để biếu tặng.

Lưu Văn Chương hiếu học, nhưng sống nơi xa xôi, bất luận những loại sách lớn hay nhỏ mỗi thứ đều trích ra tặng cho ông ta một phần. Chớ nên gởi thư quấy nhiễu, hãy nên tự sốt sắng tu trì mà thôi! Sau khi nhận được 25 gói sách, chỉ cần gởi một mảnh giấy báo tin đã nhận được, chớ nên lôi thôi, dài dòng. Quang mục lực chẳng đủ, đọc chữ cũng rất tốn sức, chớ nên không thông cảm, xin hãy sáng suốt soi xét và nói với mọi người.

(Ngày 21 tháng 2)

281. Thư trả lời cư sĩ Thường Phùng Xuân (thư thứ tám)

Mười pháp danh được viết trong tờ giấy khác. Bọn họ phần nhiều từng dự vào Đồng Thiện Xã và theo Lý học v.v.. Nay đã quy y Phật pháp, chớ nên thực hiện những công phu ngoại đạo trước kia nữa! Phàm những kẻ thuộc ngoại đạo đều tuân thủ cung cách bí mật, nói xằng bậy bọn họ được chân truyền của Lục tổ, vị thầy truyền đạo của họ là vị Phật này hay vị tổ sư nọ giáng sanh. Cái tội đại vọng ngữ ấy quả báo thật thê thảm! Hễ một hơi thở ra không hít vào được nữa sẽ đọa thẳng vào địa ngục A-tỳ, vì kẻ ấy đã hoại loạn Phật pháp, làm cho chúng sanh lầm lạc, nghi ngờ. Nói đến cách "niệm Phật nhớ số" vốn chỉ cốt sao tâm quy vào một mối, chẳng cần phải nhớ đến trăm, đến ngàn. Cách ông lập ra tuy hay, nhưng sợ về lâu về dài tâm lực chẳng kham nổi, rất có thể ngã bệnh.

Nói đến sám pháp thì chỉ lấy kiền thành lễ tụng làm chánh, hoặc lễ Tịnh Độ Sám hoặc Tiểu Tịnh Độ Sám đều được. Trong sách Tịnh Độ Thập Yếu có bài văn sám hối, nếu trong những sách đã gởi không có quyển ấy, hãy nên căn cứ theo giá cả để thỉnh từ Hoằng Hóa Xã. Thường gởi tặng sách liên tục thì Quang nào có sức, nay gởi cho ông một gói Một Lá Thư Trả Lời Khắp, xin hãy cho mỗi người quy y một tờ để giúp cho tiền đồ tu trì của bọn họ.

(Ngày 27 tháng 5)

282. Thư trả lời cư sĩ Thường Phùng Xuân (thư thứ chín)

Thư đề ngày mồng 10 tháng Chạp năm ngoái đến chiều ngày hôm qua tôi mới nhận được. Trước kia, tôi đã nói mục lực chẳng đủ, đừng gởi thư tới nữa, cho nên lá thư gởi vào mùa đông năm ngoái tôi không trả lời. Các ông tưởng là vì chưa dâng tiền cúng dường nên Quang không thèm trả lời, do vậy bèn đặc biệt gởi tới 33 đồng mong rằng Quang sẽ trả lời thư. Đây thật là chẳng biết nỗi khổ của Quang!

Hiện thời giao thông tiện lợi, bất luận xa hay gần đều có thể gởi thư đến. Tuy đã cự tuyệt, vẫn chẳng thể hoàn toàn không có ai gởi thư tới. Lại có những người từ mấy chục dặm hoặc một hai trăm dặm quanh Tô Châu, ngồi xe lửa, xe hơi, chưa đầy nửa ngày đã tới nơi, hằng ngày phải thù tiếp họ đã chiếm mất nửa thời gian lẫn sức lực. Há còn có thể thường xuyên trả lời thư các ông được chăng?

Sám hối bảy ngày, tự thệ thọ giới, rất tốt! Cần biết rằng, bốn giới đầu trong ngũ giới thuộc về tánh giới, bất luận là ai đều phải nên giữ. Người dẫu chưa nghe đến tên gọi của giới mà phạm thì vẫn có tội bởi những điều ấy có liên quan đến thể tánh nên có tội, vì thế cũng gọi là tánh tội. Kẻ đã thọ giới mà phạm thì trở thành hai trọng tội, vì ngoài tánh tội ra còn phạm một giá tội[107] nữa là "phạm giới". Chỉ có giới uống rượu là giá giới, hễ phạm thì gọi là giá tội. Kẻ chẳng thọ giới mà uống rượu không phạm tội; kẻ đã thọ giới chỉ phạm giới tội.

Thêm nữa, người chưa thọ giới phạm đại vọng ngữ tội đã cực nặng, người thọ giới rồi mà phạm thì tội càng nặng thêm. Như lũ ngoại đạo thường nói bọn chúng đắc chân truyền của Phật pháp, "Lục tổ loạn truyền Phật pháp, pháp trở về tay người tại gia, tăng nhân đều không có pháp." Thầy họ là vị Phật này hay vị tổ sư nọ chuyển thế. Kẻ thuyết pháp kiểu ấy đều là vì cầu danh văn lợi dưỡng, người thọ giới cũng có kẻ hiếu danh, hoặc cầu lợi dưỡng, chưa được bảo đã được, chưa chứng nói đã chứng; hạng người ấy dẫu có tu trì nhưng vì tâm địa chẳng thật nên chưa chắc đã được hưởng lợi ích thật sự trong Phật pháp, mà cái tội hoại loạn Phật pháp, khiến chúng sanh bị lầm lạc, ngờ vực, chẳng biết tới năm nào, kiếp nào mới tiêu diệt được.

Nay gởi cho các ông 20 gói sách, đợi đến tháng 4 còn có mấy gói Kỹ Lộ Chỉ Quy sẽ gởi đến, khi nhận được, đừng gởi thư trả lời. Đối với người mới phát tâm, sách ấy rất hữu ích, vì thế tôi đã tính gởi từ trước kia. Mẹ ông Lý Thượng Đức pháp danh là Tông Thành, Thượng Đức pháp danh là Trí Đức, em trai ông ta là Thượng Tín, pháp danh là Trí Tín, Lý Vương Tố Khanh pháp danh là Trí Tố, Lý Thiệu Văn Hàn pháp danh là Trí Chương. Xin hãy nói với bọn họ, hễ quy y Phật pháp, ắt phải giữ vẹn luân thường, trọn hết bổn phận. Nếu không, chẳng những là tội nhân nơi Danh giáo mà còn là tội nhân trong Phật pháp. Chuyện khẩn yếu nhất

[107] "Giá" (遮) có nghĩa là ngăn trở, che lấp. Do tội ấy ngăn trở công đức không sanh trưởng được nên gọi là giá tội. Những giới nhằm ngăn trở tội lỗi chẳng để cho chúng nảy sanh khiến cho công đức lẫn chân tánh bị che lấp thì gọi là giá giới. Do uống rượu khiến tâm sân hận, kiêu căng, si mê tăng trưởng, huệ tâm bị ẩn mất, có thể tạo ra những hành vi giết, trộm, dâm do không kiểm soát được tâm ý, nên tội uống rượu gọi là giá tội. Giới cấm "không uống rượu" sẽ giúp ngăn trở những điều tội lỗi ấy xảy ra nên gọi là giá giới.

của phụ nữ là khéo dạy dỗ con cái, lúc con cái vừa mới hiểu biết mà lúc ấy chẳng dạy dỗ thì về sau sẽ khó thành tựu được!

(Ngày 28 tháng Giêng)

283. Thư trả lời cư sĩ Thường Phùng Xuân (thư thứ mười)

Nhận được thư mấy ngày, do bận bịu không rảnh rỗi nên chưa trả lời ngay, sáng nay viết cho ông những nghĩa chánh để ông chẳng đến nỗi lại sanh nghi ngờ nghĩa lý. Chuyện thế gian đều gây nên thói tệ, những kẻ ham danh ghét thật, hễ biết được chút đạo lý nào liền biến không thành có, đem phàm lạm thánh. Những thứ hành vi này phá hoại Phật pháp, khiến người khác lui sụt lòng tin. Hãy nên khuyên hết thảy mọi người niệm Phật đều tu hành chân thật, đừng chú trọng cầu mong tiếng tăm rỗng tuếch thì sẽ đích thân đạt được lợi ích. Mười đồng hương kính dùng để gởi một số sách trị giá mười đồng. Nếu tổng số giá tiền sách vượt quá số tiền ấy thì là do Quang biếu tặng.

(Ngày 20 tháng 8)

Hiện thời sợ rằng sẽ có chiến sự, hãy nên bảo hết thảy mọi người đều cùng niệm Phật và niệm Quán Âm để dự phòng. Nếu không, trốn cũng không trốn được, ngừa cũng không có cách nào ngừa được, chẳng nên cẩn thận ư? Chẳng nên cẩn thận sao? *(Tái bút)*

284. Thư trả lời cư sĩ Thường Phùng Xuân (thư thứ mười một)

Theo như những tướng đã nói, thím của ông Trương Huệ Tuyền có thể vãng sanh, nhưng chẳng biết lời kể tình cảnh lúc bà ta lâm chung ấy có chẳng hư vọng hay không? Con gái và con trai bà ta là Phước Khánh vẫn muốn mẹ họ được quy y, sao chính họ không quy y? Vẫn sợ mẹ không được hưởng lợi ích thật sự, sao chính mình lại chẳng muốn được hưởng lợi ích thật sự vậy? Nay đặt pháp danh cho mẹ họ là Chứng Tịnh, ngụ ý bà ta đã sanh về Tây Phương, chứng được y báo lẫn chánh báo thanh tịnh trang nghiêm. Con trai pháp danh là Huệ Kính, con gái pháp danh là Huệ Hiếu, nghĩa là dùng trí tuệ của đức Phật để hành hiếu kính. Xin hãy khai thị cho bọn họ. Tôi đã viết bài văn nêu chứng cứ về hết thảy những người niệm Phật vãng sanh và chẳng vãng sanh, chẳng phải chỉ để nói về thím của ông Huệ Tuyền; những điều nói kèm thêm trong bài văn ấy đều là những lời văn dành chung cho khắp mọi người chứ chẳng phải để dạy riêng một ai.

(Ngày mồng 2 tháng 4)

Lúc đưa cho họ, nhớ dặn họ phải cung kính; gởi cho con trai, con gái bà ta hai gói sách này nọ. Nếu họ xem được thì đưa cho; nếu không, hãy tặng cho người khác.

285. Thư trả lời cư sĩ Thường Phùng Xuân (thư thứ mười hai)

Hôm qua nhận được thư, biết Vương Lan Hinh tuy lậm sâu chất độc Trình - Chu - Hàn - Âu, vẫn nhờ có ông khuyến hóa mà được vãng sanh. Nếu không, do cái nghiệp hủy báng Phật pháp suốt một đời này, chắc chắn đời sau khó thể được như đời này. Kinh Pháp Hoa dạy: *"Thiện tri thức giả, thị đại nhân duyên, sở dĩ hóa đạo linh đắc kiến Phật"* (Thiện tri thức là nhân duyên lớn vì giáo hóa, chỉ dạy khiến được thấy Phật). Tiếc cho ông ta tin tưởng quá trễ! Nếu ông ta sanh lòng tin cùng lúc với ông thì khuyên dạy càng thêm đắc lực.

Ông ta là người hết sức quật cường, có thể chí thành niệm Phật trong khi bệnh khổ là do đời trước đã gieo thiện căn sâu xa nơi pháp môn Tịnh độ trong Phật pháp. Trước lúc mất, liền biết trước khi nào sẽ chết, lại biết cõi Tây Phương thù thắng nhiệm mầu chẳng thể dùng ngôn ngữ nào để diễn tả được. Còn như sau khi đã tắt hơi, liền tỉnh lại, nói "chẳng thấy Đại Dương[108]" thì biết là ông ta vẫn nhờ trợ niệm mà được lợi ích vãng sanh. Từ đây có thể thấy rằng: Ông ta đã nghiệp tận tình không, nhưng vì quyến thuộc vô tri, đã lau rửa thân thể, thay áo sẵn, khóc lóc, gần như làm hỏng đại sự. Được ông khai thị, đều cùng niệm Phật hiệu, đến khi hơi nóng tụ về đảnh đầu tỏ rõ ông ta đã sanh Tây nhập thánh đạo. Chuyện này quả thật là chuyện may mắn hết sức lớn từ vô thủy đến nay.

Nếu thoạt đầu ông không khuyên ông ta niệm Phật thì chết đi khó tránh khỏi đọa lạc trong ác đạo vì suốt đời nghe lời kẻ khác xui xiểm tạo nghiệp "báng Phật, báng pháp, báng tăng" rất khó tiêu diệt được. May mắn được vãng sanh, vì thế đặt pháp danh cho ông ta là Chứng Tịnh, ý nói đã thật sự chứng được lợi ích Tịnh độ. Từ nay thân cận Di-đà, theo gót hải chúng, sẽ tự đích thân chứng được Vô sanh pháp nhẫn, lên địa vị Bất thoái. Vợ ông ta là Phùng Thị, pháp danh là Hy Tịnh, hy (希) là mong mỏi, hãy nhất tâm niệm Phật, mong mỏi lâm chung được vãng sanh. Hợp Quần pháp danh là Trí Dung, do đã dấn thân vào xã hội, ắt phải viên dung không vướng mắc thì mới chẳng bị người khác chán ghét để tiện làm chuyện khuyên dạy người khác tu tịnh nghiệp, vì thế pháp danh là Trí Dung. An Quần pháp danh là Trí Thao, thao (韜) nghĩa là ẩn giấu. Đối với mọi người chẳng tự kiêu căng có trí, gặp chỗ quan trọng liền nói dứt khoát một lời, người ta sẽ bội

[108] Đại Dương là tên một người con của ông Vương Lan Hinh. Do quyến thuộc khóc lóc, Lan Hinh động niệm mến luyến con cái nên đã tắt hơi vẫn tỉnh lại, hỏi thăm đứa con còn vắng mặt.

phục. Nếu hiu hiu tự khoe khoang, dẫu nói ra câu nào cũng thích đáng thì cũng đã thiếu hồn hậu, huống là ăn nói chưa chắc đã thích đáng ư? Đấy là hướng dẫn về cách giữ thân, xử sự trong cõi đời, mà cũng là cái gốc để duy trì tịnh nghiệp. Hãy nên bảo vợ và hai con ông ta đều nghiêm túc tuân thủ.

Ông thay họ dâng tiền hương kính cũng rất hợp lý. Quang suốt đời chẳng bận tâm cho chính mình, chỉ mong hết thảy mọi người đều tu tịnh nghiệp, giữ vẹn luân thường, trọn hết bổn phận, dứt lòng tà, giữ lòng thành, đừng làm các điều ác, vâng giữ các điều lành. Do phương Bắc lạnh buốt, Phật pháp chẳng dễ lưu thông nên mới nhiều lần gởi sách để mong ai nấy đều cùng được gội ân Phật. Nay vẫn gởi cho họ các thứ kinh sách, xin ông hãy lượng định tặng cho mẹ con họ, hễ dư ra hãy tùy nghi biếu tặng. Cần phải nhắc họ cung kính thọ trì, chớ nên có thái độ như nhà Nho đọc sách Nho để xem kinh Phật. Nếu không, chưa được lợi ích mà đã mắc đại tội trước, hãy nên nói điều này với hết thảy mọi người có lòng tin. Mười gói kinh sách xin hãy thu nhận!

(Ngày 24 tháng 4)

286. Thư trả lời cư sĩ Thường Phùng Xuân (thư thứ mười ba)

Thư nhận được đầy đủ, cảnh tượng lâm chung của nhóm bốn người Thường Khai Tường cho thấy họ đều được vãng sanh. Khai Tường lầm lẫn cố chấp Lý học, nếu không được ông tích cực khuyên dạy cũng như do thời cuộc nguy hiểm, sợ rằng sẽ vẫn cứ chấp mê chẳng ngộ, làm một kẻ sống uổng chết phí. [Bài tường thuật chuyện vãng sanh của] bốn người ấy nên tóm gọn lời văn, gởi cho Thượng Hải Phật Học Thư Cục để họ đăng trên bán nguyệt san. Mồng 10 tháng 10 năm Dân Quốc 26 (1937), Quang lánh sang Linh Nham. Tới ngày 17, 18, Tô Châu bị vây hãm, chánh phủ vốn muốn bỏ mặc Tô Châu không giao tranh, vì thế tai nạn ở Tô Châu so ra nhẹ hơn các huyện phụ cận như Côn Sơn, Thường Thục…

Hiện thời, đường thủy, đường bộ đều bị bế tắc, các thứ hàng hóa chẳng thể chở tới, giấy đắt gấp năm, gấp sáu trước kia, sợ sau này còn đắt đỏ gấp nhiều lần hơn nữa. Chuyện Hoằng Hóa Xã quả thật đã hết cách lo liệu, hiện thời Quang không hỏi đến nữa, chỉ chờ chết ở Linh Nham mà thôi. Quý xứ liên tiếp gặp phải lụt lội, hạn hán, sao lại gởi tiền hương kính? Từ rày nếu không có chuyện gì quan trọng, đừng gởi thư đến. Một là vì đường sá có thổ phỉ, binh lính ngăn trở, hai là vì Quang sáng chẳng đảm bảo được tối, chỉ tích cực niệm Phật là được rồi, cố nhiên chẳng cần phải quy y với Quang. Chỉ cần chịu vâng theo lời Phật dạy tu trì thì đều được Phật tiếp dẫn vãng sanh Tây Phương. Bốn pháp danh viết trong một tờ giấy khác. Lam Điền pháp danh là Huệ Thực, sẽ kế tục chí hướng của cha,

trồng sâu thiện căn ngõ hầu chẳng phụ cái tên tốt đẹp này. Xin hãy nói với những người cùng chí hướng thì may mắn thay!

(Ngày 13 tháng 9)

287. Thư trả lời cư sĩ Thường Phùng Xuân (thư thứ mười bốn)

Pháp danh của 20 người viết trong một tờ giấy khác, những người bị lầm tên đã sửa rồi. Hai bài ca ông đã gởi rất hay, tiếc là giấy mắc quá sức, đợi sau này giấy rẻ hơn đôi chút sẽ cho ấn hành. Để khai thị cho những người xin quy y, hãy nên dùng Một Lá Thư Trả Lời Khắp là chu đáo nhất. Xin hãy chọn lựa những điểm quan trọng để bảo ban họ.

(Ngày 24 tháng 10)

288. Thư trả lời cư sĩ Chân Tịnh

Hai vị sư từ quý địa đến cầm theo thư của ông đưa cho tôi xem, bài ca ngợi Quang do ông đã soạn chính là đem phàm lạm thánh, đến nỗi ông lẫn Quang đều mắc đại tội. Từ rày, muôn phần chớ nên theo thói ấy chút nào nữa! Nếu do chẳng biết mà nói thì lỗi còn nhỏ, chứ nếu đã biết mà vẫn nói bừa sẽ mắc thêm lỗi hý luận. Sách Lễ Ký nói: *"Nghĩ nhân tất ư kỳ luân"* (Làm người ắt phải tuân theo lẽ thường). Chẳng tuân theo lẽ thường, giống như thường dân xưng càn là đế vương, kẻ xưng tụng và người được xưng tụng đều mắc tội lớn, há chẳng cẩn thận ư? Quang suốt đời chẳng chịu khen ngợi người khác một cách sáo rỗng, mà cũng rất ghét người ta khen ngợi tôi một cách sáo rỗng.

Quang đã 79 tuổi, sau 32 hôm nữa sẽ tròn 80, nhưng sáng chẳng đảm bảo được tối, sợ rằng chưa được 80 đã chết rồi. Bất luận tôi còn sống hay đã chết, đều chớ nên theo thói xấu của người đời nay, khen ngợi xằng bậy. Trong bộ Văn Sao của Quang, cha mẹ, sư trưởng tôi đều chẳng nhắc tới, sợ người ta nghi ngờ tôi thêu dệt đến nỗi bị nhục lớn. Người đời nay khi cha mẹ, sư trưởng qua đời liền cầu người có tiếng tăm viết bài tán tụng, Quang hết sức chẳng muốn thuận theo thói ác ấy khiến cho cha mẹ lẫn thầy bị nhục lây. Tôi chết rồi, hãy nên cực lực đề xướng pháp môn Tịnh độ, khiến cho người thấy nghe "sống thì hiền thiện, mất thì sanh về Cực Lạc". Điều này chỉ có công chẳng có lỗi. Nếu lầm lẫn viết bài ca ngợi, phúng điếu chính là đã hủy nhục Quang trước mặt mọi người vậy. Ngàn vạn phần xin đừng tập theo thói ác ấy!

Trứng gà có ăn được hay không? Tranh luận đủ mọi lẽ đã lâu! Nhưng người hiểu lý quyết chẳng nghĩ ăn trứng gà là đúng, kẻ thích ăn liền khéo léo biện luận, chứ thật sự đã chường ra cái ngu. Vì sao vậy? Có người nói trứng có cồ, tức là có

mầm sống thì không được ăn, còn trứng không có cồ chẳng thể nở thành gà con thì ăn được. Nếu nói như vậy thì con vật còn sống chẳng được ăn, chứ con vật chết rồi thì ăn được, có lẽ ấy hay chăng? Người thông minh thường hay dấy lên thứ tà kiến ấy, chẳng biết là nhằm thỏa thích bụng miệng mà phô phang cái trí của chính mình, đến nỗi bị người hiểu lý thương xót.

Sư Chi Đạo Lâm[109] đời Tấn học rộng, giỏi biện luận, tranh luận cùng thầy về chuyện trứng có ăn được hay không; do ông ta giỏi biện bác, vị thầy chẳng thể khiến cho Đạo Lâm khuất phục được. Vị thầy ấy mất rồi, hiện hình trước mặt ông ta, tay cầm trứng gà quăng xuống đất, gà con liền chui ra. Đạo Lâm hổ thẹn cảm tạ, thầy và trứng gà đều biến mất. Đấy là lời quyết đoán thời Tấn (Phật pháp lúc mới truyền vào Trung Quốc, phân chia ra Đại thừa và Tiểu thừa để hoằng truyền. Đại thừa thì hết thảy loại thịt đều không ăn, Tiểu thừa ăn ba thứ tịnh nhục, ngũ tịnh nhục. Tam tịnh nhục (ba thứ thịt sạch) là thịt của những con vật mà chính mình chẳng thấy giết, chẳng nghe giết, chẳng nghi là do mình mà con vật bị giết. Thêm hai thứ thịt của những con vật tự chết và "điểu tàn", điểu tàn là thịt do chim hay thú hay ăn bỏ sót lại. Đó là ngũ tịnh nhục. Tới thời Lương Vũ Đế, đều theo Đại thừa, vĩnh viễn phế bỏ Tiểu thừa. Đạo Lâm là cao tăng nhưng vẫn y theo Tiểu thừa để luận).

Gần đây người ta hay bị bệnh phổi, Quang chẳng nghĩ như vậy là bình thường. Người đời sau nghiệp nặng, dậy thì sớm, mười một mười hai tuổi đã có dục niệm. Dục niệm đã dấy lên, không có cách gì kiềm chế, lại chẳng biết nghĩa lý giữ gìn thân thể nên bèn dùng đến cách thủ dâm. Như cây cỏ vừa mới nẩy mầm liền bị bẻ chồi, ắt phải khô héo. Con em thông minh do vậy mất mạng chẳng biết là bao nhiêu. Dẫu chẳng đến nỗi chết ngay lập tức thì thân thể yếu đuối, không nên cơm cháo gì. Đến khi lớn lên cưới vợ, cha mẹ, sư trưởng tuyệt chẳng nói đến đạo tiết dục, giữ gìn thân thể. Vì thế quá nửa bị bệnh chết đều do thủ dâm và tham ăn nằm mà ra.

Do vậy, Khổng tử đáp lời Mạnh Vũ Bá hỏi về đạo hiếu rằng: *"Phụ mẫu duy kỳ tật chi ưu"* (Cha mẹ chỉ lo lắng về tật ấy), chính là dạy phải kiêng ăn nằm.

[109] Chi Đạo Lâm (314-366), vốn tên là Chi Độn, họ Quan, người huyện Trần Lưu (nay là huyện Khai Phong, tỉnh Hà Nam), là danh tăng thời Đông Tấn. Sư xuất gia năm 25 tuổi. Căn cứ theo chữ Chi đặt trước đạo hiệu, người ta cho rằng sư thọ giới với một vị tăng Tây Vực vì thời ấy, tăng sĩ hay lấy họ của thầy làm họ mình, nên sư đổi họ thành Chi. Sau sư đến Kiến Khang (Nam Kinh) giảng kinh, giao du thân tình với Tạ An, Vương Hy Chi, thích bàn lẽ huyền diệu, ưa ngao du sơn thủy, ngâm vịnh. Sư đặc biệt hứng thú với giáo nghĩa Bát-nhã, có những kiến giải đặc sắc. Dưới thời Tấn Ai Đế, sư từng vâng chiếu giảng kinh Bát-nhã Đạo Hành tại chùa Đông An ở kinh đô. Sư từng chú giải thiên Tiêu Dao của sách Trang Tử, đề xướng tư tướng "sắc vốn là không". Trước tác nổi tiếng nhất là Thích Tức Sắc Bổn Vô Nghĩa, Đại Tiểu Phẩm Đối Tỷ Yếu Sao, Sắc Tức Du Huyền Luận. Sư còn chú thích các kinh An Ban Thủ Ý, Bổn Khởi Tứ Thiền v.v..

Chẳng kiêng ăn nằm thì trăm bệnh đua nhau phát ra, có thể kiêng ăn nằm thì giảm bớt bệnh tật nhiều lắm! Mạnh tử nói: *"Dưỡng tâm giả (do kẻ khéo dưỡng thân ắt phải nhờ vào chế ngự tâm chẳng cho dục niệm khởi lên, nên gọi là "dưỡng tâm") mạc thiện ư quả dục. Kỳ vi nhân dã quả dục, tuy hữu bất tồn yên giả, quả hỹ. Kỳ vi nhân dã đa dục, tuy hữu tồn giả, quả hỹ"* (Dưỡng tâm thì không gì hay bằng ít ham muốn. Ai làm người mà ít ham muốn, tuy tâm người ấy có những điều không hợp đạo nghĩa, nhưng những điều ấy cũng ít. Ai làm người mà lắm ham muốn, tâm dù có giữ được đạo nghĩa thì đạo nghĩa ấy cũng chẳng được mấy[110]).

Cổ nhân trọng sanh mạng người dân, thiên Nguyệt Lệnh trong sách Lễ Ký chép: *"Trọng Xuân tiên lôi tam nhật, tù nhân dĩ mộc đạc tuần ư đạo lộ viết: Lôi tương phát thanh, kỳ hữu bất giới kỳ dung chỉ giả (tức phòng sự) sanh tử bất bị, tất hữu hung tai"* (Ba ngày trước khi sấm động vào lúc giữa mùa xuân, viên quan chấp lệnh cầm mõ gỗ đi khắp nẻo đường rao truyền: Sấm sắp rền, kẻ nào chẳng kiêng ân ái (tức ăn nằm) sẽ sanh con chẳng vẹn toàn, ắt có tai nạn hung hiểm) (tức là chân tay, thân thể chẳng trọn vẹn, hoặc sanh ra quái thai, hoặc vợ chồng bị chết, hoặc bị bệnh ngặt nghèo, nên nói là "ắt có tai nạn hung hiểm"). Đấy là chánh lệnh của quốc gia. Nay thì cha mẹ, sư trưởng, trọn chẳng nói với con cái về chuyện này. Đến khi đã ngã bệnh, thầy thuốc cũng chẳng bảo kiêng ăn nằm. Ấy là vì chẳng coi mạng người là trọng, chỉ mong người ta bệnh ngày càng nặng để phải chữa trị nhiều hơn. Thầy thuốc dụng tâm như thế, tội khác nào bọn cường đạo chặn đường cướp của! Bệnh của ông bất luận là do nguyên nhân nào phát sanh, đều nên lấy việc đoạn hẳn chuyện ăn nằm làm phương sách để mau được lành bệnh. Đợi đến khi hoàn toàn bình phục rồi, hoặc mỗi năm chung đụng một lần, hoặc mỗi quý (ba tháng) một lần để mong chẳng lỗi đạo "tiếp nối đời trước, mở ra đời sau", đừng thường xuyên ân ái, sẽ sanh được con cái thể chất khỏe mạnh, tánh tình từ thiện, thọ mạng dài lâu, vẻ vang nhiều lắm!

Quang đưa cho vị sư mang thư ông tới đây một cuốn Thọ Khang Bảo Giám nhờ trao lại cho ông, văn lẫn lý trong cuốn sách ấy đều đáng tuân theo. Chỉ có điều trong những ngày kiêng ăn nằm, ngày vía của những vị thần thánh có thần thông nhỏ nhoi cũng đều kể vào, dường như không thích đáng lắm[111]. Nhưng đối

---

[110] Câu nói này được trích từ thiên Tận Tâm hạ của sách Mạnh Tử. Chúng tôi dịch câu nói này theo cách giải thích trong sách Tứ Thư Bạch Thoại Chú Giải của Thường Nhiệt Châu và Lân Công Chấn (Hoa Tạng Tịnh tông Học Hội xuất bản tại Đài Loan năm 2003).

[111] Đây là phần *Bảo thân lập mạng giới kỳ dữ thiên địa nhân kỵ* trong sách Thọ Khang Bảo Giám, liệt kê những ngày vía của Phật, Bồ-tát, thần thánh trong tam giáo, hoặc những lúc thiên nhiên giao mùa, đổi tiết khí đều nên kiêng ăn nằm. Ngày vía của những vị thần rất nhỏ trong Đạo Giáo cũng được kể vào đó, chẳng hạn ngày 17 tháng 2 là ngày vía của Đông Phương Đỗ Tướng Quân, ngày 20 tháng 4 là ngày vía của Nhãn Quang thánh mẫu v.v.. Theo ngu ý, mục đích của việc liệt kê thật nhiều ngày vía chỉ nhằm giúp cho người ta dễ tiết dục vì sợ phạm tội với thần thánh.

với chuyện "ngày vía của đại quỷ thần thì nên kính, chứ đối với ngày vía của tiểu quỷ thần nếu chẳng kính sẽ do vậy mà bị chuốc họa", hãy đừng nên bàn luận bừa bãi thì may mắn lắm thay! Dùng điều này để tự lợi mà cũng dùng những điều này để lợi tha. Do vậy, tự tu tịnh nghiệp sanh về Tây Phương giống như trao bằng khoán chuộc lại vật cũ. Nữ nhân cũng thế! Ai muốn tiết dục ắt trước hết phải nói nguyên do với vợ sẽ chẳng đến nỗi gia đình bị lục đục. Trong đời có những kẻ thanh xuân chôn chồng, nguyên nhân quá nửa là vì chẳng khéo tiết dục mà ra. So với cảnh giữ phòng không ở góa, sao bằng tiết dục để được tề mi giai lão[112] chẳng hay hơn ư? Đây là đối với nữ nhân mà nói. Đàn ông cũng nên biết những chuyện kiêng kỵ có liên quan đến tánh mạng của nữ nhân, đấy chính là người phối ngẫu có đức hạnh hằng nâng đỡ, tạo lợi ích cho nhau. Quang ăn nói dài dòng chỉ vì bi tâm tha thiết, có lẽ đã gây nhàm tai người nghe!

Tịnh Độ Ngũ Kinh là căn bản của pháp môn Tịnh độ, hãy đọc kỹ lời tựa, sẽ tự biết được những ý chánh. Tịnh Độ Thập Yếu là trước thuật thiết yếu nhất của Tịnh độ, quan trọng nhất là sách Di-đà Yếu Giải, là bản chú giải tuyệt diệu nhất của kinh này. An Sĩ Toàn Thư là sách đứng đầu các thiện thư. Cảm Ứng Thiên Trực Giảng dùng chữ đơn giản, dễ hiểu nhưng không dung tục, kẻ nhã người tục cùng xem đều được lợi ích. Ấn Quang Văn Sao văn tuy vụng về, chất phác, nhưng nghĩa lý chấp nhận được. Noi theo những điều được sách này đề xướng chắc chắn chẳng bị chê là trái luân thường, gây rối đất nước. Hãy nên lấy Thọ Khang Bảo Giám làm sách giữ gìn tánh mạng cho con em đã hiểu chuyện đời. Chẳng những thanh niên phải nên xem, ngay cả người già cũng nên đọc. Muốn con em được trường thọ phải hoàn toàn cậy vào người cao tuổi thường nói đến chuyện họa phước.

289. Thư trả lời cư sĩ Tiền Hiểu Trẫm (đính kèm thư gởi đến)

Thư hỏi:

Con có những điều nghi vấn, xin thầy trả lời!

1. Trong nghi thức Du Già Diệm Khẩu có đoạn: *"Tội tánh bổn không do tâm tạo. Tâm nhược diệt thời, tội diệc vong. Tâm vong, tội diệt lưỡng câu không. Thử*

[112] Tề mi giai lão: đây là thành ngữ ghép của hai thành ngữ *"tề mi cử án"* (nâng án ngang mày) và *"bách niên giai lão"* (sống cùng nhau đến trăm tuổi). *"Tề mi cử án"* phát xuất từ phần Dật Dân Liệt Truyện trong Hậu Hán Thư: Toại Chí Ngô sống nhờ căn chái của nhà giàu là Ty Bá Thông. Ngô phải đi làm thuê cho người khác kiếm ăn. Mỗi lần chồng về, vợ dọn cơm chẳng dám sỗ sàng nhìn thẳng, luôn nâng cái án lên ngang mày mời chồng ăn cơm, Ty Bá Thông thấy vậy, lấy làm lạ, nói: "Anh ta khiến vợ kính trọng như thế, chắc không phải là người tầm thường!" Án vốn là cái mâm có chân thời cổ, dùng để đựng thức ăn. Vì thế, đời sau hay dùng chữ "tề mi cử án" hay "cử án tề mi" để hình dung vợ chồng kính trọng nhau, yêu thương nhau đằm thắm.

tắc thị danh chân sám hối" (Tội tánh vốn không, do tâm tạo. Khi tâm diệt rồi, tội cũng tiêu. Tâm mất, tội diệt đều không cả. Đấy được gọi là chân sám hối). Trong những trước tác khác cũng có dẫn đoạn này (nhưng câu chữ hơi khác), chẳng biết những câu này vốn phát xuất từ kinh nào, quyển nào?

2. Con thường thấy bài kệ tán Phật "thập phương tam thế Phật, A-di-đà đệ nhất" gồm 108 chữ của Đại Từ Bồ-tát. Bài kệ ấy xuất phát từ sách nào, quyển mấy?

3. Theo quyển hai của sách Kính Trung Kính Hựu Kính[113], trích dẫn tác phẩm Tịnh Độ Hoặc Vấn của pháp sư Thiên Như, trong Tịnh Độ Hoặc Vấn có dẫn câu kinh: "Thọ trì danh hiệu Phật được mười thứ lợi ích thù thắng", chẳng biết sách Tịnh Độ Hoặc Vấn đã dẫn từ chương nào trong kinh nào?

4. Niệm Phật có mười thứ lợi ích thù thắng như trên đây đã nói, thờ phụng, niệm tụng kinh và danh hiệu Địa Tạng Bồ-tát có 28 thứ lợi ích như trong kinh Địa Tạng Bổn Nguyện đã nói. Chẳng biết thờ phụng, niệm tụng danh hiệu Quán Thế Âm Bồ-tát có lợi ích giống như những kinh văn vừa được nêu trên đây hay không, thầy có từng thấy kinh nào, quyển mấy, kinh văn như thế hay không? (Ngoại trừ phần kệ trong quyển thứ 16 của Lục Thập Hoa Nghiêm và kinh Đại Bi Đà-la-ni)

Thư đáp:

Thưa cư sĩ Hiểu Trầm, ông đã có công phu rảnh rỗi để tìm tòi những chuyện chẳng cấp bách này.

1. Đã biết bài kệ sám hối trong khoa nghi Du-già Thí Thực là thù thắng nhiệm mầu, hãy y theo đó để sám hối ngõ hầu có thể được lợi ích lớn lao, cần gì phải hỏi bài kệ ấy phát xuất từ kinh nào? Tất cả những bài kệ trong khoa Thí Thực đều là trích dẫn kinh hoặc những câu văn đã thành khuôn phép, nhưng người chuyên y theo chuyện ấy (tức chuyện thí thực) để làm đã chiếm quá nửa. Nếu bảo bài kệ ấy chẳng phát xuất từ kinh, há chẳng thấy nó được coi trọng trong cõi đời ư? Dẫu bảo là bài kệ ấy phát xuất từ khoa Du-già Thí Thực thì cũng có gì là không được

[113] Kính Trung Kính Hựu Kính (Đường tắt nhất trong các đường tắt của mọi con đường tắt) là một tác phẩm của Trương Sư Thành viết vào đầu đời Thanh với nội dung đoạn nghi về Tịnh độ, chỉ rõ pháp môn Tịnh độ là pháp thích hợp cho khắp ba căn, cũng như những pháp tắc chủ yếu để tu hành tịnh nghiệp. Sách được chia thành mười ba môn (như Tỉnh Mê môn, Dị Hành môn, Biện Ma môn…), trích dẫn rất nhiều những khai thị của các vị cổ đức về Tịnh độ.

Trương Sư Thành (?-1830) tự Lan Chử, người huyện Quy An, tỉnh Chiết Giang, đỗ thủ khoa cử nhân trong khoa ân thí khi Càn Long tuần du Giang Nam năm 1784, đậu tiến sĩ năm 1790, được bổ làm Thứ cát sĩ trong Hàn lâm viện, từng làm đến tổng đốc Mân Chiết và tuần phủ Giang Tô. Có công dẹp hải tặc vùng Phước Kiến và Đài Loan, cai trị rất công minh, nghiêm chánh.

mà cứ phải hỏi đi hỏi lại người khác mãi. Ông đúng là hậu duệ của "kẻ hỏi cầu"[114], chỉ biết hỏi cầu đến nỗi lầm lẫn chẳng hưởng đại lợi ích thù thắng, uổng công sanh lòng áo não, có ích gì đâu?

2. Bài kệ phát nguyện của Đại Từ Bồ-tát cực hay, nhưng xưa nay chưa hề chú giải rõ ràng. Ngài là người thời nào, làm sao riêng chúng tôi biết được? *(Long Thư Tịnh Độ Văn, Vân Thê Chư Kinh Nhật Tụng đều chưa nêu rõ).*

3. Mười thứ lợi ích thù thắng đã từng được đại sư Vân Thê nêu ra ở cuối bộ Vãng Sanh Tập[115], nhưng cũng không nói phát xuất từ kinh nào. Thật ra lợi ích thù thắng vô cùng, nào phải chỉ có mười thứ! Nếu nói cặn kẽ, ắt sẽ vô lượng vô biên lần vô lượng vô biên lợi ích. Đây chẳng qua nêu đại lược một hai thứ để người ta sanh lòng tin đó thôi.

4. Ông đúng là người si nói chuyện dại, ông đã từng đọc phẩm Phổ Môn hay chưa? Nếu có chúng sanh nhiều lòng dâm dục, thường cung kính niệm Quán Thế Âm Bồ-tát liền được lìa dục. Sân hận, ngu si cũng thế. Tam độc (tham sân si) đã diệt, tam học (giới định tuệ) viên minh, lợi ích ấy há hạn cuộc trong số lượng ư? Do 28 điều lợi ích của ngài Địa Tạng mà ông nghi đức Quán Âm, chẳng biết 28 điều ấy là đối với tâm lượng của phàm phu mà nói. Còn đối với đức Quán Âm, hễ trọn trần sát cảm liền khắp trần sát ứng, nếu đem sánh ví 28 điều lợi ích ấy với 28 hạt bụi trong số những vi trần của tam thiên đại thiên thế giới thì vẫn chẳng thể diễn tả hết được. Vì sao vậy? Do Bồ-tát không tâm không cảnh, ngài lấy tâm, lấy cảnh của chúng sanh làm tâm làm cảnh của chính mình.

Vì thế, nơi phần nói về điều chẳng thể nghĩ bàn thứ tư của đức Quán Âm trong chương Quán Âm Viên Thông của kinh Lăng-nghiêm, kinh dạy: "Ta đắc Phật tâm, chứng đến rốt ráo. Có thể dùng đủ mọi thứ trân bảo để cúng dường mười phương Như Lai kiêm thêm mười phương pháp giới lục đạo chúng sanh, cầu vợ được vợ (Cầu người vợ hiền lương, trí tuệ, Bồ-tát gia bị liền được người vợ hiền lương, trí tuệ. Chớ nên hiểu lầm "Bồ-tát liền ban cho vợ". Cầu con cũng thế), cầu

---

[114] "Hỏi cầu" (vấn kiều) là một từ ngữ trong nhà Phật chỉ những lời chỉ phí công vô ích. Điển tích này xuất phát từ kinh Đại Phương Đẳng Đà-la-ni quyển 3: Trong quá khứ, đức Phật là một vị tỳ-kheo hết sức bần cùng, muốn sang chỗ đang mở hội đại bố thí để xin ít đồ đạc, đi giữa đường chợt nẩy sanh mọi câu hỏi ngu dại, như "cầu do đâu mà có, do ai dựng nên v.v.", nẩy sanh 7.800 câu hỏi, đến nỗi khi tới chỗ mở hội đã trễ giờ, tất cả những vật cần dùng đã được phát sạch chẳng còn gì, rốt cuộc phải quay về tay không.

[115] Vãng Sanh Tập (ba quyển) là tác phẩm do ngài Vân Thê Châu Hoằng soạn vào đời Minh, ghi chép chuyện vãng sanh của hành giả Tịnh độ Ấn Độ và Trung Hoa, được chia thành chín phần: Sa-môn (từ ngài Huệ Viễn đời Tấn đến ngài Bảo Châu đời Minh), vua, quan, xử sĩ, ni sư, phụ nữ, ác nhân, súc sanh, chư thánh đồng quy. Trong phần Chư Thánh Đồng Quy đã trích dẫn những đoạn kinh từ Quán kinh và kinh Vô Lượng Thọ, cũng như những chuyện cảm ứng do tu tịnh nghiệp. Cuối phần này nêu ra mười thứ công đức của niệm Phật.

con được con, cầu tam-muội đắc tam-muội, cầu trường thọ được trường thọ. Như thế cho đến cầu đại Niết-bàn đắc đại Niết-bàn.” Đại Niết-bàn chính là Phật quả rốt ráo mà ngài còn khiến cho chúng sanh đạt được, huống là tất cả những phước lạc thế gian xuất thế gian của hết thảy trời người và quả chứng trong tam thừa ư?

Ông đọc kinh mà không có con mắt chọn pháp; do 28 điều lợi ích của ngài Địa Tạng mà ngờ đức Quán Âm. Không phải là người khác chẳng thể đáp được, mà là người ta khinh ông chẳng đáng cho họ đáp đó thôi. Quang sợ ông tưởng đó là bản lãnh của chính mình, thường tìm những người chẳng chú ý đến chuyện ấy để hỏi người ta hòng tự khoe khoang, nhưng chẳng biết là đã tự khinh. Từ đấy sanh lòng đại ngã mạn, cho là ta có thể bắt bí được hết thảy mọi người, ắt sau này chắc phải có ngày bị ma dựa phát cuồng. Sao không dùng tâm tư ấy để nhất tâm niệm Phật ngõ hầu tâm tương ứng Phật, sống làm đệ tử chân thật của Phật, mất làm bạn lành chốn Liên Trì?

Ông hãy buông cuồng tâm xuống, đọc lá thư tôi gởi cho cư sĩ Cố Hiển Vi trong Văn Sao ắt sẽ được lợi ích, gốc bệnh sẽ hết sạch. Lá thư ấy thật ra là để nói với bạn ông Cố là Phan Thừa Ngạc, chứ chưa từng gặp gỡ ông ta. Ông Cố xin Quang trị bệnh tà chấp cho ông Phan. Vì vậy tôi chẳng kỵ húy, nói thẳng thừng không úp mở. Ông Phan đọc xong, liền quy y pháp sư Đế Nhàn, từ đầu đến cuối chẳng dám gởi thư cho Quang. Đức Quán Âm do đắc Phật tâm nên ứng trọn khắp tâm của hết thảy thánh phàm thế gian lẫn xuất thế gian, khiến cho ai nấy đều được mãn nguyện, há có thể nói được số lượng ư? Địa Tạng và Quán Âm đều là cổ Phật thị hiện, những điều được nêu trong kinh là muốn cho kẻ phàm phu sanh lòng chánh tín, nếu nói rộng thì ai nấy sẽ khó thể lãnh hội được. Ông khéo hiểu oai thần, công đức của Địa Tạng và Quán Âm, sẽ đáng gọi là “người có trí tuệ sáng suốt”. Nếu không, sẽ theo lối mòn của kẻ si, rốt cuộc không có cách chi thoát được. Xin hãy sáng suốt soi xét!

290. Thư trả lời cư sĩ Chương Duyên Tịnh (thư thứ nhất)

Năm Dân Quốc 25 (1936) Quang từng nằm mộng, khi ấy rất rõ ràng, sau đó quên mất sạch sành sanh. Đã biết là mộng, hãy trọn chớ nên nói. Quang già rồi, trọn chẳng muốn người khác lắm chuyện. Có người nói sẽ chúc thọ Quang, Quang nói: “Tôi thà chịu hình phạt chặt đầu, chẳng muốn nghe nói đến chuyện chúc thọ!” Có người xin Quang làm bậc chỉ đạo cho chùa họ, Quang nói: “Nếu dùng hai chữ Ấn Quang, Quang sẽ bước xuống biển Đông để về Tây Phương. Vì lòng người khó lường, thiện ác khó thấu.”

(Đầu tháng 6 năm Dân Quốc 29 - 1940)

291. Thư trả lời cư sĩ Chương Duyên Tịnh (thư thứ hai)

Nhận được thư, biết Văn Sao đã gởi tới nơi. Nói đến giấc mộng thì vẫn là do lòng thành của các hạ cảm nên, những khai thị ông nghe Quang dạy trong giấc mộng ấy chính là những điều hay biết trong tự tâm tỏ lộ ra. Quang là một gã phàm phu sát đất làm sao có thần thông đạo lực như thế ấy? Chỉ nên y theo những gì Quang đã nói, quyết chẳng đến nỗi hiểu lầm, ấy chính là tự tin vậy. Quản tử[116] nói: *"Tư chi, tư chi, hựu trùng tư chi. Tư chi bất đắc, quỷ thần tương thông chi"* (Suy nghĩ, suy nghĩ, lại suy nghĩ thêm nữa. Hễ suy nghĩ không ra, quỷ thần sẽ cảm thông). Chẳng phải là quỷ thần cảm thông mà chính là do lòng tinh thành đến tột bậc. Nên biết rằng: Tâm thông pháp giới. Nếu có thể chuyên tinh dốc chí thì chẳng những sự hay biết trong tự tâm có thể mở mang, phát khởi mà Phật, Bồ-tát, tri thức trong pháp giới cũng có thể thị hiện khơi gợi. Chứ kẻ hời hợt hờ hững chớ nên khởi lên những thứ tưởng niệm ấy, sợ rằng sẽ do vậy mà chiêu cảm ma sự, hết sức mong mỏi ông hãy tự xét. Hiện thời, chiến sự hết sức khốc liệt, ngoài lúc niệm Phật ra, xin ông hãy niệm thêm Quán Thế Âm để làm chỗ nương cậy cho tương lai.

292. Thư trả lời cư sĩ Chương Duyên Tịnh (thư thứ ba)

Nhận được thư biết các hạ túc căn sâu dày, cảm được vợ con đều cùng dốc lòng tin Phật pháp, tận tụy vâng giữ hiếu đạo, khâm phục khôn ngằn. Người đời thường chẳng tu thật hạnh, chuyên cầu được tiếng tốt. Phàm người sống trong cõi đời phần nhiều chẳng khác gì kẻ tầm thường, đến khi chết, bèn xưng tụng, tường thuật tâm hạnh người ấy lúc còn sống đúng là bậc hiền nhân lỗi lạc. Các hạ chuyên trọng chân tu, chắc chẳng đến nỗi bịa chuyện, tô vẽ. Nhìn vào cảnh tượng lúc lệnh phu nhân lâm chung thì vãng sanh Tây Phương có lẽ chẳng còn ngờ chi! Đối với những lời giáng cơ, rốt cuộc chẳng ra ngoài chuyện phán đoán sự lý, có lẽ không

[116] Quản tử chính là Quản Trọng (không rõ năm sanh - mất năm 645 trước Công nguyên), tên thật là Di Ngô, còn có tên là Kính Trọng, tên tự là Trọng, là một chính trị gia, kiêm quân sự gia lỗi lạc của nước Tề thời Xuân Thu, quê ở đất Dĩnh (nay là Dĩnh Thượng, tỉnh An Huy). Lúc nhỏ chơi thân với Bão Thúc Nha. Do Bão Thúc Nha tiến cử, ông được Tề Hoàn Công cử làm Thượng khanh (tức Tể tướng nước Tề), đã góp phần đưa Tề Hoàn Công lên ngôi bá chủ chư hầu thời ấy. Tề Hoàn Công rất kính trọng, gọi ông là *Thượng phụ* chứ không gọi tên. Trước tác, luận thuyết của ông được Lưu Hướng biên định thành bộ sách Quản Tử gồm 86 thiên, nhưng nay chỉ còn 76 thiên. Ông theo chủ nghĩa duy vật, cho rằng con người do tinh khí của trời đất sinh ra: "Phàm con người được sanh ra là từ tinh khí của trời, do đất tạo thành hình, hợp thành con người. Hễ hai thứ đó dung hòa được với nhau thì con người được sanh; nếu không, sẽ chẳng sanh." Ông chủ trương quỷ thần cũng là một dạng khác của tinh và khí. Từ quan điểm duy vật, ông chủ trương "nhằm đạt được mục đích, bất cần phương tiện", tận lực cải cách kinh tế, thương nghiệp, nông nghiệp khiến cho nước Tề giàu mạnh nhất thời ấy. Trong nhiệt tình thực hiện những thủ đoạn nhằm tăng mạnh ngân quỹ quốc gia, ông đã cho lập hệ thống quan kỹ, tức là những cơ sở kinh doanh xác thịt phụ nữ do triều đình điều hành.

cần phải nghi ngờ, do dự nữa. Có điều chết rồi, chỉ niệm Phật nửa tiếng đồng hồ liền cất tiếng khóc, lo liệu tắm rửa, tôi vẫn cảm thấy là quá sớm.

Trong bộ Văn Sao của Quang, do thuận theo lòng người mà tôi đã khuyên niệm Phật hai tiếng đồng hồ rồi mới tiến hành lo liệu ma chay thì vẫn là quá sớm, chỉ sợ lòng người chẳng thể nhẫn nại được; chứ thật ra nên đợi tới bốn năm tiếng mới tốt. Vẫn còn có trường hợp để sau một ngày rồi mới lo liệu mai táng là tốt nhất. Các hạ trên có mẹ già, hãy nên bảo sẵn với con cái về nghĩa lý này. Lâm chung nghe tiếng niệm Phật, người sắp mất tâm thanh tịnh cũng có thể niệm theo; nghe tiếng khóc tâm sẽ đau buồn liền mất chánh niệm. Hiếu tử thờ cha mẹ, hãy nên dốc sức nơi thực tế, đừng bắt chước làm theo lề thói thế tục.

Lại hãy nên giảng nói với những người cùng hàng trong hội Phật giáo để cha mẹ, anh em, vợ con, quyến thuộc của mỗi người khi chết sẽ được thành tựu chánh niệm. Những kẻ có túc căn sẽ có thể vãng sanh ngay lập tức. Kẻ dẫu chẳng vãng sanh cũng nhờ vào công đức ấy mà sanh trong đường lành. Những chuyện người đời đã làm đều là chuyện đã té giếng rồi còn quăng đá xuống, như chưa tắt hơi liền tắm rửa, thay quần áo sẵn, khóc lóc, khiến cho thân tâm người sắp mất đau đớn khó chịu đựng, nhưng lại không thể nói ra được, trong lòng nhất định sân hận và có ý niệm luyến mến. Do tâm sân hận, luyến mến nẩy sanh, ắt phải đọa lạc!

Lại dùng đồ mặn để cúng bái và đãi đằng khách khứa, vì một người chết, chẳng biết đã giết bao nhiêu con vật đang sống sờn sơ để chống giữ thể diện, bảo đó là "tận hiếu, kính khách". Tang lễ dùng cỗ chay, từ xưa Nho gia đã như thế. Họ còn chưa biết đạo nhân quả ba đời và luân hồi, nhưng luận theo chuyện con người mà quy định như thế. Huống chi người đời nay đều biết nhân quả ba đời, con người và súc vật tuần hoàn, sao nỡ vì cha mẹ sát sanh, khiến cho cha mẹ và chính mình trong đời vị lai đều cùng phải đem thân đền trả ác báo do việc chống giữ thể diện này ư? Người như vậy chẳng gọi là si thì gọi là gì đây? Thường đề xướng như thế sẽ cứu được nhiều sanh mạng lắm!

Lệnh phu nhân đời trước đã vun bồi lớn lao nên vừa nghe liền sanh lòng tin. Bà ta chưa thể tu trì thường luôn tinh tấn thì: một là vì không có ai khuyến khích, nhắc nhở; hai là vì chưa thật sự biết nỗi khổ sanh tử và lợi ích của Phật pháp. Lời nói lúc lâm chung khá hợp với điều thứ nhất trong ba thứ chánh nhân tịnh nghiệp của Quán kinh; kinh dạy: "Hiếu dưỡng cha mẹ, phụng sự sư trưởng, từ tâm không giết, tu thập thiện nghiệp." Nghĩ đến hai đứa cháu chưa trưởng thành là thuộc về thập thiện nghiệp, không có lòng yêu mến vợ chồng, mẹ con, cũng là thuộc về thập thiện nghiệp. Có chánh nhân ấy, lại thêm tâm chánh tín, tự niệm, được quyến thuộc trợ niệm, lo gì chẳng vãng sanh? Kẻ chẳng vãng sanh là vì tình ái vừa dấy

lên thì chánh niệm liền mất, trọn chẳng thể vãng sanh. Đừng nói người công phu nông cạn, dẫu kẻ công phu sâu cũng chẳng thể vãng sanh được, vì dùng phàm tình để xử sự nên khí phận cách ngăn với Phật, thánh. Thế gian chuyện gì cũng đều có thể làm giả, chỉ có lúc lâm chung là không thể giả vờ được. Bà ta đã có thể ngồi dậy quán tượng Tây Phương Tam Thánh, miệng niệm danh hiệu Phật, Bồ-tát, chẳng sanh Tây Phương thì sanh về đâu? Huống chi chết rồi thân thể còn có mùi hương lạ, vẻ mặt như lúc sống, đầu tóc tươi nhuận. Đấy đều là những tướng lành chứng tỏ sanh về Tây Phương. Nếu những điều ấy chẳng thật, khó thể nói chắc chắn bà ta có được vãng sanh hay không! Nếu mỗi một điều đều là thật, chẳng cần phải cầu cơ, vẫn tự có thể phán đoán rằng: "Nhất định bà ta đã được vãng sanh rồi!"

Còn như ông ngờ bà ta công phu nông cạn, giới phẩm chưa vẹn toàn, tức là ông chẳng biết một niệm lúc lâm chung có quan hệ rất lớn. Đừng nói người đã từng có công phu, dẫu người chưa hề có công phu, nếu lúc lâm chung có thể nghe thiện tri thức chỉ dạy và được người khác trợ niệm, chính mình niệm theo, quyến thuộc chung quanh khéo léo giữ gìn, chẳng để cho người ấy dấy lên tâm mến luyến và tâm sân hận, sẽ đều có thể vãng sanh. Bài Lâm Chung Chánh Niệm Văn của hòa thượng Thiện Đạo chắc ông cũng đã đọc rồi, cần gì phải nghi ngờ nữa? Sanh về Biên Địa[117] của Tây Phương là đã được siêu phàm nhập thánh, liễu sanh thoát tử, sao lại nghi ngờ rồi chẳng viết ra, há chẳng phải là ăn nói thật đáng buồn cười ư?

Bậc Bất thoái chuyển nghĩa là sở tu sở chứng của vị ấy chẳng bị lui sụt, há nên vì lời lẽ được phán ra khi có kẻ tự xưng là thần tiên giáng đàn mà hoài nghi, cho rằng đấy chính là thoái chuyển ư? Chuyện cầu cơ chẳng phải là không có sự thật, nhưng kẻ giả vờ giáng xuống rất nhiều. Chuyện của lệnh phu nhân, dựa theo lý thì trọn chẳng còn nghĩa lý nào đáng nghi ngờ nữa, cần gì phải cầu cơ mới có thể quyết đoán được. Con cái vì mẹ niệm tụng thì công đức ấy không chỉ mẹ được hưởng mà chính con cái cũng được hưởng. Như dâng hương lên cha mẹ, chính mình cũng ngửi thấy mùi hương, so với chuyện chẳng dâng lên cha mẹ, chỉ riêng chính mình ngửi mùi hương thì cũng chẳng khác gì. Ngược ngạo vì cha mẹ mà sát sanh thì chính mình mắc phải sát báo mà cha mẹ cũng bị sát báo. Như một kẻ giết người, tội quy về kẻ đó, còn nếu bị người khác sai khiến và cả hai người đồng

[117] Biên Địa, còn gọi là Nghi Thành, Biên Thai, hoặc Thai Cung là những người tu Tịnh độ đầy đủ công đức, nhưng tâm còn nghi hoặc (như chẳng tin vào trí tuệ của Phật, ngờ mình chẳng được vãng sanh v.v.) sẽ phải sanh về. Trong 500 năm ở nơi ấy, tuy sự vui sướng chẳng kém gì cõi Cực Lạc, nhưng chẳng gặp được tam bảo nên coi là khổ. Kinh Vô Lượng Thọ ví von: "Vương tử bị xiềng bằng vàng nhốt trong ngục, hưởng trọn ngũ dục, vẫn mong muốn được thoát ra."

ý giết thì hai người đều cùng mắc tội giết người. Tiếc cho người đời chẳng biết nghĩa này, thường vì thể hiện lòng hiếu mà hãm cha mẹ lẫn chính mình trong ác đạo, chẳng thể thoát ra, chẳng đáng buồn ư?

Bệnh phát ra, bất tỉnh nhân sự, do chí thành niệm chú Đại Bi nên phu nhân chưa chết, liền tỉnh táo thấy Phật, Bồ-tát, ấy chính là do lòng thành của các hạ và thiện căn đời trước của phu nhân cảm nên, sao lại bảo là ma? Lại nữa, há nên nói "đã cảm được Phật, Bồ-tát, sao chẳng qua đời liền?" Lời lẽ ấy rốt cuộc trở thành vô vị đến cùng cực, chỉ vì chính mình chẳng biết tà chánh, chân ngụy vậy. Lâm chung đã niệm danh hiệu Bồ-tát thì phải nói là "sẽ được tiếp nghênh Bồ-tát", chớ nên nói là "nghênh tiếp thần địa phương". Phàm mọi chuyện đều có nhân quả, nếu niệm Bồ-tát mà lại nghênh tiếp thần thì nhân sẽ chẳng phù hợp quả. Viết thư này ngõ hầu ông được yên lòng thanh thản. Xin ông trên hãy khuyên lệnh từ, dưới khuyên con cái để cùng được hưởng lợi ích này thì may mắn lắm thay!

(Ngày 11 tháng 4)

293. Thư trả lời cư sĩ Đức Bồi (thư thứ nhất)

Thư nhận được đầy đủ. Pháp Bảo Đàn Kinh chính là kinh điển trọng yếu của Thiền tông. Thiền tông chỉ chú trọng hiểu rõ tự tánh, bọn độn căn chúng ta không thể đạt được lợi ích thật sự nơi tông này. Nếu chẳng sâu xa, thiết tha, tận lực tu tập, chắc sẽ đến nỗi hiểu lầm ý Lục tổ, sẽ chẳng được lợi ích mà còn phạm lỗi. Pháp môn Tịnh độ thích hợp khắp ba căn, trước khi chưa thành Phật ai nấy đều phải tu tập. Chúng ta đã chẳng thể đoạn hoặc chứng chân, cậy vào tự lực để liễu sanh tử, mà nếu vẫn chẳng lấy niệm Phật cầu sanh Tây Phương làm chí hướng, sự nghiệp thì dù có tu tập đi nữa cũng đều trở thành phước báo trong cõi trời người. Muốn liễu sanh tử chắc phải tới năm con lừa[118] (trong mười hai con giáp không có con lừa). Huống chi tuổi đã sáu mươi hai; dẫu thọ được tám mươi cũng chỉ là sống thêm được mười bảy, mười tám năm nữa, nhưng đối với kỳ hạn cái chết của con người, ai có thể làm chủ được? Vì thế hãy nên miệt mài chuyên tu tịnh nghiệp. Tự mình đã tu tịnh nghiệp, hãy nên dạy quyến thuộc đều tu tịnh nghiệp. Một là tạo lợi ích cho họ, hai là đề phòng khi chính mình lâm chung bị quyến thuộc chẳng biết niệm Phật phá hoại chánh niệm đến nỗi chẳng được vãng sanh.

[118] Nguyên văn "lư niên" (năm con lừa). Thời cổ dùng 12 con giáp để đặt tên cho từng năm, nhưng trong mười hai con giáp không có con lừa nên cổ nhân dùng chữ "lư niên" để chỉ chuyện không có kỳ hạn, hoặc không bao giờ xảy ra.

Nay đặt pháp danh cho ông là Huệ Canh, nghĩa là nương theo pháp môn Tịnh độ được nói từ trí tuệ của đức Phật để tự hành, dạy người mà cày bừa, ngõ hầu trong là quyến thuộc, ngoài là người đời cùng gieo thiện căn, cùng tu tịnh nghiệp, đấy chính là ý cao tột của Y Doãn khi cày ruộng Sằn[119] dùng tiên giác để giác ngộ kẻ hậu giác vậy. Niệm Phật nhằm đối trị phiền não, tập khí, phiền não tập khí giảm được một phần thì công phu niệm Phật tiến được một phần. Trong khi ấy (tức trong khi niệm Phật) hãy thường tự niệm tự nghe. Bí quyết "nhiếp trọn sáu căn, tịnh niệm tiếp nối" của Đại Thế Chí Bồ-tát chính là pháp chú trọng nơi nghe.

Nay gởi cho ông và Huệ Chỉ mỗi người một cuốn Tịnh Độ Ngũ Kinh, một cuốn Sức Chung Tân Lương. Thường tụng Tịnh Độ Ngũ Kinh sẽ biết được cội nguồn duyên do của pháp Tịnh độ, chẳng bị hết thảy kinh luận, thiện tri thức lay chuyển, lung lạc. Đọc Sức Chung Tân Lương sẽ biết cách dự phòng, chớ nên không thường xuyên luyện tập quyến thuộc. Những điều khác đã nói tường tận trong Văn Sao, ở đây không ghi cặn kẽ. Lại gởi cho hai người các ông một bộ Tịnh Độ Thập Yếu gộp chung vào một gói. Mong hãy sáng suốt suy xét, từ rày hãy y theo những sách này mà tu tập, đừng gởi thư đến nữa, do Quang mục lực suy yếu đến cùng cực, chẳng thể phúc đáp được!

294. Thư trả lời cư sĩ Đức Bồi (thư thứ hai)

Đang nhằm thời mạt pháp, con người căn cơ kém hèn, chỉ có một pháp niệm Phật là phù hợp căn cơ nhất. Có nhiều người hễ cầu đảo đều luôn bận tâm về chuyện con người chẳng thể niệm tụng trọn hết kinh chú; chẳng biết hễ trì vạn đức hồng danh của A-di-đà Phật còn có thể thành Phật, há chẳng thể tiêu tai được ư? Quán Thế Âm Bồ-tát có duyên với thế giới này của chúng ta nhất, cũng nên niệm kèm thêm; chỉ cần chí thành, cung kính, nhất định "hễ có cảm liền thông". Dẫu cho tu trì lúc bình thường hay do có chuyện bèn cầu đảo đều cùng phải coi trọng chuyện "ai nấy đều có thể niệm được". Tứ Xuyên nhiều lần tổ chức cầu đảo nhưng không có hiệu quả, nguyên nhân chánh yếu đều là vì không phải ai cũng niệm được chú Lăng-nghiêm, khiến cho người ngoài cuộc cảm thấy đáng cười,

[119] "Y Doãn canh Tân" vốn là một điển tích dựa theo một câu nói được ghi trong thiên Vạn Chương thượng sách Mạnh Tử: *"Y Doãn canh vu Hữu Tân chi dã, nhi lạc Nghiêu Thuấn chi đạo yên"* (Y Doãn cày ruộng trên cánh đồng Hữu Tân mà vui với đạo của Nghiêu - Thuấn). Cánh đồng Hữu Tân nằm giữa hai thôn Tân Dã, Tân Lý thuộc trấn Tân Đình. Trước khi theo Tân Thị về hầu vua Thành Thang, Y Doãn vốn là nô lệ của họ Tân Đằng. Khi Tân Thị lấy vua Thành Thang, Y Doãn được phái đi theo bồi giá (người hầu đi theo nữ chủ về nhà chồng gọi là bồi giá). Khi dâng cơm, Y Doãn thừa dịp trình bày những kiến giải rất đặc sắc khiến Thành Thang ngưỡng mộ, trả tự do cho Y Doãn và phong cho ông làm Tể tướng. Ông thường được cổ sử xưng tụng là "thiên thu hiền tướng". Do chữ tân（莘）, còn đọc là "sân", nhưng thường bị đọc trại thành "sằn" trong các sách vở được lưu truyền từ trước đến nay, chúng tôi cũng ghi theo cách đọc phổ biến là "Y Doãn cày ruộng Sằn".

đáng thương thay! Những kẻ đứng ra tổ chức những pháp hội cầu đảo ấy thuộc hạng ưa ăn nói lớn lối, thích làm chuyện khó khăn, chính họ làm thì được nhưng bảo nam nữ trọn tỉnh Tứ Xuyên đều niệm thì lại không thể niệm được. Họ chẳng biết rằng: Niệm Phật, hay niệm Quán Âm, đứa trẻ lên ba cũng có thể niệm được! Sau này, ông tổ chức liên xã để cầu đảo, hãy nên lấy niệm Phật, niệm Quán Âm làm chánh thì lợi ích lớn lắm. Hơn nữa, cố nhiên nhiều liên xã thì tốt, nhưng nhiều mà tràn lan hỗn loạn thì không nên. Đừng chú trọng lôi kéo người gia nhập liên xã cho đông đến nỗi xen lạm, tràn lan, hỗn tạp thì công chẳng cự được lỗi đâu!

295. Thư trả lời cư sĩ Đức Bồi (thư thứ ba)

Tam Thời Hệ Niệm chính là do người đời sau soạn ra, đội tên quốc sư Trung Phong[120]. Sách ấy có hai loại[121], ý tưởng chung giống nhau, nhưng văn tự không thật giống nhau cho lắm. Sách ấy vốn dùng để đề xướng trong lúc tu tập bình thường, sao lại dùng để trợ niệm? Trợ niệm thì phải nên chuyên nhất niệm Phật. Nếu đến lúc sắp chết, ngay cả kinh A-di-đà cũng không niệm thì mới có thể làm cho tâm người sắp mất gom về một chỗ được. Theo sách ấy, pháp sư thăng tòa, vừa niệm xong bèn giảng nói một đoạn, đại chúng ngồi nghe pháp sư giảng nói xong bèn niệm Phật một lượt. Đấy chính là coi trọng giảng nói, coi niệm Phật là

[120] Trung Phong Minh Bổn (1263-1323), là một vị cao tăng thuộc tông Lâm Tế sống vào đời Nguyên, người huyện Tiền Đường, Hàng Châu, thường được biết dưới mỹ hiệu thiền sư Trí Giác hoặc quốc sư Phổ Ứng. Từ nhỏ ngài đã qua tham học với ngài Cao Phong Nguyên Diệu núi Thiên Mục, năm 24 tuổi xin xuất gia với ngài Cao Phong, sau này được phó truyền pháp mạch. Từ đấy, ngài không có nơi trụ nhất định, thường vân du khắp nơi, nên thường tự xưng là đạo nhân Huyễn Trụ. Đạo đức, trí tuệ rạng ngời nên được người đời xưng tụng là cổ Phật Giang Nam. Vua Nhân Tông nhà Nguyên từng hạ chỉ triệu sư vào triều, sư luôn tìm cách từ chối, chỉ tiếp nhận bộ ca-sa kim lan và mỹ hiệu Phật Từ Viên Chiếu Quảng Huệ Thiền Sư do vua phong tặng. Nguyên Anh Tông xin quy y với sư được sư chấp thuận. Sau khi sư mất, ngài Từ Tịch biên tập những lời dạy và những trước tác của sư, tạo thành một bộ toàn tập, đặt tên là Thiên Mục Trung Phong Hòa Thượng Quảng Lục. Qua bộ toàn tập này, ta thấy sư thông hiểu Phật học uyên thâm, giảng rất nhiều kinh cũng như giảng dạy rất phóng khoáng, không hạn cuộc trong một tông phái nào, do đó sư được người thời ấy ca ngợi: *"Phật pháp trung hưng Bổn Trung Phong"* (Có thể hiểu hai cách: Phật pháp được trung hưng bởi sư Minh Bổn Trung Phong, hoặc vốn nhờ vào ngài Trung Phong mà Phật pháp được trung hưng).

[121] Hiện thời có hai bản Trung Phong Tam Thời Hệ Niệm được lưu hành:

1. Trung Phong Tam Thời Hệ Niệm Pháp Sự. Bản này phổ biến nhất, thường dùng thay thế cho nghi thức Diệm Khẩu, chủ yếu lấy kinh Di-đà làm kinh văn phúng tụng trong cả ba thời. Hiểu theo nghĩa hẹp, "tam thời" là buổi sáng, chính ngọ và buổi chiều, tức là trong suốt một ngày thường luôn hệ niệm tưởng nhớ đến Phật. Hiểu theo nghĩa rộng, tam thời chỉ hết thảy thời. Hệ niệm là thân khẩu ý đều nương theo văn nghĩa kinh Di-đà chuyên lòng chú tưởng thế giới Tây Phương Cực Lạc, không còn nghĩ gì khác.

2. Trung Phong Tam Thời Hệ Niệm Phật Sự Phạm Nghi: Cũng chia thành ba thời, nhưng dùng hai kinh Vô Lượng Thọ và Quán Vô Lượng Thọ để trì tụng. Thời thứ nhất tụng cuốn thượng của kinh Vô Lượng Thọ (bản Ngụy dịch, tức bản dịch của ngài Khang Tăng Khải), thời thứ hai tụng cuốn hạ của kinh Vô Lượng Thọ, thời thứ ba tụng kinh Quán Vô Lượng Thọ Phật. Giữa thời thứ nhất và thời thứ hai có kèm theo nghi thức cúng ngọ. Giữa thời thứ hai và thời thứ ba lễ A-di-đà Sám Nghi. Các phần khai thị, tán Phật, sám hối, phát nguyện, hồi hướng đều giống như loại thứ nhất.

phụ. Người soạn ra sách ấy quả thật chẳng biết đạo trợ niệm, nhưng kẻ chẳng biết pháp môn Tịnh độ trong cõi đời lại dùng nghi thức ấy để làm Phật sự trợ niệm, cũng đáng than thở lắm!

Trợ niệm lúc lâm chung chuyên lấy Phật hiệu làm chánh. Hoằng Hóa Xã có sách Sức Chung Tân Lương nói cặn kẽ về pháp tắc, đọc sách ấy sẽ biết cách trợ niệm, chứ không chú trọng giảng bày những sự lý chẳng thiết yếu hao tốn thời gian. Nghe nói quý xứ bị nạn binh đao, nên chẳng dám gởi sách tới; nếu nạn binh đao đã dứt, hãy nên gởi tiền sang thẳng chùa Báo Quốc ở Tô Châu để thỉnh. Mỗi gói sách ước chừng hai đồng, hiện thời giấy đắt gấp mấy lần, hai đồng vẫn chưa đủ giá vốn, nếu tính theo giá vốn phải là ba bốn đồng. Nếu tiền nhiều thì tăng thêm sách, nếu ít thì giảm bớt sách. Nếu còn dư đôi chút sẽ gởi trả lại số tiền thừa bằng bưu phiếu.

Thời cuộc gian nan, gởi thư suông sẽ không trả lời. Hơn nữa, cước phí bưu điện mỗi tháng đều tăng, cứ chuyển một lần xe hơi thì mỗi gói lại tăng thêm bốn cắc; chuyển lần thứ hai, thứ ba đều chiếu theo đó mà tính. Nhưng chỉ giao cho bưu điện, có giấy tờ chứng nhận là hết, còn gởi đến nơi hay không, họ không chịu trách nhiệm, vì có lúc gặp phải binh lính hay thổ phỉ ngăn chặn. Đang trong thời thế này, hoằng pháp rất khó, chuyện tương lai càng khó dự liệu. Quang từ khi tới Linh Nham, chuyên một mực đợi chết, chẳng qua là biết biện pháp nên mới nói cho ông biết đấy thôi. Quang mắt chẳng đọc được chữ, phải nhờ vào kính lão lẫn kính lúp để gắng gượng đọc và trả lời. Từ rày đừng nên gởi thư đến nữa, do Quang không có mục lực lẫn tinh thần để thù tiếp. Sẽ hỏi bưu cục, nếu như gởi sách được, sẽ gởi cho ông một gói. Từ nay về sau xin hãy tiếp xúc Hoằng Hóa Xã để thỉnh sách, chứ Quang không thể giới thiệu được.

(Ngày Rằm tháng 3)

296. Thư trả lời cư sĩ Đức Bồi (thư thứ tư)

Trong Mật tông, nếu chưa được a-xà-lê truyền dạy, chẳng được tụng chú, kết ấn; nếu không, sẽ bị coi là trộm pháp. Điều này nhằm thể hiện ý nghĩa tôn trọng Mật pháp tột bậc. Nếu có vị a-xà-lê đạo đức, cố nhiên nên thỉnh vị ấy truyền dạy. Nếu không, chính mình chí tâm chân thành niệm tụng, ắt sẽ có cảm ứng. Đã có cảm ứng, chẳng đến nỗi mắc tội. Nếu nhất quyết là có tội, chấp rằng "chưa được truyền dạy mà niệm tụng, kết ấn đều sẽ gặp họa" thì nay tôi nêu một thí dụ. Như có người đọc sách, làm theo những điều sách dạy, sẽ trở thành học trò của thánh hiền, lấy thân mình làm gương cho mọi người, khiến cho ai nấy đều giữ vẹn luân thường, trọn hết bổn phận, dứt lòng tà, giữ lòng thành, đừng làm các điều ác, vâng

làm các điều lành, đấy chính là "chẳng nắm giữ địa vị mà dạy dân" và cũng thay đổi được phong tục, bù đắp chỗ khuyết thiếu trong sự cai trị, chẳng có kẻ nào chê người ấy sai trái được.

Nếu tự cho chuyện mình đã làm vượt trỗi chuyện do quan địa phương làm, bèn phát hiệu lệnh để thực hành đạo "yêu dân, chuyên cần việc công" thì sẽ gần như là kẻ phản loạn, ắt sẽ bị hình phạt của quốc gia giáng xuống. Xin hãy suy nghĩ cặn kẽ để chính mình khỏi nghi ngờ, lầm lẫn! Đang trong lúc nhân dân khốn khổ, gian nan, không nơi nương tựa này, kẻ chẳng cậy vào sức kinh chú của Phật, Bồ-tát mà được yên ổn thì hiếm hoi lắm. Nếu chấp chết cứng "chưa được truyền dạy mà niệm chú, kết ấn đều phạm tội trộm pháp" thì nhân dân và cô hồn chưa được truyền dạy đều chẳng được hưởng pháp ích (lợi ích từ nơi Phật pháp). Những ai đã được hưởng pháp ích ắt sẽ chẳng đến nỗi do nương theo đấy tu trì mà gặp họa. Nếu suy luận theo lẽ này, hai đằng đều ổn thỏa, chẳng trái nghịch nhau.

(Ngày mồng 5 tháng 6)

297. Thư trả lời cư sĩ Doãn Toàn Hiếu (thư thứ nhất)

Đạo hiếu lớn lao không gì ra ngoài được. Muốn được trọn vẹn, nếu không cùng gánh vác thế pháp (pháp thế gian) lẫn Phật pháp sẽ chẳng thể trọn vẹn được. Đối với thế pháp, ắt phải giữ vẹn luân thường, trọn hết bổn phận, dứt lòng tà, giữ lòng thành, đừng làm các điều ác, vâng giữ các điều lành. Với Phật pháp ắt phải kiêng giết, bảo vệ sanh mạng, tín nguyện niệm Phật, cầu sanh Tây Phương. Dùng những điều ấy để tự hành, lại còn dạy người khác, sao cho trong là gia đình, ngoài là xã hội, hết thảy đồng nhân đều tu pháp này để mong liễu sanh tử ngay trong đời này. Phật pháp có vô lượng pháp môn, tất cả hết thảy pháp môn đều phải đoạn sạch phiền hoặc mới có thể liễu sanh thoát tử. Nếu có mảy may phiền hoặc nào chưa đoạn hết thì vẫn chẳng thể thoát khỏi luân hồi.

Chỉ có một pháp niệm Phật hoàn toàn cậy vào Phật lực, nếu đầy đủ lòng tin chân thật, nguyện thiết tha, chắc chắn có thể nương theo Phật từ lực mang nghiệp vãng sanh. So với hết thảy pháp môn khác, sự khó dễ sai khác vời vợi một trời một vực! Chúng ta đã không có đạo lực để đoạn sạch phiền hoặc, mà nếu chẳng chuyên chú lấy niệm Phật cầu sanh Tây Phương làm đại sự tự lợi lợi tha thì từ trần sa kiếp này sang trần sa kiếp khác vẫn phải luân hồi trong sáu nẻo. Muốn trọn vẹn đạo hiếu, cố nhiên phải nên miệt mài tu trì tịnh nghiệp. Sách ấy trước kia đã từng gởi cho ông Tưởng Đặc Sanh khá nhiều; trong tháng 8 năm nay lại gởi cho ông ta một trăm cuốn Tịnh Độ Ngũ Kinh, hãy nên thường tụng kinh ấy sẽ hiểu đầy đủ lợi ích của pháp môn Tịnh độ.

Nay đặt pháp danh cho ông là Huệ Phổ, nghĩa là dùng pháp môn Tịnh độ được nói bởi trí tuệ của đức Phật để làm cho khắp mọi đồng luân đều cùng thoát khỏi sanh tử, luân hồi, để rốt ráo "trọn vẹn lòng hiếu, thường được trời che chở, giúp đỡ"[122]. Tụng chú Đại Bi vào nước để trị bệnh thì tâm phải chí thành, khẩn thiết mới có linh nghiệm. Mỗi ngày, trước khi trì chú, trước hết lễ Thích-ca, Di-đà và thường trụ tam bảo. Nếu muốn giản tiện thì niệm Nam-mô Bổn sư Thích-ca Mâu-ni Phật, Nam-mô A-di-đà Phật, Nam-mô Thập Phương Nhất Thiết Chư Phật Nhất Thiết Tôn Pháp Nhất Thiết Hiền Thánh Tăng (một lạy), ba lượt xưng, ba lượt lạy như thế. Rồi niệm Nam-mô Đại Từ Đại Bi Quán Thế Âm Bồ-tát (ba lạy), rồi niệm chú Đại Bi.

Biến đầu tiên, tay phải kết ấn Bảo Thủ (tức là ngón cái trong bàn tay phải đè lên đốt đầu tiên của ngón thứ hai (ngón trỏ), ngón thứ ba (ngón giữa), và ngón thứ năm (ngón út), còn ngón thứ tư là ngón vô danh (ngón đeo nhẫn) thì duỗi ra) vẽ chữ Phạn "án lam" (om ram) trên nước; tay trái kết ấn Kim Cang Quyền (ngón tay cái của bàn tay trái đè lên đốt cuối (tức đốt giáp lòng bàn tay) của ngón thứ tư (ngón vô danh, ngón đeo nhẫn). Ngón thứ hai (ngón trỏ), ngón thứ ba (ngón giữa), ngón thứ năm (ngón út) đè lên trên ngón cái. Nếu khó thể thường kết ấn được thì không kết cũng không sao. Hoặc kết ấn lúc bắt đầu niệm và lúc gần niệm xong cũng được. Hễ lúc nào trì chú đều nên kết ấn này). Niệm chú Đại Bi bao nhiêu biến đó, lúc sắp xong lại kết ấn Bảo Thủ, vẽ hai chữ án lam. Vẽ như vậy vào lúc khởi sự niệm biến chú Đại Bi cuối cùng. Niệm chú Đại Bi xong, chiếu theo số biến chú Đại Bi đã niệm mà niệm hai chữ "Bộ-lâm" (Bhrūm)[123] chừng đó biến, niệm nhiều hơn cũng được. Niệm chữ Bộ-lâm này để cầu được nhanh chóng viên mãn thành tựu. Chẳng tham danh, chẳng tham lợi, chỉ muốn cứu người bệnh khổ sẽ có linh nghiệm. Nếu trì tụng đã được linh nghiệm rồi mà tham danh lợi hoặc phá giới, sẽ chẳng còn linh nghiệm nữa! Phàm mọi chuyện không chuyện gì chẳng lấy chí thành làm căn bản.

---

[122] Nguyên văn *"toàn hiếu tích loại"*, là một cách diễn tả khác ý tưởng một câu trong kinh Thi: *"Hiếu tử bất quỹ, vĩnh tích nhĩ loại"* (Hiếu tử chẳng thiếu thốn, trời vĩnh viễn ban thưởng cho bọn ngươi).

[123] Chú này vốn có tên gọi đầy đủ là Nhất Tự Chuyển Luân Vương Chú (hoặc gọi tắt là Nhất Tự Tâm Chú), còn được phiên âm là Bộ Long, Bột Long, hay Bột Lỗ Úm, do chính đức Phật nói ra trên cõi trời Tịnh Cư. Theo kinh Đại Đà La Ni Mạt Pháp Trung Nhất Tự Tâm Chú (do ngài Bảo Tư Duy dịch trong đời Đường), khi ấy đức Phật nhập Nhất Thiết Như Lai Tối Thượng Đại Chuyển Luân Vương Đảnh Tam-muội, từ giữa chặng mày phóng ra hào quang chiếu khắp mười phương thế giới, nhiễu quanh Phật ba vòng, nhập vào đảnh Như Lai, rồi trong hào quang chợt vang ra tiếng nói: "Ta là Nhất Tự Chú Đại Chuyển Luân Vương" rồi nói ra chú này. Theo kinh dạy, sau khi xuất định đức Phật đã giảng cặn kẽ về công năng của chú này, trong ấy có câu: "Nếu trì các thần chú mà không có thần lực, hiệu nghiệm, hãy nên tụng thần chú này một trăm vạn biến liền được thành tựu, đạt được cảnh giới." Do vậy, khi trì các bài chú, hành giả Mật tông thường ghép thêm bài chú này thành chữ cuối của mỗi biến, hoặc tụng riêng sau khi đã tụng đủ biến số mình muốn trì.

Quang già rồi, mục lực suy yếu tột bậc, dùng cả kính lão lẫn kính lúp mới gắng gượng đọc thư và viết thư được. Thư ông gởi đến đã mấy ngày, do bận bịu nên trả lời chậm trễ, cho nên tôi gởi thư trả lời theo đường máy bay cho nhanh. Từ nay đừng gởi thư tới nữa, tôi đã cho đăng lời thông báo này trên tờ Tân Văn vào ngày 13 hôm sau, đăng trên tờ Thân Báo vào ngày 14 hôm sau nữa, đăng trên bán nguyệt san Phật Học vào ngày Rằm để cự tuyệt hết thảy thư từ bởi mục lực lẫn tinh thần chẳng thể thù tiếp được (Một Lá Thư Trả Lời Khắp chính là bài văn "tùy cơ lợi người" rất quan trọng. Toa thuốc cai nghiện ma túy hết sức hiệu nghiệm. Toa thuốc trị bệnh sốt rét không ai chẳng được trị lành. Toa thuốc trị chó dại cắn cũng hết sức linh nghiệm). Nếu quân nhân có thể lấy chuyện "trừ bạo, an lương"[124] để răn nhắc binh sĩ, coi cha mẹ, anh em trai, chị em gái của trăm họ như cha mẹ, anh em trai, chị em gái của chính mình, chỉ mong họ chẳng bị tổn hại, chẳng dám cậy vào oai thế của quân đội để lừa dối, lấn hiếp, gian dâm thì sẽ là cứu tinh của trăm họ, phàm đi đến đâu thiện thần đều ủng hộ. Đấy gọi là hoa sen trong lửa. Nếu binh lính biết nghĩa này sẽ không trận nào chẳng thắng, thiên hạ tự nhiên thái bình vậy!

(Ngày 12 tháng 11)

298. Thư trả lời cư sĩ Doãn Toàn Hiếu (thư thứ hai)

Đã nhận được thư từ mấy hôm trước, liền bảo Hoằng Hóa Xã gởi Kinh Chú Tuyển Lục, Văn Sao, Tịnh Độ Ngũ Kinh, lấy 20 đồng làm hạn. Do bận bịu, chẳng rảnh rỗi để trả lời thư. Hôm qua lại bảo gởi cho ông những sách như Thập Yếu, Gia Ngôn Lục v.v., lấy 20 đồng làm hạn. Chỗ ông thỉnh sách chẳng dễ, còn tiền thì Quang không dùng để cứu trợ tai nạn cũng dùng để in sách. Gởi sách cho ông so ra hợp lý hơn gởi cho những nơi khác, chỉ giữ lại mười đồng để tự dùng. Pháp danh của cha mẹ và vợ ông được viết riêng trong một tờ giấy khác. Điều trọng yếu là quyết định cầu sanh Tây Phương.

Cha mẹ ông đã già, hãy nên đọc kỹ Sức Chung Tân Lương thì chẳng đến nỗi làm hỏng chuyện lúc họ lâm chung. Nếu không, trong mười người hết chín kẻ đều vì lòng hiếu mà hại cha mẹ chìm đắm mãi trong biển khổ sanh tử. Lại còn khi con cái vừa hiểu biết liền dạy dỗ thì mới là lòng từ thật sự. Khuyên trăm họ ai nấy đều hiểu nhân biết quả thì mới là đạo căn bản để hưng khởi điều lợi, trừ thói tệ. Người học Phật ắt phải giữ vẹn luân thường, trọn hết bổn phận, dứt lòng tà, giữ lòng thành, đừng làm các điều ác, vâng giữ các điều lành. Dùng những điều ấy để tự hành, lại còn đem dạy người khác thì mới là đệ tử chân chánh của

[124] Trừ kẻ hung bạo, giúp cho người lành được sống yên ổn.

đức Phật. Những điều khác đã nói tường tận trong Văn Sao, ở đây không viết cặn kẽ.

Gần đây, có người cho biết một phương cách thần diệu để cai nghiện thuốc phiện, xin hãy bảo những người nghiện dùng thử. Nếu linh nghiệm, hãy nên truyền bá rộng rãi hòng diệt gốc họa ấy. Dùng một tấm vải Tây màu đỏ vuông vức một thước, cắt thành 24 miếng. Trước khi hút thuốc, dùng que tiêm thuốc phiện cắm lên trên đầu mảnh vải ấy rồi đốt trên một cái chén. Đem tro rớt vào trong chén hòa nước sôi uống rồi mới hút thì chẳng đợi uống hết 24 miếng vải đã không còn nghiện ngập nữa, cũng chẳng niệm chú. Nếu linh nghiệm, tức là trời đã giúp cho chúng ta diệt được mối tai họa này. Thêm nữa, bài thuốc trị bệnh sốt rét được chép ở cuối toa thuốc trị nghiện thuốc phiện đã gởi lần trước cực linh nghiệm, không ai chẳng được trị lành.

Còn bệnh cùi[125] là bệnh từ xưa đến nay trong ngoài nước đều chẳng trị được (chỉ có thể giảm nhẹ, chứ chẳng thể lành bệnh hoàn toàn). Năm Dân Quốc 21 (1932), một đệ tử là ông Bàng Tánh Tồn tìm được phương thuốc có thể trị lành bệnh hoàn toàn. Hiện thời các tỉnh đều có loại thuốc cao[126] chế theo toa thuốc ấy để giúp người, toa thuốc ấy được chép thêm vào cuối sách Sơ Cơ Tiên Đạo. Nói chung đã nêu lên cách chế biến, sử dụng thuốc, nhưng ít nói cặn kẽ về lúc sắc thuốc: Phải dùng một miếng ván dài, rộng hơn một hai tấc làm đũa khuấy, phía dưới vát xéo góc và miếng gỗ phải đủ dài sao cho đụng đến đáy nồi. Phải thường cạo khuấy tới tận đáy để thuốc khỏi bị cháy khét dưới đáy nồi, mất công hiệu. Sắc thuốc liên tục sáu tiếng đồng hồ, bỏ bã (xác) thuốc, lại đem nước thuốc cô đặc trong sáu tiếng đồng hồ nữa. Nếu chẳng cạo khuấy tận đáy, ắt thuốc sẽ đọng lại cháy khét ở đáy nồi. Thuốc này còn trị được bệnh phong thấp, chứ không phải chỉ bệnh cùi. Chỉ dùng một vị thuốc là cỏ thương nhĩ[127], chẳng thêm một vị thuốc

---

[125] Thông thường, trong các tự điển chữ "đại ma phong" được dịch là "bệnh cùi". Từ trước đến giờ chưa thấy tài liệu nào nói Trung Quốc chữa tuyệt căn bệnh cùi cũng như dược điển không ghi *thương nhĩ* chữa được căn bệnh nan y này, chỉ thấy thương nhĩ trị bệnh lác và các chứng lở loét ngoài da rất công hiệu. Chúng tôi đoán "đại ma phong" được nhắc đến ở đây chỉ là một chứng lở loét ngoài da hay bệnh lác.

[126] Nguyên văn "ngao cao" (熬膏), là một loại cao chế bằng cách ép dược liệu lấy nước, lọc xác, rồi cô đặc. Hoặc ngâm dược liệu vào rượu, đun liu riu cho đến khi dược chất tan hết vào rượu rồi cô đặc từ từ.

[127] Thương nhĩ (tên khoa học là xanthi sibiricum), còn được gọi là quyển nhĩ, tước nhĩ, địa quỳ, dương phụ lai, đạo nhân đầu, tiến hiền thái, dã gia v.v., là một loại thảo mộc thuộc họ cúc, thường mọc hoang, trổ hoa vào khoảng giữa hạ sang thu, có trái hình trứng, khắp thân cây mọc đầy gai rất cứng. Loại thực vật này có chất độc, đôi khi có thể gây ra tử vong. Theo Đông y, thương nhĩ tánh ôn, vị cay và đắng, có tác dụng đi vào kinh phế, thường dùng để chữa phong thấp, đau đầu do cảm mạo, trừ các chứng ghẻ lở, ngứa ngáy, mụn nhọt, ù tai… Tuy thế, liều lượng sử dụng phải hết sức cẩn thận. Trong khoảng 1960-1962, tại Trung Quốc đã có 30.119 trường hợp bị ngộ độc, trong số đó có 405 người chết vì dùng thương nhĩ.

nào khác nữa. Nếu chẳng nhận biết được loại cỏ này thì vào mùa hạ đến tiệm thuốc mua dăm hạt thương nhĩ cầm về, xem loại cỏ nào có hạt giống như loại hạt ấy thì nó chính là cỏ thương nhĩ. Tôi đã bảo chép toa thuốc này vào sau cuốn Niệm Phật Khẩn Từ.

(Ngày 30 tháng 10)

299. Thư trả lời cư sĩ Lộ Viên

Học Phật mà chẳng muốn làm bậc đại thông gia, chỉ chuyên tâm dốc chí nơi pháp môn Tịnh độ, có thể nói là "đã có huệ căn từ đời trước, có con mắt chọn lựa pháp". Đã muốn giải quyết đại sự cho xong ngay trong đời này, hãy nên lấy Tịnh Độ Ngũ Kinh làm thường khóa. Niệm kinh Kim Cang cũng được, mà không niệm cũng được, chẳng sao cả. Chiều tà đường xa, cố nhiên tâm hãy nên chuyên nhất! Ban đêm niệm Phật, còn ngày thì nghiên cứu đủ loại kinh luận, chắc sẽ đến nỗi tinh thần chú trọng tìm hiểu ý nghĩa, khó thể đạt đến nhất tâm nơi tịnh nghiệp được. Chủ khách đảo lộn vị trí, về mặt gieo thiện căn thì có, nhưng nơi phương diện giải quyết xong đại sự sẽ bị thiếu sót. Pháp môn Tịnh độ lấy ba pháp tín - nguyện - hạnh làm tông, nếu đầy đủ lòng tin chân thật, nguyện thiết tha, dẫu chưa đạt được nhất tâm bất loạn vẫn có thể vãng sanh.

Các hạ lấy nhất tâm bất loạn làm điều mong mỏi, nhưng hằng ngày chỉ nghiên cứu các thứ kinh luận, dường như chẳng phù hợp với điều mình mong mỏi cho lắm. Còn chuyện quy y hay không đều chẳng quan trọng. Đã chẳng chịu tự nhún mình thì không quy y còn tốt hơn. Tận lực tu tịnh nghiệp, vãng sanh Tây Phương, thân cận Di-đà Thế Tôn, chẳng cần phải tôn ông tăng hèn kém tầm thường làm thầy. Quang và các hạ cùng là bầu bạn trong hội Liên Trì, chẳng cần phải dùng danh hiệu giả tạo ấy để tự nhún nhường. Nếu người nào muốn quy y, quyết chẳng thể vì kẻ xin quy y không chịu khuất mình mà chấp nhận, bởi đấy chính là quy định thường hằng về chuyện phá hoại hay duy trì pháp hóa vậy!

(Ngày 21 tháng 3 năm Ất Hợi - 1935)

300. Thư trả lời cư sĩ Thừa Ân

Thư nhận được đầy đủ, Quang là một ông tăng tầm thường chỉ biết cơm cháo, vốn không có tư cách làm thầy người khác, nhưng do một người truyền hư, mọi người đều tin là thật, đến nỗi mười mấy năm qua thường có người viết thư hỏi han duyên do tu trì. Bất luận người ta ăn nói như thế nào, Quang đều trả lời. Chỉ có ai xin quy y mà chẳng chịu nhún mình thì Quang sẽ nói mềm mỏng, hoặc nói rõ ràng nguyên nhân để đôi bên chẳng bị mắc tội khinh pháp, mạn pháp mà thôi.

Nên biết rằng Phật pháp có hai loại "trụ trì pháp đạo" (duy trì pháp đạo) và "trực thị chân tế" (dạy thẳng vào chân thể, thật tướng) khác biệt. Mang phận phàm phu thì phải hành theo luật nghi, nếu không sẽ trở thành khinh pháp! Khinh pháp sẽ chẳng thể tăng trưởng thiện căn cho người ấy được (trong luật đã nói rộng về hình tướng này). Nếu như người cầu pháp lễ mạo không cung kính thì sẽ chẳng nói với người ấy, huống là cầu quy y tam bảo ư?

Đối với người hỏi pháp, cố nhiên Quang chẳng quá cố chấp, chỉ có kẻ cầu quy y mà chẳng tự nhún mình, Quang quyết chẳng dám chấp nhận. Không phải vì mong được người ta cung kính để tự đại, mà chính là muốn cho người ấy sanh lòng kính tín tam bảo sâu xa hòng được lợi ích thật sự. Dẫu là bậc Pháp thân đại sĩ đã chứng thánh quả, nhưng nếu hiện thân phàm phu thì vẫn phải tuân theo lễ nghi thế gian mà làm. Nếu hiện thân thánh nhân thì hoàn toàn chẳng theo quy củ nhất định nào. Như trong kinh Pháp Hoa, Thường Bất Khinh Bồ-tát lễ khắp tứ chúng, thọ ký cho họ rằng: "Tôi chẳng dám khinh quý ngài, quý ngài đều sẽ thành Phật." Thậm chí tứ chúng dùng roi, gậy, ngói, đá, đánh ném, bèn chạy né ra xa đứng, rồi lại lễ bái, xưng tán. Đấy chính là quy củ rộng lớn của bậc đại Bồ-tát nhằm chỉ thẳng vào chân tế, phàm phu nào dám bắt chước bừa bãi. Bắt chước bừa bãi sẽ hoại loạn pháp đạo, mắc lỗi cực lớn! Quang sợ lỡ cư sĩ thấy trong kinh có hành vi ấy, chắc sẽ nghĩ cách "trụ trì pháp đạo" là sai, nên mới nói đại lược duyên do của hai thứ sai khác, ngõ hầu ông không còn nghi ngờ, bàn bạc gì nữa.

Đã muốn quy y thì đành đem lầm đáp lạc. Nay đặt pháp danh cho cư sĩ là Đức Thành, thành (誠: lòng thành) là cội gốc của hết thảy các pháp thế gian lẫn xuất thế gian, nhưng càng phải nên chú trọng pháp môn Tịnh độ. Vì pháp này có thể dùng nhân địa tâm khế hợp được quả địa giác, dẫu là phàm phu sát đất vẫn có thể thoát khỏi cõi ngũ trược này, lên chín phẩm sen kia ngay trong đời này, cùng bầu bạn với Quán Âm, Thế Chí. Những điều khác đã nói tường tận trong Văn Sao, ở đây không ghi cặn kẽ. Quang mục lực quá suy, chớ nên gởi thư tới. Nếu thường đọc Văn Sao thì đối với một pháp niệm Phật sẽ không nghi ngờ nghĩa lý nào nữa. Nếu cứ nghiên cứu kinh luận tràn lan thì Quang chẳng thể nào tuyên nói được!

(Ngày mồng 7 tháng 5 năm Ất Hợi - 1935)

301. Thư trả lời cư sĩ Giác Tăng

Nhận được thư biết ở Thanh Hải vẫn có người hoằng dương pháp môn Tịnh độ, khôn ngăn vui vẻ, an ủi. Quang già rồi, mục lực lẫn tinh thần đều không đủ, tất cả thư từ đều nhất loạt chẳng hỏi đến nữa, thư nào không quan trọng khẩn yếu bèn bỏ mặc; có thư nào quan trọng khẩn yếu thì vị thư ký trong chùa viết thay.

Do ông ở xa lại có chuyện cần sách nên mới đặc biệt đưa cho Quang đọc. Quang sớm chẳng bảo đảm được tối, tất cả chuyện nhờ cậy bút mực đều nhất loạt chẳng thể đáp ứng được. May là mấy năm trước có viết bài tựa cho Cư sĩ lâm ở Triều Dương, Quảng Đông, một đệ tử ở huyện Thường Thục tỉnh Giang Tô thấy bài ấy được đăng trong bán nguyệt san bèn chép lại, cho in thạch bản, gởi cho Quang năm mươi phần, vẫn còn một phần, nay đem gởi cho ông. Văn tuy vụng về, chất phác, nhưng ý nghĩa chấp nhận được. Chỉ cần sửa đổi địa danh, tên người, thỉnh người viết chữ đẹp viết theo lối chữ khải to chừng hai tấc, hoặc cho khắc ván, hoặc đem dán lên bảng để những ai đến đấy đều đọc được. Chớ nên dùng các lối chữ viết thiếp, tục thể, chữ lệ, chữ thảo, vừa tỏ rõ ý kính trọng, vừa dễ đọc. Phàm những dấu chấm câu đều dùng dấu khoanh tròn (o) để người kém học vấn cũng đọc được thành câu.

Hiện thời, gởi sách hết sức khó khăn, ông muốn quy y thì đặt pháp danh cho ông là Khế Giác. Từ rày đừng gởi thư đến nữa, một là vì sớm chẳng bảo đảm được tối, hai là không có sức để thù tiếp. Tôi đọc qua bài vãng sanh ký của vị pháp sư nọ, tôi cho rằng "hãy nên dựa theo sự thật viết ra bài khác", đừng nên "chuyện không, nói có" khơi gợi cho kẻ vô tri bắt chước theo. Nếu bịa đặt, tô vẽ thì dường như là hoằng pháp nhưng thật ra đã tạo thành đầu mối tranh cãi khiến cho đạo pháp suy bại, gây họa lớn lắm. Vị pháp sư ấy lúc lâm chung không cho các cư sĩ đến, sau khi tắt hơi rồi mới cho họ đến, tức là ông ta chưa thể suy nghĩ sâu xa về chuyện trợ niệm. Vì sao vậy? Lâm chung được mọi người trợ niệm sẽ chẳng đến nỗi có chuyện phá hoại chánh niệm. Hơi thở đã bặt, nhưng thật ra chưa chết liền, lỡ gặp phải kẻ vô tri thò tay thăm dò hơi nóng, hoặc cho là đã chết, xúm nhau bàn luận om sòm, chắc sẽ bị hỏng việc. Đã chẳng cho người khác tới thì phải hạn định sau khi tắt hơi trong vòng năm tiếng chẳng cho ai đến. Nếu chưa tắt hơi bèn trợ niệm thì sau khi tắt hơi, chắc chắn chẳng có những hành vi kinh động, ầm ĩ khác. Từ rày trợ niệm chớ nên y theo pháp ấy!

(Ngày 18 tháng 5)

302. Thư trả lời cư sĩ Đức Minh

Đang trong đại kiếp này, hãy nên khuyên mọi người nhất trí tiến hành cầu sanh Tây Phương. Nếu không, nỗi khổ mai sau sẽ càng nặng nề hơn vì lòng người ngày càng độc ác, cách giết người ngày càng tinh vi, thế giới sẽ trở thành địa ngục nơi nhân gian, huống chi do ác tâm mạnh mẽ ấy sẽ chiêu cảm địa ngục thật sự ư? Nếu là người có hiểu biết, nghe nói như vậy, chắc chẳng đến nỗi coi thường bỏ qua. Sau này có ai tin tưởng, hãy bảo họ quy y với vị tăng ở địa phương. Quang

mục lực lẫn tinh thần đều không đủ, hơn nữa sớm chẳng bảo đảm được tối, chắc sẽ thành uổng công quy y.

(Ngày mồng 2 tháng Giêng)

303. Thư trả lời cư sĩ Phùng Thần

Quang xuất gia 55 năm, trọn chẳng nói một câu nào dạy người khác xuất gia, bởi con người hiện thời sau khi xuất gia đều biến thành hạng lười nhác, biếng trễ! Đấy chính là bậc thượng, chứ bậc hạ sẽ phá trai, phạm giới, không chuyện gì chẳng làm. Vì thế, tôi thề chẳng thu nhận đồ đệ, chẳng khuyên người khác xuất gia (Đây vẫn là tình hình thời triều Thanh, chứ từ thời Dân Quốc đến nay, chánh phủ nhiều lần muốn đuổi tăng, chiếm đoạt tài sản. Rất nhiều ngôi chùa lớn ở Quảng Đông, Thiểm Tây, Hà Nam đều bị phá hủy, sửa đổi thành cơ sở khác, nhưng do vẫn có những vị tăng tục cực lực chống đỡ, nên vẫn còn kéo dài được với năm tháng. Nếu không, cả nước đã sớm trọn chẳng nghe thấy dấu tích, danh hiệu tăng sĩ rồi!)

Ông tu trì tại gia là cách tu trì ổn thỏa thích đáng nhất. Tôi đã 75 tuổi, sẽ chết trong sớm tối, một thân vẫn hiềm là nhiều, nào chịu thu nhận đồ đệ. Nếu chẳng nghe lời tôi, tức chẳng phải là đệ tử quy y với tôi, mặc cho ông làm sao thì làm, ông đừng gặp tôi. Gặp tôi thì nước tôi cũng không cho ông uống! Tôi chăm sóc cho chính tôi còn không xong! Ông muốn dùng một lá thư xin quy y để buộc tôi cả đời phải lo toan cho ông, tôi đâu có tinh thần, tài lực để lo liệu cho kẻ chẳng nghe lời thầy dạy dỗ như vậy. Ông nghĩ xuất gia là chuyện sung sướng lớn lao, đâu biết tăng chúng ngày nay đúng là không còn có sanh lộ nào để đi được nữa. Muốn tìm đường chết thì cần gì phải tìm lối xuất gia?

(Ngày 24 tháng Chạp năm Dân Quốc 24 - 1935)

304. Thư trả lời cư sĩ Bái Trúc (thư thứ nhất)

Quang già rồi, tinh thần lẫn mục lực đều không đủ; lại còn tu chỉnh ba bộ Sơn Chí chưa xong, đấy là chuyện cấp bách chẳng thể trì hoãn được. Vì thế, gần đây cự tuyệt hết thảy mọi sự sai khiến viết lách, ngõ hầu những bộ Sơn Chí ấy sớm được hoàn thành. Nay đặt pháp danh cho ông là Huệ Trúc, nghĩa là nương theo Phật tu trì, giống như cây trúc lòng rỗng, đốt thẳng, thách đố sương tuyết, chẳng thuận theo thói tục. Những điều khác đã viết tường tận trong Một Lá Thư Trả Lời Khắp, hãy nên hành theo đó. Từ nay về sau đừng gởi thư tới nữa, gởi tới quyết chẳng trả lời. Cũng đừng giới thiệu người khác đến quy y để đôi bên khỏi nhọc trí, tốn công, mà cũng chẳng có ích lợi gì!

(Ngày mồng 10 tháng Chạp năm Quý Dậu - 1933).

305. Thư trả lời cư sĩ Bái Trúc (thư thứ hai)

Ông muốn mẹ vãng sanh Tây Phương, muốn cho cha thân tâm mạnh khỏe, sống hưởng yên vui, mất về Tịnh độ, hãy suất lãnh gia quyến già trẻ trai gái cùng nhau sốt sắng niệm Phật để mong Phật từ gia bị tiêu diệt tội nghiệp, tăng trưởng thiện căn, há chỉ nên chú trọng lấy trăm câu hay ngàn câu niệm Phật làm hạn? Trong cõi đời, kẻ làm công cho người khác vì một hai cắc bạc mà vất vả suốt ngày chẳng nghỉ. Ông lại ngược ngạo coi chuyện lớn lao này chẳng đáng siêng nhọc bằng cầu một hai cắc bạc, cho nên không có cảm ứng cũng chẳng lạ gì. Nếu cảm đến cùng cực, chắc chắn chẳng lẽ nào không ứng! Ông cảm kiểu đó vẫn là hời hợt, hờ hững, làm sao tiêu được nghiệp chướng lớn lao trong đời này, đời trước cơ chứ? Các quyến thuộc của ông niệm Phật cho cha mẹ, so với chuyên niệm cho chính mình công đức càng lớn hơn, bởi vì có tấm lòng hiếu thảo vậy!

Hiện tại, thời cuộc nguy hiểm, chẳng biết chiến sự sẽ nổ ra lúc nào mà vẫn chẳng chịu niệm. Nếu tới lúc phải đương đầu với sát kiếp, thử hỏi sẽ trông cậy vào đâu? Bệnh của cháu ông cũng là do túc nghiệp, xem tình trạng của cha mẹ và cháu ông, đủ biết nhà ông nhiều đời rất thiếu đức. Nay hãy nên luôn lưu tâm, tận lực vun bồi, lại còn khuyên hết thảy mọi người cùng tu tịnh nghiệp để vãn hồi. Sau này sẽ được sự mừng vui "tai lui, hên nhóm". Thượng Bân đã muốn quy y, nay đặt pháp danh cho ông ta là Tông Nguyên, nguyên (元) là tăng trưởng các điều lành, mà cũng là ý nghĩa đầu tiên của quẻ Càn. Càn là trời, *"Thiên Hành Kiện: Quân tử dĩ tự cường bất tức"* (Quẻ Thiên Hành Kiện: Quân tử tự gắng sức mạnh mẽ không ngừng), đấy là lời giải thích trong phần Tượng Từ của kinh Dịch. Nếu có thể tự gắng sức mạnh mẽ không ngừng niệm Phật, tự gắng sức mạnh mẽ không ngừng sửa lỗi tu thiện, thân tâm chắc chắn được mạnh khỏe, có thành tựu lớn lao. Một Lá Thư Trả Lời Khắp chính là phương pháp để hết thảy mọi người cầu phước, cầu thọ, cầu lành bệnh, cầu sanh con. Nếu có thể y theo lá thư ấy để tự hành, dạy người thì vô biên lợi ích sẽ đều đích thân đạt được.

(Ngày mồng 5 tháng 9 năm Giáp Tuất - 1934)

306. Thư trả lời cư sĩ Bái Trúc (thư thứ ba)

Thư đặt pháp danh quy y cho Thượng Bân đã sớm gởi đi rồi, chắc là bưu điện làm mất, hoặc là người phát thư giao lầm. Nay lại đặt pháp danh khác cho ông ta là Tông Thành, tông (宗) là chủ, là gốc, nghĩa là lấy lòng thành làm chủ, làm gốc, sẽ tự được tiêu nghiệp lành bệnh, chuyển yếu thành mạnh. Nói đến chuyện nàng

dâu cả của người con trai thứ nhà ông bị điên cuồng cũng là do túc nghiệp gây nên; hoặc cũng do bọn ngoại đạo thấy ông phản lại giáo pháp của chúng bèn sai tà quỷ, tà thần quấy rối, muốn cho ông vẫn sùng tín giáo pháp của bọn chúng. Ông chẳng bị lay chuyển thì người bệnh cũng chẳng bị lay chuyển, bọn tà quỷ tà thần kia cũng không làm gì được người chánh khí đâu! Vì thế ắt sẽ lành bệnh. Ngoại đạo phần nhiều có loại tà pháp ấy để lừa gạt, khiến cho những kẻ vô tri vô thức u mê.

Nói đến chuyện đối trước đức Phật tự thọ tam quy ngũ giới thì qua lá thư gởi cho bà Từ Phước Hiền ở Từ Châu trong bộ Văn Sao, Quang đã có nói đến chuyện này, mong hãy tìm đọc. Thượng Bân đau khổ vì là người tàn phế, nhưng mỗi ngày chỉ niệm Phật hai ba ngàn câu; cớ sao mong mỏi lớn lao mà tu tập lại nhỏ nhoi đến thế? Hãy nên thường niệm suốt ngày, sẽ tự có thể đi lại như người mạnh mẽ được. Nói đến chuyện niệm Phật có lắm vọng tưởng thì hãy nên nhất tâm niệm, lắng tai nghe kỹ từng chữ từng câu, đừng để luống qua, lâu ngày chầy tháng, tâm tự quy nhất, đấy là pháp niệm Phật tuyệt diệu nhất. Chương Đại Thế Chí Niệm Phật Viên Thông trong kinh Lăng-nghiêm dạy: "Nhiếp trọn sáu căn, tịnh niệm tiếp nối, đắc Tam-ma-địa, ấy là bậc nhất", "nghe" chính là pháp nhiếp trọn sáu căn. Pháp này bất luận người thượng trung hạ căn sử dụng đều có lợi, không có điều tệ, phàm với hết thảy mọi người đều nên lấy chuyện "lắng nghe" để bảo ban. Những điều khác đã nói tường tận trong Văn Sao, ở đây không viết cặn kẽ.

(Ngày mồng 5 tháng 10 năm Giáp Tuất - 1934)

Tam-ma-địa (samadhi) chính là tên khác của tam-muội, cõi này (Trung Hoa) dịch là chánh định hay chánh thọ; ý nói nhất tâm niệm Phật, chẳng bị ngoại cảnh lay động, chẳng bị tạp niệm xâm lấn. Vì thế, gọi là chánh định, chánh thọ.

307. Thư trả lời cư sĩ Bái Trúc (thư thứ tư)

Tịnh Độ Ngũ Kinh chính là căn bản của pháp môn niệm Phật, hãy nên tặng cho người thông hiểu văn lý, có tín tâm, biết cung kính. Đọc kỹ hai lời tựa và một lời bạt của Quang sẽ liền biết được duyên do của pháp môn Tịnh độ; rồi đọc năm kinh ấy sẽ biết được pháp ấy rộng lớn, cao sâu, phàm lẫn thánh đều cùng hướng về. Niệm Phật vọng niệm nhiều thì hãy nên lắng tai nghe kỹ, đức Đại Thế Chí nói "nhiếp trọn sáu căn, tịnh niệm tiếp nối" chính là ý này. Còn nói về Phổ Cập Niệm Phật Hội thì chính là bày ra cách để khuyên mọi người niệm Phật, niệm Quán Âm, chứ chẳng có dụng ý chi khác. Tổng hội cũng chẳng có quyền cai quản, bất quá nhờ vào danh nghĩa đó để làm cho người khác phát tâm mà thôi.

Đấy là duyên do đại lược vì sao cư sĩ Ổ Sùng Âm đề xướng vậy (ông Ổ biệt hiệu Hàn Thế Tử, người huyện Phụng Hóa, tỉnh Chiết Giang. Thượng Hải Đạo Đức Thư Cục do ông ta sáng lập), ông ta khá hiểu Phật học, chưa mười phần thấu triệt, nhiệt tâm đề xướng, thật hiếm có trong thời gần đây. Những sách cần thiết sẽ gởi riêng cho ông, 13 đồng 5 cắc ấy đều dùng để gởi sách, chẳng lâu nữa sẽ có năm gói Kỹ Lộ Chỉ Quy được gởi tới. Trong tháng 7 sẽ gởi tới hai gói Vật Do Như Thử, xin hãy chia ra tặng. Hiện tại thời cuộc nguy hiểm, bất luận già trẻ trai gái đều nên niệm Phật và niệm Quán Âm để dự phòng. Nếu không, khi đại kiếp đối đầu sẽ nương cậy vào đâu? Quang già rồi, mục lực suy đến cùng cực, từ nay về sau đừng gởi thư tới nữa. Dẫu sách được gởi đến cũng chỉ gởi thiệp báo "đã nhận được rồi" mà thôi. Từ rày, để thỉnh kinh sách hãy tiếp xúc trực tiếp với Hoằng Hóa Xã, đừng nhờ Quang chuyển, cũng đừng giới thiệu người khác đến quy y, vì mục lực chẳng đủ, chẳng thể thù tiếp được. Chỉ để đọc và trả lời lá thư lần này, đã phải dùng cả kính lão lẫn kính lúp để gắng gượng thù tiếp vậy.

(Ngày mồng 8 tháng 5 năm Bính Tý - 1936)

308. Thư trả lời cư sĩ Bái Trúc (thư thứ năm)

Kẻ ngu trong thế gian thường thích lập môn hộ, lấy trộm những lời lẽ từ tam giáo lập ra đạo "bí mật, chẳng được nói công khai với người khác". Do đạo ấy "bí mật" nên người khác chẳng biết nội dung, đều xúm xít đi theo đạo ấy như nhặng xanh bu theo mùi thối. Do trước khi được truyền trao đạo pháp, người xin nhập đạo phải thề độc, nên kẻ ngu dẫu chết cũng chẳng dám phản bội. Hết thảy ngoại đạo trong thế gian đều cậy vào hai pháp này (tức "chẳng được kể với người khác về pháp mình đã được truyền" và "thề độc sẽ gặp tai ương dữ dội nếu bỏ đạo") để truyền khắp thiên hạ, không sao diệt được. Nếu bọn chúng không có hai pháp này thì không một loại ngoại đạo nào có thể tồn tại trên thế gian được. Các ông may mắn thoát khỏi nẻo mê, trở về đường chánh, hãy nên giữ vẹn luân thường, trọn hết bổn phận, nghiêm túc tuân phụng Phật pháp. Pháp danh của hai ông Vũ và Tả được viết trong một tờ giấy khác, gởi cho hai người ấy mỗi người bốn gói sách thay cho lời khai thị, mong ông hãy nói rõ với bọn họ. Trong năm nay sẽ có hai lần gởi chừng đó cuốn sách nữa.

(Ngày 13 tháng 8)

309. Thư trả lời Tịnh Độ Tông Nguyệt San Xã

Nhận được tờ hoa, khôn ngăn cảm kích, hổ thẹn. Tịnh tông được chư vị hoằng dương sẽ khiến cho nhân dân khắp mọi giới đều được thấm nhuần ân trạch. Quang là người sẽ mất trong sớm chiều, mắt đã quáng lòa, chẳng thể xem thư, viết chữ.

Ngay như để viết lá thư dở tệ này, phải đeo kính lão tám mươi hoa[128], rồi lại cầm kính lúp[129] để viết. Vì thế, cự tuyệt hết thảy những chuyện sai khiến bút mực. Nếu ngẫu nhiên có thư từ gì, chỉ đáp sơ sài mấy câu, mà cũng chẳng giữ lại bản nháp, do một mực chẳng giữ lại bản sao. Bán nguyệt san Phật Học Thư Cục ngẫu nhiên có đăng tải những lá thư của Quang cũng là do người nhận thư gởi đến, chứ Quang chưa hề gởi cho họ một lần nào, huống là hiện thời mắt đã lòa ư? Báo được in ra cũng đừng gởi tới, bởi chữ nhỏ chẳng thể đọc được, há nên biến vật hữu dụng thành vô dụng ư? Đơn thỉnh sách do quý vị gởi tới đã giao cho Hoằng Hóa Xã. Hễ gặp ai thỉnh kinh, hoặc người thông hiểu văn tự trọn vẹn thì gởi kèm thêm trong gói sách, chắc sẽ có hiệu quả. Còn như người ở nơi ấy rất ít giao du với Quang nên chẳng thể biết ai mà chia ra tặng được. Xin quý vị thương tôi già nua, bệnh hoạn đang đợi chết mà đừng trách tội, cảm tạ khôn ngằn!

310. Thư trả lời cư sĩ Dương Chân

Đọc thư ông, biết tội ông thông đến tận trời! Nhưng cội nguồn tội ấy là do cha mẹ ông một mực nuông chiều khiến ông quen thói kiêu ngạo từ bé, chẳng hề răn dạy; đến khi tánh xấu đã thành hình mới tự hối hận, đã vô ích cho con mà chính mình cũng bị tổn hại. Đấy là căn bệnh chung của hết thảy mọi người trong thế gian này. Nay nói toạc ra với ông, mong ông sẽ sanh được con cái hiền thiện. May là đời trước ông còn có thiện căn, nửa chừng biết hối. Nếu đến chết vẫn không thay đổi thì muốn thoát khỏi địa ngục, chỉ sợ khó mộng thấy được. Quán Thế Âm Bồ-tát đại từ đại bi, cứu khổ cứu nạn, do ông là người cực bất hiếu, cực dâm đãng, nhất niệm chí thành xưng niệm liền được việc làm như ý. Những kẻ hủy báng Phật pháp, muốn diệt Phật pháp đúng là đã hãm người đời sau trong thiên hạ vào biển khổ mà vẫn nhơn nhơn tự đắc, khoe khoang công lao, hễ nghĩ tới liền khôn ngăn xót thương những kẻ ấy.

Năm 14, 15 tuổi, ông đã phung phí nguyên khí, mười năm qua dâm dục vô độ, tinh thần bị tổn thương kể sao cho xiết? Huống chi lại có hai người vợ trẻ! Nếu chẳng biết tiết dục thì chẳng những không thể sanh con mà còn đến nỗi đoản mạng chết yểu. Từ nay trở đi, hễ thấy phụ nữ của người khác hãy tưởng như mẹ, chị, em, con gái, xem hai cô vợ của chính mình như đạo hữu. Ngày thường niệm Quán Âm, đêm đừng ngủ chung với hai cô vợ. Dưỡng cho thân thể được hồi phục mười phần rồi mới làm chuyện vợ chồng một lượt. Mỗi năm ăn ở với hai bà vợ

[128] Tám mươi hoa (bát thập hoa) là thuật ngữ để chỉ mắt già bị viễn thị, chỉ nhìn vật được ở cách mắt đến 80cm, nhưng không đọc chữ được, phải đeo kính viễn thị để có thể nhìn gần, đọc được chữ.
[129] Nguyên văn "hiển vi kính". Chữ "hiển vi" ở đây khác với chữ thuật ngữ "kính hiển vi" được dùng để dịch chữ microscope hiện thời. Kính hiển vi thời ấy chỉ có nghĩa là kính phóng đại, kính lúp (magnifier).

một lần thì tình cảm vợ chồng ổn thỏa, mà đôi bên đều chẳng bị tổn thương, chắc chắn sẽ sanh được con cái mũm mĩm, thông minh, tâm tánh hiền thiện, không bệnh, trường thọ, có thể làm rạng rỡ gia đình, làm khuôn mẫu cho người trong một làng. Nếu coi chuyện ân ái là điều vui thú thì chuyện vui chưa lâu, khổ lớn liền tới. Tinh khô, thân chết, không thuốc nào cứu được đâu!

Lại nên đem nghĩa này nói với hai người vợ, mọi người cùng giữ điều răn cấm này thì sẽ có nhiều con cái tốt đẹp, ba người bọn ông hạnh phúc đến già, sống thì hưởng ngũ phước, mất sẽ lên chín phẩm. Nay gởi cho ông một bộ An Sĩ Toàn Thư, một cuốn Thọ Khang Bảo Giám, một cuốn Gia Ngôn Lục, một bộ Quán Âm Tụng, một cuốn Sức Chung Tân Lương. Trong bộ An Sĩ Toàn Thư có bốn tác phẩm: Đầu tiên là Âm Chất Văn Quảng Nghĩa giảng rộng về ý nghĩa "đừng làm các điều ác, vâng làm các điều lành"; thứ hai là Vạn Thiện Tiên Tư khuyên kiêng giết; thứ ba là Dục Hải Hồi Cuồng răn dâm; thứ tư là Tây Quy Trực Chỉ khuyên tu Tịnh độ. Quán Âm Tụng giảng rõ cặn kẽ sự linh cảm của đức Quán Âm. Hễ đọc Thọ Khang Bảo Giám sẽ chẳng dám không tiết dục. Gia Ngôn Lục giảng đầy đủ rõ ràng về những điều quan trọng trong tu trì, sách này trích lục những điều trọng yếu từ bộ Văn Sao. Đọc Sức Chung Tân Lương sẽ có thể làm cho mẹ ông quyết định được vãng sanh Tây Phương.

Nay đặt pháp danh cho ông là Tông Chân, tông là gốc, là chủ, nghĩa là khởi tâm động niệm, xử sự đều mong sao chân thật, chẳng dối. Chí thành, không dối thì mới là thiện nhân trong thế gian, đấy cũng là tư lương để xuất thế. Đặt pháp danh cho Lý thị là Tông Trinh, Hà thị pháp danh là Tông Khiết. Nữ nhân lấy trinh khiết làm đức, huống chi niệm Phật cầu sanh Tây Phương mà nếu chẳng lấy trinh khiết làm gốc thì thân tâm ô uế chẳng tịnh, làm sao vãng sanh Tịnh độ cho được? Ba người bọn ông bầu bạn niệm Phật với mẹ, khuyên mẹ ông đừng cầu phước báo trời người, mà hãy chuyên cầu vãng sanh Tây Phương. Nếu có thể giúp đỡ cho đạo nghiệp của mẹ thì là đại hiếu. Dùng hiếu hạnh ấy để trừ cái tội bất hiếu trước kia, ví như do đất vấp té thì cũng từ đất mà đứng dậy. Quang già rồi, mùa đông năm ngoái ban đêm giảo duyệt sách dưới ánh đèn điện nên mắt bị tổn thương nặng nề. Xem thư, trả lời thư đều phải dùng cả kiếng lão lẫn kính lúp mới thấy lờ mờ. Từ nay về sau đừng gởi thư tới nữa, cũng đừng giới thiệu ai quy y, cũng đừng do thỉnh kinh sách từ Hoằng Hóa Xã mà tiện tay gởi thư cho Quang, vì mục lực chẳng thể thù tiếp được!

311. Thư trả lời cư sĩ Huệ Thái

Ban ngày giảo chánh đối chiếu những sách đã in và đọc, trả lời thư từ; lại có những người xin giám định những tác phẩm tính in, không rảnh rỗi cho lắm. Tụng

niệm công khóa vào canh năm ban đêm khá nhọc nhằn. Ông chớ nên chớm lên ý niệm xuất gia, tuổi tác đã cao rồi, chẳng thể tham học được, chẳng thể khổ hạnh được, ai lại nuôi dưỡng một đồ đệ già nua như ông? Tại gia nhất tâm niệm Phật, đối với quyến thuộc lẫn chính mình đều có lợi ích lớn lao; còn xuất gia thì quyến thuộc vĩnh viễn chẳng có ngày thoát khổ. Quang thề chẳng thu nhận đồ đệ, đừng nghĩ tới chuyện ấy nữa! Hiện thời có Ngũ Đài, Nga Mi, Cửu Hoa ba bộ Sơn Chí cũng như Linh Nham Sơn Chí chưa được sắp chữ, ấn hành; đợi đến năm sau khi các sách ấy được in xong, sẽ đi ở ẩn để mong chuyên tu tịnh nghiệp. Nếu không, rốt cuộc sẽ chẳng có lúc nào được nhàn rỗi! Đã bảo Hoằng Hóa Xã gởi cho ông ba gói sách, đối với lá thư dài (tức Một Bức Thư Trả Lời Khắp) hãy nên cung kính cẩn thận sao lại một bản để lưu truyền trong gia đình.

(Ngày 22 tháng 11)

312. Thư trả lời cư sĩ Huệ Chiêu

Cho tới tháng Chạp năm ngoái, do phải giảo chánh bộ Lịch Sử Thống Kỷ suốt hơn hai tháng để nhà in làm thành hai bức chỉ bản, hòng in ra hai vạn bộ sách từ mỗi bức, ngõ hầu nhờ vào đây mà vãn hồi thế đạo nhân tâm. Đến ngày 20 tháng Chạp mới hoàn tất. Ngày hôm sau bị cảm lạnh, nằm bệnh hơn cả tuần. Nay tuy lành bệnh, tinh thần vẫn chưa hoàn toàn bình phục. Chẳng bao lâu nữa tôi sẽ ở ẩn, nên mới trình bày đại lược nguyên do. Trước đây, tôi đã bảo thầy Minh Đạo gởi mười gói sách, chắc ông đã nhận được rồi.

Nói đến chuyện ông Mã quán tưởng hữu hiệu thì cũng là do ông ta kiệt lòng thành, cạn lòng kính mà ra, chứ có lạ lùng, đặc biệt gì đâu. Do một mình ông Mã quán tưởng được tương ứng, ông bèn nẩy sanh ý niệm nghi ngờ đối với pháp do chư tổ Liên tông thường dạy người (tức pháp trì danh) thì có còn đáng gọi là người tin Phật, tin Pháp được chăng? Phép quán tưởng vốn do đức Phật khai thị, nhưng do người đời thường chưa thể triệt để dứt bặt vọng tưởng, dùng cái tâm bộp chộp, lầm lạc muốn mau chứng đắc để tu quán sẽ rất nguy hiểm. Đa số những kẻ xưa nay bị ma dựa là vì lẽ này. Vì thế cổ đức nói: "Cảnh tế, tâm thô, quán khó thành tựu, có thể dấy lên ma sự", chứ không phải là trọn chẳng cho người khác tu quán, cũng chẳng hề nói "tu quán đều bị ma dựa".

Nay vì một mình ông Mã tu quán hữu hiệu bèn nghi ngờ lời lẽ chân thật vì người của chư tổ sư từ trước đến nay, đủ thấy ông và các bạn đều thuộc phường "trọng nay, khinh xưa". Có kiến giải giống như thế, ắt sẽ thấy lạ nghĩ khác, tìm cầu những cái được gọi là "huyền diệu, đặc biệt, lạ lùng". Mai sau có kẻ đề xướng những pháp huyền diệu cao siêu khác để gạt người, thốt lời cuồng vọng "khiến

cho người hành theo pháp ấy có thể thành Phật đạo trong một thời gian ngắn", chắc ông sẽ thuận theo lời hắn bỏ pháp này tu pháp ấy. Như bèo không rễ, bềnh bồng trôi nổi theo gió, "tin đạo chẳng chuyên dốc, làm được gì đâu?" Khổng tử đã sớm dự đoán điều này, cần chi Quang phải rườm lời nữa ư? Chỗ hay của ông Mã là thành khẩn, tuy chẳng biết đến nghi thức phát nguyện, nhưng do quán niệm 108 câu Phật hiệu, lại nói thêm câu "tiếp dẫn con đến Tây Phương" thì đấy chính là "có nguyện". Nhưng cái kiểu kèm thêm như vậy để niệm, chớ nên bắt chước! Người đời nay hễ thấy một pháp nào hữu hiệu bèn chẳng buồn chọn lựa, hoàn toàn tập hành theo, đến nỗi chưa được lợi ích thật sự mà trước hết đã bị tổn hại lớn lao rồi. Ví như ăn quả dưa thì phải bỏ vỏ và hạt, không phải là hoàn toàn ăn hết, mà cũng chẳng phải là hoàn toàn bỏ hết, đấy là do người học đạo khéo dụng tâm mà thôi. Xin hãy sáng suốt suy xét thì may mắn lắm thay!

Hơn nữa, ông Diệp Chiếu Không trước đây có gởi thư đến, tôi vốn không muốn trả lời. Do ông ta quen biết với ông, nên hễ ông viết thư liên lạc thì xin hãy chuyển lời đến cho ông ta. Quang là một tăng tầm thường chỉ biết cơm cháo, bị cái hư danh làm phiền, mười mấy năm qua bận bịu vì người khác, đến nỗi bỏ lơ tịnh nghiệp của chính mình. Há nên đem câu chuyện "người cha chữa bệnh cho con trong kinh Pháp Hoa" để sánh ví, chẳng sợ mắc lỗi đem phàm lạm thánh ư? Người tu Tịnh độ chú trọng ba pháp tín nguyện hạnh, chứ chẳng nên chú ý tới *bát xúc*[130] và *lục diệu*[131] trong cảnh định. Nếu do công phu mà những điều ấy phát

---

[130] Bát xúc: Theo Ma-ha Chỉ Quán (quyển chín), khi sắp đắc Sơ thiền, trong thân sanh ra tám thứ cảm xúc:

1. Động xúc: lúc ngồi thiền, đột nhiên thân thể rung động.
2. Dưỡng xúc: thân đột nhiên ngứa ngáy.
3. Khinh xúc: thân thể đột nhiên cảm thấy nhẹ bổng như mây, như bụi, có cảm giác như đang bay lơ lửng.
4. Trọng xúc: đột nhiên cảm thấy thân nặng như tảng đá, chẳng thể cử động được chút nào.
5. Lãnh xúc: đột nhiên thân lạnh buốt.
6. Noãn xúc: đột nhiên thân nóng như lửa.
7. Sáp xúc: đột nhiên cảm thấy thân thô rít như da, như gỗ.
8. Hoạt xúc: đột nhiên cảm thấy thân trơn mịn như sữa.

Nguyên nhân là do khi sắp đắc Sơ thiền, cực vi của thượng giới nhập vào cực vi của Dục giới, hai thứ xen lẫn nhau, khiến cho tứ đại phát động cuồng loạn. Người không hiểu tình trạng này sanh lòng kinh sợ, sẽ sanh bệnh, huyết mạch đi loạn đường, dễ phát cuồng.

[131] Lục diệu môn là pháp do tông Thiên Thai đề xướng. Chữ diệu chỉ cho Niết-bàn. Do có sáu cửa để nhập Niết-bàn nên gọi là lục diệu môn, tức sáu phép thiền quán. Theo Lục Diệu Pháp Môn và Pháp Giới Thứ Đệ Sơ Môn (quyển thượng) thì lục diệu môn là:

1. Sổ tức môn: Đếm hơi thở từ một đến mười để nhiếp tâm nhằm nhập định.
2. Tùy tức môn: Chú tâm nơi hơi thở ra vào, chẳng cần đếm số.
3. Chỉ môn: Ngưng lặng các vọng niệm để khởi thiền định.
4. Quán môn: Quán ngũ ấm hư vọng, phá trừ các vọng kiến điên đảo, nhằm khai phát vô lậu phương tiện trí.
5. Hoàn môn: Quay trở lại quán tâm, biết cái tâm quán ấy không thật nên ngã chấp tự mất, vô lậu phương tiện trí tự nhiên tỏ rạng, tự nhiên đoạn hoặc chứng chân.

sanh thì cũng nên coi là bình thường, chớ nên sanh lòng vui sướng, mừng rỡ. Nếu không, sợ rằng sẽ tưởng đấy là những chuyện thù thắng nhiệm mầu, đến nỗi ngược ngạo coi tịnh nghiệp vốn là hạnh tu chánh yếu giống như chuyện thừa thãi.

Chớ nên tự lầm lạc gánh vác chữ y gồm ba điểm[132], đấy chính là tam đức bí tạng pháp thân, bát-nhã, giải thoát, bậc Sơ trụ Bồ-tát trong Viên giáo mới có thể chứng được chút phần, chỉ có Phật mới có thể triệt chứng viên mãn. Ông là hạng người nào mà dám ăn nói lớn lối quá phận vậy? Nên biết rằng "dẫu thấy lý ngang với chư Phật thì tu trì vẫn phải noi theo sự tướng phổ biến" ngõ hầu chẳng đến nỗi chấp lý phế sự, rớt vào hầm sâu "bác không nhân quả" không đáy, mênh mông như hư không.

Ba đứa con của ông muốn được đặt pháp danh, nay với mỗi đứa đều lấy một chữ từ tên ngoài đời để đặt, Tân Đường pháp danh là Đức Tân, Ung Đường pháp danh là Đức Ung, Hy Đường pháp danh là Đức Hy. Có thể mỗi ngày đều làm cho đức ấy được mới sẽ đoạn được tham sân si, dứt tuyệt giết trộm dâm, tam nghiệp thanh tịnh. Ung (雍) là hòa, đôn đốc luân thường, tu trì tịnh nghiệp, dùng tâm chí thành để mong thành thánh, thành hiền, đấy chính là Phật pháp hòa hợp với pháp thế gian, tâm mình đều hòa cùng tâm thánh hiền. Hy (熙) có nghĩa là ánh sáng, sáng sủa, tận lực trừ phiền hoặc, chẳng để nó ngăn lấp tự tâm thì lương tri, chân như sẵn có đều được hiện rõ. Đối với những điều khác, hãy bảo các cháu đọc kỹ Gia Ngôn Lục sẽ tự biết. Vì vậy chẳng cần nói nhiều.

Tụng 48 nguyện của kinh Vô Lượng Thọ hay chương giảng về phép quán chín phẩm vãng sanh trong Quán kinh là tùy ý thích của mỗi người, dùng hay không tùy ý. Nói chung, người niệm Phật coi mọi chuyện đơn giản là điều hay. Nếu bày vẽ đủ mọi hành nghi quá lố, chắc sẽ bị mệt mỏi. Pháp không có tướng nhất định, chớ nên cố chấp, cũng chớ nên tràn lan hỗn loạn, chỉ chú trọng sao cho được lợi ích, phù hợp căn cơ.

313. Thư trả lời cư sĩ Trí Viên

6. Tịnh môn: Không có tâm trụ trước, lắng bặt thanh tịnh, chân minh vô lậu trí nhờ đây tự phát hiện, tự nhiên đoạn hoặc chứng chân.

Ba môn đầu thuộc định, ba môn sau thuộc tuệ.

[132] Theo Đại Bát Niết-bàn Kinh Huyền Nghĩa, quyển thượng. Chữ y gồm ba điểm hợp thành, xếp thành hình tam giác có đỉnh nhọn quay xuống dưới, cho nên thường được dùng để ví với "chẳng một, chẳng khác, chẳng trước, chẳng sau". Chữ y do đó được dùng để ví cho ba đức của Niết-bàn là pháp thân, bát-nhã và giải thoát. Ba đức này hợp thành thật nghĩa của Niết-bàn như chữ y do ba điểm hợp thành, mà ba điểm này tách rời không thành chữ y cũng như không thể nào tìm Niết-bàn ngoài ba đức này. Ngoài ra, chữ y còn được dùng để ví với tam Bồ-đề (thật tánh, thật trí, phương tiện) hoặc tam Phật tánh (chánh nhân, liễu nhân, duyên nhân), hoặc tam bảo, hoặc tam đạo (khổ, phiền não, nghiệp) v.v..

Thư nhận được đầy đủ, bưu phiếu 10 đồng đã nhận được rồi, đợi sau này sẽ châm chước gởi các loại sách cho ông. Vãng sanh Tịnh độ cố nhiên quý ở chỗ tu lâu dài, nhưng điều quan trọng là chí nguyện quyết định chẳng thay đổi. Kẻ suốt đời niệm Phật mà tâm thường mong cầu phước báo trời người dẫu có tinh tấn, nhưng vì tâm nguyện vẫn còn lưu luyến cõi Sa-bà này, làm sao có hy vọng sanh về Cực Lạc cho được? Vì thế, biết tín nguyện thật sự là căn cứ lớn lao để chúng ta vãng sanh Tây Phương.

Cảnh tượng lúc Trương Đức Du lâm chung rất tốt, một là do chính ông ta có chí hướng quyết định, hai là vì được mọi người trợ niệm, may mắn không bị ai phá hoại chánh niệm. Hạng người này công hạnh rất cạn, nếu không được trợ niệm, lại còn có kẻ phá hoại, sẽ không hy vọng gì vãng sanh được. Lâm chung trợ niệm rất tốt, nhưng trong lúc bình thường cần phải đem lợi ích của trợ niệm khi lâm chung, họa hại do phá hoại chánh niệm, nói với hết thảy mọi người, khiến cho các con cháu quyến thuộc đều giúp đỡ ta, chẳng đến nỗi phá hoại. Thỉnh người khác trợ niệm thì có khi họ không có sức để làm được, nếu quyến thuộc biết tường tận lợi ích của việc trợ niệm thì có lợi lớn lắm!

314. Thư trả lời cư sĩ Hạng Trí Nguyên

Nhận được thư, biết ngôn hạnh vẫn chẳng lui sụt, an ủi lắm! Cuốn Nhật Ký Tu Trì rất hay, ông Đào Tụng Minh ở Vô Tích lập hơn một trăm liên xã, tặng cho mỗi người một cuốn. Mỗi cuốn là 12 trang, ghi rõ các ngày, dưới mỗi ngày đều ghi kinh, chú, Phật hiệu (nữ nhân có mười tám, mười chín người ghi danh, nam nhân chỉ có mười một, mười hai)[133]. Ở đây do nhiều người nên không thể ghi ra tường tận được. Lập biểu đồ theo hàng ngang, dưới mỗi ngày để ra mấy dòng để ghi thì cũng là pháp phương tiện để dẫn dụ người khác tinh tấn. Lời thuật duyên khởi được khắc ở đầu cuốn Nhật Ký Tu Trì khá hữu ích.

Đối với câu hỏi về "giác hải" (biển giác) được nêu ra trong sách Nhập Phật Vấn Đáp, nếu luận trên mặt gốc thì một còn chưa thể được, nói chi đến vô lượng! Nếu ước theo lợi ích thật sự khác biệt do thọ dụng từ biển giác qua những gì đã chứng được và chưa chứng của mỗi người thì cũng chẳng thể nói là "chỉ một không hai" được[134]. Ví như hư không vốn không có hai, do những vật có tánh

[133] Đây là một hình thức khích lệ tu trì. Nhật Ký Tu Trì ghi những điều phát nguyện tu trì của các liên hữu trong liên xã. Mỗi trang là một tháng, ghi rõ trong mỗi ngày trong tháng ấy, ai phát nguyện tụng bao nhiêu biến kinh nào, niệm bao nhiêu biến chú nào đó, hoặc niệm bao nhiêu câu Phật hiệu.

[134] Ý nói: Xét đến rốt ráo về mặt bản thể thì giác ngộ chỉ là một, sự giác ngộ rốt ráo của Phật và chúng sanh giống hệt như nhau không hai, không khác nên nói là "một còn chưa thể được", tức là không còn phân biệt, đối đãi nên ngay cả sự giác ngộ cũng không thấy có. Hay nói cách khác, không thấy có sự giác ngộ của Phật và của chúng sanh nên nói "một còn chưa thể được". Nếu xét theo mặt sự, tùy trình

chất ngăn ngại xen cách nên trở thành chỗ này, chỗ kia khác biệt, nhiều khôn kể xiết. Nếu bỏ những thứ có tánh chất gây ngăn ngại đi, sẽ trở lại tình trạng không có đây kia. Tâm tánh của chúng sanh và Phật không hai, do chúng sanh mê chưa ngộ, đủ mọi thứ chấp trước, nên trong một biển giác thành ra ngăn cách, trở ngại, biến thành biển nghiệp. Đoạn sạch được phiền não, giống như dẹp sạch mọi vật có tánh chất gây ngăn ngại, sẽ thành "hư không chẳng hai". Vì thế kinh Hoa Nghiêm dạy: *"Thập phương chư Như Lai, đồng cộng nhất Pháp Thân, nhất tâm, nhất trí tuệ. Lực vô úy diệc nhiên"* (Mười phương chư Như Lai cùng chung một pháp thân, một tâm, một trí tuệ. Lực, vô úy cũng thế). Ba pháp "tâm, Phật, chúng sanh" không sai biệt, cái sai biệt chính là tướng huyễn vọng, chứ không phải là bản thể.

Người đời sau đông đúc là do sanh sôi đông đảo, chứ không phải do trì ngũ giới, gieo thiện căn mà đông. Cổ nhân nói: *"Nhất nhân sanh nhị nhân, thập thế nhất thiên đinh"* (Một người sanh hai người, mười đời thành ngàn kẻ), sao không nhiều cho được? Phật dạy "thân người khó được"; trong khoảng rộng một thước từ mặt đất cho đến tận trời, những chúng sanh trong ấy nhiều hơn số người trong *tứ thiên hạ*. Có những chúng sanh từ ác đạo thoát ra, do từ thiên giới giáng xuống, chẳng biết là bao nhiêu. Xưa kia con người ít ỏi là vì duyên để sanh trưởng ít ỏi, nay con người đông đúc là do duyên để sanh trưởng nhiều. Chớ nên nói: "Do con người nhiều hơn xưa, tức là vì hiện thời có nhiều người trì giới mà được nhiều như thế!" Chẳng biết những loài trùng nhỏ xíu noãn - thai - thấp - hóa trong lục đạo nhiều vô lượng. Huống chi còn có những chúng sanh trong quỷ đạo ư? Huống chi còn có kẻ ở trong địa ngục nữa? Vì thế mới nói: *"Phật quán nhất bát thủy, bát vạn tứ thiên trùng"* (Phật xem một bát nước, tám vạn bốn ngàn trùng). Sao ông lại mang tri kiến lệch lạc như thế?

Quang già rồi, trong khoảng xuân - hè năm nay còn có mấy thứ sách cần phải in. Ngày 23 sẽ xuống núi qua Thượng Hải, ngụ tại chùa Thái Bình, đến tháng 6 trở về núi ở hết hè, tháng 7 lại xuống núi chẳng trở về nữa. Tháng 8, tháng 9, việc in sách kết thúc liền diệt tung tích, ẩn náu lâu dài. Do mấy năm qua, hằng ngày chỉ bận bịu thù tiếp thư từ, gần đây tinh thần ngày một giảm, chuyện thù tiếp ngày càng nhiều. Nếu chẳng đi theo một đường lối khác thì chưa bận tới chết sẽ trọn không có lúc nào ngớt được, vô ích cho người, tổn hại cho mình, há chẳng đáng buồn lắm ư? Không có chuyện gì thì chẳng cần phải gởi thư đến. Mấy tháng tới

---

độ tu chứng, căn cơ, chấp trước, mức độ đoạn phiền não của mỗi người mà thấy sự giác ngộ có nhiều từng cấp, nhiều đến vô lượng nên gọi là "biển giác".

đây tôi đều ở tại chùa Thái Bình nơi bến Trần Gia, Thượng Hải. Tới tháng 8, tháng 9, sẽ không nói được địa chỉ nhất định nào!

315. Thư trả lời cư sĩ Lưu Huệ Xước

Lệnh từ pháp danh là Đức Ý, thứ từ[135] pháp danh là Đức Trinh. Ý (懿) có nghĩa là đức tốt đẹp, có thể ăn chay niệm Phật, cầu sanh Tây Phương, làm bậc thầy khuôn mẫu cho chốn khuê các thì mới là Đức Ý. Trinh (貞) có nghĩa là "kiên định, chẳng thể chuyển dời". Thủ tiết gọi là Trinh, thì đấy là cái Trinh nhỏ nhoi; nhất tâm niệm Phật, quyết chí cầu sanh Tây Phương, mặc cho tri thức dạy tu các pháp khác đều chẳng đổi chí này thì mới gọi là Đức Trinh. Hãy nên nỗ lực tu trì hòng thoát được đời ác ngũ trược này. Nếu không, nỗi khổ đời sau chẳng nỡ nói cặn kẽ được! Cả nhà hãy nên ăn chay niệm Phật để đề xướng pháp môn Tịnh độ tại Thanh Hải.

Niệm Phật mà hết sức mong mỏi được ở nơi nào vắng lặng thì chẳng hợp lẽ cho lắm. Có căn bệnh sợ ồn ấy, nay đã phát hiện tướng bệnh rồi. Nếu vẫn cứ như thế, lâu ngày về sau sẽ không có thuốc nào chữa được. Hãy nên đối với ồn ào hay lặng lẽ đều cảm thấy như nhau, đang tịnh cũng chẳng sợ náo nhiệt xảy tới, trong lúc náo nhiệt tâm ta vẫn yên tịnh, chẳng sanh chán ghét, sẽ chẳng phát sanh ma sự "kinh sợ, nhàm chán". Nếu chẳng gấp sửa đổi, sau này sẽ phát cuồng. Niệm Phật mà sanh lòng đau thương thì cũng là tướng lành, nhưng chớ để thường xuyên như thế, nếu thường để như thế ắt sẽ bị ma đau buồn dựa vào. Ma đau buồn đã dựa vào thì sẽ suốt ngày đau buồn, hoặc đến nỗi chết đau đớn. Những tình huống này đều là do chẳng khéo dụng tâm mà ra. Đỉnh đầu đau ngứa là vì căng thẳng tinh thần quá mức, tâm hỏa bốc lên mà ra. Hãy nên nhất tâm tịnh niệm, tuyên nói với khắp cả làng, thường niệm ở chỗ đông người thì chẳng mấy chốc những chuyện kinh sợ, đau lòng, ngứa ngáy sẽ bị tiêu diệt.

316. Thư trả lời cư sĩ Lý Huệ Tài

Nếu quả thật đúng như ông đã nói thì em trai ông chắc chắn vãng sanh. Song thân ông hãy nên sanh lòng vui mừng lớn lao, nhất tâm niệm Phật, cầu mau được vãng sanh. Cõi Sa-bà này là thứ địa ngục sống đủ muôn điều ác không có cách gì để thoát khỏi được, hãy nên nghĩ: Con cái đã nêu gương sanh về Tây Phương ngay trong đời này, ta vẫn chẳng nhất tâm niệm Phật để theo con ra đi, cứ muốn ở lại làm người trong thứ địa ngục sống đủ muôn điều ác này; sao mà chẳng biết tốt xấu đến tột cùng như thế? Xin hãy đưa lời lẽ này cho song thân ông đọc, ông

[135] Lệnh từ: tiếng gọi mẹ của người khác với ý kính trọng.
Thứ từ: Mẹ kế.

cũng nên tùy duyên sống qua ngày chuyện gì bỏ qua được thì bỏ qua, đừng lo sầu trước để rồi bị tổn hại, chẳng ích lợi gì đâu!

(Ngày 12 tháng 4 năm Dân Quốc 29 - 1940)

317. Thư trả lời cư sĩ Trịnh Cầm Tiều

Ông tuổi đã sáu mươi lăm, đã hai lần thọ giới mà vẫn chưa ăn chay, tức là chỉ biết vị ngon của thịt, chẳng biết mối họa khốc liệt của thịt. Lúc ăn tuy ngon, thử nghĩ đến nỗi khổ lúc phải đền trả, ắt sẽ chẳng nuốt xuống được! Nay ông đừng ăn mặn nữa, hãy nhất tâm niệm Phật, cầu sanh Tây Phương. Nếu tuổi thọ chưa hết sẽ mau được lành bệnh; tuổi thọ đã tận liền được Phật tiếp dẫn vãng sanh Tây Phương. Hễ sanh về Tây Phương thì liễu sanh thoát tử, siêu phàm nhập thánh, so với sanh lên trời làm thiên đế, thiên vương còn cao trỗi hơn vô lượng, vô biên lần. Bởi lẽ, phước trời sẽ có lúc hết, nên cần phải niệm Phật cầu sanh Tây Phương. Hễ sanh về Tây Phương sẽ tấn tu dần dần, quyết định thành Phật, chớ nên sợ chết. Hễ có bệnh liền nguyện vãng sanh, nếu tuổi thọ chưa hết sẽ mau được chóng lành.

Nếu sợ chết chỉ cầu lành bệnh thì tuổi thọ đã hết vẫn phải chết, quyết khó được vãng sanh! Khuyên người niệm Phật cầu sanh Tây Phương chính là thành tựu cho người ta thành Phật, ông chớ nên vì tri kiến phàm phu của chính ông mà sanh lòng ngờ vực chẳng tin. Quang nghĩ ông đang bệnh nên tâm không yên, cầu Quang cứu ông, nên mới nói với ông lời này. Nếu vẫn không tin thì Phật cũng chẳng thể cứu được ông đâu. Vì sao vậy? Những gì Quang vừa nói vốn lấy từ những lời Phật đã dạy trong kinh, chẳng qua trích lấy ý nghĩa để nói đại lược mà thôi, đừng tưởng rằng Quang bỗng dưng bịa chuyện. Sau khi ông lành bệnh rồi, hãy nên đọc khắp các kinh điển Tịnh độ sẽ tự biết rõ. Nếu sanh về Tây Phương thì mỗi điều sẽ được chứng minh, Quang chẳng lừa dối ông.

Nay đặt pháp danh cho ông là Huệ Minh, nghĩa là dùng Phật huệ để thấu hiểu giáo lý hòng tu pháp môn Tịnh độ. Đức Phật nói hết thảy pháp môn tuy cao sâu huyền diệu, viên đốn, thẳng chóng, nhưng đều phải đoạn sạch phiền hoặc mới có thể liễu sanh thoát tử. Nếu đoạn chưa sạch thì vẫn chẳng thể liễu được; huống hồ kẻ hoàn toàn chưa đoạn được ư? Chỉ có pháp môn niệm Phật cậy vào Phật từ lực, nếu có lòng tin chân thành, nguyện thiết tha, chí thành niệm Phật, không một ai chẳng được vãng sanh; nhưng kẻ niệm Phật thì nhiều, người vãng sanh lại ít là vì ngu si vô tri chỉ cầu phước báo trời người trong đời sau, hoặc chẳng sanh lòng hổ thẹn, thường làm chuyện bất hiếu, chẳng từ, bất trung, bất nghĩa v.v. là vì tâm trái nghịch với Phật mà ra. Lỗi ở nơi chính mình, nào phải Phật chẳng từ bi.

Nếu trước khi người ấy chưa phát tâm niệm Phật từng làm các điều ác, nay đã niệm Phật hãy nên sanh lòng hổ thẹn lớn lao, thống thiết sửa đổi lỗi trước thì cũng có thể quyết định vãng sanh. Phật coi chúng sanh hệt như con ruột, nhưng con cái chẳng nghe lời cha mẹ dạy, cha mẹ cũng chẳng làm sao được. Chúng sanh nếu chịu sửa lỗi hướng thiện niệm Phật, chắc chắn lúc lâm chung sẽ được Phật rủ lòng đích thân tiếp dẫn.

318. Thư trả lời cư sĩ Nghê Văn Khanh

Đọc lá thư ông gởi cho thầy Diệu Chân, biết ông không thể ăn cơm, chỉ ăn được cơm lúa mạch hay mạn đầu. Chưa đáng coi là bệnh, sao lại phải cầu thuốc Tây, thuốc Tàu trị bệnh? Ông nói mỗi ngày tụng kinh Địa Tạng một cuốn, nay lại muốn thầm đọc kinh Pháp Hoa một cuốn. Nếu tinh thần sung túc thì được; nếu không, hãy chuyên lấy Phật hiệu để thay thế cho kinh, sẽ đỡ tốn tâm lực nhiều lắm. Quyến thuộc trong nhà ông vẫn muốn ông ngả mặn, đáng gọi là "si dại đến cùng cực"! Ông vẫn cần phải nghiêm túc răn nhắc họ về lợi ích do được trợ niệm lúc lâm chung và những họa hại vì tắm rửa, thay quần áo sẵn, khóc lóc. Nếu không, chắc sẽ đến nỗi trở thành thể hiện lòng hiếu kiểu "tình yêu của la-sát nữ" thì ông lẫn họ đều mắc họa thật sự. Chuyện này phải thường nói cho họ nghe quen tai.

Hiện thời ông hãy bảo con cái, dâu, cháu sớm tối bầu bạn niệm Phật với ông, niệm đã quen thì mới hòng nhờ cậy họ trợ niệm khi lâm chung. Nếu không, theo như lời Vương Thiếu Hồ, Chu Thạch Tăng đã kể, sợ họ sẽ do một niềm hiếu tâm mà phá hoại chánh niệm của ông: Họ chẳng làm chuyện "đẩy xuống giếng rồi lại còn hè nhau vần tảng đá to quăng xuống", quyết chẳng cam tâm! Con hiếu cháu hiền trong thế gian nếu chẳng biết Phật pháp thì trong ngàn người trọn chẳng có một ai không hiếu thuận kiểu đó. Điều này trọn chẳng khác gì la-sát nữ bảo người bị nó ăn thịt: "Ta yêu ngươi nên ăn thịt ngươi." La-sát nữ do yêu thương mà ăn thịt, coi đó là tình yêu thật sự. Quyến thuộc vô tri do hiếu thảo mà buộc ông ngã mặn, do lòng hiếu mà tắm rửa, thay quần áo sẵn, khóc lóc, khiến cho người sắp qua đời hoàn toàn mất chánh niệm, vứt sạch công lao niệm Phật. Vốn có thể liễu sanh thoát tử, siêu phàm nhập thánh, nhưng những hành động vô tri ấy ắt sẽ khiến cho thánh cảnh đã hiện lại bị diệt mất, lại còn khiến cho người đã khuất phải đọa trong ba ác đạo địa ngục, ngạ quỷ, súc sanh thì mới chịu dừng tay. Đấy chính là lòng hiếu lớn lao đặc biệt của quyến thuộc vô tri.

Ông Trần Phi Thanh sắp chết, con trai ông ta gởi thư đến, Quang nói về lợi ích của việc trợ niệm khi lâm chung và họa hại do phô trương bày vẽ. May là con ông ta làm theo lời Quang bảo, nên ông ta mất rất tốt đẹp. Ba ngày trước khi ông

ta mất, họ nhận được thư Quang, khi ấy thần thức ông ta đã không còn tỉnh táo nữa, thường nói sảng. Trong thư Quang gởi đến có kèm theo một ít tro hương đã được gia trì bằng chú Đại Bi, họ liền pha nước cho ông ta uống, thần thức liền sáng suốt. Họ bèn trợ niệm cho ông ta. Ông ta còn lần chuỗi niệm theo, niệm đến khi đã tắt hơi một lúc lâu mà tay vẫn còn lần chuỗi. Quang cũng bảo con ông ta: "Những kẻ hiếu thảo với cha mẹ trong cõi đời quá nửa đều giống như lòng yêu thương của la-sát nữ. Nếu các vị chịu làm theo lời tôi thì mới là lòng hiếu thật sự!" Lời Quang nói rất khích liệt, nên hai đứa con ông ta cũng khá cảm động. Nay tôi lại muốn cho con cái dâu cháu của ông đều giống như hai người con ông Trần Phi Thanh nên mới lược thuật như trên.

Bệnh của ông chẳng cần biết nặng nề đến đâu, hãy uống nước pha bằng tro hương chắc sẽ được lành. Nếu chẳng lành, cần gì cứ nhất định phải ăn cơm? Cháo lúa mạch so ra bổ dưỡng hơn cháo gạo, mạn đầu[136] là thứ người phương Bắc ăn thay cơm mỗi ngày, há đáng để bận tâm ư? Đối với chuyện phát nguyện cầu lành bệnh, chắc sẽ được như nguyện. Dẫu không được như nguyện, cũng chớ nên đâm ra si dại cố cầu; chỉ sợ đâm ra bị tổn hại, vô ích! Nhiếp trọn sáu căn, tịnh niệm tiếp nối mà niệm. Chuyện thế gian mỗi mỗi đều toàn thân buông xuống hết. Nếu quyến thuộc của ông giống như con ông Trần Phi Thanh, ông sẽ quyết định được vãng sanh. Nếu có ý niệm sanh trong cõi trời cõi người thì Tây Phương sẽ chẳng có phần đâu, bởi lẽ tâm sanh tử đã quá sức thuần thục, một sức nhỏ như mảy lông ấy vẫn có thể cự lại cái tâm liễu sanh tử nặng ngàn cân. Viết ra điều này để xin ông sáng suốt suy xét!

(Ngày 14 tháng 10 năm Dân Quốc 27 - 1938)

319. Thư trả lời cư sĩ Long Trí

Đọc thư ông gởi tới, biết những người có đủ chánh tri kiến trong cõi đời quá sức là ít. Lại biết, có người đề xướng thì những ai đã có thiện căn từ đời trước đều được mở mang chánh tri kiến. Ông từ Đồng Thiện Xã thoát ra, lại dự vào Kim

[136] Mạn đầu (thường được biết dưới tên gọi màn thầu) là một thứ bánh bao không nhân, có hình dáng như một miếng bột cuộn tròn lại, thường dùng để ăn như cơm hằng ngày ở Hoa Bắc. Từ thời Xuân Thu, người Hoa đã lấy lúa mì cho lên men, vo tròn lại đem hấp ăn, gọi là di thực. Đến thời Hán, do đã có cối xay, lúa mì được xay thành bột, mới phổ biến lối làm bánh bằng bột mì. Tương truyền mạn đầu do chính Gia Cát Lượng (Khổng Minh) chế ra khi đem quân vượt sông Lô Thủy để đánh Mạnh Hoạch. Theo sự mê tín thời đó, hễ đại quân vượt sông phải dùng đầu người tế thủy thần để xin phép. Gia Cát Lượng liền sai quân lính vò bột mì ủ men thành bánh bao, bên trong nhồi thịt heo, ném xuống sông giả làm đầu người để lừa thủy thần. Do vậy bánh bao được gọi là mạn đầu (謾頭: mạn（謾）là lừa dối). Dần dần mạn đầu（謾頭）được viết thành mạn đầu（饅頭）và là từ ngữ để chỉ chung các loại bánh bao. Đến đời Tống, mạn đầu chỉ còn có nghĩa là loại bánh bao không nhân, còn loại có nhân được gọi là bao tử hoặc đại bao.

Đan Đạo[137], nếu chẳng gặp được kinh Phật thì suốt đời làm đạo sư của ngoại đạo, nguy hiểm thay, may mắn thay! Do xem kinh Phật, lại gặp pháp môn Tịnh độ, có thể nói là chẳng uổng kiếp sống này, chẳng phí dịp gặp gỡ này. Nay lại làm cho cha mẹ và các quyến thuộc cùng tu tịnh nghiệp, cùng sanh Tịnh độ, đáng gọi là "đại hiếu, tôn kính cha mẹ, chẳng thiếu lòng hiếu thảo" vậy.

Người quy y lần này tổng cộng là 34 người, ông phải bảo họ đều kiêng giết, ăn chay, tín nguyện niệm Phật, cầu sanh Tây Phương. Người học Phật phải chuyên chú giữ vẹn luân thường, trọn hết bổn phận, dứt lòng tà, giữ lòng thành, đừng làm các điều ác, vâng giữ các điều lành, giữ tấm lòng tốt, nói lời tốt lành, làm chuyện tốt lành, dùng những điều này để tự hành, lại còn đem dạy người, thì sống sẽ là học trò của hiền thánh, mất về cõi nước Như Lai. Hiện thời thế đạo đã loạn đến tột cùng, cội gốc là do mọi người chẳng nói đến nhân quả, vì thế trở thành cuộc đại loạn bậc nhất kể từ khi có trời đất tới nay.

Hiện thời, suy tính kế sách, bất luận là ai đều phải hiểu nhân rõ quả, hiểu rõ nhân quả sẽ chuyển tàn sát lẫn nhau thành duy trì lẫn nhau. Nếu không, cha mẹ có đại ân mà còn muốn giết, huống là những kẻ khác ư? Quang thường nói: "Nhân quả là phương tiện lớn lao để thánh nhân thế gian lẫn xuất thế gian bình trị thiên hạ, độ thoát chúng sanh, là diệu pháp để trị cả gốc lẫn ngọn." Tống Nho bài xích nhân quả luân hồi chính là phá cái đê để ngăn lụt mà muốn nước chẳng ngập trời, há có được chăng? Trong tháng 8, tháng 9, khi Văn Sao Tục Biên được in ra, sẽ gởi cho ông mấy bộ. So với lần trước, lần này có nhiều lời lẽ cứu khổ hơn.

(Ngày 26 tháng 7)

320. Thư gởi cư sĩ Trầm Bân Hàn

Thư ở Quý Châu, phiền ông giao cho pháp sư Đức Sâm, đợi khi nào thư ấy gởi tới sẽ gởi thẳng cho cư sĩ Phạm, đừng lo. Gần đây, một đệ tử đem toa thuốc trị bệnh sốt rét để chữa cho một người ở Thường Châu mắc bệnh sốt rét suốt một thời gian dài là 13 năm rưỡi, cũng trị một lần liền hết ngay. Vùng quê mắc bệnh này rất nhiều, xin hãy đăng dài hạn trên bán nguyệt san. Bài thuốc ấy chiếm chỗ

[137] Kim Đan Đạo có tên nguyên thủy là Tại Lý Hội, vốn là một chi phái của Bạch Liên Giáo, do Dương Lai Như sáng lập tại huyện Tức Mặc tỉnh Sơn Đông vào cuối đời Thanh, chủ trương "dung hợp tam giáo thành nhất thể", vay mượn giáo nghĩa của tam giáo, chủ yếu tu tập vận khí, luyện đan, ăn chay, kiêng rượu, cấm hút thuốc phiện. Giáo phái này mượn danh nghĩa tôn giáo nhằm lập hội kín chủ trương quy tụ nông dân để phản Thanh phục Minh. Năm Quang Tự 17 (1891), thủ lãnh Dương Duyệt Xuân đã lãnh đạo tín đồ phát động khởi nghĩa tại Bình Tuyền, Kiến Xương, Xích Phong v.v. thiêu hủy nhà thờ Thiên Chúa, đánh giết các giáo sĩ, đánh phá quân triều đình. Sau khi bị triều đình nhà Thanh đàn áp, phải rút lui vào hoạt động bí mật, đổi tên thành Kim Đan Đạo, rồi lại thịnh hành khi Dân Quốc thành lập.

không nhiều đâu, xin hãy đăng tải để mong cho người thấy kẻ nghe đều thoát lìa khỏi nỗi khổ vì bệnh sốt rét. Cũng như Một Lá Thư Trả Lời Khắp và lời thông cáo rộng khắp "Lúc sanh nở niệm Quán Âm, sữa độc giết trẻ con" đăng kèm sau cuốn Tức Tai Hội Khai Thị Lục, nếu có thể thường đăng sẽ cứu mạng trẻ thơ chẳng thể nào tính đếm được. Công đức ấy làm sao diễn tả cho được?

(Ngày 16 tháng 10)

321. Thư trả lời cư sĩ Huệ Hoa (thư thứ nhất)

Thư nhận được đầy đủ. Hiện thời loạn trong giặc ngoài, dân không lẽ sống, nếu có thể giữ tấm lòng thành trừ bạo an dân, gìn giữ địa phương thì chính là "dùng quân sự để làm Phật sự". Đối với mình lẫn người đều có lợi ích lớn lao. Lại còn phải nên đem ý này răn nhắc, cổ vũ binh sĩ để ai nấy đều coi người khác như chính mình, mong sao họ được an lạc, thấy người khốn khổ lênh đênh như chính mình đang khốn khổ lênh đênh, xem cha mẹ người khác như cha mẹ của chính mình, muốn cho họ được yên vui; xem vợ con của người khác như vợ con của chính mình, chẳng dấy lên tà niệm. Con người sống trong thế gian chỉ mấy chục năm mà thôi, nếu buông lung làm càn, sẽ bao kiếp chẳng thể lại được mang thân người.

Thêm nữa, hãy thường niệm thánh hiệu Quán Thế Âm Bồ-tát để mong ngầm được ngài che chở. Quân nhân nếu thường giữ tấm lòng lành, chẳng làm những chuyện ác như cướp bóc, gian dâm v.v., lại thường niệm Quán Âm, dẫu trong chốn rừng súng mưa đạn, cũng chẳng đến nỗi gặp nguy hiểm lớn lao. Nếu cứ làm càn những chuyện cướp đoạt, gian dâm v.v. sẽ khó thể nào được Bồ-tát gia bị. Xin hãy nói với hết thảy anh em binh sĩ về những điều này.

Nay tôi gởi cho ông một gói Tịnh Độ Thập Yếu, tổng cộng là ba bộ; một bộ tự giữ, hai bộ tặng cho người có tín tâm, thông hiểu văn lý, có lòng cung kính. Sách này chính là sách quan trọng nhất trong Tịnh tông, đọc lời tựa của Quang sẽ tự biết. Phật Học Cứu Kiếp Biên ba gói, Gia Ngôn Lục, Chánh Tín Lục, Một Lá Thư Trả Lời Khắp gộp thành một gói, tổng cộng là năm gói, xin hãy thu nhận. Vận nước nguy ngập, lòng người hoang mang, chẳng lấy nhân quả ba đời, lục đạo luân hồi của Phật và tín nguyện niệm Phật cầu sanh Tây Phương để làm pháp duy trì thì con người sẽ chẳng khác gì cầm thú ăn nuốt lẫn nhau.

322. Thư trả lời cư sĩ Huệ Hoa (thư thứ hai)

Hai lần nhận được thư nhưng không rảnh rỗi, lại không có chuyện gì quan trọng nên chưa trả lời ngay. Chắc ông đã nhận được sách Thập Yếu rồi, nay lại

gởi một gói Thập Yếu, một gói Phật Học Cứu Kiếp Biên, lần trước tôi đã từng gởi Cứu Kiếp Biên hay chưa? Cuốn hạ trong bộ sách ấy nơi dòng 11 trang 25 phần phẩm Phổ Hiền Hạnh Nguyện đã bị thiếu tám chữ *"như kim Thế Tôn Tỳ-lô-giá-na"* (giống như đức Thế Tôn Tỳ-lô-giá-na hiện thời). Nếu chẳng thể chép thêm vào dòng ấy thì hãy nên chép thêm vào phía dưới hàng thứ hai, tức dòng *"ngã giai tùy học"* (tôi đều học theo) trong trang ấy thì văn lẫn nghĩa đều trọn vẹn. Ấy vốn là do cuốn Phổ Hiền Hạnh Nguyện Phẩm Tập Yếu Sớ do pháp sư Đế Nhàn biên soạn đã bị sót chữ, khi cư sĩ Hứa Chỉ Tịnh dựa theo đó để viết lời chú giải đại lược, chưa đem sách ấy đối chiếu với chánh kinh. Khi Quang cho sắp chữ, giảo chánh, cũng chưa từng đem đối chiếu với kinh nên mới đến nỗi bị sai sót như vậy. Một gói Tâm Kinh Tân Sớ, một gói Sanh Vô Sanh Luận Sớ. Bốn loại sách này đều nên tặng cho những người thông hiểu văn lý, có tín tâm, có lòng cung kính. Sơ Cơ Tiên Đạo một gói, Tịnh Nghiệp Chỉ Nam một gói, Liễu Phàm Tứ Huấn một gói, Tây Phương Công Cứ một gói, Sức Chung Tân Lương một gói, tổng cộng là mười gói để giúp cho việc đề xướng.

Từ nay về sau, nếu không có chuyện gì quan trọng thì đừng gởi thư tới. Quang tinh thần lẫn mục lực ngày một suy, thư từ các nơi gởi về ngày một nhiều, đúng là không có sức để chống đỡ. Ông đã tin được rồi thì hãy lấy Văn Sao v.v. để làm căn cứ tu trì. Nếu Văn Sao chẳng đáng làm khuôn phép thì Thập Yếu chính là những lời chư Phật, chư tổ tán thán, hoằng dương, hãy nên tuân thủ như trung thần vâng theo thánh chỉ của minh chúa, như con hiếu tuân theo di chúc của từ thân (cha mẹ hiền từ), chớ nên thấy lạ, nghĩ khác. Hiện thời lắm kẻ ăn nói lớn lối để dối đời, chẳng những chuyên ham luyến vợ đẹp thiếp xinh, lại còn chơi bời bừa bãi, no ứ rượu thịt, phóng túng không kiêng dè gì, mà vẫn tự xưng là bậc đại thông gia Bồ-tát ứng thế, hủy báng người ăn chay trì giới là Tiểu thừa, mặc tình phô phang tri kiến cuồng vọng khắp nơi, gây rối loạn cho sự thấy nghe của người khác. Cũng có nhiều gã mù quáng, ngỡ lũ đó nói chuyện huyền diệu, liền trỗi giọng phụ họa. Đúng là "kẻ mù dẫn lũ đui kéo nhau vào lửa", chẳng đáng buồn sao? Mong ông hãy sáng suốt suy xét, đừng bị mê hoặc thì may mắn lắm thay!

323. Thư trả lời cư sĩ Hàn Giác An (thư thứ nhất)

Hai chữ "hợp thập" (chắp mười ngón tay) chớ nên dùng, vì quy y tam bảo Phật pháp tăng há nên chỉ dùng chắp mười ngón tay làm lễ? Do ông không biết, nên tôi mới nói riêng. Quang già rồi, hiện đang nằm bệnh mấy ngày, nay hơi khỏe đôi chút. Từ nay chớ nên gởi thư tới nữa, bởi không có mục lực lẫn tinh thần thù tiếp vậy!

324. Thư trả lời cư sĩ Hàn Giác An (thư thứ hai)

Khế (契) có nghĩa là "phù hợp, chẳng khác", giác (覺) chính là "vô thượng giác đạo được chứng bởi Phật". Hiện thời dùng tâm Bồ-đề tự lợi lợi tha để tín nguyện niệm Phật, niệm lâu ngày, nghiệp tiêu, trí rạng, sẽ khế hợp với giác đạo của đức Phật đã chứng. Vì thế, chương Đại Thế Chí Bồ-tát Niệm Phật Viên Thông của kinh Lăng-nghiêm có câu: "Nếu tâm chúng sanh nhớ Phật, niệm Phật, hiện tiền, tương lai nhất định thấy Phật, cách Phật chẳng xa, chẳng nhờ đến phương tiện, tâm tự được mở mang, như người nhiễm hương, thân có mùi thơm." Đấy chính là ý nghĩa của *khế giác*.

Ông nên giữ vẹn luân thường, trọn hết bổn phận, dứt lòng tà, giữ lòng thành, đừng làm các điều ác, vâng giữ các điều lành, thì lợi ích ấy chỉ có đức Phật mới biết được. Nếu học theo phường căn tánh kém hèn, còn chưa thể chân thật niệm Phật mà cứ muốn khai ngộ ngay, thì muốn khế giác đâm ra lại nghịch giác! Do niệm Phật đến mức cùng cực sẽ tự được khai ngộ. Khai ngộ rồi càng phải sốt sắng niệm. Thứ tri kiến kém hèn coi niệm Phật như chuyện thừa thãi ấy, cứ tưởng "hễ ngộ là đắc đạo rồi"; nếu ngộ rồi mà trọn chẳng cần phải tu để liễu thoát nữa thì sẽ trở thành "khế mê" chứ không phải "khế giác"!

Từ nay về sau không được gởi thư đến nữa, vì tôi không có mục lực lẫn tinh thần để thù tiếp vậy. Nay lại gởi cho ông Một Lá Thư Trả Lời Khắp, Kinh Nghiệm Dược Phương để giúp cho việc tự lợi lợi tha. Toa thuốc trị bệnh sốt rét không ai chẳng được trị lành, dù người bị bệnh sốt rét lâu từ hai ba năm cho đến mười mấy năm, cũng trị một lần liền lành. Năm nay, một đệ tử trị cho một người mắc bệnh sốt rét suốt 13 năm rưỡi cũng một lần trị liền lành.

325. Thư trả lời cư sĩ Đinh Phổ Tịnh

Thư gởi đến nhận được đầy đủ. Nên biết rằng, Phật pháp đầy đủ hết thảy các pháp thế gian lẫn xuất thế gian. Trước kia, bọn Lý học chê trách Phật pháp "vứt bỏ luân lý để giảng nhân quả, báo ứng, sanh tử, luân hồi", quở rằng: "Không cha, không vua, dối đời, lừa dân!" Dùng ngay những lời lẽ ấy để luận thì chẳng những bọn chúng (bọn Lý học) không biết những nghĩa lý tinh thâm của Phật pháp, mà ngay cả những sự tướng thô thiển trong Phật pháp chúng cũng chưa hề biết đến. Phật pháp gặp cha nói từ, gặp con nói hiếu, anh nhường, em kính, chồng hòa, vợ thuận, chủ nhân từ, tớ trung thành. Luân lý thế gian chẳng bỏ sót mảy may điều thiện nào! Nhân quả tỏ rõ sự luân hồi trong ba đời quá khứ, hiện tại, vị lai, chỉ rõ sáu đường "trời, người, a-tu-la, ngạ quỷ, súc sanh, địa ngục". Nếu có thể đem lý

ấy để hướng dẫn dân, giáo hóa cõi tục, vẫn chẳng có ích lợi lớn lao cho đạo của nhị đế, tam vương[138], Chu, Khổng hay sao?

Bọn họ ghen ghét Phật pháp như thù, hận chẳng thể làm cho cả nước không còn dấu tích, tiếng tăm Phật pháp nữa, bèn tự kiêu căng khoe mình có trí, bảo Phật là ngu, đặc biệt coi những lời lẽ về nhân quả báo ứng sanh tử luân hồi là lời lẽ để làm cho bọn ngu tục bị mê hoặc, ngu xuẩn. Rốt cuộc những kẻ tập theo những thuyết ấy đều coi nhân quả luân hồi là không có căn cứ. Đối với sự thực, căn cứ để dạy người chánh tâm thành ý, bọn chúng hoàn toàn vứt bỏ, giữ suông lời lẽ chánh tâm thành ý để hoằng truyền xiển dương đạo Nho. Người bậc thượng may ra còn có thể chánh tâm, thành ý, nhưng do hễ chết rồi sẽ vĩnh viễn diệt mất nên cũng chẳng thể phát tâm thực hiện lớn lao. Kẻ căn cơ trung hạ thì do tưởng rằng hễ chết rồi bèn vĩnh viễn diệt mất, Nghiêu hay Kiệt cũng đều chết ráo, cần gì phải tuân theo mực thước, chịu bị trói buộc oan uổng ư? Do vậy buông lòng thả chí làm theo lòng ham muốn.

Chất độc ấy đã ẩn ngầm gần một ngàn một trăm năm, lại thêm gió Âu dần dần thổi sang phương Đông, đua nhau đề cao văn minh vật chất, nên hết thảy những vở thảm kịch cậy mạnh hiếp yếu, thảm não thiếu hẳn đạo làm người thảy đều diễn ra. Xét đến gốc họa, đều do bọn Lý học đả phá nhân quả luân hồi mà nên nỗi! Học thuyết lầm lạc gây họa khốc liệt hơn nước lũ, mãnh thú, khiến cho dân đen nước ta phải chết vì đao binh, đói kém, cai trị hà khắc, thổ phỉ, trộm cướp, chẳng thể kể xiết. Những ai may mắn giữ được cái mạng thừa, cũng hứng chịu nỗi đau đớn nước sâu lửa bỏng, chẳng đáng buồn ư?

Nay muốn tự lợi, lợi người, yên thân, yên đời, hãy nên bắt đầu bằng giữ vẹn luân thường, trọn hết bổn phận, dứt lòng tà, giữ lòng thành, đừng làm các điều ác, vâng giữ các điều lành, trong là gia đình, ngoài là người đời, đều dùng nhân quả, báo ứng, sanh tử, luân hồi để khuyên chỉ, khiến cho ai nấy đều tu nhân lành hòng hưởng quả vui, sợ quả khổ để dứt nhân ác. Như vậy thì con em trong gia đình chẳng đến nỗi thành phường thổ phỉ, trộm cướp; làng, ấp, xã hội sẽ dần dần khôi phục lễ nghĩa, nhân nhượng, phong tục thuần phác. Đây mới chỉ là nói đến lợi ích của Phật pháp về chuyện thế gian.

Đối với lẽ xuất thế, cũng vẫn phải lấy những điều này làm gốc, nhưng phải nên sanh lòng tin, phát nguyện niệm Phật cầu sanh Tây Phương thì ai nấy đều tu được, ai nấy đều được hưởng lợi ích thật sự. Đấy chính là một pháp đặc biệt trong Phật pháp, thích hợp khắp ba căn, phàm thánh cùng tu. Ngu phu, ngu phụ đều có

[138] Nhị đế tam vương: nhị đế là Đế Nghiêu, Đế Thuấn; tam vương là vua Đại Vũ nhà Hạ, Thành Thang nhà Thương và Văn Vương nhà Chu.

thể dự vào, mà đại thánh, đại hiền cũng chẳng thể vượt ra ngoài được. Nếu có thể sanh được lòng tin nơi pháp này, dẫu nghiệp lực phàm phu cũng có thể liễu sanh thoát tử, siêu phàm nhập thánh ngay trong đời này. Nếu chẳng sốt sắng tu trì nơi pháp này, đối với hết thảy các pháp do đức Như Lai đã nói, tu theo một pháp hoặc kiêm tu các pháp hòng liễu sanh tử, đừng nói chẳng thể liễu ngay trong đời này, dẫu trải qua trăm ngàn vạn đời hay trăm ngàn vạn kiếp vẫn chẳng thể liễu được, khó khăn hơn tu pháp môn niệm Phật nhiều lắm! Vì sao thế? Vì một pháp niệm Phật cầu sanh Tây Phương chuyên cậy vào Phật lực, chỉ cần chính mình có đủ lòng tin chân thành, nguyện thiết tha, trì thánh hiệu của Phật thì lúc lâm chung quyết định được Phật tiếp dẫn vãng sanh Tây Phương. Hết thảy các pháp môn khác ắt cần phải tu cho đến khi nghiệp tận tình không mới có thể liễu thoát sanh tử. Nếu không, mặc cho ông công phu sâu đậm, công đức lớn lao, nếu phiền não còn sót mảy may chưa tận thì vẫn chẳng thể thoát ra ngoài lục đạo luân hồi được. Đem chuyện dùng tự lực để liễu sanh tử so với cậy vào Phật lực để liễu sanh tử thì sự khó dễ vời vợi hệt như một trời một vực.

Ông may mắn sẵn có thiện căn từ đời trước nên có thể sanh lòng tin nơi pháp môn này, nhưng cần phải lập trọng thệ sâu xa, quyết chẳng bị thuận theo kinh điển hay ngôn giáo của những tri thức khác mà bỏ pháp môn này tu theo pháp khác, ngõ hầu chẳng phụ túc căn và duyên hiện tại. Nếu đọc các kinh Đại thừa, thấy nghĩa lý sâu xa, huyền áo, hoặc thân cận tri thức thuộc các tông Thiền, Giáo, Luật, Mật, nghe họ nói những điều thân thiết liền coi niệm Phật là tầm thường, coi những pháp ấy mới là lạ lùng, đặc biệt, bỏ pháp này, tu pháp kia, sẽ giống như con thơ bỏ cha mẹ, bệnh nặng bỏ lương y, muốn được thành người, lành bệnh, há có được chăng? Ông đã đọc Văn Sao, sao chẳng chú tâm thấu hiểu, suy xét? Sao lại có sáu thứ nghi vấn như sau:

1. "Phật tức là tâm, tâm tức là Phật" chính là ước theo bản thể của tâm chúng ta mà nói. Do có vô lượng vô biên phiền não hoặc nghiệp, nên cần phải nhờ vào sức đại từ bi gia bị của A-di-đà Phật là đấng đã hết sạch hoặc nghiệp, phước tuệ viên mãn, có đại thệ nguyện để được vãng sanh, rồi tu tập dần dần cho đến khi rốt ráo đích thân chứng được "tâm này là Phật" mới thôi. Ông cho rằng đã là Phật thì cần gì phải niệm Phật ư? Ví như tấm gương báu tròn lớn bị bụi phủ cả kiếp, tuy sẵn đủ quang minh chiếu trời soi đất, nếu chẳng đổ công chùi mài, dẫu trải cả kiếp cũng chẳng có lúc tỏa ánh sáng được. Hiểu lầm chữ "tức thị" (tức là) họa khôn kể xiết!

Còn như ông Hứa Chỉ Tịnh nói "chư Phật không có thân, nhưng bát-nhã quả thật là mẹ" thì có nghĩa là "chư Phật từ trí tuệ mà sanh". Trí tuệ đứng đầu lục độ,

nêu lên trí tuệ thì không độ nào trong lục độ chẳng trọn đủ; sự nghiệp, công phu tu trì há dễ dùng bút mực để giảng rõ được ư? Ông hãy thiết thực giữ vẹn luân thường, trọn hết bổn phận như đã nói trong phần trước, rồi sốt sắng thực hành pháp tín nguyện trì danh như đã nói trong phần sau, chắc chắn sẽ nguôi ngoai được ý niệm lo buồn "đời người vô thường, sanh tử khó liễu" của ông. Nếu chỉ chấp trước một hai điều thuộc về lý tánh, coi sự tu là chuyện nhọc công uổng sức; sợ rằng mai sau vẫn phải vĩnh viễn đọa trong ác đạo, suốt cả kiếp chẳng có lúc được nghe những tên gọi như trời đất, cha mẹ. Chẳng đáng dự phòng, tu hành cẩn thận ư?

2. Niệm Quán Âm cầu sanh Tây Phương cũng được vãng sanh Tây Phương, nhưng chớ nên bảo "cần gì phải niệm A-di-đà Phật!" Bởi lẽ, Quán Âm chính là vị phù tá đức A-di-đà Phật, Phật Di-đà là chủ, Quán Âm là khách; Phật Di-đà như quốc vương, Quán Âm như trủng tể (người đứng đầu các quan). Khéo hiểu ý nghĩa, ắt chẳng trở ngại gì!

3. Nhiều kiếp chẳng thể thành Phật là do tu pháp môn tự lực. Cần biết rằng: Pháp môn Tịnh độ dẫu lâm chung mới được nghe mà có thể sanh lòng tín nguyện rồi niệm, liền được vãng sanh Tây Phương, liễu sanh thoát tử. Huống là trước khi lâm chung đã tu sẵn ư?

4. Đàn cầu cơ phần nhiều do linh quỷ dựa vào, Ngọc Tiên là một vị tiến sĩ nhưng tri kiến hèn tệ chẳng thể nào diễn tả được, những gì ông ta tuyên truyền nào đáng để nhắc đến ư?

5. Lúc trì Phật hiệu, tạp niệm tơi bời, đấy chính là hiện tượng lắm tri nhiều kiến, tâm không có chánh niệm. Muốn cho hiện tượng ấy chẳng xuất hiện thì chỉ chuyên tâm đau đáu nghĩ chính mình sắp chết, chỉ sợ đọa ngay vào ác đạo, dốc chí niệm Phật, chẳng khởi lên những ý niệm khác, lâu ngày sẽ được trong lặng.

6. Ăn chay không khó, hễ miệng bụng tham muốn thì sẽ khó ăn chay. Tam tịnh nhục và "thịt bên cạnh rau" chính là pháp được lập ra cho kẻ hạ căn. Xin ông hãy sáng suốt suy xét.

326. Thư trả lời hai vị cư sĩ Du Huệ Úc và Trần Huệ Sưởng (đính kèm thư gởi đến)

Thư gởi đến:

Đệ tử nghiệp chướng sâu nặng, bẩm tánh ngu độn, tối tăm, may được nghe pháp môn Tịnh độ, được quy y dưới tòa, chỉ khăng khắng tuân lời thầy răn thật thà niệm Phật để mong sớm liễu sanh tử, chẳng phụ lòng thầy đau đáu. Phàm đã

là Phật tử, phải nên phát tâm tự độ, độ người. Nay lũ đệ tử chúng con chưa thể tự độ, sao nói chuyện độ người cho được? Nhưng gặp thân hữu liền dùng phương tiện khuyên họ tin tưởng cũng là chuyện thuộc bổn phận. Nhưng thường có hai loại người kiến giải lẫn lời lẽ đều là tự lầm, lầm người, thật chẳng ít ỏi! Một là loại nói: "Phật không có dục. Những thứ vàng, báu như kinh A-di-đà đã nói vẫn giống như dục, chẳng giống như kinh Kim Cang dạy 'hết thảy đều không' cao siêu, huyền diệu hơn. Do vậy, họ miệt thị pháp môn Tịnh độ, chẳng sanh lòng tin. Đấy là vì họ chẳng biết ý nghĩa của hai kinh Di-đà và Kim Cang, chỉ thuận theo ý mình nói bừa.

Một loại nói: "Phật đã dạy người thấy thấu suốt hết thảy, sao chính mình lại ngược ngạo nẩy sanh thứ tham dục này?" (Chỉ những thứ vàng, báu được nói trong kinh A-di-đà). Chúng ta sao lại khổ sở bỏ đi những gì có thật trước mắt để mong cầu những thứ mờ mịt nơi thân sau?" Đây chính là kẻ tà kiến, chấp trước, mặc tình báng Phật, báng pháp. Hai hạng này tuy phẩm vị có cao thấp nhưng tà kiến đều hệt như nhau, đều tự lầm, lầm người hệt như nhau. Bọn đệ tử chúng con tận lực bảo họ những cảnh giới Tây Phương đều do công đức của A-di-đà Phật hóa hiện thật tướng trang nghiêm, là quả báo phước đức tự tại hưởng dụng, khác hẳn những thứ do nghiệp lực tạo thành trong đời ác ngũ trược. Huống chi, tất cả mọi thứ trong Sa-bà đều khổ, không, vô thường, vì thế phải nên vứt bỏ để cầu lấy thật tế. Nhưng lời lẽ của kẻ ngu muội như chúng con dẫu chẳng trái chánh lý, trọn chẳng thể khơi gợi chánh tín cho họ được. Kính nghĩ tất cả ngôn luận của thầy như mặt trời rạng rỡ giữa hư không, không tối tăm nào chẳng chiếu tỏ, dám xin thầy giảng giải mấy lời để phá thứ tà kiến ấy.

Thư gởi đi:

Hai thứ tà kiến được nói trong thư gởi đến chính là "đem tri kiến phàm phu để dò lường cảnh giới của Như Lai". Khổng tử gọi đó là "hiếu hành tiểu huệ"[139], Mạnh tử thì gọi là "tự bạo, tự khí"[140]. Hạng người này vốn chẳng có giá trị, tư cách để cùng bàn luận. Nhưng đức Phật lòng từ rộng lớn, chẳng bỏ một ai, chẳng ngại lập ra một phương tiện để họ tỉnh mê tan mộng. Do đức Phật trọn chẳng có

[139] Đây là một câu nói trong thiên Vệ Linh Công của sách Luận Ngữ: "*Quần cư chung nhật, ngôn bất cập nghĩa, hiếu hành tiểu huệ, nan hỹ tai."* Trong Luận Ngữ Giảng Yếu, cụ Lý Bỉnh Nam giảng: 'Tiểu huệ là tài trí vụn vặt. "Nan hỹ tai"(khó vậy thay) là rốt cuộc chẳng có thành tựu gì. Câu này có nghĩa là suốt ngày cùng ở một chỗ với nhau, chẳng nói được lời nào hợp nghĩa lý hay hữu ích. Chỉ thích phô phang sự thông minh vụn vặt, hạng người ấy khó thể có thành tựu được!"

[140] Từ ngữ này xuất phát từ thiên Ly Lâu thượng sách Mạnh Tử: *"Tự bạo giả, bất khả dữ hữu ngôn dã; tự khí giả, bất khả dữ hữu vi dã"* (Kẻ tự phụ rẫy mình thì chẳng thể nói năng gì với hắn được. Kẻ tự vứt bỏ, thì chẳng thể làm gì với hắn được). "Tự bạo, tự khí" thường được dùng như một thành ngữ hàm nghĩa kẻ thiếu ý chí tiến thủ, tự thụt lùi, tự đầu hàng, tự buông mình vào tuyệt vọng.

tham dục nên mới cảm được cảnh giới thù thắng các thứ trang nghiêm quý báu, mọi thứ đều hóa hiện chẳng cần đến sức người lo toan, tạo dựng; cảnh giới phàm phu trong thế giới Sa-bà há có thể so sánh được ư?

Ví như người từ thiện, có đức, tâm địa, hành vi đều chánh đại quang minh thì tướng mạo cũng hiện vẻ từ thiện rạng rỡ. Cố nhiên người ấy chẳng cầu tướng mạo dung nhan đẹp đẽ mà tự nhiên được tươi đẹp. Kẻ tạo nghiệp tâm địa rối ren, ô uế, hung ác, vẻ mặt cũng tối tăm, hung ác theo. Cố nhiên kẻ ấy muốn sắc mặt tươi đẹp để người khác tưởng mình là bậc thiện nhân chánh đại quang minh, nhưng do tâm địa chẳng lành, dẫu cầu được như thế cũng trọn chẳng thể được. Đấy là ước theo cái nhìn của con mắt phàm phu mà nói, chứ quỷ thần sẽ thấy người lành thân có quang minh, quang minh lớn hay nhỏ tùy thuộc vào người ấy đức lớn hay nhỏ; thấy kẻ ác thân có những tướng tối tăm, hung ác v.v.. Tướng ấy lớn hay nhỏ cũng tùy theo sự ác lớn hay nhỏ mà hiện.

Những kẻ tà kiến kia cho rằng "kinh Kim Cang là không", chẳng biết kinh Kim Cang giảng rõ về lý tánh, nhưng chưa nói đến quả báo đạt được do chứng lý tánh. Sự trang nghiêm nơi cõi Thật báo vô chướng ngại chính là quả báo rốt ráo đạt được bởi kinh Kim Cang. Phàm phu nghe vậy, cố nhiên sẽ ngờ vực cho là "chẳng hề có chuyện ấy".

Kinh Kim Cang dạy thiện nam nữ phát tâm Bồ-đề, tâm chẳng trụ vào tướng nhưng muốn độ trọn hết chúng sanh. Dẫu độ, cũng chẳng thấy "ta là người độ, chúng sanh là kẻ được độ", cũng như pháp Niết-bàn rốt ráo để đạt. Đấy gọi là *"vô sở trụ nhi sanh kỳ tâm"* (chẳng trụ vào đâu mà sanh tâm), do đã đạt đến *"vô sở đắc"* (không có gì để đạt được) nên bèn thành Phật. Họ lại bảo đức Phật đã thành, quốc độ ngài trụ trong kinh Kim Cang cũng giống hệt như cảnh giới trong đời ác ngũ trược này ư? Họ tưởng là rỗng tuếch tuềnh toang, trọn chẳng có gì cả ư?

Cõi Phật thanh tịnh, con người vừa nghe đến tên cõi Phật ấy thân tâm liền thanh tịnh, họ lại cho là tham dục. Đúng là loài giòi tửa hằng ngày nằm trong hầm xí, tự xưng là thơm tho, thanh khiết, coi hương chiên-đàn là hôi thối, chẳng muốn lìa khỏi hầm xí ấy để ngửi mùi thơm kia. Đạo Chích[141] tụ tập đồ đảng mấy ngàn

[141] Đạo Chích tên thật là Liễu Hạ Chích, là một tên trộm lừng danh thời cổ, được coi như tổ sư "nghề" ăn trộm nên thành tên Đạo Chích. Thành ngữ *"Đạo diệc hữu đạo"* (ăn trộm cũng có đạo nghĩa) xuất phát từ truyện Đạo Chích (số 29) trong phần Tạp Biên sách Trang Tử. Theo đó, em trai của Liễu Hạ Quý là Đạo Chích, tụ tập 9.000 người, hoành hành trong thiên hạ, cướp bóc, gian dâm, không biết kiêng sợ ai. Khi Khổng tử buông lời chê trách Liễu Hạ Quý không biết dạy dỗ em, Liễu Hạ Quý biện bác, thoái thác trách nhiệm. Khổng tử bèn tìm đến tận sào huyệt của Đạo Chích để khuyên giải, liền bị hắn mạt sát, dương dương tự đắc khoe mình có đạo đức, nhất loạt chê trách tất cả thánh hiền từ xưa đến nay đều là phường tội lỗi, chỉ riêng hắn có đạo nghĩa. Cũng như những câu chuyện khác của Trang tử, đây cũng chỉ là chuyện hư cấu, với ngụ ý châm biếm những kẻ làm càn vẫn tự khoe mình tài đức.

tên hoành hành trộm cắp trong thiên hạ, ngược ngạo tự xưng là "hữu đạo", cực lực chê trách "vua Nghiêu bất nhân, vua Thuấn bất hiếu, vua Vũ dâm dật, Thành Thang, Vũ Vương bạo loạn, Khổng tử hư ngụy", chê họ là vô đạo. Thật giống với tri kiến của hai hạng người ấy! Lại như trong thời gần đây, những kẻ phế kinh, phế hiếu, phế luân thường, lõa thể rong chơi, cho đó là bẩm thụ phẩm đức tự nhiên của trời đất, chẳng cần phải tạo tác. Thế nhưng mùa hạ tranh nhau lõa lồ, sao mùa đông chẳng trần trụi? Bảo là bẩm thụ tự nhiên, chẳng cần phải tạo tác, vậy thì đào giếng, cày ruộng, dệt cửi mới có cơm ăn, áo mặc, chẳng phải là tạo tác đó sao? Kẻ ác ngăn trở phá hoại người khác làm lành thường là như thế. Chúng bảo rằng: "Thiện phải do vô tâm mà làm, hễ có tâm làm thì chẳng phải là thiện thật sự!" Nhưng bậc thánh hiền thuở xưa, không vị nào chẳng sáng chiều miệt mài gắng sức, răn dè, cẩn thận, kiêng sợ như vào vực sâu, như bước trên băng mỏng, là có tâm hay chăng? Hay là vô tâm vậy?

Nói chung, những hạng người ấy ý họ muốn "chẳng phải tu trì gì mới là cao thượng", nên mới lập ra thứ lý luận mù quáng hèn kém nhất ấy để tự khoe mẽ mình hiểu rõ lý, mong được người khác tưởng mình là cao minh, là đại thông gia, là chân danh sĩ. Họ chẳng biết toàn thân nằm trong hầm xí, trừ những kẻ có cùng tri kiến với chúng, ai chịu chấp nhận những luận điệu càn quấy ấy?

327. Thư trả lời cư sĩ La Hồng Đào (thư thứ nhất)

Các hạ đã tự xưng là đệ tử Phật, há nên dùng tri kiến phàm phu của chính mình để suy lường cảnh giới Phật, cho rằng những điều ấy (tức những điều được giảng nói về cảnh giới Phật trong kinh luận) đều xuất phát từ ý kiến của con người, đều chẳng đáng để tin tưởng ư? Cần biết rằng sở dĩ đức Phật nói ra những pháp môn để dạy con người đều nhằm đối trị tập khí. Do tập khí chướng lấp tự tâm nên chẳng những không biết được những hành vi thần diệu của đức Phật, mà ngay cả sự thấy nghe hay biết của chính mình từ sống cho đến chết có bao giờ tự biết đâu? Nay đã tin Phật lại chẳng dốc sức vào chỗ đạt được lợi ích chân thật, lại cứ lan man cật vấn những chỗ tri kiến của chính mình chưa thể thấu hiểu được ư? Đấy đúng là "bỏ những thứ trà cơm nhà mình thường có để mong cỗ ngon nơi bếp trời", tính toán sai lầm lớn quá!

(Ngày mồng 1 tháng 3 năm Dân Quốc 17 - 1928)

328. Thư trả lời cư sĩ La Hồng Đào (thư thứ hai)

Nhận được thư trách Quang trả lời chẳng hợp với câu hỏi, ông chẳng biết đấy chính là lá bùa hộ thân của kẻ tầm thường, kém cỏi! Các hạ lầm tưởng ông tăng tầm thường vô tri vô thức là thiện tri thức. Lỗi lầm căn bản thuộc về các hạ, chứ

không phải do Ấn Quang. Các hạ đã tin Phật, hãy nên dựa theo những lý tột cùng của Phật để luận, sao lại chỉ dựa theo những dấu tích thần diệu để bàn? Hơn nữa, những dấu tích thần diệu nhiều vô lượng, các hạ lại chẳng nói rõ dấu tích thần diệu nào, mà vẫn cứ mong muốn một kẻ trọn chẳng nghiên cứu đạo Gia Tô[142] như Quang biện định dấu tích thần diệu của Gia Tô và Phật giống nhau hay khác nhau ra sao. Hơn nữa, các hạ bảo Quang chê các hạ "dùng tri kiến của phàm phu để suy lường trí Phật lẫn cảnh giới của Phật" là đã hiểu lầm ý các hạ. Như vậy thì xét theo phía Quang, cố nhiên Quang không trả lời câu hỏi của các hạ là đúng rồi, bởi Quang sợ các hạ sẽ nói Quang đem tri kiến phàm phu suy lường cảnh giới Phật, nên chối từ như thế. Đúng hay sai xin các hạ tự cân nhắc, nếu gởi thư tới nữa sẽ không trả lời một chữ nào. Xin hãy sáng suốt suy xét điều này!

Ấn Quang tái bút: *"Đăng Đông Sơn nhi tiểu Lỗ, đăng Thái Sơn nhi tiểu thiên hạ. Quán ư hải giả nan vi thủy, du ư thánh nhân chi môn giả nan vi ngôn"* (Lên Đông Sơn thấy nước Lỗ nhỏ, lên Thái Sơn thấy thiên hạ nhỏ. Nhìn biển cả khó thấy được nước, dạo chơi cửa thánh nhân khó thốt lời). Các hạ đã biết đạo Gia Tô sai lầm, lại tin Phật đến mức tột bậc, nhưng chẳng nương theo lý lẽ tột cùng mà lại biện luận dấu tích thần diệu thì có khác nào bảo kênh, lạch, khe, rãnh giống hệt biển cả chẳng khác gì. Đã chẳng thể biết được trí của chính mình, lại muốn được thiện tri thức trả lời trọn vẹn. Xin các hạ chớ đem tri kiến phàm phu suy lường cảnh giới Phật thì thiện tri thức chẳng cần phúc đáp mà các hạ vẫn tự hiểu rành rẽ!

(Ngày mồng 2 tháng 3 năm Dân Quốc 17 - 1928)

329. Thư trả lời cư sĩ Trần Sĩ Mục (thư thứ nhất)

Hôm qua nhận được thư biết ông đời trước gieo thiện căn sâu xa, được gặp pháp môn Tịnh độ liền sanh lòng tin, hết sức an ủi! Họ Đinh (tức Đinh Phước Bảo) chú giải kinh phần nhiều chuyên tìm chứng cứ, chứ chưa làm sáng tỏ ý nghĩa của kinh văn cho lắm. Cuốn Di-đà Kinh Tiên Chú có rất nhiều chỗ sai, nhưng xét về mặt dẫn chứng những sự tích trong sách ấy thì cũng khá có lợi cho kẻ sơ cơ. Các nhà Nho thời Tống - Minh phần nhiều lấy những ý nghĩa trong kinh Phật để chống đỡ môn đình Nho giáo, nhưng họ chỉ nói sao cho thật cao xa, huyền diệu, chứ trọn rất ít kẻ hành đúng theo kinh Phật. Căn bệnh ấy là do chưa thể tin tưởng sâu xa sự lý sanh tử luân hồi. Nếu họ tin tưởng sâu xa, ai chịu gác bỏ lợi ích liễu sanh tử lớn lao, chuyên lấy những lời của nhà Phật giảng bày lý tánh để khoác

[142] Nguyên văn "Da giáo" (đạo Gia Tô). Gia Tô là cách người Trung Hoa phiên âm chữ Jesus. Đúng ra phải viết là Da Tô, nhưng phần lớn các sách vở từ trước đến nay thường ghi là Gia Tô, nên chúng tôi cũng thuận theo cách viết phổ biến này.

mũ miện "giảng học", nhưng chẳng chịu dựa theo đó để thực hành ư? Một pháp Tịnh độ là con đường để thượng thánh hạ phàm cùng theo, ai có thể vừa nghe liền tin, nếu chẳng phải là do trong đời trước đã từng gieo đại thiện căn sẽ chẳng thể nghe, tin tưởng, tu tập được.

Quang là một ông tăng chỉ biết cơm cháo mà thôi, đối với Tông lẫn Giáo đều chẳng biết gì, chỉ tự lượng kém hèn, chuyên chú trọng Tịnh độ. Do ông Từ Úy Như ấn hành những bản sao thư từ trao đổi với bạn bè đến nỗi một người truyền hư, vạn người truyền thật, đều lầm tưởng Quang là tri thức, khiến cho người ta phải hổ thẹn khôn cùng! Ông đã lầm lẫn coi Quang là tri thức thì cũng chẳng ngại gì "coi sai là đúng". Nay đặt pháp danh cho ông là Trí Mục, ông dùng đạo đức của kẻ sĩ để chăn dắt (định hướng cho cuộc đời của chính mình)[143], dẫu có thể kế thừa bậc thánh đời trước, khơi lối cho kẻ học trong đời sau, dùng tiên giác để giác kẻ hậu giác, sợ rằng chỉ mong thành thánh thành hiền trong thế gian mà thôi! Hãy nên biết rằng, một pháp liễu sanh tử nếu chẳng dùng trí để chăn dắt sẽ chẳng thể được, có thể dùng trí để tự chăn dắt thì phiền não, hoặc nghiệp sẽ tự tiêu diệt, công đức, trí tuệ sẽ tự hiển hiện. Dùng trí để tự chăn dắt, mà cũng dùng trí để chăn dắt người khác thì chuyện "kế thừa đời trước, mở lối người sau, tự giác, giác tha" mới là thật nghĩa rốt ráo. Nhưng muốn dùng trí để tự chăn dắt, ắt phải nên đừng làm các điều ác, vâng làm các điều thiện. Phàm những điều thiện ác đều đoạn trừ từ ngay nơi khởi tâm động niệm rồi mở rộng ra thì mới là thực tiễn, chẳng trở thành nói suông!

Nếu muốn dùng trí để chăn dắt người khác thì phải bắt đầu từ cha mẹ, vợ con. Cha mẹ còn sống, hãy khuyên họ ăn chay niệm Phật, cầu sanh Tây Phương, chớ nên để nghiệp sát sanh gây lụy cho cha mẹ, tưởng đó là phụng dưỡng ngọt bùi. Đấy chính là cái nhìn lầm lạc của thế gian, trọn chớ nên làm theo. Nếu như cha mẹ chẳng chịu ăn chay, chỉ nên chí thành niệm Phật sám hối thay cho cha mẹ, khiến cho họ tiêu trừ túc nghiệp sẽ liền ăn chay được. Vợ con chính là những người gần gũi với mình nhất, chẳng thể dùng Phật pháp để dẫn dắt họ, làm sao dẫn dắt người đời cho được? "Nêu gương cho vợ, ảnh hưởng đến tận anh em rồi lan truyền ra khắp cả nước", pháp thế gian hay xuất thế gian không gì đều chẳng như vậy! Từ nhà đến cả nước, thì mới là đường lối "đi xa do bước từ chỗ gần, lên cao phải bắt đầu từ dưới thấp" vậy. Trong khi niệm Phật, do thương những chúng

[143] Cái tên *sĩ mục*（士牧）có thể hiểu là "chăn dắt (hướng dẫn) kẻ sĩ", hoặc "dùng đạo đức của kẻ sĩ để tự chăn dắt, định hướng cho cuộc đời của chính mình". Mục（牧）theo nghĩa gốc là chăn dắt gia súc, như "mục đồng" là đứa bé chăn trâu. Cũng giống như vậy, Thiên Chúa giáo quan niệm tín đồ là lũ con chiên (cừu non) của Chúa nên những tu sĩ được gọi là mục sư, linh mục; Jesus được gọi là Đấng Chủ Chiên; công việc hướng dẫn tín đồ, rao giảng phúc âm, do vậy được gọi là "công tác mục vụ".

sanh khổ não, lòng chua xót ứa lệ, đấy chính là thiện căn phát hiện, nhưng chớ nên tưởng đó là đức rồi thường để xảy ra như vậy. Nếu thường như thế, sẽ bị ma bi thương dựa, điều này hết sức thiết yếu!

Niệm Phật lấy tín nguyện làm chủ, có lòng tin chân thành, nguyện thiết tha, quyết định được vãng sanh. Còn tâm mong chứng tam-muội thì chẳng thể không phát tâm ấy, nhưng người đời nay thật rất ít kẻ chứng tam-muội, bởi lẽ đã chứng được niệm Phật tam-muội là đã siêu phàm nhập thánh ngay trong đời này, chớ nên coi là chuyện dễ dàng. Không biết ông có bộ Văn Sao của Quang hay chưa? Nay gởi cho ông một bộ, xin hãy đọc kỹ thì cách tu trì, dụng tâm đều có thể hiểu rõ. Lại còn có bản in bằng lối khắc ván, so với bộ này nhiều hơn một trăm bốn mươi mấy bài; muốn xem xin hãy gởi thư cho cư sĩ Trương Thụy Tăng ở Đại Thập Tam Loan, Dương Châu xin một bộ. Ông ta thí rộng rãi các thiện thư, không ai xin mà chẳng cho; thí thiện thư rất nhiều, chứ không phải chỉ có một loại sách này.

Thêm nữa, hiện thời Thương Vụ Ấn Thư Quán đã sắp chữ gần xong, ước chừng cuối tháng 3 sẽ có thể in ra sách, so với bản khắc ván lại nhiều hơn một trăm bài nữa. Đã được bạn bè chịu trách nhiệm in hai vạn bộ, sắp chữ hoàn chỉnh xong liền bắt đầu in, sẽ in ba vạn bộ. Mỗi bộ giá ước chừng bốn cắc, chưa tính bưu phí. Nếu muốn lợi người, xin hãy đứng ra in bao nhiêu bộ đó để kết tịnh duyên. Cách chịu trách nhiệm là ai bỏ ra bao nhiêu tiền sẽ căn cứ theo số tiền ấy mà giao sách cho người đó. Trong đây chẳng có mảy may riêng tư nào để cho mọi người làm công đức chân thật. Nếu muốn đảm nhiệm in, xin hãy gởi tiền sang văn phòng chánh của Thương Vụ Ấn Thư Quán ở số 45, Hoa Tự đường Bảo Sơn, Thượng Hải, giao cho cư sĩ Nhậm Tâm Bạch. Ông ta nhận được liền gởi biên lai, đợi khi nào sách in ra sẽ giao theo số tiền đã đóng góp. Giá tiền như đã nói trên đây là căn cứ theo số lượng ba vạn bộ mà định giá, so với giá bán lẻ sẽ rẻ hơn một nửa.

Pháp do đức Như Lai đã nói trong cả một đời đều là dạy dùng tự lực để đoạn hoặc chứng chân hòng liễu sanh tử. Chỉ có một môn Tịnh độ chuyên trọng Phật lực, do nương vào Phật lực nên tuy tội nghiệp sâu nặng mà nếu đủ lòng tín nguyện sẽ đều được vãng sanh. Nếu có thể đoạn chứng thì sở chứng càng cao. Pháp này lợi khắp ba căn thượng, trung, hạ, cõi đời thường vì thấy ngu phu ngu phụ cũng niệm Phật được bèn cho pháp này là chuyện của ngu phu, ngu phụ, đến nỗi kẻ không ngu lại bị kẻ ngu thương xót ngược lại, nguyên nhân đều là do không có trí để tự chăn dắt vậy. Nếu có thể dùng trí để tự chăn dắt, ắt sẽ viên chứng thiên chân Phật tánh sẵn có nơi tâm này để thành Phật đạo đầy đủ phước tuệ vậy!

(Ngày 21 tháng Giêng năm Giáp Tý - 1924)

330. Thư trả lời cư sĩ Trần Sĩ Mục (thư thứ hai)

Tôi do bệnh mắt chưa lành, sau đấy lại vì thư từ dồn đống nên lá thư ông gởi ngày 18 tháng trước bị để chậm trễ tới nay. Nói "dùng trí để tự chăn dắt, chăn dắt người khác", chính là cật lực giữ vẹn luân thường, chuyên dốc tu tịnh nghiệp, đừng làm các điều ác, vâng làm các điều thiện. Nếu ông luận về đạo "tự dẫn dắt, dẫn dắt người khác" ở ngoài những điều ấy, sẽ trở thành lời nói mâu thuẫn với việc làm, chẳng biết đấy chính là trí đại bát-nhã. Ông đã nói lời ấy, tức là đã xem mấy câu nói đó của Quang trong lá thư trước như tri kiến thừa thãi! Phẩm Quán Thế Âm Phổ Môn cũng là pháp môn niệm Phật, những kẻ cầu phước báo thế gian là vì chẳng biết có pháp xuất thế gian, mà cũng chẳng biết tâm tánh của chính mình và tâm tánh của Phật chẳng hai.

Vợ ông đã có tín tâm, hãy nên dùng nhiều cách khuyên lơn, khích lệ, khiến cho lòng tin ấy được tăng trưởng. Cha mẹ ông không tin là vì túc căn nông cạn, hãy nên đem toàn thể công đức trì tụng của chính mình chí tâm hồi hướng cho cha mẹ, há nên chỉ hạn định trong ba biến chú Đại Bi? Ông chớ nên nói "hồi hướng cho cha mẹ, chính mình sẽ chẳng có phần!" Nếu ông có thể chân thật hồi hướng cho cha mẹ thì so với việc "chỉ trì tụng cho chính mình, chẳng hồi hướng cho cha mẹ", công đức càng thù thắng hơn. Vì thế, trong nhà Phật, phàm mỗi khi lễ tụng đều hồi hướng cho khắp pháp giới chúng sanh, huống là cha mẹ sanh ra ta ư?

Ví như một ngọn đèn, đem thắp cả trăm ngàn vạn ức vô lượng vô biên ngọn đèn khác, chính cây đèn ấy vẫn y như cũ. Nếu chẳng thắp cho ngọn đèn nào khác, ngọn đèn ấy có được tăng thêm gì đâu. Huống chi sự sanh trưởng, phát khởi của tâm đại Bồ-đề, cố nhiên chẳng thể nào dùng ánh sáng của ngọn đèn trong thế gian để tỉ dụ được. Chẳng qua là mượn chút ý nghĩa đấy thôi! Trước kia, ông Nhậm Tâm Bạch nói ông có gởi thư đến, gởi cho Khổng Chúc Sanh bốn đồng, đợi tới tháng 4 sách được in ra sẽ gởi đi, mỗi bộ chẳng quá bốn cắc (bưu phí chưa tính).

Ngày 25, 26, Quang sẽ xuống núi, không có chuyện gì quan trọng đừng gởi thư đến. Nếu có chuyện gì cần gởi thư, hãy gởi sang chùa Thái Bình ở bến Trần Gia, Thượng Hải, nhờ hòa thượng Chân Đạt chuyển. Bởi lẽ, có thể Quang cần sang nơi khác, nên phải giao cho thầy ấy. Ước chừng thời gian tôi ở Thượng Hải sẽ kéo dài hai, ba tháng.

(Ngày 12 tháng 3 năm Giáp Tý - 1924)

331. Thư trả lời cư sĩ Trần Sĩ Mục (thư thứ ba)

Thư nhận được đầy đủ. Hiện nay người cùng nhà đánh nhau, dân chúng lầm than, đều là vì những kẻ hiện đang có quyền lực, trong đời trước đã chỉ biết vun phước, chẳng biết cầu sanh Tịnh độ, nên đến nỗi đời này cậy vào phước lực để rối nước hại dân. Nhưng trăm họ bị bọn chúng hãm hại cũng là vì đời trước chẳng biết kiêng giết, bảo vệ sanh mạng, chỉ biết vui thỏa bụng miệng, chẳng biết đây kia cùng một thân thể, cùng một tánh linh, nhẫn tâm giết ăn. So với giết chính mình để tự ăn còn tàn khốc hơn gấp vạn lần; nhưng kẻ ngu tục chẳng biết nên mới dùng thịt để tỏ lòng hiếu, cúng giỗ tổ tông, đãi đằng khách khứa. Nếu không có thịt, sẽ chẳng có mặt mũi nào nhìn ai, cảm thấy nhục nhã, ê chề không chi bằng. Chẳng biết đã tạo thành đại kiếp giết chóc lẫn nhau này, tuy Phật, Bồ-tát đại bi cứu khổ cũng chẳng làm thế nào được!

Ông đã biết ăn chay, khuyên lơn cha mẹ, đúng là biết cội gốc, nhưng nỡ để vợ con, quyến thuộc tạo mãi sát nghiệp, chịu mãi sát báo ư? Cả nhà ắt đều nên ăn chay và đem điều này giáo hóa cả làng, cả ấp, sẽ cứu được nỗi khổ trong tương lai chẳng thể nào lường được. Lại cần phải khuyên dạy họ đừng làm các điều ác, vâng làm các điều lành, sanh lòng tin phát nguyện cầu sanh Tây Phương ngõ hầu đoạn trừ được hạt giống khổ sở. Phận làm con hiếu thảo với cha mẹ, chỉ có điều này là lớn. Nếu chẳng dốc sức nơi điều này thì cha mẹ chưa được vãng sanh sẽ bị đọa lạc nhiều lắm. Dẫu cho một đời, hai đời chẳng bị đọa lạc, rốt cuộc cũng có ngày đọa trong tam đồ ác đạo. Lặng im suy nghĩ, tâm sao yên được?

Cần biết rằng, cái quan trọng nhất trong thế gian là thần thức, dẫu con cái công thành danh lập, rốt cuộc thần thức của cha mẹ có được hưởng lợi ích chi đâu? Đại Vũ là đại thánh nhân, chẳng cứu nổi thần thức của ông Cổn. Ông Cổn chết đi hóa thành con hoàng nai (chữ năng (能) đọc thành nãi (乃), giọng ngang, chính là con ba ba (cua đinh, trạnh) có ba chân) chui xuống vực Vũ. Nghĩ tới điều này, tâm khuyên cha mẹ niệm Phật cầu sanh Tây Phương sẽ tràn trề nẩy sanh. Nếu không, chính là ngỗ nghịch, bất hiếu, vì chẳng đoái hoài thần thức cha mẹ bị đọa lạc, tội ấy còn nặng hơn giết cha mẹ vậy! Kẻ chưa nghe Phật pháp thì chẳng biết làm sao, chứ ông đã quy y Phật pháp, đương nhiên Quang chẳng thể không dựa theo sự thực để bảo ông. Mong ông hãy đưa lời này của Quang cho cha mẹ xem, chắc họ sẽ dễ sanh lòng tin.

Văn Sao đã nhận được hay chưa? Nay lại gởi cho ông hai gói, xin hãy tặng cho người thông văn lý, có tín tâm. Sách Giới Sát Phóng Sanh Bạch Thoại và Sơ Cơ Tịnh Nghiệp Chỉ Nam được in chung thành một cuốn, do thư cục nào in không rõ. Nếu ông muốn in, hoặc in riêng cuốn Giới Sát Bạch Thoại, hoặc in chung với

Tịnh Nghiệp Chỉ Nam, xin hãy gởi thư sang cho cư sĩ Hoàng Hàm Chi ở số 26 đường Cực Ty Phi Nhĩ (Jessfield Road), Thượng Hải, hoặc cậy ông ta in giùm ông bao nhiêu đó cuốn, hoặc ông tới Thượng Hải gặp gỡ để cùng nhau bàn định. Hoặc nếu ở chỗ ông ta hãy còn thì đem tiền mua hết số sách ấy cũng được. Hiện thời, ông ta đã thôi làm quan, tịnh tu trong nhà.

Tôi chỉ nghe tiếng sư Bảo Nhất, chưa hề trao đổi thư từ. Nếu ông muốn thân cận, cũng chẳng phải là không được, chỉ có điều cuốn Tự Tri Lục do một nữ đệ tử của sư in ra thì đừng xem. Sợ ông xem rồi sẽ đến nỗi không dốc sức nơi nhất tâm, chỉ chuyên mong được cảnh giới tốt đẹp, ắt sẽ bị ma dựa. Đấy là ý nghĩa trọng yếu (nhiều người ở Thượng Hải, Hàng Châu, Dư Diêu trông thấy sách ấy đều muốn đem in thạch bản. Quang hết sức nói ra điều tệ của sách ấy nên họ đều thôi in).

(Ngày 28 tháng Chạp năm Giáp Tý - 1924)

332. Thư trả lời cư sĩ Trần Sĩ Mục (thư thứ tư)

Nhận được thư khôn ngăn vui vẻ, an ủi. Người không thông hiểu pháp môn Tịnh độ trông thấy Tự Tri Lục không một ai chẳng hớn hở muốn lưu thông, chẳng biết người viết ra sách ấy đã bị ma dựa quá nhiều, khiến cho công lao chân tu của người khác đều bị cảnh giới được mô tả trong sách ấy ngăn trở[144]. Giống như bỏ chất độc vào đề-hồ, ăn vào ắt sẽ chết người, đáng than quá đỗi! Ông Hoàng Hàm Chi ôm lòng làm lợi, cứu giúp người khác, ắt sẽ thay ông lo liệu, nhưng nghe nói năm ngoái ông ta bị bệnh, chẳng biết hiện thời đã lành hay chưa?

Cha mẹ ông chẳng phát tâm thì một là do họ tự coi đó là chuyện nhỏ nhặt, chẳng phát tâm liễu sanh thoát tử, siêu phàm nhập thánh; hai là do chẳng biết đến cội nguồn nên chẳng phát tâm. Nếu vợ ông thông hiểu văn nghĩa, hằng ngày đem những nghĩa trong Văn Sao ra giảng nói, chắc sẽ cảm động được tâm họ. Như vợ ông chẳng thể giảng nói, thì cháu gái, cháu trai đọc Văn Sao sẽ có thể giảng nói. Lại hãy nên thỉnh Sơ Cơ Tịnh Nghiệp Chỉ Nam gởi đến, sách ấy cũng do ông Hoàng Hàm Chi viết bằng văn bạch thoại, sẽ dễ lãnh hội. Thiên hạ chẳng yên là do gia đình không khéo dạy dỗ. Gia đình khéo dạy dỗ thì sự dạy dỗ của mẹ chiếm phần khẩn yếu nhất, vì con người thuở bé, hằng ngày ở bên mẹ; nếu có hiền mẫu,

[144] Theo phần trước, đệ tử của sư Bảo Nhất bịa chuyện sư có hai người đệ tử niệm Phật đã tu chứng được cảnh giới Bồ-tát nhằm đề cao đức hạnh cũng như khả năng giáo hóa cao siêu của thầy mình. Sư Bảo Nhất không ngăn trở còn đề tựa tán dương. Do đó, người không thông hiểu sâu xa pháp môn Tịnh độ khi đọc cuốn Tự Tri Lục sẽ rất dễ khởi tâm mong cầu mau đắc những cảnh giới thần kỳ giống như vậy, cho nên khó thể đạt nhất tâm do lòng ham cầu quá mạnh. Thậm chí, do tánh tự ái, ham danh, sẽ bịa chuyện kể những cảnh giới tốt đẹp mình đã đạt được nhằm mong người khác khen mình tu giỏi.

con cái sẽ được un đúc hằng ngày, tập quen thành tánh, dẫu muốn trở thành hạng đớn hèn cũng chẳng thể được.

Nay đặt pháp danh cho vợ ông là Trí Dục, nghĩa là dùng trí tuệ để tự nuôi dưỡng đức mình, khiến cho nhân dục hết sạch, minh đức hiện rõ. Lại dùng trí ấy để giáo dục con cái khiến cho chúng đều trở thành bậc quân tử lập được đức "chẳng làm các điều ác, vâng làm các điều lành". Từ đây lại mở rộng ra thì lợi ích sẽ chẳng thể nghĩ bàn được. Kẻ ngu trong cõi đời chẳng biết tu đức, chỉ muốn nhờ vào thờ Phật để diệt tội. Vậy là chỉ mong được tiếng, chẳng trọng thực chất, há có thể đích thân đạt được lợi ích thật sự ư?

Quân Anh, Khuê Anh đã có túc căn, lại đọc Văn Sao, ắt sẽ có lúc phát sanh thiện căn lớn lao, chẳng ngại đặt sẵn pháp danh cho chúng để chúng gắng công tu đức của chính mình hòng trở thành bậc thầy gương mẫu cho nữ giới. Dẫu chúng không có tâm quy y, chỉ cần tu theo đúng những gì Văn Sao đã nói thì cũng là người trong Liên Trì hải hội. Nếu bọn chúng phát được tâm tự lợi lợi tha, há chỉ riêng nữ giới được lợi ích mà thôi ư? Nay đặt pháp danh cho Quân Anh là Liên Anh, Khuê Anh pháp danh là Tịnh Anh. Do bọn chúng nếu có thể quyết chí đè nén thói xấu của nữ giới, chuyên tu tịnh nghiệp, trong tương lai sẽ đem những gì chính mình đã biết vun đắp cho bố mẹ chồng, chồng, cùng với chị em dâu và con cái thì cả nhà nhân từ, làng ấp cũng đều nhìn theo đó bắt chước làm lành. Làm được như thế thì chính là bậc anh thư trong đời này.

Anh (英) có nghĩa là "siêu quần xuất chúng", tức là bậc trượng phu trong nữ giới, tương lai vãng sanh Tây Phương, làm đệ tử của A-di-đà Phật, là quyến thuộc của Quán Âm, Thế Chí, đáng gọi là "cùng làm con thật sự của đức Như Lai trong thế giới hoa sen thanh tịnh". Ý nghĩa thật sự của chữ Anh là như vậy đó. Chúng chịu tin tưởng, làm theo những lời này, ắt sẽ chẳng nói suông. Người bận bịu chắc chắn phải dùng đến cách thập niệm vào buổi sáng, nhưng ngay cả người nhàn tản có thể tụng niệm công khóa, cũng vẫn có thể dùng phép thập niệm vào buổi sáng được, chứ không phải là đã tụng công khóa thì không được dùng. Cổ nhân có nhiều vị suốt đời dùng phép thập niệm buổi sáng rồi mới tụng khóa lễ chánh, nào có trở ngại chi!

Hiện thời, thế đạo nhân tâm suy hãm cùng cực, đều do gia đình chẳng dùng nhân quả báo ứng để dạy dỗ. Hơn nữa, trường nữ sinh ngày nay phần nhiều cổ động học sinh toan tính nắm giữ chánh quyền, làm Đốc quân, Tỉnh trưởng, Đại tổng thống, hoàn toàn chẳng đề xướng "giúp chồng, dạy con", đến nỗi lũ học sinh như điên, như cuồng, gần là gây lụy cho gia đình, xa là gieo tai ương cho xã hội, đáng tiếc thay! Xin hãy nói cặn kẽ những lời này với Quân Anh, Khuê Anh.

(Ngày 24 tháng 2 năm Ất Sửu - 1925).

333. Thư trả lời cư sĩ Trần Sĩ Mục (thư thứ năm**)**

Nhận được thư khôn ngăn đau thương, nước ta nhiều năm qua chẳng bị thiên tai thì cũng bị nhân họa. Tuy nguồn cội đều là do ác nghiệp trong quá khứ lẫn hiện tại gây nên, nhưng quá nửa cũng là vì kẻ nắm giữ chánh quyền chuyên cậy vào ý mình, chẳng tuân theo công lý, đến nỗi đã loạn lại càng loạn thêm. Những kẻ lưng chừng đều thành loài trộm cướp, đúng là không lập được cách nào cứu vãn, không có thuốc nào chữa được, đáng đau, đáng than! Mười đồng để in Đại Sĩ Tụng đã nhận được rồi. Nếu Nhuận Phủ có thể thôi ăn mặn, kiêng rượu, Quang sẽ chẳng uổng phí một phen tâm tư.

Ngày hôm qua Liên Anh có gởi thư đến, hỏi cách khiến cho cha mẹ được vãng sanh, tợ hồ cô ta chưa thể thấu hiểu những ý trong Văn Sao. Nếu không, trọn chẳng đến nỗi có lời hỏi ấy! Quang cực lực nói về lợi ích do niệm Phật, cũng như lợi hại do giữ gìn lòng trinh. Nếu giữ được cho vững thì không chi tốt lành bằng! Nếu không, hãy nên vâng theo thiên lý nhân luân mà xuất giá, so với việc không lấy chồng mà bị thất tiết sẽ cao siêu gấp trăm ngàn vạn lần. Cuối thư, Quang bảo cô ta hãy thường đọc Văn Sao, chớ nên thường gởi thư đến cho thêm bận rộn.

Nhà chồng của Tịnh Anh đã gây khó khăn về chuyện ăn thuần đồ chay thì ăn thịt ít đi sẽ chẳng trở ngại gì, hoặc chính mình chỉ ăn rau trong những món thịt. Hơn nữa, bọn họ quyết chẳng dò xét cô ta ăn cơm như thế nào, chỉ giữ lòng bất nhẫn thì tuy chẳng thể ăn thuần món chay thanh tịnh nhưng những món tanh tưởi phải ăn kèm theo cũng sẽ chẳng có mấy. Hơn nữa, cô ta đã thông hiểu văn lý, nên cũng có thể uyển chuyển thuật những lợi ích do ăn chay với chồng, lâu ngày chồng cô ta sẽ chẳng đến nỗi vẫn ngăn trở. Dẫu bị ngăn trở thì chỉ nên niệm Phật hồi hướng cho những chúng sanh bị ăn thì cũng bù đắp được đôi chút cho sự thiếu sót ấy, không còn mắc sát nghiệp nữa. Cô ta niệm Phật thấy ánh sáng tỏa ra, đấy vẫn thuộc về ma cảnh. Hãy viết thư gấp, bảo cô ta đừng tưởng chuyện ấy là thật, lâu sau hiện tượng ấy sẽ mất đi. Nếu tưởng đó là thánh cảnh hiện tiền, sợ rằng tương lai sẽ đến nỗi bị ma quỷ dựa thân, bị ma nhập phát cuồng, hết thuốc chữa!

Ấy là vì chúng ta từ vô lượng kiếp đến nay đã kết oán nghiệp vô lượng vô biên. Bọn chúng muốn đến báo oán, nhưng vì cô ta có sức tu trì niệm Phật, chẳng thể báo oán trực tiếp được. Do cô ta mong tưởng cảnh giới tốt đẹp, những kẻ oán nghiệp ấy bèn hiện ra cảnh giới đó khiến cho cô ta dấy lòng hoan hỷ, tưởng công phu tu hành của mình đã đạt mức rồi, hoặc tưởng mình đã thành thánh đạo. Do vọng niệm cứng chắc ấy sẽ bị mất chánh niệm, ma quỷ bèn nhập thân khiến phát

điên phát cuồng, Phật cũng chẳng thể cứu được. Cõi đời lắm kẻ dụng công tu hành rồi phát điên phát cuồng đều do chính mình chẳng biết dứt trừ vọng tưởng, nhiếp tâm, chánh niệm dụng công, thường đều là "chưa dụng công đã mong thành thánh". Do suốt ngày chỉ chăm chú mong ngóng thánh cảnh giống như uống thuốc độc, hôn mê, loạn trí, vô tri, bảo là "trời đất lăn chiêng, thần kỳ quỷ quái". Chứ thật ra đều là do vọng tâm của chính mình chiêu cảm ma quỷ gây tác dụng.

Hãy nên dạy cô ta nhất tâm niệm Phật, trừ danh hiệu Nam-mô A-di-đà Phật ra, nhất loạt chẳng để cho tâm nẩy sanh các niệm thì tự nhiên sẽ như hư không tan sương mù, mặt trời chiếu rạng. Lợi ích của nhất tâm niệm Phật và họa hại vì tâm vọng tưởng sôi động mong thấy cảnh giới trong Văn Sao đều đã nói tới nhiều lần. Xin hãy sao lại thư này gởi cho cô ta. Lại nên khuyên cô ta hãy tận lực y theo lời tôi nói, chớ tưởng cảnh ấy là thật. Dẫu nó có xuất hiện cũng chẳng sanh vui mừng, cũng không sanh lòng sợ sệt, cảnh ấy sẽ tự tiêu. Như kẻ giặc vào nhà người ta, người ấy tưởng nó là người trong nhà của họ thì cũng bị hại. Biết nó là giặc nhưng lầm lẫn sanh lòng sợ hãi thì cũng sẽ bị hại. Nếu chẳng vui, chẳng sợ, nhất loạt chẳng thèm đoái hoài tới nó, nó sẽ chẳng có chỗ nào để đặt chân.

Hiện thời Văn Sao không còn, tôi sẽ gởi thư cậy thầy Chân Đạt gởi cho dăm ba gói để giúp Quang bù đắp chỗ thiếu thốn. Trong lúc này, làm chuyện lớn sẽ rất mệt trí. Nếu chẳng hết sức tỉ mỉ, khiến cho người khác bị hại thì chính mình mắc lỗi, khổ sở chẳng kham nói được đâu!

(Ngày 18 tháng 4 năm Ất Sửu - 1925)

334. Thư trả lời cư sĩ Trần Sĩ Mục (thư thứ sáu)

Phàm tình chẳng thể suy lường lợi ích của Phật pháp được! Kẻ ngu chỉ biết dùng thuốc men để trị bệnh và van thần vái quỷ cầu được lành bệnh đều đáng gọi là phường "gánh gai bỏ vàng, đi ngược đường". Ông do bị bệnh mà biết "công phu chẳng hờ hững, hời hợt sẽ đạt được lợi ích thật sự". Lại biết Phật pháp quả thật có thuật "điểm đá thành vàng" (đây là ví dụ, đừng hiểu lầm), có công huân biến phàm thành thánh. Đấy cũng là do thiện căn đời trước mà ra, mà cũng là do đời này tu trì mà được. Hãy khéo dụng tâm, đừng cho đấy là chuyện kỳ lạ, đặc biệt, rồi thoái thất công lao trước kia, thì tương lai sẽ càng đạt được lợi ích sâu xa. Nói đến lợi ích sâu xa thì bất tất phải cầu nơi cảm thông cảnh giới, mà hãy nên nhận chắc sự vãng sanh Tây Phương thì mới chẳng phụ ân sâu tam bảo gia bị lần này.

Chung Anh túc căn sâu xa, nhưng tri thức chưa mở mang! Nửa đêm niệm Phật, thấy một vị thần mặc kim giáp, sợ bị ma thử thách, nên chẳng dám niệm. Sao mà

vô trí quá mức như thế? Phàm người niệm Phật chỉ nên chí thành, khẩn thiết, nhất tâm chánh niệm, trọn chẳng chuyên chú vọng tưởng thấy Phật hoặc thấy cảnh giới. Bởi lẽ, nếu tâm quy nhất, thấy Phật hay thấy cảnh giới đều chẳng đến nỗi lầm lẫn sanh hoan hỷ, rồi đến mức "được chút ít đã cho là đủ", trở thành lui sụt. Không thấy Phật, không thấy cảnh giới, cũng trọn chẳng thiếu sót gì. Tâm chưa quy nhất mà muốn gấp thấy Phật, thấy cảnh giới, đừng nói thấy cảnh ma, dẫu thật sự thấy cảnh Phật mà tâm lầm lẫn sanh hoan hỷ thì cũng bị tổn hại (nghĩa là "do sanh hoan hỷ bèn lui sụt"), chẳng được hưởng lợi ích. Hãy nên chú trọng chí thành niệm Phật, đừng ôm lòng mong tưởng thấy Phật hay thấy cảnh giới.

Nếu khi đang niệm Phật, chợt có tượng Phật và tượng Bồ-tát, tượng chư thiên hiện ra, tâm chỉ giữ chánh niệm, đừng sanh chấp trước. Biết tượng hiện ra ấy chỉ do tâm hiện, tuy hiển hiện vằng vặc phân minh, thật sự chẳng phải là một vật nào. Do tâm tịnh nên hiện ra cảnh tượng ấy, như nước thanh tịnh, trăng liền hiện bóng, chẳng có mảy may kỳ lạ, đặc biệt nào cả. Trọn chẳng sanh lòng khoe khoang, vui sướng, tâm càng thêm chuyên nhất, sốt sắng niệm Phật. Người làm được như thế thì đừng nói là "cảnh giới Phật hiện ra sẽ được lợi ích", dẫu ma hiện ra vẫn có lợi ích. Vì sao vậy? Do chẳng chấp trước, tâm có thể quy nhất. Phật hiện thì tâm càng thanh tịnh, ma hiện thì do tâm thanh tịnh chẳng chấp trước nên ma không thể quấy nhiễu được, tâm càng thêm thanh tịnh, đạo nghiệp tự tiến.

Nay ngẫu nhiên có chuyện biến hiện bèn sanh hoảng sợ, chẳng dám niệm Phật, tâm đã mất chánh niệm rồi. May mà chẳng phải là ma hiện! Nếu là ma hiện, vì không dám niệm Phật nên ma liền có thể nhập vào tâm khiếu, bị ma dựa phát cuồng, chôn vùi chánh niệm. Sao chẳng biết tốt xấu đến mức như thế? Sợ là ma hiện thì càng phải nên sốt sắng khẩn thiết niệm Phật, con ma ấy sẽ tự chẳng có chỗ dung thân. Như ánh sáng chiếu đến, tối tăm tự nhiên chẳng còn, chánh đến tà tự tiêu diệt. Sao lại sợ ma hiện bèn chẳng dám niệm Phật? May chẳng phải là ma, nếu quả thật là ma thì đã trao toàn quyền cho nó rồi. Pháp để tự mình đối trị hoàn toàn chẳng dùng tới, bỏ mặc cho ma khuấy, buồn thay, xót thay!

Niệm Phật ngẫu nhiên sanh lòng bi cảm, cũng là điều hay, nhưng chớ nên chuyên muốn dấy lên cảm tưởng ấy. Nếu tâm thường muốn dấy lên cảm tưởng ấy, chắc sẽ đến nỗi bị ma dựa, chẳng thể cứu được. Hãy nên giữ tâm như hư không, trọn chẳng có một vật gì trong tâm. Dùng tâm thanh tịnh ấy để niệm Phật thì sẽ tự chẳng có hết thảy cảnh giới. Dẫu có ma cảnh, nhưng do tâm ta như hư không, chẳng sanh kinh sợ, cứ niệm Phật, ma ắt tự tiêu. Nay sợ là ma, chẳng dám niệm Phật thì ví như sợ cường đạo kéo đến bèn trước hết tự mình đem những lính hộ vệ trong nhà chuyển đi phương xa, chẳng cho họ ở trong nhà. Đấy chính là đã

trao quyền bảo hộ cho cường đạo khiến chúng trọn chẳng sợ hãi gì, mặc sức cướp đoạt sạch sành sanh! Sao mà ngu si đến tột bậc như thế?

Văn Sao đã được in, ước chừng cuối năm nay có thể ra sách. Lúc này hãy nên từ từ. Quyển trung và hạ của Tâm Kinh do lũ đồ đệ ma ngụy tạo; ông nói Cư sĩ lâm biếu tặng sách ấy, Quang chưa từng thấy, chắc là chưa từng được kiểm duyệt chăng? Loại sách ấy vạn phần chớ nên lưu thông! Nếu không, sẽ làm hại chánh nhãn của người khác, tội chẳng nhỏ đâu! Ông X… quen thói thế tục, quả thật là một vết nhơ cho pháp môn.

Trong Nhất Hạnh Cư Tập, chỉ một đoạn nói về chế ngự tà dâm là chẳng nể nang hai chúng tại gia thuộc tông Thiên Thai. Sợ ông chưa xét tường tận, chẳng hiểu được bản ý của ông ta (tức Bành Thiệu Thăng). Nay cũng không cần phải tìm tòi, kiểm lại. Giới ấy do đức Phật chế, ngài Thiên Thai đề cao Phật mà soạn lời sớ giải; Bành cư sĩ nào dám nêu bừa ý kiến ức đoán. Chẳng qua tự mình muốn thực hành tuyệt dục, thật sự khế hợp sâu xa tâm Phật. Như vì muốn có người nối dòng mà làm chuyện vợ chồng thì cũng chẳng trái nghịch Phật giới. Nhưng để cầu có con nối dòng thì mỗi năm làm một lần, hễ có con nối dòng bèn nên thôi. Nếu viện cớ Phật chẳng ngăn cấm chánh dâm, hằng ngày thường làm, thì đối với đạo, với Phật, với danh phận của chính mình đều trái nghịch. Ý nghĩa của chữ "thiện túc" (khéo ngủ) chính là thường ngủ một mình, hoặc vì để cầu con mà tạm chung đụng một phen. Sao ông lại chấp chết cứng là "ngủ chung với nhau như chuyện ăn cơm, uống trà bình thường trong nhà?" Sao lại chẳng biết đạo lý tới mức thế ấy?

Xin hãy nói với Chung Anh, đừng xử sự như gã si thì mai sau ắt sẽ có lợi ích lớn lao (ý nói nghiệp tiêu, trí rạng, chướng tận, phước dày và vãng sanh Tây Phương; chứ không phải là nói tới cảnh giới). Đã gởi xong 27 bộ Đại Sĩ Tụng trong hai lượt, tức trong ngày 31 tháng 5 và mồng 5 tháng 6 dương lịch. Đã giao hết sách cho Tôn Trí Trạch và cha ông rồi. Do in tới một vạn bộ, người đứng ra in nhiều thì giao trước một ít, những người bỏ tiền ít sẽ giao hết để khỏi tốn công. Sách được giữ tại hội quán ở Thiên Tân.

(Ngày mồng 2 tháng 6 năm Ất Sửu - 1925).

335. Thư trả lời cư sĩ Trần Sĩ Mục (thư thứ bảy)

Nhận được thư khôn ngăn vui mừng, an ủi. Pháp danh của cha ông trùng với tên lót của các cháu, hãy nên đổi thành Pháp Hòa, hòa (和) là hợp, tức là phỏng theo Quán Âm Bồ-tát trên hợp với bản giác diệu tâm của mười phương chư Phật, dưới hợp với ý đau xót ngưỡng mộ đồng nhất của mười phương hết thảy chúng

sanh. Xin hãy làm cho cụ chân thật sanh lòng tin phát nguyện thì lợi ích do nghe đạo mới trở thành sự thật được. Nếu không, chẳng sanh Tây Phương, dẫu có phước báo trời người thì phước báo ấy hệt như sương buổi sớm, trong khoảnh khắc chẳng còn, có ích chi đâu? Vợ ông đã phát tâm niệm Phật, hãy nên chuyên chú trọng niệm Phật, trong khi tịnh tọa cũng nên niệm thầm trong tâm thì mới không mắc khuyết điểm nào.

Sợ rằng cách tịnh tọa của Đồng Thiện Xã là cách vận khí, bởi lẽ phàm hết thảy ngoại đạo đều lấy vận khí luyện đan làm bí quyết, chẳng chịu nói với kẻ chưa nhập môn, bọn họ chẳng biết đấy vốn là pháp để dưỡng sắc thân, chẳng ăn nhập gì với đạo cả. Đức Phật dạy người đoạn trừ phiền não tập khí, minh tâm kiến tánh, nhưng chúng sanh nghiệp sâu tuệ cạn chưa thể chứng đắc ngay trong đời này, cho nên ngài mở toang phương tiện lớn lao, dạy chúng sanh tín nguyện niệm Phật để mong cậy vào Phật từ lực vãng sanh Tây Phương. Cách tịnh tọa của bọn họ (tức Đồng Thiện Xã) chẳng thể gọi là thiền định được! Thiền có nghĩa là tịnh lự. Do bọn họ chẳng biết ý nghĩa của danh từ thiền, nhận bừa danh xưng thuộc chánh pháp, nhưng trong tâm xen tạp những vọng tưởng của tà ma, ngoại đạo, cho nên bị ma dựa phát cuồng (Luyện đan, vận khí, cầu thần thông, thấy thần, thấy quỷ, trong tâm ý niệm suy lường tưng bừng, làm sao có thể là tịnh được?)

Cần biết rằng, đức Phật dạy con người chuyên chú cực lực giữ vẹn luân thường, nghiêm túc trọn hết bổn phận của chính mình, đừng làm các điều ác, vâng giữ các điều lành, kiêng giết, bảo vệ sanh mạng, ăn chay niệm Phật, trọn chẳng có điều gì không thể nói với người khác được. Cái đạo "đóng cổng, khóa cửa, truyền dạy riêng cho nhau" của họ, đừng nói trong ấy có những điểm xấu, ngay như cho rằng pháp luyện đan vận khí là chánh đáng đi nữa thì đấy cũng chẳng phải là đạo để liễu sanh tử. Huống chi chưa chắc là chánh đáng ư? Xin hãy chuyên tu tịnh nghiệp, khi tịnh tọa bèn lắng lòng, thầm niệm Phật hiệu, đừng xen thêm công phu của bọn họ thì sẽ chẳng trở ngại gì!

(Ngày mồng 7 tháng 11 năm Ất Sửu - 1925)

336. Thư trả lời cư sĩ Trần Sĩ Mục (thư thứ tám)

Có thể nói là mẹ ông đã có thiện căn từ đời trước, nên mới được cả nhà ông niệm Phật hộ niệm lúc cụ lâm chung. Nếu những lời ông kể về các tướng trạng lúc cụ sắp mất và sau khi đã qua đời đều là chân thật chẳng dối thì chắc chắn cụ được vãng sanh. Nếu là lời đơm đặt sẽ chẳng có ích gì cho mẹ, ngược lại còn mắc lỗi lớn! Ông chỉ nên bớt đau buồn để niệm Phật và bảo người nhà đều cùng niệm Phật. Tuy nói là "vì cầu siêu cho mẹ mà niệm", nhưng thật ra đem so với việc chỉ

niệm cho chính mình thì công đức càng lớn hơn nhiều lắm. Dùng những điều này để bảo ban, họ sẽ đều phát lòng hiếu thảo. Trong khóa tụng sớm tối, Quang sẽ hồi hướng cho mẹ ông bảy ngày để trọn hết tình bạn.

Người đời nay đa số hiếu danh, khi cha mẹ đã khuất bèn viết truyện, soạn ký, đều là màu mè rỗng tuếch! Chỉ nên dốc hết sức tu trì để cha mẹ chưa được vãng sanh sẽ lập tức được vãng sanh, đã vãng sanh sẽ tăng cao phẩm vị. Đấy mới là nhiệm vụ trọng yếu nhằm trọn hết tấm lòng của kẻ làm con đối với cha mẹ, những chuyện khác đều nhằm làm inh tai rộn mắt thế tục mà thôi. Cha ông tuổi đã cao, hãy gấp dốc sức khuyên cụ siêng tu để khỏi kém sút mẹ ông. Đời người chuyện gì cũng có thể nhường người khác được, chỉ có chuyện này chẳng thể nhường ai, vì thế Khổng tử nói: *"Đương nhân bất nhượng ư sư"* (Gặp việc nhân thì phải làm, dẫu thầy mình cũng không nhường)[145]. Ông nói đến chuyện "giấy vàng viết thần chú bằng tiếng Phạn", lẽ đâu không có lợi ích! Nhưng cái gốc của lợi ích nằm nơi lòng thành, nếu có lòng thành thì lợi ích càng lớn; nếu luông tuồng như trò đùa trẻ con thì lợi ích sẽ nhỏ nhoi lắm. Tục ngữ có câu: *"Nhân tâm quả thành, kim thạch vị khai"* (Lòng người nếu thành thật, sắt đá cũng phải cảm động), huống là Phật, Bồ-tát há chẳng cảm ứng ư? Chung thất (lễ 49 ngày) thỉnh tăng niệm kinh, cũng nên đổi thành niệm Phật. Nếu có vị tăng thanh tịnh thì được; chứ nếu chỉ có loại tăng ăn mặn uống rượu thì hãy nên dành khoản tiền ấy để giúp đỡ người gặp cảnh ngặt nghèo. Chỉ cần gia quyến niệm Phật mà thôi, cần gì phải bắt chước làm theo khuôn sáo thế tục? Cũng không nhất định phải tới Phổ Đà. Hễ thuận tiện thì tới; nếu không, đừng tới! Thấy mặt Quang trọn chẳng ích lợi gì! Do vậy, chẳng thà chuyên tâm y theo Văn Sao để hành còn tốt hơn.

Hiện thời thế đạo nhân tâm bại hoại đến cùng cực, không thể vãn hồi, chỉ có cực lực đề xướng nhân quả báo ứng và giáo dục trong gia đình để làm cơ duyên xoay chuyển. Giáo dục trong gia đình cũng phải chú trọng nhân quả báo ứng. Dạy dỗ con gái nên kèm thêm chuyện ăn chay, bởi lẽ cõi đời thiếu người hiền là vì trong thế gian thiếu mẹ hiền. Nếu con cái từ bé đã được mẹ hiền dạy dỗ, un đúc thành tánh thì sau này ắt sẽ có thể giúp chồng thành tựu phẩm đức, dạy con cái đều thành người hiền. Nữ nhân lấy việc giúp chồng dạy con làm thiên chức, trách nhiệm ấy so ra càng nặng nề, to lớn hơn nam nhân. Người đời chẳng biết giảng nói, suy xét nơi đây, cứ lầm lạc muốn cho nữ nhân tham dự chuyện chánh trị giống như đàn ông, chẳng biết sự vụ đến mức tột bực như thế đó. Do vậy, cõi đời ngày một hết sức loạn lạc, người hiền ngày một hiếm hoi!

---

[145] Chúng tôi dịch câu này theo cách diễn giải của Luận Ngữ Giảng Yếu. Ý nói: hễ gặp việc nhân đáng làm thì bèn dũng mãnh làm ngay, không chần chừ.

(Ngày mồng 9 tháng 9 năm Dân Quốc 15 - 1926)

337. Thư trả lời cư sĩ Trần Sĩ Mục (thư thứ chín)

Nhận được thư ông và thư của Mân Phật Hóa Xã, cùng với bài ký tường thuật đại cương những chuyện quan trọng, hiểu rõ đường lối của Phật Hóa Xã là chánh đáng, nhưng còn thiếu chuyên chú nơi một môn Tịnh độ để mong thoát lìa thế gian Sa-bà ngay trong đời này. Chương trình hoạt động, đào tạo của Phật Hóa Xã vẫn chưa thể quyết đoán. Qua chương trình học tập nghiên cứu dành cho nữ giới, biết xã hữu vẫn học tràn lan, chưa hiểu rõ tột cùng đạo lý Tịnh độ. Bọn họ đã chịu quy y, hãy nên trần thuật đại lược những nghĩa trọng yếu, những điều khác hãy bảo họ đọc trong Văn Sao.

Liên Anh hiếu thảo sâu đậm, thật đáng khâm phục, kính trọng. Ngộ Chánh nói "chẳng hồi hướng vẫn được lợi ích lớn lao", lời này không thỏa đáng! Bởi lẽ, phàm phu thiếu sức chánh niệm hồi hướng thì những gì đã tu sẽ đều quy về phước báo trời người. Không hồi hướng mà có thể khiến cho cha mẹ đã khuất từ lâu được hưởng lợi ích siêu độ thì chỉ có bậc thánh nhân đắc đạo mới có thể làm như thế được. Lời của Ngộ Chánh đã nói chính là lẫn lộn giữa thánh và phàm, coi cả hai giống hệt như nhau, chớ nên nghe theo. Hễ nghe theo thì đừng nói là không được vãng sanh, ngay cả phước báo nhân thiên cũng chẳng ổn thỏa. Bởi lẽ, không có cảm thì sẽ chẳng thể cậy vào Phật lực; nếu chỉ nhờ vào sức tu trì của chính mình thì so ra sự cơ cảm ấy sẽ khác xa vời vợi sự cơ cảm do lòng thành tạo nên. Còn như nói nhìn vào hạnh nguyện, đạo lực của con cái để phán đoán sự vãng sanh thì còn có đạo lý, nhưng cũng chẳng thể chấp chặt hẹp hòi một bề, cho là chính mình được thượng phẩm thượng sanh, còn cha mẹ thuộc hạ phẩm. Do tâm nguyện của con cái, do túc căn của cha mẹ và sự phát tâm trong hiện tại nên mỗi trường hợp đều khác biệt.

Khuyên điểm[146] kinh điển thì phải thành, phải kính. Nếu làm theo cách của kẻ học vấn lão luyện chấm câu cho văn chương thì quả thật cái tội khinh nhờn thật nhiều, hãy nên răn dè! Nói chung, ai nấy đều phải chú trọng sự thật. Những kẻ xướng ra những thuyết lạ lùng, hủy báng Lăng-nghiêm, Khởi Tín đều do cái lòng ham danh gây ra, mong được thiên hạ hậu thế xưng tụng mình bằng hư danh "là bậc đại trí tuệ, là vị biết được chỗ kẻ khác chẳng hiểu biết", chứ chẳng biết trong đời này bị người sáng mắt xem là kẻ đáng thương xót, khi mất đi sẽ đọa trong ác đạo vĩnh viễn, không có lúc thoát khổ. Cái danh khiến cho con người bị lầm lạc đến mức như thế đó.

[146] Ý nói đặt dấu chấm câu vì sách vở tiếng Hán viết theo lối xưa không có dấu chấm câu.

Cháu ông và các cư sĩ vốn đều có thiện căn từ đời trước, cho nên biết được chánh lý của Phật pháp, chẳng bị ngoại đạo mê hoặc. Bọn họ đã gởi thư xin quy y, sẽ đặt pháp danh cho từng người và gởi thư cùng chương trình thẳng sang Phước Châu. Bản Văn Sao Tăng Quảng Chánh Biên sắp được xếp chữ xong, hiện thời tăng thêm 110 trang, sẽ in trong tháng 2 hay tháng 3. Nếu muốn kết duyên, xin hãy gởi thư sớm. Lần này sách dày hơn 400 trang, lại do gần đây giấy đắt, mỗi bộ giá khoảng chừng bảy tám cắc hoặc tám chín cắc. Do chưa xếp chữ xong nên chưa thể định giá được. Nếu để lỡ dịp in chung lần này, sau này thỉnh sẽ đắt hơn nữa.

338. Thư trả lời cư sĩ Trần Sĩ Mục (thư thứ mười)

Nhận được thư đầy đủ, lời khải quyên mộ cho điện Ngọa Phật[147] rất hay, nhưng cũng khó thể nào phục hưng được vì các xứ đang gặp phải tai nạn đao binh, lo cứu mạng cho những nạn nhân còn không xuể, sức đâu lo đến chuyện này! Quang gởi thư và bốn gói Đại Sĩ Tụng cho Phước Châu Phật Hóa Xã vào ngày mồng 10 tháng Giêng, lại kèm thêm một gói chương trình, bản ghi chép những chuyện quan trọng trong Phật Hóa Xã và bốn bộ Vô Lượng Thọ Kinh Sớ, đặc biệt gởi bằng thư bảo đảm, nhưng trọn chẳng có hồi âm. Ngày 22 tháng 2 lại gởi thư cho La Khanh Đoan, hỏi đã nhận được sách và thư hay chưa, đến nay vẫn chẳng có hồi âm. Do chiến sự, Văn Sao bị chậm trễ chưa xong. Gần đây, đường thư tín sang Thượng Hải vẫn còn thông suốt, nhưng mấy lần gởi thư sang Thư Cục đều chẳng thấy hồi âm, rốt cuộc chẳng biết là như thế nào!

Khoản tiền 50 đồng để in sách như đã nói đó, hãy nên gởi sang chùa Thái Bình ở bến Trần Gia, Thượng Hải, giao cho hòa thượng Chân Đạt, đừng gởi tới Phổ Đà. Đường bưu điện lẫn hối đoái tại Phổ Đà đều chẳng thông. Nếu chuyển tiền sang Định Hải hoặc Ninh Ba, vẫn phải nhờ người đi lãnh, rất bất tiện! Gởi sang Thượng Hải là ổn thỏa nhất. Hiện nay tình thế đại loạn vừa mới dấy lên, hãy nên tích cực niệm Phật. Ngoài chuyện này ra, chẳng có điều gì để dặn dò nữa.

339. Thư trả lời cư sĩ Trần Sĩ Mục (thư thứ mười một)

Thư nhận được đầy đủ, vui mừng, an ủi tột bực. Nay gởi một gói Tịnh Nghiệp Chỉ Nam. Cuốn Tâm Kinh Khẩu Nghĩa được in ở Thượng Hải chính là theo nguyên bản của cư sĩ Đường Đại Viên. Bản do cư sĩ Trần Chánh Hữu thuộc Thiên

[147] Đây là cách gọi thông tục của *Niết-bàn đường* trong các ngôi đại tự. Do trong điện ấy thờ tượng Bổn sư Thích-ca Mâu-ni Phật nằm trong rừng sa-la trước khi nhập Niết-bàn nên dân gian quen gọi là ngọa Phật (Phật nằm). Khải（啟）là một lối văn trình tấu của cấp dưới gởi lên cấp trên. Tờ khải nói ở đây là bài văn kêu gọi bá tánh quyên góp tu bổ điện Ngọa Phật.

Tân Lưu Thông Xứ đứng ra in đã được Quang sửa chữa đại lược, so với nguyên văn của ông ta thì thông suốt hơn, xin hãy thỉnh từ Phật Kinh Lưu Thông Xứ. Văn Sao đã được in, sách sẽ được giao ra vào ngày hai mươi mấy và sẽ gởi đến những người chịu trách nhiệm in.

Tôi vốn muốn qua Thượng Hải vào cuối tháng 4 để sắp xếp in Đại Sĩ Tụng, nhưng về sau có chuyện phải trì hoãn, lại thêm phong trào đình công của công nhân đang sôi nổi, phải đợi khi phong trào lắng xuống mới đi được. Sẽ ra sách trong năm sau, đây là dự tính đem in trong thời gian gần. Nếu nhất thời chẳng bình yên được, càng chẳng biết sẽ phải trì hoãn bao nhiêu lâu nữa. Thư của Hàn Giang trong phần ký tên ở cuối thư chỉ viết là "cẩn thượng" (kính trình), trước đấy Quang chưa đọc kỹ, đến khi đã phúc đáp rồi mới trông thấy nên phê vào cuối thư. Ông ta chẳng những không biết Phật pháp, mà ngay cả những lối cư xử thông thường cho đẹp lòng người trong thế gian cũng chẳng hiểu biết. Hỏi Phật pháp với người khác mà ngạo nghễ như thế, há người như vậy có thể đạt được lợi ích chân thật nơi Phật pháp ư? Cũng chẳng qua là góp phần náo nhiệt mà thôi!

Ông ta tính tự đặt pháp hiệu là Thiện Căn, Quang đặt tên cho ông ta là Huệ Hải. Đấy chẳng phải là đặt pháp danh quy y cho ông ta, vì ông ta chẳng xin quy y. Dẫu có xin cũng không chấp nhận, vì tâm ông ta chẳng chịu nhún nhường, cho nên không thật tình quy y. Phàm thư từ gởi đến, mặc cho người gởi ngạo nghễ như thế nào Quang đều trả lời, đáng quở trách thì quở trách, hễ cần phải nói thẳng thì chẳng cần biết người ta có cung kính hay không cứ nói thẳng. Nếu ai gởi thư xin quy y mà chẳng chịu nhún mình bèn cự tuyệt chẳng chấp nhận. Cũng có người gởi thư khẩn cầu lần thứ hai, nhưng cũng có kẻ chẳng trả lời thư Quang gởi đến nữa. Lễ giáo suy vi đáng than thở thay!

340. Thư trả lời cư sĩ Huệ Minh

Cụ già 83 tuổi tháng ngày chẳng còn mấy, vận nước của Trung Hoa Dân Quốc nguy ngập như trứng chồng. Gặp nhằm hai chuyện này (tức tuổi đã 83 và vận nước nguy ngập), hãy nên miệt mài niệm Phật để cầu vãng sanh. Lại còn phải suất lãnh người nhà nhất trí niệm Phật để dự bị khi ông qua đời bọn họ có thể trợ niệm. Lại còn phải dặn đi dặn lại lúc ông lâm chung họ chớ nên tắm rửa, thay quần áo sẵn, hỏi chuyện (những điều này hãy nên giao phó sẵn), an ủi, khóc lóc v.v.. Mặc cho khi ấy ngồi chết cũng được, nằm chết cũng xong, mọi người đồng thanh niệm Phật; niệm mãi cho tới hơn ba tiếng đồng hồ sau khi tắt hơi rồi mới sắp đặt hậu sự, muôn phần đừng làm quá sớm. Không riêng gì người già chết nên như thế, mà ngay người trẻ tuổi chết cũng nên như thế. Đấy chính là một đại sự

khẩn yếu nhất lúc cuối cùng. Nếu chẳng tập luyện sẵn và nói sẵn lẽ lợi hại, chưa có ai chẳng bị quyến thuộc vì phô trương mù quáng mà làm hỏng chuyện.

Một pháp niệm Phật chính là pháp môn lớn nhất để Phật phổ độ hết thảy chúng sanh. Nếu gặp nguy hiểm, hễ niệm liền có thể gặp dữ hóa lành; lúc vô sự mà niệm sẽ tiêu tai, tăng phước, nhưng cần phải cầu sanh Tây Phương thì mới là lợi ích lớn lao rốt ráo. Chín trang pháp danh được viết trong một tờ giấy khác, những pháp danh như Tông Viễn, Tông Trì v.v. đều nhằm dạy người quy y sùng phụng, noi theo các vị tổ sư hoằng dương Tịnh độ thuở trước. Tông (宗) là gốc, là chủ, Viễn (遠) chính là đại sư Viễn công đời Tấn (tên là Huệ Viễn), là Sơ tổ của Liên tông. Trì (持) chính là em của ngài, tức Huệ Trì[148]. Vĩnh (永) là Huệ Vĩnh[149]. Xước (綽) chính là Đạo Xước. Chiếu (照) là Pháp Chiếu. Loan (巒) là Đàm Loan, chữ Loan (巒) cũng có khi viết là Loan (鸞). Đạo (道) là ngài Thiện Đạo. Tức là dạy họ nương theo các vị đại tổ sư trong Liên tông để tu trì. Đứa cháu nội bé có tên là Phước Hà: phước đã cao xa, thọ ắt dài lâu! Những tên khác không cần phải giảng giải. Vương Ấu Nông chưa hề quy y, vợ và đứa con thứ tư đều quy y. Đứa con thứ hai và một cô con gái chưa quy y. Nay gởi mười gói Cảm Ứng Thiên Trực Giảng, gồm một trăm mấy chục cuốn, bảo những đứa trẻ ngây thơ đọc tụng, lại còn giải nói cho chúng, sau này chúng sẽ chẳng đến nỗi không biết nhân quả, dấn mình vào lối mòn của hạng người trộm cướp.

---

[148] Huệ Trì (337-412) sống vào đời Đông Tấn, người xứ Lâu Phiền, huyện Nhạn Môn (Sơn Tây), em trai ngài Huệ Viễn, thông minh mẫn tiệp từ bé, có văn tài. Năm 18 tuổi theo anh xuất gia với ngài Đạo An, học trọn khắp Tam Tạng và ngoại điển. Sau theo anh về Lô Sơn. Sư rất được Lang Nha Vương là Tư Mã Tuân coi trọng. Khi ấy, do ngài Tăng Già La Xoa khéo tụng bộ Tứ A Hàm, Vương liền sai Ngài giảo duyệt kinh văn, giảng nói kinh Pháp Hoa, A Tỳ Đàm Luận. Năm Long An thứ ba (399), Sư nghe nói núi Nga My ở Ba Thục rất thù thắng, ý muốn sang thăm, bèn đi sang phương Tây đến Thành Đô, nghỉ tại Long Uyên Tinh Xá, hoằng dương Phật pháp, đại chúng khâm phục nên mỗi khi Ngài lên pháp tòa giảng mọi người đều gọi là Đăng Long Môn. Lúc Sư thị tịch, dạy đệ tử rằng: *"Kinh dạy: 'Giới như đất bằng, mọi điều thiện đều do đấy mà sanh!' Các ông đi, đứng, nằm, ngồi đều phải cẩn thận!"*

[149] Huệ Vĩnh (332-414), sống vào thời Đông Tấn, người xứ Hà Nội (tỉnh Hà Nam), xuất gia năm 12 tuổi, theo học với ngài Trúc Đàm Hiện, về sau theo ngài Huệ Viễn đến học với ngài Đạo An. Sư muốn cùng ngài Huệ Viễn sang núi La Phù, nhưng ngài Huệ Viễn bị Đạo An giữ lại, nên đến niên hiệu Thái Nguyên đời Đông Tấn, Huệ Vĩnh đi sang La Phù trước. Đến Tầm Dương, Sư được người trong quận ấy là Đào Phạm giữ lại trụ trì chùa Tây Lâm tại Lô Sơn. Không lâu sau, ngài Huệ Viễn cũng đến. Đại chúng nghe danh, tụ tập về quá đông, phải lập thêm Đông Lâm tinh xá. Sư bèn lập riêng một thảo am trên đỉnh núi để tiện thiền quán, tu trì. Những người đến bên am tranh đều ngửi thấy mùi hương lạ, bèn gọi nơi ấy là Hương Cốc. Sư sống cùng một con hổ trong am ấy; hễ có ai đến, Sư bèn đuổi hổ chạy lên núi. Người đi rồi, hổ lại về chầu hầu bên cạnh. Sư rất thích nghiên cứu kinh điển, giảng nói rất giỏi, vẻ mặt tươi cười, chưa hề nói lời thương tổn ai. Cơm xoàng, áo vải, siêng năng tinh tấn, khổ hạnh, nguyện sanh Tây Phương. Năm Nghĩa Hy thứ mười (414), Sư thị hiện bị bệnh nhưng trì giới không xao nhãng, khi lâm chung tự đắp y, chắp tay, bảo đại chúng: "Phật đến rồi đó!" Nói xong, tươi cười qua đời, thọ 83 tuổi. Đại chúng trong núi đều ngửi thấy mùi hương lạ, bảy ngày mới tan.

341. Thư trả lời cư sĩ Lý Thính Đào (thư thứ nhất)

Nhận được thư, biết đứa con thứ của ông bị chết yểu. Khi gặp tình cảnh ấy, lòng người thường khởi lên oán hận, sanh biếng nhác. Hãy nên biết rằng: "Đời người nhân quả phức tạp, hễ có nhân, ắt có quả; hễ có quả, quyết chẳng thể không có nhân!" Biết "nhân trước quả sau" sẽ chẳng sanh oán hận, biết "đức cảm được trời" ắt chẳng đến nỗi gặp nghịch cảnh nhỏ nhoi bèn biếng nhác tu tâm. Ví như trời lúc thoạt đầu thì nóng, chợt đột nhiên mát rượi; hoặc thoạt đầu đang mát, chợt lại nóng hừng hực. Đấy chính là biến động tạm thời, chứ không phải lúc nào cũng thường như thế. Chỉ tận hết tấm lòng ta để tu, chẳng cần bận tâm ta gặp phải nghịch cảnh hay thuận cảnh. Người làm được như thế, ắt sẽ vĩnh viễn hưởng nhiều phước. Nếu do gặp chuyện nhỏ chẳng vừa ý bèn nói "tu trì vô ích", đấy chính là tri kiến của kẻ vô tri vô thức. Dẫu cho cả đời không gặp chuyện gì trái ý, cũng khó thể đạt đến địa vị "trọn hết bổn phận, vui theo mạng trời".

Nếu có thể tu trì không lười, ắt sẽ sanh được đứa con tốt lành sống lâu, đức hạnh. Nếu chẳng cần biết tốt xấu, chỉ cốt sao nó không chết yểu, lỡ nó vơ vét mỡ màng của trăm họ để cất giữ trong ngân hàng ngoại quốc, cũng như gặp phải đứa giết cha giết mẹ; có đứa con yêu chẳng bị chết yểu kiểu đó có bao giờ là may mắn đâu! Thứ con cái không ra gì ấy nếu chết yểu chính là do đức lớn cảm thành, bởi nó không chết yểu sẽ khiến cho nhân dân cả nước lầm than. Nếu trong lúc đó những đứa con thuộc loại ấy chết yểu hết sạch thì nước ta đâu đến nỗi hết thuốc chữa chỉ còn đợi chết ư? Chỉ nên lắng lòng niệm Phật để tiêu nghiệp hòng chiêu cảm tốt lành.

(tháng 9 năm Quý Dậu - 1933)

342. Thư trả lời cư sĩ Lý Thính Đào (thư thứ hai)

Ngữ lục của lệnh tổ[150] không liên quan gì với Sơn Chí. Nếu là bài minh trên tháp hoặc tiểu truyện thì có lẽ còn cần đến, chứ đối với hình tượng thì cổ đức các đời đều không có điện thờ, hình ảnh, dù có gởi đến cũng chẳng tiện sắp đặt. Bởi lẽ Linh Nham hiện thời hoàn toàn chẳng kế thừa Linh Nham xưa kia. Sau loạn Hồng Dương[151], chùa chỉ còn lại một cái tháp nát, những thứ khác đều cháy sạch ra tro. Huống chi pháp môn nhà chùa hành trì hiện thời là Tịnh độ, lệnh tổ là bậc tri thức trong Thiền tông. Luận về phía chùa miếu thì không phải là thừa kế, luận theo phương diện pháp đạo thì là môn đình khác. Ví như ngồi thuyền đi đường

[150] Tiếng gọi ông nội người khác với hàm ý tôn kính.
[151] Tức loạn Thái Bình Thiên Quốc. Do Hồng Tú Toàn và Dương Tú Thanh là những lãnh tụ phiến loạn hàng đầu của Thái Bình Thiên Quốc nên sử thường gọi là loạn Hồng Dương.

thủy hoặc ngồi xe theo đường bộ, sau khi về đến nhà thì hoàn toàn giống nhau, nhưng xét trên đường đi thì mỗi cách mỗi khác. Người đời nay chẳng phải là đại thông gia, trọn chớ nên nói lời viên dung, chỉ mong sao dễ nghe, đến nỗi không được lợi ích thật sự. Trữ công[152] chính là đệ tử cao nhất của sư Hán Nguyệt Tạng[153], Hán Nguyệt muốn làm cao nhân bậc nhất xưa nay, hết sức kình chống tổ Thiên Đồng Mật[154]. Bọn Hoằng Nhẫn, Cụ Đức v.v. đều là phường khinh miệt tổ. Trữ công vẫn không có thứ tập khí ấy, đúng là bậc đáng cho người đời sau khâm phục, kính trọng vậy!

(Tháng 2 năm Giáp Tuất - 1934)

343. Thư trả lời cư sĩ Trương Đức Điền (thư thứ nhất)

Đối với đạo để cầu con, người ta thường trái nghịch. Ông muốn có đứa con thân thể mập mạp, tánh tình hiền thiện, ba thứ phước - tuệ - thọ đều trọn đủ thì phải nghe theo lời tôi thì mới được thỏa lòng. Người đời không có con liền cưới

---

[152] Trữ công ở đây chính là ngài Hoằng Trữ (1605-1672). Sư thuộc tông Lâm Tế sống vào cuối đời Minh, đầu đời Thanh, người Thông Châu, Giang Nam, pháp tự Kế Khởi, pháp hiệu Thoái Ông. Thuở nhỏ gia đình gặp cảnh tai biến, được bà nội đem về nuôi dưỡng. Sư tuy chăm học nhưng không ham công danh, chí mộ Phật pháp, thích đạo Thiền, lãnh hội Phật pháp. Năm 25 tuổi, sư xuất gia với Hán Nguyệt Pháp Tạng, siêng tu nhọc nhằn, đắc ngộ tâm pháp. Sư thông hiểu học thuyết của bách gia chư tử, học vấn tinh thâm, tư cách đoan nghiêm, khiến đại chúng rất ngưỡng mộ. Sư tưởng nhớ nhà Minh, thường mong khôi phục. Khi quân phản Thanh phục Minh dấy lên ở vùng Ngô - Việt, sư nhiều lần ám trợ, từng bị bắt giam, sau được nghĩa sĩ cứu ra. Mỗi năm vào ngày vua Sùng Trinh tuẫn tiết, sư đều mặc tang phục, lễ bái, khóc lóc. Suốt 28 năm đều giữ đúng lệ như vậy. Đệ tử nổi tiếng dưới tòa có cả hằng trăm người. Sư thị tịch năm Khang Hy mười một (1672), thọ 68 tuổi. Sư còn để lại các trước tác như Ngữ Lục (100 quyển), Nam Nhạc Kế Khởi Hòa Thượng Ngữ Lục (10 quyển), Nam Nhạc Lặc Cổ, Linh Nham Ký Lược.

[153] Hán Nguyệt Pháp Tạng (1573-1635) là đệ tử của ngài Mật Vân Viên Ngộ, sống vào cuối đời Minh, xuất gia từ năm 15 tuổi. Năm Thiên Khải thứ tư (1624) đến chùa Kim Túc, yết kiến ngài Mật Vân, được ấn khả. Sư cực thông minh, rất có biện tài, nhưng lại lập ra dị thuyết, soạn ra bộ Ngũ Tông Nguyên, chỉ trích mạt sát nặng nề tông Tào Động, coi bốn tông kia là đọa lạc, đều không hiểu tông chỉ nhà Thiền, chỉ riêng tông Lâm Tế là nắm được yếu lãnh của Lục tổ. Luận thuyết của sư khiến cho thiền đức các tông thời ấy tranh luận ồn ào. Ngài Viên Ngộ nhiều lần gởi thư khuyên răn sư hãy bỏ luận thuyết dị kỳ ấy, nhưng sư không thèm nghe theo. Sư chết năm Sùng Trinh thứ tám (1635), thọ 62 tuổi. Tác phẩm Ngũ Tông Nguyên gây nên tranh luận kéo dài mãi đến đời Thanh, vua Ung Chánh phải viết Ngự Chế Giản Ma Biện Dị Lục vạch ra những điểm sai lầm trong cuốn sách nói trên và hạ lệnh cấm tuyệt lưu hành Ngũ Tông Nguyên, nhưng do đồ đảng của Hán Nguyệt đến lúc ấy vẫn còn rất đông nên cuốn Ngự Chế Giản Ma Biện Dị Lục không được đưa vào Đại tạng. Hoằng Nhẫn và Cụ Đức đều là đệ tử của Hán Nguyệt. Hoằng Nhẫn còn cực đoan, đả phá các phái Thiền khác gấp mấy lần Hán Nguyệt.

[154] Mật Vân Viên Ngộ (1566-1642) là cao tăng thuộc tông Lâm Tế, sống vào đời Minh, thụy hiệu là Huệ Định Thiền Sư. Ngài là con nhà nông, do tình cờ đọc Lục Tổ Đàn Kinh bèn ham chuộng pháp Thiền. Một ngày nọ đang chất củi bỗng tỉnh ngộ, bèn xuất gia với ngài Huyễn Hữu Chánh Truyền tại chùa Long Trì. Năm Vạn Lịch 30 (1602), ngài Chánh Truyền lên kinh đô, giao cho sư làm Giám Viện chùa Vũ Môn. Một hôm, trong khi đi ngang qua núi Động Quan, ngài chợt khai ngộ. Năm Vạn Lịch 39 (1611), được Huyễn Hữu trao y bát. Ngài lần lượt làm trụ trì nhiều đạo tràng Thiền tông nổi tiếng, do thời gian ngài làm trụ trì chùa Thiên Đồng lâu nhất nên thường được gọi là Thiên Đồng Mật. Ngài được coi là người có công trung hưng tông Lâm Tế, đệ tử đến hơn ba vạn người. Sư thị tịch năm Sùng Trinh 15 (1642) tại chùa Huyền Thông, thọ 76 tuổi.

nhiều vợ lẽ, thiếp mọn, thường uống thuốc tráng dương, thường ân ái. Đấy chính là cách để chóng chết, chứ không phải là phương pháp để cầu con! May mắn sanh được con thì cũng như trồng giống lúa lép hoặc chẳng mọc được, hoặc có mọc cũng khó thể đơm bông kết hạt.

Điều quan trọng bậc nhất là phải ngưng ân ái, hoặc nửa năm, tối thiểu là một trăm ngày, càng lâu càng hay. Hãy nên nói rõ với vợ, đôi bên đều giữ ý niệm này, mỗi người ở khác phòng. Nếu không có nhiều phòng, quyết phải nằm giường riêng. Lúc thường ngày trọn chẳng tưởng vợ là vợ, hãy nên tưởng như chị em gái, chẳng khởi một tà niệm nào. Đợi khi thân được dưỡng sức đầy đủ rồi, đợi cho vợ sạch kinh nguyệt, cần phải nhằm lúc tiết trời trong sáng, nhằm ngày lành tháng tốt, ăn nằm với nhau một đêm, ắt sẽ có thai. Từ đấy vĩnh viễn chấm dứt chuyện ân ái, cho đến khi sanh con tròn một trăm ngày rồi mới có thể tiếp tục ân ái. Sau khi vợ thọ thai, nếu ăn nằm một lần, bọc thai sẽ dày thêm một lần, gieo nguy cơ thai độc một lần. Hoặc còn có thể vì lẽ đó mà tử cung thường bị mở ra, chắc dễ bị sẩy thai. Những điều kiêng kỵ này nhiều người không biết. Dẫu có kẻ biết cũng chẳng chịu tuân theo. Vì thế đến nỗi chẳng sanh được con, hoặc con chẳng thành hình được, hoặc sanh ra đứa con bấy bớt, đoản mạng, chẳng biết do chính mình chẳng khéo dụng tâm, ngược ngạo đổ hô vận mạng xui xẻo, ngược ngạo biến ăn nằm thành chuyện thường xuyên, hằng ngày cứ làm, chẳng bị chết kể ra là may mắn lớn!

Lại phải giữ tấm lòng từ thiện, lợi người lợi vật. Lợi người lợi vật thì chẳng nhất định cần đến tiền, mà chỉ cần giữ tấm lòng tốt, nói lời lành, làm chuyện tốt. Phàm những tâm, những lời, những chuyện không lợi ích đều chẳng giữ, chẳng nói, chẳng làm. Đầy ắp bụng dạ là một khối nguyên khí thái hòa, bừng bừng ý niệm vì chúng sanh. Lại còn phải chí thành niệm "Nam-mô Quán Thế Âm Bồ-tát" (hãy nên niệm theo cách này), niệm càng nhiều càng tốt. Sáng tối lễ bái, niệm bao nhiêu đó; ngoài ra, đi - đứng - nằm - ngồi đều niệm. Lúc đi ngủ tuy vẫn niệm, nhưng phải giữ lòng cung kính: Hãy nên mặc áo quần, đừng nên trần truồng. Hãy nên niệm thầm, chớ nên niệm ra tiếng. Niệm thầm thì nếu nhiều chữ sẽ khó niệm, có thể bỏ đi hai chữ Nam-mô, chỉ niệm năm chữ Quán Thế Âm Bồ-tát. Chú Bạch Y niệm cũng được, không niệm cũng chẳng sao. Ông giữ tấm lòng như thế, làm việc vẫn niệm, và bảo vợ cũng giữ tấm lòng như thế, niệm trong khi làm việc, cho đến khi sanh nở vẫn niệm. Lúc đang sanh nở chớ nên niệm thầm, phải niệm ra tiếng, những người săn sóc chung quanh đều nên lớn tiếng niệm giúp cho người ấy. Đảm bảo không có những chuyện đau khổ, khó sanh.

Chớ nên niệm thầm trong khi sanh nở, vì lúc ấy phải dùng sức đẩy đứa con ra, nếu niệm thầm chắc bị bệnh tổn khí. Nữ nhân hễ cấn thai chớ nên nổi nóng, hễ nổi nóng đùng đùng sẽ bị sẩy thai; cũng như tánh tình ngang ngược, hung dữ ấy sẽ truyền qua đứa con khiến cho tánh tình nó trở thành hung ác. Thêm nữa, khi cho con bú, ắt phải tâm bình khí hòa, nếu nổi nóng đùng đùng thì sữa liền biến thành chất độc. Trẻ bú sữa ấy nặng là chết ngay, nhẹ là nửa ngày hay một ngày sau mới chết, quyết chẳng có trường hợp nào không chết. Nếu hơi nổi đóa thì chất độc ít, tuy con chẳng chết cũng sẽ sanh bệnh. Vì thế, con cái của nữ nhân ưa nổi đóa bị chết nhiều lắm, bệnh tật nhiều lắm! Chính mình cho con bú hoặc mướn vú em cho con bú đều giống như nhau. Hễ nổi nóng đùng đùng, muôn vàn chớ nên cho trẻ bú, trong lúc ấy phải nên buông xuống, đợi cho tâm bình khí hòa, qua nửa ngày rồi mới cho bú. Lúc cho bú trước hết phải vắt sữa ra chừng nửa chén trà đổ đi, lau chùi đầu vú rồi mới cho trẻ bú thì trẻ sẽ không bị họa ương gì. Nếu trong tâm vẫn nóng giận bừng bừng thì cả ngày hôm ấy cũng không được cho trẻ bú, nếu cho bú thì trẻ không chết cũng bị bệnh nặng. Chuyện này sách y học xưa nay đều chưa chỉ rõ, gần đây do từng trải mới biết mối họa này.

Nữ nhân từ nhỏ phải học tánh nhu hòa, khiêm tốn, sau này sanh con ắt nó dễ tính, ắt hiền lành, ắt chẳng bị chết, ắt chẳng đổ bệnh. Phàm con cái chết từ lúc bé hay bệnh tật quá nửa là do mẹ nổi nóng mà ra, chỉ có một số ít là chính mạng nó phải chết sớm. Thiên hạ xưa nay do sữa độc giết hại con trẻ chẳng biết bao nhiêu Hằng hà sa số, chẳng đáng buồn ư? Do ông làm vui lòng cha mẹ nên tôi nói tường tận với ông. Hãy nên khuyên mẹ ông ăn chay niệm Phật, cầu sanh Tây Phương. Ông và vợ ông cũng đều nên như thế.

344. Thư trả lời cư sĩ Trương Đức Điền (thư thứ hai)

Nhận được thư của ông hồi tháng 9, Quang lấy cớ già cả, không có mục lực và tinh thần để từ chối. Hiện thời binh lính, giặc cướp tràn ngập trên đường, thư từ, bưu kiện thường khó đến nơi. Lá thư kế tiếp gởi trả lại điệp văn của ông chưa nhận được, lá thư vào tháng 12 thì nhận được. Quang chẳng nghĩ biện pháp của ông là đúng lắm. Tính đến khoảng tháng 2 khi không có chuyện gì, sẽ soạn một chương trình cầu con nối dõi. Trước hết, dạy người cầu có con nối dõi tiết dục, tu đức để bồi đắp tiên thiên. Kế đó bảo họ niệm Phật, Bồ-tát để cầu có được đứa con phước đức, trí tuệ. Tiếp đấy, khuyên họ tích cực giáo huấn con cái từ lúc bé để chúng trở thành hiền thiện. Như thế thì càng nhiều con càng hay. Nếu không, chẳng tiết dục, dẫu có sanh được con, cũng thuộc hạng bấy bớt, không nên cơm cháo gì! Chẳng giáo huấn sẽ nuôi thành phường bại hoại, làm nhục tổ tông, chẳng thà không có con còn tốt hơn. Nếu Quang soạn hoàn chỉnh chương trình ấy rồi

thì sẽ đem gởi tới; xin đừng gởi thư tới nữa! Chậm nhất là Quang sẽ giao thư cho bưu điện vào cuối tháng 2. Đây là thứ văn tự chẳng cần ngay lập tức nên không cần phải miệt mài soạn cho xong.

345. Thư trả lời cư sĩ Trương Đức Điền (thư thứ ba)

Năm ngoái tôi gởi thư cho ông nói có thể gởi chương trình cầu con vào cuối tháng 2, gần đây do lão hòa thượng Chân Đạt đã hơn ba năm chưa gặp mặt, nay ngài bèn cùng các đệ tử quy y thuở trước và pháp sư Đức Sâm đến núi trong ngày 20 tháng này, do vậy không rảnh rỗi để viết lách. Tôi đã nói với pháp sư Đức Sâm bảo Thương Vụ Ấn Thư Quán chế bản kẽm. Quang bỏ ra 50 đồng để làm chi phí chế bản, chắc cũng đủ dùng. Bản kẽm làm xong sẽ cất ở chỗ pháp sư Đức Sâm tại Thượng Hải, ngõ hầu tín sĩ có thể ấn loát bất cứ lúc nào. Đợi khi bản kẽm được chế hoàn chỉnh sẽ cậy họ tạm định một giá. Ông thỉnh bao nhiêu sách đó thì hãy gởi bưu phiếu qua bưu điện về chùa Thái Bình ở đường Bắc Thành Đô, Thượng Hải, tiếp xúc với pháp sư Đức Sâm. Sợ rằng càng về sau này, giấy càng đắt hơn, giá sách càng về sau này càng đắt hơn, chẳng thể dựa theo giá in lúc đầu được. Nếu ông lo liệu chuyện này, quyết khó thể mỗi chuyện đều đúng pháp được. Sư Đức Sâm giúp Quang giảo chánh, đối chiếu mười mấy năm, chắc chắn mỗi mỗi đều đúng như pháp. Chỉ có điều sách in ra có gởi sang đất Ôn (thuộc tỉnh Chiết Giang) được hay không vẫn là điều khó đoán biết trước được. Nếu có bạn bè tin cậy có thể đem tới tận nơi thì tiện lợi hơn nhiều lắm.

346. Thư trả lời cư sĩ Thí Nguyên Lượng (thư thứ nhất)

Trong thư nên viết cả tục danh, chớ nên chỉ dùng pháp danh, ngay cả họ cũng không ghi! May là có cư sĩ Cừu, nếu không thì thư trả lời cũng khó đưa tới nơi được, vì pháp danh người ta phần nhiều chẳng biết, chắc sẽ đến nỗi bị chậm trễ hay thất lạc. Sáu người ấy đã muốn quy y, đều đặt pháp danh cho mỗi người, xin hãy giao cho họ. Lại cần phải nói với bọn họ: Đã quy y tam bảo ắt phải sốt sắng tu trì tịnh nghiệp, ai nấy lại còn phải trọn hết bổn phận của chính mình, để người đời đều cùng khâm phục chính mình đã trọn hết đạo "luân thường, hiếu, đễ, trung, tín, lễ, nghĩa, liêm, sỉ" thì mới đáng gọi là đệ tử thật sự của đức Phật. Nếu không, dẫu được cái danh quy y suông, trọn chẳng có thật hạnh tu trì, sẽ trở thành kẻ ham danh ghét thật. Do không có thật thì danh cũng chẳng thể thật sự đạt được! Hiện tại, thời cuộc nguy hiểm, bất luận già trẻ trai gái đều nên niệm Phật, niệm Quán Thế Âm để dự phòng. Những điều khác đã nói tường tận trong Gia Ngôn Lục v.v., Quang già rồi, tinh thần, mục lực, công phu đều chẳng đủ, chớ thường gởi thư tới ngõ hầu đôi bên chẳng bị quấy nhiễu thì mới nên!

347. Thư trả lời cư sĩ Thí Nguyên Lượng (thư thứ hai)

Ba mươi ba pháp danh được viết trong một tờ giấy khác, gói chung với gói sách đựng tro hương, gởi bằng thư bảo đảm. Hai mươi gói sách còn lại không gởi bằng thư bảo đảm. Bọn họ đều phải nên giữ giới, ăn chay, niệm Phật, cầu sanh Tây Phương, hãy nên chiếu theo Gia Ngôn Lục mà hành. Chuyện bế quan cũng không cần thiết vì ông có quyến thuộc, công việc, huống chi hiện nay thời cuộc bất định. Nếu như gia cảnh dư dả thì thọ giới ở Hoa Sơn cũng được; nếu không, chẳng cần phải góp phần vào cuộc náo nhiệt ấy, thọ phương tiện giới[155] cũng được.

Liên xã là chỗ để đề xướng, chẳng nên thường đến đó niệm. Bình thường cứ niệm ở trong nhà, còn thiếu niên, phụ nữ chỉ nên cho phép đến niệm Phật một lần tại đó sau giờ ngọ, nghe diễn giảng xong liền ra về. So với việc để họ suốt ngày niệm Phật tại liên xã sẽ đỡ phải chuốc lấy bao nhiêu tiếng thị phi. Cách này xét về cả hai mặt đều chẳng trở ngại gì. Nếu để cho họ niệm suốt ngày tại liên xã, dẫu không có chuyện gì xấu xa, vẫn khó khỏi bị kẻ xấu mù quáng bịa chuyện thì hai đằng đều phạm tội lỗi. Nữ giới đến niệm Phật chớ để cho họ nói chuyện thị phi trong gia đình, nếu họ không tuân theo quy củ liền yêu cầu họ lần sau đừng tới nữa. So ra, làm như thế sẽ có phần tốt hơn!

348. Thư trả lời cư sĩ Thí Nguyên Lượng (thư thứ ba)

Bốn pháp danh được viết trong tờ giấy khác gởi kèm theo, xin hãy chuyển giao. Phàm ai quy y đều nên dạy họ ai nấy phải giữ vẹn luân thường, trọn hết bổn phận, dứt lòng tà, giữ lòng thành, đừng làm các điều ác, vâng giữ các điều lành. Người tại gia thọ ngũ giới và thọ bồ-tát giới, chứ không thể thọ tỳ-kheo giới. Người thọ tỳ-kheo giới mới gọi là viên cụ (trọn vẹn, đầy đủ), há nên xưng bừa? Người tại gia thọ giới trên giới điệp (tờ phái quy y) chỉ viết quy y ở chùa nào, do vị thầy nào chứng minh, chẳng cần phải ghi những thứ như pháp phái v.v.. Thọ giới ắt phải trì giới, mà không thọ giới vẫn phải trì giới; chứ không phải là chưa thọ giới thì sẽ chẳng trì giới! Vì sát sanh, trộm cắp, tà dâm, đại vọng ngữ (chưa được nói là được, chưa chứng nói đã chứng, gọi là đại vọng ngữ, tội ấy cực nặng) gọi là tánh giới, vì do thể tánh của những điều ấy mà thành giới vậy. Giới uống rượu gọi là giá giới (giá là ngăn dứt), chỉ người thọ giới mới không được uống, kẻ chưa thọ giới mà uống sẽ không mắc tội.

349. Thư trả lời cư sĩ Thí Nguyên Lượng (thư thứ tư)

---

[155] Theo Phật Học Thường Kiến Từ Vựng (cư sĩ Trần Nghĩa Hy chủ biên), phương tiện giới gọi đầy đủ là *thập chủng phương tiện giới hoặc tam thế vô chướng ngại giới*, chính là thập thiện.

Thư nhận được đầy đủ, chuyện thọ giới ở Hoa Sơn chậm trễ cũng không sao. Trẻ nhỏ lâm chung biết niệm Phật, lại được nhờ sức trợ niệm rốt cuộc được vãng sanh, cũng có thể nói là nhân duyên hội đủ nên mới được lợi ích thật sự. Ông nói đến chuyện chánh phủ sửa đổi cho phép nhà trường đọc sách Nho, muốn Hứa Chỉ Tịnh soạn chú thích riêng cho những kinh điển Nho gia thì ông Hứa đã già rồi, chẳng thể dụng tâm được. Dẫu có thể làm được thì ai chịu tuân theo? Đừng lo lắng quá về chuyện này. Chu tử (Chu Hy) chú thích ý nghĩa chữ minh đức hoàn toàn mượn những nghĩa lý từ kinh Phật, nhưng không thể làm cho người ta lập tức hiểu rõ được, vì ông ta không nói thẳng vào nguyên do của tánh đức và tu đức. "Thân dân" hay "tân dân" đều được cả, chữ thân (親) bao gồm ý nghĩa rất rộng, tân (新) là chỗ phát hiện của thân (親). Ông hãy nên dạy trẻ nhỏ niệm Phật trước, biết được chỗ hay của Phật pháp rồi thì chỗ xấu xa của Tống Nho cũng có thể trở thành những điều phụ giúp cho Phật pháp. Nếu không, đôi bên đều chẳng có ích gì! Với 20 đồng hương kính, tôi đã bảo gởi mười mấy gói sách, chắc đã nhận được rồi. Hai ba hôm gần đây do phải phơi kinh nên phúc đáp chậm trễ.

Nếu tượng Phật không thích hợp thì đắp lại cũng không ngại gì; những vật được đặt trong lòng tượng Phật hay tượng Bồ-tát cũng là do thói quen thế tục, chẳng có ý nghĩa sâu xa gì. Đặt kinh chú Đại thừa trong lòng tượng thì có ích, những thứ khác đều là theo quan niệm thế tục. Ngay như những vật dùng để yểm tượng được nói tới trong Mật tông vẫn là theo tình cảm thế tục. Chuyện gây tai hại nhất cho người đời sau là dùng vàng, bạc, vật báu để yểm tâm[156] tượng, đến nỗi về sau kẻ vô tri hủy tượng để lấy báu vật. Của báu có được mấy đâu, chỉ bỏ vào cho đủ theo danh mục mà thôi, nhưng cái họa hại người bắt nguồn từ lúc yểm tâm tượng. Đây cũng là điều đáng để răn dè.

Xưa kia, một người ở Sơn Đông ban đêm ăn trộm của báu yểm tâm tượng thần Nhị Lang[157]. Hôm sau, thần đạp đồng nói: "Vật yểm tâm trong tượng ta đã

[156] Đây là một niềm tin cho rằng tượng không được yểm tâm (tức là bỏ những thứ quý báu, kinh sách, bùa chú, chỉ ngũ sắc đã tụng chú kết thành gút, những khối hương v.v. vào trong tượng) thì tượng thờ sẽ không linh. Sau khi đã yểm tâm, lại còn phải làm lễ khai quang điểm nhãn, hô thần nhập tượng thì tượng ấy mới được thần thánh, trời, Phật ngự vào, mới trở thành thiêng liêng. Nếu không, tượng ấy sẽ chỉ là đất, gỗ, đồng, sắt, xi-măng, không có tác dụng gì.

[157] Thần Nhị Lang còn gọi là Quán Khẩu Nhị Lang là một vị thần nổi tiếng trong Đạo giáo, được coi là vị thần chuyên ngăn ngừa tai nạn lửa nước, có miếu thờ chính ở gần đập Đô Giang, huyện Quán tỉnh Tứ Xuyên, nên mới gọi là Quán Khẩu Nhị Lang. Có rất nhiều cách giải thích lai lịch vị thần này. Dưới ảnh hưởng của truyện Tây Du Ký, người ta thường nghĩ thần Nhị Lang chính là Dương Tiễn, tức con trai của em gái Ngọc Hoàng Thượng Đế. Em gái Thượng Đế động lòng trần, trốn xuống trần gian lấy chồng, đẻ ra Dương Tiễn. Sách Phong Thần Diễn Nghĩa cũng giải thích thần Nhị Lang là Dương Tiễn, nhưng lại bảo Dương Tiễn là sư điệt của Khương Tử Nha. Có thuyết cho rằng thần Nhị Lang chính là con trai của Lý Băng dưới đời Tần, do có công giúp cha giết giao long, trị thủy ở Quán Khẩu nên được phong thần. Dưới đời Tùy, thần Nhị Lang được hiểu là Triệu Dục, vốn là quan Thái thú ở Gia Châu,

bị người khác ăn trộm mất!" Hỏi là ai, thần bèn nói: "Kẻ ấy lợi hại lắm, khắp thân đều là lông, trên đầu mọc ra một cái chân." Thần lại nói: "Người này bọn ta tìm không ra, chỉ đành kiếm bọn già các ngươi." Gã ăn trộm đó về sau đi tiêu ngoài đồng, thấy một con chó nhỏ chực bên cạnh, chó đớp vào hậu môn một phát, ruột tuôn ra ngoài. Gã ấy nói: "Khi ta ăn trộm vật yểm trong tượng thần, sợ thần nhận được mặt, bèn mặc ngược áo bông, đầu trùm một cái vớ bằng vải bông", nên thần mới tưởng "khắp thân là lông, trên đầu có một cái chân". Bọn dân hèn trong chốn làng quê không lợi gì chẳng cầu, vì thế khi đắp tượng đừng yểm tâm. Nếu yểm tâm, sau này tượng ắt sẽ bị kẻ ngu phá hủy.

350. Thư trả lời cư sĩ Phương Tử Phiên

Lệnh di trượng[158] nhiễm phải chứng tinh hồng[159] là vì dụng tâm quá độ. Xin hãy khuyên ông ta toàn thân buông xuống hết, nhất tâm niệm Quán Thế Âm Bồ-tát sẽ liền được lành. Thêm nữa, uống nước tro hương Đại Bi, chắc sẽ thấy hiệu nghiệm. Vị công đức chủ đã gởi 2.000 đồng trước đây vốn họ Trịnh, tên Tuấn, tự Triết Hầu ở Bình Lương, tỉnh Cam Túc, năm 64 tuổi từng làm Nghị huyện tri sự v.v., là người hết sức chánh trực, nhưng không tin Phật. Trước năm 60 tuổi, nghe đến Phật pháp liền né như tránh đồ bẩn, tới năm 60 tuổi, đọc Ấn Quang Văn Sao, An Sĩ Toàn Thư sanh lòng chánh tín, gấp muốn vãng sanh Tây Phương. Vì thế, gởi 13.000 đồng tới, cậy Quang làm lễ trai tăng, phóng sanh, cầu siêu cho tổ tiên, phụ mẫu, siêu độ oán gia và thỉnh các kinh sách. Phổ Đà lấy 500 đồng để tổ chức lễ trai tăng một ngàn vị. Đối với chùa Linh Nham, chùa Pháp Vân ở Nam Kinh, chùa Thọ Lượng ở Giang Tây đều chia ra cúng dường. Cam Túc là đất rét buốt, không giàu có lớn lao, người ấy cũng chẳng phải là giàu có lắm, nhưng do chí thiết tha vãng sanh nên làm chuyện hao tốn lớn lao này, nhưng cũng chẳng thể tiếp tục bố thí lớn lao.

Vườn phóng sanh của chùa Tịnh Viên có thể bù đắp cho nỗi niềm tiếc nuối của ông Hoàng Hàm Chi. Quang già rồi, tinh thần lẫn mục lực đều chẳng đủ, nếu

---

cũng có công trị thủy. Đến đời Tống, Triệu Dục lại được hiểu là một đạo sĩ ở núi Thanh Thành, do có công trị thủy nên được Tống Chân Tông phong là Thanh Nguyên Diệu Đạo Chân Quân. Ngoài ra vào đời Đường còn có truyền thuyết thần Nhị Lang chính là con thứ hai của thiên vương Tỳ-sa-môn. Khi An Lộc Sơn làm loạn, Nhị Lang từng suất lãnh thiên binh, thiên tướng cứu giúp hoàng thất nhà Đường.

[158] Tiếng gọi chồng của dì (tức dượng) người khác với ý kính trọng.

[159] Tinh hồng, gọi đủ là tinh hồng nhiệt (scarlet fever) là một chứng bệnh sốt cấp tính do máu bị nhiễm liên cầu khuẩn (streptococcus) loại A, hoặc khí quản bị viêm nhiễm bởi loại vi khuẩn này. Bệnh nhân bị sốt cao, khó thở, cổ họng đau nhức, lưỡi đóng bợn vàng dày đặc, toàn thân xuất hiện những đốm đỏ tươi nhất là ở vùng cổ, ngực, nách, cánh tay, đùi, nên gọi là tinh hồng nhiệt. Do bệnh nhân thường là những người có cơ thể suy yếu, tạo điều kiện thuận lợi cho liên cầu khuẩn dễ tấn công, nên tổ mới nói "lệnh di trượng mắc chứng tinh hồng do dụng tâm quá độ", bởi lẽ dượng của ông Phương Tử Phiên quá sức lo nghĩ cho nên cơ thể suy yếu, nguy cơ bị nhiễm trùng cao hơn người khác.

trong chùa ấy có bậc thông gia, xin hãy thỉnh vị ấy viết, chẳng cần phải chuốc lấy hư danh. Nếu vị ấy chẳng chịu viết thì tôi cũng đành ra sức cho chuyện này, nhưng ông phải thuật rõ lai lịch ngõ hầu chẳng đến nỗi bị thiếu sót. Nghe nói người đề xướng chuyện lập vườn phóng sanh vào lúc ban đầu là lệnh từ và đương gia am Bạch Vân, cũng nên nêu rõ tên ra. Hãy nên lập một tấm bia lớn, nay tôi gởi cho ông bản nháp, xin hãy đọc để tiện chiếu theo đó mà lo liệu.

Thêm nữa, làm việc gì hãy nên viên thông, chớ nên chấp nhặt, hẹp hòi, 1.500 đồng tiền phóng sanh nên chia thành ba phần: một phần để phóng sanh, một phần mua thức ăn nuôi những con vật được phóng sanh, một phần giữ làm quỹ. Vì nếu không phóng sanh sẽ nghịch lòng vị thí chủ, không mua thức ăn thì những con vật ấy sẽ khiến cho người khác phải bận lòng, không có quỹ sẽ khó thể tiếp tục về sau này được. Những khoản quyên tặng sau này đều nên chuẩn theo cách này. Hơn nữa, khoản tiền tuy nhiều, chớ nên dùng hết khoản tiền đó để mua loài vật phóng sanh ngay một lúc để ngừa về sau muốn mua nhưng không có tiền để mua.

351. Thư trả lời cư sĩ Hoa Thúc Cầm

Gần đây nghe nói ông dời sang Thường Thục sống, chắc đã có thể chuyên nhất tịnh tu, an ủi lắm. Thế đạo không tốt, mọi sự đều chẳng dễ thực hiện. Từ khi cư sĩ phát tâm ấn tống Quán Âm Tụng đến nay đã mấy năm rồi mà vẫn chưa thể hoàn tất được, đủ biết bao nhiêu chuyện tốt trong thế gian đều vì chiến tranh mà chẳng thể thành tựu được. Trước kia, sư Diệu Liên bảo người Dương Châu khắc in, chiến sự nhiều lần nổ ra, thường có những lúc đôi bên chẳng thể gởi thư cho nhau được. Đến khi khắc xong xuôi rồi, am Quán Âm lại bị lính đóng; vì thế sư Diệu Liên giảo đối hơi thiếu chánh xác, cặn kẽ, chưa khắc phần quyển thủ[160] nhưng đành coi như xong chuyện. Đến năm ngoái, cư sĩ phát tâm in tặng, bèn cậy người thuộc viện Mồ Côi xin bản in của ngài Diệu Liên từ chỗ cư ngụ của ông Dương Nhân Sơn.

Đến khi in ra, tất cả những phần như thiêm điều, thư diện[161], quyển thủ đều không có, bèn sai tìm kỹ, mới biết chưa được khắc. Ngay khi ấy liền cho khắc,

[160] Quyển thủ là phần đầu cuốn sách bao gồm mục lục, lời tựa, cũng như phàm lệ (những quy định được dùng trong sách) v.v.. Quyển thủ được khắc với mục đích giúp người đọc dễ tìm phần muốn tra cứu.

[161] Thiêm điều (thư thiêm) là trang giấy đầu tiên của một quyển sách sau phần thư diện, hoặc trang đầu của từng quyển trong một bộ sách, ghi tên sách, tên người đề tựa sách, ấn chương (con dấu, dấu kiểm) của người đề tên sách (những kinh sách chữ Hán trước khi in thường nhờ người viết chữ đẹp, có đạo đức, danh vọng ghi tựa đề sách) và số thứ tự (tức quyển số mấy) trong một bộ sách. Đôi khi thư thiêm còn bao gồm cả tiểu mục lục của từng chương sách.

Thư diện là trang đầu tiên của cả bộ sách, được chia làm hai phần: Phần thứ nhất gồm ba dòng ghi tên người biên soạn sách, tựa đề sách và nhà xuất bản, phần thứ hai (còn gọi là thư bài hoặc bài ký) ghi

nhưng 400 bộ sách đến gần đây mới giao đủ. Sau này Quang giảo chánh kỹ càng, biết những chỗ bị sai sót nặng nề cũng đến ba bốn trăm, còn những chỗ sai lặt vặt không đúng cách thì nhiều lắm. Do vậy bèn sửa chữa một bộ, bảo họ sửa lại bản in.

Sách được in lần này có kèm theo một bản đính chánh, phàm gởi sách cho ai đều kẹp thêm bản đính chánh trong sách để người nhận sách có thể dựa theo bảng ấy mà sửa. Ở chỗ ông có 50 bộ, đã gởi tới vào năm ngoái, chắc đã chia ra biếu tặng hết rồi. Nay ông Ấu Nông sang thăm nhà mới, tôi cậy ông ta cầm theo 50 trang đính chánh; phàm những ai đã được tặng sách trước đây, xin hãy tặng mỗi người một tờ để họ sửa chữa cho đúng. Thế đạo hiện thời khó thể thái bình ngay được, hãy nên lấy A-di-đà Phật và Quán Thế Âm Bồ-tát làm tòa Thái Sơn để nương tựa, ngõ hầu chẳng đến nỗi gặp phải nguy hiểm. Nhưng sự nguy hiểm trong thế gian là sự nguy hiểm nhỏ nhặt, nếu chẳng sanh về Tây Phương, sự nguy hiểm vì luân hồi trong tương lai còn lớn hơn gấp trăm ngàn vạn lần sự nguy hiểm trong lúc này. Xin hãy cùng với Huệ Nguyên và các con đều tu tịnh nghiệp, ngõ hầu có thể thoát khỏi đời ngũ trược này, sanh sang cõi chín phẩm kia, thì thế đạo nguy hiểm hiện thời sẽ luôn luôn là sự hướng dẫn vãng sanh Tây Phương nhằm vĩnh viễn lìa khỏi các khổ vậy.

352. Thư trả lời cư sĩ Dương Tông Thận

Thư nhận được đầy đủ. Kẻ ngu trong thế gian chẳng biết nhân quả, thấy làm lành mà mắc họa bèn bảo "chớ nên làm lành"; thấy làm ác vẫn hưởng phước bèn nói "ác chớ nên kiêng". Chẳng biết họa phước xảy đến, có gần, có xa, sớm hay muộn không nhất định. Gần thì ai nấy đều thấy được, xa thì hoặc cách một đời hoặc cách mấy đời, chẳng phải là người có túc mạng thông sẽ chẳng thể biết rõ.

Nay lập ra một ví dụ cho dễ hiểu. Làm lành hay làm ác giống như gieo mạ, người ấy trong đời này tuy lành nhưng trong đời trước hành vi chẳng thể nào không phạm lỗi, vì thế ngày nay không thể nào chẳng hứng chịu những điều trái nghịch. Cái thân đời này gọi là báo thân, đời này làm nam hay nữ hoặc đẹp hoặc xấu, cũng như thọ yểu, giàu nghèo, trí ngu, khỏe mạnh hay bệnh tật v.v. chính là quả báo chiêu cảm bởi những hành vi trong đời trước. Vì thế gọi cái thân này là báo thân, hàm ý cái thân ấy là quả báo của những hành vi trong đời trước, do cái nhân trong đời trước dẫn đến cái quả trong đời này.

---

rõ ngày tháng sách được ấn hành. Nếu là sách được tái bản từ những thư tịch cổ sẽ ghi thêm lần tái bản này dựa theo bản in nào, theo tài liệu nào, ai là người giám định, nhuận sắc, hiệu đính, giảo chánh.

Đời này tuy lành, nhưng do đời trước nghiệp nặng, sẽ chẳng thể hưởng được quả báo tốt lành ngay, mà trước hết phải gánh chịu ác báo từ đời trước. Như người năm ngoái không trồng lúa, năm nay tuy siêng năng cày cấy, nhưng trước khi thu hoạch, cũng chẳng tránh khỏi không có lương thực. Không có lương thực chẳng phải vì năm nay siêng năng vất vả cho nên không có, mà năm nay không có lương thực là vì năm ngoái chẳng gieo trồng mà ra. Năm nay đã siêng năng cày cấy, gieo trồng thì sau khi thu hoạch và năm sau sẽ có thóc lúa. Kẻ làm ác chưa bị mắc họa là vì phước thừa còn chưa hết. Như người năm ngoái siêng năng cày cấy gieo trồng, năm nay không cày cấy, gieo trồng, vẫn chẳng đến nỗi chết đói là vì năm ngoái hãy còn thừa lại. Ăn hết rồi, do năm nay không gieo trồng, sẽ không có cái để ăn nữa đâu. Cần biết rằng, người lành gặp ác báo, nếu chẳng làm lành, ác báo ấy càng nặng nề hơn; do làm lành nên ác báo sẽ theo đó giảm nhẹ đi. Người ác hưởng thiện báo, nếu chẳng làm ác, thiện quả ấy càng lớn hơn; do làm ác, thiện báo cũng theo đó mà giảm nhẹ đi.

Đối với cơm áo và những vật cần thiết cho cái thân, người đời đều biết để dành sẵn để khỏi phải lúng túng khi xảy ra chuyện; nhưng đối với chuyện liên quan đến thân tâm tánh mạng, chẳng những không biết sắp đặt sẵn, lại còn coi những kẻ chuẩn bị sẵn là si dại, tự mình mặc tình làm càn những chuyện dâm, giết, cho là mình có phước, có trí. Chẳng biết những kẻ mù, điếc, câm ngọng, tàn phế, không nơi nương tựa trong thế gian và trâu, ngựa, lợn, dê, hoặc phục dịch con người, hoặc đem thân trám đầy bụng miệng con người đều là hạng người tự cho là mình có phước có trí đã gặt lấy quả báo "tốt đẹp, chân thật" do thứ phước trí ấy. Người tu hành cần phải có tấm lòng quyết liệt, mặc cho kẻ khác chê cười, hủy báng, ta trọn chẳng nghi ngờ, bận tâm gì. Nếu nghe kẻ khác chê cười, hủy báng bèn ngã lòng thì hạng người ấy cũng là do thiện căn đời trước hời hợt nông cạn mà ra, chẳng lấy lời Phật dạy làm chỗ nương về, cứ lấy lời của ngu phu ngu phụ làm căn cứ. Vì thế sẽ luân hồi trong sanh tử dài lâu, vĩnh viễn chịu nỗi khổ trong tam đồ, muốn được hưởng thân trời người còn khó, huống là đại lợi ích "liễu sanh tử, siêu phàm nhập thánh, cho đến thành Phật" ư?

Pháp môn Tịnh độ lấy "lòng tin chân thật, nguyện thiết tha niệm Phật, quyết định cầu sanh Tây Phương" làm tông chỉ. Nếu người niệm Phật chẳng nguyện cầu sanh Tây Phương tức là đã trái nghịch lời Phật dạy. Ví như vương tử sống nhờ nước khác, chẳng tin chính mình là vương tử, chỉ muốn suốt ngày xin ăn, chỉ không đến nỗi chết đói là đã thỏa chí vừa ý rồi. Tri kiến kém hèn ấy chẳng khiến cho người khác thương xót ư? Bà Cao nhà họ Vương thuộc kinh điển làu làu, nhưng nói "chẳng dám vọng tưởng sanh Tây", sao mà tâm chí cũng kém hèn cùng cực đến thế? Vị thầy bà ta thường ngày thân cận cũng thuộc hạng tu mù luyện

đui! Nếu vị thầy ấy biết pháp môn Tịnh độ, làm sao trưởng dưỡng ý tưởng ấy cho được?

Xin hãy nói với bà ta: "Nếu chẳng cầu sanh Tây Phương, chắc chắn chẳng chấp thuận cho bà ta quy y; chịu cầu sanh Tây Phương thì sẽ bằng lòng cho bà ta quy y. Nay đặt pháp danh cho bà ta là Tông Tín, nghĩa là tin sâu lời Phật, chẳng dám trái nghịch sự tu trì tịnh nghiệp của chính mình. Lại cần phải dạy lũ con cái, dâu, cháu đều cùng giữ vẹn luân thường, trọn hết bổn phận, dứt lòng tà, giữ lòng thành, đừng làm các điều ác, vâng giữ các điều lành, kiêng giết, bảo vệ sanh mạng, niệm Phật và niệm Quán Thế Âm để mong đời này nghiệp tiêu, phước tăng, lâm chung vãng sanh Tây Phương. Tự hành như thế và giáo hóa gia đình cùng với thân bằng, nhất định sẽ được vãng sanh như nguyện. Phật mở ra pháp môn Tịnh độ dạy người cầu sanh Tây Phương, bà là hạng người gì mà dám chẳng coi lời Phật là đúng, mặc tình thỏa chí của mình ư? Vì thế cần phải lấy lời Phật dạy làm 'tông chủ, tông bổn' (những điều chánh yếu, căn bản cần phải đề cao, tôn sùng) mà tín phụng, chẳng dám có một niệm trái nghịch thì mới gọi là Tông Tín!"

Con gái bà ta là Hồ Vương Thị pháp danh là Tông Tịnh. Chồng, vợ, con cái trong thế gian không ai chẳng phải là do nghiệp duyên đời trước kết thành. Chồng bà ta mất sớm, con trai chưa cưới vợ đã chết yểu, con gái vừa lấy chồng đã thành góa bụa; nếu luận theo mặt tình cảm trong cõi đời thì chẳng tốt đẹp, nhưng nếu có thể nhờ đó mà biết tướng thế gian vô thường, chuyên chí tu trì thì những tình cảnh khổ sở ấy quả thật là hướng dẫn tốt lành khiến cho bà ta thoát khổ. Những kẻ phú quý, chồng - vợ - con cái một nhà đoàn tụ, tinh thần luôn hao phí, bận bịu trong chuyện sanh nở, cưới gả, dẫu muốn nhất tâm niệm Phật cũng chẳng thể như ý. Bà ta nghĩ được như vậy và dạy con gái nhất tâm niệm Phật thì chồng, con, rể bà ta đâm ra sẽ trở thành người giúp đỡ đạo nghiệp cho bà ta. Nếu bà ta một dạ vãng sanh thì chồng, con, rể cũng sẽ nhờ sự tu trì ấy mà vãng sanh Tây Phương. Đấy gọi là "vàng do luyện mà được ròng, dao do mài mà bén, chẳng trải một phen rét thấu xương, sao được hoa mai thơm ngát mũi"?

Để thành tựu cho con người, trời có nghịch, có thuận. Nếu con người biết vui theo mạng trời thì nghịch đâm ra thành thuận. Nếu không, thuận cũng đâm ra trở thành nghịch, chỉ do con người có khéo dụng tâm hay không mà thôi! Lại nữa, hiện nay đang nhằm tình thế đại hoạn nạn, phàm đao binh, nước, lửa, ôn dịch, sâu rầy, châu chấu, hoặc mắc bệnh vì oán nghiệp thuốc men chẳng thể chữa trị được mà nếu chịu chí thành niệm Phật, niệm Quán Thế Âm, chắc chắn sẽ có thể gặp dữ hóa lành.

Thêm nữa, nữ nhân khi sanh nở ắt nên niệm ra tiếng rõ ràng "Nam-mô Quán Thế Âm Bồ-tát", chắc chắn chẳng bị khó sanh! Dẫu khó sanh sắp chết, dạy người ấy niệm sẽ tức khắc có thể an nhiên sanh nở. Hãy nên nói lời này với hết thảy mọi người, khiến cho họ đều biết rõ thì thế gian sẽ chẳng có chuyện sanh khó cũng như do vì khó sanh khiến cho mẹ lẫn con đều chết. Chớ nên nói "lõa lồ, bất tịnh, niệm sợ mắc tội lỗi". Đấy là lúc liên quan đến tánh mạng của cả mẹ lẫn con, không làm sao khác được, chớ nên so sánh với chuyện hết sức cung kính, hết sức khiết tịnh lúc bình thường. Lại còn phải niệm ra tiếng rõ ràng, chớ nên niệm thầm trong tâm, do niệm thầm sức cảm ứng nhỏ, lúc ấy lại còn phải dùng sức để đẩy đứa con ra, niệm thầm trong tâm chắc sẽ bị mắc bệnh. Những người chăm sóc trong nhà cũng lớn tiếng niệm giúp cho người ấy. Người nhà ở nơi phòng khác cũng có thể niệm giúp cho sản phụ ấy.

Dạy con gái niệm Phật từ bé, sau này chắc chắn chẳng phát sanh những thứ đau khổ ấy, tương lai lâm chung còn có thể vãng sanh Tây Phương. Nếu không, hễ ốm nghén liền niệm, hoặc trước khi sanh ba bốn bữa liền niệm, hoặc đến lúc sanh nở mới niệm đều được. Người đời thường ngăn trở thiện niệm của kẻ khác, như phụ nữ sanh sản, mọi người thường coi đó là chuyện đáng sợ. Chẳng những chính sản phụ không dám niệm, ngay đến mẹ chồng hoặc mẹ ruột thấy con dâu hoặc con gái sanh nở bèn trốn trước ra ngoài, hơn một tháng mới dám mò về. Những kẻ ấy đều là vì nghe lời ngoại đạo, chỉ biết cách thức cung kính lúc bình thường, chẳng biết tùy theo sự việc để quyền biến cho thích nghi, khiến cho nhiều nữ nhân trong thế gian chịu đau khổ cùng cực hoặc đến nỗi tử vong. Chẳng đáng buồn ư? Viết tạp nhạp như thế để mong lợi người.

353. Thư trả lời cư sĩ Nghiêm Bá Phóng (thư thứ nhất)

Thư gởi đến một mực nói những lời sáo rỗng, khen ngợi quá lố, quả thật khiến cho người ta chẳng chịu đựng nổi (ông Hứa và ông có cùng một cung cách, Quang chẳng cho như thế là đúng). Cha ông đã mù nhiều năm, hãy nên khuyên cụ chịu nhất tâm niệm Phật cầu sanh Tây Phương, phản chiếu hồi quang khiến cho tâm được quy nhất, chắc mắt sẽ được trở lại như cũ. Dẫu chẳng thể phục hồi, nhưng do tâm địa thanh tịnh, ắt được cảm ứng đạo giao, được Phật tiếp dẫn, vì thế pháp danh là Đức Minh. Cậu ông bị bệnh suyễn, nếu chí thành niệm Phật chắc sẽ được lành. Nhưng đối với hết thảy việc nhà và những gì trong chính thân tâm đều đừng để vướng mắc, nhất tâm niệm Phật khiến cho không còn tâm niệm nào khác xen tạp, vì thế pháp danh là Đức Thuần.

Nay gởi cho ông một bao tro hương Đại Bi, bao này có thể pha uống được 20 lần, mỗi một lần pha có thể uống được mười mấy lượt. Chí thành khẩn thiết niệm

"Nam-mô Quán Thế Âm Bồ-tát", đừng uống rượu, ăn thịt. Lúc pha, lấy một phần hai mươi lượng tro đổ vào tô lớn, dùng nước sôi pha, khuấy lên, đợi cho chất tro lắng xuống (chất tro ấy thêm nước vào để tưới cây) gạn lấy nước trong, chứa trong đồ đựng để uống mười mấy lần. Mỗi ngày có thể uống ba lần, uống hết lại pha tiếp. Nếu lành bệnh, nên đem số tro còn thừa để ở nơi cao sạch, chớ nên khinh nhờn. Phàm ai có bệnh ngặt nghèo, hãy đem tặng, bảo họ pha uống, chắc sẽ biến chuyển bớt dần.

Ông muốn lợi người nên sốt sắng làm chuyện quan trọng này. Cuốn sách ấy in bằng cỡ chữ Tam Hiệu Tự hết thì được, chứ cỡ chữ Ngũ Hiệu Tự người già sẽ đọc không được. Sách ấy lại còn hoàn toàn chưa được giảo chánh tường tận, danh xưng Hoằng Hóa Xã ở mấy chỗ đều in thành Hoằng Quang. Chữ ông sử dụng cũng thiếu thỏa đáng! Trong sách có những chữ Quang đọc không ra, huống chi lại có toa thuốc. Nếu có sai ngoa, sẽ có quan hệ rất lớn. Ông thô tâm lớn mật như thế, sao Quang dám giao cho ông trông coi ấn loát các thứ văn tự cho được? Từ nay về sau đừng gởi sách này đến nữa để người ta khỏi thấy do Quang gởi tặng chắc sẽ nói Quang chẳng hiểu biết sự vụ gì hết!

354. Thư trả lời cư sĩ Nghiêm Bá Phóng (thư thứ hai)

Hôm trước nhận được thư ông, biết ông được cậu chăm sóc, vun quén, nên mới có được ngày nay, gởi khoản tiền 50 đồng để mong báo ân mẹ, ân cậu, ân mẹ kế và siêu độ em gái. Gởi thư cho đương gia chùa Linh Nham thưa bày những chuyện cực trọng yếu này, phần ký tên chỉ ghi là "cẩn ngôn" (kính thưa), một chữ nhún mình cũng chẳng chịu viết; còn thư gởi cho Quang viết là "quỳ bẩm". Nếu ông không có những chuyện quan trọng phải cầu cạnh người khác, chẳng biết sẽ dùng chữ như thế nào! Làm phận con, là đứa cháu chịu ơn sâu nặng mà viết như thế đó; sao chẳng biết lễ nghi thế gian đến mức như vậy, huống là lễ nghi trong Phật pháp ư?

Quang sáng tối hồi hướng cho cha mẹ ông, vẫn cần lễ Phật. Đại chúng Linh Nham gần một trăm vị, tán lễ, niệm Phật hiệu cho người thân của ông. Mỗi khóa lễ ai nấy lạy 24 lạy, mà ông cầu xin họ rẻ rúng như thế, dẫu các sư thành khẩn cũng khó đạt được cảm ứng thù thắng. Ông đừng nói: "Quang muốn được người khác cung kính!" Thật ra Quang thương ông vô tri, chẳng dễ cảm tam bảo rủ lòng từ gia bị. Hãy nên đối trước Phật khẩn thiết sám hối, ngõ hầu mẹ, cậu ông, mẹ kế, em gái của ông đều được Phật từ bi tiếp dẫn vãng sanh, cũng như tổ tông quá khứ, quyến thuộc hiện tại ai nấy đều được tam bảo gia bị, lìa khổ được vui. Ông coi Quang là thầy, nếu chẳng nói chuyện này thì Quang đã mất tư cách làm thầy. Nếu ông chẳng nghĩ như thế là đúng, ông cũng đã mất tư cách làm con, làm cháu, làm

anh, làm đồ đệ. Từ nay coi nhau như người ngoài đường, chẳng cần phải xưng là đệ tử nữa!

Quang suốt đời chẳng khởi ý tưởng điên đảo giống như thế tục, cái gì mà tám mươi với lại chẳng tám mươi? Có ai bàn chuyện chúc thọ cho Quang, chẳng những Quang không nhận lãnh tình cảm ấy mà còn ghét cay ghét đắng, hoàn toàn cho đấy là chuyện nhục nhã lớn lao. Xin đừng đem chuyện này nói với Quang! Nếu ai nói chuyện chúc thọ với Quang tức là đã coi Quang là hạng phàm tục vậy!

(Tái bút)

355. Thư trả lời cư sĩ Huệ Phố

Mấy năm chưa gặp gỡ, đang trong cơn đại kiếp này, ông vẫn an cư không phải lo lắng gì, khôn xiết vui mừng, an ủi! Muôn phần chẳng ở lâu trong thế giới này được, hãy nên với quyến thuộc và các thân hữu cùng tu tịnh nghiệp, cùng sanh Tây Phương, ấy mới là kế hoạch tối thượng bậc nhất. Vì thế, đặt pháp danh cho Đàm Trần Thị là Tông Tịnh, tông (宗) là gốc, là chủ, tịnh (淨) là tu tịnh nghiệp để cầu sanh về cõi Phật thanh tịnh thế giới Cực Lạc. Muốn sanh về Tịnh độ, hãy nên lấy ăn chay, niệm Phật, kiêng giết, bảo vệ sanh mạng làm gốc. Do sát nghiệp trong đời trước mà cảm thành quả báo gặp phải sát kiếp này. Nay do ba nghiệp thân miệng ý thanh tịnh, kèm thêm ba pháp tín nguyện hạnh sẽ tương ứng với thệ nguyện to tát, lớn lao của A-di-đà Phật. Đến khi lâm chung, chắc chắn cậy vào Phật từ lực tiếp dẫn vãng sanh. Lợi ích ấy chẳng thể tuyên nói bằng lời lẽ hay văn từ được đâu! Xin hãy đem ý này nói với bà ta và hết thảy mọi người.

Ngoài ra, còn kèm theo Một Bức Thư Trả Lời Khắp là khai thị chu đáo nhất, đơn giản nhất, rõ ràng nhất. Hãy tự giữ một phần và cho bà Đàm một phần để mọi người đều được xem. Lại còn có một trang dược phương cũng khá thần hiệu. Toa cai thuốc phiện, trị bệnh đau lói vì ứ hơi ở gan và bao tử, dẫu là danh y hay Tây y cũng không thể trị được, nếu dùng toa này thì đều hễ trị liền khỏi. Xin đừng coi thường rồi bỏ qua!

356. Thư gởi cư sĩ Tông Tịnh

Mấy hôm trước nhận được thư bà, liền gởi ngay cho bà một gói Văn Sao Tục Biên, hình chụp được kẹp trong trang đầu cuốn sách. Cái chết của con bà về mặt sự là do lầm thuốc, nhưng thật ra là nhằm dẫn dắt bà niệm Phật vãng sanh, siêu phàm nhập thánh. Đừng bi ai, hãy nên sanh lòng vui mừng, may mắn! Các kinh sách Tịnh độ bà đã đều đọc cả rồi, chớ nên vẫn giống như hạng phụ nữ vô tri vô thức. Đang trong lúc đại kiếp tàn phá rỗng toang cả trời đất này, hãy nên lấy thân

làm gương để tự hành, dạy người, khiến cho khắp những ai hữu duyên đều cùng tu tịnh nghiệp, cùng sanh về Tây Phương.

Gần đây nữ giới đúng là đã biến thành yêu tinh, trang điểm còn lòe loẹt hơn bọn gái làng chơi. Bà hãy nên nghiêm túc giữ theo quy cách cũ, thống thiết gột rửa những thói xấu theo đuổi thời trang; áo vải, dép vải là được rồi, đừng mặc áo lượt là lộng lẫy. Đừng giồi phấn, đừng bôi nước hoa; vâng giữ giáo huấn của thánh nhân "trang điểm lả lơi sẽ khơi gợi lòng dâm nơi kẻ khác" để hết thảy mọi người trông thấy bà đều sanh lòng khâm phục, kính trọng. Những kẻ ham chuộng thời trang chính là nhằm làm cho hết thảy mọi người khởi tâm ô nhiễm đối với họ! Há chẳng phải là tự khinh thường, tự rẻ rúng hay sao? *"Quân tử chánh kỳ y quan, tôn kỳ chiêm thị, nghiễm nhiên nhân vọng nhi úy chi"* (Quân tử áo mũ ngay ngắn, nhìn ngó đàng hoàng, tư thái trang trọng khiến người khác trông thấy phải kính nể). Như thế thì hết thảy mọi người đều sanh lòng kính trọng, rồi lại nói với họ về pháp môn Tịnh độ, ắt họ sẽ cảm động sâu xa.

Xin hãy đọc kỹ bài Tịnh Độ Quyết Nghi Luận trong bộ Văn Sao Tăng Quảng Chánh Biên và lá thư gởi cho hòa thượng Quảng Huệ ở núi Ngũ Đài trong bộ Văn Sao Tục Biên thì sẽ biết rõ nguyên do của pháp môn Tịnh độ, sẽ có thể ở trước hết thảy mọi người tùy ý diễn nói. Có một phụ nữ Hồi Hồi ở Vu Hồ tin tưởng Phật pháp sâu xa, năm ngoái gởi thư xin quy y, bà ta thường khuyên người khác niệm Phật. Có một Nho sĩ cực thông minh chẳng tin nhân quả, chẳng tin Phật pháp. Bà ta cùng người ấy biện luận, bảo ông ta đọc Văn Sao, ông ta đọc chưa được mấy thiên đã cậy bà ta xin quy y giùm. Đấy chính là vì bà ta nghiêm trang đoan chánh khiến người ta phải phục, do vậy người ta kính vâng theo lời. Nếu trang điểm như yêu tinh, làm sao có thể khiến cho người có đại học vấn tin tưởng hành theo được ư? Người Hồi Hồi khó giáo hóa nhất! Cha mẹ, anh em, thân thích của bà ta cũng rất kính trọng bà, nhưng chẳng chịu nghe theo bà ta ăn chay niệm Phật. Những người được bà ta khuyến hóa đều là người Hán. Ông Mã Thuấn Khanh ở Hồ Nam cũng là người Hồi Hồi (trong Văn Sao Tăng Quảng Chánh Biên có lá thư gởi cho ông ta), vợ chồng và sáu đứa con đều quy y, chứ chẳng có một người Hồi Hồi nào khác.

357. Thư trả lời cư sĩ Đức Thành

Thư ông nói toàn những lời náo nhiệt, bùi tai, hãy gấp nên tự chế, phàm những chuyện nào chẳng làm tới nơi tới chốn được, quyết chẳng chịu nói. Ông hãy đem lời phát nguyện biến thành chuyện thực hành thường ngày, chuyện nào cũng làm đến nơi đến chốn như nhau. Phát nguyện vốn nhằm để mong mỏi sâu xa nên không vướng khuyết điểm mà còn có ích lợi lớn lao. Nếu là hằng ngày thường

làm được thì hãy nên nói; nếu làm không được mà cứ thường nói, lâu ngày sẽ bị ma dựa. Chỉ chuyên nói suông, chẳng thực hành mảy may nào mà nếu chẳng thống thiết sửa đổi, chắc chắn sẽ chết vì ma.

Ông và một gã trẻ tuổi ở vùng Quan Đông[162] đúng là do cùng một mẹ sanh ra! Chàng ta gởi thư xin quy y, hai ba năm sau gởi thư đến nói "muốn được thông hiểu khắp các tông của Phật giáo, thông hiểu ngôn ngữ của khắp mọi nước, muốn truyền bá Phật giáo khắp toàn cầu". Quang nói: "Như lời ông nói thì bậc Pháp thân đại sĩ từ xưa vẫn chưa thể làm được. Ông là hạng người nào mà chẳng tự lượng vậy? Nếu vẫn không sửa đổi, sau này ắt sẽ chết vì ma dựa." Hai ba năm sau nữa, anh ta nhất quyết muốn xuất gia, Quang giữ vững ý nguyện vĩnh viễn chẳng thu nhận đồ đệ, thầy Minh Đạo chèo kéo anh ta đến xuất gia. Anh ta là con người khá chất phác, trọn không chí dũng mãnh siêng học. Chuyện không thuộc về bổn phận của mình, bất cứ ai cần đến cũng chẳng chịu nhọc nhằn thay cho người khác. Lời ông đã nói nếu có thể làm được thì còn tốt đẹp; chứ nói rồi mà suốt đời cũng chẳng làm được, đem nói với kẻ vô tri thì còn có thể làm cho họ tin tưởng hoặc chẳng tin, nếu đem nói với người hiểu biết, người ta sẽ xem ông chẳng đáng nửa đồng!

Ông xem các sách rồi mà vẫn chẳng có kiến thức chọn thầy hỏi bạn, cứ cầu Quang khai thị; ông chân thật mong cầu hay nhằm phô sự cuồng vọng vậy? Chuyện xuất gia đã thỏa, còn hỏi tôi làm chi? Đủ thấy ông hoàn toàn theo thói sáo rỗng. Quang một mực chẳng ưa thói sáo rỗng, nên đặc biệt nói thẳng thừng không úp mở nhằm mong hữu ích cho ông. Chịu nghe hay không, tùy ý ông! Xuất gia rồi đừng tới Linh Nham, sợ tánh cách của ông chẳng hợp với đạo tràng ấy sẽ thành vô ích. Quang già rồi, mục lực chẳng đủ, từ rày đừng gởi thư đến nữa, gởi đến, tôi quyết không trả lời; bởi lẽ các kinh sách và Văn Sao ông đâu có tuân theo thì cần gì phải có một bức thư nữa đây?

358. Thư trả lời cư sĩ Lâm Phố

Bệnh di truyền cũng do túc nghiệp cảm thành, hãy nên chí thành khẩn thiết niệm thánh hiệu Phật và Quán Âm sẽ có thể được lành, chẳng còn di truyền nữa. Nói đến cửa ngõ giải thoát thì chỉ có một pháp tín nguyện niệm Phật cầu sanh Tây Phương, đây chính là pháp môn cậy vào Phật lực để có thể thực hiện xong chuyện liễu sanh tử ngay trong đời này. Nếu ai chẳng chuyên tu pháp này mà tu các thứ pháp môn khác thì hạng phàm phu sát đất chẳng thể thực hiện được

[162] Quan Đông là danh từ chỉ chung ba tỉnh thuộc phía Đông Bắc Trung Hoa, tức Liêu Ninh, Hắc Long Giang và Cát Lâm.

chuyện liễu sanh tử trong một hai đời được. Chúng ta từ vô thủy đến nay vẫn luân hồi trong sanh tử đều là vì trong khi luân hồi vẫn chưa gặp được pháp môn Tịnh độ, hoặc đã gặp nhưng chưa tu mà ra. Nay may mắn gặp gỡ, đừng để luống qua. Nay đặt pháp danh cho ông là Tông Tín, do ba pháp tín nguyện hạnh là chánh tông của Tịnh độ; điều cần thiết đầu tiên là lòng tin chân thật, có lòng tin chân thật, nhất định sẽ có nguyện chân thật, hạnh chân thật, nếu không thì chẳng gọi là "lòng tin chân thật". Một pháp niệm Phật còn có thể siêu phàm nhập thánh, huống là chẳng chữa lành được bệnh di truyền ư?

Đã quy y Phật pháp, ắt phải tận lực thực hiện tám đức "hiếu, đễ, trung, tín, lễ, nghĩa, liêm, sỉ" và sáu sự "cách vật, trí tri, thành ý, chánh tâm, tu thân, tề gia" để mong đất nước bình trị, thiên hạ thái bình. Cổ nhân nói "thiên hạ chẳng yên, thất phu có trách nhiệm", trách nhiệm ấy nằm nơi đâu? Nằm ở chỗ "vật dục chẳng bị trừ khử". Nếu chịu trừ khử, ắt sẽ trí tri, ý thành, tâm chánh, thân tu (một người được như thế thì cũng đã có lợi ích lớn lao, ai nấy đều như thế sẽ thái bình). "Vật" (物) là gì? Chính là những tư dục trong tâm. "Cách" (格) là "cách trừ" (trừ khử), loại bỏ. Trong tâm con người không có tư dục thì tri kiến tự chánh. Ví như kẻ yêu vợ, yêu con, do trong tâm tình thương yêu lấp chặt, trọn chẳng thấy được những điều xấu của vợ con. Nếu không có tình yêu sẽ thấy ngay vợ con đúng hay sai như gương soi bóng, một tí ti cũng chẳng lầm lẫn.

Chớ nên hiểu theo cách họ Chu chú giải: "Thúc đẩy tri thức của ta đến cùng cực là trí tri, thấu hiểu cùng tận lý của mọi sự vật trong thiên hạ là cách vật." Nếu nói như thế thì ngay cả thánh nhân cũng chẳng làm được! Chuyện chánh tâm thành ý dẫu là thất phu, thất phụ không biết một chữ nào, chỉ cần không có lòng ham muốn thiên vị, riêng tư đều có thể làm được. Tám chuyện "cách, trí, thành, chánh, tu, tề, trị, bình" nếu luận trên mặt gốc chỉ là một chuyện "cách vật" (格物: trừ khử vật dục), vật dục đã được trừ khử rồi, sự thấy biết sẽ đạt đến tột cùng (trí tri: 致知), ý thành, tâm chánh, thân tu. Họ Chu biến cội gốc cực thân thiết, cực đơn giản, dễ dàng thành cành nhánh cực xa xôi, cực lợt lạt, cực khó thể cùng tận, chôn vùi gốc đạo trị thiên hạ của thánh nhân, đến nỗi kẻ hậu học học theo thánh nhân mà chẳng hiểu được pháp tắc để thực hiện một cách thân thiết nhất, nên hoàn toàn chú trọng chuyện bên ngoài chứ không tự phản tỉnh bề trong. Đã thế lại còn đả phá, bài xích sanh tử luân hồi, nhân quả báo ứng, cho là không có, đến nỗi hoại loạn ngũ luân, bát đức, phá sập phên giậu đạo đức. Tội ác khiến cho hết thảy sanh linh lầm than đều phát sanh bởi đây, chẳng đáng buồn ư? Bệnh di truyền ấy rất lớn, rất độc, nếu chẳng phải là bậc đại y vương Đại Giác Thế Tôn sẽ chẳng thể trị được.

Lời này Quang chỉ nói với ông, ông đừng nói bừa với kẻ vô tri. Nếu không, sợ rằng mọi người đều tuốt kiếm đứng lên, sẽ không có cách nào cứu được đâu. Đã quy y Phật, ắt phải giữ vẹn luân thường, trọn hết bổn phận, dứt lòng tà, giữ lòng thành, đừng làm các điều ác, vâng giữ các điều lành, kiêng giết, bảo vệ sanh mạng, ăn chay, niệm Phật, dùng lòng tín nguyện sâu cầu sanh Tây Phương. Dùng điều này để tự hành, lại còn đem dạy người, ngõ hầu chẳng uổng cuộc đời này, chẳng uổng dịp gặp gỡ này.

Nghề nghiệp của Hoa Tôn hơi khó tu trì, nhưng hễ có lòng thành sẽ tự có cảm ứng. Nay tôi dùng một chuyện để làm chứng. Nơi đường lớn phía trong cửa Phụ Thành, Bắc Kinh có quán bán thức ăn mặn lớn tên là Cửu Như Xuân, buôn bán rất phát đạt. Một đêm, viên quản lý mơ thấy vô số người đến đòi mạng, tâm biết là những con vật bị giết, bèn nói với họ: "Tôi chỉ có một thân, đền mạng cho các vị đông như vậy thì đền tới chừng nào mới xong? Từ nay tôi chẳng theo nghề buôn bán này nữa, sẽ thỉnh bao nhiêu đó vị hòa thượng niệm kinh, niệm Phật siêu độ cho các vị, được chăng?" Đa số trả lời "được", chỉ có một số ít không bằng lòng, nói: "Ngươi vì mấy đồng hoặc vì mấy cắc bạc mà giết bọn ta khổ sở lắm. Nếu làm vậy thì thuận tiện cho ngươi quá!" Nhóm đa số khuyên nhóm thiểu số: "Nếu hắn chịu làm như vậy, tốt đẹp cho cả đôi bên, nhận lời hắn đi!" Nhóm thiểu số nói: "Hắn có thật sự làm được thì mới tốt." Viên quản lý nói: "Nhất định thực hiện được. Nếu không, các ông lại đến tìm tôi." Do vậy, bọn họ liền bỏ đi.

Nhằm đúng lúc ấy là canh năm phải giết loài vật, phổ ky[163] thức dậy sắp giết; gà, vịt v.v. đều chạy tứ tán ra khỏi chuồng, họ vội mời viên quản lý thức dậy để thưa chuyện. Viên quản lý nói: "Hôm nay chúng ta không mở cửa, không giết những con đã bỏ chạy. Những con ở trong tiệm thì nhốt lại, con nào bỏ chạy rồi cứ để mặc cho nó đi." Ngày hôm sau, mời các cổ đông (người góp vốn) đến thuật lại giấc mộng hồi đêm, từ bỏ chuyện làm ăn, quyết định không làm nữa. Cổ đông nói: "Ông đã không muốn sát sanh, chúng ta thay đổi chương trình cũng chẳng trở ngại gì, biến thành quán ăn chay." Bèn đổi thành quán đồ chay, vẫn mang tên là Cửu Như Xuân. Do vậy người ăn chay rất đông, càng phát đạt hơn.

Nếu ông có thể phát tâm lợi người lợi vật chí thành niệm Phật và niệm thánh hiệu Quán Âm để cầu gia bị thì người góp vốn và người quản lý đều bỏ được chuyện giết heo, bởi cửa tiệm bán hàng hóa mua về từ kinh đô là chuyện chánh, bán thịt chỉ là chuyện kèm thêm. Ông nói ngồi niệm trên giường sợ mắc tội khinh

[163] Nguyên văn là "khỏa kế". Thông thường, những người cùng giúp việc kiếm ăn cho mình được gọi là khỏa kế (夥計). Do vậy, những người hầu trong các tiệm ăn cũng được gọi là khỏa kế. Ta thường đọc chữ này theo giọng Quảng Đông thành phổ ky.

nhờn là vì chẳng biết khi ngủ cũng niệm được, nhưng niệm thầm, đừng niệm ra tiếng. Mẹ ông thương yêu ông, nói ăn chay thân thể gầy yếu; cụ chẳng biết ăn thịt có chất độc, chẳng hợp phép dinh dưỡng, lại còn phải nợ mạng. Hãy nên uyển chuyển khuyên mẹ ông ăn chay niệm Phật, cầu sanh Tây Phương, cũng nên bảo vợ con ăn chay. Nếu chẳng thể ăn chay hoàn toàn thì nói chung phải chú trọng kiêng sát sanh trong nhà. Dẫu mua thứ đã làm sẵn cũng không nên ăn nhiều. Ăn nhiều phải trả nhiều, ăn ít trả ít, không ăn không phải trả. Nếu ông có thể khiến cho người góp vốn và viên quản lý trong tiệm cảm động thì sau này những người tiếp tục đề xướng sẽ nhiều. Công đức ấy do ông khởi đầu, lợi ích lớn lắm.

Nên thường đọc Văn Sao hoặc Gia Ngôn Lục (Sách này trích lục những điều thiết yếu từ Văn Sao, trình bày theo lối chia môn, phân loại để người mới học dễ xem đọc). Nay đặt pháp danh cho ông là Tông Nguyện (tông là chủ, có chủ (tức chủ kiến) thì sẽ chẳng bị những thứ khác xoay chuyển). Niệm Phật có tín nguyện, quyết định sẽ được vãng sanh Tây Phương khi lâm chung; không có tín nguyện thì chỉ được phước báo trời người mà thôi. Có tín không có nguyện thì chẳng gọi là chân tín, có nguyện mà không có tín thì chẳng gọi là chân nguyện, hai pháp tín nguyện như hai bánh của cái xe, như hai cánh của con chim, thiếu một chẳng thể được. Nay gởi cho hai người bọn ông mỗi người một cuốn Đồng Mông Tu Tri[164], cuốn sách này tuy nhỏ nhưng những sự tích cảm ứng về Phật học được in kèm theo sách ấy và năm bài văn do Quang viết đều có quan hệ lớn đối với thế đạo nhân tâm.

Chuyện sữa bị biến thành chất độc khi người mẹ nóng giận giết chết trẻ thơ các nhà danh y xưa nay chưa hề tìm ra. Biết sữa của người nóng giận bừng bừng sẽ giết trẻ thì sẽ biết ăn thịt gây tổn hại lớn lao cho con người. Nợ mạng, đền mạng là chuyện thuộc về đời sau. Sữa độc giết trẻ một khi được chỉ rõ liền biết những người phụ nữ sanh nhiều mà không nuôi được mấy và con cái lắm bệnh đều do người mẹ ưa nóng giận mà ra. Nóng giận đùng đùng mà cho con bú con sẽ chết ngay; nóng giận vừa vừa, tuy con chẳng chết ngay, ắt sẽ thường bị bệnh. Phàm muốn cho con cái khỏe mạnh, không bệnh, hãy nên tập thành tánh nhu hòa thì mới được. Xin hai vị hãy suy xét cặn kẽ!

359. Thư trả lời cư sĩ Thái Chương Thận

Hôm qua nhận được thư, khôn ngăn hổ thẹn. Quang già rồi, mục lực lẫn tinh thần đều chẳng đủ, những chuyện sai khiến bút mực bên ngoài đều nhất loạt chẳng

[164] Đồng Mông Tu Tri (trẻ nít nên biết) là một tài liệu do Chu Hy biên soạn vào đời Tống nhằm làm tài liệu dạy dỗ trẻ nhỏ về đức dục, khuôn phép ứng xử. Đến đời Thanh, ông Lý Dục Tú rút gọn thành cuốn Đệ Tử Quy.

thể thực hiện được, do vậy miễn cưỡng viết tám chữ cho xong trách nhiệm. Trộm nghĩ đạo làm rạng danh cha mẹ nằm nơi nghiêm túc dạy dỗ con cháu để ai nấy đều sửa đức mình và chuyên dốc tu tịnh nghiệp ngõ hầu tăng trưởng, phát khởi những điều tốt lành, trăm đời hưng thịnh. Các hạ đích thân soạn văn bia, hãy nên khắc chữ theo lối viết thiếp, để cho con cháu mình và lũ hậu bối trong làng ấp đều được đọc tụng, phỏng theo, ai nấy đều mạnh mẽ nức lòng, tận lực thực hành sẽ có lợi ích lớn lao. Mười mấy năm trước, Quang đã viết bài tựa nêu tỏ những điều ẩn kín trong cuốn sách kỷ niệm sự vãng sanh của mẹ ông Khang Ký Dao, lời văn cực vụng về, chất phác, nhưng ý thì chấp nhận được (xem trong Ấn Quang Văn Sao Tăng Quảng Chánh Biên, quyển 4, trang 14, 15 nơi phần Tạp Trước), nếu ông chẳng ngại dùng ngòi bút tài hoa để nêu tỏ những ý nghĩa trong bài văn ấy, ắt sẽ có ích cho thế đạo nhân tâm. So với việc chỉ phô bày cảnh núi sông thêm đẹp đẽ và lòng hiếu thảo lo xây dựng mộ phần sẽ khác biệt vời vợi hệt như một trời một vực.

(Ngày 25 tháng 9)

360. Thư trả lời cư sĩ niệm Phật

Hôm qua nhận được thư gởi đến, biết rõ từng điều. Gần đây tôi đã soạn lời giải thích xác đáng về "cách vật trí tri", nay trình bày với ông. Giải rằng: *"Cách trừ huyễn vọng tư dục vật, trí hiển trung dung bỉnh di tri"* (Trừ khử vật huyễn vọng tư dục sẽ đạt đến sự hiểu biết rõ ràng đạo trung dung, vâng giữ luân thường). Chữ "vật" (物) ở đây chính là những tư dục chẳng hợp với lẽ trời tình người trong tâm, hễ có tư dục thì sở tri sở kiến đều lệch lạc chẳng chánh đáng. Nếu trừ khử được những tư dục huyễn vọng không thật ấy thì sở tri sở kiến sẽ chẳng lệch, chẳng khác, tức là chánh tri sẵn có trong bản tâm sẽ tự hiển hiện, nhất cử nhất động đều hợp tình hợp lý, trọn chẳng lệch lạc, tà vạy. Đấy chính là đại pháp để tu dưỡng chính mình, trị tâm do thánh nhân lập ra cho thiên hạ trong đời sau. Tu tề trị bình ở tại đấy, mà siêu phàm nhập thánh cũng bởi đấy. Dụng công ở nơi đấy sẽ đỡ tốn sức nhất, tùy theo công phu sâu hay cạn của mỗi người mà lợi ích đạt được là thành hiền, thành thánh, thậm chí thành Phật đều do đây mà được, huống là những sự thấp kém hơn ư?

Tiếc cho những nhà Nho đời sau không suy xét, cứ hiểu "vật" là "sự vật", hiểu "tri" là "tri thức", tức là xem cội gốc của mọi cội gốc như cành nhánh của mọi cành nhánh, rồi lại tưởng cành nhánh của mọi cành nhánh là cội gốc của mọi cội gốc. Chẳng những không hiểu được ý thánh nhân, mà còn làm rối loạn văn của thánh nhân nữa. Vì sao nói thế? Do muốn ý được chân thành, trước hết phải hiểu thấu suốt, đạt đến mức hiểu thấu suốt là nhờ "cách vật" (trừ khử vật dục). Điều

này hết sức đỡ tốn công, hết sức giản tiện, hễ nghĩ tới liền hiểu được cách; thế mà lại bỏ đi không nhắc tới, cứ dạy người ta thúc đẩy tri thức đến cùng cực, thấu hiểu cùng tận lý của mọi sự vật trong thiên hạ để mong thành ý chánh tâm thì khắp cả cõi đời cũng khó kiếm được người nào. Do Tống Nho hiểu lầm "vật" là "vật bên ngoài" nên sau này nhà Nho chỉ nói "chánh, thành" chứ chẳng nhắc đến "cách, trí". Lý này cực sáng tỏ, rõ ràng, nhưng những kẻ tự xưng truyền thừa tâm pháp của thánh nhân lại hiểu sai đến nỗi đạo "sửa mình, trị tâm" do thánh nhân dạy cho con người bị lu mờ, úng tắc, không thể nào tỏa rạng được, chẳng đáng buồn ư?

Nếu chuyên chú trọng tự sửa đổi, đối trị chính mình thì một pháp cách vật (trừ khử vật dục) cũng đủ dùng; vì hễ khử được tư dục thì mọi điều ác đều trừ, mọi điều thiện đều sanh, nên nói là "đủ dùng". Nếu muốn cho người trong khắp cõi đời đều bỏ được tư dục để hiển lộ chánh trí mà không đề xướng nhân quả báo ứng sẽ không thể được. Bởi lẽ, hễ ai muốn tự lợi sẽ chẳng rảnh đâu để xem xét coi những gì mình làm có lợi hay gây hại cho người khác. Nếu biết thiện ác nhân quả như bóng theo hình, như tiếng vang ứng theo âm thanh; âm thanh hòa hoãn thì tiếng vang dễ nghe, hình ngay ngắn thì bóng đoan chánh. Hiểu được điều này, chẳng mong người khác cách vật mà họ sẽ tự chịu cách vật.

Vì thế, Khổng tử khen ngợi Chu Dịch, vừa mở đầu liền nói: *"Tích thiện chi gia, tất hữu dư khánh. Tích bất thiện chi gia, tất hữu dư ương"* (Nhà tích thiện điều vui có thừa, nhà tích điều bất thiện, tai ương có thừa). "Tích thiện, tích bất thiện" là nhân; "dư khánh, dư ương" là quả. Cơ Tử giảng giải thiên sách Hồng Phạm, cuối cùng mới nói: *"Hưởng dụng ngũ phước, oai dụng lục cực"* (Thuận theo thì được năm thứ phước, trái nghịch sẽ bị sáu điều xấu). Câu này quả thật nói rõ cái nhân trong đời trước, cái quả trong đời này. "Hưởng" (嚮) chính là thuận, "dụng" (用) là lấy, là được, chữ "oai" (威) nên hiểu nghĩa là trái nghịch, "cực" (極) là cùng quẫn, tai ách. Vì vậy câu "hưởng dụng ngũ phước, oai dụng lục cực" nên hiểu là do những hành vi trong đời trước trái nghịch chánh đạo, nên đến nỗi đời này hứng chịu những quả cùng quẫn, tai ách ấy.

Những nhà Nho đời sau chẳng xét đến văn lý, một mực quy lục cực về sự cai trị của nhà vua, thành ra trái nghịch thiên lý, vu báng sự cai trị của nhà vua. Trẻ nhỏ sanh trong nhà phú quý liền hưởng phước, sanh vào nhà nghèo hèn liền chịu khổ, há có phải là do sự cai trị của nhà vua khiến chúng nó phải sanh vào những chỗ khác nhau như vậy ư? Điều thứ tư trong ngũ phước là du hảo đức (thường chuộng đức), chính là thói quen tu đạo tu đức trong đời trước. Điều thứ nhất là thọ, điều thứ hai là phú, điều thứ ba là khang ninh (khỏe mạnh, bình yên), điều thứ năm khảo mạng chung (chết tốt lành) chính là quả báo được cảm vời do đời

trước tu đạo tu đức. Điều thứ nhất trong lục cực là hung đoản chiết (xui xẻo, chết yểu), điều thứ hai là tật (bệnh tật), điều thứ ba là ưu (lo lắng), điều thứ tư là bần (nghèo), điều thứ năm là ác (diện mạo xấu xí gọi là ác), điều thứ sáu là nhược (thân yếu đuối gọi là nhược), chính là quả báo do đời trước làm nhiều chuyện chẳng hợp đạo nghĩa. Há có nên quy hết vào sự cai trị của nhà vua ư?

361. Thư trả lời cư sĩ Từ Giám Chương

Hôm trước nhận được thư con, biết con tuổi trẻ phát tâm tu tịnh nghiệp, khôn xiết vui mừng, an ủi! Mong con hãy cung kính đọc kỹ càng Tịnh Độ Ngũ Kinh, Thập Yếu sẽ hiểu tường tận nguyên do của pháp môn Tịnh độ. Các pháp môn được nói trong cả một đời đức Phật đều cậy vào tự lực để tu trì, đoạn hoặc chứng chân hòng liễu sanh tử, khó khăn lắm, khó hơn lên trời! Nếu dùng tín nguyện niệm Phật cầu sanh Tây Phương thì vạn người tu vạn người về. Nhưng phải giữ vẹn luân thường, trọn hết bổn phận, dứt lòng tà, giữ lòng thành, đừng làm các điều ác, vâng giữ các điều lành, ăn chay, niệm Phật, cầu sanh Tây Phương. Dùng những điều này để tự hành, lại dạy cho người khác, khiến cho khắp hết thảy mọi người cùng tu tịnh nghiệp, cùng sanh Tịnh độ.

Con tuổi còn trẻ dại, phải hết sức chú ý giữ gìn thân thể, hãy nên đọc kỹ cuốn Dục Hải Hồi Cuồng trong bộ An Sĩ Toàn Thư và Thọ Khang Bảo Giám. Có nhiều thiếu niên khi ý niệm tình dục khởi lên bèn thủ dâm, chuyện ấy gây tổn thương thân thể cực lớn, chớ nên phạm. Hễ phạm chính là tự tàn hại thân mình, nhơ bẩn tự tâm, khiến cho thân thể hữu dụng bị chết yểu, hoặc thành phế nhân bấy bớt không nên cơm cháo gì. Hằng ngày phải phản tỉnh, quán sát tội lỗi nơi thân tâm, ngõ hầu chẳng đến nỗi tự tàn, tự hại. Nếu không, cha mẹ chẳng nói, sư trưởng không nói, bạn bèn đàn đúm xúi giục nhau đến nỗi thành ra thói ác ấy. Nguy hiểm lắm, còn hơn vào vực sâu, đi trên băng mỏng!

Tăng tử mang tư cách đại hiền mà đến khi sắp chết mới nói: "Kinh Thi chép: 'Dè dặt kinh sợ, như vào vực sâu, bước trên băng mỏng', từ nay trở đi, ta biết thoát khỏi." Chưa đến lúc sắp chết, vẫn thường dè dặt, kinh sợ, biết mình ắt có chỗ thiếu sót; nay sắp chết rồi, mới biết mình không thiếu sót. Cừ Bá Ngọc năm 20 tuổi, biết 19 năm trước sai trái; đến khi tuổi tròn 50, biết 49 năm trước sai trái. Khổng tử vào độ tuổi 70, vẫn mong trời cho sống mấy năm nữa, hoặc dăm mười năm để học Dịch, ngõ hầu tránh khỏi lỗi lớn. Đấy chính là cách dưỡng tâm giữ ý, phản tỉnh, quán sát của thánh hiền, là cơ sở để học Phật liễu sanh tử vậy. Những điều khác đã nói tường tận trong Văn Sao và các sách khác, nên không ghi cặn kẽ.

Con tên là Giám Chương, lại thêm có chánh trí tuệ thì không gì chẳng hợp với Phật, với thánh, không gì chẳng đúng pháp thế tục. Người đời nay hơi thông minh bèn cuồng vọng. Đấy đều là chẳng biết nghĩa lý *"vị học nhật ích, vị đạo nhật tổn"* (với việc học thì mỗi ngày tăng thêm, với việc đạo thì mỗi ngày giảm bớt). "Vị học nhật ích" là đem đạo đức thánh hiền cất chứa trong thân tâm ta; "vị đạo nhật tổn" là nghiêm túc phản tỉnh, quán sát, để khởi tâm động niệm trọn chẳng có tội lỗi gì. Nếu không, chỉ là bậc văn tài lỗi lạc, đã chẳng thể vì việc học, huống là vì đạo ư? Hiện nay thời cuộc nguy hiểm, hãy nên khuyên hết thảy già trẻ trai gái hằng ngày thường kiền thành niệm thánh hiệu Quán Âm để làm thượng sách cầu hòa bình, giữ gìn thân mạng. Ngoài cách này ra, không còn tìm được cách nào khác nữa đâu!

(Ngày 26 tháng 7)

362. Thư trả lời anh em Úc Liên Xương

Cha ông do bệnh tật mà toan ăn thịt là vì chẳng biết hết thảy chúng sanh đều là cha mẹ trong quá khứ, là chư Phật trong vị lai, cho nên mặc tình giết ăn. Nếu biết là cha mẹ trong quá khứ, là chư Phật trong vị lai, cái tâm tham vị ngon ấy sẽ ngay lập tức tiêu diệt chẳng còn. Ở đất Tần ta trước khi xảy ra loạn Hồng Dương, một người dân quê ở huyện nọ tại Hưng An cùng với mẹ sống trong cảnh nghèo khó. Người con đi làm thuê để nuôi mẹ; về sau mẹ chết, chỉ trơ trọi một mình, người con liền chẳng sốt sắng đi làm thuê nữa. Một bữa nọ ngủ ngày, mộng thấy mẹ đau đớn khóc lóc đến nói: "Mẹ chết đi biến thành lợn, nay đang ở chỗ X…, gã Y… nọ sắp giết mẹ, con hãy mau đến cứu mẹ." Người ấy kinh hoảng, tỉnh giấc, liền sang chỗ đó, thấy người giết lợn khớp với giấc mộng, nhưng lợn đã bị giết rồi! Do vậy đau đớn không chịu nổi, lăn lộn trên đất, gào khóc mất cả tiếng. Có người hỏi đến, do không có tiền để mua con lợn bị chết ấy bèn nói: "Lòng tôi đau khổ, chẳng tiện nói thẳng ra!" Từ đấy phát tâm ăn chay.

Do anh ta là kẻ dân ngu trong làng chẳng biết pháp môn tu hành, bèn đi quyên hóa dầu thắp đèn, hễ được một gánh đầy, liền gánh sang núi Võ Đang để cúng đèn trong Kim Điện[165]. Anh ta quyên mộ người khác, quy định tiền dầu thắp cho mỗi một ngọn đèn là ba đồng; tiền ấy dùng để mua hương, nến, trái cây, đã đưa sang đấy mấy lần. Về sau, có một gã đầu sỏ ngoại đạo muốn tạo phản, do sự việc

[165] Kim Điện được xây trên đảnh núi Thiên Trụ tức ngọn núi chánh của rặng Võ Đang thuộc tỉnh Hồ Bắc. Kim Điện thường được gọi là Kim Đảnh, xây từ năm Vĩnh Lạc 14 (1416) nhà Minh, là kiến trúc bằng đồng lớn nhất Trung Quốc. Toàn bộ ngôi điện được ghép bằng những phần nhỏ đúc bằng đồng, chạm trổ hết sức tinh xảo. Trong điện thờ Huyền Thiên Chân Vũ Đế Quân (Huyền Thiên Thượng Đế) có đại tướng Thủy Hỏa (Quy - Xà nhị tướng) đứng hầu hai bên.

bị tiết lộ bèn bỏ trốn, quan phủ sai vẽ hình tróc nã khắp nơi. Do gã ấy có cùng tên họ, tướng mạo với anh chàng quyên hóa dầu; anh chàng đi quyên hóa dầu liền bị bắt giữ. Anh ta thưa trình chuyện mẹ bị biến thành lợn nên quyên hóa dầu, nhưng quan không tin. Quan lại bắt được cuốn sổ ghi tên đến mấy ngàn người, vốn là tên của những người cúng tiền mua dầu, bèn coi đó là danh sách tạo phản. Anh ta bị khổ hình tra khảo tại dinh quan huyện Trúc Khê thuộc ranh giới tỉnh Hồ Bắc; nhân đó quan gán tội, phán án xử tội chết.

Lại giải lên phủ Vân Dương phúc thẩm. Tới phủ, anh ta kêu oan, nhân đó thuật chuyện do mẹ biến thành lợn mà quyên hóa dầu. Tri phủ rất có cao kiến, do thấy vẻ mặt người ấy hết sức từ thiện, quyết chẳng phải là kẻ tạo phản, nghe anh ta kể chuyện mẹ bị biến thành lợn, bảo: "Lời ngươi nói đó, bổn phủ chẳng tin, hôm nay bổn phủ buộc ngươi thôi ăn chay", sai dọn ra một bát thịt, ép ăn. Người ấy một tay bưng bát, một tay cầm đũa, Tri phủ vỗ "tỉnh mộc"[166] thúc anh ta gắp ăn. Người ấy gắp một miếng thịt, chưa đưa đến miệng liền ói ra một bụm máu. Tri phủ mới biết anh ta bị vu cáo, liền tống đạt công văn xuống huyện Trúc Khê gỡ tội cho anh ta, bảo đi xuất gia ở chùa Liên Hoa thuộc biên giới huyện Trúc Khê.

Do chùa Liên Hoa thuộc quyền quản trị của quan Trấn đài Hưng An lẫn Trấn đài Vân Dương, vào tháng 10 mỗi năm hai tỉnh mở hội tranh tài tại chùa này, nên chùa có tiếng. Người ấy sau khi xuất gia nhất tâm niệm Phật khá có cảm ứng. Về sau, trở về quê cũ ở Thiểm Tây, người địa phương gọi là Châu lão thiền sư, dựng nên hai ngôi miếu nhỏ. Khi loạn Hồng Dương nổ ra, đồ đệ, đồ tôn đều trốn hết, sư sắp thị tịch bèn nói với người làng: "Sau khi ta chết, nên bỏ vào chum, xây một cái tháp. Ba năm sau mở tháp ra xem. Nếu đã rữa nát thì thiêu đi; nếu không rữa nát thì thờ bên cạnh đại điện." Về sau, mở tháp ra, xác chưa rữa nát, bèn thờ trong đại điện. Sư hiện thân làm con trai quan huyện bên cạnh đi khám bệnh, bệnh lành chẳng nhận lễ tạ, nói: "Nếu ngươi nghĩ đến ta thì đến chùa X… ở chỗ Y… để thăm hỏi." Sau người ta đến chùa thăm viếng, nhà chùa nói: "Đấy là tên của vị tăng được thờ trong đại điện", đọc tên thấy chính là ngài. Do vậy hương đèn suốt năm chẳng ngớt. Vị ấy chính là sư công[167] của vị hòa thượng truyền giới cho Quang vậy. Đã 58, 59 năm, tên người, tên chùa đều quên hết.

[166] Tỉnh mộc (Thiền gia thường gọi là thủ xích, hoặc gọi tắt là xích) là một khối gỗ nhỏ, có thể nắm gọn trong tay thường được các quan dùng trong công đường để vỗ xuống án nhằm tạo tiếng động lớn khiến cử tọa chú ý hoặc để thị oai. Trong Phật môn, thủ xích dùng để vỗ xuống bàn khiến đại chúng chú ý trước khi tuyên pháp ngữ. Trong Thiền Gia Việt Nam, thủ xích còn được vị chủ sám cầm vỗ xuống bàn khi chuyển giọng tán sang bài khác trong các pháp hội.

[167] Sư công: thầy của sư phụ, ta thường gọi là sư ông.

Vị ấy nếu mẹ không bị biến thành lợn thì bất quá vẫn là một người dân lành yên phận mà thôi! Nếu quan phủ Vân Dương chẳng ép vị ấy ăn thịt, thịt chưa đưa vào miệng đã hộc máu ra, án ấy chắc chắn chẳng được sáng tỏ. Do vị ấy xem thịt đó giống như thịt mẹ mình, vì oai thế của quan bức hiếp, chẳng dám không ăn, chưa ăn mà tim gan đã đau xé nên hộc máu. Vì thế, quan biết là bị vu cáo, bèn tìm cách truyền đạt văn thư xóa tội, bảo đi xuất gia. Nếu cha ông biết nghĩa này, chắc chắn chẳng nỗi cứ mong tưởng mùi vị thịt mãi. Nếu vẫn còn khởi lên ý niệm ấy, liền tưởng như muốn ăn thịt cha mẹ của chính mình, niệm ấy liền bị tiêu diệt. Người chết đi, biến thành súc sanh vẫn còn tốt; nếu đọa trong ngạ quỷ, địa ngục, so với làm súc sanh chẳng biết càng khổ hơn mấy vạn vạn lần.

Xin hãy đưa thư này cho cha ông xem, chẳng những cụ không chịu mong tưởng ăn thịt nữa, mà còn chẳng chịu mong làm người mãi mãi trong thế gian này. Hãy nên nhất tâm niệm Phật cầu sanh Tây Phương hòng khỏi bị đọa lạc trong tam đồ ác đạo nữa. Hãy nên hiểu rằng, chẳng liễu sanh tử, dẫu có tu hành, cũng khó bảo đảm đời sau hay trong những đời sau nữa chẳng tạo ác nghiệp. Bởi lẽ người già 70 tuổi, ăn chay trường nhiều năm, vẫn còn muốn ăn thịt; huống là đời sau, những đời sau nữa vẫn có thể chẳng tạo nghiệp, tu trì giống như đời này ư? Vì thế, Phật, tổ đều khuyên người cầu sanh Tây Phương. Do sanh về Tây Phương liền dự vào cảnh giới Phật, tâm phàm đã không còn, Phật tuệ ngày một mở mang, tốt đẹp hơn tham thiền, nghiên cứu giáo, đại triệt đại ngộ, thâm nhập kinh tạng vô lượng vô biên lần vậy!

(Ngày mồng 2 tháng 2 năm Dân Quốc 29 - 1940)

363. Thư trả lời cư sĩ Nghê Huệ Biểu

Vãng sanh hoàn toàn cậy vào tín nguyện chân thành, thiết tha. Nếu trước đó đã nghi ngờ, sợ chẳng thể vãng sanh thì chẳng thể nào vãng sanh được! Huống chi như ông, tịnh nghiệp thuần thục, thần thức dạo chơi tịnh độ, rất khó có; nhưng chớ nên nói lộ ra, vì sao vậy? Do người đời nay phần đông thích dối xưng là bậc thông gia, chắc sẽ do ưa cầu danh mà bịa đặt đồn thổi khiến tự lầm, lầm người. Lời lẽ này chính là lời chánh đại quang minh, đừng ngỡ là tôi ghen ghét sự tốt đẹp của người khác. Bài kệ do ông đã soạn thật hay, hiềm rằng hai chữ "pháp vũ" (mưa pháp) rất chẳng như pháp. Quang là một ông tăng tầm thường chỉ biết cơm cháo, há nên đề cao như thế?

Mười năm trước, ở Bắc Kinh có cuốn Tự Tri Lục, ở Thượng Hải, Hàng Châu, Dư Diêu đều muốn ấn hành để lưu truyền rộng rãi. Sách ấy toàn là những chuyện bịa đặt, Quang bảo họ hãy ngưng (bảo đừng in). Sau này có hai người cũng muốn

phỏng theo ý ấy, gởi thư xin chứng minh, Quang đem chuyện Tự Tri Lục răn nhắc họ. Ông vốn thiếu từng trải, chẳng biết những kẻ cầu danh so với kẻ cầu lợi chẳng thua kém nhau đâu! Vì thế, chỉ xin ông hãy tự sốt sắng tu trì, đừng phô phang chuyện ấy, tuy có thể khơi gợi lòng tin cho người khác, nhưng cũng sẽ mở ra đầu mối cho kẻ khác mạo nhận đấy!

(Ngày mồng 2 tháng Chạp năm Dân Quốc 23 - 1934)

364. Thư trả lời cư sĩ Triệu Liên Châu

Hai bài ca Dưỡng Khí và Quả Dục văn từ lẫn nghĩa lý đều viên diệu, quả thật là tác phẩm hữu ích cho thân, tâm, tánh mạng. Nhưng trong thời gần đây, Nho sĩ chẳng dụng công tận tụy thực hành, chuyên coi nói suông là cao thượng, trở thành phường "kể chuyện ăn, đếm của báu". Dẫu nói đến mức một giọt nước chẳng rỉ cũng chỉ trở thành hý luận mà thôi! Chẳng dám nói các hạ cũng cá mè một lứa với bọn họ, nhưng cũng chẳng dám nhất quyết các hạ chẳng giống với bọn họ. Điều may mắn là các hạ đã có tín tâm, hãy nên siêng năng niệm Phật. Hễ phiền não hiện tiền hãy làm cho nó bị tiêu diệt ngay. Nếu dưỡng khí như thế thì khí chẳng đến nỗi thiếu; quả quá (bớt lỗi) như thế, lỗi sẽ có thể dần dần không còn. Bỏ niệm Phật để nói đến chuyện "dưỡng khí, bớt lỗi" rốt cuộc vẫn chưa phải là đạo rốt ráo, lại còn tốn sức. Vì thế biết một pháp niệm Phật quả thật là đạo nhất quán của cả Nho lẫn Thích. Nếu chẳng dùng pháp này để tự tu mà muốn cầu được tâm pháp của Nho, của Phật, khó khăn lắm đấy. Bởi lẽ chỉ có tự lực, không có Phật lực gia hộ vậy!

(Ngày 18)

365. Thư trả lời cư sĩ Giang Hữu Bằng

Chúng ta là sanh tử phàm phu, chớ nên mù quáng bịa đặt, những gì chính mình biết thì chẳng thể không đề xướng; điều gì mình không biết há nên dối xưng thông gia rồi hồ đồ tán dương ư? Những nhà phong thủy bói toán cố nhiên có thể làm cho con người hướng lành tránh dữ, nhưng vừa mất công vừa tốn kém lắm. Chu Dịch là sách dạy người hướng lành tránh dữ, vừa nhàn nhã lại chẳng tốn kém. Bởi lẽ, Chu Dịch chỉ chú ý vào chỗ tăng tấn đức, sửa đổi nghiệp, sửa lỗi hướng lành, chứ không phải là dụng tâm nơi sửa cửa dời bếp, bớt Đông bù Tây. Gởi trả lại thư cho cư sĩ Từ, hiện thời Quang không có tinh thần để soạn văn đâu! Một ông thầy địa lý ở quê tôi đi xem đất cho người khác, chuyện cát hung mấy chục năm sau ông ta đều đoán biết. Đứa con ông ta mười mấy hôm sau chết, bố ông ta ba bốn tháng sau chết, thầy địa lý đều không nói tới do chỉ biết chuyên dựa vào địa lý, chẳng bằng chuyên dựa vào tâm đức vậy!

366. Thư trả lời Đào Đức Càn

Đang trong lúc đói kém, loạn ly này, muốn cho những người cùng hàng đều cùng được gội ân Phật, hãy nên tùy phận tùy sức khuyến hóa người khác tu trì sẽ tốn kém ít mà lợi ích nhiều. Nếu vừa nhúng tay làm liền chú trọng xây cất, lại chẳng theo đuổi cung cách đơn giản, chất phác thì tiền bạc không sẵn có, chẳng khỏi gặp khó khăn. Những người tiền của ít ỏi sẽ coi đạo tràng ấy như chỗ đáng sợ, chẳng dám đến. Hiện thời, chuyện nào cũng nên theo cách thức đơn giản, cũng chẳng cần phải mong sao được hoàn thành ngay trong một thời gian. Phàm những người có tín tâm trong bốn làng đều nên bảo họ ai nấy tu trì ở trong nhà của chính mình, cũng chẳng cần phải bỏ lơi công việc, cũng chẳng tu tràn lan; lại còn có thể làm cho gia đình quyến thuộc cùng sanh lòng tin tưởng.

Quang thấy những người đề xướng các nơi đều lấy chuyện tạo dựng đạo tràng làm đầu, trộm chẳng nghĩ như vậy là đúng! Nếu nhằm lúc thời cuộc thanh bình yên ổn, nhân dân giàu có dư dả thì còn được, chứ đang trong thời buổi dân không lẽ sống, lại không có vị đại công đức chủ đứng ra chịu trách nhiệm xuất tiền xây dựng một mình, tôi cảm thấy xây dựng đạo tràng là chuyện khó khăn nhất trong những chuyện khó. Ông nói đến chuyện nhờ Quang soạn văn, chuyện ấy vạn phần chẳng thể làm được. Từ tháng 11 mùa đông năm ngoái do giảo chánh sách dưới ánh đèn điện, chữ lại quá nhỏ, mắt bị tổn thương nặng. Do vậy, cự tuyệt hết thảy những chuyện sai khiến bút mực. Phàm ai gởi thư đến đều dặn về sau đừng gởi thư đến nữa, cũng chẳng chấp nhận giới thiệu người khác quy y. Ngay như thỉnh kinh sách từ Hoằng Hóa Xã cũng đừng thuận tiện gởi thư cho Quang, do mục lực chẳng thể thù tiếp nổi. Ngay như để đọc và trả lời hai lá thư này đều phải dùng kính lão lẫn kính lúp thì mới xem và viết được lờ mờ. Nếu không, đọc chẳng ra. Ông vẫn muốn sai khiến viết lách thì vạn phần chẳng thể được, trong Văn Sao có chỗ nào dùng được thì sao lục để làm khai thị, có trở ngại gì đâu!

367. Thư trả lời cư sĩ Dịch Tư Hậu

Đọc thư ông gởi đến, biết ông đời trước có thiện căn, nhưng do chưa đọc kinh Phật nên văn tự lẫn nghĩa lý vẫn chưa hiểu rõ ràng. Nếu như hiểu rõ sẽ chẳng cần phải hỏi câu thứ nhất! Vì đoạn kinh văn ấy ghi: "Quán Thế Âm Bồ-tát trong vô lượng kiếp trước thành Phật đã lâu, hiệu là Chánh Pháp Minh, nhưng do bi tâm vô tận, từ thệ khôn cùng, nên lại hiện thân Bồ-tát và các thân người, trời, phàm, thánh… trong mười phương thế giới để thí vô úy (ban cho sự không sợ hãi), cứu vớt rộng rãi!" Phẩm Phổ Môn chép: "Nên dùng thân nào để độ được bèn hiện thân ấy để thuyết pháp" (Trong phẩm Phổ Môn có ba mươi hai thứ hóa thân tức là những thân người, trời, phàm, thánh, nam, nữ. Sao lại dựa theo tác phẩm Hương

Sơn Quyển do ngoại đạo bịa đặt rồi nghi ngờ vậy?) Sao ông không đọc đoạn văn tiếp theo đó: "Không những hiện thân hữu tình (trời, người, phàm, thánh, nam, nữ đều có thân hữu tình, tức là có tâm thức, tri giác), mà ngay cả núi, sông, thuyền, bè, cầu, bến, đường sá, cỏ thuốc, cây cối, lầu, đài, điện, gác, cũng tùy cơ biến hiện." Nói chung, Bồ-tát chuyên chú trọng làm cho chúng sanh lìa khổ được vui, chuyển nguy thành an. Nếu ông hiểu rõ ràng đoạn văn này, quyết chẳng hỏi Bồ-tát là nam hay nữ.

Do người đời chưa từng đọc kinh Phật, thấy tượng Bồ-tát vi diệu trang nghiêm, do những người đắp, vẽ, điêu khắc không phải là tay thợ khéo xuất sắc, cho nên họ đã vẽ, tạc hình tượng ngài giống với tướng người nữ, người đời bèn nghĩ ngài mang thân nữ. Bồ-tát đối với hết thảy đều tùy duyên, do tâm người đời nghĩ Bồ-tát là thân nữ, nên khi hóa hiện trong mộng, phần nhiều ngài hiện thân một bà cụ già. Do chúng sanh thiện căn mỏng cạn, chẳng thể thấy được pháp tướng vi diệu trang nghiêm của Bồ-tát nên ngài chỉ tùy theo căn cơ của họ mà hiện thân.

Trong Phật pháp không có cuốn sách nào có tên là Quyển cả! Phàm những thứ "bảo quyển" đều là do ngoại đạo mượn một chuyện trong Phật pháp để mù quáng bịa đặt hòng dụ dỗ, gạt gẫm kẻ vô tri. Nói chung, những gì các sách ấy nói đều là lấy luyện đan vận khí làm gốc, lấy chiêu bài "tam giáo đồng nguyên" (Nho - Phật - Lão cùng một nguồn) để làm hòn núi dựa dẫm. Họ mù quáng trích dẫn những câu trong kinh sách của Nho, Phật, Đạo giáo để biến chánh thành tà, hòng chứng minh đạo luyện đan vận khí là vô thượng tôn quý nhất. Phàm ai theo đạo ấy, tuy có tấm lòng tốt nhưng đều là hạng hồ đồ. Nếu là bậc có đủ chánh tri kiến sẽ lìa xa còn không kịp, há đâu lại bái bọn chúng làm thầy, theo bọn chúng tu học ư?

Câu kinh Di-đà ông đã dẫn đó chính là câu tuyệt đối chẳng hề có trong chánh kinh của nhà Phật! Chắc là do kẻ muốn xưng là bậc thông gia, nhưng thật sự là kém hèn lớn mật tưởng mình thông hiểu nhưng chẳng thông hiểu gì bịa đặt ra. Lời chú giải kinh văn của họ cho thấy họ chẳng biết gì về nguồn cội của tiểu tam tai và đại tam tai, bèn gộp nháo nhào tam tai hỏa - thủy - phong thành một, nói loạn cào cào. Chữ kiếp, tiếng Phạn là kiếp ba (kalpa), cõi này (Trung Hoa) dịch là thời phần. Thời gian dài gọi là kiếp, một đại kiếp là khoảng thời gian trời đất trải qua một lần hình thành rồi hủy diệt. Như trong hiện tại gọi là trụ kiếp, vì một đại kiếp có bốn trung kiếp, tức *thành, trụ, hoại, không*. Thời gian của ba kiếp thành, hoại, không đều lâu mau giống như trụ kiếp, nhưng trong cả ba kiếp thành, hoại, không đều không có người. Trong trụ kiếp có 20 tiểu kiếp tăng giảm, 20 kiếp tăng giảm đã xong thì đại địa bốc lửa, cho đến tận trời Sơ thiền đều biến

thành lửa. Qua hết 20 kiếp tăng giảm, cõi thế gian từ trời Sơ thiền trở xuống mới hoàn toàn hoại. Lại phải qua 20 kiếp tăng giảm trong kiếp không, thế giới mới dần dần hình thành. Lại phải qua 20 kiếp tăng giảm mới bước vào trụ kiếp, có con người và hết thảy chúng sanh. Trong ba trung kiếp này, người lành hoặc sanh lên trời Nhị thiền hoặc sanh sang thế giới phương khác, kẻ ác thì sanh sang thế giới phương khác để chịu tội trong tam ác đạo.

Thế giới bị hỏa thiêu bảy lần như thế cho đến lần thứ tám thì thành thủy tai, nước ngập đến tận trời Nhị thiền. Khi nước hết ngập, không còn vật gì. Thủy tai kéo dài suốt thời gian 20 kiếp tăng giảm thì những phần thế giới ở dưới trời Tam thiền mới hủy hoại hết. Lại trống rỗng chừng đó thời gian rồi mới thành, trụ. Phàm trải qua bảy lần hỏa tai xong, lần thứ tám là thủy tai. Sau bảy lần thủy tai lại có bảy lần hỏa tai, rồi đến phong tai. Phong tai sẽ hủy hoại cho đến tận trời Tam thiền, gió thổi cho đến không còn một vật gì. Tổng cộng có 7 x 8 = 56 lần hỏa tai, bảy lần thủy tai, một lần phong tai. Đấy chính là tam tai thủy - hỏa - phong.

Bọn ngoại đạo tưởng tam tai là một, nói năng mù quáng bậy bạ! Ông vẫn chưa hiểu rõ lời này thì hãy nhất tâm niệm Phật, đừng nghĩ những lời lẽ mù quáng ăn nói càn quấy ấy là đúng thì được rồi. Thế giới này đã thành rồi thì người lành, kẻ ác đều sanh trở lại thế giới này. Ví như nhà của người ta bị hư hoại, mọi người dọn đi, nhà cất xong lại dọn về. Lúc thành, lúc hoại nơi thế giới phương khác cũng sẽ chuyển đi, dời về giống như ở phương này.

Cao Vương Kinh[168] trong Đại tạng không có, nhưng tụng cũng khá có linh cảm, là vì trong ấy có nhiều danh hiệu Phật, Bồ-tát. Kinh ấy đã có từ trước thời Tùy Đường, nhưng người hoằng pháp cũng chẳng khuyên người khác niệm, mà cũng chẳng ngăn trở người khác niệm, cứ để mặc cho kẻ tục nhân tại gia trì tụng. Độ Kiếp Tôn Kinh, Đối Tâm Kinh, lại còn có Tâm Kinh quyển trung và quyển hạ, Tâm Kinh quyển trung lại có hai loại, đều là những thứ do ngoại đạo ngụy tạo.

[168] Cao Vương Kinh nói ở đây có tên đầy đủ là Cao Vương Quán Thế Âm Chân Kinh, khác với Nhất Thiết Pháp Cao Vương Kinh (do ngài Cù Đàm Bát-nhã dịch) trong Đại tạng. Nhất Thiết Pháp Cao Vương Kinh dạy các hạnh nghiệp của người thọ Bồ-tát giới gia nhập tăng đoàn, các lợi ích do tu tập như chứng đắc Tứ quả, tu Bồ-tát hạnh v.v.. Còn Cao Vương Quán Thế Âm Chân Kinh có nội dung khá lộn xộn, tập trung những danh hiệu Phật, rồi kết thúc bằng chú Thất Phật Diệt Tội. Xin trích dẫn đoạn đầu: "Quán Thế Âm Bồ-tát, nam-mô Phật, nam-mô pháp, nam-mô tăng, Phật hữu nhân duyên, Phật pháp tương nhân thường lạc ngã tịnh, hữu duyên Phật pháp. Nam-mô ma-ha-bát-nhã ba-la-mật, thị đại thần chú. Nam-mô ma-ha-bát-nhã ba-la-mật, thị đại minh chú… Nam-mô Tịnh Quang Bí Mật Phật, Pháp Tạng Phật, Sư Tử Hống Thần Túc U Vương Phật. Phật cáo Tu-di Đăng Vương Phật, Pháp Hộ Phật, Kim Cang Tạng Sư Tử Du Hý Phật, Bảo Thắng Phật, Thần Thông Phật…" Theo ngu ý, bản kinh này ngụy tạo vì từ đầu đến cuối chứa lẫn lộn những câu chữ trích từ Tâm Kinh, cũng như những danh hiệu Phật được nói trong các kinh Đại thừa.

Quy y là quy y tam bảo Phật pháp tăng để mong y giáo tu trì hòng liễu sanh thoát tử, chứ chẳng phải chỉ như thế gian bái sư rồi thôi. Nhưng thế gian bái sư để học chữ hoặc học một nghề, dẫu nghề thấp kém nhất như cạo đầu, chữa chân, cũng phải ba lần lạy, chín lần khấu đầu. Ông gởi thư xin quy y, lại còn hỏi cả đống câu, lại muốn có được mấy loại sách, chẳng những không dùng chữ "đảnh lễ" mà ngay cả chữ "hiệp chưởng" (chắp tay) cũng không dùng. Cầu người khác khai thị mà làm như thế cũng đã quá vô lý, huống là cầu quy y, tức là ông coi chuyện quy y chẳng đáng nửa đồng, trở thành chuyện chẳng đáng tôn trọng. Người đi đường hỏi lối còn phải vòng tay cúi đầu; ông quy y, xin khai thị, xin sách mà chỉ dùng chữ "kính thượng" (kính trình lên) là xong! Nếu không có ba chuyện ấy, chẳng biết sẽ ngạo mạn đến mức nào? Quang nương theo tâm phổ độ chúng sanh của đức Phật mà khai thị cho ông, nhưng tuân theo nghĩa duy trì pháp đạo mà cự tuyệt ông. Nếu không, Quang sẽ thành coi rẻ Phật pháp, cũng như khiến cho ông khinh mạn Phật pháp. Vì thế nói với ông về những chỗ ông lầm lỗi. Ông cứ muốn quy y thì hãy xin quy y nơi chùa chiền ở Thường Thục, Quang già rồi, không có mục lực lẫn tinh thần để thù tiếp. Từ nay về sau đừng gởi thư đến nữa, gởi đến quyết chẳng trả lời.

Quy y trong chùa nếu pháp sư truyền giới lên tòa nói tam quy ngũ giới, thì trước khi pháp sư lên tòa, người xin thọ giới đảnh lễ vị sư tri khách ở khách đường, đảnh lễ hòa thượng ở phương trượng. Hòa thượng lên tòa, người thọ giới phải quỳ lạy hơn một tiếng đồng hồ. Hòa thượng xuống tòa, tiễn hòa thượng về phương trượng, người thọ giới lại đảnh lễ, rồi đảnh lễ các vị sư trực ban và thầy tri khách. Ông gởi thư xin quy y, những chữ "đảnh lễ" đều không chịu viết, quá coi thường chuyện quy y tam bảo. Nếu Quang không nói thì Quang cũng mắc tội, cho nên mới phải nói!

(Ngày 12 tháng 8 năm Đinh Sửu - 1937)

368. Thư trả lời cư sĩ Trí Chương

Tâm tánh của chúng sanh và tâm tánh của Phật không hai. Phật rốt ráo đoạn hết phiền hoặc nên được đại thọ dụng, pháp nào, chuyện nào cũng đều tự tại. Chúng sanh thì toàn thể trong mê, nên ngược ngạo dùng sức công đức của Phật tánh để làm cái gốc khởi hoặc tạo nghiệp, chẳng đáng buồn ư? Dẫu có ai hiểu được nghĩa này, ý muốn trái trần hiệp giác, chí tâm niệm Phật, nhưng vì cái quen đã quá quen, cái lạ lại quá lạ, nên cũng chẳng dễ tương ứng với Phật. Nếu thân sa vào cảnh hoạn nạn, thật sự có thể một mực dốc lòng thành, không ai chẳng được cảm ứng ngay lập tức. Do khổ não bức bách, nhất tâm cầu cứu, hết thảy những

tình kiến khác đều chẳng hiện tiền. Vì thế cảm ứng mầu nhiệm chẳng thể nghĩ bàn!

Các pháp thế gian trọn không có tướng nhất định, họa phước dựa dẫm lẫn nhau, tổn hại hay lợi ích chỉ do con người tự chuốc lấy. Người khéo được lợi ích thì không gì chẳng có ích, kẻ cam chịu tổn hại thì không gì chẳng phải là tổn hại. Nếu ông có thể thường giữ được ý niệm "gặp nạn sắp chết cho nên phải sốt sắng niệm Phật" trong lòng, chắc chắn sẽ có thể vào lúc báo thân này sắp mất, giã biệt Sa-bà, cao đăng Cực Lạc, làm đệ tử của Phật Di-đà, làm bạn lành trong hải hội. Nguyện học trò tôi là Trí Chương thường giữ được cái tâm dè dặt kinh sợ để hòng chẳng phụ ơn Di-đà Thế Tôn một phen đại từ bi hiện thân cứu khổ thì may mắn lắm thay!

(Tháng 8 năm Mậu Thìn - 1928)

369. Thư trả lời cư sĩ Lý Huệ Thật (thư thứ nhất)

Tánh tình ông thường ưa nói những lời vô vị. Nhà ông chẳng dư dật, lại còn có mẹ già, sao lại nói "muốn tìm chỗ thanh tịnh để nhất tâm tu đạo?" Ông làm việc ở Cục điện lực, nếu xem kinh tham thiền thì công việc bận bịu vô cùng, thật khó thể dụng công. Nếu nói niệm Phật, chỉ sợ ông chẳng phát chân tâm. Nếu thật sự phát tâm liễu sanh tử thì tuy đông người cũng chẳng đến nỗi bị trở ngại, bởi lẽ niệm Phật chỉ có một câu, dẫu cho bận bịu cũng chẳng thể phiền rộn được. Nếu tâm ông chẳng chán ghét pháp niệm Phật thì cố nhiên chẳng chướng ngại cho lắm. Nếu ông sanh lòng chán, sẽ trở thành niệm Phật một khắc cũng thấy khó thể chịu đựng. Ông chẳng thể bỏ nhà để kiếm chốn yên tịnh niệm Phật, sao lại xin tôi quyết đoán, há chẳng phải là coi như chuyện đùa ư? Nếu ông có thể khuyên cha mẹ già, khuyên vợ con cùng tu tịnh nghiệp, há chẳng bằng ông ở riêng một chỗ vắng lặng để niệm Phật ư?

Hơn nữa, đối với những chuyện thù tiếp thuộc về phương diện tình cảm giữa con người với nhau, nếu ông lấy cớ tu hành để giảm dần đi, ắt người ta chẳng đến nỗi trách móc. Hoặc khi bất đắc dĩ thì thù tiếp đại khái, chuyện gì bớt được thì bớt, có gì là không được? Sống trong cõi trần học đạo, nếu tu các pháp môn khác thật khó được lợi ích; chứ nếu tu niệm Phật thì thật là ổn thỏa, thích đáng tột bậc! Nhưng do ông không có chuyện gì cứ bới ra chuyện, vọng tưởng quá nhiều, đừng nói là "chưa có được chỗ yên tịnh sẽ khó được lợi ích", ngay cả khi đã có được chỗ yên tịnh rồi, vẫn khó được lợi ích. Sao ông khổ sở dùng tinh thần hữu dụng để nói năng, so đo vô ích, tự phiền, rộn người? Hãy nên tận lực ngăn ngừa bệnh

này, tùy phận dụng công; đọc kỹ Văn Sao thì sẽ tự có thể trong hết thảy chỗ đều tự tại yên vui vậy.

(Mồng 8 tháng 4)

370. Thư trả lời cư sĩ Lý Huệ Thật (thư thứ hai)

Tánh tình của ông chuyên môn tìm tòi, bàn nói những chỗ không quan trọng, khẩn yếu! Ví như kẻ thích đồ cổ, đầy nhà là đồ cổ, cũng có món giá trị thật sự quý báu, nhưng cũng có cái chẳng đáng một hai đồng, nhưng tự mình vẫn tưởng là quý báu không thể tính giá được. Thông thường, hễ có khách đến liền dẫn người ta đi xem, kèo nài người ta thưởng lãm. Do đấy ôm lòng kiêu căng, khoe khoang, cho là "vật quý báu trong thiên hạ đều về tay ta". Tới khi họa hoạn xảy đến, những thứ vật báu ấy đúng là tăng thêm họa táng thân, trọn chẳng có ích được một đồng. Những gì ông nghiên cứu để thưa hỏi trọn chẳng khác gì chuyện này. Nay may mắn được răn nhắc, liền gấp muốn coi trọng chuyện liễu sanh tử, nhưng cái tâm cứu độ cha mẹ lại chờ cho tới sau khi được vãng sanh đắc Vô sanh pháp nhẫn. Sao không nói với cha mẹ, vợ con về nỗi khổ sanh tử luân hồi, mối họa do ăn thịt, sát sanh ngay trong khoảng thời gian này, khiến cho hai cụ già và vợ con đều cùng niệm danh hiệu Phật, cùng sanh về Tây Phương vậy?

Nếu ông có thể chân thật phát tâm chí thành, đối trước đức Phật sám hối thay cho hai cụ, tuy hai cụ không tin tưởng nhưng rồi cũng sẽ tin tưởng. "Lòng thành đến cực điểm, sắt đá cũng cảm động", huống hồ hai cụ vốn yêu thương con ư? Nếu có thể vứt sạch tập khí bàn bạc, nghiên cứu mù quáng trước kia, chắc chắn sẽ được lợi ích lớn lao. Nếu không, sẽ trọn chẳng khác gì kẻ ưa chơi đồ cổ, gieo được cái nhân xa đã là chuyện may mắn lắm rồi. Nhưng vẫn mắc tội bàn luận Phật pháp xằng bậy cũng chẳng phải nhỏ đâu! Một pháp niệm Phật hết thảy mọi người đều nên tu, hết thảy mọi người đều có thể tu được, sao chẳng uyển chuyển khuyên hai cụ tu pháp ấy ngay trong lúc này?

Ông nói ra những lời lẽ ấy, biết ông đọc Văn Sao vẫn theo kiểu cưỡi ngựa vùn vụt xem đèn, trọn chẳng suy xét tường tận những điều đã được nói trong bộ sách ấy. Xin hãy nương tựa toàn thân nơi Văn Sao và An Sĩ Toàn Thư. Tuy Thọ Khang Bảo Giám vẫn chưa phải là sách quan hệ khẩn yếu cho chính mình, nhưng hãy nên lấy đó làm của báu gia truyền, lại hãy nên nói với hết thảy những kẻ trẻ tuổi về lẽ lợi hại, hãy nên khuyên hết thảy những người già nương theo đó mà răn nhắc con cháu. Dùng những điều này để tự hành, lại còn dạy người, nhờ vào công đức ấy ắt sẽ có thể làm cho cha mẹ già và vợ con cùng thoát khỏi biển khổ.

Nay đặt pháp danh cho ông là Huệ Thật, nghĩa là áp dụng trí tuệ vào thật sự, thật lý, chẳng còn Đông kéo Tây lôi, cũng như chỉ giải thoát nơi cửa miệng, trọn chẳng có lợi ích thật sự gì. Ông đọc kỹ Văn Sao sẽ chẳng đến nỗi bỏ lơ hai cụ già, chỉ mong vãng sanh Tây Phương đắc Nhẫn rồi mới cứu độ họ. Trong tháng Nhuận, Quang sẽ sang Thượng Hải, sợ là tháng 3 vẫn còn ở Thượng Hải. Chưa đến Phổ Đà thì đừng nên tới Phổ Đà ngay. Nếu cứ muốn tới, nên tới chùa Thái Bình ở bến Trần Gia, Thượng Hải hỏi thăm sẽ biết rõ là Quang còn ở đó hoặc đã qua nơi khác. Quang rất muốn ai cũng niệm Phật vãng sanh Tây Phương cho nên mới dài dòng một phen như thế này.

371. Thư trả lời cư sĩ Lý Huệ Thật (thư thứ ba)

Đầu mùa đông năm ngoái tôi phải giảo chánh sách, đến ngày 21 lại bị bệnh hơn cả tuần, nay đã bình phục. Để thỏa nguyện cho ông bèn soạn một bài tựa. Dùng nguyên tên gọi và đăng ảnh chụp đều là cách để cầu danh chuốc nhục, đấy chính là điều Quang ghét cay ghét đắng. Xin ngàn muôn phần chớ bắt chước kiểu cách hời hợt hoa mỹ trong cõi đời mấy lúc gần đây. Mọi người hãy nên chú trọng thực hiện tiết kiệm, chất phác, chuyên chí tu trì sẽ có lợi ích lớn lao. Năm Dân Quốc thứ chín (1920) có mấy đệ tử ấn hành Văn Sao ở Thượng Hải (tháng Giêng năm Dân Quốc thứ mười in xong, chính là bản Văn Sao gồm hai cuốn), liền thỉnh ý Quang về chuyện đăng ảnh chụp, viết tiểu sử; Quang bảo nếu làm như thế sẽ nhất quyết không chấp nhận cho in Văn Sao, họ bèn thôi.

Ông chẳng biết chuyện ấy, vì thế tôi nói với ông để ông khỏi xoay sở xin ảnh chụp rồi in bừa bãi. Dẫu Quang chẳng thể vãn hồi thói xấu hời hợt, hoa mỹ, xa xỉ, lòe loẹt trong cõi đời gần đây, nhưng quyết chẳng chịu theo sóng đuổi sóng để bắt chước làm như họ. Lời tựa gồm hơn 400 chữ, in thành một trang, ghi tên người làm công đức đằng sau; bài kệ hồi hướng chỉ dùng những câu văn trong kinh Hoa Nghiêm: *"Nguyện tương dĩ thử thắng công đức, hồi hướng pháp giới chư hữu tình, phổ nguyện trầm nịch chư chúng sanh, tốc vãng Vô Lượng Quang Phật sát"* (Nguyện đem công đức tuyệt vời này, hồi hướng hữu tình các pháp giới, nguyện khắp chúng sanh đang đắm chìm, mau sanh cõi Phật Vô Lượng Quang) là được rồi, chứ chẳng cần phải viết gì khác.

372. Thư trả lời cư sĩ Vương Thành Trung

Nhận được thư đầy đủ, Quang là một ông tăng hèn kém chỉ biết cơm cháo, thiếu những hiểu biết thông thường, tuổi gần bảy mươi, chẳng có thành tựu gì. Các hạ tưởng lầm là thiện tri thức tức là đã lầm lẫn lớn, lại còn muốn quy y, tức là muốn học lấy bản lãnh của ngu phu, ngu phụ. Đã học bản lãnh của ngu phu,

ngu phụ thì bản lãnh của bậc thông gia quyết chẳng còn trông mong chi nữa. Nếu chẳng coi đó là sai lầm, tôi chẳng ngại lấy sai lầm làm chuẩn.

Nay đặt pháp danh cho ông là Huệ Trung, nghĩa là trí tuệ do có lòng thành ở bên trong, ắt trí tuệ sẽ thấu đạt ra ngoài, khiến cho hết thảy người hữu duyên đều nương theo ý chỉ "lòng thành bên trong thấu đạt ra ngoài" tu trì tịnh nghiệp, tự lợi lợi tha. Để hưng khởi Phật pháp trong cõi đời ngày nay, chẳng lo không biết lý tánh cao sâu huyền diệu, chỉ lo không biết nhân quả báo ứng và giáo dục trong gia đình để thực hành những điều đáng nên hành. Nếu như hết thảy mọi người đều có thể thực hành những điều đáng nên hành thì thiên hạ thái bình, nhân dân an lạc, Phật nhật thêm sáng, pháp luân thường xoay.

Do vậy, Quang thường nói với hết thảy mọi người: Ắt phải giữ vẹn luân thường, nghiêm túc trọn hết bổn phận của chính mình, dứt lòng tà, giữ lòng thành, đánh đổ những ham muốn xằng bậy của chính mình để khôi phục lễ nghĩa, đừng làm các điều ác, vâng làm các điều thiện, kiêng giết, ăn chay, tín nguyện niệm Phật, quyết chí cầu sanh thế giới Tây Phương Cực Lạc. Dùng những điều này để tự hành, dùng những điều này để dạy người khác, trong là cha mẹ, anh em, vợ con, ngoài là thân thích, xóm giềng, bè bạn, để họ cùng tu tịnh nghiệp, ngõ hầu đáng gọi là đệ tử thật sự của đức Phật. Làm được như thế thì sống là bậc thánh hiền, mất lên cõi Cực Lạc. Lợi ích xuất thế gian lẫn thế gian đều do đây mà được. Đấy là những điều ngu phu ngu phụ có thể làm được, trọn chẳng có chỗ nào cao sâu huyền diệu chẳng thể mong mỏi được. Tiếc cho người đời phần nhiều cầu lợi ích từ những điều khác, chẳng cầu từ những điều này, vì thế khó được lợi ích chân thật.

Ông nói: "Phải trông coi công việc trong Cư sĩ lâm, chẳng thể chuyên tu, rất sợ khó đắc nhất tâm, chưa thể vãng sanh được, hoặc khó được như nguyện." Cần biết rằng: Bồ-tát hành đạo lấy lợi người làm đầu, pháp môn Tịnh độ lấy tín nguyện để dẫn đường. Có lòng tin chân thật, nguyện thiết tha, dẫu chưa đắc nhất tâm cũng có thể vãng sanh. Không có lòng tin chân thật, nguyện thiết tha, dù đã đắc nhất tâm vẫn khó thể vãng sanh (Người trong nhà Thiền niệm Phật phần nhiều chẳng nói đến tín nguyện thì vẫn là tự lực, khó được nhờ vào Phật lực; do bọn họ đã không cảm thì Phật cũng khó thể rủ lòng ứng. Đây là chuyện khẩn yếu cùng cực, vì thế phải nói trắng ra).

Chỉ cần chịu nghe theo những chuyện Quang đã nói trên đây, tận lực thực hiện sẽ tương ứng với chánh nhân của tịnh nghiệp như Quán kinh đã dạy và tương ứng với bổn nguyện của Phật. Vì thế chẳng cần phải ngờ vực, do dự mình khó được vãng sanh! Thế đạo nhân tâm hiện thời bại hoại đến cùng cực, phàm những ai dự

vào Cư sĩ lâm niệm Phật, ắt phải bảo họ đề xướng nhân quả báo ứng và giáo dục trong gia đình, cần nhất là chú trọng nhân quả báo ứng, lại phải chú trọng dạy dỗ con gái. Làm như thế thì còn có hy vọng sau này người hiền sẽ dấy lên đông đảo, kẻ bại hoại diệt tuyệt. Nếu không, sở học đều là mưu mô dối trá. Mưu mô dối trá càng tinh xảo, càng khéo léo thì thiên tai nhân họa càng khốc liệt! Đạo "gốc chánh nguồn trong" nằm ở chỗ bình thường này, chứ không có gì lạ lùng cả.

(Ngày 11 tháng 9)

373. Thư trả lời cư sĩ Trác Trí Lập (thư thứ nhất)

Một pháp niệm Phật chỉ những ai chết được cái tri kiến cuồng vọng mới có thể được lợi ích. Dẫu cho cái trí ngang bằng thánh nhân cũng mặc kệ, cứ lấy một câu Phật hiệu này làm bổn mạng nguyên thần, thề cầu vãng sanh. Dẫu đem cái chết bức bách, ép thay đổi đường lối cũng chẳng thể thay đổi chí hướng! Như thế mới được coi là người thông minh, mới có thể đạt được lợi ích thật sự. Nếu không, do lắm tri nhiều kiến, tâm chẳng thể đoạn nghi, đâm ra chẳng bằng kẻ chất phác niệm Phật chẳng có chút hiểu biết nào lại dễ được lợi ích hơn.

Cái tiếng "quy y" rất dễ đạt được, nhưng thực chất quy y cực khó tu, phải giữ năm giới "không sát sanh, không trộm cắp, không tà dâm, không nói dối, không uống rượu". Lại còn phải bỏ tham sân si huyễn hiện trong tâm, tu giới định tuệ sẵn có nơi tánh, đừng làm các điều ác, vâng làm các điều lành, tín nguyện niệm Phật, cầu sanh Tây Phương. Trên là khuyên mẹ hiền, giữa khuyên anh em, dưới khuyên vợ con, tôi tớ cùng tu đạo này. Như thế chính là đạo "tự lợi lợi tha, tự lập lập người" thường được thực hiện trong luân thường hằng ngày, công đức lợi ích ấy há tính kể được ư?

Trong thế giới Cực Lạc, chẳng những quang minh của đức Phật vô lượng mà ngay cả cây cối, lưới báu, ao, đài, mỗi thứ đều có quang minh. Nói ngày hay đêm là nêu đại lược về cách phân chia thời gian, há nên hiểu giống như ban đêm trong cõi này khi ánh mặt trời đã tắt, tối om không thấy được gì nữa ư? Chẳng thấy kinh Quán Vô Lượng Thọ bảo "khi chim đậu, hoa khép thì coi là đêm" đó ư? Nhưng thế giới ấy và thế giới này khác nhau vời vợi một trời một vực. Tất cả những điều chỉ bày trong Quán kinh hay kinh Vô Lượng Thọ đều là mượn chuyện cõi này để hình dung sự trang nghiêm mầu nhiệm trong cõi kia mà thôi, chứ thật ra y báo trong cõi Cực Lạc mầu nhiệm chẳng thể diễn tả được. Há nên si ngốc chấp chặt những cảnh thuộc về mặt sự trong cõi này là những lời bàn luận đích xác ư?

Người sanh về cõi kia thường nghĩ tới tam bảo. Dẫu họ đã là tăng, vẫn có những vị tăng thuộc phẩm vị cao như Thập trụ, Thập hạnh, Thập hồi hướng, Thập

địa, Đẳng giác; há vì không có tục mà chẳng lập được cái tên gọi là tăng (sangha) ư? Tăng nghĩa là "hòa hợp", tâm hòa với lý, tâm hợp với đạo, cả hai không sai biệt nên gọi là tăng. Tăng lại còn có nghĩa là thanh tịnh, tham sân si v.v. tạp niệm vọng tưởng trọn chẳng hề còn, công đức, lợi ích giới định tuệ v.v. trọn vẹn đầy đủ, thì gọi "chân thanh tịnh tăng". Mỗi một địa được nói trong phẩm Thập Địa của kinh Hoa Nghiêm đều chẳng lìa "niệm Phật - niệm pháp - niệm tăng", huống là người mới sanh về cõi ấy ư?

Chuyện "cày bằng lưỡi" ("thiệt canh", tức dạy học - chú thích của người dịch) thì người khéo dụng tâm có thể kế thừa bậc thánh đời trước, mở mang cho kẻ học trong đời sau, chẳng giữ quyền vị mà thực hiện sự cai trị, chẳng phô công lao rành rành mà đất nước yên bình, há nên đem lòng chán ghét? Hãy nên nói "miệt mài thực hiện đến chết mới thôi" thì mới khỏi thẹn với hai chữ "thiệt canh" (cày bằng lưỡi). Đa số những kẻ "cày bằng lưỡi" hiện thời đều dụ dỗ bọn thiếu niên theo thói cuồng vọng, đối với đại kinh đại pháp "cách vật, trí tri, thành ý, chánh tâm, tu thân, tề gia, trị quốc, bình thiên hạ" đều bỏ mặc chẳng bàn tới. Vì vậy thế đạo nhân tâm ngày một đi xuống, chẳng thể vãn hồi được! Nếu giữ vững tấm lòng "yên đời, giác ngộ dân" để làm giáo viên, giáo hóa đồng nghiệp và học sinh, công đức ấy há biết được bến bờ ư?

Đối với quẻ Sơn Thủy Mông[169] trong kinh Dịch, phần Tượng Từ giảng: *"Mông dĩ dưỡng chánh, thánh công dã"* (Nuôi dưỡng điều chánh nơi trẻ thơ, ấy chính là công lao của bậc thánh vậy). Trường học ấy nên đặt tên là Chánh Mông. Trẻ thơ đã được dưỡng dục thành chánh đáng, sẽ liền có thể dự thẳng vào bậc thánh hiền. Nhưng dạy học mới chỉ là một nửa, nếu ông có thể từ đầu đến cuối luôn nghĩ cách đề cao sự giáo hóa tư cách qua việc dạy học thì đức của chính mình được tăng tiến mà chẳng hay biết[170], ấy chính là đạo "tự lợi lợi tha, tự lập lập người", há phải chỉ làm cho những đứa học trò thơ ngây ấy được giáo hóa chánh đáng mà thôi.

Dạy dỗ học trò chính là chuyện thực hành giáo hóa bậc nhất trong thế gian, nếu xem những kẻ đến học như con ta, em ta, sẽ có lợi ích lớn lao. Nhân quả báo ứng chính là phương tiện lớn lao để thánh nhân thế gian lẫn xuất thế gian bình trị

---

[169] Đây là một quẻ kép (gồm sáu vạch) trong sáu mươi bốn quẻ của kinh Dịch. Quẻ Sơn Thủy Mông do hai đơn quái (quẻ đơn, chỉ gồm ba vạch) Khảm và Cấn ghép lại, quẻ Cấn bên trên, quẻ Khảm bên dưới. Do quẻ Mông tượng trưng cho sự kiện "dưới núi có đầm sâu", ngụ ý nguy hiểm tối tăm, nên chữ *mông* được dùng với nghĩa rộng là "còn tối tăm, mê muội, chưa hiểu biết". Vì thế, trẻ thơ chưa đi học, chưa được khai hóa bởi lễ nghĩa của thánh nhân cũng được gọi là đồng mông.

[170] Nguyên văn *"niệm chung thủy điển tư học, quyết đức tu vọng giác".* Đây là một câu trích từ thiên Thuyết Mạng sách Thượng Thư, chúng tôi dịch câu này theo cách diễn giải của Chu Hy trong sách Chu Tử Ngữ Loại.

thiên hạ, độ thoát chúng sanh, chứ nào phải chỉ có kẻ hạ ngu mới nhờ vào đấy để trừ khử những tâm sai trái! Đại thánh đại hiền không một ai chẳng nhờ vào đấy mà thành thánh, thành hiền. Chỉ vì Nho sĩ trong cõi đời chẳng biết cái gốc của đạo, muốn chia lối khác đường với Phật giáo nên đã ngầm gieo mầm rối loạn thiên hạ nơi việc "phù trợ, tạo lập danh giáo" mà chẳng tự biết; vẫn cứ nhơn nhơn lớn họng đề xướng chuyện bài bác nhân quả báo ứng, sanh tử luân hồi như thế ấy, há chẳng khiến cho người có đủ chánh tri chánh kiến sanh lòng thương xót sâu xa ư? Ông có thể dẹp sạch rào giậu, đủ chứng tỏ đã có thiện căn từ đời trước, nhưng phải dè dặt cẩn thận nơi thấy nghe nói làm, ngõ hầu không thiếu sót sự phản tỉnh trong tâm thì ai nấy sẽ đều nghe theo. Nếu hằng ngày nói nhân quả báo ứng, giảng giải Cảm Ứng Thiên, Âm Chất Văn, Giác Thế Kinh cho học trò, nhưng hành vi của chính mình luôn trái nghịch với ba thứ sách ấy, ắt sẽ trở thành kép hát lên sân khấu diễn tuồng, chỉ dâng hiến cho người ngồi dưới sân khấu được sướng tai khoái mắt một chốc mà thôi. Kép hát chỉ đáng giá kép hát, trọn chẳng được lợi ích trong khi còn sống lẫn sau khi mất đi. Xin ông hãy thấu hiểu sâu xa lời lẽ này của tôi thì tâm pháp của Nho, Phật và lợi ích chân thật rốt ráo há để người xưa riêng hưởng, còn ông chẳng có phần ư?

Tâm tịnh sẽ sanh về Tịnh độ, do vậy người niệm Phật cần phải đừng làm các điều ác, vâng làm các điều lành. Nếu người thế gian thật sự có lòng tín nguyện sẽ đều có thể vãng sanh, huống chi thánh nhân! Chẳng tu thân mà niệm Phật thì cũng có lợi ích, nhưng quyết định vãng sanh thì trong trăm ngàn vạn người khó được một kẻ. Hùng Tuấn, Duy Cung[171] được vãng sanh là chuyện may mắn. Hai câu văn ông đã soạn thì đúng nhưng còn chưa thiết thực, hãy nên viết *"trí đoạn phiền tình siêu khổ hải, lập kiên tín nguyện nhập liên trì"* (trí dứt phiền tình, vượt biển khổ, tín nguyện lập vững, nhập liên trì) sẽ xác đáng, thiết thực, vì pháp tắc dụng công đều được chỉ ra (phiền là phiền não, tức là nói chung, còn tình chuyên chỉ dâm dục).

Thầy thuốc chịu giữ tấm lòng giúp đời lợi người thì lợi ích lớn lao, nhưng thầy thuốc chỉ trị được bệnh, chẳng thể trị được nghiệp và mạng. Nếu dùng thêm nhân quả báo ứng và "niệm Phật tiêu nghiệp" để khai thị cho người khác, ắt người ta dễ nghe theo; ấy chính là làm thầy thuốc mà hoằng pháp vậy!

Sự trong thiên hạ không nhất định, nhưng lý nhất định, lý là cốt lõi của sự, sự là biểu hiện của lý. Quân tử xử thế, lập thân, giữ kinh[172], đạt quyền, ấy chính là

[171] Đây là hai nhân vật hung ác, phá giới, phạm trai, tới lúc lâm chung do sám hối thiết tha cầu sanh Tịnh độ nên vẫn được vãng sanh (xin xem trong Tịnh Độ Thánh Hiền Lục).

[172] Kinh（經）là những gì chánh đáng, mang tính chất khuôn phép mẫu mực, phải cố gắng tuân thủ.

đạt. Nếu không, ắt sẽ đến nỗi trái lý chạy theo người khác, mất mát lớn lắm. Vì thế quân tử nói: *"Khả dữ cộng học, vị khả dữ thích đạo. Khả dữ thích đạo, vị khả dữ lập. Khả dữ lập, vị khả dữ quyền"* (Có những kẻ ta có thể cùng học tập với họ được, nhưng họ chưa phù hợp với đạo. Có những kẻ đã phù hợp với đạo, nhưng chưa thể duy trì được cái đạo ấy. Có những kẻ đã duy trì được cái đạo ấy, nhưng chưa thấu hiểu quyền biến)[173]. "Quyền" (權) có nghĩa là dựa theo thời mà lập ra những điều thích nghi, tức là giữ lý thường nhưng lại biết biến đổi phương cách sao cho thông suốt, khiến cho nó được thích hợp. Nếu trái với kinh thì toàn thể đã mất, làm sao hợp với đạo cho được? Cho nên cái quyền ấy chính là quyền phi lý vậy!

Phật pháp quán thông thế gian, đối với tu tề trị bình không cách ngăn, trở ngại mảy may nào. Tiếc cho người đời chẳng suy xét, thường chấp vào một bên để luận, khiến cho kẻ vô tri nhân đó sanh tội lỗi. Lời ông nói do vẫn chưa hiểu tường tận nguyên do, nên coi bố thí là tột bậc, đấy chính là dùng thân để diệt pháp. Sự lý này đã được giảng đại lược trong Văn Sao, chẳng thể luận nhất loạt như nhau được. Trong phần nói về đối trị phiền não của Văn Sao, có kể ra hai loại người tu hành, tức là phàm phu trụ trì pháp đạo và bậc Bồ-tát chỉ liễu tự tâm, mỗi loại đều có những điều phải tuân giữ, đề cao, chẳng thể luận bàn lẫn lộn được. Như Khương Thái Công (Khương Tử Nha) vác kích theo Chu Vũ Vương phạt Trụ, Di - Tề (Bá Di, Thúc Tề) nắm cương ngựa can gián Chu Vũ Vương đừng phạt Trụ. Hai vị mỗi người đi theo đường riêng, dẫu thánh nhân cũng chẳng thể bảo người này là đúng, kẻ kia là sai được! Xin hãy đọc sách kỹ càng, đọc đầy đủ rồi mới suy nghĩ sẽ tự có sở đắc, nhưng phải rất chú trọng niệm Phật.

374. Thư trả lời cư sĩ Trác Trí Lập (thư thứ hai)

Nhận được thư, biết ông lại có đứa con hiền nối dõi, khôn ngăn vui mừng, an ủi. Ông đọc An Sĩ Toàn Thư, sao chẳng thấy câu chuyện người mở tiệm bán đồ phương Nam ở Dương Châu[174] thiếu lương tâm, có được hai đứa cháu nội. Người

[173] Đây là lời của Khổng tử (được chép trong thiên Tử Hãn sách Luận Ngữ), chúng tôi dịch theo cách diễn giải trong sách Luận Ngữ Giảng Yếu của cụ Lý Bỉnh Nam. Chữ quân trong câu "quân tử nói" ở đây có lẽ bị chép sai. Đúng ra phải là "Khổng tử nói" thì hợp lý hơn.

[174] Thoạt đầu, "Nam hóa" (hàng hóa từ phương Nam) chỉ có nghĩa là những sản vật từ phía Nam sông Dương Tử. Đến đời Gia Khánh nhà Thanh trở đi, do chánh sách bế quan tỏa cảng được nới lỏng, các hàng hóa từ ngoại quốc nhập vào Trung Hoa rất nhiều; từ ngữ "Nam hóa" bèn được dùng để chỉ chung những sản phẩm hay dược phẩm nhập từ các nước thuộc phía Nam Trung Hoa như Việt Nam, Thái Lan, Mã Lai, Nam Dương v.v.. Thậm chí những sản phẩm từ Phi Luật Tân hoặc Tây Phương nếu nhập từ những hải cảng ở miền Nam Trung Hoa như Quảng Châu, Hạ Môn, Phước Châu v.v. đều được gọi là Nam hóa. Theo An Sĩ Toàn Thư vào cuối đời Minh, ở Dương Châu có một người mở tiệm bán hàng hóa nhập từ phương Nam rất giàu có. Lúc sắp chết, trăn trối với người con trai: "Cái cân này là vật báu gia truyền, đừng bỏ đi. Cán cân làm bằng ô mộc, khoét rỗng, bên trong đổ một ít thủy ngân. Khi cân

con ông ta thề sửa đổi hành vi của cha, hai đứa cháu bèn chết cả. Sao chẳng thấy đoạn văn nói về bốn cái nhân chúng sanh đầu thai làm con cháu trong Văn Sao vậy? Sao chẳng thấy lý "quả báo thông ba đời"? Nếu người niệm Phật có con bị chết, lỗi do niệm Phật, thì con của kẻ không niệm Phật trọn chẳng chết ư? Nên biết rằng, gặp tai nạn mà sợ, càng ra sức tu hành, ấy chính là đại nhân duyên siêu phàm nhập thánh; nếu hễ gặp cảnh chẳng thuận tâm liền sanh oán hờn, ấy chính là đại nhân duyên vĩnh viễn đọa tam đồ ác đạo.

Ông đọc sách hiểu lý, mà đối với chuyện này vẫn cảm thấy rất khó chấp nhận, tức là "chấp vào đức chứ không thông hiểu rộng rãi, tin tưởng đạo nhưng chẳng chuyên dốc, chắc thật"[175], kiến thức vẫn chẳng khác gì kẻ chưa nghe Phật pháp. May sao sanh được con là do Phật - trời ban cho. Nếu vĩnh viễn chẳng có con, ông sẽ do chuyện này mà chẳng sanh lòng tin ư? Trong cõi đời, quân tử lấy thân hướng dẫn mọi người, nếu chẳng rõ sự lý, sẽ bị những tình kiến ngu xuẩn xoay chuyển, còn đáng gọi là người nghe đạo nữa ư?

375. Thư trả lời cư sĩ Trác Trí Lập (thư thứ ba)

Nhận được thư biết cháu X… chết yểu, khôn ngăn than dài. Xét những lời ông viết trong phần đầu, tợ hồ là tri kiến chưa thông đạo lý; những lời thuộc phần sau khá hợp với đạo "chẳng oán, chẳng hờn, tự tỉnh, tự sửa đổi". Họa phước không nhất định, tổn hại hay lợi ích do nơi người. Người khéo được lợi ích không gì chẳng có ích, kẻ cam chịu tổn hại không gì chẳng bị tổn hại. Quá khứ chư Phật đều lấy cảnh khổ làm thầy, cho nên đoạn sạch phiền hoặc, thành vô thượng đạo. Nếu ông được như Du Tịnh Ý, Viên Liễu Phàm sửa lỗi tu trì, há không chỉ được Phật - trời lại ban cho đứa con hiền mà còn sẽ đích thân dự thẳng vào hàng thánh nhân.

---

cho ai thì dốc cho thủy ngân chảy về phía đĩa cân nên khách hàng bị thiệt; khi mua thì nghiêng cho thủy ngân chảy về đằng cán nên người bán hàng cho ta bị thiệt. Do vậy, ta mới làm giàu nhanh chóng." Sau khi cha chết, người con nghĩ cha mình làm ăn thất đức, bèn đem cái cân chẻ ra, thấy trong ấy có một hòn máu đỏ tươi. Không lâu sau, hai đứa con trai của anh ta rất thông minh tuấn tú, tài học lẫy lừng cả vùng bỗng lăn ra chết tốt. Anh ta oán thán trời đất vô tri, nhân quả đảo điên, than khóc suốt ngày đêm. Một đêm, bỗng mộng thấy đến một tòa phủ nọ, viên phủ quan ngồi trên tòa nghiêm nghị bảo: "Cha ngươi có số giàu chứ không phải vì cân đong tráo trở mà giàu. Do lão ấy ôm lòng bất chánh nên Thượng đế sai hai ngôi sao Phá Quân, Đại Hao giáng xuống làm con của ngươi để phá sạch cơ nghiệp của lão. Đã hết sạch cơ nghiệp rồi còn đốt cho cháy trụi cả nhà cửa không còn sót gì. Nay do ngươi cải hối, nên trời triệu hai ngôi sao ấy về. Hãy gắng ăn ở công bình, tận lực làm lành, đừng nên oán hờn, sẽ có con hiền, rạng rỡ tổ tông." Không lâu sau người ấy sanh được hai đứa con, về sau đều đỗ tiến sĩ.

[175] Đây là một câu nói trích từ thiên Tử Trương trong sách Luận Ngữ: *"Tử Trương vân: 'Chấp đức bất hoằng, tín đạo bất đốc, yên năng vi hữu, yên năng vi vong?'"* (Tử Trương nói: 'Chấp vào đức, chứ không thông hiểu rộng rãi, tin tưởng đạo nhưng chẳng chuyên dốc, chắc thật. Con người như vậy làm sao có thể đạt được điều gì, làm sao tránh khỏi có chuyện mất mát'). Chúng tôi dịch câu này theo cách giảng của sách Tứ Thư Bạch Thoại Chú Giải (do Thường Thục Châu và Lân Công Chấn biên soạn).

Dạy học mà nói về sự lý nhân quả báo ứng thì đâu có trở ngại gì, nếu nói về niệm Phật tu trì thì phải chọn kẻ có trí thức, biết tốt xấu mới chẳng đến nỗi khiến cho mọi người nhao nhao bàn ra tán vào. Nhưng trước hết cần phải tự thưa rõ với mọi người "bản thân tôi tu trì chưa đến nơi đến chốn, vì thế vẫn thường mong gặp được những sự nhắc nhở không vừa ý để làm đại nhân duyên hòng lập thân hành đạo. Nếu chuyện gì cũng vừa lòng, chắc sẽ đến nỗi kiêu mạn, phóng dật, chẳng chịu tu trì nữa". Những kẻ thành gia lập nghiệp trong cõi đời phần nhiều đều do nghèo khổ, những kẻ khuynh gia bại sản đều là hạng giàu vui. Đấy chính là những tấm gương tày liếp vậy.

Con người sống trong thế gian hãy nên trọn hết bổn phận, họa phước, khổ vui tuy chủ yếu do túc nghiệp quyết định, nhưng hễ nỗ lực tu trì thì nghiệp sẽ bị chuyển theo. Kẻ do nghiệp trong đời trước sẽ bị ác báo hoặc chẳng chịu ác báo mà nếu công tu trì sâu đậm, sẽ đâm ra được hưởng thiện báo. Nếu buông lung phóng túng làm các điều ác thì thiện báo trong đời trước chưa hưởng, ác báo đời này đã xảy đến rồi. "Tâm tạo được nghiệp, tâm chuyển được nghiệp", chỉ do con người tự quyết định. Thiên địa quỷ thần chỉ nắm quyền thưởng phạt, chẳng thể nắm quyền chuyển dời, quyền chuyển dời nằm trọn nơi ta. Đã biết là do ta thì chỉ biết mong thành thánh thành hiền, học Phật, học tổ. Thánh, hiền, Phật, tổ há cự tuyệt người! Cư xử trong cõi đời nên hồn hậu, lập thân nên nghiêm túc, ngõ hầu chẳng đến nỗi bị tà giáo đố kỵ hay mê hoặc. Sai chỉ hào ly, khác biệt vời vợi một trời một vực. Kẻ chưa mở mắt dám múa mỏ như bậc đại sĩ lỗi lạc ư?

Một pháp niệm Phật không điều mong cầu nào chẳng được ứng nghiệm, chứ nào phải chỉ cầu mưa, cầu lành bệnh mới có linh nghiệm. Mỗi người đều có bổn phận phải trọn hết, hãy nên hành xử theo đúng địa vị, đấy chính là bổn phận của bậc quân tử. Nếu hành xử vượt phận mà chẳng phải là bậc đại trượng phu lỗi lạc, chắc chắn chẳng thể đạt được lợi ích chân thật. Vì sao vậy? Do kẻ ấy chẳng thể trọn hết bổn phận nơi chỗ dễ dàng, làm sao trọn hết bổn phận ở chỗ khó khăn cho được? Chuyện xuất gia bảo là dễ thì dễ tựa trở bàn tay, chỉ cần mặc một chiếc áo cổ lớn là đã thành hòa thượng rồi. Nhưng loại hòa thượng sống phí quang âm bại hoại Phật môn ấy quá nửa sẽ phải sống trong tam đồ vào thuở tương lai, muốn được làm người, sợ trong vạn kẻ cũng khó được một hai. Nếu muốn làm một vị hòa thượng đội trời đạp đất, thượng hoằng hạ hóa, sẽ khó hơn lên trời. Đang trong lúc gia đình còn đầy đủ cha mẹ, vợ con, ông còn chưa thể suy nghĩ, hành xử đúng với mức độ của một kẻ làm con, làm chồng, làm cha người ta, làm sao có thể xuất gia liền đắc quả để phổ độ oán thân cho được? Chỉ vì ông cứ tưởng hễ xuất gia, trăm sự sẽ chẳng bận lòng, chẳng biết xuất gia còn nhiều việc hơn tại gia. Ông muốn thanh nhàn tự tại, tiêu dao khoái lạc, chắc chắn sẽ chẳng thể là một ông

tăng tốt được, bởi lẽ ruồng bỏ cha mẹ, vợ con sẽ trở thành đại tội. Quang là ông tăng xuất gia, biết sâu xa điều lợi lẽ tệ nên nói tường tận với ông. Nếu gặp phải loại hòa thượng tồi tệ thích thu nhận đồ đệ, chắc sẽ lừa ông theo làm đồ đệ cho hắn, tức là ông đã bị đánh gục rồi. Ông hãy nên chiếu theo bổn phận mà tu pháp môn Tịnh độ, khiến cho cha mẹ, vợ con ông đều cùng làm quyến thuộc nơi cõi sen, lợi ích lớn lao lắm!

Một câu Phật hiệu bao quát giáo pháp của cả Đại tạng, trọn chẳng còn sót gì. Người tu tịnh nghiệp có các loại chuyên tu hay viên tu khác nhau. Ví như thuận nước căng buồm, càng lại dễ đến đích. Cũng như ăn cơm, chỉ ăn cơm suông (ăn cơm trắng, không có thức ăn) cũng có thể đỡ đói, mà có ăn kèm thêm các món thức ăn cũng chẳng phải là không được. Nếu chuyên niệm Phật, chẳng trì chú thì được, chứ chuyên niệm Phật rồi đả phá trì chú lại không được. Huống hồ chú Vãng Sanh vốn là trợ hạnh cho pháp môn Tịnh độ ư?

Trong kinh Kim Cang thường nói: "Nếu có thiện nam tín nữ thọ trì kinh này cho đến bốn câu kệ v.v.", ấy chính là nói thiện nam tín nữ trì kinh hoặc một quyển, hoặc nửa quyển, cho đến tối thiểu là bốn câu, ba câu, hai câu, một câu đều được, bởi trước hết nói "thọ trì kinh này" rồi sau đó nói "cho đến", rồi nói "vân vân". Nếu chỉ nói một mình chữ "kệ" thì mới nên hiểu là kinh dạy "thọ trì bốn câu kệ nào đó trong kinh này", chứ chẳng nên trước hết nói "thọ trì kinh này", sau đó lại nói "cho đến" rồi "vân vân". "Cho đến" chính là từ ngữ diễn tả ý lược bớt, "vân vân" là từ ngữ để diễn tả ý chỉ liệt kê tượng trưng. Người đời chẳng hiểu "toàn bộ ý nghĩa rốt ráo được dạy trong kinh chính là 'một kệ'", chứ không phải là chữ "kệ" được nói trong câu kinh Kim Cang này chuyên chỉ loại kệ tụng giống như thơ trong kinh. Trong Văn Sao, qua bài tựa sách Kim Cang Kinh Tuyến Thuyết và bài tựa sách Kim Cang Kinh Thứ Hỗ, tôi đều đã nói qua ý này, sao ông lại trọn chẳng biết mà còn hỏi tôi vậy?

Người đời chẳng khéo hiểu kinh văn nên chấp chết cứng "bốn câu kệ" là kệ tụng. Nếu vậy thì trọn bản kinh không có công đức, chỉ kệ tụng mới có công đức thôi sao? Kẻ mở banh mắt mà nói mớ chẳng biết là bao nhiêu, cũng đáng buồn lắm! Bốn câu kệ "sắc kiến, thanh cầu"[176] nhằm khiến cho con người ngộ được lý "pháp thân thật tướng", chứ nào phải dạy con người vứt bỏ chuyện tu trì các thứ pháp môn ư? Phần trước kinh chẳng nói như thế này hay sao? "Bồ-tát chẳng trụ vào sắc mà bố thí, chẳng trụ vào thanh, hương, vị, xúc, pháp mà bố thí" (Trong

[176] Tức bài kệ: *"Nhược dĩ sắc kiến ngã, dĩ âm thanh cầu ngã. Thị nhân hành tà đạo, bất đắc kiến Như Lai."* Sa-môn Thích Trí Hải (chùa Quán Sứ) dịch: *"Dùng sắc để thấy ta, dùng âm thanh cầu ta, kẻ ấy theo đạo tà, chẳng thấy được Như Lai."*

câu này, kinh chỉ nói đến bố thí là chỉ nêu tượng trưng. Với lục độ vạn hạnh đều chẳng trụ vào sắc, thanh, hương, vị, xúc, pháp mà hành, chứ không phải chỉ có mình bố thí mà thôi). Ấy chính là dạy bố thí chẳng trụ vào sắc, thanh v.v., cũng chẳng trụ vào bố thí để hành bố thí, chứ không phải là dạy con người chẳng hành bố thí, ấy là "làm mà chẳng trụ". Kẻ tà kiến chẳng biết ý sâu này, hễ nghe lời phá chấp bèn bỏ thật hạnh, chẳng đáng buồn sao?

Tượng Bồ-tát vi diệu trang nghiêm, chẳng dễ đắp, vẽ, nên thường có lúc trông tương tự tướng nữ nhân, ấy là vì phàm phu chẳng thể hình dung được sự vi diệu. Ông tưởng ngài là nữ, thật đúng là lời lẽ của kẻ chẳng biết Phật pháp! Tâm chúng ta và tâm Bồ-tát cùng một thể tánh, chúng ta do mê trái, nên nương theo tâm tánh này để khởi hoặc tạo nghiệp, chịu các khổ não. Nếu biết cái tâm khởi tham sân si ấy chính là tâm viên chứng giới định tuệ của Bồ-tát thì khởi tâm động niệm có bao giờ chẳng phải là Bồ-tát hiển thần thông nói diệu pháp đâu?

Ngoại đạo thường ăn trộm ý nghĩa trong kinh Phật rồi tự lập tông, như lấy sữa rồi đổ nước vào, hoặc lấy sữa rồi bỏ chất độc vào. Đã bỏ nước, bỏ chất độc vào, sao còn gọi là một tông phái Phật giáo cho được? Sao ông còn hỏi kẻ hồ đồ chẳng biết tà chánh ấy có phải là chánh kiến hay không? Người niệm Phật thật sự chuyên nhất niệm Phật thì thành Phật còn có thừa. Tu hành cố nhiên coi chuyên nhất là quý, nhưng người chân thật niệm Phật hãy niệm thêm Quán Âm thì cũng có thể giúp cho việc niệm Phật. Vì sao vậy? Phật độ chúng sanh vẫn cần Quán Âm phụ giúp thực hiện, huống chi chúng ta thượng cầu hạ hóa kiêm niệm Quán Âm, há có lẽ nào chẳng được? Lời ông hỏi đều là chẳng hiểu lý, nên trở thành cái thấy hẹp hòi, chỉ thấy một phía, chẳng biết còn có một phía khác.

Thế đạo hiện nay là thế đạo hoạn nạn, Quán Thế Âm đại từ đại bi tầm thanh cứu khổ, hãy nên ngoài lúc niệm Phật ra, niệm thêm Quán Âm. Nếu có thể chí thành khẩn thiết, sẽ tự được nhờ ơn ngài che chở. Đối với chuyện luận giải số mạng dựa trên phép bói *bát tự*[177], há nên giải đoán giùm cho người ta. Nếu có ai cầu khẩn giải đoán giùm, hãy nên đem nhân quả túc duyên để chỉ dạy. Nếu kẻ ấy chẳng nghe, chỉ nên thoái thác, quyết chớ nên vì tình cảm mà khiến cho người ta bị lầm lẫn cả đời.

Đệ tử Phật đã tự kiêng giết, sao lại còn mua sanh vật đem tặng cho người khác để kẻ ấy giết ư? Nếu bị bậc tôn trưởng của chính mình thúc ép thì cũng nên tìm cách khuyên nhủ để họ đừng giết, mà mua những thứ làm sẵn ngoài chợ. Sao lại

[177] Bát tự còn gọi là *tử bình*, là một môn bói toán số mạng dựa trên giờ, ngày, tháng, năm sanh, gần giống với tử vi, nhưng đơn giản hơn. Do giờ, ngày, năm, tháng được phối hợp với Thiên Can Địa Chi để đặt tên (chẳng hạn năm Đinh Dậu, tháng Kỷ Mùi v.v.) nên gồm tám chữ. Vì thế gọi là bát tự.

nói là không tìm được cách nào? Phải biết rằng, đạo làm con phải nói sẵn về họa hại do sát sanh khiến cho cha mẹ giảm trừ sát nghiệp. Dẫu cha mẹ chẳng nghĩ là đúng, cũng nên khẩn cầu cha mẹ đừng đích thân giết, ngõ hầu chẳng đến nỗi sát nghiệp của cha mẹ và chính mình bị kết chặt, chẳng thể cởi gỡ được. Hãy nên thường đối trước tam bảo sám hối thay cho cha mẹ, nếu thật sự chân thành thiết tha sẽ chẳng khi nào không được cảm ứng.

"Huyền nhai tán thủ" (buông tay nơi vách đá cheo leo) chính là lời nói trong Tông môn, hàm ý "ngay khi ấy đích thân thấy được triệt để". Phàm đối với những lời lẽ trong Tông môn hãy nhất loạt đừng quan tâm tới, bởi ý nằm ngoài lời, ông chẳng kham được đâu. Hơn nữa, chính mình phải tham cứu thì mới ngộ được, tri thức chỉ dạy cho ông pháp tắc tham cứu, chứ không nói ý nghĩa của những lời ấy, bởi hễ nói thì người nghe sẽ chẳng thể khai ngộ được. Đừng nói là chưa thể ngộ được chuyện ấy, dẫu có ngộ cũng khó thể liễu sanh tử vì cậy vào tự lực. Nếu chẳng biết cứ nói bừa, tội sẽ cực lớn, tội ấy gọi là "bàn xằng bát-nhã", quả báo trong địa ngục; bởi lẽ đã hoại loạn Phật pháp, khiến cho chúng sanh lầm lạc, nghi ngờ. Hãy hết sức răn dè!

Nghe tiếng sấm sợ hãi là do đời trước có nhân ác, đời này ít vun bồi đức. Nay hãy nên đem cái tâm sợ sấm mà chú ý, cẩn thận gắng sức tu trì hằng ngày thì cái nhân ác ấy lại trở thành gốc thiện. Tổn hại hay lợi ích do con người tự chuốc lấy, họa phước không gì chẳng do chính mình tự cầu. Chỉ nhất tâm niệm Phật, đừng làm các điều ác, vâng làm các điều lành, vãng sanh Tây Phương, quyết định thành Phật sẽ lìa khỏi hết thảy sợ hãi. Nếu không, sợ cũng không đúng, mà chẳng sợ cũng không đúng. Những kẻ cùng hung cực ác nào biết sợ hãi gì, nhưng bọn họ vẫn sợ "một hơi thở ra không hít vào được", chỉ có bọn họ tự biết. Vì vậy hoạt Diêm quân, hoạt tiểu quỷ (Diêm vương sống, tiểu quỷ sống) thường hiện hữu trong cõi đời đều nhằm mục đích "tạo ra những cảnh tượng đáng sợ khiến cho những kẻ chẳng sợ hết thảy mọi thứ sẽ biết kinh sợ".

Biết có những điều mình chẳng làm được mà vẫn dốc hết sức gắng làm, đấy chính là tâm hạnh đại từ đại bi của Bồ-tát; biết có những điều chẳng nên làm mà cứ nhất loạt chẳng kiêng dè, sẽ trở thành chủng tử địa ngục. Kẻ tà kiến thường đem những điều chẳng thể làm được để ngăn trở người khác, bảo là "hễ con người vừa hít vào liền có vô số trùng nhỏ chui vào bụng, đều là sát sanh, đều là ăn thịt, làm sao ông có thể không sát sanh, không ăn thịt?" Điều này giống hệt như toàn thân vùi lấp trong hầm xí mà vẫn muốn lôi người khác vào trong ấy. Người ta không chịu nghe theo, bèn nói: "Mày chê tao hôi thối. Chứ trên thân mày thường có ruồi, muỗi, rận, rệp, tuôn phân, vãi tiểu, mà vẫn chưa phải là đã ở trong nhà xí,

cứ quở tao là hôi thối ư?" Những thứ tri kiến ấy đều là tà kiến, đều sanh khởi nơi những kẻ thông minh, chẳng đáng sợ ư?

Niệm Phật chẳng phân thánh phàm, "thánh" là chỉ cho tam thừa, tức Thanh văn, Duyên giác, Bồ-tát; "phàm" là chỉ cho lục đạo, tức trời, người, a-tu-la, súc sanh, ngạ quỷ, địa ngục. Nhưng do cõi trời sung sướng nên kẻ chẳng thể niệm rất nhiều, vì tam đồ khổ sở nên kẻ chẳng thể niệm càng nhiều, tu-la do sân hận nên cũng chẳng thể niệm. Chỉ có loài người dễ niệm nhất, nhưng kẻ phú quý liền bị phú quý mê hoặc, kẻ thông minh bị thông minh gây lầm lẫn, kẻ ngu si bị ngu si làm mê muội, chúng sanh đông nhung nhúc mà có mấy ai niệm Phật? Đã biết nghĩa này, hãy nên dũng mãnh tu trì, đừng để đến nỗi "muốn niệm mà chẳng thể niệm được" sẽ chẳng phụ rẫy cuộc sống và dịp gặp gỡ này.

Lấy da trâu bò tươi để bịt trống không phải vì đặc biệt làm trống mà giết trâu, bò. Do trong cõi này, để hiệu triệu mọi người đều phải dùng chuông trống, đấy cũng là thuận theo thế tục. Cần biết rằng, bò bị người ta giết, lấy da nó bịt trống, khi làm Phật sự đánh trống thì con bò ấy sẽ được lợi ích lớn lao. Chiếc trống bịt bằng da người ở núi Ngũ Đài chính là do một ông tăng lạm dụng tiền tài của thường trụ để tậu tài sản riêng, chết đi biến thành trâu để cày ruộng ấy. Đến khi trâu chết, báo mộng cho học trò, bảo lột da trâu bịt trống, gởi sang chùa Văn-thù, trên mặt trống viết tên và chuyện của ông ta, để khi chư tăng làm Phật sự bèn đánh trống ấy ngõ hầu ông ta mau tiêu được nghiệp. Nếu không, dẫu ruộng ấy đã biến thành biển xanh, nghiệp vẫn chẳng thể nào tiêu diệt được! Truyện này thấy trong Thanh Lương Sơn Chí.

Dùng tơ lụa để may phan cũng suy luận tương tự. Đức Phật cấm không cho dùng tơ, nhưng đời sau lại sử dụng, công hay tội là do chí thành hay do phô trương sáo rỗng mà phân nặng nhẹ. Như cổ nhân thêu hình Phật, thêu kinh, cứ mỗi mũi kim đâm xuống là nhặt được xá-lợi; đủ biết thêu hình Phật, thêu kinh có công lớn lao, lỗi dùng tơ lụa nhỏ nhoi! Thêu hình Phật, thêu kinh, quyết chẳng phải là thêu trên vải. Người đời nay buông lung không kiêng dè, hễ khuyên họ kiêng giết bèn dùng hết đủ mọi chuyện để ngăn trở. Lời họ nói tuy có lý, nhưng thật ra tâm họ muốn con người mặc tình sát sanh, chẳng cần phải kiêng dè. Buồn thay!

Thấy người khác sát sanh, hễ cứu được thì cứu. Nếu không, hãy phát tâm niệm đại từ đại bi cầu mong cho kẻ sát sanh và con vật bị giết đều tiêu trừ nghiệp chướng, tăng trưởng thiện căn. Con vật bị giết liền nhờ đó được vãng sanh Tây Phương, liễu sanh thoát tử. Há nên chẳng nương theo ý Phật, lầm lạc sanh phiền não giận mình, giận người, suốt đêm không ngủ? Chẳng thấy tiên sinh Chu An Sĩ hễ thấy hết thảy miếu thờ thần và hết thảy súc sanh đều khuyên phát tâm Bồ-đề,

dạy cầu sanh Tây Phương ư? (Đây là tuân theo ngôn giáo của đức Phật, chứ không phải là tự lập). Dẫu họ chẳng lãnh hội, bi tâm của ta đã tha thiết chân thành khẩn thiết rồi. Đây quả thật là tông chỉ lớn lao để giúp thành tịnh nghiệp đấy!

Người niệm Phật bị trúng gió, cảm mạo v.v. chẳng ngại gì tìm thầy thuốc chữa trị, bị bệnh do oán nghiệp thì chỉ nên chí thành niệm Phật và niệm Đại sĩ. Nếu mười phần chí thành, không nghiệp nào chẳng tiêu, không bệnh nào chẳng lành. Quỷ quấy rối vốn là tà, nếu chí tâm niệm Phật, do Phật cảm nên thần sẽ đuổi những loài quỷ quấy phá ấy lánh xa. Trong phẩm Phổ Môn có nói người niệm Bồ-tát dẫu thế giới đầy ắp ác quỷ, chúng vẫn chẳng dám dùng mắt ác để nhìn ngó, huống là gia hại. Ông có thấy hay chăng? "Duy tâm Tịnh độ, tự tánh Di-đà, đương xứ tức thị, không vãng, không sanh." Lý ấy rất sâu, chẳng phải là Pháp thân đại sĩ sẽ chẳng thể lãnh hội, khế chứng được, nhưng Pháp thân đại sĩ vẫn chẳng bỏ sự tu. Điều này thường được diễn tả như sau: "Dùng tín nguyện sâu trì danh hiệu Phật, cầu sanh Tây Phương." Lời ấy chỉ luận theo lý thể, còn lời này chính là lý sự viên dung, cho nên là đạo để thượng thánh hạ phàm cùng tu. Cả đời chuyên tinh nhất trí thì lâm chung được Phật tiếp dẫn, trong khoảng khảy ngón tay liền vãng sanh. Đại sư Trí Giả nói: "Khi lâm chung tâm ở trong Định tức là lúc được sanh về Tịnh độ", chính bởi lẽ ấy. Nhưng Phật, Bồ-tát, thiên địa, quỷ thần muốn cho người đời đều biết chuyện này nên thường có chuyện người chết đi sống lại, thấy kẻ làm ác phải chịu tội, người làm lành sanh vào nơi phú quý trong nhân gian, hoặc sanh lên trời, người niệm Phật sanh về Tây Phương v.v.. Đấy là pháp quyền biến nhằm mong sao người đời biết thật sự có chuyện niệm Phật vãng sanh, chứ không phải người niệm Phật mỗi mỗi đều phải đến chốn âm phủ, được vua Diêm-la xét rõ rồi mới đưa đi vãng sanh (Ông chỉ biết chánh lý của niệm Phật, chẳng biết phương tiện quyền xảo dạy người của trời đất. Đọc kỹ lời tựa cho cuốn Hộ Pháp Lục của Quang sẽ biết tâm đại từ bi của trời đất dạy người).

Ông nói: "Điều đáng quý của Triệu Mạnh là Triệu Mạnh có thể nhún mình", lời nói ấy không thích đáng! Vì sao? Niệm Phật là tự tu đức mình, đức đáng được vãng sanh sẽ được vãng sanh; chứ không phải kẻ thiếu đức chỉ cậy vào sức Thiên đế, Diêm vương v.v. sai đưa đi mà vãng sanh. Nếu thiếu đức, dẫu có đưa đi cũng không thể vãng sanh được! Chính Thiên đế, Diêm vương v.v. còn chưa thể tự vãng sanh được, huống là giúp cho người khác ư? Họ phán lệnh vãng sanh giống như bộ Lại[178] theo lệnh vua mà điều động quan viên, chứ không phải do sức mình.

[178] Bộ Lại là một trong lục bộ, có trách nhiệm quản trị quan chức: thăng quan, giáng chức, bổ nhiệm, miễn chức, phong tặng, thiên chuyển, kể cả tổ chức thi cử. Đến năm Khai Nguyên 24 đời Đường, trách nhiệm tổ chức thi cử được giao cho bộ Lễ đảm nhiệm. Bộ Lại bắt nguồn từ thời Đông Hán khi triều đình lập ra Lại Tào, đến đời Ngụy Tấn đổi thành bộ Lại. Thời Tùy - Đường đổi bộ Lại thành Thượng

Ngay đến chức quan của chính họ, họ còn chưa thể tự quyết định được, huống là chức quan của người khác ư? Nếu bảo đấy là "giả Tịnh độ" tức là ăn nói chẳng ra thể thống gì! Do ông chưa biết quyền pháp, chỉ dựa theo thường lý nên mới nghi là "bịa chuyện để gởi gắm nỗi niềm". Thật ra, đấy chính là thiên địa quỷ thần quyền xảo lập bày, chẳng phải do kẻ ghi chép bịa chuyện để gởi gắm nỗi niềm. Bởi lẽ, do người biết chánh nghĩa Tịnh độ ít ỏi, nên thiên địa quỷ thần, Phật, Bồ-tát muốn khiến cho người ta niệm Phật, nên hễ có kẻ vào cõi âm liền đặc biệt hiện ra chuyện này nhằm củng cố lòng tin tưởng.

376. Thư trả lời cư sĩ Trác Trí Lập (thư thứ tư)

Nhận được thư đầy đủ, những chuyện ông hỏi kèm theo thư cho thấy quả thật là quý địa đã dần dần được gội ân Phật. Do người ở quý địa trồng quất để bán, nếu có thể dùng lòng chí thành trì chú Đại Bi vào nước sạch 108 lần, rồi dùng nước ấy để tưới lên cây quất, vừa đi vừa niệm chú vừa tưới, dẫu quất có sâu, quyết cũng chẳng đến nỗi quá đáng. Nếu cực kỳ cung kính, chí thành, sâu sẽ không sanh nữa. Nếu chẳng biết trì chú Đại Bi thì niệm chú Chuẩn Đề, hoặc chú Vãng Sanh, hoặc Tâm Kinh đều được. Nếu hoàn toàn chẳng biết, chỉ chí thành niệm Nam-mô Đại Từ Đại Bi Cứu Khổ Cứu Nạn Quán Thế Âm Bồ-tát một vạn tiếng (trước hết cúng sẵn một chén nước sạch, niệm xong bèn đem tới cây để rưới), lúc đem đi tưới thì vừa đi vừa niệm, đến chỗ trồng cây thì vừa đi vừa niệm vừa tưới. Nếu chịu hằng ngày thường niệm hoặc niệm chung quanh vườn cây, cây ấy nhất định sum suê, lắm trái. Người trong thế gian chẳng biết đạo, chỉ biết lợi. Nếu có thể y theo điều này, quất chẳng sanh sâu bọ, sai quả thì ai nấy đều chịu niệm. Nếu có sâu, khó thể chẳng bắt. Phải làm sao cho sâu đừng sanh sản thì mới là cách giải quyết căn bản, chứ sâu bọ đã sanh sôi mà chẳng bắt, chắc chắn sẽ không thể làm được!

Phàm chuyện gì thuận theo tình cảm của con người thì mới dễ theo, nếu trái lòng người, họ sẽ không theo. Ông hãy làm theo cách này trước, nếu thật sự linh nghiệm thì sau đó sẽ đem cách này khuyên khắp cả làng, cả làng sẽ đều cùng được thấm nhuần sự giáo hóa của Phật. Đối với chuyện tuyên giảng thì rất tốt, nhưng cần phải có người sẵn có công phu. Nếu sự việc bận bịu cùng cực, rảnh rang đâu mà tuyên giảng? Muốn giáo hóa, khuyên dạy một làng thì trước hết hãy nên khởi đầu từ chuyện này. Đấy gọi là "pháp chẳng khởi lên một mình", ắt phải có nhân duyên thì mới có thể phát khởi được. Phàm là người tu hành, ắt phải có

thư tỉnh, và chia thành sáu bộ (Lại, Hộ, Lễ, Binh, Hình, Công). Kể từ đây, bộ Lại chỉ còn là một trong sáu bộ thuộc Thượng thư tỉnh (nội các của Tể tướng). Đứng đầu là Thượng thư bộ Lại, có hai Thị lang làm phụ tá, kế đến là các chức Lang trung, Viên ngoại lang v.v..

tâm địa tốt. Tâm địa tốt, lại còn cung kính, chí thành, trọn chẳng có khi nào không linh. Tâm địa bất hảo, lại chẳng cung kính, đã không có cảm thì làm sao ứng được? Sự lý này là lẽ tất nhiên, xin hãy sáng suốt suy xét thì may mắn lắm! (Nếu thường niệm, không cần phải niệm trọn "đại từ đại bi cứu khổ cứu nạn", chỉ niệm "Nam-mô Quán Thế Âm Bồ-tát" là được rồi. Phàm bị bệnh do oán nghiệp, thuốc chẳng trị lành được, và phạm phải quỷ thần, phạm hồ ly, niệm Quán Âm sẽ có thể giải trừ, tiêu diệt, xua tan quỷ thần, hồ ly. Phàm gặp những nguy hiểm như nước, lửa, ác thú, ác nhân v.v. nếu chí thành niệm sẽ có chuyển biến hoặc giảm trừ lớn lao. Nếu kẻ nào tâm không chí thành và có tâm nghi hoặc không tin, cũng như tâm ôm ác niệm muốn thành tựu chuyện ác, sẽ không có hiệu nghiệm. Nếu ông có thể chân thật làm như thế, giáo hóa hướng dẫn như thế thì làng ông sẽ có thể trở thành ngôi làng Phật giáo "nhà nhà Quán Thế Âm, người người Di-đà Phật")

Thiện tri thức xuất thế chính là do thiện nghiệp của hết thảy chúng sanh cảm thành, do mọi người đều tạo nghiệp ác nên thiện tri thức chẳng còn thấy nhiều. Vào đời Tống, trong pháp hội của thiền sư Viên Thông Bổn có 200 môn nhân đại triệt đại ngộ, những hạng khác thì một trăm mấy chục người, hoặc mấy chục người đông lắm. Nay thì tìm một hai người đại triệt đại ngộ còn không ra. Như Quang đâu đáng kể vào số ấy! Coi Quang là tri thức là vì trong pháp môn không có người vậy.

Đại sĩ tuy ôm lòng tầm thanh cứu khổ, nhưng chúng sanh chẳng sanh lòng tin tưởng sẽ chẳng thể cảm ứng đạo giao. Ví như mặt trời rạng rỡ giữa hư không, nếu ở dưới chậu úp sẽ chẳng được chiếu đến. Tâm cầu Đại sĩ tức là đã đủ lòng ngưỡng vọng, lật chậu lên, há chẳng được chiếu soi? Quỷ thần có tà có chánh, tà quỷ thần là loài yêu ma thật sự mong được con người kính nể, chánh quỷ thần là thiện thần bảo vệ đất nước, che chở nhân dân. Nếu cầu Đại sĩ, cố nhiên chẳng cần phải cầu quỷ thần, như đã được lòng vua thì dân tự thuận theo. Hơn nữa, quỷ thần may ra cứu được tai nạn nhỏ, chứ không thể cứu được định nghiệp; còn Đại sĩ thì nghiệp lớn nhỏ, định hay bất định đều cứu được hết, chỉ do người ấy có lòng thành hay không mà thôi. Ông đã đọc hai bài Kiệt Thành Phương Hoạch Thật Ích Luận (Bàn về dốc cạn lòng thành mới được lợi ích thật sự) và Trì Kinh Lợi Ích Tùy Tâm Luận (Luận về trì kinh được lợi ích tùy theo tâm) hay chưa? Phật chẳng cứu người, người tự cứu. Lời nói ấy của ông phát xuất từ tâm nghi, nếu ông thật sự ngộ được lý này thì niệm Đại sĩ, niệm Phật, dẫu Đại sĩ và Phật toan ngăn trở cũng không thể được. Tuy là chúng sanh tự độ, nhưng chẳng nhờ vào Đại sĩ và Phật làm tăng thượng duyên sẽ chẳng thể được. (Biết lý này, dẫu cho pháp sư Đế Nhàn bệnh chẳng lành, cũng chẳng nghi Đại sĩ có chỗ chẳng thấu đến, mà ngài Đế Nhàn đã giảng kinh trong tháng 7 năm nay, ông chưa nghe hay sao?)

Đại trượng phu sống trong thế gian, hễ luận nói đều dựa theo lý mà trình bày thẳng thừng. Sách ngoại đạo báng Phật quá nhiều, làm sao hủy hết được? Cần phải hiểu rõ đúng sai, cũng chớ nên học theo kẻ ngu trong chốn làng quê, chỉ mong được người khác gọi là "ngu cẩn" (chân thành, chất phác). Nếu gặp tình thế bất tiện thì chỉ nên lặng thinh, trọn chớ nên "đúng cũng tốt, mà không đúng cũng hay". Nếu là đúng mà nói "tốt" thì có công đức, nếu không đúng mà cũng bảo là "tốt" sẽ mắc tội lỗi. Một lời lầm người, chắc nhiều đời sẽ chẳng thể tiêu được nghiệp báo, há nên lầm lạc học thói mong được người khác ưa thích ư? Đối với những sách trọn chẳng có lợi ích gì thì tốt hơn nên đốt đi. Nếu lâm vào tình thế chẳng thể làm như vậy được thì cũng nên làm cho những người cùng hàng đều biết điều tệ của sách ấy, như vậy là được rồi.

Dùng rượu đãi khách cũng nên giảm bớt, vì sao vậy? Do rượu là thứ dẫn dắt tội lỗi. Phàm mọi chuyện chẳng như pháp đều do rượu giúp cho phát khởi, phàm mọi chuyện có lợi ích đều bị rượu phá hoại. Vua Vũ ghét chỉ tửu[179], trong đạo Nho đã dạy như thế. Huống chi tự mình muốn vãn hồi phong tục suy đồi, lấy thân làm gương ư? Xin hãy ở trong vòng bè bạn, học trò, xóm giềng, người quen biết, đều ra rả khuyên nhủ về nhân quả báo ứng, sanh tử luân hồi và tín nguyện niệm Phật cầu sanh Tây Phương. Nếu có một hai kẻ tin tưởng, sẽ như lửa mới nhóm, như mạch suối vừa mới trào, trong tương lai ắt sẽ mạnh mẽ dập tắt được thói xấu, mở mang rộng rãi phong thái tốt đẹp. Huống chi nếu chính mình thật sự xuất phát từ lòng chân thành, quyết chẳng phải chỉ có một hai người nghe theo mà thôi.

Những điều ông nói khá có lý, nhưng phải tận tụy thực hiện thì người ta mới thuận theo. Nếu không, chỉ là bày vẽ ngoài mặt, sẽ giống như kép hát diễn tuồng, khổ sướng, buồn vui đều chẳng phải từ trong lòng phát ra; người ta phần nhiều cũng nghĩ là mình đang giả vờ, nên chẳng thể có sự cảm xúc trong lòng được. Hiện thời chiến tranh liên miên, hãy nên chuyên tinh dốc chí niệm Phật và niệm Quán Âm, cũng như khuyên người nhà và hết thảy những người hữu duyên đều niệm. Niệm Phật nên niệm sáu chữ, niệm bốn chữ cũng được. Như lúc đầu thì niệm sáu chữ, niệm đến nửa chừng hoặc lúc sắp ngưng bèn niệm bốn chữ. Nếu từ đầu đến cuối chẳng niệm Nam-mô sẽ thành ngạo mạn, coi thường! Trong kinh, phàm chỗ nào xưng danh hiệu Phật, không đâu chẳng đều có chữ Nam-mô, há nên tự lập chương trình? (Chỗ này nhằm để thay lời đáp cho câu hỏi của cư sĩ Du Giác Tiển)

377. Thư trả lời cư sĩ Ngu Tăng

[179] Chỉ tửu: một thứ rượu ngon thời cổ. Sách Thuyết Văn Giải Tự giảng: *"Chỉ, mỹ dã"* (chỉ là ngon).

Hồi hướng là đem các công đức niệm tụng do chính mình đã tu, nếu để mặc không hồi hướng, thì do những công đức ấy sẽ chỉ được hưởng các thứ phước báo trời người; nay xoay cái nhân được hưởng phước báo trời người do công đức đã làm ấy gom về sự vãng sanh thế giới Tây Phương Cực Lạc để làm cái quả siêu phàm nhập thánh, liễu sanh thoát tử, cho đến rốt ráo thành Phật trong tương lai, chứ chẳng chỉ nhằm hưởng phước trời người mà thôi! Dùng một chữ hồi nhằm thể hiện ý "quyết định, chẳng thuận theo thói tình thế gian", dùng một chữ hướng nhằm thể hiện ý "quyết định mong mỏi phương cách xuất thế". Đó gọi là "hồi nhân hướng quả, hồi sự hướng lý, hồi tự hướng tha". Công đức đã làm là cái nhân trời người, xoay cái nhân ấy lại để hướng về quả Niết-bàn. Công đức đã làm là chuyện sanh diệt, xoay nó lại để hướng đến diệu lý thật tướng bất sanh bất diệt. Công đức đã làm vốn thuộc tự hành, xoay nó lại để hướng về hết thảy chúng sanh trong pháp giới. Đấy chính là danh từ nhằm thể hiện ý nghĩa phát nguyện lập thệ, quyết định hướng đến. Hồi hướng có ba nghĩa:

1. Hồi hướng chân như thật tế, tâm tâm khế hợp. Đây chính là nghĩa "hồi sự hướng lý".

2. Hồi hướng Phật quả Bồ-đề, niệm niệm viên mãn. Đây chính là nghĩa "hồi nhân hướng quả".

3. Hồi hướng pháp giới chúng sanh cùng sanh Tịnh độ. Đây chính là nghĩa "hồi tự hướng tha".

Ý nghĩa hồi hướng lớn lao thay! Pháp hồi hướng tuy không phải chỉ có một, nhưng đều coi hồi hướng Tịnh độ là pháp tối mầu nhiệm duy nhất không hai. Bởi lẽ, nếu chẳng sanh về Tịnh độ, những đại nguyện khác thường khó thể thành tựu được, nếu sanh về Tịnh độ thì không nguyện nào chẳng thành. Do bởi lẽ này, phàm làm hết thảy công đức dẫu có mong mỏi chi khác, cũng tất nhiên phải hồi hướng Tịnh độ.